



JUYN VALEX
Câu lủ

VĂN HỌC

Tác phẩm: JẮC VANHTRAX - TẬP 2: Cậu Tú

Nguyên tác: Le Bachelier (Jacques Vingtras #2)

Tác giả: JUYN VALEX

Dịch giả: Trần Dần

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC - Hà Nội – 1974

Số trang: 451

Chụp ảnh: conguyen

Đánh máy: conguyen, vqsvietnam, alpha8x, lemontree123,
meobeohu, tamchec, Fish, bablu, hathao, mrmalibu và Bac Nguyen

Soát lỗi: tamchec

Thực hiện Ebook: Nhóm Tây Phong Lĩnh

Ngày hoàn thành: 23/09/2014

<http://tve-4u.org>

Mục lục

I LÊN ĐƯỜNG

II MATUTXANH

III KHÁCH SẠN LIXBON

IV TƯƠNG LAI

V CHIẾC ÁO XANH LÁ CÂY

VI CHÍNH TRỊ

VII CÁC TRƯỜNG HỌC

VIII TRẢ ĐŨA

IX GIA ĐÌNH RƠNUN

X NHỮNG MỐI CẢM GIẬN CỦA TÔI

XI ỦY BAN THANH NIÊN

XII MỒNG 2 THÁNG CHẠP

XIII SAU CUỘC THẤT BẠI

XIV THẤT VỌNG

XV LỜ GRĂNG

XVI PARI

XVII BẠN BÈ

XVIII BUỒNG TRỌ

XIX KÝ TÚC XÁ ẶNG-TÊ-TA

XX BA BƠ BI BÔ BU

XXI DẠY TƯ VỖ ĐÁ

XXII CHIẾC ĐANH GHIM

XXIII ĐỜI SỐNG PHONG LƯU

XXIV CHÚA JÊXU CẦM XÚC-XÍCH

XXV MAZAX

XXVI LÀM BÁO

XXVII ĂN CHỪC

XXVIII LẤY VỢ

XXIX THỪA ÔNG, ÔNG BÔNGÁCĐEN

XXX DỪOI MÁI RÁP ÔĐÊÔNG

XXXI ĐẤU SÚNG

XXXII HẤP HỐI

XXXIII TÔI ĐẦU HÀNG

Chú thích

*Tôi tặng quyển sách
này cho NHỮNG AI
bụng nhồi đầy tiếng
Hy-lạp tiếng La-tinh,
mà chết đói.*

JUYN VALEX

I

LÊN ĐƯỜNG

Tôi có học thức.

“Thế là anh đã được trang bị để bước vào cuộc chiến đấu - giáo sư của tôi nói với tôi trong lúc từ biệt - Ai đã thắng ở trường học, sẽ là người chiến thắng khi bước vào sự nghiệp đời mình.”

Sự nghiệp gì?

Một người bạn cũ của thầy tôi, nhân đi qua Năngơ tới thăm thầy tôi, có kể lại câu chuyện về một người bạn đồng môn hồi xưa, một trong số những học sinh đã chiếm được đủ mọi thứ giải thưởng, đã được người ta tìm thấy xác nát như và be bét máu, ở dưới đáy một mỏ đá, nơi anh ta lao mình xuống sau ba ngày đói ăn.

Cái mỏ đá chẳng phải là nơi để bước vào^[1]; tôi nghĩ không nên; dù sao thì cũng không nên đâm đầu vào trước.

Bước vào sự nghiệp có nghĩa là: tiến lên trên đường đời; là, như Hecquyn, đứng ở ngã tư.

Như Hecquyn đứng ở ngã tư. Tôi chưa quên môn thần thoại học của tôi. Thôi được! thế cũng là đáng kể lắm rồi.

Trong lúc người ta đóng ngựa vào xe, ông hiệu trưởng đã tới bắt tay tôi như đối với một *alumni* yêu quý nhất của ông. Ông đã nói chữ *alumni*.

Đang bối rối về nghĩ tới chuyện lên đường, tôi đã không hiểu ra ngay lập tức. Ông Riban, giáo sư đệ tam lấy khuỷu tay hích tôi.

“*Alumn-us, Alumn-i*”, ông khẽ nhắc tôi, vừa nhấn mạnh vào chữ thuộc-cách, vừa vờ làm như đang cài lại móc quần.

- Tôi hiểu ra rồi! *Alumnus*... nghĩa là “học trò”, đúng rồi.

Tôi không muốn chịu nước lép với ông hiệu trưởng về món từ ngữ; ông dùng tiếng la-tinh với tôi, tôi trả lại ông tiếng hy-lạp:

- (nghĩa là : xin cảm ơn thầy yêu quý).

Đồng thời tôi còn làm một cử chỉ bi kịch, tôi trượt chân, ông hiệu trưởng muốn giữ tôi lại liền bị trượt chân theo; có đến ba bốn người nữa cũng suýt bị ngã như những hình thầy tu xếp bằng quân bài.

Ông giám hiệu (*impavidum ferient ruinae*)^[2] là người lấy lại được thăng bằng trước nhất, và trở lại chỗ tôi, hơi giẫm lên chân mọi người. Trong giờ phút trọng đại này, ông lại nói thêm về học thức của tôi.

“Với hành lý ấy, anh bạn ạ...”

Người phu trạm ngựa là nói về hòm xiềng của tôi.

“Ông có những bọc hàng gì đấy?”

Tôi chỉ có một chiếc hòm nhỏ thôi, nhưng tôi còn có cái vốn học thức của tôi.

Thế là tôi đã lên đường.

Tôi có thể vung tay, vung chân, khóc, cười, ngáp, hét, tùy ý.

Tôi làm chủ các cử chỉ của tôi, làm chủ lời ăn tiếng nói và vẻ im lặng của tôi. Cuối cùng tôi đã ra khỏi chiếc nô, nơi các bậc cha mẹ phúc đức của tôi đã bọc tã cho tôi mười bảy năm trời và thỉnh thoảng lại dựng tôi dậy để quất tôi.

Tôi không dám tin là thật! Tôi sợ chiếc xe ngựa bỗng dừng lại, rồi thầy tôi hoặc mẹ tôi bước lên xe và lại bắt tôi về đặt lại trong nô. Tôi sợ ít ra là một giáo sư, một tay buôn từ ngữ, tới ngồi bên cạnh tôi như một tên sen đầm.

Nhưng không, trên nóc chiếc xe chở khách chỉ có mỗi một viên sen đầm và hằn nai nịt những đồ da trâu màu trứng trắng, ngù vai nom như miếng phó-mát, và đội mũ kiểu Napôlêông.

Loại sen đầm ấy thì chỉ bắt những kẻ giết người; hoặc khi họ bắt những người lương thiện, thì tôi biết rằng việc chống cự họ để tự vệ không phải là một tội. Người ta có quyền giết chết họ như ở Farâyron ấy. Người ta sẽ chặt đầu anh sau; nhưng bị chặt đầu còn không bị nhục bằng làm thầy anh ngã vào chiếc ghế khi ấy thầy anh ra để khỏi bị ông ấy đánh chết.

Tôi được TỰ DO! TỰ DO! TỰ DO!..

Tôi như thấy lồng ngực mình nở rộng và người tôi rộn lên một niềm kiêu hãnh... Tôi như thấy kiến lấm rấm bò ở chân và ánh mặt trời chan hòa đầu óc.

Tôi ngồi thu lu một chỗ. Ôi chao! Mẹ tôi sẽ bảo là trông tôi có vẻ còm nhom hoặc như gù, con mắt ngơ ngác, quần hếch, gi-lê xộc xệch, khuy áo đứt hết! - Đúng vậy, bàn tay tôi đã đứt tung đi tất cả mọi thứ để lùa vào da thịt ở ngực; tôi cảm thấy tim tôi đang đập mạnh, và tôi thường ví tiếng tim đập lúc ấy với sự cựa quậy của đứa hài nhi trong bụng mẹ sắp đẻ...

Tuy nhiên cảm giác say sưa dần dần xẹp xuống, dây thần kinh chùng lại, và tôi mệt mỏi như thể sau một ngày say rượu. Một nỗi buồn thoáng qua trên vầng trán tôi, như đám mây nọ đang cuốn trên trời cao, và như mớ bông xám che lấp mặt trời.

Chân trời, qua cửa kính, đang đe dọa tôi với cái vẻ bao la của nó, cánh đồng đang trải ra âm lặng và hoang vắng, không gian ấy và cảnh cô tịch ấy dần dần làm lòng tôi tràn ngập một niềm xúc động xót xa...

Tôi không hiểu người ta đã khiêng chiếc xe ngựa chở khách lên tàu hỏa lúc nào^[3]; nhưng tự dưng tôi cảm thấy một thứ kinh sợ có tính chất tôn giáo trước con đường sắt mà cái trán bằng đồng của đầu máy xe lửa đâm toác ra và trên đó cuộc đời tôi đang lao đi... Và, kiêu hãnh như tôi, táo bạo như tôi, cũng cảm thấy mình đang tái người đi, ngờ mình sắp khóc.

Vừa lúc đó viên sen đầm nhìn tôi - hãy can đảm lên. Tôi vờ bị ngạt mũi để giải thích cặp mắt ướt của tôi và tôi hắt hơi để che giấu là tôi sắp òa lên khóc.

Kiểu vờ vĩnh đó tôi sẽ còn dùng đến nhiều lần.

Tôi sẽ mãi mãi lấy cái vẻ vô tư lự và mĩa mai như chiếc mặt nạ hay bộ tóc giả để che đậy những xúc động thầm kín của tôi.

Cô bạn đồng hành ngồi cạnh tôi là một cô gái xinh xắn có bộ ngực đầy đà, nụ cười quyến rũ, cô dùng những lời nói mặn mà, và vuốt ve tôi bằng đôi mắt to xanh, làm tôi cảm thấy tự nhiên, thoải mái.

Nhưng tới một trạm nghỉ, cô ta đã giơ tay về phía một chị bán hoa và chờ tôi mua hoa tặng cô.

Tôi đỏ mặt rời khỏi toa đó và nhảy sang toa khác. Tôi đâu có nhiều tiền để mua hoa hồng!

Trong túi tôi chỉ vừa xoắn có hai mươi bốn xu: hai mươi xu bằng tiền hào và bốn xu bằng tiền xu... nhưng khi tới Pari tôi sẽ được lĩnh bốn mươi phờăng.

Đó là cả một chuyện rắc rối.

Hình như ông Truytsê ở Pari có nợ ông Ăngđrê ở Năngtơ, ông này lại nợ thầy tôi thay một ông Saluymô nào đó ở Xanh-Naze; nhưng qua tất cả những lời giải thích lồi thoi đó, rút lại là tôi sẽ tới văn phòng Sở vận tải Pari để nhận của ông Truytsê món tiền bốn mươi phờăng.

Còn từ giờ tới đó, chỉ có hai hào tư!

Hai hào tư, mười bảy tuổi, đôi vai đồ vật, giọng nói như tiếng đồng, răng như răng chó, nước da xanh xanh, bàn tay vàng như chanh và tóc đen như hắc ín.

Cùng cái dáng điệu man rợ ấy, một sự nhút nhát kinh khủng, nó làm tôi khổ sở và vụng về. Mỗi lần có người nào lớn tuổi hơn, giàu có hơn, hoặc yếu đuối hơn nhìn tôi, khi những người nói chuyện với tôi không thuộc hạng người tôi có thể đánh nhau được và dùng quả đấm để trả lời sự giễu cợt của họ, tôi đâm sợ như con nít và lúng túng như con gái.

Người mẹ hiền của tôi cứ luôn luôn bảo rằng tôi trông xấu xí từ mũi xấu đi, tôi lóng ngóng, vụng về (thậm chí không biết tưới nước thành hình con số 8), đến nỗi tôi đâm ra không tin ở mình trước bất cứ ai không phải là người của nhà trường, giáo sư hoặc là bạn học.

Tôi tin là tôi thua kém tất cả mọi người qua lại và tôi chỉ vững tin ở lòng can đảm của mình.

Tôi đã có cái ăn đường với những thứ mẹ tôi chuẩn bị cho. Tôi sẽ không đụng đến số tiền hai hào tư.

Tới lúc khát nước, tôi lên vào chỗ quầy ăn uống và dừng sau đám hành khách, tôi nhắc một bình nước, rót đầy vào chiếc cốc bằng da của tôi. Chiếc cốc này tôi đã mua từ hồi định đi làm thủy thủ, làm kẻ phiêu lưu, làm người phát hiện hải đảo.

Tôi phải mất nhiều nghị lực để vồ lấy cổ chiếc bình và ăn cắp nước. Tôi cảm thấy tôi như một trong những người nghèo khổ nọ chìa tay về phía một chiếc bát ăn, ở các cổng làng.

Tôi ghen ngào uống, tim tôi cũng ghen ngào. Tự trung đó là một cử chỉ làm tôi thấy nhục.

Pari, 5 giờ sáng

Chúng tôi tới nơi.

Cảnh sao mà im lặng! Tất cả đều nhợt nhạt dưới ánh mờ buồn bã của buổi sáng và có cái vẻ cô tịch của nông thôn trong cái cảnh Pari đang ngủ này. Thật là buồn như cảnh hoang vắng: trời lạnh, cái lạnh của rặng đông, và ngôi sao cuối cùng nhấp nháy ngờ ngạc trong màu xanh nhạt nhẽo của bầu trời.

Tôi sợ hãi như một chàng Rôbanhxông đổ bộ lên một bờ biển hoang vắng, nhưng ở một xứ chẳng có cây xanh và quả đỏ. Các ngôi nhà đều cao vút, ảm đạm, và như đui mù, với cửa sổ đóng chặt, rèm buông kín.

Đám phu trạm đang đẩy các hòm xiềng. Đây là hòm của tôi.

Còn cái ông bốn mươi phởng đâu? người bạn của ông Ăngđrê đâu?

Tôi tới gần một người khuôn hàng trông có vẻ *hiền lành nhất*, và giờ bức thư ra, tôi hỏi thăm ông Truytsê, - đấy là tên đề trên phong bì.

“Ông Truytsê à? buồng giấy của ông ta kia kìa, nhưng ông ta đi Óoclăng từ hôm qua.

- Đi rồi!... Liệu tối nay ông ấy có về không?

- Cũng phải vài ngày nữa; vì mới xảy ra vụ một tay đánh xe ăn cắp trên tuyến này nên trên cửa ông ta đi theo dõi.”

Ông Truytsê đi rồi. Mẹ tôi thật là có tội! Đáng lẽ mẹ tôi phải đề phòng là ông đó có thể đi vắng, mẹ tôi phải biết là có những tay đánh xe ăn cắp, mẹ tôi phải tránh cho tôi cái cảnh trở lại một mình với hai hào tử trên vỉa hè của một thành phố nơi trước đây tôi chỉ là một tên học trò bị nhốt, có thể thôi.

“Ông có chiếc hòm này phải không? Một nhân viên hỏi tôi.

- Thưa ông, vâng.

- Ông có khiêng nó đi không? Chúng tôi còn phải xếp những hành lý khác vào buồng giấy.”

Vác hòm đi ư! Tôi không thể vác nó trên lưng mà lê qua thành phố... chỉ một tiếng đồng hồ là tôi sẽ khụy. Ôi chao! tôi uất quá đến trào nước mắt, và cổ họng tôi như có một lưỡi dao mё ngoáy vào trong...

“Thế nào, chiếc hòm! kia!”

Người nhân viên lại nhắc lần nữa, vừa đẩy chiếc hòm về phía tôi, với cử chỉ bức bối và giận dữ...

“Thưa ông, tôi nói, giọng run run... Tôi cần đưa ông Truytsê... một bức thư của ông Ăngđrê, giám đốc Sở vận tải Năngơ...”

Người đó dịu nét mặt lại.

“Ông Ăngđrê à?... Biết! vậy là ông cần một chỗ để đến trọ chứ gì?... Có một khách sạn ở phố Hai-Đồng vàng, không đắt đâu.”

Ông ta nói “không đắt đâu”, với vẻ rất tử tế. Ông nhìn được vào tận đáy túi tiền của tôi, tôi cảm thấy thế!

“Với ba hào, ông sẽ có một buồng.”

Ba hào!

Tôi đánh bạo và nắm lấy quai hòm.

Nhưng tôi chợt nảy ra một ý khác.

“Tôi có thể để hòm lại ở đây được không? tôi sẽ đến lấy sau?”

- Được... Để tôi đẩy chiếc hòm của ông vào góc này... Chà! hòm này thì không thể nào lẫn với hòm khác được, ông vừa nói vừa nhìn địa chỉ tôi. Hẳn là ông đã đề phòng cẩn thận.”

Chính mẹ tôi đã lấy danh đóng tờ danh thiếp lên chiếc hòm của tôi:

Chiếc hòm này, kỷ niệm của gia đình, thuộc quyền sở hữu của VANHTRAX (Jăc - Jôđếp - Atanado) sinh ngày lễ Thánh Bacnabê, ở Puy (quận Loa-thượng), con trai của ông Vanhtrax (Luy - Pie-Ăngtoan), giáo sư đệ lục tại trường trung học hoàng gia ở Năngtơ. Rời tỉnh này, ngày 1 tháng ba, để đi Pari, bằng xe ngựa chở khách của hãng Lafit và Gaya, ở góc quảng trường Rôôngđơ. Trường hợp xảy tai nạn, xin gửi hòm về Năngtơ (quận Loa-hạ), theo địa chỉ sau: Ông Vanhtrax, bố, đường bến Ritsobua, số 2, gác hai, trong tòa nhà của ông Jăng Pôtxiê, tục gọi là “Vòi Gộc”. Hãy trông coi chiếc hòm này cẩn thận!

Chữ xếp như bản mộ chí trên một cây thập ác nông thôn. Người nhân viên nhìn tôi từ đầu xuống chân, còn tôi thì ấp úng một câu nói dối: “Đây là bà nội tôi đã làm. Ông biết, các bà già hiền lành ở nhà quê ấy mà...”

Tôi tưởng có thể khỏi lỗi bịch bằng cách gán mộ chí cho một bà lão nhà quê.

“Bà cụ chút khăn đen, váy thì hếch ngược ở phía sau, tôi biết lắm, người nhân viên hiền hậu nói.”

Nếu ông ta trông thấy cái mũ màu vàng, với những con chim mổ nhau, là cái mũ cứng của mẹ tôi!... người mẹ mà tôi vừa mới phủ nhận...

Cuối cùng, người ta cất chiếc hòm vào một chỗ - Tôi chào, vắn quã đâm cửa và đi ra.

Thế là tôi đang ở giữa Pari.

Tôi đã vào Pari như thế đấy.

Bước đầu may mắn! Cuộc đời tôi bắt đầu với ngôi sao chiếu mệnh như thế rồi đây sẽ ra sao?

Tôi bước ra khỏi sân, đi về phía trước... Những chiếc xe hàng thịt phóng qua; mũi ngựa như phì ra lửa (ở tỉnh lẻ người ta nói như vậy là vì người ta đã cho chúng uống máu); những chiếc xe hàng sữa bằng sắt tây chồm chồm trên đường lát đá; thợ thuyền xuôi ngược với một mẩu bánh mì và đồ nghề cuộn trong chiếc áo bludơ; một vài cửa hiệu mở mắt thức dậy; những người giữ đồ thánh xuất hiện trên thềm các nhà thờ, tay cầm những chiếc chìa khóa to tướng; vài chiếc rơđanhgôt ra đường.

Pari đang thức giấc.

Pari đã dậy.

Tôi lê bước trong các phố đợi đến tám giờ.

II

MATUTXANH

Làm gì bây giờ?

Tôi chỉ còn một cách, là đi tìm Matutxanh^[4], người bạn cũ còn lại ở phố Cây-khô. Nếu anh ta còn ở đấy, tôi sẽ thoát nạn.

Anh không còn ở đấy!

Matutxanh đã rời khỏi ngôi nhà đó từ một tháng nay, và người ta không biết anh dọn đi đâu.

Người gác cổng nói với tôi... người ta trông thấy anh đi với các ông thi sĩ, mấy ông tóc dài đến tận đây này.

“Đúng là thi sĩ, phải không? Thêm nữa ăn vận chẳng tươm tất lắm; thi sĩ mà lì, ông ạ, người gác cổng vừa nói vừa lắc lư cái đầu.”

Ồ! Phải, đó là thi sĩ, chắc thế!

Thời gian về sau, Matutxanh đã theo đuổi tán tỉnh cô cháu gái một bà bán hoa quả ở phố Vio-Ôguyxtnh.

Cô này, theo lời Matutxanh thổ lộ với tôi, đâu như cũng có một ông bác *đã đi chiếm ngục Baxti* thì phải? Ông này vẫn còn giữ thái độ tôn sùng địa điểm đó và bao giờ ông cũng ngồi trong *quán rượu vang* ở góc phố, rồi chiều đến ông rời quán say khướt, miệng chửi um mụ góa Capê^[5]. May ra tôi sẽ gặp ông đang chúi mũi vào cốc rượu, và ông sẽ chân nam đá chân xiêu chỉ đường cho tôi đi tìm bạn.

Than ôi! quán rượu đã bị phá. Nó đã bị cuộc xéng đánh sập và tôi chỉ thấy có một gã bói bài lá mời tôi bói một quẻ.

“Bao nhiêu?”

- Hai xu, quẻ nhỏ.”

Tôi rút một quân bài - vì mê tín – để lấy số tử vi, để xem tương lai tôi sẽ ra sao. Vài ba người khác cũng làm như vậy.

Khoảng năm phút sau, gã bói bài lá đã dụ dỗ được chúng tôi, một cô sen, hai người thợ nề và tôi, gã dẫn chúng tôi đi như một toán lính mới do một viên cai chỉ huy tới hàng bán rượu lẻ gần đấy. Tới đó, gã nhìn chúng tôi với một vẻ khinh khỉnh:

“Át cơ!”

- Tôi rút được con át cơ.”

“Thưa ông, gã phù thủy vừa kéo tôi lại gần vừa nói, ông muốn bói quẻ lớn hay quẻ nhỏ?”

Tôi cảm thấy là nếu tôi bảo mình bói quẻ nhỏ hẳn sẽ đoán cho tôi những chuyện tự tử, ốm đau, thơ thẩn, toàn những tai họa; tôi liền bảo bói quẻ lớn.

“Thêm ba xu nữa!”

Tôi trả thêm ba xu.

“Ông có thắt một cốc vang không?”

Tôi đang trên đà bị khiếp nhược. Nếu hẳn đòi nửa *lít*, tôi cũng đặt nửa *lít*, thậm chí một *lít* tôi cũng xuôi theo.

Người ta mang cốc tới.

“Chúc ông sức khỏe!”

Hắn uống, lấy tay chùi môi, nắn cái mũ và bắt đầu nói:

“Ông có vẻ nghèo, ông ăn vận xoàng xĩnh, vẻ mặt của ông mọi người không ưa; có một người muốn làm hại ông sẽ làm cản trở con đường của ông, những người muốn điều hay cho ông thì bị ngăn chặn, nhưng ông sẽ thắng được tất cả những trở ngại đó nhờ một người thứ ba sẽ tới vào lúc bất ngờ nhất. Muốn biết được tên người đó thì phải bói *quẻ yêu thuật*. Mất năm xu thì biết được hết.”

Hắn ta vội vã tổng khứ tôi đi.

“Ông sẽ phải sống chật vật tới năm bốn mươi tuổi; bây giờ ông nghĩ tới chuyện lấy vợ, nhưng muộn quá: người mà ông thích sẽ chê ông già quá, xấu quá, và người ta sẽ đuổi ông ra khỏi gia đình.”

Hắn đẩy tôi ra ngoài hành lang và gọi con *mười tép*.

Chỉ còn nước đi tìm cô nhân tình của Matutxanh.

Không may, tôi chỉ biết mặt và biết tên riêng của cô ta. Matutxanh đã đặt tên cho cô là *Toócsônét*.

Tôi đi đi lại lại trong phố Vio-Ôguýttxanh, men theo vỉa hè, tìm các bà bán hoa quả: có độ hai ba bà cả thấy. Tôi đứng sừng sững trước những đồng bắp cải và rau xà lách để nhìn phụ nữ qua lại; tất cả họ trông thấy tôi lượn đi lượn lại với bộ điệu như con khỉ, vì tôi nhăn mặt để làm ra vẻ tự nhiên và tôi vắn vẹo người như một thằng cha đang nghĩ đến những chuyện bẩn thỉu... chắc là tôi giống khỉ thật sự.

Tôi không thể tới chỗ các bà bán hoa quả mà nói với họ rằng:

“Bà có một cô cháu gái nào tên là Toócsônét yêu ông Matutxanh không? Bà có người bà con ngày nào cũng uống rượu say ở phố Baxti không?”

Tôi chỉ có thể chờ đợi, tiếp tục la cà trước các cửa hiệu, may ra sẽ trông thấy Toócsônét đi qua.

Tôi đã ngốc nghếch đến như vậy, tôi đã gan đến như vậy, trông mong ở sự tình cờ và tôi đã đi lại hàng mấy giờ trong phố này, bọn cảnh sát gườm gườm theo dõi: thái độ của tôi thật khả nghi, cuộc đi lượn thật tẻ ngắt, đáng lo ngại.

Vừa hay có một hiệu đồng hồ và có nhiều đồng hồ bày trong tủ kính bên cạnh. Nếu tối nay người ta phát hiện ra một vụ ăn trộm trong khu phố này chắc người ta sẽ khai ra tôi đã tới rình mò hoặc lấy giấu những ổ khóa. Tôi sẽ bị bắt và có thể sẽ bị kết án.

Cho tới giờ ăn trưa thì tôi đã báo động hai mươi lần, vì hai mươi lần ngỡ nhận ra tình nhân của Matutxanh, và hai mươi lần làm cho các cô gái

đứng ở cửa xưởng hoặc cửa hàng bán sữa phải bật cười.

- Không hiểu cái thằng gà tồ kia là ai mà cứ nhìn vào tận mặt tất cả mọi người?

Các cô vừa chỉ trỏ tôi, vừa cười nhạo, thế là tôi đỏ mặt tía tai.

Tôi chạy trốn vào các phố lân cận, tôi đi vào những ngõ bần thiêu hôi thối; ở đó những người đàn bà mặt tím ngắt, áo màu hoa cà, giọng nói khàn khàn, làm hiệu với tôi và nắm tay áo kéo tôi vào những ngõ hẻm ngập bùn. Tôi vùng vẫy thoát khỏi tay họ, những lời tục tĩu trút lên đầu như mưa, và tôi quay lại phố Viơ-Ôguyxtanh, xấu hổ và mệt đến chết.

Có những người cho tôi là một tên chỉ điểm.

“Đúng là một thằng bọn ấy, tôi nghe thấy một người thợ nói với một người khác.

- Nó còn trẻ quá.

- Nói thế! Như con trai mụ Sôvê trước thuộc lính cơ, nay chẳng là cóm đấy thôi?”

Trời nóng nực. Mặt trời hun đốt rác rưởi ở các miệng cống và làm thối rữa những lá bắp cải vớt trong rãnh nước. Từ cái phố bị chân giẫm nhầy nhụa, hai bên có hàng bán thịt, cá rán này, xông lên một mùi bùn và mỡ làm tôi buồn nôn.

Hai bàn chân tôi ứ máu và đầu tôi như lửa đốt. Tôi lên cơn sốt đột ngột và óc tôi sôi lên làn chì lỏng trong đầu.

Tôi rời khỏi địa điểm quan sát của tôi để chạy tới một chỗ thoáng khí hơn và tôi ngồi phịch xuống một chiếc ghế dài của đại lộ, mắt nhìn đám đông đi lại như nước chảy.

Tôi từ tỉnh lẻ tới, ở đó cứ mười người thì có đến năm người quen biết anh. Ở đây khách qua lại hàng trăm ngàn người: tôi có thể chết mà không một người qua đường nào để ý thấy!

Mà cũng không còn cái vẻ hiền lành của đường phố đông dân tôi vừa rời khỏi.

Trên đại lộ này, đám đông thay đổi không ngừng; đây là máu của Pari đang dồn về tim và tôi bị lạc trong cơn lốc đó như đứa bé lên bốn bị bỏ rơi trên một quảng trường.

Tôi đói!

Có nên đụng vào những đồng xu còn lại không?

Tôi sẽ ra sao nếu tiêu hết tiền mà vẫn chưa gặp được Matutxanh? Tối nay tôi sẽ ngủ ở đâu?

Nhưng dạ dày tôi kêu lên và tôi cảm thấy đầu tôi như to ra và trống rỗng; người tôi rờn rợn như có những mảnh giẻ nóng lướt trên.

Thôi! đành phải như vậy!

Tôi tới hiệu bánh mì mua một chiếc bánh nhỏ một xu và tôi ngoạm vào nó như con chó.

Ở quán rượu góc phố, tôi hỏi mua *nửa góc chai*.

Ồi chào! cốc rượu vang mát lạnh ấy, cái giọt đỏ thắm ấy, chén máu ấy!

Uống xong mắt tôi lóa sáng, đầu óc tỉnh táo và tim nở ra. Nó như lửa vào mạch máu tôi. Chưa bao giờ dưới bầu trời tôi thấy một cảm giác mãnh liệt đến thế!

Trước đây một phút, tôi đã định lê gót quay lại bến xe Sở vận tải và xin được trở về nhà, dù tôi có phải chải ngựa và khuân hòm lên mui xe để trả tiền lượt về. Phải, ý nghĩ hèn nhát đó đã thoáng qua trong óc tôi, giữa lúc mệt mỏi đè nặng và trong cơn đói chóng mặt. Chỉ cần có cốc vang đó là tôi khỏe lại, và tôi lại vươn thẳng mình trong thác người cuồn cuộn!

(Một tai nạn vừa xảy ra. Mọi người đổ xô lại. Tôi bước tới gần. Một con ngựa ngã quỵ, một chiếc xe gãy. Phải nâng một bên càng xe lên, dô-ta nào! Họ nâng không nổi. Tôi bước lại và luồn mình xuống càng xe. Chiếc

xe đè dúm tôi xuống, tôi sắp ngã và bị đè bẹp. Mặc kệ, tôi không buông! - và chiếc xe bò lại đứng lên được.

Tôi không thể tả được lòng tự tin đã trở lại với tôi như thế nào vì đã can đảm không buông khi tôi tưởng mình sắp bị đè chết tại chỗ, lặng lẽ, âm thầm, và sau đó khi mọi người xung quanh có vẻ tin rằng cái thích vai của tôi đã giải quyết tất cả, thì mặc dầu có tỏ vẻ nhũn nhặn và làm mặt đạo đức giả, tôi tưởng như sắp chết ngạt vì kiêu hãnh.

Tôi còn mười hai xu). *Lúc này đã hai giờ chiều.*

Tôi đã rộp cả bàn chân mà vẫn không thấy Toócsônét ở chỗ các bà bán hoa quả.

Tôi sẽ ra sao đây?

Ban nãy đi qua một phố hẻm, tôi đã trông thấy một quán trọ với giá sáu xu một đêm. Tôi có nên đến ngủ trọ ở đó, với bọn gái điếm, giữa đám ma cô và ăn cắp ấy? Nơi đó có trộm lạc và tội ác! Đành phải đến đó thôi.

Thế ngày mai? Ngày mai, tôi sẽ lâm vào tình trạng du thủ du thực.

Lại một cốc vang nữa!

Thế là hụt mất hai xu, nhưng lại thêm được một nghìn phở răng can đảm!

- Nửa góc chai *nữa*, tôi nói với lão bán rượu với vẻ ngang tàng làm như lão ngỡ tôi là một tay ăn chơi ghê gớm vì mới chỉ cách một tiếng đồng hồ mà tôi đã uống *tới hai lần*; làm như lão có thể nhận được mặt tôi không bằng.

Tôi đưa ra mười xu để trả tiền rượu - một đồng hào trắng chứ không phải mười xu đồng; khi người ta nghèo thì người ta thường đổi những đồng hào trắng lấy tiền xu.

“Một hào: đây còn sáu xu - Lão trả tôi số tiền lẻ.”

- Tôi uống có một cốc.

- Thì ông bảo: một cốc *nữa* mà lị..

- Ủ phải.

Tôi không dám giảng giải, kể lẽ là tôi ám chỉ cốc rượu uống từ lúc này; tôi vừa nhặt tiền người ta trả lại vừa then đồ mặt, và tôi nghe thấy lão bán rượu nói với vợ:

- Nó định quật của mình nửa góc, thẳng xỏ lá ấy!

Tôi không tìm thấy Maitutxanh!

Hay tôi đi gõ cửa nơi khác?

Chẳng phải Roayani đã tới Pari học luật đấy hay sao? Chắc cậu ta đang học năm thứ nhất, tôi sẽ tới Trường, đợi cậu ta ở cửa lớp.

Thôi được! Cứ thế.

Tôi biết đường: đó là con đường đi dự kỳ thi lớn, ở mé trên đường Xoocbon.

Tôi đã tới nơi!

Đối với đám sinh viên tôi lại giở cái trò như hồi này đối với các bà bán hoa quả. Hễ giống Roayani tôi lại chạy theo; tôi vỗ phải các cụ già làm các cụ phát hoảng, tụi con trai thì chúng đâm giữ thế thủ, tôi lên tiếng với những Roayani mà không phải; về mặt tôi ngơ ngác, cử chỉ bồn chồn.

Cái làm tôi mỗi một kinh khủng, chính là chiếc áo choàng mặc rét tôi dùng để đắp ban đêm trên xe ngựa, mà tôi đã mang trên người từ lúc tới Pari, như một con sên tha cái vỏ của nó, hoặc như một con rùa tha cái mai rùa.

Nếu để chiếc áo lại Sở vận tải, thì sợ nó bị lạc mất, bị ăn cắp. Hơn nữa tôi cũng có ý làm đóm một chút; mẹ tôi luôn luôn nói rằng không gì *lịch sự* hơn chiếc ba-đờ-xuy vắt trên tay một người đàn ông, nó làm cho bộ cánh hoàn chỉnh, chứ như nông dân thì họ không có áo ba-đờ-xuy, cả công nhân hay bất cứ một người *hạ lưu* nào khác. Tôi đã vắt chiếc ba-đờ-xuy lên tay với cái vẻ hững hờ của quý tộc.

Chiếc ba-đờ-xuy đó màu vàng - một màu vàng khác thường, với nhiều cúc to tướng trông thật xấu trên nền vải thô cứng đó. Chiếc áo có vẻ bị thối tả.

Ở phố Viơ-Ôguxtan hay trên các đại lộ người ta không để ý tới nó, hoặc giả tôi không nhận ra điều đó, nhưng ở đây thì nó làm kinh động. Người ta ngỡ là tôi muốn bán áo; đám thanh niên thì ghê tởm quay đi, nhưng đám buôn áo cũ thì sán tới.

Họ cầm lấy vạt áo, sờ vào bộ cúc, như thầy thuốc chữa bệnh đậu mùa, rồi bỏ đi; nhưng chẳng ai trả tôi một giá. Họ lắc đầu chán nản, như thể dạ kia là làn da bệnh tật mà tôi thì đi đời mất.

Và chiếc ba-đờ-xuy, nó mới nặng làm sao chứ!

Chạy theo hết người này đến người nọ, gió lộng, và cả khối vải nặng trên tay, cuối cùng tôi đến kiệt sức, đói như cào, thèm rượu.

Tôi đã ăn một chiếc bánh mì con, uống hai nửa góc chai, mà tôi vẫn còn khát, vẫn còn đói! Thêm cái bệnh ăn không biết no nữa!

Chẳng thấy Matutxanh, chẳng thấy Roayani!

Tôi bèn quyết định là vào hẻm giảng đường. Tôi đã gây xúc động lớn, nhưng vẫn không thấy người tôi tìm.

Các lớp học lần lượt vội người. Học sinh lần lượt ra về, các giáo sư rút lui. Chỉ còn lại mỗi mình tôi ở cầu thang, ở trong sân, - tôi với chiếc áo choàng màu vàng.

Bác gác cổng đã để ý tới tôi, và đến lúc đẩy cánh cổng to trên bản lề của nó, bác đưa mắt tò mò nhìn tôi; tôi như thấy cả sự hiền hậu trong mắt bác.

Chắc từ khi ở cái trạm gác này bác đã trông thấy vô khối những anh học trò nhút nhát, và những anh nhà nghèo. Hẳn bác đã nghe nói nhiều chuyện kết thúc bi thảm và những bước đầu đau đớn, qua những trò chuyện lồm bồm lọt vào tai bác. Có lẽ bác ta sẽ mách bảo tôi chẳng.

Tôi vẫn không dám hỏi và tôi quay mặt đi, miệng khẽ huýt sáo như một anh chàng dẫn chó đi chơi hoặc đang đợi cô bạn gái, và sở dĩ có chiếc ba-đờ-xuy vàng là vì anh ta thích cái màu ấy.

Cánh cổng quay, quay, rít lên, hai cánh xích lại gần nhau, ập lại - thế là hết!

Nó giơ ra với tôi một bộ mặt chết lặng. Tôi không biết Matutxanh ở đâu, tôi không tìm thấy Roayani. Tôi sẽ đến ngủ ở cái phố có nhà trọ sáu xu.

Tôi giơ quả đấm lên, với tòa nhà đóng kín, nó đã không cho tôi biết địa chỉ của một người bạn thân, tới đó tôi có thể xin một chỗ ngủ và được một lời khuyên.

Tại sao tôi đã không hỏi thăm bác gác cổng trông có vẻ tốt bụng ấy? Tôi thật là thẳng nhất!

Chà! giá bác ta ra đây...

Bác ta ra thật.

Tôi can đảm bước tới gặp bác; tôi hỏi - nhưng tôi định hỏi cái gì đây? - Tôi không rõ, tôi ngập ngừng, tôi lúng búng; bác khuyến khích tôi và cuối cùng tôi nói là tôi tìm một anh tên là Roayani và chắc Nhà trường có địa chỉ của anh ta, vì Roayani là sinh viên luật.

“Anh đến gặp ông thư ký của Khoa, ông Robun.”

Bác quay vào trong Trường cùng với tôi và chỉ cho tôi lối lên cầu thang.

Ông Robun thân ra mở cửa - một ông xanh xao, chậm chạp, vẻ mặt buồn bã, da ngón tay xám xịt.

“Anh muốn gì? Buồng giấy đóng cửa rồi... Có ai đi cùng với anh đấy?”

Ông nhìn ra xó cửa.

Hóa ra tôi đã dựng chiếc áo choàng màu vàng của tôi ở đó, trông như một người thật; ông Robun đâm sợ và đẩy tôi ra ngoài cầu thang.

Bác gác cổng đón tôi, tôi lại vớ lấy chiếc áo choàng như người ta vực một người bại liệt dậy và tôi bỏ đi, còn ông Rơbun thì chèn cửa buồng lại.

“Anh nghe tôi, bác gác cổng nói, trong khi quét dọn, để tôi tìm cách ngó vào sổ. Anh cứ làm như là người phục vụ ở đây, và xuống phòng đăng ký.”

Tôi làm như người phục vụ. Tôi cất mũ vào một xó và tôi xắn tay áo lên. Chà! giá như tôi có một chiếc gi-lê đỏ thay chiếc áo choàng vàng!

Chúng tôi vào buồng giấy và tìm vắn R.

Ro... Ro... Roayani (Bơnoa), phố Vôgira, số 4.

Bác gác cổng vội gập sổ lại cất vào chỗ cũ.

Tôi cảm ơn bác ta.

“Không có gì, không có gì. Nhưng chuồn đi nhanh lên! Nhỡ ra ông Rơbun đến, ông ấy mà trông thấy chiếc áo choàng của anh là có thể kêu cứu đấy!”

III

KHÁCH SẠN LISBON

Số 4, phố Vôgira... khách sạn Lisbon? Ở góc phố Ông-Hoàng.

Tôi hỏi ông Roayani.

“Ông ta không có nhà. Ông muốn hỏi gì ông ấy? Hay ông là người quê ở Năngtơ chẳng?...”

Bà gác cổng nom người hoạt bát hỏi tôi đột ngột liền một mạch.

“Tôi không phải là người quê ở Năngtơ, nhưng tôi đã học cùng một trường với ông ấy.

- À! trước ông đã ở Năngtơ hả? Ông có biết ông Matutxanh không?

- Ông Matutxanh à? có biết.”

Tôi kể cho bà ta câu chuyện của tôi. Thì đúng là tôi đi tìm ông Matutxanh từ năm giờ sáng đến giờ!...

“Cái nhà ông ấy quả là ngộ nghĩnh, hả! Ông ta ở trên gác, cạnh buồng ông Roayani - ông này *bảo lĩnh* cho ông ta, ông hiểu chứ - ông Matutxanh không có lấy một xu dính túi... màu mỡ riêu cua... *cái hạng viết lách ấy mà.*”

Tôi thấy những người gác cổng hình như đều có ý kiến giống nhau về các nhà văn.

“Thế ông Matutxanh có nhà không?

- Không, nhưng ông ta sẽ không lỡ bữa ăn tối đâu. Ông cứ yên trí! khi nào tới giờ ăn, ông sẽ thấy ông ta về với chiếc gậy đội trường kèn trống và chiếc mũ làm vườn của ông ấy.”

Quả nhiên, một lát sau, qua khung cầu thang tôi thấy nhô lên một chiếc mũ to mà bên dưới không nhìn rõ ai cả - vành mũ vẩy vẩy như đôi cánh một con chim lớn đang quắp một con cừu bay lên trời.

“Cậu đấy à?...

- Matutxanh!

- Vanhtrax!”

Chúng tôi lao vào tay nhau và ôm nhau.

Chúng tôi ôm lấy nhau.

Tôi không dám bỏ ra trước, e rằng như vậy tỏ ra mình ít cảm động, và tôi đợi anh ta buông ra trước. Chúng tôi như hai tay đô vật đang rình miếng nhau - một cuộc đánh vật tình cảm mà rồi Matutxanh sẽ thắng Vanhtrax. Matutxanh hiểu biết thói tục hơn tôi và biết ôm hôn nhau phải mất bao nhiêu lâu; khi nào thì phải ngừng lên, khi nào thì phải nghiêm túc lại. Đã được một lúc lâu tôi tưởng cảm động như thế là đủ, thế mà Matutxanh vẫn ôm chặt lấy tôi.

Cuối cùng, anh thả tôi ra: chúng tôi vuốt tóc lại, và anh bảo tôi kể tóm tắt lại câu chuyện của tôi.

Tôi kể anh nghe việc tôi đi săn lòng Toócsônét.

“Không còn Toócsônét nữa: bây giờ người yêu của tôi là Ăngiơlina. Tôi sẽ giới thiệu cậu với cô ta. Cậu theo tôi. - Và anh dẫn tôi đến trước mặt cô Ăngiơlina.

- Anh giới thiệu với em một cậu em trai - cậu em thứ hai, Vanhtrax, mà anh thường vẫn nói với em, và bây giờ hẳn đến để chia sẻ với chúng ta chiếc bánh vui đời (quay sang tôi), cậu đến vì cái đó, phải không?

Tương lai chúng ta rồi nở rộ

Dưới mặt trời của tuổi hai mươi.

Ta hãy yêu nhau và hát nữa,

Tuổi thanh xuân chỉ có một thời!

Tất cả cùng hát điệp khúc, ê, mấy người hát đi!

Ta hãy yêu nhau và hát nữa,

Tuổi thanh xuân chỉ có một thời!

Ăngiolina là một cô gái cao gầy, da xanh, mũi nhọn, nhưng cặp môi thanh tú.

“Chà! anh biết đấy, cô ta nói, sau khi đã hát điệp khúc, ông hàng bánh mì đã tới, và ông bảo là nếu không thanh toán cái hóa đơn vừa rồi, ông sẽ không đem bánh mì Jôckô^[6] lên cho nữa.

- Thế Roayani?

- Roayani a! anh ấy đi đến nhà *cầm đồ* Côngtrexcacpơ xem người ta có nhận chiếc quần của anh ấy không, ở hiệu *Côngđê* người ta từ chối.

Matutxanh, vừa treo chiếc mũ to tướng của mình lên mắc áo trên tường (như một người Hy-lạp mắc chiếc khiên của mình), giờ đứng gãi trán.

- Em thấy đấy, *em ạ*, cảnh bần cùng cứ đeo đuổi mãi bọn anh.

Em? – à! Tức là tôi! – Tôi không nghĩ ra nữa. Tôi chưa từng có anh em trai bao giờ, và tôi không thể làm quen với tiếng gọi âu yếm đó ngay tức khắc.

- Nhưng này, anh đổi giọng, cậu vừa mới tới hả? Chắc cậu phải có tiền? Những người mới tới bao giờ cũng có túi tiền.

Tôi lên bản thống kê tài sản của tôi.

Ăngiolina nhìn tôi với một vẻ khinh bỉ.

- Thế còn *cái này* Matutxanh vừa nói vừa vỗ lấy vật đã theo tôi nhặng nhặng từ sáng nay và đã làm người ta tưởng lầm là một người ốm, một thằng ăn cắp; *cái này*, cái này có thể đem cầm được đấy!

Ăngiolina nhún vai nhô lên đến tận trần nhà.

- Thì vẫn có thể bán đi được: Cậu có muốn bán đi không? Cậu có thiết tha với cái của vàng da này không?

- Không...

Một tiếng “không” giả dối.

Tội nghiệp chiếc áo choàng cũ kỹ! trông nó xấu xí thật và hôm nay nó đã làm tôi phải chịu bao nỗ lực nhả, nhưng tôi đã quen với nó như với chiếc bàn chiếc ghế trong nhà. Nó đã làm tôi nóng bức và đã đè trĩu lên cánh tay tôi suốt cả buổi chiều hôm nay, nhưng ban đêm nó đã ủ cho tôi khỏi rét. Tôi sẽ còn phải qua nhiều đêm lạnh lẽo nữa trong đời tôi! Những mùa đông sắp tới, tôi có thể dùng nó làm chăn nếu giường tôi chỉ có mỗi một cái chăn thôi. Hơn nữa, nó đã từng khoác lên lưng thầy tôi, vị giáo sư, trước khi thả cho tôi! Bọn học sinh đã cười nó, nhưng đấy chỉ là sự tàn bạo của một cuộc bán hạ giá mà cuộc bán tầm tầm một đồ cũ, mặc dù trông nó lở bịch, nhưng nó vẫn có cái hương vị của một di vật...

Những ý nghĩ đó chỉ kéo dài trong chốc lát. Thật là một dấu hiệu xấu, nếu tôi lại đa sầu đa cảm như thế khi mới bước vào *sự nghiệp!*

- Xuyt, xuyt! Ô này! Ông buôn bán áo cũ.

Người buôn áo cũ leo lên gác và mua cái di vật đó với giá bốn hào.

Bốn hào ấy, cộng với tám xu còn lại của tôi, đã đem lại niềm vui đời cho căn gác xép.

Bánh mì, một lít vang, sườn lợn nấu xốt: có tất cả những thức đó trong bốn hào tám của chúng tôi!

Chính tôi sẽ đi đặt mua. – Tôi sẽ nói: “Sườn lợn với nhiều dưa chuột vào”, và khi người bồi đem cái hộp sắt tây tới, tôi sẽ cho hẳn hai xu tiền diêm thuốc; tôi sẽ cho hẳn hẳn ba xu chứ không phải hai, tôi có quyền chơi ngông để phương hại đến tương lai của tôi.

Quả là chúng tôi đã ăn một bữa tối rất ngon!

Chúng tôi đã gấp thăm xem ai được ăn khoanh dưa chuột cuối cùng, chúng tôi vẫn còn tiền để mua một ổ bánh mì to, uống cà-phê, và chúng tôi đã la hét cười đùa, hát hổng cho tới khi Ängiolina nói là đã đến lúc phải tìm một chỗ nào để nhét tôi đêm nay. Bà gác cổng mà tôi đã nói cho biết

việc ông Truytsê, sẽ vui lòng cho tôi ngủ trọ nếu còn chỗ và sẽ cho tôi chịu tiền trong vài ba ngày. Nhưng hết chỗ rồi.

May sao bà ta lại nhớ ra rằng bên nhà Riffo có nói chuyện với bà là còn một buồng để trống. Vợ chồng Riffo là chủ một khách sạn ở phố Đôphin, số 6, gần tiệm cà-phê Côngti.

Bằng cái chính tả của người gác cổng, bà viết vài chữ cho vợ chồng Riffo là chỗ quen biết, xưa kia cũng gác cổng như bà trước khi làm nên.

Cầm mẫu giấy nhòn mờ như ngón tay người hàng thịt đã bán món sườn lợn, tôi cùng Matutxanh tới phố Đôphin, và mặc dầu đã nửa đêm, người ta vẫn mở cửa và dẫn tôi tới căn buồng để trống.

Tôi leo lên buồng đó bằng một thứ cầu thang, bậc đã mục, tay vịn là một chiếc dây thừng mốc meo và nhầy nhụa; ở tít trên cao, giữa bốn bức vách, một chiếc ghế đã lòi cả rơm, một cái bàn khập khiễng, một cái giường thấp lè tè bằng gỗ đỏ, trên phủ một chiếc chăn len bụi bặm – bụi bặm như khi len còn ở trên lưng cừu; - gió lung lay cánh cửa sổ đã nứt và lùa vào buồng qua một ô kính vỡ.

Ngay Matutxanh cũng có vẻ khiếp; anh suýt ngã gẫy lưng lúc xuống cầu thang.

- Anh ngã đấy à?

- Không.

Nhưng tôi biết Matutxanh không ưa thú thật là mình ngã, hồi còn đi học khi chẳng may bị vồ ếch bao giờ anh cũng cười (cười nhọt nhọt) và bảo mình cố ý.

TÔI Ở NHÀ TÔI!

Căn buồng này trông tiêu tụy, nhưng tôi sẽ chỉ mở cửa đón tiếp những ai tôi thích, tôi sẽ đóng sập cửa vào mặt ai tùy ý tôi; tôi sẽ kẹp vào khe cửa ngón tay kẻ nào đuổi không chịu đi, tôi sẽ cho nó lăn xuống chân cầu thang khi bất kỳ kẻ nào chửi tôi, dù tôi có ngã lăn theo nó nếu tôi không khỏe hơn nó, có thể là như thế, cả hai đứa cùng lăn xuống.

TÔI Ở NHÀ TÔI!

Tôi lượn quanh trong buồng như một con gấu cọ người vào tường...

TÔI Ở NHÀ TÔI!

Tôi muốn thét to điều đó! Tôi phải lấy tay bịt miệng lại để chặn tiếng gào thú vật đó...

Tôi đã tận hưởng niềm xúc động đó hai tiếng đồng hồ rồi.

Cuối cùng tôi ngả lưng lên chiếc giường mong manh, và qua các ô kính rạn nứt tôi nhìn bầu trời, tôi thả ngập trời những mơ ước của tôi, tôi gửi vào đó những hy vọng của tôi, tôi vạch lên đó những lo sợ của tôi; tôi tưởng như quả tim tôi – y hệt một con chim – đang bay lượn và vỗ cánh trong không trung.

Rồi giấc ngủ kéo đến... giấc mơ chập chờn trong óc kẻ thoát ngục...

Cuối cùng mắt tôi nhắm lại và tôi ngủ mặc cả quần áo như người lính đã chiến.

Buổi sang, lúc thức dậy, niềm vui của tôi vẫn phới phới như đêm trước.

Vừa hay một ánh nắng rất sáng từ một bầu trời rất xanh chiếu tới, và những vệt vàng vạch lên chiếc chăn xin màu của tôi; trong nhà một người đàn bà đang hát; lũ chim líu lo ở cửa sổ buồng tôi.

Người ta đã tặng tôi một bông hoa. Đó là con bé Riffô được người ta cho đầy tạp-dề hoa cẩm chướng đỏ, nó trông thấy cửa buồng tôi để ngỏ, thì đứng dưới cầu thang gọi: “Ông có muốn lấy hoa cẩm chướng không, ông?”

Tôi đã cắm bông hoa vào một cái cốc vại để lăn lóc trên cái bàn khập khiễng.

Giả thử đây là một chiếc lọ thủy tinh mỏng, một chiếc cốc pha lê, tôi cũng không sung sướng bằng: trong đáy chiếc cốc kia tôi đọc lại những trang của cuộc đời tôi ở thôn quê và lại nghe vang lên những điệp khúc của hàng cơm.

Người ta thường dung những chiếc cốc vại ấy trong các quán rượu ở vùng Loa-thượng.

(Lúc tôi rời khỏi nhà Riffô, lúc tôi ra khỏi khách sạn, ra khỏi nhà của tôi, tôi thấy phố xá chật ứ đầy người và đầy sinh hoạt.

Tôi xem giờ ở một cửa hiệu, hai giờ rồi. Tôi dậy từ lúc tám giờ, tôi có nghe thấy tiếng đồng hồ đánh. Nhưng từ lúc đó trở đi, tiếng đồng hồ bị chìm trong cái xôn xao ý nghĩ và ước mơ của tôi.

Tôi tới nhà Matutxanh. Họ ngờ là tôi đã chết hoặc đã ra về, họ không biết nghĩ ra sao! Mà đã làm gì trong suốt thời gian đó?

- Và mà không thấy đói à?

- Không.

Đúng như vậy, tôi không thấy đói. Sự kích động của cảnh tự do mới mẻ đã nuôi dưỡng và bồi sức cho tôi. Tuy nhiên tôi sẵn lòng chia xẻ chiếc bánh thánh của vui đời, nếu có bánh. Chỉ có niềm vui, và cái bụng thèm ăn.

Nhưng có thể là ông Truytsê đã về! Ta hãy đến gặp ông Truytsê! Như kiểu Meccadê^[7] nói: ta hãy tới gặp Gôđô!

Có thể ông Truytsê đã về rồi. Có khi ông ta đã tìm ra được tên đánh xe. Có thể số tiền bốn mươi phơrăng đang nằm chờ ở Sở vận tải! Bốn mươi phơrăng, thế mà ở đây bọn tôi không có bánh ăn!

Tuy nhiên bọn tôi vẫn ở lại khu phố tới buổi chiều vì có ai sẽ đem phơrăng đến. Bọn tôi chờ hăn đến tận tối.

Sau đó chúng tôi tới xem ông Truytsê đã về chưa. – Ba ngày nữa.

Chúng tôi đã xoay sở ra sao để có cái ăn trong ba ngày này, tôi không còn nhớ nữa. Nhưng chúng tôi đã ăn; chỉ có điều là phải mất thì giờ để đi tìm ăn, cùng một công lao động như lao động khác cái việc chạy lang thang kiếm bữa, và cuối cùng cũng được trả công như mọi lao động, nhưng người ta không thể làm được gì khác và dạ dày chỉ đến kết vào những giờ không

đều đặn. Cuộc sống của tất cả chúng tôi dồn cả vào việc đó. Và phải chạy vạy, phải cầm cố, phải vay mượn!

Đối với tôi như thế không đủ - và tôi đã thấy đau khổ vì cái trò vay mượn băng quơ, chạy tìm xúc-xích, dừng bước trước bình nứt mẻ; tôi còn đau khổ hơn, đau khổ nữa... mà tôi không dám nói ra với họ.

Tôi thấy hình như trên tầng gác chúng tôi, người ta hơi giống bọn ăn mày.

Cuối cùng tôi đã lĩnh được tiền! Ông Truytsê đã về.

Tôi dành lại sáu phơrăng đưa cho vợ chồng ông Riffô. *Cái nhà* của tôi phải trả sáu phơrăng; phải làm cái gì phải làm!

Số tiền còn lại tôi đưa cả cho Ängiolina để ăn.

Ngay hôm đầu chúng tôi đã thụt quỹ ăn sáu phơrăng nữa để đi xem hát. Sau một bữa ăn tối ngon lành, chúng tôi xuống Cửa Ô-Thành-Mactanh xem vở kịch mọi người say: *Cảnh bần cùng*, của Fecđinăng Duyghê.

Giữa đường chúng tôi uống rượu và Matutxanh rất *nhộn*.

Màn mở.

Nhân vật chính (do diễn viên Muyniê đóng) ra sân khấu với một khẩu súng lục.

Hắn lưỡng lự: “phải sống lương thiện hay đi giết người? Rồi ra là một cuộc đời trưởng giả hay đoạn đầu dài?”

Matutxanh kêu lên: đoạn đầu dài! Đoạn đầu dài?

Bốn mươi phơrăng đã hết bay.

Bọn tôi đã ăn chơi hả hê trong mười ngày và không một chút nào tôi nghĩ tới lúc không còn một xu dính túi.

Lúc đó đã đến; không còn lấy một hào để chia đôi giữa khách sạn Lixbon và khách sạn Riffô.

Tôi vừa trèo lên cầu thang và đóng cửa buồng lại. Bữa tối tôi ăn mới gọi là dính răng vì thức ăn ít quá, nhưng tôi đã mua một ổ bánh mì đen để đem về gặm trong căn buồng tồi tàn của tôi.

Mới tám giờ tối.

Buổi tối sẽ dài lê thê trong cái hang chuột này, nhưng tôi thấy cần phải ngồi một mình; tôi cần nghe những điều tôi suy nghĩ, chứ không phải la hét và nghe la hét như tôi đã làm trong tám ngày qua. Từ khi đến đây tôi sống vì người khác; tối đến, chỉ còn lại trong tai một tiếng ào ào và lưỡi tôi đau vì đã nói nhiều quá; lưỡi còn bị bỏng và bị tuột da vì đã hút nhiều thuốc lá.

Cốc nước rót ra từ bình nước đục kia tôi còn ưa hơn là tách cà-phê đen ở khách sạn Lixbon: các ý nghĩ của tôi tươi tắn, tôi nhìn rõ phía trước mặt tôi, ồ! rất rõ!

Ngày mai sẽ là cảnh bần cùng.

Matutxanh quả quyết rằng không sao cả.

Thì những Sôna, Rôdonfơ, Macxen^[8] chẳng đã nếm mùi cùng khổ hay sao, thế mà họ chẳng đã ăn chơi như những thằng điên, làm thơ, ăn trên cỏ, chế nhạo bọn tư sản đó sao?

Tôi chưa từng ăn cỏ; nói cho đúng, tôi hầu như chưa ăn nữa kia.

Bà mẹ Vanhtrax tội nghiệp, bà đã đoán trước rằng sẽ có ngày tôi tiếc món xúp thịt bò hầm của bà! Rất có thể là như thế...

Tôi đã viết thư báo cho mẹ tôi biết là hiện nay tôi trọ ở khách sạn Riffô, trong một căn buồng sạch sẽ. Tôi nói thêm rằng tôi đã làm quen được với những người rất có thể sẽ có ích cho tôi (!).

Tôi muốn nói về Matutxanh, Ăngiôlina, và Roayany – Quả là họ có ích cho tôi thật, về chuyện chiếc áo choàng vàng, và họ có thể cho tôi biết địa chỉ của tất cả các hiệu cầm đồ trong thành phố.

Mẹ tôi đã viết thư trả lời.

Trong thư của mẹ tôi rơi ra một tờ giấy đỏ. Dòng chữ: *Phiếu nhận bốn mươi phở* ghi ngang tờ giấy. Đó là một ngân phiếu!

Kèm theo ngân phiếu có mấy chữ:

“Thầy con hàng tháng sẽ gửi cho con bốn mươi phở.”

Bốn mươi phở hàng tháng!

Tôi đã không tính đến chuyện đó, tôi ngỡ rằng bốn mươi phở của ông Truysê là bốn mươi phở cho tất cả một lần ấy thôi.

Bốn mươi phở!...

Với bốn mươi phở một tháng, có thể trả tiền trọ, mua bánh mì và sườn lợn nấu xốt, và cả đi xem vở *Bần cùng* ở Cửa Ô-Thánh-Mactanh nữa!... Tôi rất hồi hộp khi đưa tờ ngân phiếu đỏ ở phòng bưu vụ.

Tôi sợ người ta cho tôi là kẻ mạo giấy tờ.

Không! Tôi đã lĩnh được tám đồng năm phở xinh đẹp!...

Tôi đem số tiền đó về căn gác xép của tôi, và suốt ngày tôi tính toán.

Tôi lập bản thu chi.

CÁC MÓN CHI VỐN

cần thiết hàng tháng

Thuốc lá 4 phở 50 40 phở

Báo 1 - 50

Phòng đọc sách 3 - 00

Nến 1 - 50

Tiền thợ giặt 1 - 00

Sà-phòng Macxây 0 - 20

Vá quần áo (kim, chỉ) 0 - 10

Buồng trọ 6 - 00

Cộng: 17 phở 80 17 - 80

Còn 22, phơrăng 20

TIỀN ĂN

Bữa trưa

Nửa đĩa thịt 0,20

Hai bánh mì 0,10

Bữa tối

Nửa đĩa thịt 0,20

Rau 0,10

Hai bánh mì 0,10

Cộng tiền ăn một ngày: 0,70

$30 \times 0,70 = 21$ phơrăng 21,00

Còn để chi tiêu bất thường 1,20

Hãy soát lại tất cả xem sao nào!

Thuốc lá – Được hút ba xu một ngày.

Báo – Sáng nào cũng mua tờ *Dân chúng* của Prudông.

Phòng đọc sách – Nếu tôi xén khoản chi này, không phải tôi chỉ để dành được ba phơrăng, mà là những bốn phơrăng rưỡi, vì tôi dự chi ba hào nên để đọc sách thuê khi về nhà. Nhưng không! Niềm tin trong sáng nhất của tôi, cái tự do đẹp đẽ nhất của tôi chính là được nhảy vào những cuốn sách bị cấm ở nhà trường, tiểu thuyết tình, thơ ca dân gian, lịch sử Cách mạng! Chẳng thà tôi uống nước lã để đăng ký ở phòng đọc Bacđơbo hay Blôtxơ.

Tiền giặt – Quần áo thường của tôi sẽ không tốn một xu nào cả. Cứ mười ngày một lần, tôi sẽ trao quần áo bẩn của tôi cho người đánh xe ngựa chở khách đi Năngtơ để chuyển cho mẹ tôi giặt rồi lại gửi về đây cho tôi. Nhưng tôi dành một phơrăng cho tiền giặt cổ cùn; tôi muốn có một cổ cùn

thôi, thầy mẹ tôi lại muốn hai. Hai mươi xu để giặt đồ *chưng diện* không phải là nhiều.

Vá quần áo – Tôi có thể vá quần áo với một xu chỉ và một xu kim.

Buồng trọ - Dứt khoát là sáu phơrăng rồi.

Tiền ăn – Hai mươi một phơrăng. Thế là vừa.

Tôi còn một phơrăng bốn xu để chi những món bất thường. Bao giờ cũng phải dành lại ít nhiều cho những món chi bất thường. Không ai biết trước được việc gì có thể xảy ra.

Tôi ghen ngào vì sung sướng! Tôi thấy cần được uống khí trời và được ngắm Pari. Tôi vườn cổ về phía cửa sổ. Tôi ngỡ là cửa mở: hóa ra đóng và tôi đánh vỡ một ô kính. Mở một khoản chi bất thường thật quả là đúng!

Tôi đi đổi những đồng năm phơrăng của tôi lấy tiền lẻ để chia ra thành từng cọc, trên mỗi cọc tôi đặt một cái nhãn: *Thuốc lá, Sà-phòng, Macxây, Vá quần áo*.

Phải có trật tự, không được chuyển khoản.

Tôi chạy tới hiện lão Bacđobo, ở đường Cầu-Mới. Lão ta có nhiều vở kịch và nhiều tiểu thuyết nhất.

“Tôi muốn ghi tên đọc sách.”

- Ba phơrăng.

- Đây, tiền đây.

- Và năm phơrăng tiền ký quỹ.”

Khốn khổ, tôi đã không nghĩ tới khoản tiền ký quỹ!

Tôi ập ứng, rồi rút lui... Có nên quay về nhà và lấy vào các cọc khác không?

Như vậy tôi sẽ đi vào một con đường tối nguy hiểm! Thà chờ đợi và cố dành dụm cho được số tiền cược nhỏ ấy còn hơn.

Năm phở rởng đó đã làm tôi rất khổ! Tôi phải sống bằng cái vốn mà tôi có, trong khi những người khác có một trăm xu để ký quỹ thì có tất cả những cuốn sách hay để đọc. Tuy tôi thừa được ba phở rởng để đập thêm vào cái ăn hoặc các thú vui khác thật, và còn tiết kiệm được cả khoản nể nữa, nhưng vì thiếu số vốn đầu tiên đó nên tôi phải bước vào nền văn học hiện đại chậm.

IV

TƯƠNG LAI

Thế bây giờ, Vanhtrax, mày định làm gì?

Tôi định làm gì ư? Nhưng chẳng có ông nhà báo mà tôi quen cùng với Matutxanh ở đó, để ông ta giới thiệu tôi vào làm thợ học việc trong nhà in của tờ báo mà ông ấy viết?

Tôi chạy tới nhà ông.

Ông ta cười vào mũi tôi.

“Anh mà làm thợ!”

- Chứ gì nữa! điều đó sẽ không ngăn cản tôi làm cách mạng – ngược lại! tôi sẽ kiếm được miếng ăn và tôi có thể nói, viết, hành động tùy tôi.

- Kiếm được miếng ăn? Bao giờ vậy! Trước tiên anh phải làm đứa bé sai vặt của cả xưởng đã; anh năm nay mười bảy tuổi mà trông như đã hai mươi! Anh điên rồi và ông chủ nhà in là người đầu tiên sẽ bảo anh điều đó! Nhưng thôi thế này thì đơn giản hơn! Anh đưa hộ tôi chiếc áo choàng, anh đội mũ vào ta cùng đi đến đó!”

Chúng tôi đã tới nhà in.

Ông nhà báo nói đúng! Người ta không tin là tôi nói thật.

Ông chủ nhà in đã trả lời tôi:

“Đáng ra anh phải đến từ năm mười hai tuổi.

- Nhưng hồi mười hai tuổi, tôi còn ở nhà tù của trường trung học! Hồi ấy tôi quay bánh xe chữ la-tinh

- Lại thêm một lý do nữa để tôi không lấy anh vào làm! Trong thời buổi cách mạng này, chúng tôi không thích những kẻ mất gốc nhảy từ trường trung học vào xưởng thợ. Họ làm hư hỏng những người thợ khác. Rồi cái đó chứng tỏ tính nết không thuần, hoặc giả đã phạm tội gì đó... Tôi

nói vậy không phải là nói anh, vì anh đã được ông đây giới thiệu, và tôi thấy anh có vẻ một chàng trai lương thiện. Nhưng, hãy nghe tôi, anh cứ nên ở trong môi trường cũ của anh và nên làm như tất cả mọi người.

Tới đó ông ta chào tôi và biến mất.

- Tôi đã bảo mà! Ông nhà báo kêu lên. Anh quyết định muộn quá, anh bạn ạ! Đã có ria mép, một mảnh băng!... Với cái đó và với thời gian, anh có thể trở thành một tay đánh xe ngựa, chứ thợ thì không! Tôi bạn phải đi ngay bây giờ. Thôi tạm biệt.”

Tôi đứng lại ở giữa phố, vẽ dần dần và xấu hổ.

Nhưng không! Tôi vẫn chưa chịu! và tôi cứ lượn đi lượn lại hoài trong khu phố nhà in đó cũng như hôm tôi đi tìm Toocsônét.

Tôi đã đứng đợi ở trước cửa các nhà, chân lội rãnh nước; ở các cầu thang, mũi dán vào tường; đã có hai tay chủ nhà in bắt buộc phải nghe tôi!

Một tay tưởng tôi là một gã ăn mày nhằm được đãi năm phở; còn tay kia thì cho tôi là một thi sĩ muốn làm thợ trong khoảng bốn ngày cốt để giống như Ginbe hoặc Maguy^[9].

Chẳng nên nghĩ tới chiếc mũ bằng giấy và chiếc áo xanh của thợ nữa!

Tìm nghề gì khác được? – Nghề của ông chú thợ mộc, nghề của bác Fabre thợ giày chẳng? Tôi đã giấu không hở chuyện đó ra với ông nhà báo, với Matutxanh và đám bạn của anh ta, nhưng tôi đã tới các quán cơm nghèo ngồi ăn bên cạnh những người có bàn tay dính sơn của người đóng đồ gỗ hoặc có ngón tay cái bị vẹo của người vá giày. Tôi đã làm quen với họ, tôi thết họ rượu, tôi làm lộn xộn cả ngân sách, là vỡ kế hoạch chi tiêu dù có phải nhịn ăn những ngày cuối tháng!

Tất cả đều đã làm tôi thất vọng.

Một người trong bọn họ, một bác già có bộ mặt thật thà, đôi má xanh xao, mái tóc hoa râm, đã nghe tôi nói hết rồi, với một nụ cười đau xót, bảo tôi:

- Anh nhìn tôi xem! Tôi đã già đi trước tuổi. Thế mà tôi chưa bao giờ nghiện ngập, cũng chưa bao giờ lười nhác. Bao giờ tôi cũng làm ăn chăm chỉ, vậy mà nay tôi đã năm mươi hai tuổi đầu mới gọi là tạm đủ ăn. Con trai tôi phải giúp đỡ tôi. Chính nó sắm cho tôi đôi giày này. Nó đã có vợ, thế là tôi đã cướp cơm đảm con nhỏ của nó.

Giọng bác buồn bã đến nỗi tôi rưng rưng nước mắt.

- Hãy chùi nước mắt đi, cháu! Không phải là chuyện thương hại bác, mà là phải suy nghĩ. Đừng có khăng khăng muốn làm thợ nữa!

Bắt đầu vào nghề muộn như thế này, cháu sẽ mãi mãi chỉ là một anh thợ vụng, mà cháu sẽ khổ sở chính vì học thức của cháu. Dù cho là mình có đầu óc phản kháng đến đâu, cháu vẫn còn mang tính học trò quá để vui vẻ hòa mình với những kẻ dốt nát trong xưởng; mà họ cũng sẽ không ưa gì cháu! Cháu chưa từng là một thằng nhãi Pari, cháu sẽ ra về con nhà. Dù sao, bác cũng nói thật với cháu: cuối đời vận áo thợ, là cuộc đời rách rưới... Tất cả thợ thuyền đều kết thúc ở nơi làm phúc, chính phủ làm phúc hay con cái làm phúc...

- Trừ phi họ chết ở Croa-Rutxo!

- Thì cứ gì phải làm thợ cháu mới xông ra chết ở chiến lũy, nếu cuộc sống nặng nề đối với cháu!... Thôi! Cháu cứ đứng ở phía chiếc áo rođanhgốt tàng, và làm như mọi người vẫn làm, khi buộc lòng phải xỏ tay vào chiếc áo ấy. Cháu có thể gục ngã vì mệt mỏi và vì bần cùng như những ông giám thị hay giáo sư mà cháu đã nói! Nếu cháu ngã xuống, xin chào! Nếu cháu cầm cự được, cháu sẽ đứng thẳng giữa đám áo rođanhgốt như một người bệnh vệt chiếc áo thợ. Anh bạn trẻ ạ, ở đấy có một vị trí để chiếm lĩnh! Vào tuổi cháu, chớ nên khôn ngoan quá! Đừng nên chỉ nghĩ đến mình, đến mấy phơ rằng một ngày, đến *miếng ăn* cứ thứ bảy nào cũng rơi vào túi chiếc áo thợ của cháu... Như thế là có phần ích kỷ đấy, anh bạn ạ!... Con người ta không nên nghĩ quá nhiều đến cái dạ dày của mình khi người ta có cái mà hình như cháu có ở trong tim!

Bác ngừng lại, bắt tay tôi và bỏ đi.

Có lẽ bác ta đã xuống mồ từ lâu rồi. Có thể bác ta chết ngay hôm sau. Tôi đã không bao giờ gặp lại bác ta.

Chính bác ấy đã quyết định cuộc đời của tôi!

Chính ông già ấy, trước hết chỉ cho tôi thấy miếng bánh của người thợ kiếm được chắc chắn ở bước đầu, nhưng ở cuối đường sẽ phải nhặt ở nơi làm phúc, sau đó lại kết án tuổi thanh niên của tôi là ích kỷ và hèn đối với cái đói; chính ông đã khiến tôi đem cái mộng học nghề quảng theo gió. Tôi lại quay về giữa những cậu tú nghèo.

Tôi đã buồn suốt tám ngày đằng đằng, những lúc này trời đang thu! Vườn Luychdambua mới đẹp làm sao với những cây ngả vàng trên nền đồng đen, và đám bạn bè của tôi họ mới vô tư lự và vui vẻ làm sao! Tôi để mặc cho cái tuổi mười bảy của tôi cười đùa và mơ mộng!

Chúng tôi tưới đầm tuổi trẻ của chúng tôi bằng những cuộc tranh luận nảy lửa, những cuộc cãi lộn bất kể vấn đề gì, bằng xúp hành và bằng rượu vang bốn-xu!

Rượu vang bốn-xu.

Rượu vang bốn-xu.

“Ngon thật!” Matutxanh vừa nói vừa tắc lưỡi.

Rất có thể là Matutxanh thấy thứ rượu đó tồi, nhưng với vai trò của kẻ đầu đàn, như người ta ấn chiếc đinh găm, anh nhấn mạnh vào niềm vô tư lự trong cảnh thèm nhịn cũng như niềm tin ở các thức rượu rẻ tiền.

Xét cho cùng thứ rượu vang bốn-xu đó cũng không đến nỗi phải vứt đi!

Tôi đã qua những buổi tối vui thú làm sao, dưới gian nhà trống của phố Pêpinie, ở Môngrugior, nơi có những thùng rượu xếp ngay ngoài trời, và nó đã biến thành tiệm cà-phê Prôcôp của chúng tôi; ở đó chúng tôi nghe tiếng rượu rót từ cổ chai và lời thơ xuất phát từ trái tim; ở đó chúng tôi không nghĩ tới ngày mai chẳng kém như khi có bạc triệu trong tay; ở đó chúng tôi như đeo dây đồng hồ kết bằng những giọt rượu lăn trên áo gi-lê

tựa những hạt ngọc; ở đó với bốn xu chúng tôi có được sức khỏe, hy vọng, và hạnh phúc dư thừa. Phải, tôi đã rất sung sướng ngồi trên các thùng rượu rỗng, trước chiếc bàn của quán rượu.

Lúc trở về, nỗi buồn của lúc tận ngày xâm chiếm tâm hồn chúng tôi, và mặt nạ nghệ sĩ lang thang trút bỏ, chúng tôi trở lại là *chúng tôi*, chẳng ca hát tương lai, mà lặng lẽ hướng suy nghĩ trở về quá khứ.

Đi cách tiệm rượu mười phút chúng tôi vẫn còn hò hét, nhưng một khắc đồng hồ sau, thì chính lời hát cũng tắt dần và chúng tôi nói chuyện – nói chuyện thì thảo về quê hương! – Chúng tôi đi hai ba người một để nhắc lại những ngày ở trường trung học và tiểu học, vừa trao đổi kỷ niệm về những xúc động của mình. Chúng tôi hồn nhiên như con nít, hầu như nghiêm trang tựa người lớn, chúng tôi không là thi sĩ, nghệ sĩ hay sinh viên, chúng tôi là *người của xóm làng*.

Thật là tốt đẹp những buổi rời cái quán nhỏ bán rượu vang bốn-xu ấy ra về...

Một lần chúng tôi đã làm một việc ngông cuồng, chúng tôi đã uống rượu ngon, thứ rượu nho xạ bán lẻ từng cốc, thứ rượu nho xạ mà đến bây giờ tôi vẫn còn thấy ngọt ở lưỡi và đã làm cho người ta mãi mãi sau này trách móc chúng tôi.

Trong tuần ấy, Roayani và tôi hai đứa giữ quỹ. Uống rượu nho xạ là ăn cắp, là phản bội!

Chúng tôi đã phản bội với hai cốc.

Nếu tất cả những vụ phản bội đều để lại vị ngon đến thế, thì không còn có thể tin ai được nữa.

Đây là việc *ngoại lệ* duy nhất, chuyện ngông cuồng duy nhất, điều xa xỉ duy nhất trong cuộc đời Pari của tôi từ khi tôi tới đó.

Cũng còn chuyện mua một cây phong lữ thảo và một cây hoa hồng, rồi mua một tảng đất cắm hoa cúc. Mỗi lần có ba xu mà tôi có thể lấy giấu cả nhóm – không phải là ăn cắp (hối hận về lần uống rượu nho xạ đã đủ rồi) –

mỗi lần tôi lại ra Bến bán hoa để *hái kỷ niệm*. Với ba xu tôi đã mua được thứ cây có nhiều hương vị của tỉnh Puy hoặc của Farâyron nhất; tôi mang giấu nó, ôm giữa bàn tay và trái tim, tựa hồ như tôi sẽ bị trừng phạt nếu có ai trông thấy! vì ở trong đồng bùn của Pari này tôi thèm muốn biết bao – và còn thấy cần thiết nữa – thỉnh thoảng được trốn vào những góc sung sướng của thời niên thiếu!

Một tai họa!

Căn buồng con của tôi ở khách sạn Riffô đã bị lấy lại sau khi đến ở được một tháng. Chủ nhà đã cho sửa sang lại ngôi nhà, và người ta đã phá đổ cầu thang, xâm phạm nơi ẩn của tôi; người ta biến thành cái nơi đã từng là thiên đường của tôi khi mới đến... Tôi đã phải bỏ đi tìm nơi ở khác.

Tôi không tìm được chỗ nào dưới mười phơrăng. Tiền nhà tăng không ngừng!

Tôi đã tới tất cả các nhà sẵn đồ đạc cho thuê ở phố Đôphin, nhưng đều bị xua đuổi bởi mùi nước rác hoặc tiếng cãi nhau om sòm. Tôi muốn được yên tĩnh trong cái hang mà tôi đến nấu mình. Chỗ nào tôi cũng rơi vào những đám trẻ la hét hoặc những ông hàng xóm say rượu.

Tôi chỉ hơi được yên ổn ở một ngôi nhà mà buồng của tôi trông ra khoảng trời rộng! Tôi được thật sự một mình và trông thấy cả bầu trời; nhưng dưới nhà có một tiệm cà-phê mà tôi phải đi qua mỗi lần về nhà; thành thử buổi tối tôi bắt buộc phải về trước khi tiệm đóng cửa, như vậy là phải bỏ những cuộc thảo luận sôi nổi với bạn bè. Cứ thảo luận đến lúc rôm rả bốc cao thì lại phải ra về. Như vậy thật là khổ, và đã vài ba lần tôi không quay về nhà, hai giờ sang ra khỏi khách sạn Lixbon, tôi nện gót trên hè phố đến rã cả người cho tới lúc tiệm cà-phê mở mắt và hạ ván cửa hàng.

Tôi rất mệt vì cuộc đi lang thang trong đêm hôm, và tôi cảm thấy nỗi buồn nặng trĩu và giá lạnh vì mệt mỏi. Hơn nữa, tôi còn phải chịu đựng cái nhìn của bà chủ nhà, dù sao bà cũng đã đợi cửa tôi một chút – đôi khi đợi cả *nửa tháng tiền nhà* của tôi nữa!...

Lúc tôi trở về, người rét lập cập, quần áo nhàu nát, chân kéo lê, bà có vẻ như nói với tôi rằng tôi vẫn còn tiền để đi chơi đêm, thì nên xoay tiền mà trả tiền buồng.

Bà có cái thói vứt các bó hoa của tôi vào chậu rác, nếu tôi đã tự cho phép mình có hoa trong khi còn nợ của bà bốn hay năm phở răng.

Chồng bà, chẳng may, lại là một người tốt.

Chẳng may! Đúng vậy, vì tôi sẽ đánh hấn ta nếu hấn cũng như mẹ vợ hấn, và tôi sẽ cho hấn mấy cái đá để đền vào những bó hoa của tôi bị ném vào chậu rác.

Tương lai chúng ta thế nào cũng nở hoa v.v...

Tôi không trông thấy tương lai của tôi nở hoa mà chỉ thấy hoa của tôi thối rữa.

(Đáng lẽ tôi có thể có nơi chịu, nếu tới các khách sạn chứa sinh viên, ở đây người ta hỏi tên cha mẹ họ chứ không hỏi đến màu sắc đồng tiền của họ. Thầy tôi có thể được coi là xứng đáng với một căn buồng hai chục phở răng. Tất cả đám bạn bè của tôi đều làm như thế cả, nhưng tôi không nghĩ rằng tôi có quyền cam kết bằng cái tên của thầy tôi để bớt được vài con rệp và có thêm được một chút hạnh phúc!)

Một buồng mười phở răng dù rất hẹp, tôi cũng đã có lần cho một người khác ở chung.

Matutxanh đã làm quen ở đâu không biết với một cựu giáp binh – tay này *đang chờ một món tiền*. Ấy là hấn tuyên bố như thế; hấn sẽ cho tất cả chúng tôi vay vào *số tiền* đó; hấn hứa với Matutxanh là sẽ xuất bản cuốn *Lịch sử Thanh niên* của anh mà hấn tỏ vẻ hết sức quan tâm.

“Quyển đó viết bằng những viên đạn.” hấn đã nói vậy.

Hấn đã hoàn toàn chinh phục được Matutxanh bằng cách cung cấp cho anh những chi tiết quân sự, những thuật ngữ, để tăng thêm xúc động cho một cảnh tấn công chiến lũy vào hồi tháng Sáu năm ba chín.

Do đó hẳn nhập bọn với chúng tôi và ăn chung với chúng tôi, có gì ăn này.

Tới một lúc hẳn không có chỗ ở - mà hẳn thì cần có một chỗ - để có địa chỉ cho người ta *gửi tiền đến*.

“Cậu hiểu đấy, chính cậu phải cho hẳn ở thôi, Matutxanh nói với tôi, Roayani và các bạn khác đều có vợ cả... họ không thể để cho tay giáp binh ngủ chung với họ được. Tớ thì có Ängiolina. Cậu thử đặt cậu vào địa vị tớ xem...”

Vào địa vị của Matutxanh, không – Ängiolina gây quá.

Vậy thì tôi, kẻ độc thân, tôi phải giúp việc đó cho tập thể: tôi đã không dám từ chối.

Ôi chao! Tôi tình biết mấy! Lúc nào cũng kè kè tay giáp binh hộ pháp đó ở bên cạnh! Hẳn đã bảo với ông chủ nhà rằng hẳn là anh tôi, để giải thích việc hai đứa sống chung.

Mẹ tôi bỗng dừng gánh thêm một thằng con nữa sẽ nói sao? – vì bị kết tội là có một đứa con mà thầy tôi không biết!

Đúng là sống chung thật! Tay giáp binh xen vào các suy nghĩ của tôi, xộc vào cuộc đời tôi, ngăn không cho tôi ngủ nếu tôi muốn ngủ, không cho tôi đi lại nếu tôi muốn đi lại; cặp giò của hẳn chiếm hết cả chỗ! Hẳn có một cái tẩu thuốc hôi dình dình và một cái sọ làm tôi kinh tởm, hói trọc ở giữa như đầu thầy tu hoặc như đít khỉ. Khi ngủ hẳn quay lưng lại tôi, tôi trông thấy chỗ sọ trắng hếu đó... tôi phải dậy nhiều lần để hít không khí; tôi muốn giết hẳn!

Nhưng một buổi sáng kia, tôi không cảm thấy cái xác to tướng của hẳn tở bên tôi nữa. Hẳn đã tếch rồi! và mang theo đôi giày của tôi. Tôi phải đợi đến lúc tối mịt mới đi bít-tất không tới *khách sạn Lixbon*, tôi có vẻ như một người hành hương – một thủy thủ trẻ tuổi đã hứa trong một cuộc đắm tàu sẽ đi chân đất hoặc đi bít-tất len không, mang nển đến lễ ở Xanhtrơ-Giơnvievr.

Tôi là đứa chưa vợ duy nhất trong cả bọn. Như thế vì rất nhiều lý do!

Trước hết, bạn bè muốn tôi sống độc thân để tiếp tục làm đứa chạy những việc phải đi xa nhất và làm trẻ sai bảo vặt.

- Mà thì mà không có vợ chờ ở nhà! Mà chỉ phải nuôi mỗi thân mà. Đàn ông thì miễn sao không có một cái quần là đủ! Nhưng khi phải sắm sửa áo dài cho đàn bà... Mà sẽ ăn ở đây với vợ chồng tao. Thật là tiết kiệm! Mà hãy tới thẳng ấy, vay lấy năm phở rang, tao thì tao không thể tới đó được, vì con vợ nó. Angiolina nó ghen... Và cái này, cái nọ!

Ngày nào mà tôi lập gia đình thì cả nhóm sẽ mất bộ giò của tôi, ý nghĩ của tôi, những đồng xu của tôi! Khách sạn Lixbon không muốn chứa một cặp vợ chồng nào khác nữa, không còn chỗ: vả lại chủ nhà cũng chán ngấy cái món ấy rồi. Hơn nữa cho đến nay, tôi hầu như hòa thuận với hết thầy mọi người. Người bạn đời của tôi sẽ làm tôi xích mích với tất cả. Vậy nên họ thông đồng với nhau để ủng hộ cảnh sống độc thân của tôi.

Cô vợ của một cậu bé lớn thỉnh thoảng tới chơi với chúng tôi là người hăng phá đám tôi nhất, mỗi lần một cuộc gặp gỡ hay một mẫu chuyện trò với một cô gái tóc hung nào là đưa đến vài lời chế giễu và gây mỗi lo ngại.

- Cô Ema, dù tôi có dính líu với một cô nào hay không thì việc đó động chạm gì đến cô, tôi nói với cô ta, một buổi tối, hai người ngồi với nhau, không có chuyện gì mới nói tới chuyện đó.

- Có lẽ có đụng chạm đấy, cô vừa nói vừa tủm tỉm cười và hạ mắt nhìn xuống.

Tôi có vẻ không hiểu. Cô ta muốn nói cho rõ thêm.

- Thế Adônơ? Nếu Adônơ biết!...

- Tại sao anh lại muốn cho anh ấy biết, có phải anh sẽ nói với anh ấy không, và cô ngửa đầu phô ra chiếc cổ trắng như sữa – cổ Pôlôni hồi xưa! Và ngón tay cô dịu dàng như lụa ấm gọt mớ tóc xòa trên má tôi.

Tôi thoáng như có một chút hối hận, nhưng Adônơ không phải là bạn thân của tôi, chỉ là một người quen biết ở xóm la-tinh, có vậy thôi.

Cô vốn người ở nông thôn và chúng tôi nói chuyện suối, chuyện anh đào trong vườn, chuyện đồng cỏ, chúng tôi nói chuyện cỏ khô và quả dâu.

- Nay, anh có hiểu tại sao em yêu anh không! Em yêu anh vì anh mà làm một tay chân bò thì thật bảnh.

Tôi không biết mình nên hãnh diện hay nên phật lòng, nhưng nghe cô nói và ôm hôn cô, tôi cảm thấy thú vị cũng như khi ngửi mùi mật ong và cọ mũi vào lá tươi.

Thỉnh thoảng tôi đi dự khiêu vũ, bao giờ tôi cũng gây sự đánh nhau. Một khi đã bốc lên, không tự kiềm chế mình nữa, tôi đi tới những cử chỉ man rợ và điên loạn trong tàn bạo. Một khi không còn lễ độ nữa tôi trở nên bóp chát, hung hăng, mù quáng. Trong các cuộc ẩu đả, tôi cảm thấy một niềm vui thú vật, tôi xông vào đám loạn đả như một con gấu say nho. Ấy là sự trả thù những đè nén của bố mẹ, sự o ép trong gia đình, tôi dẫn mình trong các cuộc xô xát với tất cả sức mạnh của mỗi cảm hờn đối với những trận đòn mà tôi đã tiếp nhận vì hiếu hạnh, đối với những sỉ nhục mà tôi đã phải chịu vì kỷ cương trong đạo thầy trò. Và tôi hầu như nổi tiếng là một thằng hay gây sự đánh nhau trong các cuộc khiêu vũ!

Ở cuối một cái sân tại phố Xanh-Ônorê, trong một nhà hầm cũng là nơi khiêu vũ mà Matutxanh dẫn tôi đến, tôi đã để lại chiếc áo choàng, chiếc áo sơ-mi và gần như cả bộ da của tôi nữa trong tay bốn thằng mà tôi muốn đương đầu. Chúng đã gọi tôi là quan viên tỉnh lẻ và ấn mũi của tôi chụp xuống mắt. Dân tỉnh lẻ, chắc hẳn là tôi có cái vẻ ấy rồi, và chính vì vậy tôi đâm đá dữ dội đến thế, đó là mỗi hổ thẹn trong cơn cuồng nộ! đòn này vì hổ thẹn, đòn nọ vì cuồng nộ, và hai tình cảm đó xen lộn, đám bạn cũng hòa vào, và mọi người quần nhau trong bụi!)

Người ta đã đánh tôi suốt hồi còn nhỏ, làm xương và da của tôi rần rại – không phải tim, tôi nghĩ thế! Nhưng tôi cảm thấy không hiểu niềm vui hưng dữ thế nào khi được đo sức với những thằng huênh hoang cậy khỏe.

Đối với những kẻ điên rồ khiêu khích tôi, tôi thét bảo:

- Thế chúng mày không biết rằng tao đã phải chịu roi vọt suốt mười năm trời à... vì giới luật của Chúa và của Nhà thờ muốn thế... Thật ra tao bất chấp những cái đó nhưng nếu tao kêu to quá, người ta sẽ cách chức thầy tao... Thôi dẹp ra, để tao sửa cho nó một trận, cái thằng điên rồ đã gây sự với tao, một thằng vừa thoát khỏi bàn tay bố mẹ!.. Tao có cả mười năm giận dữ trong gân cốt, có máu nóng dân trong mạch máu, có bản năng nổi loạn... Tao không muốn độc ác, nhưng tao cần thái đi những đòn mà tao đã phải chịu... Đừng có đụng đến tao! Liệu hồn!... Để tao yên, tao đã bảo! tao có lợi thế hơn chúng mày nhiều!

Tôi càng tàn bạo nhiều với kẻ nào chạm đến nỗi đau khổ hoặc lòng kiêu hãnh của tôi, với kẻ nào định kể tục quả đấm của ông bố Vanhtrax, thì tôi lại càng nhịn nhường và cố hủ bầy nhiều đối với bạn bè.

Tôi đã chỉ định Matutxanh làm kẻ cầm đầu của bọn tôi – và, chẳng phải là thán phục anh, với riêng anh tôi vẫn thường đùa bỡn nhưng tôi theo anh như một kẻ cuồng tín. Tôi đã đọc sách thấy rằng phải *nghe nhau*, phải hợp thành *một bè cánh*. Tôi đã đọc thấy thế trong sách của Muiêgê cũng như của Đuyma, và tôi tự nhận đóng vai Pooctôx trong *Ba người ngự lâm pháo thủ*, phần nào vai Baptixt trong *Đời nghệ sĩ lang thang*: vì tôi là “lính mới” vì hồi bé tôi không nhìn thấy gì, vì tôi tự cảm thấy mình vụng về dốt nát, không phải như một dân tỉnh lẻ, mà như một thằng xông tù, một thằng bị hành hạ đang ruỗi chân tay.

Tôi đã đứng về phe Matutxanh và những người khác trong cuộc đại chiến giữa bọn *ký phán* và *sinh viên*. Tôi thấy hình như phải đả *bọn ký phán*, hình như bọn ký phán là tư sản và *phản động* – thế là tôi đả họ. Tôi tiêu phí sức lực của tôi vào việc đó, và tôi lấy hết vinh quang được coi như lực sĩ của nhóm.

Tôi chẳng làm gì cả: cái lười biếng mà tôi đổ trách nhiệm cho cách giáo dục tôi! Tôi còn phải vùng vẫy chân tay ít lâu nữa mới có thể đi vào

con đường đúng đắn của tôi và buộc cái đầu bị bợp nhiều quá của tôi chuyên chú vào làm việc.

Tôi không làm gì cả, - xin lỗi! mỗi tuần năm lần, tôi kiếm được mỗi lần một hào. Tôi dạy học con trai một người gác cổng. Như vậy, cộng với số tiền bốn chục phở rằm hàng tháng, mỗi tuần tôi có mười hai phở rằm rưỡi. Tôi không tiêu hơn một đồng kẽm nào nữa!

V

CHIẾC ÁO XANH LÁ CÂY

Một anh bạn đã dẫn tôi đến một hiệu bánh sữa, có một cô gái mà cả bọn đều mê.

Quả là cô ta rất xinh, cô tóc nâu với cái đầu Do-thái ấy, và chưa bao giờ ở bên cạnh các bà vợ giáo sư hoặc một cô gái lăng lơ, tôi có cái cảm giác giống như khi nghe chiếc váy của cô sột soạt. Và rồi cô nhìn tôi với con mắt vui vẻ làm sao, với nụ cười để lộ hàm răng trắng đẹp làm sao!

Cô cứ nhìn tôi, nhìn mãi – nhìn dai dẳng làm tôi bắt đầu thấy thích chí.

Tôi có duyên thật chẳng? Cô ta cười. – Và thế à cô phá lên cười!

“Xin lỗi ông, ôi chào! tôi thành thực xin lỗi ông; là vì ông có vẻ rất ngộ với cái áo xanh lá cây và chiếc gi-lê vàng của ông!”

Và cô lại cười ngặt nghẽo, cười đến chảy cả nước mắt và phải khép chặt hai đầu gối lại.

Trông tôi giống như con búp bê ở hiệu cắt tóc, như một người máy. Tôi xoay người trên ghế, cử động như một kẻ bị tội xiên cọc vào đít mà vẫn còn đưa đẩy con mắt được, nhưng đã đến lúc co giật giãy chết... Tôi đưa mắt sang phải, sang trái, một lần, hai lần. – mà không dám nhìn chăm chú vào một cái gì hoặc một người nào... Trong óc tôi thoáng qua ý nghĩ tôi là một trò chơi ở hội chợ để người ta ném bong, ném bi lấy thưởng, còn tôi thì có vẻ như muốn nói: Hãy nhắm cho *trúng*.

Cuối cùng, niềm vui của cô gái nguôi đi, và cô đến kéo tôi ra khỏi ghế như người ta rút ra khỏi cọc một hình người, trong một lúc nó còn giữ cái vẻ gì là cứng đuồn và gần như thô lậu.

“Anh không giận tôi lắm chứ? Tôi cố nhìn mà không được đấy.”

Trong giọng nói của cô có chút sượng sùng vui vẻ, và cô cầm lấy bàn tay tôi:

“Bắt tay, bắt tay thân thiện để chứng tỏ là anh không giận đi nào...”

Người tôi vẫn chưa hết cứng đờ và tôi phải dùng cách ra hiệu để bày tỏ ý định của một con rối rộng lượng; tôi giơ tay ra rồi rút lại, tôi gật đầu – như tên Gôlô^[10] hèn hạ trong kịch múa rối ở *Hội chợ bánh ngọt*.

Chính cái áo và chiếc gi-lê đã đặt tôi vào tình trạng đó!

Một cái áo và một chiếc gi-lê mới toanh, mẹ tôi bỏ vào một chiếc hòm gửi từ Năngtơ tới cho tôi sáng nay.

Tôi lại tưởng mình vận bộ này, thì trông thật là oách.

Cổ áo có làm tôi lo lắng một chút; tôi thấy như nó cao quá so với một thời nay; chiếc áo gi-lê thì hình như dài quá đến mấy đốt; nhưng tôi nhớ lại những lý thuyết về *cách ăn vận sang trọng* mà mẹ tôi thường hay nói đến, và tôi đi ra phố, không có ý định đìu người khác, nhưng với một chút kiêu hãnh có thể dùng thử được đối với một thanh niên có giáo dục mặc mở hàng một bộ quần áo đẹp.

Chắc hẳn lỗi là tự cái gương của tôi, một cái gương bốn xu soi vào không thấy rõ cả người.

Giá như tôi đã trông thấy được mình!... Tôi đâu có phải là kẻ thô kệch, thật đấy! Tôi biết rõ cái gì đom đàng, cái gì không! Trong khi chờ đợi, tôi đã nức cười tới tận chân tóc.

Tôi những muốn đâm đầu xuống sông, rời khỏi nước Pháp!

Giá như kẻ đã giễu tôi là một người đàn ông!... Tôi sẽ tát vào mặt hắn... rồi thì đấu gươm!

Nhưng trong những người có mặt ở đó không một ai chửi tôi. Vả lại, vì tôi đã đảo mắt lia lịa để khỏi nhìn vào ai nên tôi đã không trông thấy gì hết.

Vậy thì tôi sẽ đâm đầu xuống sông hoặc rời khỏi nước Pháp!

Đâm đầu xuống sông ư?... Nên vĩnh biệt Tổ quốc thì hơn!... Mà thế cũng không nên!

Tôi sẽ có vẻ trốn quân địch, từ chối không nộp thuế máu! Như vậy là xấu.

Nghĩ tới đó thì tôi ngủ thiếp đi.

Bác đưa thư đánh thức tôi dậy.

- Ông Vanhtrax, có thư!...

Tôi có tin được ở mắt tôi không!

Do Matutxanh, tôi mắc phải thói quen trịnh trọng đến nỗi đáng lẽ phải nói: “Chà! Có thể thế này sao!” thì đôi khi tôi lại nói: *Tôi có tin được ở mắt tôi không!*

Hãy đọc bức thư xem sao!

“Khách sạn Tử-quốc,

“Thưa ông,

“Tôi vẫn còn rất xấu hổ về mình, xấu hổ vô cùng!... Tôi sợ đã làm ông méch lòng. Tôi chỉ có thể yên tâm khi nào (không khó chịu về chiếc áo đẹp của ông) ông nói với tôi rằng ông chỉ coi nó như tính vui đùa của thiếu nữ, có thể thôi.

Vậy xin ông hãy vui lòng chơi với chúng tôi vào hồi năm giờ chiều hôm nay, để tỏ rằng ông không còn giận tôi nữa. Lúc ấy sẽ chỉ có mẹ tôi với tôi thôi. Những người ở trọ chưa về, tôi sẽ có thể xin lỗi ông được dễ dàng hơn. Sau đó mới ông soi còm tối với chúng tôi, và chính tôi là người mời ông để chuộc lỗi.

“Alêđăngđrin Mutông”

Cô bé thật đáng yêu.

Giả sử mẹ tôi không gửi cho tôi cái áo xanh lá cây với chiếc gi-lê vàng ấy thì bây giờ tôi tiếc biết mấy!

(Khách sạn Mutông, sau đây sẽ chiếm một chỗ rất lớn trong lòng tôi, chỉ chiếm một chỗ khá chật hẹp trong phố. Mặt ngoài khách sạn quét vôi màu vàng cà-phê sữa, và treo một tấm biển sơn màu vàng trứng rán. Nơi

đây vừa là khách sạn vừa là hiệu bán sữa. Trong gian buồng ở tầng dưới người ta bán cà-phê sữa, sô-cô-la, v.v... và cả mận và anh đào ướp rượu mạnh nữa. Cô Alêcdăngđrin ngồi chễm chệ ở quầy bán anh đào và mận và để cho mẹ cô bưng bát bưng cốc từ dưới bếp lên.

Ở phía trong cùng căn buồng này, về phía tay phải, có một cầu thang xoáy tròn ốc dẫn đến buồng của bà mẹ và của cô gái – ôi chao! căn buồng ấy! nhưng hãy im đi, hồi trái tim ta ơi...)

Tôi yêu cô ta.

Câu chuyện đã xảy đến như thế nào?

Tôi chỉ biết là buổi tối mà cô gọi là tối *chuộc lỗi*, cô đã mời tôi ăn cơm để tự trừng phạt, và để tự trừng phạt hơn nữa, cô bắt tôi phải ngồi bên cạnh cô; tôi chỉ biết là buổi tối hôm đó, tôi đã không thử đóng vai thi sĩ hay *nghệ sĩ lang thang*, mà cũng không phải vai người cộng hòa nữa (xin lỗi các liệt sĩ vĩ đại!); tôi đã không thử làm ra vẻ anh hùng, vẻ bạc mệnh, vẻ khác đời, hoặc bất cứ vẻ gì mà người ta thường bày ra khi ngồi gần phụ nữ và khi người ta mới mười bảy tuổi.

Tôi đã chỉ nói chuyện giản dị về cái áo và chiếc gi-lê của tôi, về vẻ ngốc nghếch của tôi, về ý định muốn nhảy xuống sông, được thay bằng quyết định rời khỏi nước Pháp; tôi kể lại rằng đây không phải là lần đầu tiên mẹ tôi đẩy tôi vào con đường tự sát với những chiếc gi-lê dài quá hoặc những cổ áo cao quá, và tôi lại làm cô bật cười – nhưng không to quá như lần trước – một tiếng cười dịu dàng và trong trẻo, lúc nào đó, lại còn đượm thêm một giọt lệ nhỏ. Một câu chuyện về thời thơ ấu của tôi đã làm rơi hạt ngọc đó từ cặp mắt thương cảm của cô.

- Ôi chao! tôi càng giận tôi hơn về cử chỉ của tôi, cô nói, và cô cầm lấy bàn tay tôi như tay một đứa trẻ con và xiết chặt.

Trước bữa ăn, chúng tôi đã giở những trò thi sức, và bàn tay tôi đã bẻ gập mấy cổ tay khác và đã cử vài quả tạ trong góc nhà. Bây giờ bàn tay ấy run rẩy như chiếc lá.

Tối một lúc, mắt chúng tôi đã nói với nhau những điều mà miệng chúng tôi không muốn nói; tay chúng tôi rời nhau, nhưng trái tim chúng tôi gắn bó với nhau...

Tối nào tôi cũng tới đó; tôi tới đó uống cà-phê, rồi đến ăn cơm bữa, một buổi sáng nọ, tôi khiêng hòm tới! Chính cô ta muốn thế.

Tôi sống ở khách sạn Mutông một cuộc sống thật sung sướng, giữa tình yêu và chính trị, giữa cái đầu tóc nâu của Alêcdăngđrin và tượng bán thân của thần Tự do.

Bà mẹ Mutông có mong tôi sẽ lấy con gái của bà không, ông bố Mutông có tin ở tương lai của tôi không?...

Họ cho tôi ở trọ chịu. Họ còn giới thiệu để tôi dạy tiếng Pháp cho một người Nga là khách trọ ở đấy nữa.

Người Nga đó trả tôi ba mươi phơrăng một tháng. – Tôi dạy anh ta tiếng Pháp chẳng nhiều gì, nhưng cứ hai ngày tôi lại viết hộ anh ta một bức thư, giọng văn nồng cháy, để gửi cho một cô đào hát ở rạp *Tiêu khiển* mà anh ta yêu mê mết.

Bốn mươi phơrăng cộng với ba mươi phơrăng thì ở đâu cũng thành bảy mươi phơrăng.

Tôi có bảy mươi phơrăng!... Tôi đưa năm mươi phơrăng cho ông bố Mutông, ông hài lòng và trả cả tiền rượu cho tôi nữa. Tôi giữ lại hai mươi phơrăng để chi tiền thợ giặt, tiền thuốc lá và những món nông cuồng của tôi! Trong số hai mươi phơrăng đó, cũng phải nói là chủ nhật nào tôi cũng đem bốn hào cho chú học trò cũ của tôi, con trai người gác cổng. Bố nó đã chết, và không có tôi với ông chủ nó, một ông già nghèo làm nghề giấy bồi, nó sẽ phải vào *nhà tế bần*.

Tôi kiếm sống, tôi có người yêu, và tôi chờ Cách mạng.

VI

CHÍNH TRỊ

Tôi yêu những ai đau khổ, đấy là cái bản chất sâu xa của tôi, tôi cảm thấy thế - và mặc dù tôi có tính thô bạo và lười biếng, tôi tưởng nhớ, tôi suy nghĩ, và đầu óc tôi làm việc. Tôi đọc những sách nói về cảnh bần cùng.

Cái đã chiếm khoảng lớn trong trái tim tôi, chính là niềm tin chính trị, ngọn lửa cộng hòa.

Bọn tôi là một nhóm *những người tiến bộ*. Không phải là chúng tôi đồng ý với nhau trên tất cả mọi vấn đề, nhưng tất cả chúng tôi đều tán thành Cách mạng.

“NĂM 93, ĐIỂM CAO CỦA LỊCH SỬ ẤY; ĐẠI HỘI QUỐC ƯỚC, BẢN ANH HÙNG CA ILIAT ẤY; ÔNG CHA CHÚNG TA, NHỮNG CON NGƯỜI KHÔNG LỖ ẤY.”

Khi tôi nói chúng tôi đồng ý với nhau, có nghĩa là chúng tôi đã suýt đánh nhau hơn một lần: một hôm tôi gọi Rôbexpie^[11] là một giám thị và Jăng-Jắc^[12] là một chàng “phốt lạnh”.

“Phốt lạnh” suýt gây bất hòa giữa tôi với cả bọn.

Người ta bỏ qua cho tôi về việc gọi Roobexpie là giám thị, với điều kiện sẽ trở lại vấn đề và *thảo luận cái đó* sau, nhưng “phốt lạnh” gán cho Rutxô thì quá lắm.

Tôi nói vậy có ý nghĩa gì? Khi người ta ném ra những tiếng như thế, thì phải giải thích... “Phốt lạnh” nghĩa là gì?

Hừ! lạy Chúa, tôi không phải là thầy thuốc, nhưng bao giờ tôi cũng thấy người ta dùng chữ “phốt lạnh”, kể cả mẹ tôi, để gọi những người nào không mạnh bạo, thẳng thắn – có vẻ nham hiểm, *ngấm ngầm*!

- Vậy là Jăng-Jắc *ngấm ngầm* hả?

Tôi loay hoay mãi không giải thích nổi và tôi đã phải xin lỗi, phải rút tiếng “phót lạnh”. Tôi rút lui miễn cưỡng để được yên thân.

Ông ta không cười bao giờ, cái ông Rutxô ấy, ông ta kiểu cách, sứt mướt; ông ta viết những câu tuồng như không xuất phát từ trái tim; ông nói với người La-mã kiểu như ở trường trung học bọn tôi đã từng làm trong các bài tập...

Ông ta sặc mùi nhà trường.

Phót lạnh, phải, đúng vậy!

Tôi ưa Vonte. Tôi thích Vonte hơn Rutxô.

- Vonte à? Matutxanh kêu lên.

Anh ném vào mặt tôi những câu thơ của Huygô...

...Con khi thiên tài ấy!

Tôi để cho cơn giông tố qua đi và vẫn giữ ý kiến, và làm cho sai lầm của tôi càng nặng thêm; cái ông Vonte hợp với tôi không phải là Vonte của các tác phẩm lớn, mà là Vonte của những chuyện ngắn, Vonte vui vẻ, búng tay cả với thượng đế, nhoèn cười với quỷ, và cứ thế la lớn với tất cả...

“NHƯ VẬY CẬU LÀ MỘT THẲNG HOÀI NGHI À??”

Matutxanh vừa hỏi, vừa lùi xa ra hai bước và khoanh tay nhìn thẳng vào mặt tôi.

Tôi đã rút chữ phót lạnh đối với Rutxô, tôi giữ lấy chữ *hoài nghi* cho tôi.

- Thế mà mày tự cho mình là cách mạng!...

- Tôi chẳng tự cho là gì cả. Tôi cho rằng Rutxô làm tôi phát bực. Cả Vonte nữa, khi nào ông ta làm ra vẻ trịnh trọng, và tôi không ưng người ta làm cho mình bực; nếu muốn làm Cách mạng mà trước hết phải bực mình đã, thì tôi xin rút lui. Tôi đã khá bực mình hồi ở nhà với bố mẹ.

- Vậy mày làm cách mạng cho vui à? Matutxanh vừa nói vừa đưa mắt vừa đưa mắt nhìn quanh cả bọn, để cho mọi người thấy tôi đã đuối thế nào.

Tôi đâm bí và tôi lúng búng vài lời giải thích không ra sao hết. Chính sự bối rối đó lại cứu tôi. Matutxanh sợ rằng cuối cùng tôi sẽ tìm được câu gì để trả lời, liền tuyên bố với tôi rằng anh biết là “tôi đã đi quá xa ý muốn của tôi, chứ tôi không phải là kẻ coi cách mạng như một trò đùa và đi giễu lá cờ của ông cha như một đồ chơi...”

“Có điều là, cậu thấy không, cậu có cái tật muốn nói ngược lại mọi người, thế là đôi khi cậu mắc kẹt đấy thôi!” và anh cười ra vẻ một người chiến thắng rộng lượng.

Nói chung là mọi người đều thấy tôi không có lấy hai xu nhiệt tình.

Không nhiệt tình! Các bạn nói gì vậy?

Cứ đến giờ phát hành tờ *Tiếng nói của dân chúng* tôi lại run rẩy đến tháo tờ báo treo ở sợi dây chỉ trong tủ kính của rượu vang; tôi trả một xu và tôi bỏ đi sung sướng như vừa mua được một khẩu súng. Bút pháp của Prud'homme tóe lửa như anh mặt trời rơi vào cửa kính và tôi như thấy qua các dòng chữ lấp lánh một lưỡi lê.

Không có nhiệt tình? Chà! Cứ lật một viên đá lát đường lên rồi các anh thấy tôi có đáp *có tôi* theo tiếng gọi của những người dựng chiến lũy hay không, tôi có cam lặng và tái mặt ra xếp hàng hay không dưới lá cờ ghi chữ: *Chết trong chiến đấu!*

Không có nhiệt tình! Nhưng đôi lúc tôi tự hỏi có phải trái lại tôi là một tu sĩ ngược chiều hay không, tôi có phải là một chú tiểu của cuộc nổi loạn, một tên nô lệ nhỏ *perinde ac cadaver*^[13] của Cách mạng hay không?

Tại sao bao giờ tôi cũng thấy rùng mình trước những lời kêu gọi nổi loạn đầu tiên? Tại sao lại có sự thèm khát chiến đấu ấy, và cả thèm khát hi sinh nữa? Tôi sẽ chịu nhục hình và sẽ chết như một người anh hùng, tôi tin thế, trong tiếng điệp khúc của bài Macxâyê...

Ở khách sạn Lixbon, họ thấy tôi không có đức tin! Họ bất bình với tôi vì đã không tin ở danh nhân và ở sách vở - Tôi đang sợ là mình còn quá tin thì có! Tôi thấy trong sự nhiệt tình của tôi có xen lẫn một thứ lãng mạn do

ham đọc sách khiến tôi nhìn khởi nghĩa đầy thi vị và cao cả, và hứa hẹn với xác chết của những người cộng hòa một bài diễn văn đánh nhịp bằng tiếng súng đại bác.

Tôi có biết rõ tại sao tôi muốn chiến đấu và rồi chiến thắng sẽ đem lại cái gì không? Không rõ lắm. Nhưng tôi cảm thấy rõ ràng là vị trí của tôi là ở phía có người kêu lên: *Cộng hòa dân chủ và xã hội muôn năm!* Đứng về phía đó là tất cả những đứa con đã bị bố hành hạ bất công, tất cả những học sinh đã bị thầy giáo làm ứa máu vì những đòn nhục nhã, tất cả những giáo sư đã bị ông hiệu trưởng chửi mắng, tất cả những ai bị đói khát vì những sự bất công!...

Chúng tôi đứng ở phía đó.

Ở phía bên kia là những kẻ sống dựa vào quá khứ, vào tập tục, vào thói cổ hủ, những lão Lownhanha, Tuyeecfanh, những bọn có môn bài, những tên ngồi ăn béo!

Tôi đã ngán những trò độc ác mà tôi đã trông thấy, những việc ngu xuẩn mà tôi đã chứng kiến, những cảnh buồn rầu diễn ra bên cạnh tôi, để biết rằng xã hội này là hỏng, và hễ có dịp là tôi sẽ nói với nó bằng súng... Không phải nhiệt tình giả tạo, không! Nhưng phải nóng lòng vì điều thiện và phải say mê chiến đấu!

Khách sạn Mutông đã thay thế cho khách sạn Lixbon. Khách sạn Lixbon chết rồi; một tay buôn rượu vang kiêm chủ hiệu ăn đã thế chân lão bán rượu vang lẻ, và đã chiếm cả tòa nhà đó.

Các buồng của đám nghệ sĩ lang thang đã biến thành những buồng riêng. Nơi xưa kia chúng tôi nhặt đậu, nay người ta dọn gà tần và thịt thăn xào nấm; những đĩa ụ tôm – biểu tượng của sự thụt lùi – nở hoa giữa nơi xưa kia những con người tiên phong la hét! Ngôi nhà này trước là nơi người ta đập vỡ cái vỏ thành kiến, nay mang cái tên: *có món sên ốc trứ danh*.

Khách sạn Lixbon chết rồi.

Mỗi người tan đi một ngã; Roayani đã chìm được cô con gái bà gác cổng và sống với cô ta như một tay tư bản, ở góc phố Lệnh – bà.

Roayani trở thành con người như thế đó! những anh chàng ồn ào hồi xưa bây giờ đều thế cả! Và lại Roayani muốn làm quản lý văn khế; hẳn để tóc bù sù chỉ là để đùa vui, và tự hứa sẽ hói đầu khi cần. – một khi đã thi đỗ xong, - nếu cái đó giúp phòng quản lý văn khế của hắn dắt khách.

Matutxanh thì bám lấy ngôi mộ của một nhà từ thiện, một tay làm phúc thường phát cháo ở ngoài phố; gia đình anh ta muốn dựng tượng cho ông ta, họ nghĩ rằng một quyển sách ghi những *sự tích* về lòng thiện của ông ta sẽ củng cố thêm vinh quang của người đã chết, danh tiếng của ông sẽ nằm trong đó như một chiếc thìa trong món súp Ôvecnơ, và chính Matutxanh đã được trao nhiệm vụ đơm ra bát. Anh đã làm nhiệm vụ một cách thận trọng, khuấy cho những *việc làm từ thiện* những *chuyện làm phúc* sủi bọt nổi lên trên cuộc đời của người quá cố như những bọt nổi trên mặt bát canh.

Anh ta sống rất dễ chịu ở nhà đám người kế thừa ông nọ, trừ mỗi chuyện là bữa nào cũng phải ăn cháo – để tưởng nhớ đến vong linh của nhà từ thiện – thành thử bụng cứ to ra, Matutxanh cố giấu cũng vô ích; anh có cái bụng phệ, điều đó làm diện mạo anh bớt kì dị đi rất nhiều.

Và chẳng, anh đã dứt khoát ăn vào *nồi của người phúc đức kia*, ăn vận kiểu áo tròn trĩnh của nhà hiền giả - giống áo của các pháp quan thời xưa trong những vở tuồng câm; anh đội một chiếc mũ thấp và đi giày buộc giải.

Tôi nghĩ là cô Ängiolina đã bỏ anh và đã lừa anh. Anh bảo cô ta đang đi nghỉ tại nhà một người bà con; nhưng người bà con này nghe đâu có ria mép và đội mũ nhọn.

Chiếc mũ mới của Matutxanh *húp cháo* đối với Ängiolina hình như là một sự hèn hạ và chiếc áo giáp quan là một sự phản bội.

- Hơn nữa, cô đã thổ lộ với một vài người, anh ta chỉ còn có những cử chỉ của kẻ vớt bọt nồi nước hầm.

Nhưng không; Matutxanh không phản bội, và mặc dù anh ta có mùi cháo ầy và những thứ áo tròn trĩnh ầy, anh vẫn gắn bó với những tư tưởng tiến bộ - cả chiều dài bộ tóc của anh, mà anh vẫn không hi sinh, nhưng anh chải thành từng cuộn buông xõa trên cổ áo trắng, loe rộng như một cái đĩa.

(Anh đã làm quen được với một nhà thơ.

Bulimiê, nhà thơ của chúng tôi, có nước da đỏ của người dân xứ Buôgônnhơ và mắt đeo mực kính của một người Đức, hàm răng ngựa của một người Ăng-lê. Anh ta cao lớn, ăn vận luộm thuộm với những chiếc áo rơđanhgốt của người truyền đạo làm cho cái thân hình cận vệ binh của anh đâm ra lỗ bịch. Hai chân anh to sù, anh gây cho chúng tôi một ấn tượng rất mạnh. Thật là ngộ! Lúc nào chúng tôi cũng nói chuyện về tuổi trẻ, chúng tôi vận những kiểu áo ngắn, để tóc dài, chúng tôi giấu cợt những ai đeo kính, chúng tôi muốn có nước da xanh nhạt, xanh tái nữa. Bulimiê thì mặt đỏ như gạch, đeo kính trắng, tóc cắt ngắn như bàn chải, áo dài kiểu giống Quâykơ, năm nay bốn chục tuổi. Anh là bậc vĩ nhân của chúng tôi, là *Vates*^[14] của nhóm chúng tôi.

Matutxanh dẫn Bulimiê đến với chúng tôi một tháng hai lần; cứ vào hôm ấy người ta lại ăn tiệc lớn. Hai bàn chân của Bulimiê chiếm mất nhiều chỗ ở dưới gập bàn làm vướng mọi người – trong bữa ăn thôi – và tới lúc ăn tráng miệng người ta quên mất chân anh và yêu cầu anh đọc thơ. Anh có rất nhiều. Anh có một loạt bài thơ ngắn nói về làng quê làm cho Matutxanh phục lẫn, không ai có thể bảo là Matutxanh ghen tị, chính anh đề cao nhà thơ của mình. Ví bằng những câu thơ tha thiết của Bulimiê nói rằng mình thích ngủ trên cỏ, tức thì Matutxanh ẻo lả tựa má vào bàn tay và làm ra vẻ lim dim ngủ. Phải chăng là cảnh đi câu, anh sẽ có vẻ như đang mắc con giun đỏ vào lưỡi câu, khi đến câu thơ con cá mắc câu, người ta tưởng chừng Matutxanh đang cầm lấy dây câu, rồi xỏ một cọng rơm thường của đồng ruộng vào mang con cá gáy! Bulimiê ví bằng mô tả con lừa con đang đánh hàng tràng rầm ngoài đồng, Matutxanh liền làm ra vẻ người đánh rầm trên ghế ngồi...

Những bài thơ *quê hương* của Bulimiê không làm cho tôi muốn đến thăm quê anh – những câu thơ anh chàng xứ Buôcgônơr ấy không có hương vị rượu vang của Buôcgônơr. Đây là rượu vang trong sách chứ không phải rượu trong hầm rượu. Buimiê quê ở vùng Tuôcnuyx. Anh ca ngợi Tuôcnuyx. Ở điệp khúc, anh bắt vần Tuôcnuyx với Bắckyux^[15].

- Anh ấy đọc Tuôcnuyx thì đáng lẽ không được đọc Bắckyuxơ..., một chị người nhỏ bé ngồi trong một xó nói, làm cho con mắt của Matutxanh hăm hăm nhìn lại.

Tôi không thích Bulimiê của những bài thơ đó, nhưng tôi thích Bulimiê của những bài theo kiểu Bactêlêmy. Có ba bốn bài màu sắc ấy thỉnh thoảng có mùi của bánh mì đen, đồ nghề, mùi nhân dân và nổi loạn...

Matutxanh không cần nhấn mạnh các bài đó! những câu thơ vang lên như tiếng trống.

Thơ đó làm cho máu bừng đỏ da và rượu vang rót đầy cốc. Uống để chúc mừng Cách mạng, chạm cốc để tưởng nhớ năm 93, sau đó sẽ phải uống nước lã tám ngày ròng vì đã cạn túi trong một lúc để chạm cốc vì nền cộng hòa ấy, nhưng cái lúc đó thật tốt lành vì đã nhuộm đỏ đầu óc chúng tôi trong những năm tháng! Thế vẫn còn là lợi.)

Không phải tất cả mọi người trong khách sạn đều cùng một quan niệm với chúng tôi; và phải nhờ vào hoàn cảnh đặc biệt do mối tình của tôi tạo nên, chúng tôi mới có thể làm âm ỉ được như vậy, những ngày hăng say. Chúng tôi trèo cả lên ghế, cử *Macxâyê* – hoạt đầu trầm trầm – nhưng chẳng bao lâu tiếng hát vang lên như sấm, cả ông bố Mutông cũng hát, và những người khách trọ phát cáu.

Một buổi tối, người ta đánh nhau và chúng tôi bị giải đến đồn. Đọc đường, đám kế thừa ông phát cháo trông thấy Matutxanh, hôm sau họ liền cho anh nghỉ việc.

Người ta đồn là anh đã trả thù.

Đồn là anh đã xuống bếp và đã làm “nhục” món cháo – làm “nhục” thế nào? Bằng cách nào? – Anh không bao giờ thổ lộ điều bí mật đó với ai; người ta chỉ biết rằng hôm ấy, trong gia đình *Chiếc áo gi-lê nhỏ màu lam*, mọi người thấy món cháo có vị lỳ quái.

Trường trung học Pháp.

Từ khi Matutxanh được tự do, trong khu phố người ta chỉ còn nghe thấy tiếng chúng tôi thôi và chúng tôi nổi bật lên trong tất cả các vụ om xòm rối loạn.

Giờ giảng của Mitsolê^[16] là bãi chiến trường lớn của chúng tôi. Thứ năm nào chúng tôi cũng kéo tới trường trung học Pháp.

Trên dọc đường chúng tôi đã làm quen với mấy cậu sinh viên là kẻ thù của bọn thầy dòng Jêduyt, chúng tôi kéo cả bọn đến phố Thánh-Jắc.

Tòa đại học đường ấy nom xấu thật là xấu, nó ở kẹp vào giữa những phố nhơ nhớp và nghèo khổ ấy, nhan nhản những khách sạn có buồng trọ; nó bị bao vây bởi những người bán sách cũ khốn khổ lúc nào cũng thấy ngồi ở trong cùng cửa hàng tối om, luôn tay dán lại gáy những quyển sách cũ.

Trường trung học! đúng là một trường trung học, mặc dù học trò đã có ria mép. Trông nó rất giống những hành lang và tiền sảnh im lặng dẫn tới các phòng học hay các lớp học. Người ta tưởng sẽ trông thấy viên hiệu trưởng đi qua đang nói chuyện với viên quản lý, rồi bỗng gặp thấy tư-tế hốt hải đi vào, tưởng chừng như tội lỗi đang gọi thầy tới, và thầy rập mình cúi chào với một nụ cười như mây và trắng bệch.

Thật là buồn! Matutxanh lại không đồng ý như thế:

“Cái gì mà cũng thấy buồn. Mà muốn ở đây có trồng đậu với những bông hoa đỏ chẳng?”

- Tôi ưng như thế hơn, và tôi cũng ưng ông Mitsolê đôi khi nói cho rõ hơn!

- Thế là, anh cãi lại, giọng khan khan và cười thương hại, chàng *Zôilo*¹²⁷ lại đã không vừa ý với bài giảng lần trước của ông ta phải không?...”

Vừa ý? Thì ra anh chàng Matutxanh này cũng chẳng hiểu gì cả, và nếu như không có tinh thần tập thể, tinh thần kỷ luật, thì đáng cho anh ta mấy cái tát! Vừa ý! – Có chứ! Tôi vừa ý! Tôi biết rõ ông Mitsolê là về phe chúng tôi và phải bênh vực ông ta.

Hôm thứ năm cách đây hai tuần, tôi chẳng đã đánh một thắng phản động dở sống dở chết vì nó đã nói đúng như tôi nói đấy ư – chỉ khác một điều là nó lấy làm khoái vì bài giảng hôm đó nghe chán ngấy; tôi thì tôi buồn về chuyện đó, vì tôi muốn bài giảng bớt cao siêu, *sàn sàn mặt đất hơn*. – Phải, Matutxanh ạ, sàn sàn mặt đất hơn. Tôi tưởng như có nhiều người trong đám đông đó cũng sàn sàn mặt đất như tôi...

Tôi cuộc rường trong số những người vỗ tay có đến ba phần tư không hiểu gì cả.

Bao giờ người ta cũng chờ để vỗ tay.

Khi nào giọng nói hoặc cử chỉ của ông thầy không chỉ rõ, thì hai anh chàng cao lớn – một gã tóc dài, gã kia không tóc – làm hiệu; không chỉ để vỗ tay mà còn để cười nữa; không chỉ để cười mà còn để *cười nhạo* nữa.

Tôi đã cười nhạo bằng một vài lần, ngỡ như vậy là đúng, cái đó đã gây tác động rất xấu: những thắng ngồi cạnh tôi đã cười nhạo theo tôi, vì *tin cậy*, tưởng tôi đã làm theo hiệu lệnh của thắng *Hói* hoặc thắng *Tóc dài*, họ rất cáu với tôi và biểu lộ cho tôi thấy.

Cho nên bây giờ tôi cứ đợi cho tiếng cười nhạo được tuyệt đối công nhận đã; tiếng cười không còn gì đáng ngợ nữa; tiếng hoan hô đúng là tiếng hoan hô đích đáng, đến lúc đó mới làm bất cứ cái gì biểu thị nhiệt tình, hoặc niềm vui, hoặc sự thất vọng. Tôi không bao giờ làm trước mọi người.

Một đôi khi tôi làm sau nữa!

Tôi làm chậm quá, và sự biểu thị muộn màng, lẻ loi ấy lại làm hại tôi. Tất cả phòng quay lại nhìn cái thằng có vẻ như chế nhạo mọi người ấy.

Tôi sẽ diện; tôi không muốn có vẻ chỉ là một tiếng ngốc nghếch và tôi cứ tiếp tục một mình làm điệu bộ hoặc khe khẽ kêu lên.

- Im đi chứ! Từ khắp các phía mọi người la tôi. Thằng nỡm kia! Ngu hay sao thế!

Tại sao ông Mitsôlê thỉnh thoảng lại có vẻ xa vắng như nghĩ đi đâu ấy?

Tôi đã đọc những quyển Toát yếu và những cuốn lịch sử của ông. Những cái đó sinh động và lóng lánh, thật là sáng sủa và thật là ấm áp. Một đôi khi tôi mang theo vào buồng tôi sách của Mitsôlê như thể người ta đi sưởi ấm bên ngọn lửa càn nhô.

Thỉnh thoảng trong khi giảng cũng vậy, ông bùng lên như ngọn lửa nó phả vào trán tôi như hơi than hồng. Ông rọi ánh sáng vào tôi như một tấm gương rọi ánh mặt trời vào mặt anh. Nhưng nhiều lần, rất nhiều, ông *gợi lửa* nhiều quá và muốn làm tóe ra quá nhiều tia sáng: cái đó làm tro bay mù.

Tro hay tia sáng, những kẻ sùng bái ông đều hoan nghênh tất.

Riêng tôi, tôi chỉ thấy như thế dường như là không thật và nói dối vì chuyện không đâu, tự bịt mắt mình và do đó bịt mắt cả thầy, như thế là giả dối. Làm như vậy thì chẳng nên chửi bọn thầy dòng Jêduýt nữa.

Dù sao bộ mặt ông mới đẹp chứ, và con mắt rực lửa làm sao! Bộ mặt xương xương và thanh tú ấy, chắc như tượng bán thân bằng cẩm thạch và linh hoạt như mặt phụ nữ, tóc để theo kiểu nhà binh nhưng trắng như bạc, tiếng nói lạnh lạnh ấy, ngôn ngữ mới mẻ đến thế!

Đối với dĩ vãng ông có sự táo bạo theo kiểu Camiơ Đêmulanh^[18], chống lại bọn giáo sĩ ông có những cửa chỉ dứt khoát; bằng bàn tay trắng ông cào xước nền trời.

Báo chí đã can thiệp vào, người ta trích đăng một số đoạn của một bài giảng – những đoạn có vẻ khôi hài. Giáo sư lên tiếng phản đối, ông *chấp* *nắm* lại những trích dẫn, sửa lại mặt mũi câu cú.

Tại sao vậy?

Chẳng cần phải trở tài hùng biện và chấm biếm của ông vào việc tự bào chữa, tôi muốn nói rằng ông nói cho tôi những điều mà tôi không hề thấy, ông ném vào đầu óc tôi những tư tưởng mà tôi sẽ đem theo – dù sau này thấy nó dở mà không nói với ai – nhưng tôi vẫn nghĩ tới khi đi ngủ.

“Có những tay Jeduýt, ông nói, tới đây nghe tôi giảng bài rồi về xuyên tạc nó.”

Tất cả những ai ở trong phòng mà không có râu, nước da hơi nhợt, mũi hơi to, áo sơ đanhgốt hơi dài và đi giầy buộc dây; những người đó đều bị nhìn soi mói bằng con mắt hăm dọa và bị ngờ là những kẻ trốn từ trường nhà dòng tới làm kẻ địch. Đông tố âm ầm trên đầu họ, vấn đề là phải đập cho họ một trận. Họ nghe thấy xì xào xung quanh họ: “*Chuột nhà thờ, rệp kho đồ thánh, quân buôn chúa! Mặt ngay như ngọn nến, người ta thừa biết đâu là bọn giả đạo, dả đảo bọn thầy tu!*”

Một anh chàng đeo kính, đang ghi chép, bị một bàn tay bí mật chỉ là bọn tay sai của Jeduýt.

“Thằng kia à?...

- Đâu, nó ngồi đâu?

- Ở ghế thứ ba ấy.

- Thằng to lớn kia à?

- Phải... Có người vừa nói là lúc nào cũng thấy nó đi với bọn thầy tu.”

Câu đó lọt vào tai một tay *cứng rắn*, anh này liền đứng dậy hỏi xem thằng cha ngồi kia, thằng cha đeo kính ấy, đang làm gì...

“Nó đang ghi chép.”

Vô khối người khác cũng đang ghi chép – và là những người sùng bái Mitsolê kịch liệt – nhưng chiều hướng lúc này đang thiên về nghi kỵ.

“Đả đảo thằng đang ghi chép! – Khám người nó xem! – thẻ sinh viên của nó đâu! Thẻ sinh viên! Bắt nó đưa thẻ sinh viên ra!...”

Nó không có thẻ, tôi cũng không! Trong hai nghìn con người có mặt tại đây, ai là người có thẻ? Chẳng có ai cả! Nhưng mọi người lại cứ đòi xem thẻ của cái anh chàng vận cái áo rơđanhgốt dài đó, anh ta chẳng hiểu người ta muốn gì mình, lúc đầu còn *ngỡ* người ta nói người khác.

Cuối cùng người ta giải thích cho anh. Anh đứng dậy đáp:

“Tôi tên là Êmin Ôliviê, em ruột của Arixtit Ôliviê, người hôm nọ chết ở Môngpeliê trong một cuộc đấu gươm vì nền cộng hòa.”

Thế mà trông anh ta lại rất giống một tên Jêduýt!

VII

CÁC TRƯỜNG HỌC

Một buổi sáng, một tin đồn lan đi trong khu phố.

“Cậu biết tin chưa? Người ta cấm bài giảng của ông Mitsolê. Tin đó đăng ở báo *Mônitor*.”

Chúng tôi biết tin đó ở khách sạn Mutông, tức thì mọi người nhốn nháo, rồi cảnh nhốn nháo đó truyền sang các tiệm cà-phê nhỏ và các hiệu bán sữa lân cận.

Người ta biết những bộ tóc dài của chúng tôi; người ta thường trông thấy chúng tôi đứng bàn cãi, hò hét ở trước cửa; tiếng tăm chúng tôi lan ra trên một chiều dài mười lăm nóc nhà và ba phố nhỏ.

Người ta tới tìm chúng tôi.

“Làm gì bây giờ? Ý Matutxanh thế nào?”

- Ý cậu nữa, Vanhtrax?

- Làm gì à? *Phản đối*, chứ gì nữa! Nào, Matutxanh, ngồi vào bàn này và thảo đơn đi! Sau đó ta sẽ kéo cả bọn tới trường Trung học Pháp, và ta sẽ bảo những ai tới nghe giảng bị lỡ ký cả vào đây.

- Ta sẽ gửi đơn phản kháng cho ai?

- TA SẼ ĐƯA ĐƠN ĐẾN NGHỊ VIỆN.”

Ý kiến đó chọt đến với tôi. Ý kiến ấy gây chấn động: (Phải! phải!)

Matutxanh đã vồ lấy một mảnh giấy.

“Giúp tao với! anh nói.

- Thế nào! Xong chưa? Một lát sau người ta hỏi.”

Chưa xong. – Có những tính từ chưa đặt, và ba trạng từ với âm *mãng* nghe rất chối.

Cuối cùng tôi xé những bản nháp dài dòng và viết một mạch bốn dòng, không hơn.

“Những người ký tên dưới đây, nhân danh quyền tự do tư tưởng và tự do ngôn luận, phản đối việc đình chỉ giờ giảng dạy của công dân

Mitsolê, và xin chuyển đến các vị dân biểu lá đơn phản kháng yêu cầu các vị bênh vực lời phản kháng này tại diễn đàn Nghị viện.”

- Cậu nên thêm: *Trước toàn dân*.

- Cũng được.

- Hỡi các bạn công dân! Đơn phản kháng thảo như sau!

Matutxanh đọc.

- Được! được!

Lại có những tiếng kêu “Các trường học muôn năm!” Tới Nghị viện! Tới Nghị viện!”

Những người chữ tốt sao đơn phản kháng thành nhiều bản. Bản thứ nhất chuyển cho công dân Matutxanh và Vantrax; họ cũng ký vào một dòng, ngay trên đầu và chữ thật to; rồi tất cả mọi người vội ký tên theo sau.

Có cả một quán hàng sữa, mà người ta không tính đến, cũng tới và xin bản sao: quán hàng sữa với quan điểm mờ nhạt, nơi người ta mới chỉ tới mức *góp thêm khả năng*! Sao quán hàng sữa ấy lại dám lao mình vào phong trào? Ất phong trào phải có sức lôi cuốn không cưỡng lại được. Tuy nhiên trong dịp này quán hàng sữa - vừa góp phần mình vào - mà vẫn giữ truyền thống khôn ngoan nổi tiếng đã khiến nó được mệnh danh là: *Quán Sô-cô-la hòa bình*. Biết rõ rằng khi có truy tố, bao giờ những người ý đầu tiên cũng bị trước nhất, họ liền ký thành vòng tròn.

Chúng tôi kéo tới cổng trường Trung học Pháp, đem theo đầy đủ bút mực cần thiết để viết.

Matutxanh là người được chú ý; anh thật là vất vả thăm hỏi, nào diễn thuyết, nào phản đối, nào là thét ầm phồ.

Anh đúng là người khuấy động của cái đám sinh viên đông đảo ấy, trẻ có, già có, họ kéo tới nhập bọn đám người tập hợp.

Người tham gia tấp nập.

Thế là đã quyết định – THỨ TƯ. Các bạn công dân, các bạn đồng ý THỨ TƯ không? (có! Có!). Hẹn đến THỨ TƯ!

Thứ tư.

Hôm nay là ngày biểu tình!

Chúng tôi đứng trên quảng trường Păngtông. Khách sạn Mutông tới trước giờ một tiếng; chưa thấy bóng một ai.

Bầu trời xám, mặt trời bị che phủ.

Người ta thông thả kéo tới, từ xa nhìn xem có ai ở đấy chưa, người thì vì nhũn nhặn, người thì vì rụt rè, tất cả đều sợ mình làm không đúng lệ. Cuối cùng quảng trường đã đầy người và có khoảng năm chục người đứng trước Trường Luật.

Mọi người đã sẵn sàng! Tiến lên!

Chúng tôi im lặng đi xuôi xuống – có lệnh là không được la một tiếng và mọi người đều tuân theo như lính hoặc người nhà thờ.

Thậm chí hơi buồn nữa, cuộc đi diễu không tiếng động và không cờ ấy.

Cờ cũng như tiếng hô đã bị nghiêm cấm; trước hết không có cờ; muốn có thì phải thừa trước. Phải mua vải và thuê viền. Chứ không có cờ may sẵn như tôi vẫn tưởng, không có cờ của các trường học, không một lá.

Hình như trời mưa!

“Mưa nặng hạt, tôi vừa nói với Matutxanh vừa giơ tay ra.

- Không phải hạt mưa, có đứa nào nhổ nước bọt đấy”, anh đáp thật to; nhưng anh nói khẽ vào tai tôi những điều lo ngại của anh.

Đã tới lúc không thể chối là không mưa mà không bị coi là trắng trợn; vả lại chúng tôi đã thấy ở đằng xa những chiếc ô xò ra. Chiếc ô dần xò ra làm Matutxanh tái mặt!

Ba chúng tôi nhìn nhau, cặp mắt buồn rầu, nhưng chúng tôi chỉ đành kéo cổ áo lên – như những viên đại tá đi đầu trung đoàn, trước đạn bắn, chỉ giật cho cổ ngựa cao lên rồi hiên ngang tiến lên dưới đạn lửa.

Mưa rơi, mưa rơi!

Bọn cảnh sát không tỏ ra giận giữ; đáng lẽ ngăn chặn cuộc nổi loạn thì chúng lại tránh ra; chúng tới trú mưa dưới những cửa và còn ra hiệu còn chỗ cho mọi người trú.

Chúng tôi tới quảng trường Buôcgônơ.

Người lính gác quát: *đứng lại!* bớt gác vội vồ lấy súng ống.

“Hãy thít chặt thắt lưng lại, Matutxanh nói. Các cậu quyết tâm chứ? Anh vừa nói thêm với giọng anh hùng vừa quay lại nhìn số người mà anh cho là kiên quyết nhất.

Uớt sững^[19]!... “Hắn rồi, cũng khá đấy!”

Trong Nghị viện người ta xúc động vì câu chuyện xảy ra ở ngoài quảng trường. Tin truyền đi từ miệng này qua miệng khác. Và lại, chúng tôi đã đòi gặp các nghị sĩ cộng hòa.

Không thấy ai ra; trời mưa to quá! Họ có thể chịu xử bắn, nhưng không muốn chết đuối.

Nhưng thành linh có tiếng kêu:

“Crêmio! Crêmio!”

Đúng rồi, chính là ông Crêmio tới - luật sư Crêmio^[20]. Ông Crêmio tựa vào cánh tay một người trẻ tuổi, giản dị và mảnh khảnh, ông này, theo lời mọi người, cũng là dân biểu; người ta gọi ông là Vécxinhy^[21].

Hai ông lại gần chúng tôi, ống quần xắn cao.

Matutxanh bước lên gặp họ, mở áo choàng và rút ra lá đơn kiến nghị để ở trên ngực; không may nước mưa đã ngấm qua áo choàng làm lá đơn xanh nhòe nhoẹt; áo của Matutxanh màu cỏ xanh đã thôi ra tờ giấy. Không thể đọc được chữ gì, nhưng Matutxanh thuộc lòng lá đơn, anh liền đọc lên.

Vị dân biểu trẻ tuổi có vẻ muốn trả lời!

Không, ông ta mấp máy mũi, môi và hắt hơi:

“Át-xì!” có vậy thôi.

- Ngài công dân, Matutxanh vừa nói vừa bước tới ông Crémíor, tôi không yêu cầu ông ôm hôn tôi.

Ồ không! Người anh ướm sũng.

“Nhưng tôi yêu cầu ông cho bắt tay để tôi sẽ truyền lại cho toàn thể thanh niên các trường học .”

Ông già tế nhị và độ lượng giơ tay ra bắt - khiến cổ tay áo sơ mi hồ cứng của ông bị nhũn ra.

“Nền Cộng hòa muôn năm!

- *At-xi! Át-xì-hơi!*” vị dân biểu trẻ tuổi hắt hơi. Và tất cả mọi người đều ắt-xì-hơi! như người ta thường hỉ mũi, mặc dù không muốn, khi nhà truyền giáo thông mũi trước lúc thuyết pháp.

Các tờ báo phản động đã chế nhạo cuộc đi diễu trong bùn và dưới mưa rào, và người ta đặt tên cho cuộc biểu tình, đã được trời rửa tội^[22] quá nhiều, là cuộc *Biểu tình của những chiếc ô*.

Phải trả đũa. Matutxanh với tôi, chúng tôi đã thề sẽ tổ chức trả đũa dưới hình thức một cuộc kháng nghị mới.

Chúng tôi chạy đi khắp các nơi, chúng tôi gãi tất cả mọi nhiệt tình, chúng tôi khích những niềm tin tưởng, chúng tôi cù gan bàn chân tất cả mọi say mê - nhỏ hoặc lớn - có thể giúp vào việc tập hợp các trường một lần nữa.

Tôi được cử tới gặp những tay *kỳ cựu* trong khu phố đã từng chứng kiến và tham gia những cuộc kháng nghị nổi tiếng.

Có một người nhỏ bé đã làm tôi rất ngạc nhiên vì tầm rộng lớn của lòng tận tụy, cũng như của chiếc mũi ông ta.

Ông ta tên là Lơpongior và có đôi chút uy tín, vì nghe đâu ông ta đang là hoặc đã là thư ký của ông Cudanh. Người ta nói rằng ông ta đồng thời có chân trong hội kín nữa.

Đó một sự tình cờ kỳ lạ, ông ta thuộc nòi giống của tôi, ông sinh trong cùng tỉnh, cùng thành phố và hầu như cùng phố.

“Để tôi ôm anh!”, ông kêu lên khi biết chuyện đó.

Cái mũi ông to tướng, làm tôi rất vướng trong lúc ôm hôn nhau. Ông có một thói quen cũng rất khó chịu; hễ anh định nói là ông ta *suyt!* và đặt ngón tay lên miệng anh.

Ông có chân trong các hội kín mà lại; nguyên do là thế!

“Tôi sẽ kéo anh em trong *Hội Mùa* tới .”

Tôi mở miệng để cảm ơn ông, ông liền đặt ngón tay lên miệng tôi.

“Và cả hội *Hãy tự cứu mình, trời sẽ cứu ta*“, ông nói.

Tôi định giơ tay lên, ông lại đặt ngón tay lên miệng tôi, mà ông để ngón tay trên miệng tôi lâu quá. Tôi không thở được, thế đấy!

Lúc tôi nói với Ban chỉ đạo (nhóm trung kiên đã lấy tên là Ban từ sau trận mưa rào) rằng sẽ có người của các hội kín tham gia, thì tác động rất là mạnh.

- Như vậy sẽ không còn là một cuộc biểu tình nữa, mà là một cuộc cách mạng! Người ta đã thốt ra một vài lời nghiêm trọng: “Tôi muốn ôm hôn mẹ tôi trước ngày đó! - Chưa biết gì đời cả! - Ta sẽ tới ăn bữa tối tại quán Diêm vương!”

Ngày vĩ đại đã tới.

Tôi men theo các bức tường tới nhà ông Lópongiơ thành thử bị lấm hết.

“Ông đã báo tin cho *Hội Mùa* biết chưa?” ông lại đặt ngón tay lên miệng tôi như lần trước.

“*Suyt!...*”

“Ông ấy trả lời cậu thế nào?” Matutxanh hỏi tôi vào buổi tối lúc tôi quay về.

Suyt! - Nhưng tôi không đặt ngón tay lên miệng anh. Tôi chỉ báo với anh rằng người ta đã cấm tôi không được nói với bất cứ một ai.

Suyt... - Và làm ra vẻ vừa không muốn nói gì cả, nhưng lại vừa muốn báo cho anh biết là những người hành động đã sẵn sàng; tôi hát sai điệu làm chính bản thân tôi cũng ngán:

Có những người ở trên hè phố!

Ba người quần áo đen đeo mặt nạ...!

Matutxanh đoán được ngay lập tức rằng câu hát có điệu ngậy ngô đó là một khẩu lệnh! và tới lượt anh, như một người chần sục vật bình thường trở về trại, anh hát tiếp:

Đi theo những người đó,

Có đám học trò thành phố Pari...^[23]

Lúc anh trở về buồng, người ta nghe thấy tiếng anh nhỏ dần. Anh đổi ngược-lại:

Có đám học trò thành phố Pari

Đi theo những người đó!

Ồ! Anh ta quả bẩm sinh là tay âm mưu việc kín!

VIII

TRẢ Đũa

Quảng trường Păngtêông

Quảng trường lần này đen ngòm những người!

(Đen ngòm với những vệt màu, có những bộ quần áo màu sắc kỳ quặc nổi bật lên trên toàn cảnh, có những chiếc mũ nhọn xanh và đó đây những chiếc mũ nồi đỏ chói. Như những bông hoa đỏ thắm trong ruộng lúa mì dày đặc...)

Thật là nhộn nhịp và đầy sức sống.

Cuộc biểu tình lần thứ nhất, mặc dù chẳng may, vẫn là một trường luyện tập rất tốt. Mọi người đã tham chiến. Hôm ấy trời mưa: hôm nay mặt trời rực lửa. Hôm trước có khoảng ba trăm người, hôm nay sẽ lên tới hai ngàn người!

Chúng ta sẽ thấy các Trường là thế nào. khi không bị mưa!

Mọi người đã sẵn sàng chưa? Tất cả những người chúng ta chờ đợi đã đến đủ chưa?

Liệu có còn những nhóm tự do tư tưởng nào chưa tới vị trí và làm cho Cách mạng bị chậm trễ không?

Đâu vào đó cả rồi!

Matutxanh trèo lên bậc thềm điện Păngtêông, lấy tay khum khum trên mắt, nhìn bao trùm cả đám đông một lượt rồi đi xuống, vẻ nghiêm trang như Grăckơ^[24] ở Capitôn tới: Anh sắp sửa phát hiệu lệnh.

Nhưng kìa một người khác không phải Matutxanh cũng trèo lên bậc thềm như anh và đưa mắt quan sát đám đông! Một chàng trai cao lớn, râu ria màu nâu, nước da tái nhợt, mắt lác...

“Thằng Đolahôđơ, mặt thám đấy, một tiếng người thì thảo ở gần chỗ tôi.

- Khẽ chứ, tôi bắt giặc nói, và bấm vào tay người vừa mới nói; khẽ chứ, rồi ta sẽ giết chết nó!...”

Có xúc động mạnh trong tập người xảy ra sự phát giác đó và tôi đang khuyên mọi người nên im lặng.

“Nếu muốn trừng trị nó, phải bắn vỡ óc nó ngay tại chỗ, và rút thăm xem ai sẽ làm nhiệm vụ đó; chứ như tổ giặc với đám đông thì mọi người sẽ xé xác nó làm trăm mảnh, như thế bĩ ối và bẩn thỉu lắm, đấy rồi các bạn xem! Nó sẽ chết vì đâm đá, cào xé! - Và người ta sẽ kết tội bọn mình là dễ tiện và hèn nhát!...”

Hình như tôi đã nói những điều cần phải nói và trong giọng tôi có một xúc động làm cảm kích người khác, vì mọi người đã nghe theo ý kiến của tôi; có điều là vì tò mò kiểu nông dân thích xem cóc lê mình, mọi người đã chen chúc nhau trên lối đi của tên bị tổ giặc.

- Đúng nó, chính là nó! chàng trai lúc nãy mới chỉ thấy hằn ở đằng xa bây giờ nhắc lại.

Có phải tên khả nghi đó biết là mọi người đang soi mói nhìn hằn không? mặc dầu hằn-vằn quay bộ mặt tái nhợt về phía chúng tôi và nhếch mép cười, một nụ cười câm lặng, thảm hại. Tôi không bao giờ quên được nụ cười đó - Một hôm tôi đã trông thấy một con chó đại hấp hối: mắt nó đục ngầu; môi nhếch lên, và cũng nhe hàm răng trắng nhớn ra như vậy...

Nếu không phải Đolahôđơ, thì chắc hằn cũng là một tên khốn kiếp; nụ cười đó cho thấy thế.

Chúng tôi ở trong sân lớn trường Xoocbon - sân chật ních những người.

Thình lình tôi trông thấy ông Lơpongior, tôi liền chạy về phía ông ta, nhưng ông ra hiệu cho tôi đừng tỏ ra quen biết ông.

Ông đi với đám *Hội mùa* chẳng? Những người của đám *Hãy tự cứu mình, trời sẽ giúp* có ở đây không^[25]? Có vũ khí giấu trong áo không? Những điều đó tôi không được biết trong ngày hôm ấy; tới lúc chúng ta đi ngang chỗ ông Lơpongior, tôi hỏi khế vào tai ông.

“*Suyt!*”

Và ông giơ cái ngón tay cái trỏ danh lên. Cuối cùng, ông ta làm tôi đâm cẩu.

Ông còn giở cái trò đó ra nữa, tôi sẽ cắn.

Cho nên tôi hoạt động mà không biết sát cánh có hay không những người súng đạn đầy người, những cựu thủ lĩnh chiến lũy, những người sắp bất thành linh kêu lên: “*Bacbex* muôn năm!” và cầm lá cờ đỏ.

Màu đỏ, nó nằm như miếng phó-mát trên đầu một số sinh viên để tóc dài.

Những người đội mũ nồi đỏ, phải chẳng những thủ lĩnh? Nếu họ là thủ lĩnh, thì họ hãy nói lên! Nhưng họ còn trẻ quá và trông đặc về sinh viên *năm thứ nhất!*

Tuy nhiên, trong đám đông - như trên mặt thùng - một trong những chiếc mũ đỏ ấy nút một cái chai trong đó tôi thấy như có thứ rượu vang tốt. Cái chai ấy là một chàng trai tóc vàng, cặp mắt to màu xám, vầng trán rộng, vẻ mặt hơi tư lự.

Anh không để chiếc nút chai lệch xuống mang tai! anh chụp thẳng lên đầu; tựa như anh không muốn vây vo với chiếc mũ, mà là chừng màu đỏ, chỉ vì đó là màu cộng hòa. Tôi *ưng* anh chàng đội mũ nồi ấy, và tôi theo dõi anh trong đám đông bằng con mắt thiện cảm.

Anh không đi một mình, cùng đi với anh còn có một anh đội mũ nồi khác và vài anh bạn nữa cũng *hợp ý tôi*. Nhóm ấy, tôi thấy tin ở họ; nếu có đả nhau, tôi chắc họ sẽ xông vào.

Đả nhau thật!

Lửa đã bén vào thuốc nổ do sự khiêu khích của bọn *Thánh-Vanhxăng đơ Pôn*.

Bọn *Thánh-Vanhxăng* lao xuống đứng sừng sững trên các bậc cầu thang lớn.

Chúng chưa nói gì cả, nhưng kìa, chúng vỗ tay!

Bọn chỉ điếm trà trộn trong đám đông đột nhiên xông vào những anh đội mũ nồi; những người đội mũ đỏ bị bọn mặt thám vận thường phục tóm bắt.

Thế là bọn *Thánh-Vanhxăng* từ trên bậc thang cao la “hoan hô”:

- Bọn mào gà bị tóm!

Anh đội mũ nồi có đôi mắt xám của tôi đâu rồi?

À kìa! tôi trông thấy anh ta đang đi với anh bạn tóc nâu.

Họ tới chỗ cầu thang nơi lũ *Thánh-Vanhxăng* đang la mào gà bị tóm.

Họ không nhìn xem có ai đi theo họ không; họ tới tát vào mặt bọn *Thánh-Vanhxăng*... Tôi nhập bọn!

NHỮNG ĐIỀU NGẦN NGẠI

Tôi không còn nhớ rõ mọi việc đã xảy ra, người ta đã tát như thế nào; tôi chỉ biết rằng tôi không bị cái tát nào cả. Nhưng đã có một cuộc xô đẩy và người ta chìm cả vào giữa đám đông.

Tôi thì tôi tóm được một cái tai! - Tôi nắm chắc cái tai giữa ngón tay cái và ngón trỏ. Cái tai ấy là của một đứa trong bọn đã vỗ tay.

“Mày phải xin lỗi”.

Tôi mày tao với gã thanh niên không quen biết ấy.

Cái tai làm ngơ; tôi cúi mồm nó xuống thêm một chút.

Thằng *Thánh-Vanhxăng* kêu. Tôi bảo nó:

“Rồi sau mày hãy kêu. Trước tiên mày phải xin lỗi đã. Hà! Mày đã vỗ tay khi bọn cảnh sát bắt chúng tao!

- Không phải tôi.

- Không phải mày? Thế thì mày hãy thề với đức giáo hoàng chí thánh là không phải mày đi.”

Tôi đã bắt quả tang nó kêu hoan hô. Ta đợi xem nó có dám thề không.

- Anh sẽ thả tôi ra nếu tôi thề là không phải tôi chứ?

- Ủ.

- Tôi thề với anh...

- *Trước đức...* nào, có phải đánh vắn từng chữ không?

- *Trước đức...*

- *Giáo hoàng chí thánh.*

- *Giáo thánh.*

Nó lúng búng trong miệng, nó nói liền đi. Như vậy không chơi. Phải nói *đức giáo hoàng chí thánh* nghiêm chỉnh hơn: - *Đức-Giáo-Hoàng-Chí-Thánh!*

Nó nói rành rọt đúng như tôi muốn! tôi đánh phải thả nó ra.

Nhưng tôi đổi ý kiến!

Tôi có phải là đứa nuốt lời trong trường hợp đó không? Phải chăng tôi đã làm trái lệ thề thốt, đã không giữ lời hứa? từ đó về sau nhiều lần tôi đã tự hỏi mình. Tôi vẫn chưa rõ mình có sai hay không khi đuổi theo thằng Thánh-Vanxăng và nắm tai nó lôi lại.

“Anh muốn gì tôi nữa?

Lại đây, tao còn cho mày một cái đá dít.!”

Đức Chúa mà nó thờ hãy làm chứng cho tôi là tôi không hề tàn nhẫn trong cái đá ấy. Tôi không phòng mang để yêu cầu nó cái đặc ân ấy, và tôi

nhẹ nhàng đặt nó đứng vào cái thế thích hợp nhất với mục đích mà tôi nhắm. Tôi có vẻ tặng nó một món quà hơn là nạt nó! và tôi nhắm với cái vẻ lạnh lùng và sự chuẩn xác của một tay thiện xạ.

Đám biểu tình rối loạn. Rồi sẽ ra sao?

“Tới nhà ông Mitsolê!” một người kêu lên.

Tôi ngạc nhiên và phản đối

“Tới nhà ông Mitsolê à? Không! Ta cứ ở đây!”

Người ta đòi tôi trình bày kế hoạch của tôi.

“Như thế này: Ta sẽ không cho ai ra vào ở đây; chính chúng ta sẽ bắt những tên khả nghi và tìm bọn mật thám.

- Cảnh sát sẽ tới.

- Thì sao?

- Chúng sẽ rút gươm!

- Càng hay!

- Họ sẽ phải quân đội tới!

- Họ cứ phải! để cho họ nói được rằng cần phải rút gươm chống lại chúng ta, phải phải một binh đoàn tới, phải cho lính đến!”

Tôi mơ thấy cảnh hỗn loạn ấy, những tên võ quan phi ngựa tới, trống đánh, lời khuyên hàng tung ra.

Liệu người ta có lùi không? Liệu sinh viên có vững không? tôi không biết; nhưng ít nhất cũng sẽ có mùi nổi loạn và mùi cách mạng.

Đám đông tiếp tục kêu lên: tới nhà ông Mitsolê! tới nhà ông Mitsolê!

“Các bạn muốn đi thì cứ đi, tôi, tôi ở lại!”

(Tôi phải can đảm mới nói được thế, và càng phải can đảm hơn nữa mới không chạy theo họ, nhưng tôi đã bước bình giữ lời tuyên bố của mình và lời đã hy sinh cái tính tò mò, tính hiếu kỳ, lòng ham mê quần

chúng, vì lòng tin chắc rằng cuộc đi diễn tới nhà ông Mitsolê ấy là một trò ngu xuẩn.

Thế nhưng tôi vẫn tự thấy mình rất ngốc khi những người lễ mễ cuối cùng đã đi qua trước mặt tôi, chỉ còn lại một mình tôi trong phố, với những tên tư sản đang chế giễu hoặc căm tức cuộc biểu tình.

“Anh không đi với bọn to mồm ấy” một tên bụng phệ đã hỏi tôi...

Tôi và Matutxanh đã lạc nhau ngay từ đầu vì làn sóng người; khi nghe nói là tôi không đi, anh có vẻ hoảng hốt, có lẽ vì anh thiếu mất tôi cũng như vì tôi không có mặt trong cuộc biểu tình. Có được một người không chịu lùi trước quả đấm trong những trường hợp này là rất quý, và về mặt đó, anh tin ở tôi.

Cả về ngón đá nữa anh cũng có thể tin cậy ở tôi. Nếu lúc nãy anh đã trông thấy tôi với thằng Thánh-Vanhxăng đơ Pôn, tôi dám tin rằng anh sẽ vừa lòng, rất vừa lòng, không thì quả là anh rất khó tính.

Bây giờ tôi mới thật là ỉu! tôi đã hiến cho Cách mạng cả một ngày của tôi thế mà bây giờ tôi lại thấy mình thất nghiệp, vào buổi quá trưa giữa khu phố La-tinh vắng ngắt; trước những tiệm cà-phê trống rỗng tôi có vẻ như mới ở nhà thương ra. Tôi lê bước theo dọc các nhà như một con chó đang tìm lối đi và những người quen tôi tự hỏi tại sao tôi, một dân đỏ, con người đi tới đâu cũng gây chuyện ầm ĩ, và có vẻ như muốn nuốt sống tất cả, thế mà lại lang thang ở đây, như một thằng vô công rồi nghề, tay rút túi trong cái ngày tổng lộn xộn này!

Chà! tách rời quần chúng thật tai họa. Trước con mắt một vài người ta sẽ bị coi là thằng hèn hoặc thằng tự phụ và cuối cùng, ta đâm ra ỉu xiu. Vì lúc này tôi đang ỉu xiu. Điều tai hại là Alécdăngđrin đã lợi dụng cơ hội tất cả mọi người đổ ra đường suốt ngày, không còn khách ở hàng bán sữa nữa, để đi thăm một người bà con quý tha ma bắt nào đó, không thì!... Chúng tôi sẽ ở trong nhà với nhau. Tôi sẽ có thể thò đầu qua lỗ cửa sổ trên mái, nếu tôi muốn nhìn về phía cuộc biểu tình. Tôi cũng không biết là tôi có muốn nhìn hay không nữa.

Tôi đi đâu bây giờ?

Từ khi tới Pari, chưa buổi chiều nào tôi đơn độc cả. Buổi chiều nào không có vài ba người - hoặc Alécdăngđrin hoặc bạn bè là tôi đâm ra lúng túng. Tôi không có gì để nói với tôi cả. Tự nói chuyện với mình! Không làm thế ban ngày được! Ban ngày tôi không thấy mình tinh ranh..

Tôi tới công viên Luychdămbua, ở chỗ Sở ươm cây, tôi ngồi lên một chiếc ghế dài, bên cạnh những cụ già đang kể chuyện thời xưa, và giữa các bà mẹ còn trẻ làm họ ngượng khi cho con bú!Ồ! nếu có thể làm lại, tôi sẽ đi tới nhà ông Mítso!ê!

Ví bằng cuộc biểu tình ngẫu nhiên biến thành bạo động dưới cửa sổ nhà ông ta! Nhỡ có máu chảy! Lạy Chúa, tôi muốn có máu chảy làm sao.Ồ! nếu có máu, bốn phận của tôi là phải tới chỗ máu chảy! Tôi không tán thành cuộc đi diễu; tôi tán thành nổi loạn.

Matutxanh, anh có bị cụt tay hay chân không? Có người nào trên chiến lũy của anh chết không?

Tôi đánh hơi xem có mùi thuốc súng không?... Chỉ thấy mùi sữa, mùi trẻ con... mùi gì nữa không rõ... tất cả, trừ mùi thuốc súng.

Mặc kệ, tôi sẽ tự dối mình, thiếu kiên quyết. Nhưng chẳng ai biết được! Tôi đi xem cuộc biểu tình ra sao.)

Một cảnh tán loạn! những người chạy trốn!

Tôi nhận ra toàn bộ quán hàng sữa của tôi đang co căng tận đít mà chạy.

“Họ bắt, họ bắt!” Những kẻ chạy trốn kêu lên.

Một anh trong bọn họ nhận ra tôi.

“Chạy mau, chạy mau, anh bạn! cảnh sát bắt tất cả, HỌ BAO VÂY, HỌ BAO VÂY”

Tôi sẽ không chạy trốn!

Và tôi đi ngay vào chính cái phố mà bọn chạy trốn bảo là đang bị bao vây.

Nhưng tôi chẳng thấy ma nào cả.

Họ không bao vây! *Họ bao vây ở đâu?*

Tôi đi tìm, tôi rẽ tay trái, rẽ tay phải, tôi không cảm thấy mình bị bao vây, tôi mò mẫm, tôi rẽ vào phố này, phố nọ, gặp ai cũng hỏi họ có “Nhưng họ có trông thấy một đám biểu tình hay không đã?

- Cái gì cơ?

- Ông có trông thấy một đám biểu tình không?”

Tôi khum khum tay làm loa cho người ta nghe rõ hơn.

Họ chẳng trông thấy cái gì cả!...

Tôi vội lộn về khu phố để tìm những người đã trốn thoát và hỏi tin tức; rồi nếu cần sẽ đi xe hàng quay lại chỗ biểu tình. Với một bản đồ ngoại thành tốt, may ra tôi sẽ có thể tìm thấy!

Tới khách sạn tôi mới hay tin là đám chạy trốn nói đúng.

Quả là cảnh sát đã bao vây và bắt người; nhưng không phải ở mạn tôi đã qua.

“Kia kìa, chúng kéo đến!...

- Chúng có bao nhiêu đứa?

- Gần một tiểu đoàn. Chúng tới đây! Nhìn kia kìa!”

Tôi nhìn.

Những người bị bắt bước đi giữa hai hàng rào cảnh sát. Tôi nhận ra các bạn của tôi.

Tôi lao người đi! người ta giữ tôi lại.

“Anh định làm gì thế?

- Ra cứu anh em!

Anh điên à? Alêcdăngdrin nói khê với tôi, cô vừa mới về, cô nắm vạt áo tôi kéo lại, - rồi cô cất cao giọng nói thêm:

Kia kìa, ông Vanhtrax, những người muốn cứu anh em! họ làm cho như thế đấy!”

Cô chỉ cho tôi thấy một vật trông như một cái giẻ rách vì đã muốn cứu anh em. Tôi nhận ra bộ mặt của Sămpionnê, một trong những người ở trọ, - ít ra thì cũng là cái gì còn lại của bộ mặt Sămpionnê, bọc trong những chiếc khăn mặt như người ta bọc để ủ bánh mì.

Anh không nói được; người ta đã khâu vôi cái lưỡi của anh lại - chắm câu trong khi chờ đợi; - nhưng những người dìu anh về đã kể lại chuyện anh.

Việc xảy ra ở vườn hoa Mutông, nơi cảnh sát đã xông vào đám biểu tình.

Sămpionnê thấy như vậy là xâm phạm tới quyền tự do ngôn luận ở dưới cửa sổ, và anh nhảy ra trước một viên đội chỉ huy:

“Ông có biết rõ việc ông sắp làm không?

- Biết lắm chứ!” rồi, quay về phía đám cảnh sát, viên đội bảo! “Đánh như tử thẳng này cho tao!”

Người ta đã đánh Sămpionnê như tử.

Tôi hỏi anh xem chuyện có đúng không! những chiếc khăn mặt đung đây để trả lời. Chẳng may một chiếc tuột ra, Sămpionnê ra hiệu nhờ người ta buộc lại hộ và có vẻ kiên quyết không muốn khai nữa.

Tuy vậy tôi vẫn muốn biết!

Sămpionnê không nói được.

Anh có muốn viết ra không?

Anh viết nguệch ngoạc khi lên khi xuống như người đi trong mê ngủ. Những chữ do Sămpionnê viết nhằng nhịt, có những chỗ lộn xộn quá đến

nổi tôi không thể nắm được chi tiết. Tôi đành phải bằng lòng ở mức đại khái và nửa đại khái vậy.

Dường như, thỉnh thoảng Sămpionnê lắc lư cái đầu để trả lời câu hỏi (mà tôi hỏi với sự thận trọng của thầy thuốc không cho phép viên dự thẩm được đi xa quá), dường như đầu đuôi câu chuyện là người ta hò hét ở dưới cửa sổ nhà một ông không phải là Mítso-lê, người ta đã lầm, và khi nhận ra là sai thì không còn gì cho ông Mítso-lê; Ông Mítso-lê chỉ được vài tiếng hoan hô rất khản giọng qua đó lộ ra nhiều sự bức bối.

Tuy nhiên câu chuyện dần dần cũng sáng tỏ, - người ta có thêm nhiều tin tức. Người ta chạy tới để hỏi tin về tôi, đổ xem tôi có bị bắt hay không.

“À! cậu thính mũi thật đấy! Cậu đã nói trước với bọn mình rồi!”

Tôi đắc thắng, - đắc thắng đau đớn trước đồng giê đầm máu hình dung Sămpionnê, và cũng đau đớn vì Matutxanh đã bị bắt.

“Anh ấy có bị thương không?”

- Không! Chúng nó xúm lại tới những năm thằng để bắt anh ấy!”

(Nghe vậy tôi gãi đầu và tôi tự hỏi có phải trong các cuộc xô xát như thế bao giờ cũng là những anh Sămpionnê bị ăn đòn còn những anh Matutxanh thì được người ta nương nhẹ không! Phải đưa ra một vật chứng trong lúc buộc tội, và nếu người ta đưa ra một vật chứng bị đánh nát như đầu như Sămpionnê thì chính phủ sẽ bị lên án là đã man. Thủ lĩnh Matutxanh, nếu bị thương, sẽ gửi cái đầu mình cho các báo, hoặc sẽ gây một ấn tượng bi thảm ở trên ghế bị cáo, còn như Sămpionnê vốn không ai biết đến thì có thể bị đánh bẹp dí như bơ, anh có thể và phải bị đánh bẹp dí vì nhìn thấy cái tảng bơ đầm máu của anh, phải nói là hơi gớm ghiếc nữa, mọi người sẽ sợ hãi và ghê tởm. Bắt Matutxanh mà không làm anh đau thì chính trị hơn, nhưng đánh như tử Sămpionnê là tốt. Lúc ấy tôi nghĩ như vậy, đấy là ý nghĩ chợt đến với tôi! Thêm vào đó, khi Matutxanh ở tù ra, tất cả mọi người sẽ tới bắt tay anh, còn Sămpionnê thì sẽ bị bỏ quên vì không có tiếng tăm, có khi còn bị lãng tránh nữa vì các vết mụn trên mặt.)

Không phải chỉ có Matutxanh bị bắt, bọn chúng tôi bị bắt đến chục người.

“Các cậu ơi, ta ra hàng thịt đi!”

Khi có ai bị bắt, bao giờ tôi cũng thấy người ta gửi xúc-xích cho họ.

Nhưng tôi gặp phải một địch thủ bất ngờ ở một anh chàng sinh viên đeo kính học khoa hóa.

“Xúc-xích! anh ta nói, bao giờ cũng xúc-xích... Chưa đến lúc nghĩ tới những món giải khát hay sao, các bạn công dân?...”

Anh triệu tập bạn bè và đề nghị đặc biệt bầu ra một ban phụ trách, không những tiếp nhận đồ cứu trợ bằng hiện vật, mà còn đề ra một hướng thông minh cho việc cứu trợ nữa.

- Ăn mãi xúc-xích thì phát sốt..., ăn mãi sữa sinh say nhược. - Và lại còn!... A ha! kẻ địch của chúng ta sẽ nói ra sao!” (Xúc động mạnh).

Người ta thành lập ban đó, và lập tức ban họp để thảo luận và phân công. Người này thu nhận tiền góp, người kia những món thịt lợn, người nọ phó-mát.

Một anh ở trọ trong khách sạn được trao nhiệm vụ nhận phó-mát, - thành một tai vạ cho khách sạn! vì anh ta làm ngôi nhà nong nặc lên vì những thành phẩm quả *ngẫu*, còn riêng anh ta về sau, bao giờ tôi cũng thấy người anh thoang thoảng mùi phó-mát camămbé.

Hình như bị bắt cả thấy là bảy chục người, người ta lèn họ vào nhà giam Đêpô.

Ở đấy có rệp bọ, nhưng Matutxanh không buồn vì chuyện đó, và anh vừa nói vừa gãi:

“Những con bọ này sẽ để lại mầm mống cộng hòa trong đầu óc thanh niên, và sau này rệp sẽ chết đi - thành những giọt máu - trên trán Bônápactơ!”

Trong số bảy chục thì sáu mươi chín người đã được thả ra! người ta còn giữ lại một mình Matutxanh. Vậy là chính quyền sợ Matutxanh?

Tuy nhiên người ta bắt buộc cũng phải thả nốt anh ta. Nhưng người ta đã để chúng tôi đủ thì giờ làm âm lên vì việc bắt giữ anh: anh trở về với chúng tôi được trọng vọng vì đã trải qua khổ ải.

“Như Lazarô^[26], anh nói trong bữa rượu người ta thết anh vào buổi tối; như Lazarô, sau mười ngày, tôi vừa nhấc nắp mộ chui lên. Tôi trở về càng mạnh thêm vì cực hình! Chúng đã tưởng đánh ngã tôi, nhưng chúng đã làm tôi thêm rắn chắc. Hồi vong linh Mara^[27] tôn kính, tôi thề với Người là tôi đã không nhụt chí!”

Hình như anh lại còn hơi *béo* hơn trước thì phải. Tôi vui vẻ nói cho anh biết.

“Mở nhà tù đấy, anh nói, miệng mỉm cười chua chát và lắc đầu! - *phù* đấy, đây này, cậu sờ xem, phù đấy! Miễn là cái đó không làm mình vướng víu trong đấu tranh!”

Một nhóm đặc biệt đến ngồi bên cạnh chúng tôi: nhóm đã lấy chiếc mũ nôi của anh tóc vàng có vàng trán rộng và cặp mắt xám đẹp, làm cờ hiệu trong sân trường Xoócbon.

Có lẽ họ đã chú ý đến tôi, cái lúc vì tức giận mà không đợi lệnh, tôi đã tách khỏi nhóm tôi để nhảy xổ vào bọn Thánh-Vanhxăng đang vỗ tay hoan hô. Chúng tôi đã kề vai sát cánh nhau trong cuộc xô xát ấy.

Trong nhà giam Đêpô, họ đã làm quen với Matutxanh, họ đã cùng với anh chia xẻ phó-mát và xúc-xích, cùng nhau ăn miếng bánh mì đen của tình bạn, và khi Matúttxanh chui ở mộ ra, anh mời họ tới ăn tối với chúng tôi-có gì ăn nấy!

Nào, tôi kêu lên, ám chỉ việc Matutxanh sống lại và hình ảnh Thánh kinh mà anh dùng: *Chúc Lazarô, có gì ăn nấy*^[28]!... Lời nói cốt không hại tới lòng tin! Cậu thấy thế nào, Mũ nôi đỏ?... Chúng mình mày tao với nhau chứ? Cộng hòa xã hội muôn năm!

IX

GIA ĐÌNH RƠNUN

Thế là tự dưng chúng tôi đắm thân với Mũ nôi đỏ và nhóm của anh!

Mũ nôi đỏ tên là Rơnun. Cha anh là con một vị giáo sư đại học ở tỉnh lẻ có quen biết Bêrăngiê^[29]; vinh dự đó Rơnun được hưởng chút hồi quang bên cạnh đám bạn bè, nhưng hình như nó không làm tôi lóa mắt lắm.

Khi người ta nói chuyện đó cho tôi biết, tôi không có vẻ bị choáng váng.

“Mày nghe không, người ta nói với tôi, thầy nó quen Bêrăngiê. Bêrăngiê đã cho nó nhảy trên đầu gối ông hồi nó còn bé.

- Phải, tao nghe rõ rồi.”

Người ta vẫn chờ đợi một dấu hiệu vui thích trên mặt tôi, người ta nhìn mũi, nhìn mắt tôi, người ta chờ một gợn nhăn. Người ta nhắc lại:

“Bêrăngiê đã cho nó *nhảy trên đầu gối ông!*...”

- Rồi sao nữa? “

Rơnun dù đã không được bông bế trên *đầu gối của khối óc đáng trọng* ấy, nói theo kiểu Matutxanh, tôi vẫn không vì thế mà bớt mến cái dáng dấp chàng trai thật thà, trung thực, thẳng thắn của anh - hơi nghiêm nghị khi anh nói về tư tưởng của mình, nhưng vui nhộn như một đứa trẻ khi bông đùa và khi văng qua mặt anh một lời kỳ quặc hoặc một câu ba lơ vui vẻ.

Tuy nhiên anh có hai điều bất lợi cho anh khiến tôi kinh hãi trong buổi đầu tiếp xúc.

Lần đầu tới thăm anh, lúc lên tới đầu cầu thang, tôi thấy từ trong nhà bước ra một người đàn ông vận áo ngủ, vừa đi vừa hút thuốc. Trời tối, chúng tôi vấp phải nhau, xin lỗi nhau, rồi lại vấp. Mỗi lần vấp vào nhau, tôi lại nghĩ thấy người đó có mùi đậu tằm. Sau khi hết sức khó khăn mới gỡ

được nhau ra, chúng tôi ngẩng lên mới nhận ra nhau, người đó là Rơnun, còn tôi là Vanhtrax.

Rơnun với chiếc áo ngủ có những quả tua và một hộp thuốc lá bằng sừng!

Ấy đây! tôi, tôi xin nói đây là lỗi tại Bêrăngiê!

Còn một lý do khác về cái vẻ *ông chủ* của Rơnun. Anh không sống độc thân. Trái tim của Rơnun đã rung động rồi - trái tim của tôi cũng vậy, nhưng là ở *buồng trọ*.

Trái tim của Rơnun rung động *giữa đồ đạc của anh*, và những đồ ấy lại được phẩy bụi, đánh xi, sơn bóng do bàn tay của một cô bạn sống chung với anh từ khi anh tới Pari. Họ sống giữa đồ đạc của họ! Họ nấu ăn lấy ở nhà! Ngày chủ nhật họ làm thức ăn ngon!

Những phát hiện đó lúc đầu đã phủ một bóng đen và như thể một sự mất tín nhiệm lên danh tiếng cách mạng của Rơnun.

Đội mũ nồi đỏ ở ngoài phố, - trong nhà vận áo lót ấm!

Cái lối hai mặt đó nghĩa là thế nào?

Tuy nhiên niềm kinh dị đã nhường chỗ cho sự suy nghĩ; và sau mỗi lo ngại vì chiếc áo lót ấm đó thì tiếp theo - nghĩ cho kỹ - lại là một niềm kính phục đối với anh thanh niên cộng hòa này, tuy có đồ đạc và áo ngủ, mà vẫn không sợ lao mình vào cuộc chiến đấu như người khác.

Tôi không dám nói là tôi không còn một chút nghi ngại gì nữa! Tôi chưa từng thấy trong một bài thơ nào có những bậc anh hùng mười bảy tuổi mà có hộp thuốc và hút thuốc. Nhưng trong đáy lòng con người của lời, tôi cảm thấy một thứ thềm thường cái cuộc sống bình yên và trong sáng ấy, trong một căn buồng mà mình làm chủ, mình có chìa khóa, và mình làm vua!

Vua! - Lạy chúa tôi! liệu có phải cái cảnh tượng hạnh phúc ấy, cái tính ích kỷ luôn luôn ẩn náu trong đáy lòng mỗi người tốt nhất trong chúng ta, đã đưa tôi quay lại với những tư tưởng quân chủ hay không?

Một bộ đồ đặc chẳng đáng gì, nhưng sạch sẽ, tươi tắn, bóng lộng với mùi xi! Trên giường, trải nệm viền răng cưa màu hồng, ở các cửa sổ, treo rèm lọc ánh sáng. Tôi chưa từng thấy thế bao giờ từ ngày tôi được tự do! Tôi chỉ từng thấy cảnh đó hồi xưa ở tỉnh lẻ, và chỉ ở trong nhà tư sản, như nhà tôi. Còn như ở nhà anh thanh niên cộng hòa này, ở nhà con người đã tát vào mặt bọn Thánh-Vanhxăng này!...

Hơn nữa, thời tiết đẹp - mùa xuân năm nay đến sớm hơn - và nắng chiếu xuống thành từng mảng vàng đẹp trên đồ đạc và trên đầu chúng tôi.

Tôi giữ lại rất lâu kỷ niệm về một mảng nắng vàng đó, nó ngả sang màu đỏ khi chiếu qua những bức rèm lớn; đấy là chất thơ của nhà thơ với những cửa sổ kính màu hắt những ánh đỏ như máu lên nền gạch lát, là vẻ đẹp đậm thắm và dịu dàng của một căn phòng bạn; ánh mắt tôi chìm ngập và trái tim tôi đắm đuối trong cảnh yên tĩnh và đầy ánh sáng đó.

Trong tất cả các ngôi nhà mà tôi đã ở cho đến nay, - ngay cả trong khách sạn của ông bố Mutong nữa, - các buồng thường chỉ kê một chiếc giường tã, hai chiếc ghế tàng, một cái bàn nhầy mỡ, một bồn rửa mặt sứ mẻ. Những buồng xếp giá mười phơrăng thường nhìn xuống sân, trông như một miệng giếng ẩm ướt và đen ngòm! Nếu có nắng thì lại càng tệ! nó hun nóng chậu nước rác; nếu gió thổi vào buồng, nó đưa từ dưới bếp và từ nhà ăn lên những mùi sào rán và mỡ màng.

Tại ngôi nhà của Rơnun, cửa sổ to không trông ra một phố bùn lầy, mà là một khoảng trống cây cối chỉ có những đọt tươi trông như những hạt đậu xanh nhỏ xíu, và ở đó chim chóc nhảy nhót tự do.

Cho đến bây giờ tôi chỉ thấy những con chim sặc mùi bà lão, mùi bồ hóng hoặc mùi da: chim khách, vẹt, sáo, mỏ như đeo một cách thô lậu. Ở đây tiếng chim đập cánh ào ào rộn rã tai tôi, ve vuốt trái tim tôi!...

Chị chủ ngôi nhà nhỏ này có hai buồng, một buồng kê một chiếc giường khá to, còn buồng kia có một tủ sách nhỏ xíu.

Chị Rơnun thấy quả thật là chúng tôi cũng ồn ào một chút; riêng về phần tôi, tôi có một giọng nói làm vỡ cửa kính và một đôi giày rách nát cả

sàn: chị thấy đúng là khi Matutxanh giơ tay lên *để làm như Đăngtông*^[30] thì có nguy cơ làm đổ nhào chiếc giá gỗ bày những vật xinh xinh mua ở hội chợ - một con mèo bằng sô-cô-la và một chiếc mũ đỏ kiểu Phrygi^[31] bằng đường đỏ - nhưng một đôi khi chúng tôi cũng làm cho chị thấy vui; không phải lúc nào người ta cũng bắt chước Đăngtông: không phải người ta luôn luôn làm nhà hùng biện, chúng tôi cũng còn *làm hề* đôi chút, và sau tiếng chuông báo động năm 93 là tiếng chuông của tuổi mười tám mà bọn tôi ra sức rung lên!

Đó là trận mưa cười sau những cơn bão táp hùng biện.

Rồi người ta pha cà-phê.

Tháng nào Rơnun cũng nhận được của mẹ gửi cho cà-phê mô-ka hột, chúng tôi thay phiên nhau xay, và tiếng cối xay cà-phê ấy, mùi cà-phê ấy có hương vị hải đảo đã làm dịu những cơn thịnh nộ bình dân của bọn tôi, và làm cho chúng tôi trở nên rộng lượng hết sức đối với cái xã hội hư hỏng; hoặc ít nhất cũng là ngừng chiến - người ta pha đường.

Lâu dần thành nếp; tối nào chúng tôi cũng tới để bàn cãi, hò hét và xay cà-phê. Nào rót, nào nhấm nháp, nào hút thuốc, nào cười nói - rồi người ta lại nổi giận và lại trèo lên ghế như trèo lên diễn đàn.

“Đừng trèo lên chiếc ghế ấy!” chị chủ nhà vừa kêu lên vừa dứt tóc; lên chiếc kia kìa!

Và chị chỉ vào một chiếc ghế đầu khập khiễng, trèo lên chắc chắn thế nào cũng ngã.

Người ta làm bắn cả các mặt ghế.

Có người đề nghị cởi giày ra mỗi lần có một cuộc tranh cãi hơi sôi nổi. Người ta biểu quyết.

“Không, không!”

Chính chị vợ đã phản đối dữ dội nhất, chị giơ cả hai tay - tôi chủ tọa, tôi đã trông thấy rõ như thế.

Chị ứng mọi người cứ đi giày và cứ làm hỏng ghế!

Matutxanh đã biểu quyết chống lại việc cởi giày. Tại sao? anh ta vốn không ưa định kiến. Rõ ràng là một sự yếu đuối rồi! nhưng anh giải thích.

“Nếu tao bỏ giày ra, anh nói thầm với tôi, tao sẽ không xỏ vào được nữa, vì giày tao phải lấy dây buộc bên dưới; không còn đế nữa, chỉ có cái móc thôi.”

Chà! những giờ phút đẹp đẽ, những buổi tối thú vị! - với ánh nắng, gió hây hây, những cơn giận của tuổi trẻ, những trận cười điên cuồng; với chiếc ghế đầu khập khiễng và mùi cà-phê thơm lừng! Cái mùa xuân trong cây cỏ ấy, cái mùa xuân trong đầu óc chúng tôi ấy!... Những con chim đập cánh vào cửa kính, những trái tim của bọn tôi đập loạn xạ!

Tôi sẽ nhớ suốt đời những ngày đó!

Tôi đã may mắn gặp anh chàng mũ nồi đỏ.

Trước kia tôi chỉ hình dung một gia đình với một người bố và một người mẹ cãi nhau rồi lại làm lành với nhau trên móng đít đầm máu của đám con cái. Tôi đã tưởng rằng người ta chỉ có thể sống giữa đồ đạc riêng nếu người ta có vẻ rầu rĩ, vẻ thầy giáo, nếu người ta có vẻ buồn chết đi được, và nếu người ta có đầy tớ để cho họ ăn những thức ăn thừa và uống rượu vang chua.

Ở nhà Rơnun người ta không buồn, không đánh đòn ai - Ít nhất thì tôi cũng chưa bắt gặp cái đó bao giờ - người ta không cãi nhau, không bắt đầy tớ uống rượu chua. Trước hết là không có đầy tớ.

Ồi chào! ngôi nhà bố mẹ, *mái nhà của ông cha chúng ta!*

Tôi chỉ biết có một mái nhà, chỉ biết có một người bố thôi, nhưng tôi không thích ở dưới mái nhà ấy bằng xay cà phê mô ca ở nhà Rơnun, giữa một cuộc tranh luận về năm 93 và một cuộc chơi bịt mắt bắt dê!

Phải ra một tờ báo.

Lời đó, một hôm, đã bay qua khoảng không.

“Nào, thế thì ta làm gì? (Chúng tôi đang xay cà phê) Thế ta không có gì ở *trong này* à! Matutxanh kêu lên.

- Ở đâu?

- Ở *trong này*!... - Đồng thời anh đập tay vào tim anh.

- Khéo không gãy tủy đấy!.... Có lẽ cùng cần phải có cái gì ở *đây* nữa. Tôi vỗ vào túi áo.

- Thôi đồ tư sản!”

Người ta trách tôi đã gieo mầm chia rẽ - Tôi tôn thờ quyền lợi vật chất.

Tôi là một thằng sùng bái con bê vàng!

Tôi gắng gượng tự bào chữa.

“Tao không nói riêng cho tao; ngòi bút của tao, ai cũng biết đấy, là để phục vụ cách mạng; nhưng còn tay chủ nhà in! liệu có tìm được một tay chủ nhà in nào không?”

Tôi mượn một so sánh của Sêchxpia để cho ý kiến của tôi thành hình ảnh:

“Chủ nhà in thời này! Các cậu có biết tên nó là gì không? Tên nó là Sailôc^[32], Sailôc gã vụ lợi, gã keo kiệt, gã Do Thái, thằng dẻo xương dẻo thịt người ta!

- Không, Matutxanh vừa nói vừa bật lên như một chiếc lò xo trên ghế đẩu; tên nó là “Tiến lên!”. Phải, phải! *Tiến lên* hoặc *Làm theo nhiệm vụ*. Tên nó là *Can đảm*, tên nó là *Niềm tin*.”

Tôi từ trên ghế tụt xuống giữa sự xúc động chung, sau khi đã bị mang tiếng.

Tôi bị ra rìa cả buổi tối, và khi rót cà phê, tôi chỉ được một giọt nhỏ xíu!

Tôi hỏi xem có còn cà phê không.

“Hết”, Ronun đang rót cà phê nói.

Một tiếng *hết* cốc lốc làm tôi buồn vì do một người bạn chiến đấu nói, hơn nữa tối hôm ấy tôi rất thèm cà phê!

Tôi thèm lắm! Đành vậy! Tôi phải đứng lên xin lỗi.

“Phải, tôi đã sai! Chủ nhà in tên là *Làm theo nhiệm vụ* hoặc *Tiến lên!* Tôi đã sai...Trước hết là phải *hành động*, và không được thọc gậy vào bánh xe cách mạng.”

Mọi người trở lại với tôi, bắt tay tôi.

“Đưa tách của cậu đây! Hãy còn một chút trong đáy ấm”

Người ta thấy vẫn còn cà phê sau lời tuyên bố của tôi, lời thú nhận của tôi đã hàn gắn lại tất cả.

Tôi lấy lại được toàn bộ lòng quý trọng của họ và giá trị của tôi suýt soát – không hoàn toàn - một nửa tách.

Vậy thì chuyện chủ nhà in không nói tới nữa; chẳng phải tôi sẽ gọi lại chuyện đó! Chẳng nói tới chuyện chủ nhà in lẫn chuyện giấy má, chuyện tiền ký quỹ. Mọi người quyết định sẽ ra báo, sẽ có *một cơ quan*, thế là hết.

Vấn đề lớn nhất là mỗi người nhận lấy phần của mình, cái gì hợp với tâm tính, hợp với sở trường của từng người.

“Tớ, một tiếng nói tưởng như từ dưới đất vọng lên, tớ sẽ nhận mục “TRIẾT LÝ LỊCH SỬ””

Người ta tìm xem là ai, người ta nhìn.

Chính Sămpionnê đã nói.

Sămpionnê *nhà tư tưởng!* – Trước hồi xảy chuyện ở cuộc biểu tình, chúng tôi biết đến anh chỉ vì anh có cái kiểu đi làm giầy mòn vẹt hẵn một bên, mà anh làm giầy mòn vẹt trông mới khiếp! Hiện nay anh vẫn làm giầy mòn vẹt. Một đôi giầy mới anh đi chỉ được ba ngày; giầy của anh chàng này lúc nào cũng có vẻ muốn văng sang phải sang trái, tựa hồ ghê tởm chân anh.

Anh muốn viết về TRIẾT LÝ LỊCH SỬ.

Anh hiểu cái đó như thế nào? Liệu anh có một cái nhìn tổng quát về nạn Hồng thủy, về bọn Kalifơ, về Oma, về các cuộc Thập tự chinh, về vua Luy-Philip hay không?

“Các bạn công dân, Rơnun đang chủ tọa nói, không ai nói gì à? Vanhtrax?... Rôc?... Không ai có ý kiến hả?”

Không, mọi người chỉ ngo ngoáy trên ghế; ai nấy có vẻ như đang sục tay vào đáy túi mà không tóm được gói thuốc quai quẻ nằm trong lòng bàn tay... Người ta ngo ngoáy dữ; có những tiếng ho gằn và trong im lặng như tờ vài tiếng cười rúc rích...

Sămpionnê đâm hốt hoảng; anh làm như nhiều người trong lúc luống cuống thường nhìn vào mũi giày. Anh không thể trông thấy mũi giày của anh được, không thể được! muốn thấy thì anh sẽ phải cúi cổ. Và chính là anh đã làm vệt giày ghê gớm trong mấy hôm nay.

“Công dân Sămpionnê, Rơnun lại nói, về đạo mạo, đúng là anh muốn nói triết lý lịch sử chứ không phải lịch sử triết học phải không?”

- Không, không, đúng là triết lý lịch sử, rõ rồi đấy!

- Cố nhiên, nhưng anh hãy trình bày với ban biên tập (tiếng xì xào đặc ý trong cử tọa) anh quan niệm cái đó như thế nào! Anh đứng lên trên chiếc ghế đầu này”.

Vừa hay người ta mới đánh xi sên gác xong. Sămpionnê có vẻ như trượt trên sàn.

- Bỏ giày ra!

- Phải, phải.

- Các bạn biết rõ ta đã biểu quyết là không rồi! không thể đi ngược lại biểu quyết.”

Sămpionnê lại bước tới chiếc ghế đầu. Khó mà đứng được trên ghế với đôi giày vệt một bên của anh!

“Để anh ta ngồi nói vậy!

- Không, không. Quỳ trên ghế ấy!

- Ngồi, ngồi!”

Nhưng không còn ghế nữa - người ta đã giấu ghế của anh đi.

Sămpionnê tỏ ra giản dị và cao thượng.

Anh ngồi sệp xuống sàn, hai chân khoanh tròn, và bắt đầu giải thích cho chúng tôi nghe thế nào là triết lý lịch sử.

Anh nói dài, rất dài. Chúng tôi rất chú ý nghe nhưng chẳng ai hiểu gì hết – và cả đến hôm nay nữa, riêng tôi, tôi vẫn không chắc có biết đích xác triết lý lịch sử là gì không. Tôi vẫn hình dung môn đó dưới hình thù một người ngồi khoanh chân kiểu thợ may với đôi giày vệt một bên.

X

NHỮNG MỐI CẢM GIẬN CỦA TÔI

“Còn cậu, Vanhtrax, cậu sẽ làm gì?”

- Tôi sẽ viếng *Những nấm mồ của những người cách mạng*”

Tôi nảy ra ý sẽ đi thăm những nghĩa trang có chôn những người đã chết vì nhân dân.

Tôi thường hay đi vào lúc sáng sớm tối suy nghĩ trước mồ những người bảo vệ dân và những nhà thơ.

Tôi lượn quanh ngoài hàng rào sắt, tôi làm phiền các bà góa đem hoa đến viếng mộ.

Tôi sẽ viết tiểu sử những người chết đó, tôi sẽ trích dẫn những câu khắc bằng dao trên đá – cố ném một tia sáng vào bóng đen của các nghĩa trang ấy. Có những bông hoa lấm chấm đỏ trên đám cỏ rầu: tôi sẽ viết những câu màu đỏ ấy.

“Cái thằng Vanhtrax lúc nào cũng cọt nhả, nó lại chọn đề tài ấy chứ!...”

Lúc nào tôi cũng cọt nhả - nhưng khi chỉ có chúng tôi với nhau thì tội gì mà làm cái vẻ đưa đám chứ. Người ta nên nghiêm trang khi nào nói với dân.

Cố nhiên chúng tôi đã không ra được tờ báo.

Dù có một tay chủ nhà in nào in cho, cũng không ra được. Người nào cũng muốn viết *xã- thuyết* cả, muốn có những chữ to nhất và một cái tí đen đậm trên một khoảng trắng rộng. Như vậy sẽ chỉ có thuần những chữ to với những tí lớn tướng. Không còn chỗ để in bài nữa!

Với lại chỉ hai ngày sau là sẽ đánh lộn nhau.

Chắc chắn là tôi sẽ bị buộc tội *chửi bới* các năm mồ; bởi vì có những người chết mà tôi sẽ xử *theo kiểu Ai cập* và tôi sẽ tát vào sọ họ.

Một vài câu nói của Matutxanh đã làm cho riêng tôi phải nhảy lên; tôi không quên rằng chính anh đã nói về chuyện Rơnun được ông Bêrăngiê vuốt ve: “*Được bỗng bề trên đầu gối của bộ óc đáng trọng ấy*”.

Nhưng liệu chúng tôi có thể viết thành bài báo được mãi không? – Thơ thì được – Chữ bài báo thì tôi không tin!

Tôi đã thấy rõ như vậy khi tôi bắt đầu viết *Những năm mồ của những người cách mạng*. – Tôi cứ lặp đi lặp lại mãi một chuyện, và cứ kêu gọi mãi người chết: “*Hãy ra khỏi mộ, hãy tới đây, hãy về đây, các anh có nghe thấy không! Hỡi anh, hỡi các anh!*”.

Và tôi nhét tiếng La-tinh vào và lén tìm trong các bài diễn văn hồi 93...

Xpactơ, La-mã, Aten... Tôi đã chế tạo những cái đó hồi ở nhà trường, và tôi thấy những nền cộng hòa cổ Hy-Lạp, La-Mã thật là vô ích và ngốc nghếch!... Lyquyêcơ, Xôlông, Fabrixiux, và tất cả các nhà hiền triết, và tất cả các chấp chính quan!... Bây giờ tôi mới thấy những cái đó dùng được vào việc gì. Không thể viết cho các tờ báo cộng hòa được nếu không biết tường tận về Plutac. Có một trang nào của chúng ta, của các nhà văn Jôcôbanh chúng ta mà lại không nói đến Aniban, Fabrixiux, Arixôtôgítông, Côriôlan, Clêông, anh em Crăckơ? Người ta không thể bỏ qua những chuyện đó được. Không nói với những người của năm 93 là họ giống các bậc vĩ nhân trong các giáo khoa, là một điều vô lễ.

Những ai nào lui về ở ẩn trong làng hoặc từ chức thì gọi là những Xinxinnatuyx. Những ai không thuê được người giúp việc trong nhà và phải chẻ củi lấy thì gọi là Philôpơmen.

Trong thâm tâm tôi cảm thấy rõ là tôi không có tài viết. Tôi chợt thấy điều đó, một buổi sáng, khi đọc lại những trang nháp viết tối hôm trước theo hứng của ngòi bút.

Tôi nói là tôi đã nhận xét thấy cô con gái người gác cổng nghĩa trang, vận áo cộc trắng, nghiêng mình qua cửa sổ tưới hoa; là tôi suýt khóc khi nhìn thấy một em bé gái, vận váy ngắn, chôn con búp bê của nó ở chỗ mẹ nó *ngủ*. Suýt khóc, phải – khi mà tôi đứng trước mộ một người tuần tiết, đáng lẽ, theo lệ thường, tôi phải khóc hết nước mắt.

Tôi đã quên mất lá cờ của tôi để nhìn em bé gái ấy đứng cạnh người bố vận đồ tang.

Tôi đã nghe thấy một con chó gào lên trên nấm mồ của chủ nó.

Nếu không tự ghìm mình lại, thì tôi đã nhét những trò ngu xuẩn đó vào bài báo rồi!

Thà không ra báo còn hơn. Tôi sẽ loay hoay không viết nổi, tôi không biết kể những điều mà tôi không trông thấy. A ha! Quả thật tôi không có tài!

Tôi không thổ lộ điều đó với ai cả - Tôi sẽ đem điều bí mật đó theo tôi xuống mồ - Nhưng, tôi cảm thấy rõ ràng là tôi không có gì trong đầu ngoài những ý nghĩ CỦA TÔI! Chỉ có vậy thôi! Và tôi là một thằng biếng nhác không ưa đi tìm kiếm ý kiến của người khác. Tôi không có can đảm lật các trang sách. Tôi sẽ phải nhấm nước bọt vào đầu ngón tay cái, và giở từng trang, từng trang để đọc cái gì nó sẽ gây cảm hứng cho tôi.

Tôi không có nước bọt và ngón tay cái của tôi sẽ bị đau ngay lập tức.

Chỉ có độc những ý nghĩ CỦA TÔI, CỦA RIÊNG TÔI, thật là kinh khủng! Những ý nghĩ như ý nghĩ của một nông dân, một người đàn bà hiền lành, một người bán rượu vang, một anh bồi tiệm cà phê! – Tôi không nhìn được xa quá tầm mắt tôi, không xa quá, thật vậy không! Tôi chỉ nghe bằng tai CỦA TÔI thôi – những cái tai đã bị người ta beo mãi!

Tôi ưng nói về những người dạo chơi ở các nghĩa trang khi tôi có mặt ở đây, hơn là nói về những người đã *yên nghỉ dưới đất*.

Requiescant in pace!^[33]

Cậu đội mũ nồi đỏ và các cậu khác tưởng là tôi thông minh – hình như họ tin thế thì phải... Họ không trông thấy bản nháp của tôi! Họ không ngờ có chuyện con chó, con búp bê, cô gái nghĩa trang!

Tuy nhiên một đôi khi chúng tôi thật là hồn nhiên. Những người Hy-Lạp cũng hồn nhiên vào giờ phút của họ, những nghị sĩ Quốc ước cũng vậy.

Chúng tôi chơi bịt mắt bắt dê.

Trong lúc đang chơi hăng, thì dù Nghị viện có điếu qua dưới cửa sổ chúng tôi cũng mặc, không ngó xuống nhìn họ.

Chỉ có mỗi Matutxanh không chịu công nhận là mình chơi đùa. Anh bảo sở dĩ anh chơi là vì trò bịt mắt bắt dê dạy cách trốn, làm lạc hướng bọn mật thám, đánh lừa kẻ địch.

- Đây là một cách luyện tập rất tốt cho những người âm mưu, là trường tập sự làm Hội kín.

Khi anh bị bịt mắt – Khi chính anh *bị bắt* – anh tự hình dung mình là Ủy ban Cứu quốc^[34] đang tìm bọn *bảo hoàng* trong bóng tối; Khi người ta đuổi bắt anh, anh tưởng mình lẩn trốn như người phát Girôngdanh: anh muốn hỏi xin một quả trứng rán, như Côngdooxê, hoặc anh lăm bắm tên của gã sen đầm đã bắt Rôbexpie.

Mặc dù nói vậy, anh vẫn đùa cợt như người khác, lúc anh trốn, chân dúi vào gậm giường và đầu chui vào chiếc bàn đèn.

Có một anh thường hay *bị bắt* nhất là Sămpionnê, vì đôi giày của anh ta. Người ta đoán ra anh ngay lập tức. Anh chơi chưa được một tiếng đồng hồ mà gót giày của anh đã vệt hết, và người ta chỉ cần sờ vào đôi giày của anh. Người ta cũng đoán được ra tôi rất nhanh, vì lúc nào người tôi cũng sặc mùi phấn, tôi đã ôm hôn cô Alêcdăngđrin khá nhiều.

Chúng tôi đang ở cái tuổi mười tám, năm chúng tôi gộp lại được một thế kỷ; chúng tôi muốn cứu thiên hạ, chết vì Tổ quốc. Trong khi chờ đợi, chúng tôi đùa nghịch như đám nhãi ở trường học. Rôbexpie, nếu *thình lình* xuất hiện – như người ta thấy ông trong những bài báo hay – Rôbexpie sẽ

cho là chúng tôi chẳng có cái gì giống người Xpactơ và chắc sẽ đưa chúng tôi lên máy chém.

Chúng tôi qua những buổi tối của chúng tôi như vậy; thỉnh thoảng chúng tôi ra tiệm cà phê – họa hoằn, rất họa hoằn.

Rơnun vẫn mặc chiếc áo ngủ; tôi vẫn ở bên cạnh Alêcdăngđrin; Sămpionnê thì đào món triết lý lịch sử trong xó của anh.

Chỉ có Rôc và Matutxanh, chẳng có Alêcdăngđrin cũng như áo ngủ, hay cái ham mê món triết lý lịch sử, nên ưa vừa chơi bài vừa uống cà phê.

Hình như họ mới phát hiện ra được một tiệm cà phê nhỏ thân mật, nơi đám sinh viên y khoa lui tới với những cô đã có con với họ.

Thật là kỳ quái! Chuyện đó đối với tôi có vẻ hầu như trái với tự nhiên! Có con ở trong khu phố La-tinh! Mùi sữa và mùi tã lót xua tôi đi như một nhà gửi trẻ. Tôi chỉ vào đó một hai lần để gọi Rôc đi, và lần nào tôi cũng suýt ngồi lên một đứa bé mà người ta đặt lên ghế một tý, để *ghi điểm bài lá*.

Tuy nhiên thỉnh thoảng người ta cũng kéo cả bọn tới một quán rượu to, ở đây tối nào cũng đầy những khách cộng hòa ồn ào.

Quán ấy ở ngay đầu phố chúng tôi, tại góc quảng trường Thánh Misen, bên cạnh bể nước. Người ta gọi nó là tiệm cà phê *Phố thông đầu phiếu*.

Có những nhân vật tiếng tăm tới đó.

Chúng tôi hơi bị lạc lõng trong bầu không khí dân chủ được phép ấy, ở đó những đầu óc đã chín chắn; ở đó có những người mà người ta bảo đã từng chỉ huy chiến lũy ở Xanh-Mery, đã ngồi tù ở Đulen, đã khởi nghĩa hồi tháng Sáu; những người có uy tín vì đã đứng vào hàng ngũ cách mạng, đã chiến đấu và đã ở tù.

Có phải tất cả bọn họ đều có vầng hào quang ấy không? Trong làn khói này khó có thể thấy rõ hào quang.

Nhưng quả là có những bộ mặt thiện cảm và cương nghị. Điều làm tôi chú ý nhất, đó là vẻ *hiền hòa* của những người có tên tuổi, mà người ta bảo:

“Ông này, chính hồi tháng Hai, đã bắn vào bọn hiến binh ở chỗ Két-nước”.
“Ông kia, ngồi kia kia, đã bị sáu tháng tù sau hồi tháng Sáu”.

Tôi lượn đi lượn lại trước những bàn đó để xem con người ra thế nào khi đã trải qua những cơn thử lửa ấy. Phải, đấy là những người la hét ít nhất và cười nhiều nhất.

Một hôm Rôc kéo tay áo tôi.

“Mày có nhìn thấy cái ông cao lớn kia không?

- Đẳng kia, ở bên trái ấy à?

- Ủ, đừng làm ra vẻ nhìn ông ta.

- Ai đấy?

- Một đại biểu của Phái Môngtanho^[35], ông X...

- Ông ta không nói ở Nghị viện bao giờ à?

- Không, ông ta còn *chờ thời*”.

Đúng là Rôc nói như thế!

“Chờ thời! chờ đến bao giờ?

- Cho Quốc ước...”

Rôc có vẻ tin chắc là sẽ có một Quốc ước; tưởng như anh vừa nhận được tin ấy buổi sáng hôm nay; và đáng lẽ phải loan báo cho chúng tôi biết vào buổi chiều! Anh trở lại chuyện ông nghị sĩ X...

“Phải, ông ấy chờ thời cũng như Rôbexpie đã nín lặng chờ đợi, ở Quốc hội lập hiến..., chờ đợi cơ hội của mình”.

Nín lặng? Không! Rôbexpie đã có lần đứng lên để yêu cầu bãi bỏ tội tử hình. Mày biết không?

Có một tay vô kỷ luật, ngồi trong một góc, đang nhún vai và hét to:

“Tất cả cuộc Cách mạng của các anh, những bộ tóc dài của các anh Rôbexpie, Xanh-Juyxt, tất cả toàn là trò hề hết! các anh là bộ giáo sĩ của

nền dân chủ! Dù Lơđruy hay Falux làm lễ thế phát cho các anh thì có bận gì đến tôi?... Dù sao cũng uống chúc sức khỏe các anh, bọn thầy tu đó!”

Những lời nói đó xoáy vào tim tôi! Vì có nhiều lần, vào những buổi tối ngồi một mình, tôi thường tự hỏi có phải mình đã rời bỏ một trò hủ lậu này để bước vào một trò hủ lậu khác không, và có phải sau những bậc kinh điển của Đại học, lại có những bậc kinh điển của Cách mạng – với những ông Hiệu trưởng đỏ, và một thầy tú Jacôbanh!

Có những lúc, tôi sợ tôi chỉ là một thằng ích kỷ như bác thợ già đã gọi tôi khi tôi nói với bác muốn đi học nghề. Tôi muốn tìm thấy trong diễn văn của những người cộng hòa những câu đáp ứng với những mối cảm giận của tôi.

Họ không nói tới những trường học đen tối và độc ác, họ không nói tới đạo luật biến người bố thành đao phủ của con, họ không nói tới những người mà cảnh bản cùng biến thành trộm cắp! Tôi đã trông thấy biết bao nhiêu người như thế trong nhà tù ở quê tôi, họ sắp phải đi đày mà tôi thấy hình như họ còn lương thiện hơn cả viên Quận trưởng, viên Thị trưởng và các tay cầm quyền khác.

Ích kỷ!Ồ! không! Tôi đang sẵn sàng – Tôi thề như vậy! – chịu đau đớn và chết vì những cực hình đã làm tôi khổ mà bây giờ tôi không còn sợ nữa, nhưng tôi muốn được trông thấy chúng bị thủ tiêu trước mặt tôi...

Maututxanh chỉ nói đến những ủy viên đeo băng tam tài hoặc những hộ dân quan đeo phù hiệu mũ đỏ sẽ thay thế bọn Vua chúa và bọn phản bội... Cóc cần những cái đó!

Vậy bao giờ người ta mới đốt Bộ Luật và các trường Trung học!

Họ không nghe tôi, họ giễu tôi và kết tội tôi đã chửi bới các vị thánh của nền Cộng hòa!

Ấy thế là sinh chuyện! – Đã có những chuyện ghê gớm về Bêrăngiê!

Bêrăngiê!

Phải, chính ông ta là nguyên nhân làm cho Rơnun hít thuốc và vận áo ngủ, cái đó thì đừng ai hòng làm tôi nghĩ khác.

Chính ông ta cũng là nguyên nhân làm cho Rơnun lập gia đình.

Với những câu thơ của ông, ông đã nhét vào đầu anh chàng hồi nhỏ ông đã cho nhảy trên đầu gối ông, cái điều nên có một nàng Lidet cũng như ông.

Về điểm này tôi bớt giận ông ta.

Cô Lidet này là một cô gái tốt. Nhờ có cô, bọn tôi có phòng khách của chúng tôi, với vẻ tươi vui của những chiếc áo dài tươi sáng làm cho căn hộ đầy duyên dáng trong những ngày hè và làm nổi bật những màu lam hoặc màu hồng trên nền đỏ tối sẫm của chúng tôi.

Chúng tôi được hưởng tất cả những cái mà chúng tôi không có ấy từ bàn tay trắng trẻo của một người đàn bà rải ra quanh đây đó.

Chúng tôi có một chiếc cối xay cà phê, những cái tách hoa, và người ta còn khâu cả cho chúng tôi một vài mũi kim khi áo rách.

Cô Lidet còn may những lá cờ Cộng hòa nhỏ nữa, và hứa sẽ làm cứu thương nếu có người bị thương.

Lại vẫn kiểu Bêrăngiê!... *Hai thiên thần từ thiện!*

Mặc dù vậy, tôi thấy hình như Rơnun, với đôi mắt to đẹp thật thà, với trái tim thẳng thắn, can đảm, sẽ ăn nói trẻ trung hơn và sinh động hơn nữa nếu khi mười bảy tuổi anh không có cô Lidet, hộp thuốc lá và chiếc áo ngủ. Tất cả những cái đó đều là nhặt trong chiếc áo choàng và những bài thơ của Bêrăngiê!

Bêrăngiê!

Thầy tôi có một chiếc cặp đựng đầy thơ của ông ta.

Bên cạnh những bài tửu ca bắt chước một cái cốc, một bầu rượu, có bài *Những kẻ nghèo khổ*:

Những kẻ nghèo khổ, những kẻ nghèo khổ

Là những người sung sướng.

Họ thân yêu nhau;

Những người nghèo khổ muôn năm!

“Những kẻ nghèo khổ là những người sung sướng, họ thân yêu nhau” – nhưng người ta nện nhau và người ta giết nhau giữa những người đói khát!

“Những kẻ nghèo khổ là những người sung sướng!”. Nhưng không nên nói vậy với những người nghèo khổ! Nếu họ tin là thế, họ sẽ không nổi loạn nữa, họ sẽ cầm bị gậy, chứ không cầm súng!

Thế rồi, thế rồi – Ôi chao! Điều đó tôi đã thấy đề tiện ngay từ buổi đầu! – cái ông Bêrăngiê ấy, ông ta đã ca ngợi Napôlêông!

Ông ta đã liếm vào cột đồng đen, ông ta đã đem hoa đến mộ tên Xêza, ông quỳ xuống trước mũ của tên kẻ cướp ấy, hắn đã dẫn dắt nhân dân bằng những cái đá, và đã beo tai những người cận vệ binh mà Hôtsơ đã dẫn tới sông Ranh và tới Văngđê: Hôtsơ mà có lẽ hắn đã sai bỏ thuốc độc, cũng như người ta nói hắn đã sai đâm chết Klêbe!...

Người thi sĩ vận áo rơđanhgôt dài ấy hôn vạt áo rơđanhgôt xám!

Hai chiếc áo rơđanhgôt mà tôi phải nhớ!

Đấy, đồ ngu, đấy gã liếm đỉnh thúc ngựa!

(Chà, quả vậy, tôi đã nói to điều đó với chính Rơnun một hôm anh khen thái độ khôn ngoan của Bêrăngiê đã từ chức Nghị sĩ sau ngày tháng Hai^[36].

- Cái khôn ngoan đó à, nhưng đó là cái khôn ngoan của kẻ hèn nhất.

- Mà không được nhắc lại nữa! Rơnun vừa kêu nên vừa nhảy xổ vào tôi.

- Tao sẽ không nhắc lại nếu điều đó làm mày phật ý, nhưng nếu tao có quyền được nói ý nghĩ của tao, tao sẽ kêu to điều đó lên ở giữa phố. Mày tưởng không có những người khác tuy không muốn ở Nghị viện nhưng vẫn

ở lại đây vì bốn phận hay sao. – Mà bảo là ông ta không biết nói! Không cần gì phải biết nói; ông ta vẫn có thể đứng lên vào hồi tháng sáu, với bộ tóc dài, với cái đầu đáng kính trọng của ông ta, và quát vào mặt Lamenne “Nguyên rủa, nguyên rủa bọn bắn giết nhân dân!”. Ít ra ông ta cũng có thể ra chiến lũy như ông Tổng giám mục. Ông ta vẫn có thể buộc bọn tư sản ở Nghị viện phải một tên cảnh sát đến lôi ông ta khỏi diễn đàn và móc kéo cái tuổi sáu mươi của ông ta nát bươm vì chiến đấu. Và khi người ta lôi ông ta đi, ông ta vẫn có thể bằng cái giọng già nua của mình thét lên: đình chiến, đình chiến!)

Bêrăngiê hầu như đã đào một vực sâu giữa chúng tôi! Mặc! Nếu tôi không nói như thế, tôi sẽ không tin rằng mình trung thực.

Có lẽ tôi sẽ không thể trở lại đó nữa; tôi sẽ mất cái nơi bạn bè và hạnh phúc ấy; nhưng tôi không thể che giấu nỗi ngạc nhiên, niềm đau đớn, cơn giận của tôi khi thấy con người đó được những thanh niên cách mạng mười bảy tuổi trọng vọng.

Quả thật là đáng nực cười!

Với cái dáng đi kiểu Linh mục thôn quê, làm vẻ hiền hậu và yêu nước, ông ta đi công cán tại nhà thường dân, ở các gác xép, các túp lều, để xoa dịu những mối căm giận, ngăn không cho nó lên men và nổ thành phát súng!

Và ông ta giễu chúng tôi!

Trong một căn gác xép người ta vui thú biết bao khi hai mươi tuổi!

Người ta vui thú ở đó như một kẻ vượt ngục, ở một xó tường, được một phút để nghỉ ngơi, để đo khoảng trời đất và băng bó vết thương. Người ta vui thú ở đó như tôi ở nhà Alêcdăngđrin – khi người ta là tình nhân của cô gái ở tầng dưới, và người ta luôn luôn ở tầng trên, ở đây buồn quá, nóng quá hoặc lạnh quá, chỉ để mà sống theo kiểu mùa Đông thì rúc vào chăn, và mùa Hè thì nằm dài trên giường: ở đó không thể làm việc được vì có mùi kinh khủng, vì không có sách, vì có rệp! – Cái nhà ông tán dóc!

Này! Tên khốn kiếp, nếu người ta vui thú trong một gác xép khi hai mươi tuổi, thì tại sao người lại đi xin xỏ Luyxiêng Bônapactơ một địa vị?...

Không ai nghĩ như tôi cả. Tôi có vẻ một thằng tàn bạo và một thằng điên.

“Mày chỉ cho chúng tao xem có ai trong những người *tiến bộ* mà lại nói, dám nói cái điều mày nói!”

Quả thật cả những người đỏ nhất cũng chào Bêrăngiê!

“À! cái ông ấy à?” – và họ ngả mũ ra.

Những người độ lượng nhất, khi nghe tôi nói, thì cười tùm tùm và vỗ vai tôi như muốn nói: “Này cậu ơi! Cậu chẳng hiểu mình nói cái gì đấy!...”

“Đúng là để mọi người chú ý, để làm ra vẻ độc đáo”, những người khác vừa nói bóng nói gió vừa cười khẩy!

Lời ngu ngốc muôn thuở mà tôi nghe thốt ra từ miệng bọn trẻ cũng như bọn già! Nhưng *làm ra vẻ độc đáo*, thế thì ngu quá! Người ta đâm ra xích mích với tất cả mọi người. Chẳng thà tôi theo ý kiến của đa số; vẫn được uống ca phê, thêm vào đó lại được vì nể; mọi người nói: “Anh ấy thông minh” vì anh đồng ý với họ.

Tôi muốn được mọi người chú ý, tôi muốn làm ra vẻ độc đáo! Khi cái đó làm tôi mất phần cà phê pha rượu và mất một chút *an ủi*.

Đơn độc, đơn độc với ý kiến của mình!

Khi không một người nào, nổi tiếng hay vô danh, không một quyền sách nào, dày hay mỏng, mép sách nhạt hay đậm, đã để lọt ra một lời – như một hơi thở của kẻ bị đè nén – chống lại con người nổi tiếng ấy, hấn đặt bàn chân mềm mại, mang giày vải, lên trái tim nhân dân, và nhét bông tam tài vào lỗ tai quần chúng!

Vậy thì hãy cứu tôi với, hỡi con em những người nghèo khổ! Những kẻ có cha đã bị cuộc Trưng binh sát hại! Cứu tôi với, hỡi con cháu những người không quần cộc! Cứu tôi với, hỡi tất cả những ai có bà mẹ đã nguyên

rửa tên yêu tinh đảo Coocxơ! Những ai sống ngạt thở trong các gác xép, những ai có những cô Lidet bị đói! Cứu tôi với!...

Tôi đến nước ấy vì cái lỗ bịch của tôi và cơn điên rồ của tôi, và người ta đi đến chỗ coi niềm giận giữ của tôi là chứng điên.

Cô bạn của Rơnun giận tôi đến lồng lộn! Chính là tôi đã động đến cô khi tôi vò nhàu chiếc mũ chùm đầu của cô Lidet của nhà soạn ca khúc.

“Thế nhưng chẳng có ai trả tiền quần áo cho cô cả, tôi nói với cô vào một buổi tối.

- Đồ xỏ lá!”

Cô đâm ra căm thù tôi, và nếu tôi không có những lúc làm thẳng pha trò vui vẻ, một thẳng *hề* biết làm cho cô bật cười, thì cô đã đuổi tôi đi rồi.

Tuy vậy, Rơnun ngăn không cho cô lộ vẻ ghét tôi thẳng thường quá, và chính anh tự tay rút cà phê khi đến lượt tôi.

Cô trả thù lại về chuyện *Hêgiêdip*.

Tôi đem Morô ra để đổi chọi với Bêrăngiê, *Cô tá điền* chọi với Lidet, vở kịch nói về những Nghị sĩ Quốc ước chọi với những bài thơ dài tán tụng Napôlêông.

Cô Lidet của Rơnun nhún vai:

“À! Đây! Anh làm tôi buồn cười với *Hêgiêdip của anh*”

Tôi không mê *Hêgiêdip* – tôi sẽ công nhận điều đó, nếu tôi không phải tự bào chữa thái quá – Hình như ở chỗ này chỗ nọ, có khóc sụt mướt; nhưng dù sau cũng khác nhau biết mấy!

Buổi tối, một đôi khi ngồi một mình, tôi đọc lại thơ ông ta; và dường như tôi nhúng hai bàn tay có mùi thuốc lá của tôi vào một dòng nước tươi mát như những dòng nước chảy qua những cánh đồng cỏ ở Farâyron, làm rung rinh ngọn cỏ và những bông hoa bìm bìm vàng!...

(Vậy mà là cái gì về chính trị? Mà không đứng về phe Girôngđanh, mà ghét Rôbexpie, mà nói rằng Soomet vừa chửi rửa Chúa trời mà vừa là

một kẻ cầu trời, vì ông ta muốn có ngày lễ Bạc chí tôn. Vậy mà là gì?

Tôi thật lúng túng khó trả lời. Tuy nhiên tôi lại tóm tắt ý kiến của tôi.

- Tôi tán thành cái máy chém.

Đây là ý kiến của tôi. Tôi tán thành việc người ta lên đoạn đầu đài, việc những đầu rơi, việc thành lập một Ủy ban Cứu quốc, điều đó thật rõ ràng. Chỉ cần đọc lịch sử phái Môngtanhơ của Exkirôx, của Viliômê, cả của ông Chie nữa, ông đã đặt vòng hoa lên cái đầu to tướng của Đăngtông... Nhưng tôi không muốn người ta dừng lại ở giữa đường, hình như những người của phái Môngtanhơ đã đổ vì họ dừng lại ở giữa đường. Ngày 9 Tecmido, Rôbexpie đã bị thua vì ông ta không lên ngựa...

Tôi sẽ học cách cưỡi ngựa, và tôi là một người phái Môngtanhơ. Những người Girôngđanh đã ước mơ một nền tự do có đôi mắt biếc. Tôi có đôi mắt đen. Họ thuộc về Ailen, phái Môngtanhơ thuộc về Xpactơ. Tôi thuộc về Xpactơ với thứ cháo loãng màu đen. Đó là thứ cháo loãng đen ở gia đình Vanhtrax.

- Mà muốn một chiếc áo có ve, một chiếc mũ cầm lông, và một chiếc thắt lưng tam tài, một anh to béo ngồi ăn với chúng tôi bảo tôi, anh ta không có chính kiến gì cả đã bảo tôi vậy, nhưng mặc dù thế - thật là kỳ - anh ta có vẻ một chàng trai rất tốt và rất gan dạ.

- Tao sẵn sàng chiến đấu, tao muốn hy sinh, tôi lúng túng đáp lại và ngỡ rằng đây là câu trả lời giải quyết được hết.

- Tao cũng tin như vậy, nếu mà không có cái đó, thì mà đáng để người ta tát vào mặt mà và giết chết mà! May mà mà lại có cái can đảm của thói kiêu căng và cái anh hùng của sự ngu ngốc. Mà chỉ là một thằng nhãi mắc sai lầm, một ranh con hủ lậu bị lạc lối: mà sẽ bị đánh bẽ sọ ngay ngày đầu. Thế đấy! Nếu người ta không đánh bẽ hoàn toàn, nếu còn sót lại một mảnh, thì mảnh đó cũng sẽ được chín chắn ra.

Tuy nhiên tôi không nghĩ mình làm điều gì xấu và giữa tất cả mọi cái đó tôi quả thật nghĩ đến việc giải phóng nhân dân.

Đúng là tôi rất ửng có một chiếc mũ to cắm lông chim, một thanh gươm đeo ở đầu một sợi dây và chiếc thắt lưng to tam tài. Thuở bé tôi đã ăn vận quá xấu xí....

- Mày thích đời sống ở trại lính vì đấy vẫn là một thứ nội trú, thứ nội trú lớn, vì mày mới ra trường mà mày không ưa, nhưng mày căm ghét bọn giám thị vì mày đã bị đánh đập, bị roi vọt, bị làm nhục, và đến lượt mày, mày muốn đánh người khác. Mày đã bị roi vọt trong các xó xỉnh, nay mày muốn quất người khác trước Lịch sử. Người ta sẽ giam mày lại; mày muốn đẩy người ta đi Xinnamari^[37], nhãi con tưởng mình nghĩ việc cứu vớt thiên hạ; mày muốn bắt nhân loại trả nợ những bài chép phạt của mày.)

XI

ỦY BAN THANH NIÊN

Không có tờ báo. Ít ra có lẽ phải có một *Ủy ban*.

Một người nào đó có sáng kiến, và tới lúc uống cà phê tại nhà Rơnun, một tối kia, chúng tôi thấy ở trước mặt những mẫu giấy nhỏ dính bằng đinh ghim.

“Hạn đến nửa đêm! (Không dẫn phụ nữ tới)”.

Vừa lúc ấy Lidet đến. Tất cả chúng tôi đều nuốt chửng mẫu giấy; Sămpionnê suýt nuốt cả chiếc đinh ghim và chết nghẹn.

Ai triệu tập chúng tôi? Các bộ mặt đều lăm lè không đoán ra ai.

Nhưng tới lúc nửa đêm, Rơnun, sau khi tổng vợ đi ngủ, dẫn chúng tôi bước thong thả đến căn phòng đằng cuối nhà, đóng cửa lại, đặt cây đèn lên bàn rồi ngồi đợi.

Chúng tôi có vẻ rất ngớ ngẩn cứ ngồi nhìn nhau như vậy.

“Chính tôi, thưa các bạn công dân, đã tự nhận trách nhiệm họp các bạn lại!” Matutxanh vừa nói vừa đột ngột đứng dậy.

Không may anh lại ngồi bên cạnh Sămpionnê anh này suốt từ chiều cứ phải há hốc mồm vì chiếc đinh ghim làm bị thương; khuỷu tay Matutxanh đụng phải anh. Sămpionnê vội ngậm mồm lại và tự cắn phải lưỡi. Anh sẽ chỉ có thể biểu quyết – chứ không nói được – Anh bị cấm không được nói!

“Chính tôi đã có sáng kiến triệu tập cuộc họp này, thưa các bạn công dân, Matutxanh nhắc lại, một cuộc họp cần thiết, tôi nghĩ thế, cho tiền đồ của Cách mạng...”

- Phải, phải”, tất cả những ai nói được đều nói (trừ Sămpionnê).

“Nhân danh nền CỘNG HÒA THỐNG NHẤT VÀ KHÔNG THỂ PHÂN CHIA, tôi đề nghị với các bạn, ta tự tổ chức thành *Ủy ban* bí mật, và

tôi đề nghị nên đặt ngay bây giờ cho nó một cái tên!”.

Mất một lúc, không ai nói gì cả, cuối cùng ai đó kêu lên:

“Ủy ban Thanh niên...”

- Phải! phải! Ủy ban Thanh niên!...

- Im lặng! Matutxanh nói với cử chỉ và giọng nói của *một tay Môngtanhơ kỳ cựu*; chúng ta nên biết rõ rằng chúng ta lấy tên là Ủy ban Thanh niên, nhưng chỉ riêng chúng ta biết vậy thôi”! Mong rằng không một ai trên trái đất biết được chúng ta! Chúng ta sẽ chỉ lộ mặt ngày nào chúng ta sẽ giương cao ngọn cờ của chúng ta, ngày mà chúng ta sẽ ghi cái tên ấy toàn bộ bằng máu, trên một mảnh tã rách bằng dạ đen.

- Tại sao lại tã rách?”

Người ta bắt tôi im và Matutxanh lại nói, với một sự khiêm tốn xứng đáng với thời cổ đại:

“Vai trò của tôi đã hết. Các bạn đã được tổ chức xong - Ủy ban Thanh niên bắt đầu tồn tại. Bây giờ các bạn hãy chỉ định người Chủ tịch của mình; người này, trong trường hợp hiểm nghèo, sẽ phải hy sinh và phải đi hàng đầu các bạn.

- Đến mai, đến mai hãy bầu, nhiều người kêu lên. Đến mai!”

Thứ bảy, mười hai giờ mười lăm phút đêm.

Người ta vừa kiểm phiếu xong; người ta bỏ phiếu bằng những quân bài cũ lấy ở cỗ bài bệzigơ, từ nay nó sẽ bị thiếu quân; người ta sẽ không chơi bài *năm trăm* nữa. Tôi được con bồi carô, và tôi đã dùng nó để châm môi cho tẩu thuốc.

Vanhtrax, Vanhtrax, Vanhtrax, Ba Vanhtrax. Thế là đa số.

Chúng tôi có năm người.

(Rùng mình).

Tôi được gọi lên ngồi ở ghế bành. Tôi đi vòng đằng sau chiếc bàn, mặt tái mét...

“Thưa các bạn công dân! Tôi hiểu rõ niềm vinh dự mà các bạn đã trao cho tôi buộc tôi phải như thế nào. Chủ tịch Ủy ban Thanh niên phải hy sinh và dẫn đầu các bạn – sau nữa phải xứng đáng với các bạn, xứng đáng, xứng đáng...”

Tôi có vẻ như đánh chuông.

“Xứng đáng, xứng đáng... Trong khi chờ đợi, tôi xin hô lên với các bạn: Lính gác, nghiêm!”

Cú cu!...

Mọi người quay lại! Đó là chiếc đồng hồ chim cu của bà mẹ Rơnun gửi cho anh. Người ta trông thấy một con chim con lấy mỏ đẩy một cánh cửa ra và kêu: *Cú cu*.

Cú cu! Tôi vớ ngay lấy tiếng *Cú cu* đó!

“*Cú cu!* Con chim đêm kêu “*Cú cu!*” nhưng chúng ta sẽ thấy con chim sơn ca Gôloa, con chim của ông cha chúng ta (bao giờ cũng gọi đến ông cha!) sẽ kêu ra sao khi nó bay lên trời và đập cánh vào đầu, *có lẽ đã vỡ tan rồi*, của Ủy ban Thanh niên!”

Tôi vừa ném ra những lời đó, vừa kiêu hãnh ngừng trán lên tựa hồ như nó vừa bị đuôi con chim sơn ca đập phải, và vừa giơ ngón tay dọa con chim cu.

Một đôi khi chúng tôi họp phiên thường lệ, còn hầu như bao giờ cũng họp phiên bất thường.

Bây giờ chúng tôi hội họp tại nhà Rôc, anh có một căn buồng to ở cuối vườn.

Thật là tiện lợi, chúng tôi có thể vào đó mà không ai trông thấy. Chúng tôi đi theo một hành lang chằng đầy mạng nhện, vào cửa ở bên phải; qua bên trái, đi trên đám vôi gạch vụn; thế là đến nơi.

Việc gì tôi cũng chóng chán. Tôi thật là một chàng trai kỳ quặc!

Được hai tháng, tôi đâm chán cái chuyện đi qua đường hành lang có mạng nhện đó, đẩy cửa vào (bao giờ cũng làm phiền một người nào đó), bước trên đồng vôi gạch vụn làm mòn giày.

Tôi sinh ra lơ là trong tư cách một người hội kín.

Đôi khi tôi cười tựa hồ Lịch sử không bận gì đến tôi! Matutxanh đã quả quyết với chúng tôi nhiều lần rằng chúng ta phải quan tâm đến Lịch sử.

Cuối tháng mười một 51.

Những tin buồn, riêng và chung!

Tôi mất chỗ dạy tư cho người Nga...Cô đào nhà hát *Giải trí* tếch mất, ông ta bỏ đi theo.

Tôi ở lại với bốn mươi phơrăng hàng tháng và những quần áo sờn rách. Thật gay go!

Về chính trị, bầu trời đen tối.

Nền Cộng hòa sẽ bị ám sát vào một buổi sáng nào đó khi mọi người nhảy ở giường ra. Những triệu chứng thật đe dọa, Tổ quốc lâm nguy. Có lẽ chúng tôi không đến nổi điên và trẻ con lắm khi tự tổ chức thành Ủy ban, mặc dù thỉnh thoảng tôi cứ đỏ mặt một mình, và các bạn tôi cũng thế, tôi tin như vậy.

Nhưng dù sao, dù sao! Chẳng thà chúng tôi đóng vai người lính, ngay cả vai bảo vệ nhân dân nữa, và chúng tôi có mặt tại đó, dù chỉ có năm người, để nhảy xuống đường và hô hào chiến đấu nếu Napôlêông^[38] làm đảo chính.

Chúng tôi có thể lôi cuốn, tập hợp mười, hai mươi, ba mươi sinh viên.

Đối với thanh niên, những tiếng “Ủy ban” ấy có tác dụng lắm; họ ngỡ mình đứng trong một biên chế quân đội, tuân theo một hiệu lệnh từ những người chỉ huy bầu ra. Tôi cảm thấy rõ rằng tôi sẽ tiến bước, lòng vững tin hơn, trước một tập người tự chọn lọc, ưa cái vinh quang của nguy hiểm, có tinh thần ganh đua dũng cảm, vẻ hiên ngang và một mảnh cờ!

Chúng tôi sẽ có những cái đó – và chúng tôi sẽ giám thị lẫn nhau – Chúng tôi tin rằng chúng tôi không phải là những kẻ hèn nhát, nhưng chúng tôi không biết thế nào là một phát súng, một phát đại bác. Một mình đứng trước đạn nổ, dưới làn trái phá, có lẽ người ta sẽ sợ - không nên khoe khoang trước – nhưng tôi biết chắc rằng trước các bạn của tôi, tôi sẽ không muốn lùi bước; và lòng can đảm sẽ đến với tôi nhiều do chỗ tôi đã thề phải gan dạ trong những cuộc họp dưới ánh nến đó.

Những diễn văn ấy, những câu nói ấy, tiếng la-tinh ấy, những hình ảnh ấy, tất cả những cái đó đều có cái tốt nếu chúng tôi tự cảm thấy đã cam kết với chính mình, nếu không phải là với lá cờ!

Ta không nên cười quá nhiều về Ủy ban thanh niên!

Cười ư? - Bây giờ thì hết cả cười rồi?

Sáng nào tờ báo cũng đem đến thêm một hăm dọa; và sáng nào cũng thấy chúng tôi trở nên giản dị hơn và nghiêm trang hơn.

Tất cả cái gì là ảo tưởng, là trò nhại năm 93, đã tiêu tan; việc bài trí những buổi họp đêm đã biến mất, chúng tôi ít lời hơn. Không ai chế giễu Sămpionnê nữa.

Chúng tôi cảm thấy hơi lạnh của hiểm nghèo kéo tới và chúng tôi thấy rùng mình. Không phải là sợ chiến đấu, sợ bị thương, sợ chết, tôi không tin thế; nhưng trong không khí có cơn hăm hập của đông tố....

Vậy phái Môngtanhơ đang làm gì?

Nó là một Ủy ban Thanh niên ở quy mô lớn.

Tựa hồ như họ chỉ muốn hùng biện và thế cũng đủ để xua tan nguy biến – các nhà cách mạng ba xu!

Tiếng ào ào của lời nói, cái đó có nghĩa lý gì bên cạnh *tiếng loảng xoảng của gươm giáo?*

Chủ nhật 25 tháng mười một.

Cái ngày đáng nhớ, ngày hôm nay!

Tất cả chúng tôi đều tụ họp tại nhà Rơnun.

Lidet có mặt ở đó! Chúng tôi không còn phải giấu cô ta nữa, không phải nói năng úp mở nữa. Thật hiếm hoi, những lời nói, và là những lời mà ai cũng nghe được: hiếm hoi và buồn.

Trong lúc chúng tôi ngồi quanh ngọn lửa thì người ta đang bỏ phiếu ở Pari – để bầu đại biểu cho quận nào đó không rõ, thay thế một đại biểu khác.

Trò hề thâm hiểm! Bầu cử, trong cái giờ phút đe dọa và căm thù này, với tiếng đinh thúc ngựa trong hành lang Nghị viện!

Tuyết rơi làm dịu tiếng chân người ngoài phố.

Không hiểu tại sao, tất cả chúng tôi đều mặt rầu rĩ, ngực nghẹn ngào.

Hôm chủ nhật ấy, chúng tôi không cãi vã với nhau; ngược lại, tôi thấy dường như trái tim của chúng tôi xích lại gần nhau và người nọ thăm thì xin lỗi người kia về những lời nói xúc phạm và bất công từ khi quen biết nhau, tựa hồ người ta sắp sửa đột nhiên phải sát cánh nhau để chống lại tai họa!

XII

MỒNG 2 THÁNG CHẠP

“Vanhtrax!”

Người ta đập vỡ cửa buồng tôi!

“Vanhtrax, Vanhtrax!”

Nghe như một tiếng thét hãi hùng!

Tôi nhảy bổ ra khỏi giường và ra mở cửa, người bàng hoàng...

Rộc mặt nhợt nhạt và hoảng hốt!

“Đảo chính!...”

Tôi rợn tóc.

“Áp phích dán rồi; Quốc hội bị giải tán, phái Môngtanhơ bị bắt...

- Gặp nhau ở nhà Rơnun, tất cả, tất cả!”

Tôi leo lên nóc khách sạn và rút ở dưới tấm ván ra một khẩu súng lục và một túi thuốc súng. Tôi có khẩu súng lục và túi thuốc ấy từ lâu rồi; tôi đã dự trữ những thứ đó cho cuộc chiến đấu!

Alêcdăngđrin bấu chặt lấy tôi – tôi quên khuấy mất cô ta...

Cô không còn đáng kể nữa, chừng nào cuộc chiến đấu diễn ra, không một lúc nào cô đáng kể; cô không nặng bằng một viên đạn đặt trên cân.

Tôi chỉ nói với cô ấy mấy lời như thế này:

“Nếu anh bị thương, em có chăm sóc anh không?”

- Anh sẽ không bị thương, – *Không ai đánh nhau đâu!*”

Không ai đánh nhau ư? – Tôi muốn tát vào mặt cô ta. Cô làm cho tâm hồn tôi đâm kinh hoàng!

Ấy là vì trong bụng – trong tâm hồn tôi - ẩn nấp và quẩn quại như trong vũng bùn cái linh cảm về thái độ bàng quan của dân chúng!...

Khách sạn không bị đảo lộn gì! Những người ở trọ khác không tỏ vẻ công phần, người ta không thấy xấu hổ, thấy nôn nao. Tôi đã ngỡ rằng mọi người sẽ phải nhảy xổ vào buồng, hỏi xem sẽ phân công nhau như thế nào, lấy vũ khí ở đâu, ai sẽ chỉ huy! “*Nào! tiến lên! Nền Cộng hòa muôn năm! Tiến về điện Êlyđê! Giết chết tên độc tài!*”.

Không ai đánh nhau ư?

Phổ xá đã đứng lên và đã bốc cháy chưa? Liệu có hay không những người chỉ huy chiến lũy, những người hội kín, những cụ già, thanh niên, những người của năm 1793, những người của tháng Sáu, và đằng sau họ là đám đông quần chúng cộng hòa sôi nổi?

Gọi là vài đám người tụ tập lèo tèo! Những giọt mưa trên đầu, bùn dưới chân, - những áp phích trắng sáng rõ trong bầu trời đen tối, và như rọi một tia sáng rạch màn sương u ám. Chỉ có chúng ta là có vẻ sống trước những bộ mặt chết kia.

Người ta có xé đi không? Người ta có thét lên không?

Không. Mọi người đọc lời tuyên cáo của Napôlêông, hai tay đút túi, không giận dữ!

- Ôi chao, giá bánh mì đắt lên một xu thì còn ồn ào hơn!... Những người nghèo sai hay đúng?

Không ai đánh nhau cả!

Chúng tôi bại rồi! Tôi cảm thấy thế, trái tim tôi thét lên với tôi như thế!... Nền Cộng hòa chết, chết thật rồi!

Mười giờ,

Chúng tôi tụ họp tại nhà Rơnun.

- Đông đủ tất cả chưa?

Phải, đông đủ, lại thêm vài người bạn nữa. Đến trưa sẽ có những người khác tới...

Đến trưa? Nhưng từ giờ tới lúc đó, đã phải bắt đầu sửa soạn chiến đấu!

Đến trưa thì phố xá đã phải bốc cháy, cuộc giao chiến đã phải bắt đầu, mọi người phải biết khẩu lệnh, và người ta phải thét lên từ chiến lũy này sang chiến lũy khác, lần này thì thật sự: *Lính gác! Chuẩn bị nghiêm!*

Không ai đánh nhau cả!

Kìa một chàng trai to lớn, tóc nâu, cao và béo, em ruột của một người nổi tiếng hồi 1848 vừa tới.

Nhiều tuổi hơn chúng tôi, có tên tuổi bảo đảm, anh ta được nói, mọi người lắng nghe.

Anh ta nói gì?

“Các bạn công dân, tôi đem tới các bạn hiệu lệnh của phe kháng chiến – Không nổi dậy; chờ đợi; *hãy để cho quân đội mệt mỏi!*”

Thế mà người ta nghe hẩn! và không ai tóm lấy vai hẩn và quăng hẩn ra đường làm mảnh đầu tiên của chiến lũy?

Tôi bất bình!

“Chẳng thà chúng ta tuyên bố xong rồi, hổng rồi! Các anh hãy về nhà đi! Muốn thế không?...”

Người ta la lên phản đối.

“Không phải à? – Thế thì! Hãy cho thấy, nhanh như chớp, tất cả mọi cánh tay, tất cả mọi tâm hồn đều phản kháng và đều nổi dậy... Bắt tay vào việc tức khắc! Nhân danh Cách mạng, tôi yêu cầu các bạn thế đấy!

- Vậy thì anh muốn làm gì?

- Làm việc gì có thể làm được: xuống thang, nện đá lát đường, hô hào cầm vũ khí! Cầm vũ khí!... Các bạn hãy nghe lời tôi!...”

Người ta chặn tôi lại. Gã tóc nâu cao và béo quay về phái các bạn và hỏi họ muốn tuân theo hiệu lệnh của các nghị sĩ mà người ta đã gặp; hay muốn nghe theo tôi: xuống thang, nện đá lát đường, hô hào cầm vũ khí!...

- Phải tuân theo các Ủy ban, cả bọn nói.

Lại thêm một người nữa đến.

Phải chăng người này cũng tán thành *để cho quân đội mệt mỏi*?

Phải... và anh ta còn đem tới một tin khác nữa.

“Tối nay sẽ truyền đi một hiệu lệnh mới, anh ta nói. Tối nay, hẹn gặp nhau ở quảng trường Vôxgiơ...”

Các bạn tôi nhìn tôi; lần này tôi đã tin chưa?

“Tin ư? Tôi tin rằng chúng ta bại rồi... Tin rằng chúng ta là trẻ con, tin rằng nếu chúng ta là những người hành động thì chúng ta đã phải bắt đầu được một chiến lũy rồi...”

- Chúng ta sẽ bị cô độc... Rơnun liền nói, giọng run run, anh sẵn sàng theo ý kiến tôi hơn cả.

- Cô độc! Nhưng nếu ai cũng nói như thế thì đó là hèn nhát trên khắp tuyến! Những kẻ nào nói *để cho quân đội mệt mỏi* hãy đi đằng sau quân lính, hai tay đút túi, mag theo bít tất thay đổi...

Thưa ngài, hãy đi mà tìm bít tất, còn tôi thì tôi bảo phải đi tìm người chiến đấu, và phải bắt đầu chiến đấu để lôi kéo họ đến.

- Bắt đầu ở đâu?

- Xin nhắc lại, ở đâu tùy ý! Dưới cửa sổ nhà này...bất cứ chỗ nào! Và tôi xin nhận nệm viên đá lát đầu tiên.

Như vậy không phải để tỏ ra rằng tôi can đảm, mà để chỉ ra rằng tôi cảm thấy thất bại đang rón rén đến! Tôi không tin rằng mười người chúng tôi có thể cứu vãn được nền Cộng hòa, nhưng chúng tôi sẽ trèo lên một đồng đá, đồng cao nhất, và chúng tôi sẽ kêu lên: “Hãy đến với chúng tôi! Hãy đến với chúng tôi! Các bạn xem, chúng tôi có mười đứa; mười đứa mười tám tuổi, vận áo rơđanhgốt... mười đứa học trò. Những người vận áo bludơ hãy đến chỉ huy chúng tôi!”

Tôi bám vào áo, vào mắt các bạn tôi... Hình như tôi đang nói một điều rồ dại. Người ta trách mắng tôi, người ta còn giận dữ bảo tôi:

- Cậu bắt đầu chửi những người đến với chúng mình?

- Tôi không chửi. Tôi nói rằng thật là điên rồ nếu tưởng rằng quân đội sẽ mệt mỏi trước chúng ta; tôi nói rằng giày chúng ta sẽ hỏng, bát tất chúng ta sẽ thủng, gót chân chúng ta sẽ mòn, tiếng nói chúng ta sẽ vỡ trước khi quân lính bị phỏng da... – Để cho quân đội mệt mỏi!...

Tôi ghen ngào vì kinh tởm và đau đớn.

Không ai đánh nhau cả!

Tôi quay lại Rơnun và các bạn khác:

“Một lần cuối cùng, tôi van xin các bạn. Không cần hiệu lệnh! Chúng ta hãy cùng đi, chúng ta lấy một mẫu vải đỏ, dứt những rèm kia đi, xé tấm thảm này ra, và ta đem nó ra cắm ở ngã tư đầu tiên! Nhưng ngay lập tức! Dân chúng mất tin tưởng, quân đội trở thành kẻ thù của chúng ta, Napôlêông lẩn tránh cứ mỗi phút trôi qua, mỗi câu chúng ta nói, mỗi lời ngu xuẩn của gã kia, mỗi tiếng kêu vô hiệu của tôi!...”

Người ta không nghe tôi nữa; người ta còn bủa một vòng vây phần nộ quanh tôi. Tôi đã làm cho các bạn tôi nổi giận...

Một người trong bọn họ đã nói với tôi:

“Nếu bọn mình sống sót, cậu sẽ choảng nhau với tôi”

Nếu bọn mình sống sót ư? Thì chúng ta đang đi vào con đường ấy rồi!

Nhưng rồi vẫn phải tuân theo ý kiến của mọi người! – Tôi sẽ bị cô độc, hoàn toàn cô độc, và sẽ bị anh em từ bỏ. Những sinh viên quen biết tôi sẽ hỏi tôi những anh em kia đâu và nhóm của tôi đâu?

Tôi đã nghĩ là tôi cứ ra đứng ở cửa, như tôi đã nói, tay cầm một thanh sắt để nạy đã lát đường. Tôi sẽ kiếm ở đâu ra thanh sắt ấy? Tôi cướp lấy ở cửa hiệu hoặc dặt ở tay một người nào đó; người ta sẽ xúm vài chục người lại để hạ tôi và sẽ nện gậy thanh sắt ấy trên lưng tôi – và, trước hết, cái lỗi bị cô lập! Tôi sẽ không có tư cách đặc phái viên của chiến lũy, hay đại diện của phe kháng chiến...

“Anh ấy sẽ làm cho người ta chú ý tới nhà này, và họ sẽ tới giết chết chúng ta! Cái điều sẽ xảy ra là thế đó!” Lidet đã nói vậy trong khi tôi la hét om xòm.

Phải chịu thua!...

Chịu thua thẳng em cái nhà ông nổi tiếng ấy!

Tôi lại kêu gọi một lần tối hậu.

“Các anh tin rằng phải có kỷ luật...kỷ luật, lúc nào cũng kỷ luật... nhưng chính vô kỷ luật là linh hồn những cuộc chiến đấu của dân chúng!... A ha! Đồ tư sản!...”

Người ta lấy tay bịt mồm tôi lại, thiếu chút nữa, họ sẽ bóp cổ tôi. Họ có nghị lực ở phía họ, chính là niềm tin của họ biểu lộ; nhưng tại sao nó lại mang cái tính cách phục tùng ấy và sự tôn trọng những hiệu lệnh phải đợi và tín hiệu phải nhận ấy? Họ muốn có những lãnh tụ, là tại sao? Thì kẻ nào gan dạ nhất sẽ chỉ huy.

Mồng 3 tháng Chạp

Từ hôm qua, mười một giờ, chúng tôi chạy, tìm nguy hiểm và cảm thấy niềm thất bại.

Chúng tôi giải hòa với nhau, để hô hào cầm vũ khí, công khai. Người ta đã chiến đấu, chỗ này, chỗ nọ, với một dải băng đỏ buộc trên đầu một chiếc gậy – chẳng phải như cách phải làm để chiến thắng. Alêcdăngdrin đã nói đúng.

Những người vận áo rơđanhgốt đã cầm súng; những người vận áo bludơ không!

Một lời, một lời thâm hiểm do một người thợ đã đáp lại tôi khi tôi chỉ cho anh ta một rào chướng ngại vật mà chúng tôi đã dựng lên sơ sài.

“Hãy đến với chúng tôi, tôi kêu gọi anh ta!”

Người đó vừa đáp vừa khinh khỉnh ngăm chiếc áo choàng của tôi mặc dầu nó đã tàng:

“Này cậu tư sản! Có phải cha cậu hay chú bác cậu đã bắn giết và cho đi đầy chúng tớ hồi tháng Sáu không?”

Họ đã giữ cái kỷ niệm kinh khủng về tháng Sáu và họ đã cười khi thấy cái nghị viện của bọn bắn người và bọn đầy ải người bị cầm tù và giải đi.

Một vài người hào hiệp đã nổ súng – những người thợ đã không nhúc nhích.

Năm trăm kẻ đeo găng nổ súng và hy sinh, đấy không phải là một cuộc chiến đấu!...

Người em của cái ông nổi tiếng ấy vẫn đi dạo và nói:

“Ta hãy đi làm mệt mỏi quân đội”

Mồng 4 tháng Chạp, buổi tối

Chúng tôi đã không làm mệt mỏi quân đội. Và tôi, tôi không còn đứng vững nữa, không còn nói thành tiếng nữa, họa may từ lồng ngực của tôi chỉ còn thoát ra những tiếng rời rạc, vì tôi đã hét quá nhiều: “Cộng hòa muôn năm! Đả đảo tên độc tài!”, vì tôi đã hao mình bởi uất giận và thất vọng, kể từ lúc Rôc tới gõ cửa nhà tôi...

Lúc này không biết là mấy giờ. Tôi đã quay về khách sạn bằng cách nào không biết – vừa búa vào tường vừa lê chân đi, vừa giơ tay đỡ cái đầu nặng trĩu, nặng như đồ chì vào, và tôi ngã lăn xuống giường.

Tôi không bị một vết thương nào cả, người không chảy máu; tôi rên...

Tôi ngủ thiếp đi, nhưng tôi cảm thấy như có một bàn tay ấn chiếc gối vào mồm tôi; tôi choàng dậy nghệt thở và miêng xin tha, tôi mở cửa sổ.

Tôi nghe thấy một tràng súng nổ!

Vậy ra vẫn còn đánh nhau ư? Người ta đã bảo tôi là xong rồi, rằng tất cả những ai có lòng nghĩa hiệp đều đã kiệt lực hoặc chết rồi.

Chắc hẳn đấy là những người bị bắt mà chúng đem ra bắn; người ta nói rằng chúng giết người ở Sở cảnh sát.

Ví thử cuộc chiến đấu lại nổ ra!

Tôi phải có mặt ở đây!... Vị trí của tôi không phải ở chiếc giường khách sạn này. Tôi thử lại ra đây, xem sao...

Nhưng giấc ngủ đè nặng lên tôi, nhưng hai chân tôi không chịu cất bước, nhưng cánh tay phải của tôi trĩu xuống như đeo cục sắt.

Lại có tiếng súng!

Ồ! Dù sao tôi cũng phải xuống phố!

Trong nhà mọi người đều ngủ cả, trừ vài ba người đang chơi bài.

Có một người nói: *Tám mươi Vua!* Và người khác đáp: “cậu nói *tám mươi Hoàng đế* thì hơn!”

Thế mà tôi đã ngỡ rằng người ta sẽ chiến đấu, rằng thanh niên sẽ hy sinh tới người cuối cùng!... - *Năm trăm bêdigo, tám mươi Hoàng đế...*

Tôi đã lê ra được tận ngoài phố. Phố xá tối mò!...Tôi đi xuôi tới cầu, có lính đứng gác.

“Anh đi đâu?”

Nếu tôi có can đảm, nếu tôi là một con người, tôi sẽ nói cho chúng biết là tôi đi đâu... đi đến chỗ mà tôi cho là nghĩa vụ tôi phải đến. Tôi sẽ kêu lên: *Đả đảo Napôlêông!*

Có lẽ trong tương lai nhiều lần tôi sẽ hối hận vì đã không kêu lên như thế và bỏ mạng ở đây...

Tôi lảo bảo trong miệng và rẽ sang bên trái...

Sông Sen chảy âm lạnh và tối tăm. Người ta nói rằng chúng đã ném xuống đó một người bị thương còn sống và người đó đã bơi được sang bờ bên kia, để lại đằng sau một vệt nước ngầu máu. Có lẽ người đó chúi vào hấp hối ở một xó. Không biết ở chỗ nào có một vũng máu đỏ?

Tôi không nghe thấy tiếng súng nữa, nhưng bọn lính gác lại xuất hiện, đặc thẳng và lảo xược.

Thế là hết... hết... Sẽ không còn một tiếng kêu nổi loạn bay lên trời!

Tôi quay về nhà, đầu óc nguội tắt, trái tim tan náy, loạng choạng như
một con bò ngã gục dưới chiếc vồ, trog vũng máu nóng của lò sát sinh!

XIII

SAU CUỘC THẤT BẠI

Mồng 8 tháng Chạp.

Mọi việc đã xong từ ba hôm nay...

Tôi tưởng như mình già đi hàng hai chục tuổi!...

Sự khủng bố thống trị ở Pari.

Rơnun, Rôc, Matutxanh, tất cả các bạn cũng như tôi bị đè nặng vì đau đớn và nhục nhã. Chúng tôi vẫn gặp nhau – nhưng họa hoằn mới dám nói với nhau và ngược mắt lên. Tưởng như chúng tôi đã phạm một hành động xấu xa vì để bị thua.

Chúng tôi rồi sẽ ra sao?

Tôi thì tôi sẽ đi. Thầy tôi đã viết thư bảo tôi phải về - về ngay lập tức!

Tại Năngtơ người ta đồn rằng tôi tham gia khởi nghĩa và đã bị thương trên một chiến lũy. – Thầy tôi sẽ bị cách chức nếu tôi không về để cải chính tin đồn ấy bằng sự có mặt của tôi.

Trước mối lo sợ bị cách chức đó, tôi phải vâng theo, mặc dù tôi đang ốm.

Trong cái rét của ban đêm tháng Chạp ấy, cánh tay phải tôi đã bị tê cóng. Tôi không có một vết thương vết vang, tôi bị cái bệnh tê thấp khốn kiếp nó hành hạ vai bên trái.

Mặc dù vậy, tôi sẽ trở về. Nhưng có một vấn đề làm tôi rất khổ tâm.

Tôi đã mắc nợ khách sạn; chính nhờ có Alêcdăngđrin mà người ta đã cho tôi chịu.

Tôi định sẽ trả nợ một khi được sáng sửa trong nghề làm báo hay dạy học tư. Tôi nợ không nhiều trên một trăm phơrăng một chút. Có thể thôi.

Từ khi cái người Nga bỏ đi, tôi ăn theo mức ba mươi hai phơrăng một tháng – sáng cà phê sữa; tối thịt bò.

Tôi viết thư về Năngtơ trình bày tình cảnh và van xin gia đình gửi tiền để tôi trả nợ trước khi đi. Tôi xấu hổ vì mắc nợ người bố sau khi đã là người yêu của cô con.

Người ta trả lời sẽ *xét sau* khi tôi đã trở về.

Tôi đã khóc vì buồn bực và giận dữ; tôi quên chuyện bại trận, để chỉ còn nhìn thấy cảnh khốn đốn và dang dở của tôi.

Tôi lại viết thư và van xin.

Người ta gửi cho tôi năm mươi phơrăng và nhắc lại rằng mọi việc sẽ thu xếp xong ngay khi tôi đã bước chân về tới nhà.

Đành phải chịu nhục – nhờ Alêcdăngđrin nói hộ với bố để ông ưng cho cách thu xếp ấy.

“Không sao cả, cô nói, rồi cô an ủi tôi và khuyên tôi nên mau ra đi để trở lại thật sớm – anh sẽ thấy em vẫn như xưa, cô dịu dàng nói thêm”

Tôi cảm ơn cô, nhưng tôi sẵn sàng đánh đổi cánh tay đau đổi lấy một trăm phơrăng ấy!

Cuối cùng mọi việc thu xếp xong.

Alêcdăngđrin vĩnh biệt tôi trong một xó nhà. Tôi cúi đầu xuống và trong tim tôi như có bùn.

Tôi đi tàu hỏa, lấy vé hạng ba. Vai tôi cồng lại trong những toa tàu trống gió ấy. Tôi không nhắc được cánh tay lên nữa, nó như chết khi tôi tới nhà.

“Nhưng với cánh tay chết này, mày có vẻ đã bị thương đúng như người ta đồn, thầy tôi giận dữ thét lên. Mày thử giơ nó lên một chút xem nào!

- Không, con không giơ lên được, nhưng con sẽ cố, con hứa với thầy; có điều là con đang có một gánh nặng đè lên lương tâm. Thầy hãy trút cho

con gánh nặng ấy để con thêm can đảm! Thầy hãy gửi lên Pari ngay tối nay món tiền nợ khách sạn.”

Tôi đưa ra bức thư thầy tôi sẽ trả nợ cho tôi ngay khi tôi trở về; thầy tôi chỉ ầm ừ và cứ thế kéo dài một ngày, hai ngày.

Thầy tôi không phải người ác. Tôi vẫn nhớ thầy tôi đã khóc nước mắt cái buổi sáng, sau khi tôi đánh nhau vì thầy tôi, người còn chảy máu, tôi sắp bị bắt vì một lá đơn yêu cầu mà thầy tôi đã gửi đi từ tám hôm trước.

Nhưng, nỗi lo sợ bị mất chức, - thầy tôi sẽ ra sao? - mỗi giận vì thấy tôi đối đáp như một tên học trò ngỗ ngược – thầy tôi tự phụ là có thể trị được tất – cái không khí xôn xao sợ ô nhục đang lớn vồn lúc ấy! và thêm nữa – lúc đó tôi mới biết – một chuyện dan díu khiến thầy tôi thành nước cười và đau khổ; tất cả những cái đó đã làm con người đó vốn đã vì nghề nghiệp mà tâm hồn trở lên bệnh tật héo hon.

Mẹ tôi, từ cái ngày tôi thét bảo cuộc đời thơ ấu của tôi đã khổ sở bao nhiêu bên cạnh mẹ, mẹ tôi đã nương nhẹ trái tim tôi bằng những niềm âu yếm thần tiên. Chỉ có điều là mẹ tôi khó lòng hiểu được những chuyện nổi loạn, chiến lữ, những phát súng bắn vào quân đội!

Mẹ tôi không trách mắng tôi gì cả, nhưng tôi tin rằng trong thâm tâm mẹ tôi vẫn coi tôi là kẻ có tội. Dù không muốn, tư tưởng của người phụ nữ tư sản lương thiện khiến mẹ tôi cho thầy tôi là có lý và kết án tôi. Một đôi khi bàn tay mẹ tôi nắm lấy tay tôi trong xó nhà, nhưng đồng thời cặp mắt mẹ lại ngước lên trời, như để cầu xin Chúa thương xót hoặc tha thứ cho tôi! Người đàn bà tội nghiệp!

Mẹ tôi miên man với niềm đau câm lặng giữa những cơn giận dữ của hai cha con tôi.

“Để mẹ đi mời thầy thuốc, một hôm mẹ tôi nói.

- Con đỡ rồi.

- Con cứ để mẹ mời. Cốt để thầy thuốc thấy rõ đây không phải là một vết thương. Ông ta sẽ nói lại cho cả thành phố biết”

Bác sĩ tới hỏi tôi điều này, điều nọ... - Tôi không kể cho ông biết cái điều tôi mang trong tim. Mặc ông xem xem tôi bị cái gì ở vai.

Ông ta nói những gì tôi không rõ, kê đơn ra sao tôi không hay, rồi cáo lui.

Mẹ tôi lập tức đi mua thuốc và trông nom tôi như một kẻ hấp hối.

“Nhưng vấn đề không phải là ở đó! Bệnh của con, thì có cái gì! Bệnh tê thấp, thế thôi! – Vấn đề là món nợ của con ở Pari – món nợ thiêng liêng!

- Tại sao lại thiêng liêng? Mẹ tôi hỏi”

Tại sao? – Tôi không thể và không muốn kể cho thầy mẹ tôi biết rằng Alêcdăngdrin với tôi, chúng tôi đã yêu nhau!... thầy mẹ tôi có thể cảnh cáo lão Mutông. Tôi chỉ có thể nhắc thầy tôi lời ông đã hứa, và, vì thầy tôi trả lời gần như mĩa mai, tôi đứng thẳng lên – cánh tay buông thông, đầu ngẩng cao – tôi văng ra những lời giận dữ.

“Thế là thầy đã nói dối con, khi viết thư!”

Tôi đã nhắc lại lời đó khi thầy tôi giơ cao năm đấm! Thầy tôi đã không hạ tay xuống vai đau của tôi, nhưng thầy tôi lại thốt ra những lời này:

“Mày nên biết mày chưa đến hăm một tuổi và tao có quyền cho bắt mày đi”

Lại vẫn lời hăm dọa ấy!...

Cho bắt tôi đi, không phải cái đó sẽ chữa khỏi cánh tay tôi...

Thầy tôi đã nghĩ đến chuyện đó nghiêm chỉnh. Người ta sẽ để tôi ở tù ít lâu, một thời gian đủ để cho nguôi đi những lời đồn về chuyện điên rồ trên chiến lũy của tôi tại Pari.

Tấm gương về những biện pháp của người bố đó đã do một bạn đồng sự của thầy tôi tại trường trung học nêu lên, và còn ngang nhiên hơn. Người con trai của ông ta cũng đã hét lên giữa công chúng: “Đả đảo tên độc tài” tại một thành phố tỉnh nhỏ, ở Lơ-măng thì phải.

Người bố đã làm gì? Ông ta bảo rằng con ông ắt phải mất trí mới làm như thế, và ông cho người bắt con ông giam vào nhà thương điên^[39].

Sau hai tháng người ta thả anh ta ra, nhưng cô em gái nghe người anh bị điên đã xúc động đến sinh ốm nặng, và theo người ta nói, đang sắp chết.

Sự sợ hãi làm mọi người phải cúi đầu, sợ hãi đám công chức mới và bọn theo Bônapactơ reo khùng bố! Chúng đưa lưỡi hái trong các trường học và ném ra vỉa hè bất cứ ai có màu sắc Cộng hòa.

Tuy nhiên tới phút cuối cùng thầy tôi đã do dự... nhưng tay tôi đã khỏi, bệnh tê thấp đã bay từ lâu, thế mà thầy tôi vẫn chưa trả cho tôi món nợ ở Pari.

Tôi nhắc lại chuyện đó. Tôi không thể sống với ý nghĩ ấy, tôi thấy như tôi không còn danh dự gì nữa.

Cuối cùng thầy tôi đánh tiếng cho tôi là thầy tôi sắp trả; nhưng kèm theo tin đó thầy tôi có những nhận xét chua chát, hộc máu, khiến cha con tôi trở thành kẻ thù, và cuộc sống sẽ trôi qua âm ức và kinh khủng trong gia đình Vanhtrax. Tình rạn đó giống như trước ngày tôi đi Pari lần đầu tiên.

Tôi xin đi xa...tôi sẽ sống lần hồi ở một nơi xa... Hoặc để cho tôi đi học nghề ở đây để làm thợ?

“*Vẫn dân chủ xã hội* phải không? Mà hãy đến nói với ông Hiệu trưởng là mày muốn làm thợ giày, lăn lộn với đám hạ lưu đi! Hãy vận áo bludơ tới cửa lớp tao dạy đi! Có lẽ mày muốn vậy chứ gì!”

Tôi suốt ngày ở trong buồng. Thầy tôi bắt tôi ngày nào cũng phải làm xong *một bài* Hy-lạp hoặc La-tinh.

Đó, tôi dùng thì giờ như thế đó, tôi, một kẻ sống sót từ chiến lũy về.

Đấy có phải để trừng phạt tôi không? Đấy có phải một trò đùa của kẻ đao phủ không?

Sau khi đã nghiền La-tinh xong, tôi được tự do – tự do nhìn ra bến tàu.

Bến Rítso**bua**

Ồi chao, cái bến tàu Ritsơbua ấy mới dài làm sao, hoang vắng làm sao, buồn làm sao.

Không còn là cái mùi thành phố nữa, mà là mùi con sông đào. Dòng nước rác bắn trải ra dưới các cửa sổ, thuyền bè dân hàng hải như nổi trên làn dầu, từ đó bốc lên, qua một cái ống, khói nôi súp đang đun. Thịnh thoảng chị chèo thuyền lại nhô đầu lên và trèo lên sàn để ném rác vỏ xuống sông.

Thật là đầy những rác vỏ, cái con sông không chảy này!

Đó là giấc ngủ của nước. Đó là giấc ngủ của hết thấy.

Không một tiếng động. Ba bốn vệt người trên dải băng vàng lợt của bến tàu.

Trước mặt, ở đằng xa, những công trường rộng vắng, vài người lảng vảng cầm búa trong tay, chốc chốc lại nện một nhát vang xa tới nửa dặm, ảm đạm như một tiếng chuông nhà thờ.

Bên trái, cánh đồng Mỗvơ cỏ cháy vì băng giá.

Bên phải, con sông dài, quãng này quá hẹp tàu lớn không vào được. Ở đây những ống khói *tàu vận tải* xếp hàng như ống khói bếp lò dựa vào một bức tường; và những cột với buồm giống như chiếc sào có treo những áo sơmi – cái khúc sông Loa này như thứ nhà kho bỏ hoang, chiếc sân dài nhà thợ giặt, hành lang nhà máy cũ!

Bầu trời trên cao nhợt nhạt và trong trẻo; cái trong trẻo và nhợt nhạt nó chọc tôi như một nụ cười của thằng ngố, như một sự nhạo báng tôi không trị được mà cũng không với tới được... Thật là kinh khủng, cái bầu trời sáng ấy! trong khi ấy trái tim tôi rỉ máu đen trong ngực...

Ồi! Cảnh im lặng ấy! – chỉ bị khuấy động bởi tiếng chuyện trò giữa đám thủy thủ! Hoặc tiếng *hò dô* chậm chạp của những người trên đường men sông kéo một con tàu ngược dòng...

Tại sao chuyển tàu hỏa đưa tôi về lại không nổ tung lên! Tại sao tôi đã không có gan lao đầu vào gầm tàu mà lại trèo lên toa ngồi như một kẻ bị tử

hình ngồi trong chiếc xe bò chở hủn băng qua đồng ruộng tới pháp trường! Có những người ngồi trên xe như thế ba tiếng đồng hồ bên cạnh tên đao phủ! Nhưng, khi tới nơi thì họ chỉ còn khổ một lát nữa thôi, họ sắp được giải thoát; tôi, tôi đã tới nơi mà không biết bao giờ kết thúc cơn hấp hối!

Ở trên xe hỏa, tôi ngồi cạnh một người khi xuống xe là đáp tàu biển; ông ta đi tới xứ sở của phiêu lưu và của mặt trời, ở đó người ta đâm nhau trong các tiệm rượu, ở đó người ta giết nhau bằng súng lục ở ngoài phố!

Đáng lẽ tôi phải nói với ông ta:

“Ông cho tôi đi theo với! tôi sẽ ở bên cạnh ông nhảy vào các cuộc ẩu đả - ông hãy trả tiền tàu cho tôi, tôi xin bán tính mạng cho ông trong thời gian cần thiết để trả hết món nợ! Tôi sẽ không *chó má* đâu, tôi có thừa máu đến mửa đi”.

Tại sao tôi không nói thế với ông ta?

Thật là kinh khủng! tôi tưởng như quả tim tôi rơi đâu mất và tôi sủa lên vì đau đớn.

Trước mặt là bến tàu hoang vắng, dòng sông lừ đừ, con kênh bẩn thỉu; bên trái là đồng cỏ tràn đầy rêu rĩ...

Đằng sau, chạy dài đường phố lát gạch nham nhở, hai bên là những nhà dân nghèo, - như tất cả những phố cùng khổ - đầy những trẻ con rách rưới, những phụ nữ nhếch nhác, những cụ già lê đi!

Trong đám ấy có một người da đen năm con, chân không giày và đầu trần, đi xin việc làm và xin ăn...

Có một người què hôm nọ đến kêu dưới một cửa sổ: “Vợ tôi đói, vợ tôi đói!”

Và tiếng kêu trong phố đó chẳng hơn gì tiếng một con vật rống lên ngoài bãi cỏ hoặc tiếng một con chim kêu trên cây!

XIV

THẤT VỌNG

Dĩ vãng dính chặt lấy tôi như lá thuốc cao dính vào một vết thương. Tôi quay đi quay lại trong cái vòng ngu xuẩn trong đó trôi qua một phần trẻ của tôi.

Ngôi trường trung học cũ vẫn còn đe dọa tôi bằng cái bóng đáng ảm đạm, cái im lặng như nhà tu của nó.

Tôi không thể đi vào cái phố nhỏ chạy dọc theo dãy tường của nó mà không nhớ lại những năm tháng kinh khủng, mỗi ngày bốn lượt, tôi xuôi ngược con đường lát đá nhon phủ rêu xanh ấy. Giữa đường, khi trời mưa, một dòng nước ngẫu bunn chảy, cuộn theo những rác rưởi.

Mùa hè, đôi khi ở đó cũng thú vị; nhưng thầy tôi bảo: “Mày ôn lại bài đi”, thế là tôi chẳng có niềm vui được hít không khí trong trẻo, được nhìn, trong cái sân lớn, đung đưa những cây có ánh nắng xuyên qua và có rất nhiều chim.

Ở khuỷu đường, chỗ rẽ ngoặt của cái phố nhỏ, một ngôi nhà đầy hoa trên các cửa sổ, cứ đến mười giờ, lại phô ra một căn buồng rộng mở hóng mát, rất vui và rất linh hoạt.

Nhưng tôi bị cấm không được đứng lại nhìn, vì hình như nhà này là tổ ấm của một cặp vợ chồng vô luân, đôi trai gái thường đuổi theo nhau để hôn nhau. Một đôi lần tôi đã đánh liều ngược mắt nhìn; mẹ tôi đã bắt được và kéo giật tôi lại đằng sau tựa hồ như tôi sắp sa xuống một cái hố.

Mẹ tôi nhờ một mục già quen biết ở trước cửa nhà đó báo cho mẹ tôi biết.

“Nếu thằng Jắc nó nhìn thì cụ mách tôi”.

Và mục này rình tôi vào giờ đi học, mũi dán bệt vào cửa kính, miệng nanh ác, vẻ bỉ ổi – còn bỉ ổi hơn nhiều cặp trai gái hôn nhau ở trước cửa.

Hiện nay mù chỉ điểm ấy vẫn còn ở đấy! – bây giờ tóc mù đã hoa râu, thò ra dưới chiếc mũ buổi sáng cầu ghét; mù nhìn chòng chọc tôi bằng con mắt đục mờ, và tôi tưởng như mù làm tôi già đi khi mù tròn xoe con người trở nhìn tôi!

Qua hàng rào sắt trường trung học, tôi nhìn thấy sân trường...

Vậy ra tôi đã đến nơi đây, từ lớp thứ ba tới lớp tu-từ học, sách cặp ở tay, bài làm trong vở ư? Phải đẩy cửa, vào lớp và ở đó suốt hai giờ - hai giờ buổi sáng, hai giờ buổi chiều!

Người ta phạt tôi nếu tôi nói chuyện, người ta phạt tôi nếu tôi *dịch* sai, người ta phạt tôi nếu tôi không đọc thuộc lòng được mười câu thơ của Êtzyơ, một đoạn văn của Xixêrông hoặc một mẫu văn của một người đã chết nào khác; người ta phạt tôi vì bất cứ cái gì.

Tôi giận điên người khi nhìn thấy cái nơi tôi đã đau khổ một cách ngu ngốc đến như thế.

Trước mặt là cái chuồng, ở đó tôi qua năm học cuối cùng. Tôi những muốn nhảy xổ vào đó và thét bảo ông giáo:

“Ông hãy rời bụi xuống đây và tất cả chúng ta cùng chơi nhảy cù! Thế còn hơn là cãi nhải với họ những điều ngu xuẩn ấy, hồi nhà sư phạm ngốc!”

Tôi nhớ nhất những ngày thứ bảy hồi ấy!

Cứ đến thứ bảy, ông hiệu trưởng, ông giám học và ông tổng giám thị tới công bố bảng xếp hạng và nghe đọc điểm.

Phải đâu những tên ngốc ấy, họ đã chẳng tự cho phép lắc lư cái đầu tỏ ý khen ngợi mỗi lần tôi lại được nhất!

Lũ Ngốc, ngốc, ngốc! Lũ tán dóc thì đúng hơn, bây giờ thì tôi biết rõ. Các bạn không lạ gì nó như đắp thuốc vào cái đầu bằng gỗ, cái trò nhồi tiếng La-tinh vào sọ tôi ấy!

Còn hơn là lại chui qua những vòm cửa ấy, là trở lại những lớp học ấy, và nhận những vuốt ve của bọn hủ lậu ấy, tôi ưng, trong cái sân giống như một đấu trường kia, vật nhau với một con gấu, đương đầu với một con bò mộng đang cơn điên, thậm chí phạm một tội ác để đi ngồi tù! Ôi! Nói thật, đúng như thế!

(Tôi nhận ra những phố lụp xụp ấy, với những bức tường long lở, vàng khè, nó giống như những tảng phomat Rôckfo mốc đang đổ sụp. Các giáo sư sẵn lòng ở những nơi có bộ mặt phomat lâu ngày ấy. Ông giáo dạy toán các lớp nhỏ ngày xưa đã ở một xó tồi tàn như vậy. Một con người góm ghiecs, chân thọt, lông lá, bắn như chiếc lược và lỗ mũi bị nhiệt vì hút thuốc lúc nào cũng đỏ như mũi ngựa! Thầy tôi dạo ấy cho ông ta vay một số tiền mà ông không trả. Người ta cho tôi đến học ông để trừ nợ. Những giờ phút tôi ở đấy mới kinh khủng làm sao! Cái nhà ông lông lá ấy, ông ta đã dạy tôi lý thuyết số học!

Lý thuyết, nó là cái quái gì! Chẳng phải tôi còn nhỏ quá hay sao? Tôi mới mười bốn tuổi! Tôi muốn biết người ta làm như thế nào, có vậy thôi! Tôi không cần biết tại sao lại như thế? Tôi sẽ không bao giờ hiểu nổi, đầu tôi đến nỗi vì theo dõi những điều ông nói. Tôi không muốn đầu tôi nổ...

Mẹ tôi rất hài lòng vì tôi chán đến chết. Ví bằng đó là một trò vui thì dù chỉ mất hai mươi xu cũng chẳng có.

- Lần trước con chán lắm phải không?

- Ồ vâng!

Mẹ tôi có vẻ thích chí – Thế chứ! thằng kiết xác cũng chẳng ăn không của ta tất cả! Hẳn làm rầy thằng Jắc đến góm.

Cuối cùng tôi cũng thuộc lòng lý thuyết của ông! Ông đã hài lòng chưa? Tôi thuộc từng chữ một như ở trong quân đội, nhưng tôi không biết làm tính. Khi nào tính nhân có những con số không, tôi đã lúng túng lắm rồi. Nhưng đến tính chia thì tôi chịu chết!

- Ông ta còn nợ ít ra mười phơrăng nữa, con ạ, mẹ tôi kêu lên.

Thầy tôi muốn giải thoát cho lão già. Ông coi như đã được trả hết.)

Ta hãy đi xa hơn nữa!

Đây là một chỗ mà tôi rất ghét!

Ở nơi này người ta đã dẫn tôi đi từng nhà, các nhà người quen, vào một ngày phát phần thưởng, để khoe sách được thưởng của tôi.

Tôi có vẽ đi bán những bánh sôcôla.

Một bà xinh đẹp vận áo xám ánh bạc – nay tôi còn như trông thấy bà ta – đã không giấu nổi một nụ cười; bà thốt ra một lời tốt bụng:

“Tội nghiệp thằng bé!”

Cho nên tôi vẫn giữ một kỷ niệm về những buổi phát phần thưởng ấy!

Dù sao cũng phải được phần thưởng vì cái đó có ích cho thầy tôi.

Trong tất cả những phố có trường học và giáo sư ấy, tôi lại cảm thấy một nỗi đau buồn khô hài. Tôi tưởng như đeo một *băng khen thưởng* ở trên lưng và mẹ tôi thì đi theo sau với kèn nhạc! Tôi miễn cưỡng đi như một con voi nhỏ mà một gánh xiếc đem đi diễu phố.

Lát sau tôi gặp lại những *anh chàng học dốt cũ*, họ chẳng phải vì thế mà khốn khổ hơn. Họ không hề có vẻ nhớ là xưa kia họ đã bết lớp. Họ đã đi vào công nghệ, một số đã đi đây đó; trong vẻ mặt họ thanh thoát và cởi mở. Họ nhớ là tôi đã được coi như niềm hy vọng của nhà trường.

“Thế bây giờ cậu làm gì? Liệu có ngày cậu cho mọi người nói đến cậu không?”

- Đây, có đúng là cậu đã *tham gia* và suýt tử hồi tháng Chạp không?”

Anh này bị một anh khác cười và huých khuỷu tay ngắt lời:

“Thôi đi, chẳng phải là Vanhtrax dẫn thân đến nơi nguy cho tính mạng!”

Hiện giờ cậu làm gì? Liệu có ngày thiên hạ được nghe nói đến cậu không?

Trả lời làm sao bây giờ?

Một buổi sáng, tôi sẽ biến mất để khỏi xấu hổ trước mặt ai, vì tôi chẳng là gì cả, chẳng kiếm được cái gì; không một hy vọng trở thành ông nọ ông kia, cũng như kiếm được cái gì.

Có lẽ ở Năngtơ, tôi là kẻ duy nhất sống cuộc sống khốn khổ thế này.

Ban ngày tôi không ra đường nữa, tôi giấu mặt đi.

Tôi không thể giải thích với tất cả mọi người về quan hệ căng thẳng giữa tôi và thầy tôi; tôi không muốn vậy vì thầy tôi cũng như vì tôi. Người ta trách tôi sai, - thì để họ trách!

Người ta đổ cho tôi đã dồn thầy tôi tới chỗ tuyệt vọng. – Tôi tự bào chữa thì tôi lại càng có vẻ bất hiểu hơn.

Tôi sống như những vật ăn đêm, tôi tránh những phố có đèn sáng, tôi gặp những kẻ ăn mày và những kẻ dở hơi. Thật là kinh khủng!

Đi tìm chỗ ồn ào ư? Lấn mình vào trong đám đông ư?... Tôi sẽ tìm thấy những cảm xúc gì ở đó?

Trong cái thành phố lớn ở tỉnh lẻ này, về mặt ồn ào và đông người, thì chỉ có những chợ ở đó người ta làm ồn ã, trên bờ sông Ecđơ; nhưng tôi không thích những nông dân ở thành phố - với bộ mặt cáo dữ tợn của họ. – Tôi chỉ thích họ khi họ ở thôn quê, đi sau những con bò, hoặc đập lúa trong kho.

Nơi công cộng sang trọng, vào những giờ nào đó, người ta thấy đông người, nhưng một đám đông giống như đám đông ngày chủ nhật ở Pari, một đám đông không nhiệt tình trên mặt, và họ nói về tất cả cái gì tôi căm ghét, họ khinh tất cả cái gì tôi ưa thích.

Tôi cảm thấy ở họ cái lão xược khinh người và cái sung sướng tàn nhẫn...

Người ta nghe họ bông đùa về Bônapactơ:

“Dù sao thì ông ta cũng đã cho bọn cộng hòa vào xiếc hết!”

Và họ cười!...

Tôi còn ưa cái im lặng nặng nề của bến tàu và cảnh thê lương của đường phố hơn...

(Và bọn thầy tu, vẫn bọn thầy tu!

Thật là buồn, những chiếc áo dài đen ấy. Những kẻ nấp sau chúng cũng rất buồn! Chúng béo vàng như một cây nến một xu của chúng, những mũ bán bùa và đồ cúng bả xu nấu trong những góc nhà thờ. Chúng béo nhợt và bệu như lũ quái vật trong hầm, tất cả những kẻ mộ đạo, những ông bố và những tay giữ đồ thánh.)

Cuộc sống! Vậy thì cuộc sống ở đâu?

Ở Pari, những người nghèo khổ hàng xóm của tôi là những kẻ phần nộ và có niềm an ủi ở những kỷ niệm về nền Cộng hòa, niềm vinh quang của những vết sẹo! Trên bờ sông, có những hàng bán sách cũ, có những chiếc áo bludơ qua lại!

Nhân dân! Vậy thì ở đâu là nhân dân?

Những người kéo tàu kia, những người vận áo thợ kia, những dân Brotanhơ-hạ mang áo vải lấm bùn kia, những nông dân vùng lân cận mặc áo dạ xanh lục kia, tất cả những người đó không phải là nhân dân!

Tôi sẽ tìm thấy chẳng, ở đâu đấy, ở một xó xinh nào, giữa những áo rơđanhgôt, nếu không là giữa những áo vét hoặc bludơ, một người nào tôi khả dĩ thổ lộ được nỗi khổ ải của tôi, họ có thể hiểu được điều tôi đau lòng, họ mang trong lòng một chút niềm tin cộng hòa của tôi, nỗi lo âu của kẻ thất bại!

Giá như ông Ăngđrêz, giám đốc Sở vận tải, hãy còn ở đây! Nhưng ông ta lại đi mất rồi.

Xưa kia ông ta chẳng có một người bạn thân tới ở Năngtơ hay sao?

Tôi hay tin là ông này vẫn còn ở đây.

Ông làm trưởng phòng ở chỗ nào tôi không biết. Ông đã ở Pari. Nếu tôi nhớ đúng thì ông ta đã xuất bản một quyển sách trong đó ông dựng lên một nhà gái điếm và trong đó công lý của loài người đã phạm một tội ác ngay giữa thanh thiên bạch nhật. Ông kể chuyện một người vô tội chết trên đoạn đầu đài, trong khi chính tên thủ phạm đứng xem cuộc hành hình, khoác tay viên chánh án tòa đại hình, và một con đĩ giở trò *gạ gẫm* đã giúp việc tên đao phủ.

Thật là táo bạo.

Có lẽ với ông này tôi có thể nói chuyện xã hội bất công, chuyên bênh vực nhân dân được.

Tôi leo lên gác nhà ông.

Bây giờ ông đeo kính, mặc chiếc áo rờđanhgô hơi dài.

Ông tiếp đón tôi rất kỳ quặc; ông cho tôi cảm thấy rằng ông không được tự do muốn tiếp ai thì tiếp: ông nói rất khẽ và *đi lại rón rén*.

“Có ai thấy anh lên đây không? Ông hỏi tôi.

- Sao, ông là người đã viết quyển sách ấy, ông cũng sợ đến thế ư?...”

Mặc dù ông hơn tôi những hai chục tuổi, tôi ăn nói như thể ông chạc tuổi tôi, và tôi trách ông đã *phản bội*, hoặc ít nhất, - tôi nói để chữa lại lời giận dữ của mình, - ít nhất cũng là *nhượng bộ*.

“Nhượng bộ, thì đúng vậy, tôi đã nhượng bộ từ cái ngày tôi đã hèn nhát về ở đây sau hai mươi năm sống tại Pari!”

Và sau ba phút ông đứng dậy:

“Thôi, anh bạn trẻ, ta từ biệt nhau! Tôi không muốn đã bao lâu chịu sống hèn hạ để trong một khắc đồng hồ bị liên lụy vì tiếng nói oang oang của anh. Anh thì anh không có vợ để nuôi, có con để dạy.”

Có lẽ có cái anh hùng để làm như ông ta làm! Ông đã khắc phục lòng kiêu hãnh và bóp chết tư tưởng của mình để có được miếng bánh cho gia đình!

Miếng bánh ấy nó đắt làm sao!...

Miếng bánh mà thầy tôi cho tôi cũng đắt.

Người ta giữ tôi như một thằng tù và đối xử với tôi như một kẻ ăn mày!

Thậm chí tôi cũng không được đứng dậy khỏi bàn sau khi đã ăn xong khẩu phần người ta cho tôi. Một hôm thầy tôi bảo:

“Bỏ đi như vậy là vô lễ, làm gì mà tiêu chónh như thế được!”

Bằng bất cứ giá nào tôi phải tìm được một việc làm.

Tôi đặt quyết tâm vào đó. Tôi hỏi anh em bạn cũ hỏi xem họ có bà con, bạn bè nào, lớn hay bé, cần tôi dạy tư không.

Họ cười! – Mới cách đây không lâu hãy còn là học trò, tôi nghịch ngợm với họ và tôi chế giễu môn la-tinh! Tuy nhiên, cuối cùng, một anh bạn giới thiệu tôi với bố anh, ông ta tìm được cho tôi một chỗ phụ đạo. Họ đã xuôi tai vì thấy giá rẻ.

“Ông muốn trả tôi bao nhiêu cũng được”, tôi đã nói vậy.

Tôi lại nói thêm tôi dạy học là để có việc làm hơn là để kiếm tiền và hai bên thỏa thuận với hai mươi phorăng một tháng, tôi sẽ dạy mỗi ngày một tiếng cho một thằng bé lai đen mà bố anh bạn tôi là người bảo chứng. Ông ta sẽ trả tôi hai mươi phorăng và có lẽ sẽ tính với gia đình đó năm mươi phorăng; có thể vì thế tôi mới có việc phụ đạo ấy.

Tôi xem lại Buyêcnup^[40], tôi lấy cuốn *Cônxiônô*^[41] ở tủ sách của thầy tôi và tôi đi phụ đạo cho thằng bé lai đen.

Tôi về nhà – lúc đó là giờ ăn tối. – Chỉ có mỗi mình mẹ tôi ngồi ở bàn ăn. Mẹ tôi, mặt tái nhợt, báo tin cho tôi biết rằng thầy tôi cần hỏi tôi cho rõ một việc gì đó rồi mới chịu ngồi vào bàn ăn bên cạnh tôi.

“Việc gì thế mẹ?

- Hình như bây giờ con đi phụ đạo hạ giáo thì phải...”

Vừa lúc đó thầy tôi bước vào; thầy tôi cố bình tĩnh mà không được. Thầy tôi đành phải đứng lên và đi ra, mặt nhợt nhạt như tờ giấy.

Tôi hỏi mẹ tôi.

“Còn hỏi gì nữa, đồ khốn kiếp, nếu mày nhận phụ đạo với giá hai mươi phơrăng thì thầy mày làm thế nào đòi người ta bốn mươi phơrăng được!... Thầy mày phát ốm vì chuyện ấy đấy...”

- Mẹ nói với thầy là đêm nay thầy có thể ngủ yên; con sẽ không phụ đạo với giá hai mươi phơrăng, con sẽ không làm hạ giá!”

Buổi tối hôm ấy, tại nhà mà tôi phải đến dạy học, người chồng bảo vợ:

“Bà có hiểu được thằng con trai nhà Vanhtrax không?... Hôm qua đã thỏa thuận là nó đến dạy thằng Viêcgin (tên thằng da đen), sáng nay nó lại viết thư bảo thôi không đến nữa.

- Đồ dở hơi!

- Đồ đại lãn thì đúng hơn! Trông nó tôi đã biết ngay là một *thằng đại lãn*!... Chà! Tội nghiệp bố nó thật không may!”

Hay bây giờ tôi đi tìm đám con chủ tàu? không phải để có chỗ phụ đạo nữa, mà để được đi theo một con tàu nó sẽ đưa tôi đi xa thầy tôi đã không may như thế, xa mẹ tôi đã đau khổ như thế, xa cái bến tàu hoang vắng đến thế, xa cái xó nước Pháp này ít giống Pari rộng lớn đến thế: Pari, cái nơi tôi đã đau khổ, nhưng ở đó mọi nỗi đau đớn đều có thuốc chữa và mọi mối nhiệt tình đều có tiếng vang!

Tôi sẽ đi bất cứ đâu: nơi có bệnh sốt rét vàng, có bệnh dịch hạch, có luật Lynso^[42], nhưng là nơi tôi có thể bênh vực quyền tự do của tôi bằng súng hoặc bằng dao. Tôi sẽ làm người đi tìm vàng hoặc săn trâu rừng: có thể tôi sẽ đi cùng đám phiêu lưu xâm lăng một nước, giết một ông vua, vực dậy một nền Cộng hòa – cái gì cũng được! Hoặc tôi sẽ sống trên một chiếc tàu cướp biển, dù có bị treo cổ chết lè lưỡi trên ngọn một cột buồm...

Nhất định là như thế. Tôi sẽ tìm cách trốn thoát trên Đại dương.

Tôi sống cùng với thủy thủ. Một số bạn học cũ của tôi đã làm hoa tiêu tập sự hoặc làm thủy thủ. Một cậu có người anh làm quan hai trên một tàu buôn; ít hôm nữa anh này lại ra đi một chuyến xa. Anh ta sẽ mang tôi đi; tôi sẽ giúp việc dưới tàu để trả tiền vé. Trong khi chờ đợi, anh ta ăn chơi như người lính thủy thủ mới lĩnh lương và anh lôi kéo tôi vào các cuộc hành lạc.

Ôi chao những buổi tối, trước những vỏ chai biến thành chũy, trong những tiệm lụp xụp, ở đó người ta uống rượu say khướt và ở đó người ta nện nhau chí tử!

Nhưng trong lúc mọi người la hét và đánh nhau, tôi chệnh choáng ngồi yên nhìn mục tiêu của tôi qua làn khói những tẩu thuốc và máu đổ ở những vết thương.

Hôm sau mạng sườn tôi đau ê ẩm, tinh thần ồm yếu; nhưng cái im lặng trong căn nhà, cái lạnh giá trên các khuôn mặt còn làm tôi sợ hơn; và buổi tối tôi lại vui vẻ tới đâm đầu và chìm lòng vào đồng bòn nhơ nhớp ấy.

(Thư viện thì có đấy, nhưng tôi đã đi đến chỗ đâm ghê sợ nó, căn buồng rộng rãi ấy, nơi hồi nhỏ tôi đã trải qua những giờ đẹp để biết bao. Hồi ấy tôi tin ở những điều đọc được. Giờ đây tôi không còn tin nữa!

Loại sách có nhiều trong thư viện là những sách nghiêm trang hoặc cũ kỹ, chúng nhắc lại những điều người ta đã lải nhải nói với tôi ở trường học. Không! Không! Tôi không thể lại đặt mũi vào đấy, lại quay về cái trò mửa thơ la-tinh và dịch tiếng hy-lạp!

Tôi quay ra đọc những tác phẩm của Satôbriăng, Cadimia Đơlavinơ, Alêcdăng Duyvan óng ánh ở hàng đầu trên các ngăn sách. Satôbriăng! Có *Natsê*, *Những người tuần tiết*! Đấy là những cuốn mà người thủ thư hơi quen tôi đã giới thiệu và đem đến cho tôi. Ông ta làm tôi e ngại nữa, vì tôi không dám hỏi hoặc lấy trên giá sách những cuốn có vẻ phù phiếm hoặc quá tự do.

Hắn tôi là đứa tiên thiên bất túc! Tôi trách bố mẹ tôi là sai, chính tôi chẳng ra gì. Khi còn ở nhà trường – các giáo sư muốn nói thế nào thì nói –

tôi vẫn không thấy được niềm vui lành mạnh trong việc nghiên cứu thời cổ đại. Tôi cũng chẳng thấy gì hơn khi đọc nhà văn cận đại tên là Satôbriăng ấy.

Cuốn *Những người tuần tiết* làm tôi thấy chán ời là chán! Nếu không quen người thủ thư, có lẽ tôi đã ngủ rồi. Nhưng tôi sẽ có vẻ như không có tâm hồn, nếu đến để ngủ trên những kiệt tác. Hơn nữa lệ cấm không được ngủ. Chỉ còn mỗi cách cúi đầu xuống, nhưng không! Tôi sẽ ngáy lên ngay lập tức.

Tuy nhiên, bây giờ người ta không ăn nói như những nhân vật của Satôbriăng, - cả ở Pari lẫn ở Năngtơ. Tôi không phải là một trong những người Gia-tô-giáo đầu tiên. Tôi là một người Gia-tô-giáo già, nghĩa là đã có những người theo đạo Gia-tô-giáo từ một nghìn tám trăm năm mươi hai năm trước thằng con trai nhà Vanhtrax. - Phải đi ngược thời gian lên tới năm thứ nhất của công nguyên. Đi ngược thời gian! Bao giờ cũng đi ngược thời gian! Từ hồi ở nhà trường tôi toàn phải đi ngược thời gian – cuối cùng cũng đâm mệt! Những con ngựa kéo xe hàng còn may mắn hơn tôi; chúng không phải leo ngược dốc liên miên!

Cuốn *Natsê* đỡ “cao” hơn, đỡ phải ngược dốc hơn. Nhưng tôi cũng không cần biết người ta sống trong rừng hoang như thế nào. Tôi cần những thanh củi nhỏ hơn là những cánh rừng lớn. Hai xu củi thanh, đó là tất cả cái tôi cần để sống một tuần lễ ở Pari! Và tôi kiếm được cái đó ở hàng bán than đầu phố.

- Anh đọc xong Satôbriăng rồi à? Bác thủ thư bao che cho tôi hỏi.
- Vâng. – Bác bắt gặp tôi đang sắp bắt đầu ngủ!
- Anh không muốn đọc lại à?
- Để sau này.
- Giờ tôi khuyên anh nên đọc Macmôngten.

Người Anhca! Người Mêlê-Caxich! Nhưng tôi ưa những người mọi ở hội chợ hơn, nhưng tôi thích xem ăn gà sống cả lông hơn, chứ Goatimôzanh^[43] làm tôi chán ngấy! Goatimôzanh đối với tôi chẳng là cái gì cả. Người ta muốn tôi khóc cho số phận của Goatimôzanh! Nhưng này anh, anh có thấy những đại bác hồi Đảo chính, những người bị tàn sát ở phố Môngnactơ, đứa bé ở phố Ticơton không... Mặt trời nóng bỏng của xứ Anhca! Tôi thì tôi đã trông thấy bầu trời giá lạnh ngày mùng 2 tháng chạp!)

XV

LỜGRĂNG

Bất đồ tôi gặp Lờgrăng!^[44]

Ở trường trung học, Lờgrăng học dưới tôi một lớp và chúng tôi gặp nhau tại sân trường thôi; nhưng anh đã chú ý tới tôi vì cái vẻ bực bội của tôi, suốt đời bực bội.

Còn tôi, tôi đã chú ý thấy là anh ta cao lớn như một võ quan, là anh cũng như tôi – nếu không phải hơn tôi – coi khinh hoàn toàn và có ý thức nhất đối với những môn dịch xuôi, dịch ngược, thơ la-tinh, tiếng hy-lạp, triết học.

Ô thế đấy! Coi khinh hăn hoi!

Anh không bao giờ học bài, không bao giờ làm bài, có hỏi anh chuyện đó thì anh đáp lại chẳng phải bằng chữ rửa, chẳng phải bằng nói dối; anh đáp lại bằng ngái ngủ và ngơ ngác...

Suốt bảy năm trời, khi người ta bảo anh đọc bài hoặc người ta ngạc nhiên thấy anh không bao giờ làm bài. Lờgrăng vừa trả lời vừa dụi mắt và có vẻ bị tóm lúc vừa ngủ dậy.

Khi người ta gắng hỏi, khi bị phạt, và giáo sư nhất định đòi anh phải nói rõ... khi ấy người ta chứng kiến một cảnh tượng thật thảm hại... cảnh Lờgrăng đứng dậy và nhìn về phía bàn thầy giáo, mắt lơ đãng, mồm há hốc, tưởng như ở đấy đang xảy ra chuyện gì lạ, mà anh có lẽ rất muốn hiểu, nhưng anh chỉ thốt ra những tiếng ú ớ: không có cách moi được điều gì khác!

Anh không có vẻ nhạo báng cũng như hung tợn – Không! Anh rất muốn giúp đỡ người khác khi nào có thể, nhưng bằng những cử chỉ chẳng ra đâu vào đâu anh tỏ ra rằng anh không chủ tâm vào chuyện trò và thà cho

anh vào một trại người điếc hoặc *những người ngớ ngẩn* còn hơn là học hành.

Mặc dù thế anh vẫn học được theo cách đó; bị đuổi ra khỏi lớp, chứ chẳng ra khỏi trường.

Người ta thương hại anh.

“Đi ra! Cút!”

Anh không nhúc nhích; hoặc giả người ta nắm vai anh đẩy ra ngoài thì anh thản nhiên ra ngồi ngoài sân giữa hàng cột: mùa đông anh thường vào chỗ nào có lửa sưởi, - và nhà bác gác cổng, bác không thể đuổi anh được, vì Lơgrăng *co người lại*, và bây giờ thì anh nặng quá.

Anh còn vào cả lớp *toán đặc biệt*^[45] hoặc *toán sơ cấp*, ở đấy bao giờ cũng chỉ có bảy tám học sinh như trong gia đình với giáo sư; người ta để mặc Lơgrăng ngồi cạnh lò sưởi như một ông già.

Tôi hết sức khâm phục anh.

Sự nhần nại ấy và giản dị hết sức ấy! – Chỉ việc dụi mắt *ó! ó!* Và bằng cách ấy thoát được món hy-lạp hoặc món la-tinh! Sao tôi không nghĩ ra cái ý ấy! Tôi sẽ bị coi là một thằng ngớ ngẩn; nhưng tôi chẳng thấy có lợi gì lớn khi được coi là có nhiều *khả năng*.

Người ta không chào tôi ở ngoài phố vì *khả năng* của tôi, và tôi vẫn bị đét đít thế thôi khi còn bé.

“Nhưng làm sao cậu lại nghĩ ra được cách ấy? Một hôm tôi hỏi anh với niềm kính trọng như đối với nhà sáng chế và với sự tò mò thường xen vào việc nghiên cứu một phát minh mới mẻ.

- Để tớ kể cho cậu nghe. Tớ quen thằng Janê thường sắm những vai ngố trên sân khấu. Tớ cũng muốn làm diễn viên và sắm vai ngố... Đấy tớ nảy ra ý ấy như thế. Lúc đầu tớ cũng không chủ tâm làm thế đâu, nói thật đấy.

- À, cậu muốn trở thành diễn viên!”

Đáng lý tôi phải đoán ra được. Lúc nào Lơgrăng cũng vận áo gi-lê có ve, áo vét nhung, quần kẻ ô; lúc nào không bắt buộc phải làm ra vẻ ngớ ngác, anh đi như tôi thấy người ta đi trên sân khấu; anh hất tóc ngược về đằng sau.

Anh có một cái ba-toong.

Chắc hẳn anh là người độc nhất trong tất cả các trường trung học nước Pháp! Anh có một cái ba-toong mỗi tuần thuê mất hai xu: hai xu cho người vá giày cũ ở trước cửa trường để họ giữ nó hộ anh trong lúc anh vào lớp.

(Anh đã dẫn tôi về nhà anh.

Gia đình anh quả là ngộ nhất, có thể thấy được – và tôi hiểu tại sao anh lại thích sân khấu.

Nhà anh là một tấn hài kịch.

Chỉ nghe thấy những tiếng la hét, những tiếng rên rỉ và tiếng gọi Trời. Ở đây người ta uống mỗi ngày ba chục tách cà-phê, nó khiến mọi người ở trong tình trạng kích thích khôn tả.

Mẹ anh và chị gái anh – hai con người rất tốt – hiện thân của lòng tận tụy và của đức hạnh – tin ở Chúa lòng lành một cách ồn ào. Lúc nào họ cũng kêu Chúa, khi đun nước, khi đổ bã cà-phê, khi rót cà-phê vào tách! Một đôi khi người ta tưởng họ gọi người hầu gái. Thỉnh thoảng chính tôi cũng bị lầm! – Ông Jắc, thêm một chút nữa! – Ôi! Hãy rót cho chúng tôi! – Tôi không hiểu rõ người ta hỏi xin tôi một tách mà phải có lệ trong giọng nói và mắt ngược nhìn chòng chọc trần nhà! – Hãy rót cho chúng tôi niềm an ủi^[46]!

- Như ở xứ Nócmăngđi ấy à? – Tôi liền đi tìm rượu mạnh! Nhưng ở đây là họ nói với Chúa lòng lành – và họ gạt cút rượu ra với một cử chỉ thành kính!

- Hãy cho chúng tôi đường? Tôi không để mắc lầm lần nữa. Một lần là đủ rồi. – Ông Jack, thế ông không cho chúng tôi đường à? Thế ra họ muốn lấy đường thật.

- Hãy ban phước cho chúng tôi, ban phước cho chúng tôi. Xin, hãy ban phước cho chúng tôi. Nói với tôi, hãy nói với Chúa?

Họ đang ở ngoài sân và trời tối nhìn không rõ lắm. Họ có vẻ đúng là quay về phía tôi để tôi ban phước cho họ. Có nên làm cử chỉ ban phước cho họ không? Ban phước thì làm như thế nào? – Không được đậm như lần trước! – Thì ra họ nói về cà-phê!

Mỗi lần người hầu gái đi đâu về thì cứ như thể bà Tu sĩ đầm máu xuất hiện vậy – mỗi lần có ai gõ cửa thì tưởng như ma hiện về... Bao nhiêu cà-phê người ta uống đã làm cho cân não cả nhà nhạy cảm đến tột độ; một tiếng chuông réo, tiếng gà gáy, tiếng mèo kêu meo meo, một cái tủ kêu rảng rảng, một con bọ hung đập vào cửa kính, động một tí là một tiếng thốt lên kêu trời, - trời mà họ trông thấy rất ít, không nhiều! Quả thật, ở đằng sau nhà tối quá, những con người mộ đạo đến thế đáng lẽ phải ở đằng trước – không phải ở tầng dưới cùng – hoặc ở hẳn tầng thượng cùng có cửa kính trở ở mái. Khi họ nói: “Chúng con kêu lên tới Người, Chúa nhìn thấu hết thấy!” để tin rằng Chúa nhìn thấy họ ở tận trong ấy, phải cho rằng mắt Chúa rất tinh.

Ông bố có lẽ cũng tin ở Chúa nhưng ông ít trò chuyện với Người hơn, và không phải lúc nào ông cũng giặt tay áo Chúa để nói chuyện với Người.

Cái chuyên môn của ông là chi tiền nuôi gia đình ít hết sức. Ông cho rằng cà-phê bồi dưỡng ghê gớm và ông keo kiệt về món thịt. Ông còn cho rằng Chúa không cần nhìn vào cách ăn vận và quả là ông bủn xỉn về mặt quần áo.

Nhưng, về bản chất, ông cũng tốt bụng như bà vợ và cô con gái, và tôi sống với họ như trong một gia đình mới.

Dù sao tôi cũng đi đến chỗ đoán ra được lúc nào họ nói với tôi, lúc nào họ nói với Trời. Tôi không còn tưởng lầm là có tai họa gì xảy ra khi họ hỏi tôi giờ giấc với một vẻ đau khổ nào nuốt và với giọng nói như xé ruột xé gan! Tôi biết rằng chỉ một lát sau họ sẽ nói: “Chắc lão Pinô bán thực phẩm lại trộn lẫn hạt cải đắng vào rồi!” hoặc “Hay ta mua một quả dưa để tối ăn!” Họ sẽ nói những câu đó với giọng của một giáo sĩ đang cầu Chúa cho bọn mọi sớm ăn thịt mình để sớm được lên thiên đàng.

Nhưng người ta vẫn có dưa ngon và người ta đã tẩy chay đích đáng lão Pinô vì lão vẫn tiếp tục cho hạt cải đắng vào cà-phê)

Tôi với Lơgrăng rất hợp nhau. Anh cũng ít nhiều theo đạo gia-tô, nhưng mặc dầu vậy con người anh vẫn như một ngọn cây tươi tốt, tự do và khỏe mạnh, nó không cự tuyệt cây rau cải đắng hoài nghi mọc ở bên cạnh anh, trong con người tôi.

Chúng tôi cãi nhau, cái đó thật rõ – nhất định là có những sự hiểu lầm – nhưng cả hai chúng tôi đều cảm thấy rõ rằng chúng tôi phải trả thù vì mang tiếng lỗ bịch và chúng tôi cần được dẫn người ra hơn kẻ khác vì chúng tôi đã bị bóp nghẹt nhiều: anh ta thì bị giữa những trang kinh Thánh; còn tôi thì bị giữa cuốn tự vị la-tinh – Pháp của thầy tôi và nền giáo dục quê mùa của mẹ tôi!

Do đó, chúng tôi thả sức phóng túng! Quả thật, nỗi đau khổ nặng nề và tồi tệ của tôi, nỗi đau khổ có hơi hướng con sông đào đầy rác vỏ và cái phố dân nghèo; có cả hơi hướng phẫn sát bọn gái chơi của thủy thủ và rượu mạnh của những quán rượu tồi tàn; nỗi đau khổ hôm qua của tôi bây giờ đã biến thành một cơn sốt không còn mồ hôi bắn và đen đến thế!

Chúng tôi tới gây sự trong các tiệm cà-phê. Đó là công việc của chúng tôi, của tôi và *học trò* của tôi – vì Lơgrăng là học trò của tôi. Với tư cách là bạn, tôi vào cái tầng cuối của gia đình, và uống lưng tách cà-phê đầu tiên; với tư cách ông giáo kèm học thi tú tài, tôi lưu lại đấy.

Tôi được coi như chuẩn bị cho Lơgrăng thi tú tài!

Tôi làm tốt việc gì có thể làm được – anh ta cũng vậy! Anh muốn thoát khỏi cái việc kiếm mảnh bằng ấy! Và tôi cố nhét cái *món học tú tài* ấy vào đầu anh bởi lẽ tôi thạo cái món đó hơn anh – tôi vốn được nuôi nấng trong chốn cấm cung, con giáo sư, con lừa tải thánh tích của những kỳ phát thưởng!

Tôi trả xuất cà-phê, phần dĩa của tôi như vậy. Thầy mẹ tôi không nói gì cả, vì tôi không làm hạ giá những giờ phụ đạo bằng cách uống cà-phê và ăn dĩa.

Tiệm cà-phê Mòlie.

Chúng tôi tới tiệm *cà phê Mòlie*.

Một tiệm cà-phê nổi tiếng, tiệm cà-phê của đám thanh niên giàu có. Tất cả những tay vong mạng của thành phố đều lui tới đấy. Những chàng trai đang phá tan gia sản.

Tôi không biết ở xứ này có cái giống người như thế.

Tôi đã không có những lúc mất tinh thần và tuyệt vọng sâu sắc đến thế nên tôi biết từ trước đám người bất ổn và náo động ấy – những tay bốc rờ, những kẻ giết ngựa, những tay bao gái, những kẻ ngổ ngáo, hiếu chiến và thách đấu.

Tôi không thể sống luôn luôn với hạng người đó – tôi không có của để tiêu sài – nhưng ở gần họ tôi thấp hơn.

Ở đây có tấn hài kịch của cảnh bần cùng đánh bóng bằng phấn bạc, với những trò ô uế ở dưới đáy, và có những hồi hộp của canh bạc trên thảm xanh ban đêm.

Trong những kẻ vui cười ấy, một số đã từng có ông bố bắn vỡ sọ tự tử sau hôm bị phá sản hoặc đêm trước ngày bị nhục! Có những kẻ bán thân sắp bị phá sản hoặc bị nhục, trước khi có được – như cha họ - cái khí lực của đấu tranh: bị nhục với bộ tóc vàng hung và bông hồng trên khuyết áo...

Nhưng tôi cảm thấy thoải mái ngay tức khắc trong tiệm cà-phê này, với loại người ấy. Họ chẳng có ý chế giễu một chiếc áo choàng hay mỏng – họ chẳng vui thú vì chuyện nhỏ nhặt như thế.

Những tay ăn chơi ấy khinh bỉ cái nghèo khổ chứ chẳng khinh người nghèo: tôi cảm thấy thế. Tối nào họ cũng kê ngay bên vực thăm..., họ biết quá rõ cảnh phá sản đến nhanh biết mấy... bọn chủ nợ dễ dàng trở nên láo xược biết mấy!... Cho nên bộ quần áo của tôi không làm tôi ngượng ngịu. Có lẽ đây là lần đầu tiên.

Ở tiệm cà-phê Mòlie, người ta không để một cái tát kéo dài trên má.

Tôi đã thấy ngọn cỏ nhuộm đỏ, sáng hôm nọ.

Đó là người anh của một bạn học cũ của tôi đã đấu kiếm; chúng tôi được báo tin trước. Chúng tôi, đứng núp sau một khóm cây, nhìn thấy được hết.

Trong đầu tôi đã nảy ra những ý nghĩ điên rồ. Tôi muốn là người làm chứng của kẻ bị thương, nhặt gươm từ tay anh ta rớt xuống.

Tôi xấu hổ thấy mình sống như con nhái trong ao; tôi muốn thoát ra khỏi cảnh tối tăm và im lặng của tôi – vì hoạt động hay vì kiêu ngạo, tôi không biết!...

Lơgrăng thì cũng như tôi – còn tệ hơn nữa...

Anh là con người của sân khấu.

Tôi thực sự tin rằng anh thích mình bị thương hơn, để có một vai trò đẹp hơn, một màn hay hơn, để nắm cái chỗ mũi gươm đã thọc vào và để ngoẹo cái đầu như ta thường thấy trong những lúc hay ho nhất của các vở kịch gây cảm.

Anh muốn thế, anh thèm chết được, tôi tin chắc như vậy!

Tôi thì hèn hơn...

Nhưng tôi không hiểu được rằng người ta sợ một cuộc đấu gươm. Phải chăng vì tôi thấy đây là dịp để được ngang hàng với một kẻ giàu có, thậm chí làm cho kẻ giàu có ấy đổ máu, đổ máu trầm trọng, nếu mũi gươm thọc vào sâu?...

Phải chăng vì tôi tưởng rằng người ta không thể giết được tôi? Tôi tự cảm thấy mình thừa sức lực! Chết ư, thôi đi! Tôi còn có việc làm trước khi chết!

Tự xét mình, tôi thấy rằng tôi có, không kém gì những tay ăn chơi kia, cái họ gọi là *dũng khí của người quý tộc*. Tôi sẽ không thiếu can trường ở trên bãi đấu.

Chà! Tôi tin chắc như thế! Đã có hai ba dịp để thi thố. Chúng tôi lăn xả vào, Lơgrăng và tôi.

Chúng tôi tới mức, ham đắm đá, hăm hở tóm lấy cơ hội. Tôi thấy như mình sẽ lớn lên khi cầm lưỡi thép tuyệt vời ấy, mình cũng sẽ nguôi lòng khi giết một người, một trong những kẻ coi những ai đứng dưới một lá cờ là ngu dại.

Chắc chắn chúng tôi sẽ đi tới một cuộc đấu gươm với bất cứ ai, nếu một hôm ông bố Lơgrăng không bảo với con trai:

- “Mày muốn đi Pari à? – Thì đây, cho mày đi! Mỗi tháng tao sẽ gửi cho mày một trăm phơrăng.”

Lơgrăng muốn tôi đi cùng.

Tôi nói chuyện với thầy tôi, ông lại làm bộ mặt giá lạnh, cái điệu hăm dọa – cảnh sát ở đằng đầu kia. Tôi vẫn chưa đến tuổi thành niên!

Tôi đã chúc cho Lơgrăng may mắn, trao cho anh những thư giới thiệu với đám bạn tôi, rồi từ cửa sổ ngôi nhà buồn bã tôi nhìn theo làn khói lượn trên con tàu thủy; tôi nhìn về phía Pari, tái mặt, bực bội. – Tại sao người ta giữ tôi ở đây?

Cái đạo luật khốn kiếp: nó đặt thẳng con người dưới *gót* của bố cho tới năm hai mươi một tuổi!^[47]

MỘT CÔ GÁI BỊ BỎ QUÊN

Nhưng bộ mặt ngôi nhà bỗng thay đổi...

Từ ít lâu nay, thầy tôi ăn nói với tôi một cách hầu như hiền hậu.

Bức hàng rào bằng giá ngăn cách Vanhtrax *bố* và Vanhtrax *con* bị chọc thủng, và từ nay cuộc sống sẽ bớt nặng nề; tuy vẫn cứ ngu ngốc, nhưng chẳng khó chịu và ác nghiệt đến thế.

Như vậy nghĩa là thế nào?

Tôi đã quên là hồi xưa ở quê nhà có một người rất yêu tôi, đã che chở những ngày thơ ấu của tôi... từ khi gia đình tôi đi chỉ tin tức cho chúng tôi có hai lần – hai lần thôi – nhưng vẫn luôn luôn nghĩ đến tôi. Cô Balăngđrô hiền hậu!

Không hiểu do đâu thầy mẹ tôi biết tin cô bị đau yếu và bại liệt từ lâu, không viết được, nhưng vẫn nhắc đến Jắc và cô cho mời quản lý văn khế đến báo rằng cô muốn – khi nào chết – để lại tài sản của cô cho thẳng bé Vanhtrax.

Ông bác tôi hồi xưa cũng đã nói sẽ lập tôi làm người kế thừa. Phải chăng những đau khổ của trẻ con làm cho người già yêu chúng?

Dù sao trong nhà người ta biết – mà không bảo tôi – bệnh tình và ý muốn của cô Balăngđrô, và đó là lý do làm cho bây giờ người ta nương nhẹ tôi.

Một hôm mẹ tôi gọi tôi.

“Jắc, thầy con có việc muốn nói với con đấy.”

Mẹ tôi nói thế với một giọng nghiêm trang và dẫn tôi đến buồng khách mà các cửa sổ đều đóng. Một lá thư viền đen đặt trên bàn, thầy tôi chỉ nó và nói:

“Con có nhớ cô Balăngđrô không?”

Ôi chào! Tôi hiểu... và nước mắt tôi trào ra.

“Chết...! Cô ấy chết rồi ư?...

- Ủ: nhưng cô ấy lập con làm kế thừa.”

Nước mắt tôi vẫn chảy ròng ròng. – Qua làn nước mắt, tôi nhìn lại thời thơ ấu của tôi.

“Cô ấy để lại cho con mười ba ngàn phơrăng và đồ đạc.”

Chiếc ghế bành to của cô ư? Chiếc bàn mà cô giải khăn cho một mình tôi ngồi ăn ư? Chiếc tủ ngăn của cô với những móc mạ vàng? Chiếc ghế mà tôi ngồi – một đôi khi đau điếng người!... Cô gái già hảo tâm ấy!

Mẹ tôi nói tiếp:

“Nhưng con còn vị thành niên.”

Chà! Điều đó thì tôi rõ rồi! Nếu tôi hăm một tuổi, tôi đã chẳng còn ở đây. Tại sao tôi lại chưa đến hăm một tuổi!... Với mười ba ngàn phơrăng đó tôi sẽ quay lại Pari – người ta sẽ có cái mua vũ khí cho một việc âm mưu, đút cho một tên lính gác để Bacbex vượt ngục...

Trong đầu tôi thoáng qua nhiều mơ ước! Những mơ ước làm khô nước mắt tôi và làm tôi quên ngay cái người đã nghĩ tới tôi lúc từ trần. Mẹ tôi kéo tôi lại lá thư viền đen... nhưng tôi ngăn lại.

Tôi đóng cửa ngòi một mình với niềm đau đớn của tôi.

Tôi đã khóc suốt cả ngày như một đứa trẻ!

7 tháng sáu.

Tôi được tự do! Tôi được quyền rời khỏi bến tàu Ritsơbua, rời Năngtơ, phải đi Pari.

Quyền đó, tôi đã phải mua; nó là của tôi; người ta đã bán nó cho tôi. Người ta đã bán nó cho tôi đắt hay rẻ? Tôi đã không để ý đến.

Người ta đã bảo tôi: “Mày còn vị thành niên, phải đợi nhiều năm nữa mới được làm chủ sổ tiền của mày; nếu mày muốn thu xếp ổn thỏa với thầy mày, thầy mày sẽ cho mày được tự do ngay từ ngày hôm nay, mày sẽ có thể đi được.

- Nhưng còn vị thành niên thì con có quyền ký hay không?

- Miễn là mày viết một bức thư. Thầy mẹ tin mày. Mày sẽ không làm sai lời hứa, thầy mẹ biết thế.”

Thầy mẹ biết thế à? – Con thì con biết rằng thầy mẹ đã thường sai lời hứa của thầy mẹ! Tôi nhớ lại món nợ của ông Mutông... Chà! Máu tôi sôi lên khi nghĩ tới chuyện ấy!

Thôi được, làm giấy tờ, viết bức thư mà thầy mẹ muốn, thầy mẹ muốn con hứa gì tùy ý – và con sẽ giữ lời... Mở cửa cho con ra. Để con đi mà không bao giờ trở về! Bây giờ đã được kế thừa rồi thì cảnh sát sẽ không bắt con nữa. Con không còn là một đứa vô lại và một thằng lêu lổng nữa.

Câu chuyện đã thu xếp xong, bằng cách nào tôi không biết. Tôi chỉ nhớ rằng tôi đã chép lại một bức thư theo bản nháp đã đặt dưới tay tôi. Thầy tôi sẽ giữ sổ tiền kế thừa, nhưng sẽ chỉ cho tôi mỗi tháng bốn mươi phơrăng – cộng với năm trăm phơrăng đưa gọn một lần để tôi may mặc và thu xếp chỗ ở ở Pari.

Tôi quên; người ta còn đảm bảo cho tôi khỏi bị trưng binh với một ngàn hoặc ngàn rưỡi.

“Bao giờ thì con có năm trăm phơrăng?

- Tám ngày nữa.”

Lâu quá!...

Tôi đặt quần áo tại hiệu thợ may được ưa chuộng.

Cốt nhất thứ bảy phải xong!

Quần áo tới đúng hẹn, cả trăm phơrăng nữa.

Tôi cầm số tiền và nhìn thầy tôi. Thầy tôi hơi run run.

“Vậy mà xa thầy mà căm ghét thầy phải không?”

- Không, không... Thầy thấy là con muốn khóc đấy... nhưng thầy với con không ở với nhau được, thầy đã làm con khổ quá!...”

Vĩnh biệt! Vĩnh biệt!

Tuy vậy tôi vẫn chưa đi! Thật tình, thấy thầy tôi khóc, tôi đã mềm lòng và tôi đã tha thứ tất cả!

Tôi đã qua buổi tối cuối cùng với thầy mẹ tôi.

“Con mua vé mời thầy mẹ đi xem kịch: thầy mẹ bằng lòng không?”

Chúng tôi đi xem kịch. Tôi dẫn thầy mẹ tôi đi khoác tay cả hai người.

Tôi tưởng hồ như chính tôi là người bố, và tôi dẫn hai người con lớn đi, họ đã làm tôi khổ thật đấy, nhưng dù sao họ vẫn yêu tôi!

XVI

PARI

Chúng tôi đã ở sân hăng Laphit và Gaya.

Tôi nhận ra người đã ấy chiếc hòm của tôi khi tôi tới Pari lần thứ nhất, dạo ấy ông ta có nói với tôi về một khách sạn ở phố Hai Đồng vàng, nhưng tôi không đến đó được vì trong người chỉ còn có hai hào tư. Bây giờ tôi giàu rồi thì tôi đến khách sạn ấy!

“Bác đánh xe, bác có biết một khách sạn, ở phố Hai Đồng vàng không?”

- Có, khách sạn Mone.”

Nhưng tôi rất khổ ở quán trọ Mone. Tôi sẽ chỉ ở đấy trong thời gian tìm một chỗ ở dứt khoát.

Tôi đã viết thư từ Năngtơ cho Alêcdăngđrin: nhưng không thấy tăm hơi gì cả. Tôi đã nhờ Lơgrăng tới đó xem sao; Lơgrăng trả lời rằng cô ấy có vẻ như không nhớ ra ông Vànhtrax là ai cả.

Lúc đầu tôi đau khổ về chuyện đó! Nhưng dần dần kỷ niệm về cô hoàn toàn bị chìm vào những cơn giận tỉnh lẻ của tôi.

Đặt chân lại trên đất Pari, tuy vậy tôi vẫn thấy trong lòng hơi xao xuyến.

Tôi tới phố La Hạcơ.

Cô ta ở đấy – cả ông bố và bà mẹ nữa. Bà mẹ bảo là tôi còn nợ hai mươi lăm phơăng; bà ta đã quên mất món nợ ấy không ghi vào sổ.

- Đây số tiền ấy đây.

Cô gái có vẻ ngượng ngịu, và đón tiếp tôi lạnh nhạt. Hiện cô có người yêu khác, và đâu như cô sắp lấy chồng.

Thì cô cứ lấy chồng! Cô làm vậy là phải. Tôi cảm thấy mình đã khỏi bệnh. Nợ nần đã thanh toán xong. Cái thị hiếu của cô đã chết. Ta không nói tới chuyện ấy nữa!

Dù sao hồi xưa tôi cũng đã được sống hạnh phúc với cô, và cô là một cô gái tốt.

Khách sạn Jăng-Jắc Rutxô.

Tôi đã đọc Banzăc, và tôi nhớ rằng Luyxiêng đơ Ruybămp^[48] đã ở phố hàng Thường, khách sạn Jăng-Jắc Rutxô.

Hiện tôi đang ở đây.

Một bà cụ – cái đầu nhà quê được một chiếc mũ đính băng kéo lại – ngồi đan tít trong cùng buồng giấy.

Buồng giấy này là một căn buồng tối om, ẩm thấp, trông rất buồn. Bà cụ nom cũng chẳng vui vẻ gì; hoàn toàn không giống với bà cụ trong tiểu thuyết.

Tôi gọi chuyện bà và hỏi xem có còn buồng rồi không.

Nói chuyện ư? – Bà cụ ít chuyện; tưởng như bà sợ phải phô nhà mình với khách trọ, và ngại người ta sẽ khám phá ra một điều bí mật như trong một vở kịch Lơgrăng đã kể tôi nghe: người ta đổ chì lỏng vào tai những người đang ngủ rồi chặt họ ra từng khúc đem cho lợn ăn! Tôi còn nhớ hình như tấm màn bí mật đã bị xé toang vì có người khách đã kêu lên: “Đàn lợn của ông mới béo chứ!” Lão chủ quán đâm luống cuống, người khách để ý thấy, và người ta lần ra được đầu mối của tội ác.

Bà cụ chỉ cho tôi một phòng hãy còn ẩm hơi người trọ trước. Giường đệm bừa bộn, chiếc bàn đêm mở toang. Một chiếc cổ còn nhàu nát vắt trên sàn.

“Bao nhiêu?”

- Mười tám phơrăng.”

Bà cụ lại nói:

“Ông có hòm không? Ông làm nghề gì? Ông là sinh viên à?”

Được, sinh viên! – Tôi ghi “sinh viên” vào sổ trọ.

Chà! quyển sổ ấy! trong có đủ mọi kiểu chữ viết, ngón tay in vết mọi cái bẩn và mọi nhiệt tình!...

Chắc hẳn Banzăc đã chọn khách sạn có vẻ thích hợp nhất với tham vọng và tính cách của nhân vật mình... - Trông mà xớn gai ố!

Tôi lạnh cóng người vì cái vẻ tồi tàn của ngôi nhà này. Cửa sổ buồng tôi trông ra một bức tường. Tôi không thể nhìn thấy Pa-ri và giờ quả đấm dọa nó như Raxtingh! Tôi không trông thấy Pa-ri. Bức tường ấy án ngữ trước mặt tôi, trên đây cút chim. Ở một góc – trên một viên ngói mè - một con mèo giương mắt xanh lè nhìn tôi.

Tôi đã dọn đến ở.

Người ta đã dọn lại giường, trải khăn giường trắng, đóng bàn đ lại, xóa vết mực. Người ta còn đem đặt trên mặt lò sưởi một chiếc bình bằng đá hoa trắng, làm tôi cứ muốn dùng nó để xoa mặt: trông nó như long não. Người ta treo thêm vào đám tranh ảnh của tôi bức *Napôlêông ở trận bao vây Tulông*, trông y như bị ghẻ lở. Lúc đầu tôi muốn trả lại bức tranh vì quan điểm của tôi; nhưng nghĩ cho kỹ, tôi giữ nó lại – thỉnh thoảng tôi sẽ khắc nhõ lên đấy.

Tôi buồn đến chết ở nhà tôi!

Ngày xưa, lần đầu tiên tới Pa-ri, ở khách sạn Riffô tôi đã sung sướng biết mấy? Änggiơlina thường lấy giấy báo gói một mẫu sườn để dành cho tôi, nhớ ban đêm tôi bị đói... Tôi sung sướng vì cảm thấy mình được tự do!

Bây giờ tôi hầu như không cảm thấy mình được tự do trong căn phòng này rộng gấp ba, có thể đi bách bộ được.

Là vì bây giờ tôi già hơn, là vì tôi đã từng được tự chủ ở Pa-ri!

Ở khách sạn Riffô ngày ấy tôi ra trường: có thể thôi; hôm nay tôi bước vào đời.

Bây giờ, thì thật sự rồi đấy, chàng trai ạ!

May thay, tôi có tiền! – Ta hãy chạy đi tìm các bạn bè!

Chúng tôi sẽ tới Rămponnô ăn theo giá một hào một suất, uống loại rượu vang hào hai... tôi sẽ hỏi căn buồng nhỏ nhìn ra vườn và bàn có giải khăn. Mặc cho những anh chàng *thuần túy* bực mình!

Qua cửa sổ chúng tôi sẽ gọi bà bán hạnh đào và bà bán sò. Chúng tôi sẽ ăn sò thỏa thích.

Tôi vẫn thường tự nhủ: “Bao giờ có tiền, phải chén một bữa sò căng bụng!”.

Tất cả chúng tôi sẽ ăn sò căng bụng, tùy ý.

Này! bà bán sò!

Tôi sẽ gọi món thịt bê nướng – tôi chưa bao giờ bỏ tiền túi ra ăn thịt bê nướng.

Chúng tôi sẽ tới Môgrugior dưới gian trống bán loại rượu vang bốn xu. Chúng tôi sẽ uống năm phởrăng rượu vang! Chúng tôi sẽ thết rượu những thợ đá ở gần đó!...

Tình cờ tôi gặp ở ngoài phố một người bạn cũ trước kia thỉnh thoảng vẫn đến hút một tẩu thuốc với chúng tôi. Anh thấy tôi hết sức ngạc nhiên.

“Người ta bảo mày đi Ấn-độ rồi kia mà!

- Các bạn đâu? Bây giờ thường lui tới tiệm cà-phê nào?

- Không ai lui tới tiệm cà-phê, nhưng có quán ăn của mụ Pê-tray ở phố Ta-ran, tối nào cũng tới đấy ăn cả bọn.”

Tôi chạy tới phố Ta-ran, quán ăn Pê-tray.

Đây không phải *tiệm rượu* của khu phố. Cũng không phải là hàng bán sữa. Chẳng có khói thuốc của sinh viên lẫn mùi vôi vữa của thợ nề; họ

không tới ăn trưa ở đây.

Bà Pê-tray ngồi ở quây thu tiền: bà có bộ tóc hung, nước da nhợt nhạt, trông bà giống một chiếc bánh mì hầy còn bột ở trên cùi bánh.

Tôi chưa bao giờ dự tiệc vui như vậy, trong một buồng ăn sáng sửa đến thế.

Trên chiếc bàn kê giữa cắm một bó hoa át cả mùi nước xốt. *Thật là thơm, rất thơm!*

Tôi ngỡ như mình đang ở Năngtơ, vào những ngày yên ổn, mẹ tôi mở một bữa tiệc lớn để trả nợ luôn một thể tất cả những đám mời ăn trong suốt ba năm.

Bữa tiệc đó hầu như bao giờ cũng mở vào dịp nghỉ lễ Phục sinh, khi mùa xuân trở lại, hoa tử-đình-hương nở, và tôi được sai đi kiếm hoa ở ngoài đồng.

Người ta đem hoa đó trang điểm căn phòng lớn khiến nó tươi sáng hẳn lên và ngát hương thơm đồng nội.

Gặp ngày nắng như hôm nay, hiệu ăn nhỏ mà tôi vừa vào, với chiếc khăn bàn trắng và bó hoa kia, có cái vẻ tươi vui thật thà, mà nhà Vanhtrax cứ ba bốn năm mới đặc biệt có một lần!

Niềm vui thú trong gia đình, thì nó đấy! Tôi không cần gia đình của tôi để được hưởng; bà Pê-tray không cần đẻ ra tôi mà vẫn dọn cho tôi ăn một bữa ngon lành; ông Pê-tray trông dễ thương hơn thầy tôi: ông cũng đội mũ vải và vận chế phục, nhưng bộ quần áo nhà bếp của ông trông đẹp hơn nhiều bộ quần áo giáo sư.

“Bồi, tính tiền!

- Hai mươi bốn xu!”

Tôi đã được ăn một đĩa xúp Juyliên, một món sườn kiểu Xubido, rau actisô sào nấm, một cốc kem, chén cà-phê.

Những kẻ quyền thế ăn chẳng ngon hơn thế, chứ sao!

Tôi vừa qua nửa tiếng đồng hồ thú vị biết mấy!

Tôi vừa lau miệng vừa đọc báo, lưng dựa vào tường, một chân gác lên ghế; chiếc tấm tôi xia kê tanh tách trên hàm răng như cầm thạch.

Lòng vị kỷ xâm chiếm con người tôi!

Hay tôi giữ lấy một mình, hay tôi mơn trớn, thêm một giờ nữa, cái cảm giác của bữa ăn đầu tiên ăn một mình, không có khách cùng ăn nào khác sự tự do của tôi?

Mai, phải mai hãy đi tìm các bạn.

Bầu trời trong sáng đến thế và đi chơi ngoài phố sẽ thú vị biết mấy! Ừ, ta ra phố!

“Bồi, *trả tiền này!*”

Trả tiền này : trả bằng tiền không phải của gia đình cũng không phải của tập thể, không phải của nhà Vanhtrax, không phải của khách sạn Lixbon, trả bằng đồng năm phơrăng đẹp đẽ này, nó có những cô chị lớn trắng và những cô em vàng.

Vẫn còn những *đồng năm phơrăng* ở đây và vài đồng luy trong góc kia. Tôi chắc chắn là chúng nằm đấy và cứ lát lát tôi lại rờ vào cái chỗ nằm tài sản của tôi.

“Anh trả tiền, còn ba xu lẻ thì cho anh!”

Một giọt nước mắt nhỏ kiêu hãnh trào ra ở đầu lông mi.

Chào bà Pê-tray một cái: đưa mắt lần cuối cùng – làm điệu – tìm tờ báo, ra về một người xem giá phiếu thực lợi; gật đầu với chú bồi; và tôi chuồn mau sợ có chuyện gì cắt đứt cái cảm giác nhú nở trong tôi.

Tất cả mọi niềm sung sướng ở trên đời!

Tôi mua một điếu xì gà ba xu; loại hung vàng, cuộn chặt, hút ra khói xanh biếc...

- Cô bán hoa! Bán tôi một bó, mau lên!

Đôi ủng của tôi bong loáng và kêu lộp cộp như ủng sĩ quan; bộ quần áo của tôi, có thể nói, rất khớp với người.

Tôi soi gương thấy một chàng trai tóc nâu, vai rộng, lưng thon, vẻ sung sướng và tráng kiện. Tôi quen cái bộ mặt đó, cái nước da đồng đỏ và cặp mắt đen đó. Đó là của một kẻ thoát ngục tên gọi Vanhtrax.

Tôi nhún nhảy trên bộ giò như trên những thanh thép.

Tôi ngỡ mình đang nhún trên tấm ván nhảy: bắp thịt tôi thật dẻo dăng, và tôi có thể nhảy vút lên như một con báo.

Gặp người mù nào tôi cũng cho tiền; hết cả số tiền bà Pê-tray trả lại tôi.

Tôi ưng một đám người tàn tật khác hơn, hoặc những người điếc hoặc những người què cụt, vì ít ra họ cũng nhìn thấy bộ mặt tôi khi tôi ăn vận đúng theo kiểu của mình, và tôi bước đi không sợ toạc quần.

Công viên Tuy-lơ-ri! – À! kìa con *Lợn lòi*! – Hồi còn đi học chúng tôi đến chơi chạy đuổi ở đây.

Tôi ghét con lợn lòi bằng đá hoa ấy, mình lồm đồm đen vì mưa gió. Hình ảnh Lợn-ban-ha, chủ trọ của tôi, với chiếc mũi đỏ, đôi má tái xanh, hai chân vòng kiềng, dáng bộ lão giữ kho đồ thánh, trở lại trí nhớ tôi và sắp làm hỏng cả ngày vui của tôi!...

Tôi thích đi về mạn mà hồi xưa giám thị cấm tới và là nơi có đàn bà.

Ôi chao! những chiếc váy như sóng lượn, những bộ hang nhún nhảy, những bàn tay đeo găng dài, những chớp nhoáng da thịt trắng nõn hở ra ở cổ yếm! Ở tỉnh lẻ, không có những bộ hang ấy, những song lượn ấy... ở khu La-tinh cũng không!

Vậy mà suốt hồi còn trọ ở quanh điện Păng-tê-ông tôi chưa bao giờ tới ngồi ở những ghế này cả! Hồi ấy tôi nhìn các cô gái hai mươi tuổi nhảy ở Pra-đô; những phụ nữ dạo chơi ở đây vào tuổi ba mươi. Tôi ưa cái tuổi ba mươi hơn, với lưng mềm mại, ngực nở căng và làn da vàng óng của họ.

Họ điếu qua từng người một... Có những bà la cà một lúc với những ông mặt mũi sĩ quan sau khi bảo con: “*Đi, con đánh vòng đi*”.

Các chị hầu phòng cũng bảo lũ trẻ họ trăm nom: “*Các em thi xem ai chạy tới hàng rào sắt kia trước!*” – và trong lúc đám nhóc chạy, các chị quay lại để ôm hôn những chàng rậm râu.

Tất cả đám người ấy có vẻ sung sướng! Ồ! tôi sẽ quay lại đây và tôi cũng sẽ cố níu lại sau một trong những chiếc áo lụa hoặc vải hoa kia...

Tôi ăn tối tại tiệm cà-phê!

Một miếng bít-tết với khoai tây rán phòng nom như những mớ tóc quăn hung vàng xung quanh một bộ mặt da nâu.

Ở đây tôi lại gặp những phụ nữ nói to hơn, cười to hơn đám phụ nữ ở Tuy-lơ-ri, họ giống với đám con gái ở khu La-tinh hơn, nhưng, trong cái rực rỡ của ánh đèn vàng óng ấy, trong sự lan tỏa của hơi khói ấy và trong sự lấp lánh của bát đĩa bằng bạc ấy, thì cái the thé của giọng nói hay cái lờ lợc của màu áo cũng không đến nỗi chối lắm.

Phấn trên má họ trông như đường trên những quả dâu.

Bữa ăn tối của tôi mất ba mươi năm xu – không có rượu vang. Sáng nay tôi cũng không uống rượu vang; tôi muốn nhịn rượu cho quen. Tôi ưng dùng số tiền đó để mua hoa hơn, và ngả người trên một chiếc ghế xanh gần *Phi-lô-pô-men*^[49].

Tôi không cần phải uống để lấy can đảm như xưa, khi đi tìm Toóc-sô-net.

Hôm ấy, tôi đã uống một nửa góc lít rượu ở quây... Hôm nay, tôi có đủ tiền để mua cả chai. – Nhưng vì sao?

Tôi đã có cách say của tôi, tôi say vì thở cái không khí ấy, vì nhìn những phụ nữ ấy, vì liếm những chiếc đĩa bạc!... Như vậy tốt hơn là *mười cú rượu*.

Tôi thấy cả Pa-ri diễn qua trước mặt! Pa-ri không còn làm tôi sợ như hồi xưa nữa!

Sợ?...

Tôi đã hô hào cầm vũ khí ngay trên đại lộ này. Chính trên chiếc ghế này ở trước mặt, trước ngõ Pa-nô-ra-ma, ngày 3 tháng Chạp, tôi đã trèo lên và đã hét: “Giết chết Na-pô-lê-ông!”

Lại vẫn kỷ niệm ấy! – Yếu đuối!... Hồi tiếc trẻ con!...

“Bán báo! cho tờ *Báo cười*...”

Tôi đi đâu cho hết ngày bây giờ?

Người ta diễn vở *Payax* ở rạp *Ambiguy*. Thì xem *Payax*!

Mẹ kiếp, thật là hay, cái cảnh *Payax* vừa ngắt đi vừa nói: “tôi đói!” – Thật là hay, cái lớp trình bày cảnh nhà trống rỗng, vợ bỏ đi rồi, những đứa con phải cho ăn bữa tối, nhát dao đâm vào tim, nhát dao cắm vào ổ bánh mì!

Ở rạp ra, tôi tới ngồi tại *Quán rượu Ngự lâm pháo thủ* đầy những nhà văn, những diễn viên, lại cả những phụ nữ nữa!

Trở về phố hàng Thừng, tôi mang theo trong người cả một thế giới xúc cảm dịu dàng và mạnh mẽ.

Phải chăng gió đêm rung mớ tóc trên cổ tôi? Phải chăng niềm xúc động của những giờ phút rất lạnh mạnh ấy?

Tôi không biết! – nhưng tôi cảm thấy một cái rợn mình thấu tận tim: rợn mình vì rét hay rợn mình vì kiêu hãnh.

Bầu trời trong và như một tấm thép...

Một vài chiếc váy trắng chiếu sáng vỉa hè; người ta nhìn rõ cách hàng trăm bước trước mặt... bong tối đổ dài dưới ánh trăng kín cả lòng đường...

Vấn đề là tôi phải giành được một chỗ cũng rộng như thế dưới ánh mặt trời...

XVII

BẠN BÈ

Tôi tới quán Pê-tray.

Chưa có ai. Người bồi hỏi tôi có muốn đọc báo, trong khi chờ đợi.

Tôi cầm tờ báo, như thể trong đó có nói đến tôi, đến hạnh phúc hôm qua của tôi, đến một ông mà mọi người ta đã trông thấy dễ dàng miệng ngậm xì gà, hoa cài khuyết áo, ngực ưỡn ra đằng trước: tới vườn hoa Tuy-lơ-ri, rồi lối đi xem hát, một Đơ Macxay^[50] tóc dài, béo lùn, và sắp thành một nhân vật đáng kể tại Pa-ri.

Cam đoan là tôi có tìm giữa các dòng báo xem có tích gì của cuộc đi dạo chơi thật tràn ngập ánh nắng, nỗi vui thầm kín, niềm vô tư lự khỏe khoắn và lòng tự tin!

Chính Lơgrăng xuất hiện trước nhất, nhưng là một Lơgrăng không ai nhận ra được. – Anh có vẻ một người bị Hội đồng Mười vị^[51] theo dõi, mắt trước mắt sau như sợ cái Miệng sắt^[52], mình khoác áo choàng sẫm và đầu đội cái mũ râu râu.

Anh nhận ra tôi, như trong một cuộc âm mưu, bằng những cử chỉ của kẻ mưu sự. Tôi bắt tay anh và bày tỏ cảm tưởng của tôi về vẻ mặt và cách ăn vận của anh.

“Cậu biết không, tớ lại ưa cậu hơn trong vai kiểm hiệp thế này! Nom cậu như một ẩn sĩ, cậu có vẻ một thầy tu trên phong vũ biểu.

Vai kiểm hiệp! anh nói với một nụ cười kiểu *Tháp Nexlơ*^[53]: *năm gã tiệp dân đánh một trang công tử* - thời ấy đã qua rồi^[54] – bây giờ là mười cảnh sát quần một người cộng hòa, mỗi phố một hiến binh, mỗi nhà một tên mật thám! Rõ ràng là cậu mới ở Năngtơ tới! Ông *Vanh-tra-xel-lô*^[55] ơi, bây giờ chỉ còn việc trốn vào một xó và mơ màng như một thằng dở hơi hoặc làm

cái thuật luyện đan xã hội như một tay phù thủy... Minh vận quần áo theo cái vở ấy đấy!”

Anh ta nói đúng, chàng *đóng kịch* ấy!

Hôm qua trong lúc đi dạo, tôi nhớ lại cuộc thất bại ấy hai ba lần – nhưng tôi đã xua kỷ niệm đó đi, tôi quát lên với nó: “Cút khỏi ánh mặt trời của tao!”

Phải chăng tôi đã nói một điều ngu xuẩn? Phải chăng kỷ niệm đó sẽ luôn luôn trở lại ném bong đen đăm máu lên con đường tôi đi? Hiện giờ nó đã làm tối cả hiệu ăng nầy!

Chúng tôi xưa nay vẫn ăn to nói lớn, giờ đây chúng tôi đang thăm thì!...

Tôi đã không nghĩ tới chuyện ấy nữa, tôi đã không biết gì cả. Tôi đi ngay hôm sau trận chiến đấu, mới chỉ nhìn thấy lính tráng, tấn bi kịch, máu! Tôi đã không ngửi mùi bùn nhơ, tôi đã không cảm thấy con mắt mặt thám đặng sau lưng.

Hồi đảo chính, cảnh sát đeo kiếm và đâm chém. Giữa ban ngày; bây giờ thì khác.

Người ta không thể nói được, người ta không thể ngậm miệng được... Lời nói bay ra là bị tóm liền... cử chỉ và im lặng thì bị dò xét... Ôi chao! lời cảm thấy sỉ nhục, như một con chấy đang bò lên sọ! Những cảm giác hôm qua, những hy vọng ngày mai, tất cả nhất đán bị tàn lụi, gạch bấn...

Đáng thương!

Miệng mọi người ngậm lại như máy, mắt chúng tôi hạ xuống, nét mặt chúng tôi cố lừa dối – vì một kẻ diện mạo khả nghi vừa vào và tới ngồi trong góc kia...

Lơgrăng làm hiệu cho tôi, và chúng tôi buộc phải đóng kịch, như ở nhà trường người ta kêu: *Vétxơ!* khi ngờ giám thị tới.

Tôi cảm thấy còn khổ hơn khi vận những bộ quần áo lố lằng, khi mẹ tôi làm người ta cười tôi, khi thầy tôi đánh tôi trước đám đông nhà trường! Bây giờ tôi có thể làm bộ nông nghênh, ở đây tôi phải đóng vai thẳng hèn!

“Cậu nói đúng, Lợgrăng ạ. Hãy tìm cho tớ, như cho cậu, một chiếc mũ xụp xuống tận mắt, một chiếc áo khoác ẩn sĩ, một cái hang phù thủy!

- Nói khê, nói khê chứ?”

Vừa hay anh bồi nháy mắt về phía bộ mặt khả nghi nọ để làm hiệu cho chúng tôi biết hẳn đang nghe ngóng, và tất cả mọi người đều nói: “Khê chứ, khê chứ!”

Những người bạn khác kia rồi!

Nhưng họ không còn những bộ mặt, ánh mắt và cử chỉ như lần cuối cùng tôi gặp họ!...

Họ cũng vậy, tay đút vào tay áo, chân kéo lê, môi chảy sệ...

Họ thấy tôi làm âm ỉ quá, thật sự họ thấy như thế. Họ bắt tay nồng nhiệt, nhưng chuyện trò thì nguội lạnh.

Họ lấy đầu gối hích tôi dưới gầm bàn.

Có phải mỗi hẳn học về chuyện cũ, về những xích mích giữa chúng tôi hồi tháng Chạp, nó trở lại bất kể thế nào, và nó đã đào giữa chúng tôi một hố sâu? Có lẽ đã có những lời lẽ không sao gỡ lại được, ngay cả những lời thốt ra dưới đạn đại bác!...

Không! đúng là cái tháng Chạp đè nặng lên chúng tôi, chứ chẳng phải vì nhớ lại những lời tôi nói trong giờ phút tuyệt vọng ấy: chính là mối lo sợ vì những lời tôi có thể thốt ra trong cái hoàn cảnh dò xét và khủng bố mà tháng Chạp đã tạo nên.

Tên có bộ mặt khả nghi vẫn nhìn về phía chúng tôi.

Chúng tôi đã ăn như vậy, trong cái thế giữ mình!

Tôi rút tiền ra.

- “Để tớ trả, các cậu nhé?

- Được, nếu cậu giàu!
- Tớ thất rệu “pha” được không?
- Thôi, thôi”, họ nói giọng mệt mỏi, về mặt thờ ơ, và chúng tôi đi ra.

Lúc vào hiệu ăn này thì tôi vui vẻ và hớn hở. Lúc ra, tôi thất vọng.

Buổi gặp nhau một tiếng đồng hồ ấy chỉ cho tôi thấy rằng tôi sẽ phải tìm niềm vui, miếng bánh, nghề nghiệp, vinh quang trong cống rãnh nào!...

- Các cậu này! Tôi cho rằng chẳng thà chúng mình chết vào hồi Đảo chính...

Với tình hình như thế, tôi đã không có thì giờ nói chuyện riêng với ai, và tôi đã không gặp những bạn thân.

Tại sao Rơnun và Rốc lại không có mặt ở đó?

- Rơnun đâu? Hiện nó làm gì?
- Nó vào Bộ giáo dục làm chân ngoại ngạch.
- Hiện nó ở đâu?
- Vẫn ở phố Trường-Thuốc nhưng không ở số nhà 39 nữa: về mạn trên, gần nhà Sarie ấy.

Tôi đến đấy.

Bà gác cổng đón tiếp tôi không tốt – tựa hồ như bà tưởng tôi *cũng* bọn ấy.

“Ở gác năm”.

Tôi đến vào buổi tối, nghĩ rằng lúc ấy Rơnun đã ở Sở về.

Quả nhiên anh ta có nhà, vận áo rơđanhgôt, anh không khoác áo ngủ nữa.

Nhưng chán nản đến chết!... Anh có vẻ mệt mỏi và rầu rĩ làm sao! Chiếc áo ngủ không làm anh già đến thế. Vậy do đâu mà mặt anh xám đi, con mắt trũng xuống?

- “Cậu ốm à?

- Không...”

Lidet bước vào.

Ồi! Không, cô không còn là Lidet nữa!^[56].

“Gió máy làm sao làm cả hai anh chị thay đổi thế này?... Anh chị có giận tôi không?... Không phải vì tôi đến thăm, anh chị khó chịu chứ?

- Ồ không, không!”

Một tiếng “không” từ đáy lòng thốt ra.

“Trái lại bọn mình rất sung sướng được gặp lại cậu! Bọn mình cứ ngỡ cậu mất tích, bị bắt, chết rồi.

- Quả là tôi đã chịu phần cực nhọc...”

Tôi kể cho họ nghe cảnh sống của tôi ở Năngtơ.

Tôi đến nhà Rốc, anh ta ít khi đến hiệu Pê-tray vì ở xa quá.

Rốc cũng không còn ở chỗ cũ nữa.

Mọi người đều dọn nhà khác cả. Họ bị người gác cổng và hàng xóm biết là người cộng hòa: biết họ đã vắng nhà trong khi xảy ra những biến cố tháng Chạp. Họ sợ bị phát giác và truy tố, thế là họ đem khăn gói, hòm xiểng và nỗi khổ đi chỗ khác.

Tôi gặp Rốc còn khó hơn là gặp Rơnun. Cuối cùng, chính anh, sau khi nhòm qua lỗ khóa, mở cửa cho tôi, mình vận áo sơ mi.

Tôi thấy anh rất thay đổi.

Tuy nhiên, anh đỡ suy sụp hơn những người khác một chút. Anh tìm thấy trong thất bại một niềm an ủi.

Anh vốn ưa mưu sự, thích thứ ủy ban trong bóng tối. Ấy là tin tưởng hay bệnh cuồng? Quả thật anh cuồng tính và anh xoay đầu nhìn khắp mọi phía trước khi nói. Thậm chí anh còn nhìn cả dưới gầm giường và gõ cộc

cộc vào tất cả các tủ. Anh biết rằng nếu có người núp ở trong tiếng gõ sẽ đục hơn.

Rốc bộp lộp với tôi – trong phạm vi có thể - không nhiều lắm – Sau này, anh sẽ nói hết với tôi, ngay khi anh được “đoàn trưởng” cho phép truyền cho tôi khẩu lệnh.

Vì có anh đảm bảo cho tôi, nên cũng không lâu. Quân cảnh sát chắc đã biết tin cậu về rồi!”

Vì quá cẩn thận, anh lại nhìn khoảng giữa tường và ngõ phố, và mở hăn cái tủ mà anh có ý ngờ.

Chẳng có ai.

Mặc kệ! Anh vẫn rón rén trên đầu ngón chân để tiễn tôi ra cửa và tôi trở về nhà thất vọng.

Tôi tì tay vào cửa sổ trong im lặng của buổi tối, và tôi suy nghĩ về những điều tai nghe mắt thấy từ hai hôm nay!

Ôi chào! tuổi trẻ, tuổi trẻ của ta ơi! Ta đã giải phóng mày khỏi ách người cha, và đã đưa mày, hãnh diện và kiên quyết, vào cuộc chiến đấu!

Nhưng không còn chiến đấu; chỉ có mùi vị của cuộc đời nô lệ, và những người có giọng nói to vang nay phải ngậm miệng^[57]. Thật đến phải tự bản võ sợ, nếu không có đủ can đảm làm một thằng hèn!

Khi đóng cửa buồng tôi thét lên một tiếng mà tôi đã ghim lại trong cuống họng ở các tiệm cà-phê, tại nhà các bạn, suốt dọc đường đây những cảnh sát và lính tráng: nghe tiếng kêu ấy, chắc ở buồng bên người ta phải tự hỏi không biết ở đâu đấy có lợn lòi bị chó ăn thịt!

Chà! Ở nhà trường họ nói rằng đám trẻ con Xpactơ để cho cáo cắn vào bụng! Tôi cảm thấy như tim bị cắn xé, và như dân Xpactơ, tôi lại không được nói gì cả hay sao?

Tôi không được nói gì cả hay sao?... trong bao nhiêu tuần, bao nhiêu tháng, bao nhiêu năm?...

Nhưng thật là ghê gớm! Thế mà tôi là kẻ đã bắt đầu thấy ham sống!... đã thấy bầu trời trong sáng và phố phường vui vẻ thế!...

Khốn khổ! Chỉ còn cách chui rúc như con vật trong hang, hoặc bò ra để liếm gót kẻ chiến thắng!

Tôi cảm thấy thế!... đây là bùn... đây là đêm tối!...

Tôi đóng cửa sổ lại, cử chỉ như một người dạy thú cài then chiếc cũi trong có con hổ, và tự giam mình với nó.

GIẾT VUA

Tôi nảy ra một ý nghĩ!...

Nó siết chặt đầu tôi, bằm diết óc tôi. Suốt đêm tôi không ngủ được.

Bình tĩnh một chút xem nào! Các bạn mày nói đúng – mày phải che mắt lại, giấu kín nhiệt tình, nhẹ nhẹ bước chân...

Mày phải đi tới đích cho khéo, để có thể đến nơi, xốc tới và *hành sự*.

Một mình thì tôi sẽ không dám!

Tôi cần phải đi hỏi những ai có kinh nghiệm và gần gũi những người có thể lực trong đảng.

Có Lina, Đuytripông mà tôi đã quen từ hồi 51.

Tôi thấy hai người đang chênh choáng trước cốc apxanh thứ năm kể từ buổi tối, và họ lão đảo bước về phía tôi, sùi bọt mép và kinh tởm, mắt trợn trừng, miệng há hốc.

“Buông ra!...”

Tôi gạt họ quá mạnh, một người ngã dúi vào một xó; anh ta đứng dậy vụng về với dáng điệu như người que.

Cũng là vì tôi cáu tiết và bất bình, không thấy họ say, giữa lúc tôi đến để nói chuyện cứu nước!... Phải, tôi đến vì chuyện ấy!

Cứu nước! – Vậy thì ai muốn cứu nước?

Không phải là anh này, cũng chẳng phải anh kia! Tôi không dám thổ lộ với một ai điều tôi đã mơ ước, cũng không nói là để dành tiền để thực hiện dự định của tôi!... Vì rằng tôi để dành tiền thật, tôi sống rất đậm bạc.

Tôi tiếc những đồng xu đã cho những người mù, đã đem mua hoa.

Chẳng ai nghe tôi, hoặc có nghe thì cũng chẳng khuyến khích.

“*Hành sự đi!* để xem sao”, một vài người đáp.

Một số khác bất bình và hoảng sợ.

“Anh đừng nghe họ!... Anh chỉ làm cho mọi người kinh khủng và cái đó chẳng đi đến đâu – một cụ già, đã trải qua thử thách mà tôi phải tin là can đảm, bảo tôi với mỗi thiện cảm và kinh hãi. Hãy suy nghĩ trong mười năm! Mười năm nữa. HẮN VẪN CÒN ĐẤY, rồi anh xem!...”

Và khi tôi thì thầm: “Chính là để cho Hăn không còn đấy nữa!” thì ông cụ đưa ra lý lẽ cuối cùng:

“Dù sao, không phải vì anh coi nhẹ tính mạng của anh như một thằng điên mà anh có quyền coi nhẹ tính mạng của những người mà hành động của anh ngay buổi tối hôm ấy, làm cho bị tù đầy hàng loạt! – Anh không có quyền như thế!...”

Không nên nghe ai cả.

Tôi không có đủ can đảm.

Tôi tình nguyện sẽ đi đầu, ra hiệu lệnh. Tôi tình nguyện làm việc đó! Tôi sẽ đi đầu nhóm để chỉ huy bắn; nhưng chỉ có thể thôi ... Thêm nữa, tôi yêu cầu cuộc khởi nghĩa phải sẵn sàng ở đằng sau... tôi; việc ấy phải khởi đầu cho một cuộc chiến đấu!...

Dù tôi có tóm được Bônapactơ trong tay, tôi cũng sẽ không giơ được cánh tay lên, tôi cũng sẽ không giáng được vũ khí xuống nếu như chỉ có mỗi mình tôi đã tuyên án tử hình!...

Tôi đã muốn có ý kiến và sự ủng hộ của những người có uy tín, trước khi thổ lộ với đám bạn thân ý nghĩ đã qua óc tôi và đang nung nấu trái tim

tôi.

Vì không trông mong được gì ở phía ấy, toàn sợ hãi, thương hại hoặc ngờ vực, tôi quay về đám bạn không tên tuổi, nhưng chắc chắn và gan dạ, kể cho họ nghe dự định của tôi và thất bại của tôi.

Rốc trả lời tôi như mọi người khác đã trả lời:

“Cái đó chẳng có ích lợi gì hết, gì hết!... Cậu đừng nghĩ tới chuyện đó nữa!”

Nhưng anh nói thêm: “Có những người gan dạ hơn những kẻ cậu đã gặp đang lo việc ấy. Người ta sẽ báo tin cho cậu biết. Đừng chạy vạy nữa, đừng cựa quậy!... Cậu sẽ bị bắt và làm chúng tớ có khi cũng bị bắt lây đấy!...”

Chà! anh nói có lý!... Không phải dễ dàng mà giết được một Bônapactơ!

Vậy thì trong lúc này chớ có liều mạng, nhân danh nền Cộng hòa.

Ước mơ của tôi đã chết!

Bây giờ cơn hăng giết vua đã qua, tôi hình dung câu chuyện thật ghê gớm, và tôi tưởng như máu nóng vội vào mặt tôi – một con người tái nhợt, mà tôi đã đâm chết... Đáng lẽ cần phải đông người và không riêng ai là kẻ sát nhân!

Bây giờ thì chỉ còn lê cái thân xác một cách ngu xuẩn ảo não cho tới lúc nó bị hủy hoại vì bệnh tật chứ không phải vì chiến đấu – nghĩ vậy mà tôi run cả người!...

Tôi giữ lại những đồng trăm xu, những đồng vàng, để mua vũ khí, và cũng để nhớ khi bị bắt thì trong túi áo gi-lê có tiền, khiến người ta khỏi cho rằng tôi can đảm là vì cùng khổ và tôi đã đợi đến lúc hết xu mới hành động.

Tôi không còn cần tiền cho chuyện ấy nữa thì ít nhất tôi cũng có thể dùng nó để tìm an ủi.

Nhưng an ủi không đến!

Trong phố xá vẫn bấy nhiêu nắng, vẫn bấy nhiêu hàng bán hoa; ở vườn Tuy-lơ-ri, vẫn bấy nhiêu phụ nữ da vàng óng; vẫn bấy nhiêu tiếng động và ánh sáng trong các tiệm cà-phê; với ba xu người ta vẫn có được một miếng xì gà hung vàng phun khói biếc – nhưng tôi không còn cái ánh mắt ấy nữa, cũng như cái sức khỏe ấy nữa! Tôi không còn cái cô tư lự sung sướng, cái trí tò mò nồng nhiệt nữa; lòng tôi đầy chán chường.

Hắn tôi cũng có cái vẻ già nua mà tôi chê trách ở các bạn tôi; tôi đã già đi như họ, có khi hơn họ nữa, bởi vì tôi đã trèo cao hơn họ trên chiếc thang ảo tưởng!

Ồ! Tôi muốn quên chuyện đó đi... cười nhạo... say sưa vì chuyện khác!

Nhưng húc đầu vào đâu bây giờ?

Đã tám hôm nay chúng tôi chạy khắp các hiệu ăn đêm, đập ghế đánh người! không thể dàn hàng chống quân lính, chúng tôi bổ vào đầu dân thường. Chúng tôi đuổi theo bọn sung sướng chúng hài lòng về việc xảy ra và đang đủ đờn; chúng tôi gây sự với chúng như kiểu những thằng rồ!

Chúng tôi đóng lại, qua đêm tại các quán ăn khu Chợ.

Chúng tôi nốc rượu vang trắng, nuốt sò. Nhưng rượu đó thiêu đốt người và làm sôi lên trong huyết quản làn máu đông đặc hồi tháng Chạp!

Niềm nhớ nhung những tiếng động âm ỉ, nổi luyến tiếc đám quần chúng cộng hòa trở lại trong đầu óc tôi, xen vào cơn say thú vật của tôi, và làm cho nó trở thành hung dữ.

Tại vạ cho kẻ nào nhìn tôi và cho tôi cái cố gây gổ!

Người ta cấm chúng tôi không được làm ồn quá.

Nhưng chúng tôi tới là để làm ồn! Chính vì ở Pa-ri, bị đè bẹp và đã chết, chúng tôi không thể lên tiếng, không thể hô hào quần chúng, hét to: “Nên Cộng hòa muôn năm!” nên chúng tôi mới đến đây và chúng tôi gào hét.

Ở đây, nỗi uất ức của những kẻ bị bịt miệng trào ra, hòng chúng tôi vỡ và trái tim say mềm...

Số tiền năm trăm phorăng của tôi còn lại bao nhiêu đã tiêu tan nhanh với lối sống đó!

Tiền may quần áo, tiền đi đường, món thiếu nợ ông Mu-tông đã làm một lỗ hổng lớn.

Tôi chỉ còn vài đồng năm phorăng; tôi tìm thấy chúng nằm lẫn với những đồng xu to đầy trong các túi.

Ôi chao! tôi đã lầm!

Bây giờ tiền đã hết, tôi mới tự nhủ đáng lẽ - ngay tối - hôm mới đặt chân tới đây tôi đã phải sắm lập tức một ít đồ đạc xoàng, chớ tới một căn buồng thuê một trăm phorăng một năm mà tôi trả trước sáu tháng.

Như thế tôi sẽ có một trăm tám mươi hai đêm đảm bảo thật là của tôi! thìa khóa bỏ túi!

Tôi có thể nhìn thẳng vào tương lai.

Chà thôi! - Tôi không thể sung sướng được! Vài đồng xu thêm hay bớt!

Vả chẳng, dần dà cơn hăng xep đi, và lòng tin bị tổn thương, từ cơn thất vọng biến tính, chỉ còn lại một niềm đau đớn, một sự mĩa mai cay độc.

Tôi lại trở ra với bốn mươi phorăng hàng tháng - vẫn số tiền như hồi tôi tới gặp Matutxanh giữa nền cộng hòa và giữa cảnh sống lang thang.

Nhưng bây giờ với bốn mươi phorăng người ta không thể sống như hồi trước tháng Chạp. Vả chẳng ngay hồi ấy người ta cũng đã không sống nổi. Đã phải mắc nợ những người cung cấp thực phẩm cho Āngiolina, hoặc nợ ông Mu-tông.

Tôi có thể chịu tiền trọ trong một khách sạn khu phố La-tinh.

Nhưng không. Không nợ nần gì cả!

Tôi đã khổ sở quá chừng với món nợ A-lêc-dăng-đrin.

Vả chẳng tôi sẽ phải sống bên đám con cái tư sản ấy, chúng không có nhiệt tình mà cũng không có ngọn cờ. Tôi khinh chúng và muốn xa lánh chúng.

Tôi thích chui vào cái xó của tôi hơn: ban ngày làm việc cho người khác để kiếm vài xu cần thiết thêm vào số thu nhập khổng nạn của tôi; buổi tối làm việc riêng cho mình, tôi tìm đường, nghiền ngẫm cái tác phẩm trong đó tôi có thể đặt trái tim tôi, với những phiền muộn hoặc những căm giận của nó.

Nào Vanhtrax, hãy bước vào con đường sống nghèo khổ và cần cù! Mày không thể nạp đạn vào súng! Hãy chuẩn bị một quyển sách hay!

... Hiệu ăn Pê-tray không còn nữa.

Tôi tiếc những chiếc khăn mặt trắng, bó hoa, không khí “tiệm cà-phê” của nó. Với cùng giá đó, bọn tôi tìm đâu được một nơi có vẻ sạch sẽ, bóng dáng của sang trọng, mùi hoa thơm như căn phòng tôi đã ăn bữa đầu tiên vui vẻ và hy vọng đến thế sau khi thoát khỏi Năngtơ.

Bọn tôi tản mát mỗi người một ngả. Không còn có chỗ hẹn hò nữa. Người ta ăn một mình! mỗi người một nơi, một mình trước chiếc bàn của những hiệu bán sữa tồi tàn. Ăn một mình – Chà! người ta có cho tôi ăn cả đĩa mười xu chứ không phải nửa đĩa, tôi cũng sẽ nói: “Cất đi, bỏ rau đi, để gân lại, muốn làm gì thì làm, nhưng hãy cho tôi một người bạn để tôi có thể vừa chuyện trò vừa lấy bánh mì chùi nhẵn chiếc đĩa men xanh đến mất cả màu của nó!”

Ăn một mình...

Hãy cho tôi niềm vui sướng của một bữa ăn nghèo ngồi chung với một người bạn nghèo. Chúng tôi sẽ quên chuyện nhà bếp ám muội, đây những bí mật không tên, chúng tôi sẽ không nhận thấy bắp cải có mùi phân, và khoai tây cháy ra than, cũng như thịt bê dai, thịt bò nhũn, chúng tôi sẽ cười những cái đó nếu có hai người cùng ăn. Khi ăn một mình tôi xấu hổ, tôi khổ sở về chuyện đó. Tôi để lại thức ăn đó trong lòng nổi lên của chiếc đĩa nhỏ - dạ dày tôi không có can đảm nuốt hết vì trái tim tôi không vui ngay từ

đầu. Bữa ăn hai người, dù đậm bạc đến mấy, là bữa ăn của chiến sĩ, trò chuyện trong bùn chỗ đóng quân, bữa ăn một mình trong một căn phòng bẩn thỉu, chẳng quen biết ai và phải nuốt vôi vàng, trả tiền và đi, giống những bữa ăn của đám tù ngồi quanh một cái bàn trong quán những ngày cảnh sát giải họ đi trao cho nơi khác. Người ta đã tháo cùm tay cho họ một lúc, và họ ăn những thức xin được hoặc mua được bằng những đồng xu cuối cùng đầy rỉ xanh, đôi khi vấy máu. Nhanh lên rồi lại cùm tay! Lên đường giữa đám ngựa với chiếc xích buộc vào yên ngựa! Khi ngồi trong quán sữa lẻ loi bên cạnh những người không quen biết, tôi có cảm giác tù nhân ấy. Có tất cả cái buồn bã đó trong bữa ăn của kẻ vận áo rơ-đanh-gôt ngồi một mình trong cùng những quán ăn về giá cả thuộc giới áo b-lu-dơ, áo thợ.

Buồn thay, cuộc sống từ khi mọi người xa cách nhau!

Người ta không còn gặp nhau buổi tối như xưa nữa. Phải đi tìm nhau, trèo lên nhà người này, người nọ. Người thì vừa đi khỏi, người thì chưa về. Người này chắc ở vườn Luyc-xăm-bua, người kia ở Ô-đê-ông, nhưng dọc đường ai nấy đã thay đổi ý kiến và chẳng đi gặp ai ở Ô-đê-ông hay ở Luyc-xăm-bua. Nếu bạn ở nhà thì buồn thay, cái buồng trọ! Buồng trọ của bọn tôi mới chật chội và tối tăm làm sao, đồ đạc cũ kỹ, tường dán giấy rách nát, thiếu ánh mặt trời và thiếu không khí. Phải ngồi trên những chiếc ghế gầy, một cái hòm rỗng, như trong một ngôi nhà người ta đang lập biên bản sau cuộc vỡ nợ hoặc bên cạnh người chết. Trong buồng trọ của người nghèo, dễ muốn im lặng hơn là muốn trò chuyện. Người ta vui vẻ và linh hoạt ở bàn ăn của bà mẹ Pê-tray, ở chỗ hẹn của những bữa tiệc tám xu, chứ hai người trong một hang nhà trọ ấy thì người nọ hầu như thấy xấu hổ trước mặt người kia, vì cái bẩn thỉu và cái nghèo khổ đè quá nặng lên vai và lên tim người ta.

Thật là một điều bất hạnh khi không còn bà mẹ Pê-tray nữa.

Tôi chưa mất mát những người họ hàng mà tôi đã yêu mến – chú Jô-dep hiện còn sống, những cô bác và những cô em họ cũng thế - nhưng tôi

thấy hình như có những nơi người ta luyến tiếc như luyến tiếc một người thân. Con người mình như mất một cái gì – một mảnh đời đã tàn và để lại đêm tối trong tâm hồn.

Tôi cảm thấy lạc lõng như có một tai họa gì đã xảy ra ở đó. Tôi thiếu bức tường để tựa, thanh gỗ ngang chiếc ghế, tấm khăn giải bàn, tôi thiếu cái bắt tay suốt lượt quanh mình, nụ cười của bà chủ, và cái chào nửa chừng của anh bồi.

XVIII

BUỒNG TRỌ

Tôi từ giã bà mẹ Hô-nê-rê. Phải tìm một căn buồng hợp với khả năng của tôi. Tìm chỗ nào khoảng năm phơrăng nửa tháng.

Tôi chạy khắp nơi. Tôi không thể kiếm chỗ như mong muốn. Với giá ấy, chỉ có nhà trọ cho đám thợ nề - về phía quảng trường Mô-be.

Vì tôi vận áo rơ-đanh-gôt, nên khi bước vào nhà nào, người ta cũng tưởng tôi muốn tậu tòa nhà và người ta đã sẵn sàng làm khó dễ với tôi – Tôi sẽ cho quét vôi, trải thảm, dán giấy... Như vậy bà con nghèo sẽ đi ở đâu?...

Người ta lườm nguýt tôi. Nhưng khi tôi nói ra điều tôi muốn – tức là: một căn phòng sáu xu một ngày như cho dân thợ nề - thì người ta nhìn tôi từ đầu đến chân, vẻ nghi ngại, và người ta mau tổng tôi ra cửa. Vì nếu nhận lời tôi, người ta sẽ phải ngủ hai người với một bác thợ nề.

Tôi đã đến nhiều nhà trọ ấy, tôi đã leo lên nhiều cầu thang ấy!...

Một đôi khi tôi lằm lung tung cả.

Ở phố Pac-sơ-mi-nơ-ri, tôi ngỡ đã tìm ra nơi mình cần, thì bà chủ nhà hỏi tôi một câu đại khái có nghĩa như sau: “Có phải anh sống bằng tiền kiếm về nghề mãi dâm không?”

Tôi trả lời không, bà ta liền nói: “Vậy thì nguồn lợi của anh là gì, vậy anh không có nghề gì cả à?”

Từ trên thang gác cao, bà còn khinh bỉ nhìn tôi: “Xéo đi! Đồ lười!”

Cuối cùng tôi rơi vào một chỗ ở, mà lúc đầu người ta không muốn cho tôi xem.

Ông chủ nhà nhìn tôi từ đầu đến chân, rồi hỏi ý kiến bà vợ chứ không trả lời câu hỏi của tôi - Ở tầng nào? Có rồi ngay không?...

Ông ta gãi đầu dưới mũ cát kết và có vẻ làm những con toán lớn. Tuy nhiên một lát sau, ông cũng nói: “Tôi nghĩ có thể được đấy.”

Quay sang phía tôi: “Anh có bao nhiêu?”

Tôi ngỡ ông hỏi tôi có bao nhiêu tiền và toan trả lời.

“Tôi bảo ông là anh ấy không vào vừa mà lại”, bà vợ nói.

Họ định nhét tôi vào một chiếc hòm hay sao?...

Không, đúng là một căn buồng.

Người ta dẫn tôi đến. Tôi bước vào.

“Anh cúi người xuống. Kìa, cúi người xuống tôi bảo mà!”

Ôi chà! đau quá! – Tôi cúi người xuống không kịp, cốc đầu vào trần nhà; nghe đánh cắc một cái như người ta đập quả trứng.

Ông chủ nhà, theo bản năng, dịu dàng xoa vào chỗ tôi đau như kiểu người ta vê một viên thuốc.

“Về chiều cao, ông vừa nói vừa nhấc ngón tay ra khỏi đầu tôi như thể ông vì thích thú mà xoa nó, về chiều cao, thế là xong... Tôi biết là phải cúi người xuống, mà anh cũng biết rồi, nhưng vấn đề là chiều dài... Anh đứng hộ tôi vào góc cầu thang kia? Như vậy dễ đo hơn, anh bỏ mũ ra!”

Ông ta đo tôi.

“Tôi nói có sai đâu? Anh còn thừa được khoảng năm phân nữa.”

Thừa được năm phân! Thế là nhiều lắm! Với năm phân thừa ấy, tôi sẽ sung sướng như dân Xy-ba-rix^[58]. Có điều, đừng để mọc móng tay móng chân!

Nhà ông này thật hiền lành và có nhiều sức hấp dẫn, tuy ông ta chỉ là người bán cá rán; lò bếp của ông thì ở dưới nhà còn buồng cho thuê thì ở tầng bốn.

Từ dạo đi tìm nhà, tôi đã chạy nhiều, lê gót khắp nơi, ôi đã bị người ta hắt hủi, khinh rẻ quá lắm, cho nên bây giờ tôi vội vã chấm dứt cho xong

chuyện. Còn thừa những năm phân, thế là đủ cho tôi rồi!...

“Tôi sẽ không đi lại được, tôi vừa nói vừa cười.

- À! nếu anh muốn đi lại thì thôi, miễn nói chuyện!”

Ông ta không muốn đánh lừa tôi. Nếu tôi muốn đi lại trong buồng thì ông khuyên tôi đừng thuê căn phòng này.

Tôi gãi đầu để suy nghĩ. – mà cũng vì nó hãy còn đau. – và tôi quyết định.

- “Ông bảo chín phorăng à? Tám thôi.

- Tám phorăng rưỡi, đấy là lời nói cuối cùng.

- Thôi đây, một phorăng đặt trước, để đi lấy hòm của tôi.”

(Căn phòng nhỏ bé, nhưng phổ lại ở vào trung tâm, rất trung tâm. Tôi thường nghe nói: nên cố hết sức ở vào chỗ trung tâm. Như thế tốt hơn.

Bấy lâu tôi sống tự do, chẳng chịu nghe ai. Tôi nghĩ cần phải bỏ bớt đi, và sống như mọi người. Khi đã rở được một chỗ ở trung tâm thì đừng buông ra nữa.

Lạy Chúa, đối với những công việc tôi làm thì không nhất thiết phải ở trung tâm và phải có phố Noa-yê ở trước mặt, phố Huy-set bên trái và phố Pac-sơ-mi-nơ-ri bên phải! Tôi không thấy ngay được cái lợi lớn. Là vì tôi cũng còn là một kẻ hoài nghi, tôi còn bị chi phối bởi những thói quen sống lang thang. Căn phòng này sẽ siết chặt nó lại! Nhất định là tôi không thể tìm được chỗ nào hơn.)

Trước khi đi, tôi còn đứng dưới chân cầu thang nói chuyện thêm một phút nữa với ông bán cá rán, ông ta tán thưởng quyết định của tôi.

“Tôi chắc anh sẽ thấy dễ chịu, ông nói; và tôi... nếu một tối nào đó... tôi cũng đã qua thời còn trẻ, tôi hiểu; nếu một tối nào đó... (ông nháy mắt và hích tôi một cái) nếu một tối nào đó có chuyện tình ái xen vào... thì, miễn là nhà tôi đừng nghe thấy, còn tôi thì tôi sẽ nhắm mắt...”

Tôi đã đem hòm đến, buồng có một chỗ hòm có thể để vào đấy được. Thậm chí còn có thể thu xếp chỗ hòm ấy thành một căn buồng nhỏ.

“Người ở trọ trước thường ngồi vào đấy buổi tối để suy nghĩ, ông bán cá rán giải thích. Lúc này tôi không nói anh biết cái đó... Tôi nghĩ thầm: “Trông anh ta thông minh, tự khắc anh ta sẽ thấy”; với lại, không thể nói tất cả mọi chuyện một lần được!”

Với một căn buồng nhỏ như thế tôi tưởng có thể được lắm chứ! Nhưng tôi biết là mình có óc hay chỉ trích và tìm gián ở chỗ không có.

Miễn là không có rệp!... Cũng không chắc. Nếu có thì cũng chỉ vài ba con là cùng. Làm gì còn chỗ cho các con khác.

Sự thật là đúng như vậy! Chỉ còn thừa ra khoảng năm phân – và chẳng may, tôi lại nằm tốn nhiều chỗ.

Buộc lòng tôi phải co ngón tay lại khi muốn nằm duỗi thẳng người. Đó là một thói quen cần phải tập.

Ánh sáng ban ngày lọt vào buồng qua một cửa nhỏ trốn trên mái cửa ấy mỗi lần mở lại kêu rít như hộp thuốc lá^[59] của Rôbe Make.

Tôi muốn về nhà lúc nào tùy ý. Tôi có chìa khóa riêng.

Tôi có thể dẫn về... Ôi tình yêu!

Tôi có chỗ hòm vào kia chỉ để ngồi suy nghĩ – chứ không dùng vào việc khác được! và suy nghĩ nghiêm chỉnh, thật lâu – vì ở trong ấy chẳng vui đùa gì được, và mỗi lần chui ra thì thật là gay go.

Khi nào bữa tối chỉ có bánh mì không, tôi thò tay ra ngoài cầu thang để miếng bánh đượm mùi cá rán sặc đầy.

Tôi không ăn cắp của ai mà bánh ăn vẫn có chút vị cá thay cho thịt. Tôi còn phàn nàn về nổi gì nữa?

Giả thử tôi rơi vào một trong những căn buồng to buồn bã ấy, tha hồ chỗ để mà đi lại!

Nhưng đi lại, rồi thì sao? Đi vợ đi vẫn mãi, chứ không suy nghĩ! Nhún nhảy, đưa chân qua bên trái bên phải trong một cái giường to – như một gái điếm hay một tay làm trò nhào lộn!

Thứ sáu, 7 giờ tối.

Chắc ở dưới nhà họ đánh rơi một con cá bơn vào lửa! Mùi nồng nặc – mà con cá chắc cũng không tươi lắm!...

Thứ bảy, 7 giờ sáng.

Này! Một trong hai chú rệp của tôi!

Đừng có ồn ào.

Tôi sống như thế, không làm ồn ào, trong căn buồng nhỏ của tôi.

(Cậu đã tìm được nhà ở rồi à, ông C... hỏi tôi, ông là người bảo chứng^[60] của tôi và biết chuyện tôi đang tìm nhà.

- Thưa ông, vâng, phố... giữa phố Pac-sơ-mi-nơ-ri và phố Noayê.

À! Chỗ ấy *trung tâm lắm!*

Tôi không xui ông ta nói! Phải chăng tôi có tài tìm nhà, có bản năng về địa hình học: cái bấu^[61] về môn trung tâm; bấu thì không thiếu, sáng nào cũng bị một bấu. Tôi không hiểu tôi có bấu về địa hình học không. Đường như có. Có lẽ chính là cái bấu đang chảy máu).

Mọi sự đều ổn thỏa. Tôi không có gì để ăn nhiều, nhưng tôi tự nhủ nếu mình sống cuộc đời của kẻ phàm ăn, người sẽ béo ra, và sẽ không thể chui vào *cái buồng suy nghĩ* của tôi.

Tôi chỉ còn hai mươi một xu cho đến cuối tuần; thứ bảy người ta sẽ trả tôi hai phở rã mà tôi cho một cậu chắc chắn vay. Chắc chắn? Cũng chắc chắn như người ta có thể chắc chắn về bất cứ ai trên đời này.

May là tôi có thể ăn chịu được chút ít ở nhà dưới. Tôi tin là ông bán cá rán cho tôi – ăn cá đuối mà khách chê – đằng nào thì ông cũng đưa cho tôi những đầu cá, rất nhiều đầu.

- Anh thích đầu cá, anh bảo tôi thế mà?

Tôi đã làm họ tưởng mình thích đầu cá, để được ăn chịu. Tôi không dám mua chịu một đĩa cá rán với những con cá ý như người ta đã câu được, có cả đầu, mình và đuôi. Đó là cá của những người trả tiền ngay. Đó là các của những kẻ khá giả!

Tôi đã nói:

“Khi nào có đầu cá ông để cho tôi, tôi thích đầu cá nhất.”

Vậy mà hôm nọ, tôi đã bị một bữa sợ. Có một người vẻ mặt như mặt thám ngòi trong cửa hàng. Người ta gọi tôi trước mặt hẳn là *người đòi những đầu*, như thế cũng đủ để làm tôi bị bắt.

Lơgrăng nay ở đâu?

Cứ nghe người ta nói thì hiện anh đang sống trong xã hội thượng lưu. Có người ở Năngtơ mang đến cho anh, do mẹ anh gửi, một chiếc hòm ních đầy những bút tất, với một bộ com-lê^[62] một đặc biệt, và một chiếc mũ phớt mềm mới toanh!

Người ta nói!... Biết bao nhiêu lời đồn đại.

Một bộ com-lê, một mũ mềm mới toanh!

Người ta còn nói có năm liv-rơ^[63] bơ mận, anh ta nên đem đến cho tôi một ít trước khi đi vào xã hội thượng lưu! Người ta giao du với giới thượng lưu, người ta phô vẻ duyên dáng của mình, người ta ăn mặc lịch sự, và người ta mặc bạn bè sống một mình trong hõm tường của họ.

Tôi không làm gì Lơgrăng để anh phải giấu bơ đi. Mà anh thừa biết một nửa góc cân sẽ giúp ích cho tôi.

Tôi trải qua những ngày rất dài và những đêm rất ngắn – quả là ngắn về phía chân – Năm phân thừa thật chẳng nhiều gì lắm!... Thật là tẻ ngắt, gần như nhục nhĩ mà phải sống như có sung, bụng thì rỗng... Nó kêu lên, cái dạ dày, ruột thì ùng ục! Và bởi căn buồng nhỏ xíu, nó làm anh điếc tai.

Tôi vẫn chỉ có cái ngón quen thuộc là cá của nhà dưới. Nó bắt đầu làm tôi phát kinh! Tôi đã có nghị lực hỏi lấy những khúc đuôi – không phải lúc nào cũng khúc đầu! Người ta cho tôi những khúc đuôi... thì vẫn là món ấy; tôi ngỡ như ăn nến tẩm bột. Tôi chắc rằng với một cái bấc thì một con cá ấy thấp sáng được suốt đêm.

Ai đấy?

Tôi ngủ, hai chân giơ lên trời! Tôi đã chế ra một dụng cụ nhỏ - như người ta thường mắc ở các bệnh viện để người ốm treo tay vào đó. Tôi thì tôi không treo tay, mà là treo chân.

Tôi làm một bản đu nhỏ cho hai chân – như vậy đỡ mỏi rất nhiều.

Tôi ngủ, hai chân giơ lên trời...

Và đưa con hoang trở lại (Kinh thánh câu II).

Có người gõ cửa buồng tôi – người đó ầy cửa vào – Lơgrăng! Tôi không nhúc nhích! Một người đã nhận được từ quê gửi ra hai tá bút-tất – một bộ com-lê – một chiếc -mũ mềm – mới toanh – năm liv-rơ bơ mận – mà mất mặt suốt một tháng ròng không thấy tăm hơi!... *Tôi-không-nhúc-nhích!...*

Để tự hăn hiểu như vậy nghĩa là thế nào; hăn có mếch lòng cũng mặc.

Nhưng Lơgrăng không vận quần áo mới, anh ta thật là xơ xác.

Phải tha thứ hết cho người nào đã đau khổ.

Lơgrăng đã không lao vào tay tôi – không có chỗ, trần thấp quá. – Tôi chẳng đòi hỏi thế. – Vô số lý do! – Anh không lao vào tay tôi, nhưng anh đã kể hết; anh đã thổ lộ ruột gan với tôi!...

Câu chuyện của Lơgrăng thật là thảm hại! Chính vì một *mối tình tầm phơ* mà anh khốn khổ.

Lơgrăng *yêu* mà chẳng nói với ai. Nhận được các thức ở nhà gửi ra, anh đem tới gia đình *người quen của anh*, họ đã lấy bơ, quần áo, mũ, bút-tất của anh, rồi tổng cổ anh ra đường.

Anh có thể đi kiện, nhưng anh không muốn; anh thấy tởm khi phải vấy bẩn lên một kỷ niệm yêu đương.

Trong khi chờ đợi, anh chẳng còn gì để đeo vào người và cho vào miệng, và anh đến xin ở nhờ tôi một chút.

Một con cá bơn nhỏ nữa, nếu có thể... anh đang đói lắm...

Tôi đã tha thứ cho anh.

Tôi rất muốn thết anh một bữa ăn thịnh soạn! Nhưng không thể!

Thậm chí khó khăn lắm tôi mới lấy được của nhà dưới một con cá bơn nhỏ cho anh và đầu cá mee-lăng cho tôi.

Bây giờ anh muốn đi nằm.

“Vừa ăn xong đã nằm mà cậu không sợ à?”

Đi nằm ư? Không có cách nào cả! Thế nào cũng phải một người hoặc nửa người thò ra ngoài cầu thang!

Tôi thì thừa ra được năm phân... Lơgrăng thì quá một cái đầu! Hai tay anh ôm lấy nó, anh những muốn bỏ được nó vào túi!

“Vô ích, anh bạn ơi! Nhưng không nên nản lòng, nào, ta hãy tìm cách.”

Tìm mãi, chúng tôi thấy rằng anh có thể để chân ở bên trong, nếu anh bằng lòng mở cái ổ trên mái để thò đầu qua đấy.

Anh thử. Người ta có thể tưởng có án mạng, có chiếc đầu lâu vút trên ấy; nhưng chiếc đầu lâu này cử động; những người hàng xóm ở các buồng sát mái, thoát tiên ngạc nhiên, nhưng rồi yên tâm và buổi sáng lại còn chào anh nữa.

Lơgrăng sợ bị mèo cào mặt.

Cố nhiên mọi sự không phải toàn một màu hồng. Khi đã đến cái nước như bọn tôi thì cũng không nên đòi hỏi sang trọng!

Và Lợgrăng sống như vậy, khi thì đầu thò lên mái nhà, khi thì chân thò ra hành lang, vào những hôm không có *cầu thang*. Người ta cù vào gan bàn chân anh khi lên cầu thang, và cái đó làm anh khóc chứ không cười, vì cô bạn quý của anh cũng đã cù anh (ấy là để lấy bớ) và cù ki vào cổ anh.

Dù sao anh cũng đang đói, anh lại không có khả năng làm việc gì ra tiền bằng hai mươi ngón tay ngón chân, mà mười ngón trong lúc này lại bị co rút.

Anh không sinh trưởng trong nghề dạy học và anh đâm hoảng khi nghĩ tới việc trở thành giám thị... Bao giờ anh có tiền, anh sẽ ném lên mặt bàn mà nói:... của chúng mình! Không những người anh dài mà anh còn rộng, theo nghĩa tốt của từ đó. Trong khi chờ đợi, tôi tuy nghèo hơn anh, tôi có thể, với tư cách là đứa con nối nghiệp học đường của cha, kiếm được nhiều hơn cho *quỹ chung*.

Tôi lại phải lên đường để tìm việc hòng kiếm sống cho hai đứa bằng *học thức của tôi*. Bởi vì về cái món học thức thì tôi có!

XIX

KÝ TÚC XÁ ẰNG-TÊ-TA

Đúng vậy, phải kiếm sống cho Lợgrăng và cho bản thân tôi; tôi có trách nhiệm về sinh mạng; tựa hồ như tôi đã có con vậy.

Tôi tới nhà lão Fiêc-manh, tay chuyên nghề tìm việc mà hồi xưa tôi đã tới gặp với Matutxanh, nhưng bây giờ, lúc đầu, lão không nhận ra được tôi – vì tôi đã có ria mép.

Tôi nói cho lão biết ý định làm nghề dạy học.

“Nhưng không phải múa! Khốn khổ cho anh, lúc này thì anh chẳng tìm được việc gì đâu.”

Phải tìm cho ra! Lợgrăng đói – tôi cũng đói...

Lão Fiêc-manh tiếp tục khuyên tôi đừng dạy học vào cái thời kỳ rất bất lợi trong một năm.

Lão không biết rằng Lợgrăng đã *yêu* và bây giờ chúng tôi phải gánh lấy sự trừng phạt, Tất cả bơ mận đã nằm trong tay *người quen biết*, và bọn tôi đang thiếu bánh mì!

“Thôi được, anh đã nhất quyết như thế thì tôi sẽ tìm cho anh một việc gì vậy.”

Lão giở sổ ra.

- “Anh có muốn đo Acpajông không?
- Tôi muốn không rời khỏi Pa-ri.
- Chà! Ai cũng thế cả... Pa-ri! Pa-ri!...”

Lão tiếp tục lật các trang sổ...

“Anh bạn thân mến ạ, không có gì ở Pa-ri – không có gì hết!... chỉ có một chỗ *dạy cơm không* ở phố Sô-pi-nel – tại gia đình Uy-gô-lin – chúng tôi gọi là Uy-gô-lin vì ở nhà ấy thì chết đói.

Tôi không thể nhận cơm không – vì cơm không thì tôi sống, mà Lơgrăng chết.

Bà Fi-êc-mạnh bàn góp vào.

- “Ông Fi-êc-mạnh này, ở chỗ *người ta thối còi* ấy?

- Nhưng có lẽ ông Vanhtrax không muốn một chỗ *người ta thối còi*?”

Tôi không hiểu họ nói chuyện gì. Nhưng sợ làm rắc rối thêm tình hình, tôi tuyên bố rằng trái lại, tôi rất thích chỗ đó. “Một chỗ *người ta thối còi* chính là cái tôi vẫn mơ ước”. Rồi ta sẽ xem nó là cái gì! Trong khi chờ đợi, phải có cái ăn cho Lơgrăng; tôi không muốn thấy xác lạnh của anh trong giường tôi: đêm tôi sẽ không ngủ được.

“Thôi được! đây là thư viết cho ông Ăng-tê-ta, ở phố Va-nô. Anh được ăn bữa trưa ở *chỗ dạy học* và mười lăm phơrăng một tháng.”

Ăn trưa ở *chỗ dạy học*!... mười lăm phơrăng một tháng – vậy là mười xu một ngày. Ôi chao! Lạy Chúa! Tháng này có những ba mươi mốt ngày!...

Tôi cầm bức thư viết cho ông Ăng-tê-ta và tới phố Va-nô.

HỌC HIỆU ĂNG-TÊ-TA

Một cổng ra vào lớn với hai cánh.

Buồng người gác cổng ở bên tay trái.

Tôi bước vào – Bà gác cổng đang ninh món sách bò.

“Tôi muốn hỏi ông Ăng-tê-ta?”

Bà nhìn tôi từ đầu đến chân có vẻ nghi ngại và tròng trĩnh chưa muốn trả lời. Cuối cùng bà tưởng như nhận được ra tôi.

- “À! anh đã tới vì chuyện quần đùi đấy phải không?

- Bà lầm rồi...

- Đúng, đúng, tôi nhận ra anh mà lại!

- Tôi cam đoan, thưa bà...

- Thế vì chuyện xúc-xích phỏng?”

Tôi cố giải thích mục đích cuộc thăm của tôi.

- “Tôi truyền bá học vấn...”

- Thôi đi, thôi đi!” bà lắc đầu ra vẻ ranh mãnh.

Không có cách nào vào được. Bất khả!

Tôi thất vọng, lượn quanh trước cổng! Tôi tìm cách xem có thể trèo qua tường được không!...

Trong lúc lượn quanh, tôi thấy một ông to béo bước vào, và một phút sau, bà gác cổng bỏ ninh sách đi ra.

Người to béo kia là “ông” gác cổng. Có khi bác ta dễ tính hơn bà vợ.

Tôi lại quay vào buồng gác cổng và nói rất nhanh trường hợp của tôi, lần này tôi đưa tên người tìm việc ra trước.

“Tôi đến...”

Bác ngắt lời tôi, vẻ như đã biết chuyện:

- “Anh đến vì chuyện xúc-xích chứ gì?

- Không, một Sở tìm việc làm giới thiệu tôi đến để làm giáo sư. *Ăn sáng ở chỗ dạy học* và mười lăm phơrăng một tháng.

- À, à! Anh nói thật chứ?

Tôi cam đoan là mình nói thật.

- Thôi được! anh vào trong kia, chỗ cuối sân, về bên phải.

Chắc ông Ăng-tê-ta hoặc bà vợ có ở đấy. Anh sẽ trình bày việc của anh.”

Tôi đi qua sân – Sao mà im ắng vậy!...

Tôi như thoáng thấy một bóng người chạy trốn khi tôi đến gần. Hình như tôi nghe thấy nói: “Hắn đến vì chuyện mứt đấy!”

Tôi gõ cái cửa bác gác cổng đã chỉ cho tôi.

Tôi cứ vào thẳng – mặc kệ!

Hình như có một con mắt dán vào lỗ khóa – một con mắt thao láo, như mắt vẽ ở gáy các đồ sứ.

- À! thẳng nhóc!

Người ta mở cửa cho thẳng nhóc...

Tôi xông vào, và xin vừa đặt chân vào, tôi thét ngay tên ông tìm việc lên thật to:

- Ông Fi-êc-manh!...

Tôi thét to như người ta gọi số xe ngựa ở cửa một buổi vũ hội! Tôi thét to mà không nhằm nói với ai cả, đầu ngẩng cao, mắt nhắm lại để tỏ rằng tôi không phải là một tên mật thám và tôi không đến vì chuyện quần đùi, xúc-xích, hay chuyện mút.

Tôi nhắc lại, mắt càng nhắm nghiền, như thể có xà phòng trong mắt:

- Ông Fi-êc-manh, ông Fi-êc-manh!

Một bàn tay nắm lấy tôi, và tôi cảm thấy người ta dẫn tôi vào một gian buồng nhỏ.

“Anh đừng kêu to quá như thế!...”

Tôi làm thế với ý định tốt thôi.

Cuối cùng tôi đã ở trước mặt ông Ăng-tê-ta, ông ta nhìn vào bức thư của lão Fi-êc-manh, và bảo tôi:

“Thưa ông, ông biết rõ các điều kiện rồi đấy, mười lăm phơrăng một tháng, ăn bữa sáng ở lớp học và ông cung cấp còi.

Tôi nghiêng mình – định bụng không ngạc nhiên vì bất cứ chuyện gì.

Ông Ăng-tê-ta lại nói thêm.

- “Một ý kiến! Ông có khái tính không?”

Tôi ngờ ông ta ưả những người có bản chất kiêu kỳ, hăng hái.

- “Vâng, thưa ông, tôi khải tính.”

Tôi cố làm cho có một tia sáng trong mắt. Tôi ngừng đầu mặc dù chiếc cổ bằng giấy làm tôi rất khó chịu.

“Thế à! nếu ông khải tính thì thôi. Ở đây không dùng được những người khải tính.”

Tôi run cho Lơgrăng, lúc này tôi cầm tính mệnh anh trong tay!

- “Khải tính cũng có ba bảy loại...”

Tôi đưa vào giọng nói những tiếng kêu cứu của người chết đuối!

- “Thôi được, xem ra ông không phải như thế - không quá mức cần thiết bao giờ cũng vậy. Mai ông đến đây vào bảy giờ sáng; nhớ mang còi đến...”

Còi to hay còi nhỏ? – tôi không rõ.

Gặp thứ nào tôi mua thứ ấy, bằng gỗ màu vàng, có vẽ hoa thối cả ra lười.

Bảy giờ sáng hôm sau tôi đến.

“Ông kéo chuông và thổi còi ba lần!” Bác gác cổng đã dặn tôi từ hôm trước.

Tôi tới nơi, kéo chuông và thổi còi! tôi có vẽ một tên tướng cướp.

Người ta mở cửa cho tôi. Tôi đến hơi sớm một chút.

“Không hại gì, bác gác cổng nói, để tôi mặc quần áo; ông ngồi đây.”

Bác mặc áo sơ-mi trần nói chuyện với tôi.

- Ông xem tôi như thế này đây, tôi làm gác cổng Học hiệu từ mười năm nay; suốt chín năm trước là một ông khác không phải ông Ăng-tê-ta cai quản cái tiệm này – Ông đó làm ra vàng, ông ạ! – Nhưng ông Ăng-tê-ta là một người vụng về đã mất khách, mang công mắc nợ ngay, và được đến đâu hay đến đấy!... Ông ta sa lầy đến nỗi phải mua chịu quần đùi để bán lại, và phải cho học trò ăn toàn xúc-xích Đức làm chúng xót chấy cả ruột. Ấy, bà nhà tôi biết hết!... Ông ta chưa trả tiền quần đùi, xúc-xích cũng

chưa! Ông ta đã không trả, ông ấy sẽ không trả ai cả, không một ai hết! Ông ấy nợ cả Chúa lẫn quỷ sứ, nợ hàng quần đùi, hàng xúc-xích, hàng sữa và hàng cỏ khô...

- Cỏ khô?

- Cho con ngựa – có một con ngựa và một chiếc xe, ông không biết à? Buổi sáng người ta đánh xe đi đón học trò, chiều tối lại đưa học trò về nhà. Tôi làm gác cổng kiêm đánh xe. Vậy ra là ông sắp làm giáo sư kiêm bảo mẫu à?”

Quả nhiên tôi làm *bảo mẫu*, buổi sáng và buổi chiều. Còn suốt trong ngày tôi làm giáo sư.

Buổi trưa, tôi ăn bữa sáng tại chỗ, tức là trong lớp học.

Hôm đầu, niềm kinh ngạc của tôi thật sâu sắc, bao la. Người ta đem đến cho tôi ít mứt nho đựng trong một chiếc đĩa kê chén, với một khoanh bánh mì để ở cạnh đĩa.

Mứt là món đầu tiên ư?...

Món đầu và món cuối! Mứt nho, có vậy thôi...

Ngày thứ hai, khoai rán.

Ngày thứ ba, hạnh đào!

Ngày thứ tư, một quả trứng!...

Quả trứng này đã làm tôi lại sức – (cứ năm hôm, người ta lại cho tôi một quả trứng, để tôi khỏi chết).

May sao ổ bánh mì lại to – nhưng vợ chồng Ăng-tê-ta không trả tiền đều ông hàng bánh, nên ông này cung cấp cho họ thứ bánh mì có nhiều cốt giấm.

Trường chỉ có những học sinh ở nửa ký túc xá, chúng đem theo làn đựng bữa trưa và đến trưa thì ăn tại lớp – một bữa ăn có mùi thịt thà ngon lành!

Tôi thì tôi nhai ngấu nghiến chiếc bánh mì của tôi với một giọt mứt đinh râu, hoặc với quả trứng làm giọng tôi trong ra. Giá tôi muốn làm ca sĩ giọng nam cao thì rất tốt; nhưng tôi không muốn làm ca sĩ.

Tôi cảm thấy như tôi đói hơn là không ăn gì.

Qua tám ngày, không ai còn nhận ra tôi nữa; quả là tôi đã được ăn lòng trắng trứng thật – và người ta bảo lòng trắng trứng rất bổ. – Nhưng lòng trắng của một quả trứng độc nhất trong bốn ngày, thật là quá ít đối với tôi.

Buổi tối, Lơgrăng với tôi tiêu chín xu cho bữa súp tối, chín xu!... Chúng tôi đã bán non tháng lương cho một lão cho vay nợ lãi, và lão đưa chúng tôi chín xu, để cuối tháng chúng tôi trả lão thành mười.

Chính là lão Tuy-êc-kê bán cá rán, chủ nhà tôi trọ, đã giới thiệu lão ta với chúng tôi. Chúng tôi rất muốn được trước cả mười ba phơrăng mười xu một lần. Như vậy chúng tôi sẽ dự trữ được thực phẩm; mua cả mớ rẻ hơn nhiều; mua xỉ rất tốn. Nhưng nhớ tôi chết đi...

Lão chủ nợ chỉ dám liều xuất vốn ra dần dần thôi, tối nào tôi cũng buộc phải tới lĩnh tiền. Những hôm ăn trứng, mặt tôi khá tươi tỉnh và lão có vẻ yên tâm... nhưng những hôm ăn mứt nho, lão ta run...

Vậy là tôi đi xe ngựa đón và đưa lũ trẻ con tận nhà.

Tôi đã dùng hỏng mất một chiếc còi.

Nhiệm vụ của tôi là thổi còi trong sân các nhà, để báo đám phụ huynh.

Đây, tôi dẫn con trai ông về đây...

Tôi thổi còi. Trẻ con xuống xe.

Bà mẹ rửa ráy qua quít cho đứa bé... Bà ta chẳng phải chỉ có mình nó, phải không? Người ta đã quên những chăm sóc nhỏ nhặt!... Bà mẹ thường đứng ở cửa sổ réo tôi:

- Ông làm ơn hỉ mũi cho cháu hộ tôi!

Tôi cầm chiếc mũi nhỏ của lũ trẻ ngây thơ ấy trong chiếc mùi-soa và cố để khỏi làm chúng bị sây sát...

Nói chung đám trẻ không phàn nàn về tôi; một vài đứa còn chờ để tôi hỉ mũi cho, và thơ ngây giơ mặt ra cho tôi; nhiều đứa thích cách hỉ mũi của tôi hơn cách của mẹ chúng.

Bao giờ cũng có những kẻ bất công... một vài phụ huynh kêu lên:

- Đừng làm mạnh thế! Ông định dứt đứt mũi thằng A-đôn-phơ đấy à?

Không, tôi dùng mũi ấy làm quái gì!

Mặc dù một vài chuyện bội bạc ấy, tôi vẫn được mọi người quý, rất quý.

Người ta còn tỏ ra tin cần đối với tôi không như đối với tất cả mọi người.

Nhiều đứa trẻ đó còn nhỏ - nhỏ lắm – quần áo xẻ đũng như quần tôi hồi xưa, lạy Chúa!

- Ông ơi, ông nhét hộ áo sơ-mi vào cho cháu.

Tôi mới vào nghề nhà giáo, cuối cùng sẽ có một sự nghiệp đẹp đẽ, phải làm tròn mọi việc cần làm, và phải chú ý chiều lòng mọi người ở bước đầu!

Tôi nhét áo sơ-mi vào cho đứa bé.

Người ta có vẻ hài lòng – tôi khéo tay trong việc này, làm gọn, đường như có hoa tay, như người phụ nữ lấy ngón tay nhẹ nhàng uốn chiếc nơ hoặc miếng giấy cuộn tóc. Khi nào tôi làm thì người ta nhận ra ngay.

- Cái nhà ông Vanhtrax! (người ta đã biết tên tôi, việc đó đã làm tôi nổi danh), không ai bằng ông ta, ông ấy có cái cách, cái kiểu nói khéo... Nhất ông ấy đấy!...

Một đôi khi người ta xông xáo vào đón đầu ngựa: đấy là cánh Quần đùi. Một người thứ hai đâm bổ vào cửa xe: đấy là đám Xúc-xích, hung dữ, nóng nảy, rướn mình hăm dọa và kêu đói!... Đám Quần đùi thì kêu rét.

Người ta gây sự với tôi, như thể chính tôi đã đặt mua xúc xích với quần đùi.

Cảnh đó kéo dài khá lâu.

Mọi người ngỡ là cướp đường, họ xúm lại... may thay cảnh sát tới can thiệp.

Tôi đã phải dẹp chính kiến lại, hạ cờ xuống, và tôi – một người cộng hòa – tôi đã phải cầu cứu một tên cảnh sát của Đế chế... Chẳng thà tôi phải hỉ mũi cho mười bốn đứa trẻ trên sân khấu, nhét mười bốn chiếc áo sơ-mi nhỏ vào quần ở hậu trường. Người ta không phải bao giờ cũng được làm những điều chính mình thích.

Khéo nhất là tôi.

Điều lạ, và tôi lấy làm hài lòng như một triết gia là tôi không vì thế mà kiêu; tôi vẫn giữ được nguyên cái tính khiêm tốn. Tôi lẳng lặng làm bốn phận của mình trong sân các nhà với chiếc còi, với chiếc mùi-soa... Và tôi sử dụng cái hoa tay của tôi, chẳng vì thế mà kiêu hãnh hơn và chẳng lung túng như vô khối người khác, những người miệng luôn luôn khoe khoang mà không bao giờ bắt tay vào việc.

Cuối tháng

Ngày cuối tháng đã đến. Tối nay tôi sẽ được lĩnh mười lăm phở rắng.

Niềm vui lành mạnh được nhận số tiền kiếm xứng đáng – tôi có thể nói kiếm xứng đáng, vì mười lăm phở rắng ấy biểu thị công sức của hai người – một công việc đàn ông và một công việc đàn bà: truyền bá học thức, nhét áo sơ-mi vào quần.

Sáng nay tôi không lơ là, mà cong làm bốn phận của mình quá đáng.

Không một chiếc mũi nào, không một vạt áo sơ-mi nào, có thể hếch lên để chê trách tôi được! Con người ta khi thuận với lương tâm thì thấy mình khỏe lắm.

Nhưng tôi đợi ông Ăng-tê-ta mãi không thấy ông ta gọi; đã đến giờ lên xe rồi mà tôi vẫn không thấy mặt ông đâu.

Tôi đi mà không lĩnh lương.

Về tới nhà thật là kinh khủng.

Lão cho vay lãi đã ngồi đó: cả Tuy-êc-kê nữa. Ô! Chắc là hai lão này cạnh ti với nhau!

Tôi giải thích là người ta quên, có sự chậm trễ... và xin khất đến mai.

- Không được tiền thì đành nhận lời xuống vậy! Lão chủ nợ lâu bầu.

Thứ năm, 5 giờ.

Không thấy ông Ăng-tê-ta lộ mặt ra!...

Dấu hiệu khác: hôm nay là ngày ăn trứng, tôi chỉ nhận được một quả. Đây là bữa ăn trứng thứ ba trong tuần. Người ta muốn làm cho tôi kiệt sức.

Tôi rình qua cửa kính lớp học... từng khắc đồng hồ trôi qua, trôi qua... Ăng-tê-ta không về.

Lão chủ nợ sẽ nói sao?...

Tôi không dám về nhà, tôi đi xuôi bến tàu, dọc theo sông Xen. Khi tôi về đến nhà thì đã nửa đêm. Tôi nghĩ là mọi người đã ngủ!... Lơgrăng không khéo đã chết...

Họ đã ngủ thật rồi, Lơgrăng vẫn còn sống; nhưng chỉ có Chúa người hằng trông thấy đầu anh qua lỗ cửa – chỉ có Chúa biết anh đã đau khổ đến chừng nào! Anh nói cho tôi biết những nỗi lo lắng của anh.

- Mỗi giờ như một thế kỷ, cậu thấy không!

Hôm nay đến lượt tôi nằm giường, nhưng tôi lại nằm thò ra cầu thang để người đầy tớ gái đánh thức tôi dậy sớm, bao giờ cô ta cũng cù vào chân chúng tôi khi xuống cầu thang.

6 giờ sáng.

Bầu trời còn nhợt nhạt, đêm vừa mới tàn. Tôi sắp sửa lên xuống thang gác thật êm đềm để lánh mặt lão Tuy-êc-kê, trốn lão cho vay nợ lãi! Tối nay tôi sẽ có tiền, chứ sáng nay tôi biết trả lời họ ra sao?

Thứ sáu.

Cái ngày!

Tôi trông thấy Ăng-tê-ta. Tôi bước tới để nói chuyện với ông.

- “Bận lắm, lúc này bận lắm!”

Ông xua tôi đây đây...

- “VẬY chiều nay chứ?

- Ừ, ừ! Chiều nay!...” và ông biến mất.

Sáu giờ rồi! – Ăng-tê-ta đâu?

Bác đánh xe gọi tôi...

Làm sao bây giờ?

Tốt nhất là đừng để ông ta có cơ chạm tiền mình. Tôi đưa trẻ về nhà, rồi sẽ quay lại.

7 giờ.

Tôi đã đưa trẻ về nhà. Tôi vội vàng phóng trở về học hiệu.

Ăng-tê-ta đâu? Tôi gọi!

Tôi gọi như người ta gọi đứa trẻ lạc trong rừng trong các chuyện cổ tích của thầy tu Smit.

Tiếng vang đáp lại Tê-ta, chỉ có Tê-ta! Còn *Ăng-tê-ta* thì không thấy đến.

Nhưng chắc vợ ông ta phải có nhà.

Tôi thấy có ánh sáng lọt qua cửa sổ. Tôi liền tới gõ cửa sổ...

Không ai ra mở cửa cho tôi.

Gõ một lần, hai lần!

Tôi ẩy cửa vào. Mặc kệ! Phải trả tiền cho tôi.

Đèn đỏ.

Tôi đang ở Sở cấm, bị buộc tôi là đã dùng vũ lực đột nhập nhà bà Ăng-tê-ta và đuổi theo bà ta vào tận phòng ngủ, nơi bà chạy vào để trốn tôi.

Bà đã đóng một cửa, hai cửa! Tôi đập tung cửa; tôi hét lên: Mười lăm phơrăng! Mười lăm phơrăng!

Vừa chạy bà vừa cởi quần áo ra, tôi không hiểu tại sao.

Khi mọi người nghe tiếng bà kêu chạy đến thì trên người bà chỉ còn mỗi cái váy lót và một chiếc áo nịt nhỏ.

Vậy thì chúng tôi phải ra Sở cấm.

Ông Ăng-tê-ta xuất hiện...

Ông chui ở đâu ra không biết, vể phiến muộn, và xông vào buồng riêng của viên cấm. Người ta tránh không để ông đi gần tôi; người ta sợ xảy ra chuyện ô nhục và đau đớn.

Con “chó” của viên cấm theo chân ông ta vào buồng nhưng lát sau con chó ấy quay ra, tới gần tôi, đặt một bên đít trên ghế dài và thì thầm bảo tôi, có vẻ thân thiện và hiểu biết:

“Anh có tiền không?”

!!!!

- Vì rằng nếu anh có tiền thì chuyện này có thể thu xếp ổn thỏa được.

- Vậy là không thu xếp ổn thỏa được à?...”

Có tiếng nói lọt qua cửa:

- “Cho tên Vanhtrax vào.”

Tôi vào.

Viên cấm ra hiệu bảo tôi ngồi rồi bắt đầu:

- “Anh bị bắt do đơn kiện của bà Ăng-tê-ta, bà ta đã phải chạy từ buồng nọ sang buồng kia để thoát khỏi trò quỷ ám của anh, cho tới lúc bà tìm được cách đóng sập cửa nhốt anh vào một căn phòng nhỏ. Cảnh sát đã tới tìm anh ở trong căn phòng ấy...”

- Thưa ông...

Viên cấm chưa nói xong, còn một câu nữa:

- Chúng tôi đã từng xử những kẻ bị tình dục lôi cuốn lẫn xả và những người đàn bà lương thiện; nhưng nói chung họ chọn những người đàn bà đẹp. Bà Ăng-tê-ta thì lại xấu...

Tôi gật đầu tỏ ra hoàn toàn đồng ý.

- Bây giờ anh mới nói thế, viên cầm vừa nói vừa gật gù... Nhưng còn một điểm cần làm cho sáng tỏ! Người ta đã nghe thấy anh kêu lên: “Mười lăm phơrăng, Mười lăm phơrăng!” Anh định cho mười lăm phơrăng hay định đòi mười lăm phơrăng? Ở đây chúng tôi chỉ cần sự việc thôi. Nếu bà Ăng-tê-ta vẫn có lệ cho anh mười lăm phơrăng vì các trò ái ân tội lỗi của anh, thì như vậy tốt cho anh hơn; trường hợp của anh sẽ đơn giản đi nhiều; anh sống bằng nghề mãi dâm, có vậy thôi; lời buộc tội sẽ giảm tính chất nghiêm trọng đi rất nhiều.”

Sống bằng nghề mãi dâm! – như ở phố Pac-sơ-mi-nơ-ri à! – Như vậy còn hơn, chính viên cầm nói thế!

Ồ! Không thể được!

Tên tôi không còn là Vanhtrax nữa, mà là Lơ-xuy-êc-kơ^[64].

Tôi yêu cầu được phục hồi danh dự.

Tôi bắt đầu trình bày – “Chiếc còi, khăn mùi-soa, áo sơ-mi, món mứt nho!”

Trông cử chỉ nhét áo sơ-mi vào quần của tôi viên cầm thấy rõ là tôi có thói quen làm đom hơn thói quen đi bợm.

Viên cầm mỉm cười.

Tôi nói rõ hết!... Tôi vạch ra những quần đùi, tôi moi ra những xúc-xích, tôi chỉ rõ bằng những con số rằng tôi đã làm hết tháng vào ngày hôm kia. Tôi đưa ra những bằng chứng xác thực. Ông Fi-êc-manh, người tìm việc làm chứng rằng giá cả đã định là mười lăm phơrăng!

Đó là nguyên nhân tại sao tôi kêu: “Mười lăm phơrăng, mười lăm phơrăng!” chứ không phải là trả tiền để mua ân ái, cũng không phải đòi tiền

về các trò ân ái do tôi cung cấp từ trước.

“Vì bằng thế thì tôi sẽ đòi đắt hơn, tôi mỉm cười.

- Hà! Thế là được giá đấy!... Nhưng đấy là vấn đề hai bên mặc cả với nhau.”

Viên cầm nghĩ một lát và nói tiếp:

“Tôi tin là anh vô tội. Với những hạnh đào, khoai tây rán và mứt nho, tình dục của anh phải êm dịu hơn là hăng hái... Cứ bốn ngày anh được một quả trứng thật đấy, nếu anh khai đúng - và nếu anh chứng minh được rằng ba hôm nay anh chưa được ăn trứng - thì không một thầy thuốc nào sẽ kết luận là có mưu toan cưỡng dâm được.

- Đúng thế phải không ông?

- Thôi ta nên dập tắt việc này! Tôi chỉ khuyên anh là thôi, đừng đòi họ mười lăm phơrăng nữa.

- Nhưng, thưa ông, tôi không phải chỉ có một mình!

- Anh có vợ à, gay nhỉ!

- Không, nhưng tôi phải nuôi một đứa trẻ mồ côi.”

Tôi nói dối Lơgrăng là trẻ mồ côi - tôi hy vọng sẽ gọi được lòng thương! Nhưng rồi phải xí xóa chỗ mười lăm phơrăng; nếu tôi không xí xóa, vợ chồng Ängtêla sẽ tiếp tục đi kiện!

Vậy là tôi đã bị một thằng dòng ăn mứt nho, nhét áo sơ-mi vào quần, hỉ mũi cho trẻ, và tối nay tôi sẽ còn bị lão cho vay nợ lãi gọi là thằng ăn cắp, và ngày mai sẽ bị lão Tuyêckê đuổi đi; và thế là đã hai ngày, Lơgrăng nhịn đói!...

Thậm chí anh mà chết tôi cũng chẳng thể chôn được!

Đó là bước đầu vào nghề dạy học của tôi!...

Lơgrăng không chịu đựng nổi cái họa đã đổ lên đầu chúng tôi, và anh viết một bức thư có mùi đuôi cá xin gia đình hãy giơ tay đón lấy anh. Vài tuần nữa, anh sẽ trở về ngã vào vòng tay ấy.

Tay đã dang khi ném cho anh số tiền đi đường.

Anh ra đi, hơi ồm yếu và có phần sượng điên lên vì nghĩ rằng ban đêm, anh sắp được ruỗi thẳng chân - Ruỗi thẳng chân!

Anh ra đi, rộng rãi để lại cho tôi một ít tiền để trang trải món cá rán.

Tôi trang trải và lại ra đi, như Paturô gầy còm, đi kiếm một địa vị xã hội.

XX

BA BƠ BI BÔ BU

Tôi quay lại nhà ông Fiêcmanh, ông ta đi vắng; ông cưới con gái.

Tôi đến nhà ông Fiden - một người tìm việc làm khác.

Ông Fiden ở phố Xuygie, trong tầng nhà gần sát đất.

Không có ai để mở cửa cho khách. Ông chủ nhà không chịu bận mình ra mở cửa mà lại không có người ở gái hay đầy tớ để báo tin có khách. Cứ việc xoay quả đấm cửa rồi vào...

Một gian phòng đợi với những chiếc ghế gỗ mòn bởi móng dít của bọn người khốn khổ; đen - màu đen từ những đũng quần bôi mực thò ra; bóng nhẫy vì đã dùng nhiều quá như những chiếc quần đùi; chân khắp khểnh như chân những anh chàng *đeo mã tiếng la-tinh* - chân sỏ giày thùng, lê bụng rộng tới đây.

Buồng mờ tối, những chiếc rèm xanh đã bạc - người ta phải nín thở khi vào! Không khí im lặng như ở hành lang quận cảnh sát... buồng riêng viên cảnh sát trưởng - tôi biết lắm! - như ở hành lang ngồi chờ viên dự thẩm của nhân chứng hay người bị cáo...

Người ta nói chuyện thì thầm. Ông chủ bước ra. Mọi người im lặng - như ở trường học vậy.

Vậy mà, tất cả chúng tôi ở đây đều sức vóc đi lính được cả.

Tôi thấp thỏm chờ đến lượt mình!

Đối với lão Fiêcmanh thì thật là dễ chịu, tôi được ưu đãi, vì tôi đã đi cùng Matutxanh đến nhà lão. Nhưng Fiden, ông tìm việc làm ở phố Xuygie, ông ta chưa bao giờ gặp tôi cả, và vẻ mặt ông chẳng niềm nở mấy, một bộ mặt vừa vàng vừa xanh với đôi kính lam và bộ ria đen bết vào da như ria giả để diễn kịch; tóc dài và phẳng, răng xún.

Tôi không hãì những người có bộ mặt dữ tợn; nhưng tôi lại run sợ trước tất cả những kẻ có bộ mặt hả hê. Chẳng thà tôi đứng trước nòng súng của Căngrôbe^[65] hồi tháng Chạp.

Đến lượt tôi, ông Fiden hỏi:

“Anh muốn gì? Anh đã dạy học bao giờ chưa? Lý lịch nghiệp vụ của anh ra sao? Anh có giấy chứng nhận gì không?”

Ông hỏi tôi, giọng cáu kỉnh, ông có vẻ đau lòng vì phải sống trên lưng những người nghèo khổ: ông cũng thấy họ thật ngu xuẩn nghĩ đến việc kiếm mẩu bánh mì mốc do ông tìm hộ!

Giấy chứng nhận của tôi ư? Tôi không có! Tôi không dám nói là tôi đã dạy ở chỗ Ăngtêta! Tôi không biết trả lời ra sao; tôi liền đưa ra mảnh bằng tú tài của tôi. Tôi viện thêm nghề nghiệp của cha tôi. Tôi sinh ra trong một gia đình Đại học.

“À! Thầy anh là giáo sư! Đáng lẽ anh nên ở lại trường của thầy anh, xin làm chân giám thị, còn hơn là thối rửa ra trong nghề dạy tư.”

Thế nhưng tôi không thể nói với ông rằng tôi ghét cái nghề giáo sư ấy, lại càng không thể nói rằng tôi không muốn *tuyên thệ*; ông sẽ tống cổ tôi ra cửa như một thằng ngốc hay một thằng điên, và ông làm vậy là phải...

Cuối cùng ông ném ra cho tôi, như một cái xương, lời đề nghị này:

“Ở trường ngoại trú phố Xanh-Rôc, có một chỗ từ tám giờ sáng tới bảy giờ tối. Nếu anh muốn bắt đầu ở đó để tập nghề?...

- Tôi rất muốn.”

Tôi khai tên tuổi và địa chỉ.

Tôi đi ra với một bức thư gửi cho ông Bơnoazê ở phố Xanh-Rôc. Khi vào phố đó, tôi va phải lão mù ăn xin ở nhà thờ, người béo múp, chân đi giày vải lót lông, mình vận chiếc áo nịt bằng len thô, đôi môi bóng nhẫy vì món xúp béo vừa mới ăn xong, hơi thở còn vương mùi bắp cải thơm theo gió bay thoảng vào mũi tôi.

Lão mắng tôi là “đồ tàn tật”, và làu bàu đặt lại chiếc bảng con đeo trên ngực.

Tôi tới nhà ông Bơnoazê.

Ông đang cãi nhau với vợ; họ văng vào mặt nhau những tiếng còn xoi mới có trong ngữ pháp! Tôi làm ngăn trở cuộc đấu khẩu của họ, họ không nghe thấy tôi bước vào.

Tuy nhiên tôi đã gõ cửa, và tôi ngỡ người ta đã bảo: “Cứ vào!”

Ông Bơnoazê vươn thẳng người như con gà trống và hỏi tôi muốn gì.

Tôi đưa bức thư ra.

- Anh đã dạy học bao giờ chưa?...

Bao giờ cũng vẫn câu hỏi ấy! - mà bao giờ tôi cũng đáp:

- Chưa, tôi đồ tú tài.

- Tôi không cần đến tú tài. Anh có biết dạy BA, BƠ, BI, BÔ, BU không? Anh đã bao giờ nói suốt ngày BA, BƠ, BI, BÔ, BU chưa? - BA, BƠ, BI, BÔ, BU suốt ngày?

Chưa, suốt ngày thì chưa! Mà là vào hồi tôi còn nhỏ. Nhưng bây giờ tôi cần kiếm miếng ăn và tôi ra hiệu là tôi đã nói BA, BƠ, BI, BÔ, BU rồi - BBA, BBO... nói những vần ấy, môi tôi cứ dính vào với nhau!...

Bà Bơnoazê đã đội lại mũ ngay ngắn, nói chen vào.

Ông cứ thử xem sao, bà vừa nói với chồng, vừa nhìn tôi từ đầu đến chân, như thể bà nâng xem miếng thịt nặng bao nhiêu ở chợ.

Và người ta thử tôi.

Ba mươi phơrăng một tháng. Ăn uống thì tôi tự túc. Tôi được nửa tiếng tự do vào buổi trưa để ăn bữa trưa.

Không có xe ngựa như ở trường Ăngtêta, cũng không có chuồng ngựa; nhưng giá có chuồng ngựa thì hơn, mùi chuồng ngựa sẽ át được mùi lớp học! Ồ! Giá như có chuồng ngựa!

Tôi ngạt thở, muốn buồn nôn; không khí này làm tôi khó chịu!

Nhưng tôi cố lấy hết can đảm, và tôi làm cả tháng, đúng như một chiếc đồng hồ. Tôi đến sớm, về muộn.

Buổi tối, tôi khóc vì kinh tởm khi trở về căn buồng tồi tàn của tôi, nhưng tôi đã thề với mình là phải can đảm.

Đám học trò của tôi vào lứa từ sáu tuổi tới mười tuổi.

Tôi dạy một số học *Ba, Bơ, Bi, Bô, Bu*. Còn một số, tôi cho tập viết *gạch thẳng*.

Thình thoảng tôi mở cửa lớp ra, nhưng vợ chồng ông Bơnoazê chửi nhau ở ngoài hành lang, và phải mau đóng cửa lại.

Đối với những đứa lớn hơn thì tôi cho học: *A* dài trong *pâte*! và ngắn trong *patte*; *U* dài trong *flute* và ngắn trong *butte*^[66].

Hôm nay là ngày 30... Ông Bơnoazê gọi tôi.

- Thưa ông, đây là tiền lương của ông.

À! Ông này là người lương thiện!

- Ông cho tôi tờ biên lai!

Tôi viết biên lai cho ông.

Ông Bơnoazê cất tờ giấy đi và nói với tôi như sau:

“Tôi phải báo cho ông biết trước rằng mười lăm hôm nữa buộc lòng tôi phải để ông thôi việc. Từ nay tới đó, ông hãy tìm một công việc thích hợp với sở trường của ông, với tuổi ông. Chúng tôi cần những người không thấy kinh tởm vì mùi trẻ con, và không cần phải mở cửa ra để thở.

- Tôi có kinh tởm cái mùi ấy đâu.”

Tôi còn có vẻ như nói: “Trái lại!” Nhưng ông Bơnoazê đã quyết định rồi.

“Ít nhất ông cũng cho tôi giấy chứng nhận chứ? Tôi rất xúc động hỏi.

- Tôi sẽ cho ông một tờ chứng nhận ghi rõ ông đi làm đúng giờ, chứ không nói là ông có khả năng - tôi có thể nói vậy được: ông không có khả năng - ông là hiện thân của sự thiếu khả năng nữa kia! Hơn thế, ông làm cho trẻ con sợ ông.”

Ông ta nói với tôi như nói với một người đã nói dối ông, đã đánh lừa ông về khả năng *Ba, Bơ, Bi, Bô, Bu* của mình. Như thế kể cũng được; thôi được! Nhưng còn làm trẻ con sợ!...

“Đúng vậy, ông làm cho chúng sợ. Ông có vẻ như không muốn chúng quấy rầy ông... Không bao giờ ông đùa nghịch cả! Ông chưa có bò bốn chân lấy một lần! Thôi thế là được! Ông đã được trả lương. Mười lăm hôm nữa ông sẽ từ già chúng tôi - không ai biết, không ai hay, - Tôi rất hân hạnh được chào ông!...”

Ông bỏ tôi đứng đấy, định đi ra: nhưng vì căn bản ông không phải người xấu, nên ông nói thêm như để xin lỗi về sự thô bạo của mình:

“Đấy, không phải lỗi tự ông; đối với loại công việc này, thì ông già quá, có vậy thôi... già quá.”

Tôi thì vẫn muốn ở lại nơi đây, mặc dù cái mùi ấy!

Suốt trong tháng ấy, tôi chỉ có một lúc yếu đuối và thèm muốn thấp hèn: ấy là lúc tôi ngửi thấy mùi bắp cải trong hơi thở của lão mù.

KÝ TÚC XÁ

“Không được đâu, anh bạn ạ, - ông Fiêcmanh nói với tôi, khi ông đã trở về và tôi lại đến gặp ông, để một lần nữa đặt tương lai của tôi vào trong tay ông - anh bạn, với tấm bằng tú tài, anh sẽ không bao giờ tìm được một chân giáo sư trong một ký túc xá ở Pari!... Đối với ký túc xá dạy trẻ con thì thế là quá nhiều; nhưng đối với các học hiệu lớn thì thế là quá ít. Ở các học hiệu lớn, anh làm giám thị thì được, chứ không làm giáo sư được.

“Anh hãy nghe tôi, nếu anh muốn đi vào con đường ấy thì tốt nhất là làm như ông Fiđen đã bảo anh, quay về chỗ thầy anh, bắt đầu tại trường trung học của thầy anh... Anh lắc đầu, anh có vẻ như nói: “không bao giờ!”

Quả là tôi đã lắc đầu và tôi nói: “Không bao giờ!”

Tôi rất muốn đi làm công nhật, đi làm thuê như một con ngựa, nhưng tôi không muốn khoác cái áo giám thị. Tôi đã trông thấy thầy tôi khổ sở nhiều quá rồi. Tôi không muốn bị xích vào cái cảnh đọa đầy ấy. Ngủ ở buồng ngủ chung, chịu nhin viên hiệu trưởng, đến lượt mình hành hạ đám học trò, để chúng khỏi hành hạ mình! Không.

Tôi cảm ơn ông Fiêcmanh; vả chăng tôi từ biệt ông ta với ý nghĩ rằng hoặc ông lầm, hoặc ông định đánh lừa tôi.

Tôi gõ cửa những nơi khác... Tôi sẽ tới Belaghê, Matxanh, Jôfrê, Bacbê hoặc Fava và tôi sẽ nói với họ:

- Tôi chỉ cần kiếm ba mươi phơrăng một tháng; tôi sẽ dạy cho các ông ba tiếng, hai tiếng một ngày để lấy ba mươi phơrăng - tôi giỏi tiếng la-tinh, rồi các ông xem! Hãy thử tôi, ra thử cho tôi làm một bài dịch, một diễn văn, một bài thơ...

Tôi bắt đầu từ Belaghê.

Ông ta điều khiển một ký túc xá lớn ở phố Pêpinie và đưa học sinh vào trường Bônapactơ. Tôi tự giới thiệu là cựu học sinh “*Bônapactơ*”.

ANH CÒN TRẺ QUÁ

Ông Bonoazê bảo là tôi già quá!

“Anh còn trẻ quá, ông Belaghê nhắc lại; phải tốt nghiệp Trường cao đẳng sư phạm mới được! Nếu lớn tuổi hơn, đã được mọi người biết tiếng, có người giới thiệu và tóc đã hoa râm, thì tôi chẳng từ chối!... Có những tay kỳ cựu kiếm được, không phải ba mươi phơrăng một tháng, mà là ba trăm, bốn trăm nữa có khi! Họ chẳng phải tú tài; nhưng họ có một phong cách mà ai cũng biết, người ta biết họ thành thạo *môn bắt học trò nhai bài*:

Đó là điều lão Fiêcmanh đã nói với tôi!

Tôi già quá đối với số người này, trẻ quá đối với số người khác.

Nghề dạy học tư đối với tôi bị cấm chỉ! Nhất thiết là phải bắt đầu từ cảnh ngục tù của *nghề giám thị*.

- Xin cảm ơn ông.”

Ông Belaghê vừa tiễn chân tôi ra cửa, lễ phép, niềm nở, vừa nói khẽ rất buồn, như thể chính ông là một kẻ mang thương tật vì Trường Đại học, chán ngán vì xiềng xích của nó:

“Nếu anh có cách nào không phải đặt chân vào cảnh đọa đày này thì đừng đặt chân vào!”

Tôi sẽ không nản lòng; tôi chưa lùi bước!

Tôi đi khắp các *ký túc xá*, tôi xin làm với giá rẻ mạt: không nơi nào muốn nhận tôi cả.

Tôi không có giấy chứng nhận; - Trẻ quá hoặc già quá, nhất định như thế!

Cuối cùng, tôi tìm được một ông hiệu trưởng, xơ xác, ông bằng lòng thuê tôi với giá năm mươi phơrăng một tháng, một ngày dạy bốn tiếng.

Chính ngay ở phố Xanh-Jắc, ngay khu phố tôi.

Phải đến đây, từ sáu giờ để chấm bài, rồi tối lại đến từ bảy tới tám giờ.

Sáu giờ sáng, không sao! Tôi được tự do gần hết cả ngày và gần hết cả buổi tối!

- Có điều là, ông hiệu trưởng nói, phải đợi tôi thả người mà anh sẽ thay thế đã: một ông giáo sư đã từ chối không chịu tuyên thệ hời Tháng Chạp và sống bằng cách dạy tư ở đây và các nơi khác. Ông ấy lấy của tôi nhưng một trăm phơrăng, nhưng ông là người có danh tiếng, có học vị... ông ấy *viết* và có bằng thạc sĩ.

- Tên ông ấy là gì?...

Ông ta nói tên.

Một người cộng hòa có tiếng. Việc ông từ chối không tuyên thệ đã gây dư luận. Quả thật ông là người có danh tiếng.

Vậy ra tôi sắp thay thế ông ta!

- Thưa ông, ông cứ coi như tôi chưa nói gì. Tôi không muốn chiếm chỗ của ông ấy... Nếu ông ấy tự ý xin thôi, thì địa chỉ của tôi đây, ông viết thư cho tôi; chứ tôi không muốn cướp miếng bánh của ông ta.

Ông chủ ký túc xá xác có vẻ ngạc nhiên và méch lòng về quyết định và lời nói của tôi: tôi sẽ không có chỗ làm ở nhà ông ta, chắc chắn không bao giờ ông ta viết thư cho tôi.

Không sao!

Buổi tối, trong im lặng của căn phòng, tôi nghĩ lại chuyện đó.

Con người ta hèn nhát thật.

Tôi hầu như hối tiếc việc mình đã làm. Tôi có dịp để luyện tập, tôi sẽ lấy được một mảnh giấy chứng nhận, tôi được thừa thãi thì giờ, tôi có thể sắm quần áo và mua sách... Tôi đã đóng vai hào hiệp, ra điều ta đây; tôi sẽ không bao giờ có dịp may như thế nữa!

Đến đâu, khắp nơi, vẫn một câu trả lời.

- Không tốt nghiệp Đại học sư phạm, không có bằng cử nhân! Nếu làm giám thị thì chẳng phải nói... Mặc dù chúng tôi đã đủ người, và có đến mười người xin một chân đó. Tuy nhiên, vẫn có thể xét... bởi lẽ thầy anh là một giáo sư, và anh có vẻ yêu nghề dạy học!...

Tôi có vẻ yêu nghề dạy học? - Tôi căm ghét nó!

Các ông viện địa vị của thầy tôi? - Tôi xấu hổ về nó!

Những lời xin xỏ và những trò hèn nhát của tôi đều vô ích. Tôi chỉ tìm được những chỗ *phải ngủ ở phòng ngủ chung*! Chẳng thà tôi làm phu khuân vác ở Chợ!

Vả chẳng tôi vẫn còn cầm cự được với số tiền bốn mươi phơrăng hàng tháng.

Giày tôi đã long đế, quần áo xô chỉ...

Thôi được, tôi sẽ đi chân đất và mặc quần áo rách. Tôi không làm hại ai cả; tôi sẽ đi lang thang ngoài phố, không nhà ở, nếu tôi không có dũng cảm để bắt xén suất ăn và xà xẻo vào dạ dày để trả tiền một buồng trọ... nhưng tôi sẽ không làm giám thị và sẽ không ngủ ở phòng ngủ chung.

Ngủ giường của trường trung học sướng hơn, ngồi trong buồng học ấm hơn, ăn ba bữa một ngày. - Tôi ưng chết đói chết rét hơn.

Tôi chỉ *dạy học* nếu tôi có thể làm nhân viên của một ông hiệu trưởng mà không vận đồng phục và không tuyên thệ.

Tuyên thệ?

Người mà đáng lẽ tôi sẽ thế chân ở chỗ ông chủ ký túc xá xơ xác không phải là người duy nhất, sau khi từ chối không tuyên thệ trung thành với Napôlêông, đã tìm được việc làm ở các trường tư. Rất nhiều cửa đã mở ra trước tai họa và học vị của họ.

Nghề dạy tư thuộc về những người chiến bại ấy, và những cậu tú tầm thường, như Vanhtrax, thì chỉ có việc sống mồm meo ở các nhà Ăngtêta và Bonoazê, để cuối tháng bị đuổi ra như đám tôi đòi!

Anh bạn ơi, hãy tiếp tục chạy chọt và lại leo cầu thang đen ngòm của các nhà tìm việc!...

Tôi đến tất cả các nơi đó.

Tôi làm vậy để khỏi áy náy với lương tâm, để có thể tự nhủ rằng mình đã không bị sa đọa trong cảnh bần cùng; chính vì vậy mà tôi còn đi tìm! Nhưng tôi chỉ mất thì giờ, mòn giày, mòn lưỡi, nuôi những hy vọng ngu ngốc, những thất bại bần thiêu!

Giáo sư tự do! - Điều đó ở đâu cũng có nghĩa là: lớp học nhỏ hôi hám... bữa ăn với mứt nho, lũ chủ nợ làm ngăn trở buổi học... lương lậu bị từ chối, bị xén, bị quyt!...

Có người bảo tôi: - “Rồi cũng quen đi, cuối cùng sẽ yêu cuộc sống ấy.”

Có thật thế không?...

Ô! Nếu vậy tôi sẽ không leo cầu thang nữa; tôi sẽ xóa tên tôi ở sổ các nhà tìm việc!

Thế là hết!... Tôi ưng tìm miếng ăn ở nẻo khác.

Đả đảo mứt nho! Đả đảo BA, BÔ, BI, BÔ, BU. - Đả đảo BA, BA, BU, BA!

Tôi đã đâm nói lắp mất tám ngày.

XXI

DẠY TƯ VỞ ĐÁ

Hay là, không thành công trong những việc nhỏ, tôi nhắm những việc cao hơn?

Chỉ còn có nghề dạy tư ở nhà riêng hoặc nghề thư ký.

Thư ký?

Các bạn đã tìm cho tôi một chân thư ký ở nhà một người Áo giàu có, ông ta cần một người để viết thư hộ ông và để *bầu bạn* với ông vào buổi sáng. Tôi sẽ được năm mươi phơrăng một tháng, tôi sẽ đi làm từ tám giờ sáng tới trưa.

Đúng điều tôi hằng mơ ước! - Tôi sẽ được rảnh buổi tối để học.

Tôi tới nhà người Áo.

Ông ta đang nằm; quần áo vứt bừa dưới đất giữa đồng vỏ chai và mẩu xì gà.

Chắc là tối qua họ đã chè chén phè phỡn.

“À! Anh là người đã được giới thiệu với tôi, ông vừa quay mình trên giường vừa nói. Nhờ anh nhặt hộ quần áo tôi lên?”

Chắc ông ta lằm, có lẽ ông đang đợi một đứa ở. Tôi thì tôi đến làm thư ký.

Tôi nói với ông như vậy.

“Anh nói lời thôi cái gì thế?”

Tôi không nói lời thôi - tôi nhắc lại rằng tôi đến làm thư ký.

“Tôi biết rồi. Đưa tôi cái quần.”

Tôi lưỡng lự.

Có lẽ ông ta say. - Ông ta nhức đầu... Ông ta vô lễ khi vận áo lót, nhưng vận quần áo xong, sẽ trở thành *người lịch sự*.

Tôi đặt cái quần lên giường.

Ông người Áo chui ra khỏi chăn, đi bít-tết, xỏ chân vào quần.

“Anh đưa hộ tôi cái áo.”

Không, tôi không đưa hộ ông ta cái áo - tôi sẽ cho ông ta một trận nếu ông khần khăn - ông ta sẽ chỉ được thế, nếu ông cố nài.

Ông ta nài, - à! mặc kệ! - Tôi không nhịn được nữa! Tôi liền nhảy xổ vào ông ta, tôi tát, tôi nện!

Tôi đánh cho hả, trăm nghìn nỗi khổ!

Tôi đã chạy thoát sau khi xô đẩy hàng xóm và người gác công. - Miễn là hăn không nghĩ tới mang đồng hồ của hăn theo!

Đây là mưu toan, kẻ tham vọng cuối cùng của tôi!

Tất cả những chân thư ký mà tôi có thể tìm được đều ở nhà bọn Áo rượu chè hoặc bọn Pháp bất hảo, tại các nhà xảy ra hài kịch hoặc bi kịch.

Dạy tư? Kèm trẻ trong một gia đình giàu có?

Tôi rất muốn!

Tôi muốn biết thượng lưu, biết các thói xấu và nhược điểm của bọn giàu có ấy, để một ngày kia có thể chế giễu hoặc đả kích chúng! Sớm hay muộn rồi cũng phải có lúc tôi được trả hận!

Nào hãy kiếm lấy một chỗ dạy tư!

Tôi đã khuấy động cả trên trời, dưới đất. Tôi đã xin việc một cách táo bạo không tưởng tượng được.

Phải chịu vất vả, gõ cửa khắp nơi, đừng sợ hãi, các sách châm ngôn và những người khôn ngoan đều nói vậy.

Tôi không nói rằng tôi đã không sợ hãi - ngược lại! Nhưng tôi đã gõ cửa khắp nơi, và tôi đã *chịu vất vả*, một sự vất vả đau đớn và anh hùng.

Tôi đã chuộc lấy sự lỗ bịch; tôi đã đưa cả đầu và trái tim, lời van xin và lòng tự hào vào giữa những cánh cửa khép lại một cách khinh bỉ!... Can đảm, tự hào, trái tim và cái đầu cuối cùng đã xé bươm và rỉ máu!

Tôi đã nhảy như ếch trên bậc thang con số.

- Đòi đặt vào! người ta bảo tôi.

Tôi đã đòi đặt.

- Đặt quá, bọn có tiền đáp.

- Đòi bớt đi!

- Một gã đói rách, người ta vừa lăm bầm vừa nhìn tôi từ đầu đến chân.

Mỗi lần có một bức thư giới thiệu, lấy được không biết ở đâu, do tài của tôi mà giành được ở người này người lọ, đưa tôi tới một phòng khách; hễ gặp một lỗ tai buộc lòng phải nghe tôi, tôi liền xin việc theo giá cao nhất hoặc mạt nhất, tùy theo khung cảnh sinh sống của những người mà tôi hỏi.

Nhưng lần nào người ta cũng từ chối!

Những thư giới thiệu đó toàn là cầu may - được chăng hay chớ. - Tôi không quen người nào có chức vụ cao hoặc có thế lực.

Có thế lực, chức vụ cao! Thế thì phải thuộc phe Đế chế! Tôi không thể, không nên, không muốn được che chở bởi những người của Đế chế. Thà vào nhà tế bần!

Không thiếu gì gót chân đế mà liếm. Để trả công liếm gót, có thể người ta sẽ thí cho tôi một địa vị. Tôi không có lười để làm việc ấy!

Do nguồn gốc của tôi, tôi chỉ có dây mơ rễ má ở nơi đồng ruộng - mà chẳng có trong dòng giống bọn sung sướng! Tôi là con một bà nông dân đã kêu quá nhiều rằng bà đã chăn bò và một giáo sư đã khá dày công để tìm quan thầy cho bản thân!... Và chẳng ông dạy lớp dưới, nên không có quyền hành và kém uy tín.

Tìm đâu ra những sự giới thiệu vào thời buổi chủ nghĩa phá sản đặc thẳng, những người cộng hòa bị lưu đày?

Tôi đã gặp may!

Có một ông thầy dạy võ đã nghèo khổ tới ở gần chỗ tôi. Ông là người miền Nam, cởi mở, hay chuyện, nóng nảy. Tôi là người vận áo rơđanhgốt duy nhất trong nhà, và ông thích chơi với tôi. Ông năng chào hỏi tôi, lại năng đến chơi nữa. Tôi không rữ ra được đèn đành phải nói chuyện võ *đấm* với võ *đá* với ông để cho đỡ khổ, để lợi dụng còn hơn cái cảnh xóm giềng cồng kênh với ông.

Một đôi khi vào buổi tối, ông bạn tôi đến một chỗ như kiểu chuồng ngựa, ở đó ông dạy lèo tèo vài mống học trò - và tôi học võ *đá*, không có cách gì hơn! Hình như tôi có khiếu về môn đó!

Tôi trở thành một tay võ *thuật* - điều đó không làm cho tôi vào được xã hội thượng lưu và cũng không giúp cho tôi vào Viện hàn lâm, nhưng đã làm cho tôi có quan hệ với đám leo dây múa rối.

Những ông giáo sư, những người giới thiệu tôi, cho đến nay, chưa giúp tôi kiếm ra được một đồng xu. Chính đám leo dây múa rối lại giúp tôi kiếm ra tiền.

(Những người có bằng ảo thuật, bằng quái nhân, hay chân những ông thầy có bằng cấp đeo lông chồn của tôi, thật thà nhờ tôi viết cho họ những bản quảng cáo, những lời chiêu khách, những áp-phích về trận đấu. *Đây mô chôn những người tráng sĩ* và những chuyện tiên tri kỳ diệu cho đám học trò của Cô Lơnoocmăng^[67] ba xu một buổi!...

Tôi giao du với giới này ở trong buồng ông thầy võ.)

Một tay vô địch về môn *quyền thuật cổ*, như lời *chiêu khách* nói, đã tới đấu võ (cho vui) với vài ông thầy dạy võ ở trung đoàn, ban của lão Noarô, ông hàng xóm của tôi. Bản thân tôi cũng vào đấu, và chúng tôi đã bắt tay nhau, như trước công chúng, trên đồng mặt cửa.

Sau trận đấu, tay làm xiếc dẫn tôi tới Barie đuy T'rôn, nơi ông ta cầm lều.

Một sáng chủ nhật, tôi đã cùng ông ta vào chỗ bọn quái nhân để chơi vui; tôi đã trong thấy họ đang lúc ăn vận thường trong nhà. Dần dà, chúng tôi trở thành đôi bạn thân và cuối cùng những gánh *xiếc rong* trứ danh đặt bằg cho tôi.

Tôi thường làm nhiều nhất cho gánh *Anxiđơ*.

Người ta yêu cầu tôi làm sẵn áp-phích để cho in vào những tối biểu diễn lớn ở tỉnh lẻ. Tôi đã viết những áp-phích như những bản anh hùng ca.

Tự trung những kiến thức cổ điển của tôi cũng đã dùng được vào một việc gì! Tôi có thể nhét Hôme vào chỗ này, chỗ nọ; nói tới Milông đơ Crôtôn đã làm đứt tung dây thừng cuộn quanh đầu; nói tới Ăngtê được hồi sức mỗi lần chạm xuống đất!

Vốn học thức ở nhà trường cho đến nay chưa dùng được việc gì cho tôi cả, nhưng nó trở nên rất có ích ở Hội chợ bánh ngọt.

(Tôi đã viết lại *một vở kịch* cho hội chợ này. Ông Niza chẵn chẵn sẽ không nói về vở đó trong lần xuất bản sắp tới cuốn *Lịch sử văn học* của ông. Ông Manhanh cũng không nói tới nó trong cuốn *Lịch sử múa rối*. Tuy nhiên chuyện đó có thực. Với ba mươi phơrăng thu nhật được mỗi chỗ một ít, tôi đã làm trẻ lại những Buridăng và tên súc sinh Gôlô của những rạp múa rối. Và làm việc đó, tôi thấy thú! Bao buổi tối nôn cười, tôi đã trải qua những đám hề sống và con rối gỗ, giữa những tên tên khổng lồ và những chú lùn, thích thú cái cảnh giàu màu sắc ấy, ham mê những cảnh tượng kỳ quặc ấy, tò mò nghiên cứu những phong tục lạ lùng ấy, dám ăn cùng gà-men và thật tình gần như tự hào được những tay đô vật và võ đá xép mình vào loại trung bình khá trong hàng võ đá và cử tạ... Một hôm tôi vớ được một quyển sách của Đickenx nói về những người leo dây múa rối khôn khổ. Ông cũng yêu họ như tôi nhưng tôi dám nói rằng ông không biết rõ họ cho lắm.

Ông Đickenx chưa gặp may như tôi là nhận được một lá thư bên lên tỏ tình của một phụ nữ nặng bốn tạ... Chính cũng do chuyện đó mà tôi phải xa cách cái xã hội đó nơi tôi thích lang thang và đã dẫn tới những bạn kinh

ngạc. Cái hiếu kỳ của cô gái khổng lồ ấy làm tôi sợ và tôi lánh xa, nhưng tôi cũng đã kiếm được khoảng một trăm phơrăng tại xứ sở của những người khác số phận ấy và tôi đã được tai nghe mắt nhìn thỏa thích những cảnh tượng mà sau đây một ngày nào đó có lẽ tôi sẽ rút ra được những điều bổ ích. Được chứng kiến cảnh thức giấc của đám sư tử rập xiếc hoặc những mù phù thủy hội chợ không phải là vô ích! Rồi có ngày ta sẽ dùng những cái đó để viết tiểu thuyết hay viết kịch!)

Rồi tình cờ tôi kết bạn với một con người đáng yêu.

Ông thầy võ hàng xóm của tôi không phải là người xoàng, ông đã từng biết những giờ phút vinh quang của nghề võ *đá*. Ông đã mời Lơcua, Lơcua trứ danh, tới đấu võ tại một phòng để lấy tiền giúp người vợ góa của một bạn đồng nghiệp.

Lơcua tới. Lơcua thắng một tay hung bạo của quân đội bằng một trận thắng về mặt lễ phép, lịch sự và vũ lực!

Tôi đưa đăng trên một tờ báo nhỏ trong một bài tường thuật trận đấu và chào mừng người chiến thắng.

Tôi đem tờ báo đến cho ông, ông cảm ơn tôi, chúng tôi gặp lại nhau và tôi được vào phòng dạy võ của ông ở phố Tuôcnông, nơi lui tới của một giới sang trọng, gồm có những thầy thuốc trẻ, những luật sư tập sự, những người có thực lợi cường tráng, họ tới đó để giải trí theo *kiểu Ănglê* sau những giờ làm việc nghiêm túc.

Bây giờ tôi có cả một giới giao du. - Phải nói rằng những người đó tỏ ra lễ độ hay thân tình không phải với ông Vanhtrax - học giả, mà là với ông Vanhtrax - võ sĩ, với ông Vanhtrax hình như có *ngón đá dưới* không ai bằng, và *gỡ đòn đập chặn* với một sức mạnh và một tài nghệ bậc thầy mà ông ta chưa từng có trong các diễn từ la-tinh, ngay cả khi ông ta đặt lời cho Catalina hoặc cho Xpactaquyx.

Ở phòng võ này, tôi đã thử trở tài về các đề tài cổ điển; bao giờ người ta cũng kéo tôi về *ngón đá* và *ngón đỡ*. Tôi muốn nói chuyện về các Thế kỷ lớn, người ta ngắt lời tôi để hỏi tôi làm thế nào mà *quất* mạnh đến thế. Tôi

muốn nói đây là nhờ truyền thống gia đình! Tôi có *đòn quất* ấy cũng như tôi đã có *hoa tay* ở nhà Ängtêla - và tôi lại được nghe thấy người ta nhắc lại lời ca tụng: *Nhất ông đấy!*

Một tay võ thuật địa phương có một đứa cháu học ở trường trung học và cần được kèm thêm về tiếng hy-lạp.

Ông ta hỏi xem tôi có muốn kèm đứa bé không.

- Sao chẳng được!

- Đồng thời chúng mình luyện võ với nhau, ông nói.

Ông tìm cho tôi chỗ dạy học cốt để đấu với tôi, học sự lanh lẹ của tôi, lối tấn công dữ dội của tôi.

Ngay từ hôm đầu tôi đã nhận thấy điều đó. - Sau chừng nửa giờ tiếng hy-lạp, ông nói:

- Thế là đủ rồi, kéo một thẳng Gioocgiơ.

Ông vội vàng gấp sách vở lại, nín tay áo tôi, dẫn tôi tới một căn phòng lớn rồi đứng ngay thế thủ.

- Chơi đi!

Ông trả tôi năm phơăng tiền dạy học cháu ông, nhưng chỉ để tôi dạy chữ đáng một phơăng rưỡi, còn ba phơăng rưỡi là để ông đòi tôi luyện võ đá.

Nhờ vào đôi chân tôi kiếm được năm phơăng ấy, mỗi tuần lễ hai lần.

Chính là phải thưởng đôi chân của tôi, nếu lại có lẽ phát phần thưởng.

- Sẵn sàng chưa? Bốp, bốp, bốp.

- Vào dạ dày này, hấp! Tôi được rồi, trúng rồi.

- Úi dà! Tôi để dính miếng da mũi vào găng ông rồi...

Đúng thật - miếng da mũi thì ở trên găng da, mũi thì bị trầy đỏ hơn.

Tôi đã cố ý đưa mũi ra: thỉnh thoảng để ông ta đánh được mình, tôi sẽ có chỗ kèm học, suốt đời.

Rủi thay, con người cuồng võ đá ấy một buổi tối kia đã cật sức đánh nhau với bọn du côn. Ông bị chúng đánh gãy chân...

Tôi không còn được việc gì nữa, đứa cháu không cần kèm học nữa.

Người thanh toán tiền nong với tôi, và tôi chỉ còn mỗi cái đầu để kiếm sống; cái đầu với mọi thứ chứa đựng bên trong: dịch xuôi, dịch ngược, diễn từ, chồng chất như mớ quần áo bẩn trong chiếc sọt!...

Liệu tôi còn tìm được một người mê võ đá nữa không?

Nếu có đủ tiền, tôi sẽ mở một lớp võ đá. Như vậy phải bỏ ra trước một ít tiền, một chút vốn!

Tôi sẽ dạy võ đá ban ngày, tôi sẽ đọc các tác giả tốt và chuẩn bị tài liệu cho quyển sách lớn của tôi ban đêm. Vẫn là giấc mơ muôn thuở kiếm miếng bánh trong buồn chán, thậm chí cả với mặt cửa, từ tám giờ sáng tới sáu giờ tối, nhưng rồi rèn luyện tài năng bằng làm việc từ bảy giờ tối tới nửa đêm!

XXII

CHIẾC ĐANH GHIM

Liệu có một Đức Chúa Trời cho các ông giáo cấp dưới không? Một Đức Chúa Trời với bộ râu dài và chiếc cổ cồng già đã đeo từ hai ngày?

Bulima, một tay *phất*, có chỗ dạy tư trong *giới Thượng lưu* một buổi sáng kia tới một xưởng họa mà một đôi khi tôi đến, lúc ấy tôi đang ngồi một mình, vì anh họa sĩ đang bận *nấu ăn* ở nhà bà hàng xóm.

“Này, có một chỗ trống ở nhà Jôli, người chuyên mở lớp cho phụ nữ. Người ta đang tìm một chàng trai tử tế, có mẹ người...”

Hừ! Hừ!

“Tôi đã hứa sẽ tìm hộ một người, nhưng tôi chẳng quen biết ai cả. (Anh ta có vẻ lục lọi trí nhớ). Thanh niên, mẹ kiếp, không thiếu! Chỉ cần hai mươi tuổi, nhưng *tử tế* và có mẹ người!... Tìm đâu ra?

Chà! Phải đâu xa! Tôi biết một anh chàng mẹ người không đến nỗi - cái nhà ông đó đội lốt một người bạn tốt của tôi.

“Ông không thể mách tôi một người nào à, Bulima nói tiếp, một gã chẳng có vẻ ngu xuẩn như tất cả những người tôi quen!”

Đồ bất lương!

Anh ta tiếp tục tìm tòi rất kỹ - “Cậu này, cậu nọ!”

- Tôi nghe anh lẩm bẩm một mình, kể tên những “Têrông, Mây-rê, Brexlo”, nhưng anh bỏ qua hết, và lắc đầu.

“Thôi, bất cứ thằng cha căng chú kiết nào mình cũng phải lấy vậy!... Anh có thuốc không, tẩu thuốc nữa? - Đây.”

Anh ta nhồi tẩu thuốc rít vài hơi, rồi lại gãi đầu... Rõ ràng là anh ta vẫn đang tìm. Cuối cùng, anh quay sang phía tôi.

“Tôi chẳng thấy ai cả, anh bạn ạ, mà tôi lại hứa tối nay gửi người đến! (Nghỉ một lát). Này anh, anh có muốn tới không? Nếu là ông bố tiếp thì ông ta chẳng đếm xỉa gì đến chuyện có lịch sự hay không. Có cơ anh sẽ gặp ông bố đấy... Anh thấy thế nào?

- Tôi sợ không *được tử tế* lắm và không có mẽ người...

- Nếu ông bố tiếp anh thì anh có thể được đấy, tôi nói thật mà. Ông ta lại còn thích hạng người tầm thường nữa kia! Thôi, đồng ý chứ? Anh đến đấy nhé?...”

Tôi lúng búng một chút, và cuối cùng tôi nhận.

Như vậy là tự nhận mình không có mẽ người, nhưng có thể kiếm được vài xu, và tôi có thể đóng vai thằng què vì ba mươi phở rang một tháng.

Phải ăn vận tử tế để tới đó.

Dù ông bố không đòi hỏi phải sang trọng, tôi vẫn không thể để quần áo thế này mà tới đó được - Quần thì có hai mắt ở hàng đùi, áo thì óng ánh như bằng tôn, giày thì như mồm cá chết!

Tôi có chiếc áo đen cũ! - Chỉ cần bôi tí mực lên trên núm cúc là được.

Tôi đi đi lại lại trong buồng, mặc áo mà cời truồng.

Nhìn thử trong gương xem sao!...

Quả là chưa ổn.

Phải đi mượn quần áo, như một kẻ bị đắm tàu.

Thật là gay go!

Tôi chạy đến một người bạn cũ ở Năngơ tên là Tect’ru, sinh viên trường thuốc:

“Mày có quần không?

Đây, có một cái!... Nhìn này!”

Anh cho tôi sờ vào vải quần ở chỗ đùi.

“Mày cho tao mượn khoảng hai tiếng đồng hồ được không?

- Thế còn tao!...

- Mà không còn quần khác à?

- Tao có chiếc quần cũ. Nếu mày dùng được..."

Có thể dùng được, sau khi sửa sang nó như một căn nhà dột nát!...

Tect'ru tự nhận giúp tôi ăn vận với tất cả vẻ ân cần của một người mẹ.

Anh đứng đằng sau tôi. Thái độ của anh làm tôi toát mồ hôi lúng. Tôi thấy anh gãi trán, tôi thấy anh hí hoáy ở chỗ đũng quần... Tôi hỏi thăm tình hình ra sao!

Tect'ru không dám khẳng định gì. Tuy nhiên anh vẫn không làm tôi nản lòng.

Anh tiếp tục nghiên cứu và sửa sang, anh xoay quanh ngắm nghía, mắt rình mò, đánh ghim cắn ở răng.

Cuối cùng anh tuyên bố là ổn - nhưng phải có áo dài để che những chỗ sửa sang.

Anh không có áo dài.

Anh đã góp chiếc quần. - Để một cậu khác góp áo ba-đờ-xuy!

- Orden có lẽ có áo cho cậu mượn!

Tới nhà Orden.

Orden làm khó dễ, anh đã từng cho mượn những chiếc áo choàng rồi người ta không trả hoặc trả thì bị vấy bẩn và xô chỉ - với những que diêm lọt vào trong lẫn lút và một mùi là lạ ở dạ.

- Tuy nhiên, nếu cậu cần!

- Cảm ơn, sẽ có đền bù!

Tôi vận thử chiếc áo anh lấy ở trong tủ ra.

Tôi nghe thấy bụi khẽ một tiếng! Tôi không nói gì cả... Tôi cảm thấy Orden sẽ giật lại chiếc áo choàng ngay lập tức nếu tôi nói đến tiếng bụi ấy.

Thế là người tôi đã bó cứng.

Tôi sẽ không bao giờ đi bộ đến; cố lắm là tôi phải nhảy để xuống cầu thang.

Còn như đi thì là cả một chuyện gay go! Chắc chắn là người tôi sẽ bị lìa làm hai mảnh - như vậy phải trả hai chỗ ư?... Tôi còn vừa đúng sáu xu.

Người ta buộc lòng phải đặt tôi lên xe chở khách người ta vui lòng lắm, họ chán tôi rồi, họ muốn tống khứ tôi đi.

Khi xuống xe thật rầy rà! Tôi toát mồ hôi - cả cái bụng của Tect'ru ướt đầm trên ngực tôi.

Tôi bước đi được chẳng hay chớ - với những dáng điệu rất khả nghi! Cuối cùng tôi đến được nhà người ta đang chờ một giáo sư, có vẻ *tử tế* và *có mẽ người*...

Tôi bấm chuông. Ôi chao! Hình như dây đeo quần bị đứt!

“Tôi hỏi nhà ông Jôli?”

- Đây rồi.

- Ông có nhà không?”

Chà! Giá ông ta đừng có nhà!

Ông ta có nhà: ông đang ra. Người con trai khó tính? Hay ông bố vô tâm?

Người con trai!

“Ông đến dạy học phải không?”

Tôi không đáp! Có cái gì bực ở phía dưới...

Ông ta chờ tôi trả lời.

Tôi chỉ ra hiệu.

“Ông đã dạy học rồi chứ?”

Lại khẽ gật đầu làm hiệu và một tiếng “thưa ông vâng” rất khô khan. Nếu nói, người sẽ phình ra - khi nói bao giờ người ta cũng phình ra một chút. Nếu chiếc áo choàng bọc ra, ông Jôli sẽ trông thấy cái ông không ngờ tới.

Ông tiếp tục nói một mình.

- Thưa ông, tôi muốn. - Nhưng xin ông hãy ngồi xuống đã, tôi cần trình bày ông rõ ý định của tôi...

Tôi ngồi gượng nhẹ! Vẫn còn mạnh quá! Một chiếc đinh ghim bật ra ở đằng sau.

Ông trình bày với tôi kế hoạch của ông.

“Một số bà mẹ chăm lo việc giáo dục của con cái tới mức dửng dưng. Các bà tiếc rằng mình không biết từ ngữ để dỗi bài vở của nhà trường. Tôi mới nghĩ mở một lớp trong đó một thanh niên thượng lưu - quen với phong cách lịch sự - sẽ dạy các bà, một cách nhã nhặn học tiếng la-tinh và cả tiếng hy-lạp nữa. Tôi biết trước việc này rồi sẽ ra thế nào, chắc ông cũng rõ, nhưng đây là một ý kiến có thể làm các bà mẹ yêu con thích thú trong một thời gian.”

Máu chảy ở chỗ đinh ghim, có thể tôi đã làm đỏ cả chiếc ghế bành...

Tuy vậy tôi vẫn cần phải trả lời thế nào đó!...

“Cố nhiên...”

Tôi ngừng lại, chiếc đinh ghim đã xoay ngang - thật là kinh khủng! Tôi ngộ ngoạy đầu là cái duy nhất tôi còn có thể ngộ ngoạy mà không nguy hiểm mấy.

“Như vậy! Ông ạ, để ông suy nghĩ... Tôi thấy ông có vẻ thận trọng trong lời nói và cử chỉ... chính là điều tôi thích. Chúng ta có thể thỏa thuận được... Cứ mười phơrăng mỗi bài hai tiếng. Ngày giờ thì để các bà sẽ định lấy. Nhưng có lẽ ông có những ngày mắc bận chăng?”

Tôi định nói “vâng” để làm khó dễ, nhưng yết hầu đau quá và tôi đang cần ngo ngoáy đầu theo chiều ngang để đỡ bị ngạt thở vì chiếc cổ còn bằng giấy: tôi liền ngo ngoáy đầu theo chiều ngang - như thế có nghĩa là “không” trong tất cả mọi loại tuồng câm.

“Được, tốt lắm! Đề nghị ông trở lại đây hoặc viết thư cho tôi.”

Ông ta đứng dậy. Tôi chỉ còn ra về thôi!

Khi đứng tôi đã đau hơn.

Tôi đi giật lùi ra cửa.

Hôm sau, Bulima tới nhà tôi.

“Anh có biết là rốt cuộc ông Jôli rất thích anh không? Ông ta thấy anh lịch sự lắm!... - hơi *cứng* một chút! - *phong cách* rất *Ăng-lê* - không rí rãng... không như trên con ngựa sóc... cử chỉ hơi cộc lốc... - nhưng theo ông ta nói thì ông ta chẳng ghét cái vẻ lạnh lùng ấy.

Tóm lại, anh bạn thân mến ạ, nếu anh muốn thì công việc coi như xong xuôi. Nhưng nói cho tôi biết anh tới đó như thế nào!

- Hề! Hề! Tiên sinh Bulima, anh giới thiệu tôi đến như chuyện bất đắc dĩ... Anh thấy đấy, họ sành cái môn sang trọng hơn anh... Và không biết tôi còn lịch sự đến thế nào nếu không có những chiếc đinh ghim!

- Đinh ghim nào?

- Đừng hỏi nữa! Không thì tôi sẽ cho anh xem một cảnh tượng kinh khủng - tôi phác ra (nửa chừng) một cử chỉ làm anh ta kinh dị.”

“Ông trở lại đây hoặc viết thư cho tôi, cái ông thấy tôi có vẻ *cứng ngắc kiểu Ăng-lê* ấy đã nói với tôi như vậy.

Tôi viết thư - Tôi chưa thể xuất hiện được. Về mặt quần áo sang trọng, tôi vẫn chỉ có mỗi chiếc quần của Tect’ru và chiếc áo choàng của Orden, nếu như họ còn muốn cho tôi mượn. Tôi có những thức đó - và những chiếc đinh ghim...

Rất có thể nếu ngồi trên mũi đinh ghim tôi vẫn có vẻ lịch sự, nhưng tôi ừng có vẻ tầm thường hơn và không bị đau như tôi đã đau. Chỗ đinh ghim đâm đến nay vẫn còn buốt!

Ông Jôli cho biết tôi sẽ khai mạc lớp học ngày thứ hai sau.

Thứ hai nào cũng phải vật lộn ghê gớm làm sao!

Ngay từ thứ sáu, tôi đã thấy lo rồi, và tôi run lên sợ mình không đến được!

Tôi đi mượn quần áo tử tế ở nhà người này, người nọ.

Tôi giao du với những kẻ không có học thức như tôi, cũng không cùng nòi giống, nhưng to lớn và tầm thước bằng tôi. Bây giờ thì phải to lớn bằng tôi, có *vòng thắt lưng* bằng tôi, mới trở thành bạn thân của tôi được.

- Cậu nghĩ về người ấy thế nào? Một đôi khi người ta hỏi tôi.

- Người ấy à? - Liệu tôi có mặc vừa quần của hắn không?

Tôi vốn xét nét về tư tưởng đến thế, tôi, con người thuần túy, giờ tôi vận những bộ quần áo vẽ màu sắc thuộc những sắc thái kỳ quặc, điều đó không sao, nhưng rất khác nhau về phương diện tư tưởng nữa! - ấy mới là điều nghiêm trọng!

Quần áo của bọn cộng hòa *ôn hoà*, mà tôi đã đem xử bản nếu tôi đã thắng, nhưng bây giờ chúng lại nắm được tôi ở chỗ đó: chúng nắm được tôi bằng ve áo choàng hoặc bằng đũng quần của chúng.

Dù sao tôi vẫn cố gắng ăn vận được khá tươm tất, vì tôi đã cài cúc áo thật cao lên - vốn dĩ người tôi mềm mại, tôi có thể co người lại trong hai tiếng đồng hồ và nhịn không thở nhiều, như khi tôi muốn chữa nấc.

Nhưng quả thật là gay go, tôi phải giữ mình rất cẩn thận!

Người ta không ưa tính nết của tôi. “Con người kỳ quặc, bản chất ít cởi mở đến thế, *cài cúc* quá kín đáo.” Đây là những tiếng xì xào đang lan đi. Nhưng tôi không thể cởi mở được, cũng không thể cởi khuy áo được!

Đã đến lúc không ai muốn vận quần áo giúp tôi nữa, nhiều thì giờ quá - tôi cần phải có một cô hầu buồng, vì các bạn đều đã từ chối cả.

Bạn bè! Lúc đầu thật là sốt sắng, nếu để tùy ý, họ sẽ gài ghim khắp mọi chỗ cho anh; rồi dần dần họ đâm ra thờ ơ - thờ ơ một mõi - và gì nữa không biết! Không thấy mặt đâu nữa khi cần đến họ, - không thấy họ nữa để nhờ kéo hộ vòng khóa, gấp hộ đũng quần - bạn bè, họ xa cả!...

Tôi cần có một người thợ may, dù phải trả giá bằng một tội ác.

TÔI SẼ CÓ.

Tôi chỉ còn mơ chuyện áo quần. Bây giờ lúc nào tôi cũng muốn có một chiếc quần chèn không xoắn lại và không làm tôi đau ở giữa hai đùi.

Tình hình này rồi sẽ đưa tôi đến đâu?

Tôi có chóng mặt không đấy? Icarơ, Icarơ, Maxanielô, Maxanielô!...

[68]

Chính Orden, muốn khỏi bị rầy rà vì chuyện mượn quần áo, đã ưng giới thiệu tôi với người thợ may của anh là ông Cômông.

Nhưng anh hỏi xin tôi chiếc đinh ghim đã đâm vào thịt tôi để chặn ngang tương lai của tôi.

“Bao giờ mày nổi tiếng, tao sẽ bán chiếc đinh ghim này cho bọn Ănglê.

- Khi ấy, tao sẽ mua lại của mày và đặt nó vào tấm huy chương của tao.”

XXIII

ĐỜI SỐNG PHONG LƯU

Tôi đến nhà ông Côông và thấy ông đang ngồi trong phòng khách với vợ.

Ông tiếp đón tôi như thể tôi có bốn chục nghìn phởng thực lợi. Đây là lần đầu tiên tôi được đón tiếp lịch sự và được người ta lễ phép với mình đến thế.

Ông làm tôi hầu như phát ngượng... Tôi tự nghĩ là cần phải thú thực với ông cảnh nghèo của mình.

- Ông Orden đã nói với ông là tôi chưa biết đích xác khi nào có thể trả tiền ông được...

Ông Côông có vẻ hết sức kinh ngạc.

Tôi nhấn mạnh thêm. - Chà! Thế này thì hỏng!...

- Ông Vanhtrax!... Nếu ông còn nói chuyện tiền nong, chúng tôi sẽ giận đấy! Nào, chúng tôi may gì hầu ông nào?

- Một áo rơđanhgốt...

Một áo rơđanhgốt?... Ông Côông sững sốt; bà Côông cũng vậy. Hai người đưa mắt hỏi nhau.

Tôi sợ mình đã đi quá xa. - Lẽ ra nên yêu cầu một cái áo vét-lông ngắn.

Tôi cố vớt vát sự vụng về của mình và tôi làm những cử chỉ đưa xuống ngang hông; bàn tay tôi cửa ngang hông.

- Vạt áo may bé thôi. Tôi thích vạt ngắn.

Điều đó không đúng; tôi thích vạt dài. Cũng giống như chuyện *đầu cá* ở nhà lão Tuyêckê - những vạt ngắn đỡ tốn dạ và người ta để cho tôi may chịu hơn nếu là áo may như cho một thằng lùn.

Vợ chồng ông Côông thốt lên một tiếng kêu, tưởng chừng như trút được một gánh nặng.

- Vậy là ông nói một áo jakét^[69]! Chúng tôi cũng nghĩ thế... áo sơ đanh gốt thì chỉ thích hợp với những người làm bàn giấy và các cụ già, còn đối với một thanh niên như ông!... Ông cần cái thứ như thế kia kia...

Họ chỉ cho tôi xem một chiếc áo vắt ở ghế và trông kiểu lịch sự! Cúc nhạt màu, lót bằng lụa màu hạt dẻ, sắc xám, một màu xám dịu và tươi như một thép...

Người ta đưa cho tôi chọn.

Da sờ mịn làm sao! Tôi tưởng như mình đang vuốt ve và đếm giấy bạc.

Tôi đóng vai chàng lười đời, tôi nhấp nháy con mắt làm ra vẻ sành sỏi.

Cuối cùng, tôi chọn một loại vải rất sẫm màu, tôi ghét màu sẫm, nhưng tôi cho rằng như vậy có vẻ đứng đắn hơn và chọn những màu buồn bã thì tỏ ra có nhiều đảm bảo về khả năng thanh toán hơn. Tôi đã tiếc là đã không đeo kính biếc.

“Thế này, nhất định là ông muốn vào Viện hàn lâm rồi! Ông Côông vừa nói vừa mỉm cười tế nhị. Nhưng vận thứ vải này thì phải tuổi trạc tứ tuần! Khác gì đo cho ông một cái áo quan!”

Tôi lăm lăm rồi: “Vanhtrax, may lắm rồi! May đến tong bộ cánh mất!”

(Tôi lao vào thứ lờ lợc và chọn một loại vải chói mắt! Tôi chọn thứ vải ấy như những con chó làm xiếc dùng răng cắn một quân trong cổ bài bày trên mặt đất, đuôi gắp vào giữa hai đùi, mắt liếc về phía ông chủ xem ông có hài lòng không. Tôi giống con Munitô^[70], một con Munitô ở đường phố, biết là sẽ khốn đến thân nếu nhặt quân chín “rô” chứ không nhặt quân đầm “tép”. Nếu tôi lăm một lần nữa, tôi cũng sẽ bị khốn như thế. Ông Côông nhìn thứ vải tôi chọn. Ông sẽ nói gì? Phải, phải! - nhưng thứ này cổ rồi. Bà vợ ông liếc mắt rồi cũng nói: cổ rồi. Tôi cũng làm theo họ và nói: cổ rồi. Tôi không hiểu - tôi không biết đấy là một danh từ hay động từ.

Nhưng tôi không muốn tỏ vẻ dốt, mà cũng không muốn trái ý họ. Có lẽ thứ này hơi cổ quá rồi, họ nhắc lại. Ông thấy thế à? Tôi nói “ông thấy thế à” như một người đã tỏ ra táo bạo và không lấy thế làm xấu hổ, một người có ý kiến riêng, có sở thích, có can trường. Cuối cùng tôi chọn một thứ vải không cổ mà tôi không thích, nhưng bà Cômông lại có vẻ thích. Chính tôi ngại bà Cômông. Về khoản mua chịu, tôi thấy bao giờ cũng phải xem vẻ mặt của bà vợ trước. Loại vải này bà ta thích - hoặc giả còn một mảnh mà bà muốn tổng đi. Bà đính một chiếc đinh ghim lên mẫu hàng. Vậy là xong, tôi sẽ có chiếc jakét ấy.

- Quần với gilê cũng như thế phải không?

- Đúng thế.

- Bây giờ tới áo badờxuy! Tôi sợ lại bị “hố” với áo badờxuy.)

Tôi từ chối không xem các mẫu hàng, tôi tuyên bố là mình không biết gì về mục ấy cả; tôi viện lẽ, như một người mệt mỏi, là mình chuyên sống ở trong nhà.

- Tôi sống trong sách vở, tôi không mấy khi rời khỏi sách vở. Ông chọn dùm tôi được không?

- Chúng tôi không bao giờ làm như vậy cả. Khách hàng về sau ắt sẽ không hài lòng...

- Tôi hiểu... nhưng nói thật mà... thói quen hay suy nghĩ... Thế đấy, hiện lúc này tôi đang nghĩ tới một phong tục La-mã...

“Vâng, những người làm việc bằng trí óc! Tôi biết.”

Vợ chồng ông Cômông có vẻ thương hại cho bộ óc của tôi, và quyết định làm một việc ngoại lệ cho tôi. Họ chọn cho tôi một chiếc badờxuy.

(- Ông sẽ đến thử áo. Hay đem tới nhà ông?

Tới nhà tôi! Nhưng ở nhà tôi thì không có cách nào thử áo được! Phải ra ngoài cầu thang để xỏ bút-tất chứ ở trong nhà thì sẽ bị đụng đầu.

- Không, không, tôi sẽ đến. Để khỏi phiền ông.

Tuy nhiên rồi vẫn phải cho ông ta biết hiện tôi ở đâu. Quần áo may xong, tôi không thể bỏ vải lót đem đi, như kiểu đem trả đồ gia công, đi còng lưng xuống như một thợ may. Ông ta chưa hỏi địa chỉ của tôi. Lúc này ông mới chỉ hỏi thói quen của tôi về may quần.

Tôi không có thói quen riêng nào cả. Trước kia tôi có thói quen của mẹ tôi; sau này tôi có thói quen mua quần may sẵn.)

“Về quần, ông thích may đúng thế nào?”

Phải cùng màu!... Ôi chao! Phải cùng màu! Gần đây những chiếc quần của tôi màu ở đùi khác xa với màu ở bụng, ở ống quần!... Phải cùng màu! Tôi sẽ quỳ xuống xin cho nó được cùng màu!

Nhưng tiết kêu đó suýt buột khỏi miệng tôi, như một chiếc quần khá rộng đã có lần tôi suýt để tụt xuống tại một nhà kia, vì đang nói chuyện hăng tôi đã quên không đưa tay ra đằng sau giữ nó lại.

“Ông không nói gì về đùi quần à?”

- À! Phải!?

Tôi làm ra vẻ người đang nghĩ ngợi tẩn tẩn. Tôi lắc đầu mệt mỏi.. Ông Cô-môn-găng:

“Ông có thích bó... vòng khóa cao?... hay vòng khóa thấp?...”

Tôi muốn vòng khóa đúng ngang bụng. Khi nào không có gì ăn, tôi sẽ xiết chặt thêm một nấc, hai nấc!...

“Vòng khóa ngang rốn, ông Cô-môn-găng ạ.”

Sang chuyện áo jakét.

“- Áo jakét của ông thường thường hình thế nào?”

Nói chung hình cái bị: một mảnh giấy báo bọc quanh một xương đùi cừu, một mảnh tã cuốn quanh một bó gậy - cho đến nay áo ba-dờ-xuy của tôi hình thù như thế; nhưng tôi trả lời ông Cô-môn-găng:

“Tôi không bao giờ để ý tới kiểu áo của tôi (với một nụ cười nghiêm trang và lắc đầu). - Vì tôi sống bằng lao động trí óc!”

Nói dối! Nói dối! Tôi chẳng sống bằng gì cả! Một ít xúc-xích hoặc một mẩu phó-mát Rocofơ, chứ không phải sống bằng lao động trí óc, cũng không phải vùi đầu vào sách! Và chẳng đọc sách thì tôi chán ngay lập tức; sách hơi dày một chút là cứ như có thanh sắt đè ngang dạ dày.

Ông Côông đo người tôi, rồi mở một quyển sổ.

“Ông cho biết tên ông viết thế nào?... Vanhtrax không có *h* chứ?”

Tôi sợ làm ông phật ý; có lẽ ông ta sợ chữ *h*. Tôi đành chịu giả mạo vậy, - Tôi làm sai cả tên ông cha tôi!...

“Vâng, không có *h*.

- Địa chỉ?

- Khách sạn Brutxe, phố Địa Ngục, số 52.”

Tôi không ở khách sạn Brutxe, phố Địa Ngục, số 52, nhưng tôi không thể cho biết địa chỉ thật của tôi được. Tôi đưa ra địa chỉ của một người bạn thuê buồng ba mươi phở rảnh một tháng. Ở nhà anh ta, thật như một lâu đài!

Đây là lần đầu tiên trong đời tôi giữ được bình tĩnh, tôi tìm ra ngay lập tức điều cần phải nói; lời nói dối làm tôi vững tâm.

Ông Côông lại biết đúng ngôi nhà ấy!

“Ngôi nhà có pho tượng *Thần Vườn tược* trong sân ấy phải không?

- Phải...”

Tôi chưa bao giờ để ý tới pho tượng ấy - nói chung tôi không bao giờ để ý tới các pho tượng - nhưng tôi nói bừa: “Phải”, vì ông Côông có vẻ thích ngôi nhà ấy.

“Ông Van-trax, ông thích nghệ thuật thì phải?

- Thích lắm.”

Ông ta đang chờ đợi một cái gì hơn thế, tôi thấy rõ như vậy. Tôi đáp như thể ông đã hỏi tôi về một món ăn, món củ cải đỏ, món phổi bê băm

viên; tôi cảm thấy cần nói thêm, cần phát triển tư tưởng của tôi thêm đôi chút và tôi nhắc lại, về hơi bốc:

“Tôi rất thích nghệ thuật!”

Tôi đã có quần áo...

Người ta còn tìm thêm cho tôi một ông hàng mũ và một người thợ giày nữa. Cứ mỗi lần đặt hàng thêm, tôi lại rùng mình.

Tôi ngần ngừ không muốn mang công mắc nợ, nhưng các bạn cứ đẩy tôi vào chỗ đó.

“Bây giờ mày sống vất vả với khả năng của mày; khi nào mày đủ quần áo để có thể đến được tất cả mọi nơi, mày sẽ kiếm thừa tiền để trả nợ, và hơn nữa!”

Thế là tôi buông trôi, hơn nữa tôi rất nóng lòng được vận đồ da mịn và đi giày da dê.

Ở nhà ông hàng giày người ta khen chân tôi. Hình như chân tôi cũng không đến nỗi xấu xí lắm - trước đây tôi không hề biết.

Xưa nay tôi toàn xỏ bít tất của mẹ tôi, hoặc vớ gì xỏ nấy - sáu xu một đôi - bao giờ cũng phải gấp đầu bít-tất xuống dưới ngón chân hoặc gấp gót bít-tất lại như gấp khăn mặt, điều đó làm cho nhiều lần ở Ôđêông tôi đã bị mắng là thiếu can đảm, vì, sau khi đi hàng một trăm hăm bảy vòng tôi kêu là không đi được nữa.

Người ta mắng người khác là thiếu can đảm! Người ta không biết bít-tất của họ như thế nào, bàn tay người mẹ có mạng chông mạng đục kiến bít-tất mọc u bay sừng bườu ở trong giày không!

May thay, quần áo lót của tôi thì bao giờ cũng sạch sẽ! Tôi gửi quần áo về cho mẹ tôi giặt, khâu vá xong gửi lại cho tôi. Không mất tiền chuyên chở, nhà có ông Truytsê và ông Ăngđrê ở Sở vận tải; nhưng quần áo lót ấy bao giờ cũng giống như da anh lính cừ, vá chằng và chịt và khâu vụng.

(Hôm tôi thử giày, đã có tiếng kêu thốt lên vì thán phục. Tôi để nguyên chiếc giày cũ ở bên chân kia một lúc để nhận xét về khác nhau. Đây là vẻ khác nhau giữa bàn chân voi với bàn chân nai, giữa chiếc chân cụt với chiếc móng nhọn.)

Cuối cùng, tôi đã được trang bị từ đầu đến chân: áo jakét vừa khớp người; chiếc quần lót một dải băng da đỏ đẹp bó sát lấy háng rất thoải mái trong làn dạ mềm.

Tôi đã cho xén râu thành mũi nhọn; chiếc ca-vát trễ quanh cổ màu da tươi; cổ tay áo làm bàn tay màu vỏ chanh của tôi, lấp loáng trắng như tờ giấy lụa, tôn vẻ đẹp của một quả cam.

(- Anh có vẻ trai tráng lắm, anh biết không? Cô vợ một người bạn bảo tôi, có vẻ như một tên mọi thấy một ông cố đạo béo tốt, và liếm môi nói: “Tao sẽ ăn thịt mày.”)

Tôi ngẩng cao đầu.

Đây là lần đầu tiên tôi ngẩng cao đầu như vậy từ ngày làm “sinh viên”. Cho đến hôm nay, tôi không thể làm được. Muốn thế phải hơi bốc một chút. Bây giờ tôi quên mất là mình phải giấu vết nhờn bẩn của chiếc ca-vát.

Niềm sung sướng lớn của tôi là bây giờ có thể *nghĩ tới điều mình nói*.

Tôi đã có thể *suy nghĩ riêng được*, khi ngồi một mình trong những gian phòng thuê mười phơrăng, trước các bức tường vây quanh sân! - nhưng tôi chưa bao giờ suy nghĩ được về những điều mình nói trước *công chúng*.

Trong khi nói, tôi phải nghĩ tới chiếc quần muốn tụt xuống, tới chiếc áo mà tôi cảm thấy đang bực, lại còn phải giấu những chỗ rách và những vết bẩn, áo trong không có cúc, đằng sau hông bị hở.

Luôn luôn phải ở thế giữ miệng! Từ nhỏ tôi đã phải canh gác lòng tự ái lâm nguy. Tôi thức khuya, tay cầm kéo, sởi chỉ vắt vai, cân để gần lọ mực, để bôi đen bút tất ở những chỗ giày bị rách.

Tôi thoát khỏi cuộc sống thô kệch ấy được ít lâu khi từ Năngtơ trở lại đây, nhưng ngay hôm sau sự tự do của tôi đã bị hoen ố vì cảnh tượng ghê tởm của bọn mật thám Đế chế và sự o ép của công chúng - bây giờ trái tim và lỗ mũi đã quen với cảnh ấy rồi, người ta không còn ngửi thấy mùi hô hám đã thở hít bao nhiêu năm: *thính giác đã quy thuận!*

(Tôi bị nổi đau đón tới bóp nghẹn họng, như nổi đau sau ngày tháng chạp lúc tôi vận bộ quần áo mới đầu tiên. Tôi vênh váo trong bộ quần áo và vươn thẳng người trên gót giày cao. Tôi cứ để nguyên mũ trên đầu... như một tay đại quý tộc Tây-ban-nha.)

Tôi lại cảm thấy tự hào và tự do!

Tôi không còn thót bụng cũng như thu móng lại, tôi không lê chân nữa, tôi không còn ăn nói dè dặt, tôi không nuốt giận hoặc nhin cười nữa. Tôi không còn bước đi dưới mái Ôđêông như đám tù cầm cổ *nối đuôi nhau đi dạo* trong đáy những nhà giam bi thảm.

(Lần đầu tiên, tôi đi giữa đường phố với nguy cơ bị xe chẹt, tôi cứ đi. Tôi sẽ chẳng gây cho mình thói quen đó, nó rầy rà lắm, nhưng tôi đã phải men sát bờ tường lâu quá rồi. Tôi cần có cái cảm giác về lòng đường mà tôi mới biết gọi là. Ngày mai tôi sẽ lại đi trên vỉa hè, nơi người ta sẽ thấy đôi giày của tôi bóng lộn; trong khi chờ đợi, tôi làm lóa mắt bà con tầng trên hầm vì ánh mũ loang loáng của tôi. Tôi đi qua dưới tất cả những tầng trên hầm nào thấy có bóng người đứng ở cửa sổ.)

Tiệm nhảy Mỹ.

Chúng tôi đã vận quần áo đẹp đi diễu trên các đại lộ. Có một *tiệm nhảy* Mỹ ở gần phố Jufroay, thường mọi người kéo đến đó vào khoảng bốn giờ.

Những tay buôn chứng khoán, đeo những viên kim cương to như quả hạt dẻ, những tay ăn chơi, những người nổi tiếng, tới đó vây vo trước các cô hầu bàn xinh đẹp rót rượu ngọt màu cỏ, màu vàng và màu máu. Họ sai đổi giấy bạc để trả tiền rượu ápxanh.

Những cô gái ấy không ghét tôi thì phải.

“Trông anh chàng giống con tenởvờ”, cô Maria nói.

Tôi ngỡ cô chửi xỏ tôi; nhưng hình như không phải!...

Trước khi có bộ cánh Côông, tôi có vẻ một con chó chăn cừu, một con chó của người mù, một con chó bẩn thỉu bị cắt cụt đuôi. - Một người ăn mặc lúi xùi cũng có vẻ ngu xuẩn như một con chó bị cắt cụt hẳn đuôi. Đạo ấy, tôi có vẻ mắc bệnh, người ta có lẽ phải cho tôi diêm sinh. Bây giờ thì tôi là chó tenởvờ, một con tenởvờ mỹ miều...

“Và chẳng ngu”, một vài người để thêm, ám chỉ những lời chuyện trò táo tợn của tôi.

Chẳng ngu? - Nhưng, nếu ngày mai tôi lại vận chiếc rớđanhgôt rách lốt, thắt chiếc ca-vát sờn rách và sâu kền, xé chiếc quần phanh thây như Ravayăc^[71]; nếu ngày mai tôi lại đi đôi bít-tất quá rộng trong đôi giày thủng thì ngày mai tôi sẽ lại ngu xuẩn và xấu xí, - ngu như con lợn, và xấu như con khi!

Vậy các bạn không biết tôi có vẻ thế nào suốt trong bốn năm ư?

Hai ba thằng hợm thường chế giễu sau lưng tôi hoặc nói xấu khi tôi ăn vận tồi tàn, bây giờ tới vuốt ve bộ quần áo mới của tôi.

“Bỏ tay ra”! Tôi vừa rít lên vừa thối khói thuốc vào mặt chúng.

Tôi đối đãi chúng như những con chó.

À! Chúng mày định làm lành với Vanhtrax: cái thằng Vanhtrax mà bây giờ người ta bảo có vẻ sang trọng riêng của nó! Muốn thế thì phải chịu nhận lời đả kích độc ác hoặc đón chờ những cái tát sẵn sàng.

Tôi chưa bao giờ muốn tàn nhẫn với một kẻ xác xược. Bây giờ thì tôi muốn. Tôi có thể tát vào mặt một thằng đeo găng bằng đôi găng mới của tôi.

Tuy nhiên phẩm giá tôi sút kém đi từ khi có bộ quần áo ấy!

Tôi đã phải đối trá với những thói quen lương thiện thầm lặng, phải từ bỏ lòng kiên trì sống đạm bạc. Phải vĩnh biệt những quyết tâm anh hùng của mình.

Tôi đã có chỗ đau lòng vì cái đó.

Trước đây, một đôi khi tôi cảm thấy niềm kiêu hãnh tự thề với mình sẽ cứ ăn vận tồi tàn cho tới ngày giành được vận may: khi chết, tôi sẽ tự tuyên dương trong di chúc bằng cách kể lại chuyện đời tôi, và dùng những quần áo rách cuối cùng để quất những kẻ còn sống mà mang công mắc nợ vì may mặc - tôi, tôi không nợ gì hết, ngay cả đôi giày tàng.

Phẩm giá tôi sa sút. Tôi đã phải đóng trò hề để có quần áo, giày và mũ - một tấn trò mà tôi xấu hổ.

Những đôi giày rách là giày *của tôi*; tôi có thể ném giày vào đầu bất cứ kẻ qua đường nào mà nói:

“Có lẽ mày cũng lương thiện đấy, nhưng mày không lương thiện hơn tao được.”

Đối với một kẻ bị phá sản, tôi có thể kêu lên:

“Tao tặng mày một mũi giày.”

Tuy nhiên tôi tin là mình sẽ kiếm được tiền để trả nợ! Anh chàng *Vanhtrax* đang đà phát.

“Nó đã pha nước vào rượu vang^[72], người này nói; nó đã vứt bỏ cái nông tuổi trẻ, người kia nói; cái anh chàng ấy, tôi vẫn bảo nó có chỗ tốt! Một người thứ ba nói.”

Tôi đã không pha nước vào rượu, tôi đã pha rượu vào nước. Tôi sẽ không vứt bỏ tính nông cuồng, tôi sẽ vứt bỏ những quần áo tả.

Lũ ngốc!

Ở chỗ nào tôi cũng đặt.

Tôi trở thành một vĩ nhân tại nhà ông Jôli.

Bây giờ tôi có thể cúi xuống không nguy hiểm để chấm bài.

Có một bà mẹ, ba mươi tuổi, tóc vàng, cười trong như bạc, lúc nào cũng có một cái gì để chỉ cho tôi xem trong... vở của con trai bà, và bà cứ cúi xuống thì đầu vú lên vai tôi...

Một buổi sáng, chiếc jakét hình như rất ăn với người tôi trong ánh sáng nửa mờ nửa tỏ của lớp học la-tinh - áo lót của bà tóc vàng long lanh và thơm như một bó hoa to! Bà đã mỉm cười vẽ lên góc quyển vở một cái đầu bù rất giống đầu tôi.

Môi chúng tôi đã gặp nhau...

Tối hôm nọ, bà đã giới thiệu tôi với ông chồng.

“Cháu được kèm thêm liệu có tiến bộ không? ông hỏi tôi.

- Tiến bộ nhiều.”

Tôi không nói tiếng “*nhiều*” này như đã nói *nhiều* với ông Cô-môn-giê nhân câu chuyện tượng *Thần vườn tược* khi ông hỏi tôi có yên nghệ thuật hay không.

Tiếng *nhiều* này rất lôi cuốn và say sưa.

Ông Macten, người chồng, như đã trông thấy con mình đang dịch “Verin”^[73] (điều này chắc sẽ rất có lợi cho việc giao dịch của ông ta, phải không?) và ông hỏi tôi giá cả. Hồi xưa, ắt tôi đã đáp: hai phơ-răng một giờ, có khi hai mươi xu cũng nên, nếu dít tôi phải ngồi lên đánh ghim. Bây giờ tôi không ngồi lên đánh ghim nữa, mọi người nên biết thế! Và nên hiểu rõ điều đó, một lần thôi!

Tôi không phải ngồi lên đánh ghim nữa, cho nên tôi đòi năm phơ-răng một giờ!

(“Năm phơ-răng một giờ, đồng ý. Ông sẽ thu xếp với mẹ cháu về ngày giờ. Mời ông uống một cốc sâm banh nữa!

- Xin cảm ơn ông! Mấy hôm nay tôi dự tiệc nhiều quá và cứ phải uống loại rượu Jäckét-xông.

- Jäckétxông!” Tôi muốn tỏ vẻ có một nhãn hiệu rượu sở thích!

Tôi đã trông thấy chữ Jäckétxông trên một cổ chai bọc giấy bạc nên mới nói: uống loại rượu Jäckétxông!

Ông Macten nhìn tôi. Cái nhìn ấy tôi đủ hiểu. Tôi bị hố rồi, tôi thấy ngay lập tức.

“Ông nói Jäckétxông à, ông vừa nói vừa có vẻ nhìn xem chiếc jakét của tôi có phải đúng của hiệu *Cô trồng vườn xinh đẹp không*.

- Không phải Jäckétxông”. Tôi nói với ông giọng gay gắt, như một người có chuyện với một thằng ngu và đang chỉnh hăn về tội đại dột.

“Không phải Jäckétxông! Ông biết tiếng Ănglê không?

- Không!” Chà! Ông ta không biết tiếng Ănglê! Thế thì được!

“Tôi không nói Jäckétxông! Tôi nói Jăcxơn! Một nhãn hiệu Ănglê, loại thượng hảo hạng của nhà Uyliêm Jăcxơn.” Tôi không kéo dài chữ n, tôi không phải kẻ đọc *Lo Bairoñ* là *Bairoñn* khi nói chuyện với một tay người Pháp, và không muốn lạm dụng.

“Xin lỗi ông. Tôi ngỡ ông nói Jäckétxông, loại nhãn hiệu hai phở răng một chai, rượu lê của Sămpanbơ!

- A ha!” Tôi cười như một trò chơi chữ giữa các hầu tước ở *Pom-đơ-panh*; nhưng hú vía. Ăn vận tồi, tôi sẽ không tìm ra được Jăcxơn, và sẽ không cười kiểu cười hầu tước như thế, cố nhiên.

Tôi đứng dậy khỏi bàn ăn hơi ngà ngà say, nói theo kiểu bà mẹ Mutông, nhưng cái say của tôi là ở chỗ ngỡ mình dòng dõi quý tộc, và tôi gác chân lên ghế bành kể một câu chuyện về một ông cụ tổ của tôi đã không chịu chào nhà vua. Mặc dù vận quần áo sang và đang cơn say, tôi vẫn không quên tư tưởng cộng hòa của mình.

Một ông cụ tổ của tôi gặp một ông vua, nhưng sự thực cụ đã phải chào vua. Bởi vì chúng tôi thuộc một dòng quý tộc chuồng bò. Về đảng thầy tôi

thì trước kia nuôi lợn, về đàn mẹ tôi thì chăn bò. Trên huy chương của chúng tôi có hình chân lợn đuôi bò bắt chéo, với một đầu bê làm nền.

Tôi dạy học tư với giá năm phở một giờ).

Ông Côông tuyên bố là tôi cần một bộ áo *buổi sáng*.

Tôi thường thấy buổi sáng trong múa balê và trong các kịch thơ thể hiện bằng màu vàng tươi hoặc màu lam nhạt. Thế thì tôi sẽ vận buổi sáng theo kiểu kịch thơ hay vũ kịch thần tiên chẳng? Tôi sẽ có những giọt sương trên người chẳng? Có chỗ nào tôi hé mở đón bình minh chẳng?

Không. Tôi có một chiếc áo mà chính ông Côông cũng phải mê, nó “*buổi sáng*” rất mực. Ôi chao! Sao mà nó “*buổi sáng*” làm vậy!

Ông Côông còn nói thêm rằng đây là áo vận từ chín giờ sáng tới trưa - không trước chín giờ, không quá buổi trưa.

Tuy nhiên tôi vẫn mặc nó tới một giờ, có khi hai giờ! - Vì giờ dạy học của tôi kéo dài tới đó. - Dạy học ư? Nghĩa là chấm vở của đứa bé mà người ta xua đi chỗ khác...

Người ta hé mở một chiếc áo ngủ rộng, kẻ sọc xanh lam, viền đăng-ten nơ, và bó lấy một thân hình như pho tượng...

XXIV

CHÚA JÊXU CẦM XÚC-XÍCH

Cho đến nay các mối tình của tôi đều có mùi quán sữa hoặc quán rượu ngoại ô.

Tôi đã ném chiếc mùi-soa bằng vải thô cho vài cô sinh viên thấy tôi có đôi mắt to và đôi vai rộng. Mọi chuyện đó đều có hương vị cá nướng và sái cà-phê.

Bây giờ tôi hít căng mũi mùi thanh lịch.

Tôi giấu bà ta địa chỉ của tôi, mặc dù bà hỏi luôn.

“Nếu anh không nói, tức là anh có một người đàn bà khác!...”

- Không, tôi ở với mẹ tôi.

- Bà cụ anh sống bằng thực lợi à?”

Tôi không dám nói dối, cũng không dám ừ.

Tôi cảm thấy rõ cảnh nghèo đối với bà ta là một sự xấu xa, và đối với tất cả mọi lời bóng gió của bà về lối sống của tôi, tôi đều đáp lại bằng cái trò làm vẻ xoàng xĩnh thếp vàng.

“Sở dĩ tôi vào nghề dạy học và đi dạy tư thế này là để rồi trở thành giáo sư đại học.

-Ồ! Tôi sẽ đi nghe anh giảng! Nhưng rồi tất cả các cô sẽ mê anh mất...”

Bà phụng phịu buồn và nói tiếp:

“Đồ đạc của anh màu gì? (hơi đỏ mặt một chút). Riềm treo ở giường anh thế nào?”

Bà cúi đầu chờ:

“Riềm treo ở giường tôi à?...”

Tôi không biết đáp ra sao.

“Màu gì?”

- Màu *cánh rán*...”

Suýt nữa tôi nói *màu rệp*!

“Tôi sẽ tự tay sắp đặt buồng trai tân của anh!”

Tôi đã nghĩ đến việc thuê một căn buồng, nhưng mặc dù việc dạy tư chạy đều, tôi vẫn không giàu. Những đồng “Luy” vàng tan mất ở dọc đường, trong những cuộc chúng tôi dạo chơi bằng xe ngựa và trong những lúc dừng chân tại những hiệu ăn sang trọng, nơi bà muốn ăn một *tí chút* - một tí chút thôi, anh nhé! Bà vừa nói vừa tháo găng tay.

Tôi đã có lần phải ăn bánh mì với nước lã, hôm trước hoặc hôm sau những ngày mà chúng tôi đã ăn *một tí chút*, đầu tiên là ở hiệu bánh ngọt, sau là ở hiệu ăn, sau nữa ở một tiệm cà-phê của người giàu, nơi bà muốn vào để soi gương xem mình có bơ phờ quá hay xanh quá không.

Một đôi khi bà sợ ông chồng.

Sợ ư? - Tôi tin là bà vờ thế để kích động niềm vui của tôi. Bà thấy rõ tôi không sợ nguy hiểm, và ngược lại bóng ma hiểm nghèo càng kích thích những thèm muốn và niềm kiêu hãnh của tôi.

Sợ ư? - Nhưng bà cứ đàng hoàng khoác tay tôi?

Ở rạp hát, bà cọ người vào tôi, tóc bà quện vào tóc tôi...

Một lần bà muốn tới các tiệm cà-phê khu phố, và bà đã nổi giận tôi vì tôi không xưng hô anh em với bà.

Đỗ vờ.

Tôi đang ngồi trong cái ổ chuột của tôi. Có tiếng ồn ào ở ngoài cầu thang.

“Bà hỏi ai? Ông chủ nhà trọ hỏi. Bà hỏi ông Vanhtrax? Tôi bảo bà: ở đây; bà bảo: không phải! Tôi bảo: phải! Tôi biết rõ những ai ở trọ nhà tôi chứ. - Ông Vanhtrax ời!

- Có chuyện gì thế?

- Có bà nào hỏi ông đây này.”

Trông qua khung cầu thang, tôi thấy một cái đầu thò qua, nhưng rồi biến ngay lập tức!... Tôi nghe thấy tiếng lụa sột soạt, tiếng chân bước vội... Một tà áo chạy trốn ngoài phố.

Tôi vừa chạy theo vừa núp đằng sau người và xe.

Chiếc áo kia, chiếc khăn san kia!... Chính là NÀNG, người đàn bà với tiếng cười trong như bạc, với bộ tóc vàng, với chiếc áo ngủ xanh lam...

Xấu hổ quá! Tôi không còn dám xuất hiện trước mặt bà ta nữa. Tôi cũng không dám ló mặt tới lớp học, tôi sẽ không gặp lại ông Jôli, tôi sẽ tránh khu phố của NÀNG, tôi sẽ tự dày mình ra khỏi khu vực Pari ấy.

Tôi đã viết mấy dòng xin thôi việc.

Tôi ở lì nhà tám ngày tám đêm, vò đầu bứt tóc, may sao tôi lại lẩm tóc.

Vào giờ bà thường chờ tôi ở gần sân vận động, tôi không sao cưỡng được đi về phía ấy; tôi chạy theo tất cả những ai trông hao giống bà ta - và tôi nấp mình khi ngỡ nhận ra bà.

Nhưng tôi không để cho đau khổ đè bẹp.

Tôi sẽ làm việc, làm việc, kiếm ra tiền, kiếm ra vàng, rồi thuê một căn buồng với chiếc giường *riềm treo màu cánh rân*, sau đó tôi sẽ viết thư cho bà. Tôi sẽ bịa ra một câu chuyện; tôi tìm các tình tiết, tôi thêu dệt thêm vào...

Các chỗ dạy tư đến tới tấp như mưa, tôi dạy lớp đầu tiên vào bảy giờ sáng cho con trai một viên cựu đại tá; lớp cuối cùng vào tám giờ tối cho một gã nhà giàu ngu ngốc muốn luyện *bút pháp*. Tôi dạy hẳn cái đó. Đồ ngu!

Mọi việc chạy như trên bánh xe bằng bạc. Ngay vết thương của tôi cũng đã lành.

Thằng lợi của tôi, dù kết thúc không ra gì, cũng đã làm cho tôi mạnh dạn hơn lên; và trong khi mơ ước gặp lại bà mẹ trẻ tóc vàng kia, tôi tán tỉnh một cô Ănglê, là chị một học trò của tôi, cô gái xinh xắn ấy không có vẻ cho tôi là xấu xí quá.

CÔNG NỢ

Nhưng ông Cômông đã viết giấy đòi nợ.

Gay thật!

Thật quả điều tôi dự tính! gấp đôi!

Tôi tạm trả trước một phần. Trả xong, tôi còn lại *bảy phơrăng* để sống đến hết tháng! Phải tằn tiện, mẹ kiếp!

Tôi vốn tằn tiện.

Tôi sống xềnh xoàng. Bữa sáng tôi ăn thịt lợn.

Một hôm, tôi đói quá. Tôi không đợi về đến nhà; tôi mua một chiếc xúc-xích, một chiếc bánh nhỏ, và tôi đứng ăn bữa trưa ngay dưới mái cổng một tòa nhà cũ to, rất vui vẻ, không ngờ một tai họa đang đe dọa mình!

Tại họa đó đến bằng nước kiệu.

Đấy là một chiếc xe ngựa đi vào cổng. Tôi chỉ kịp áp sát người vào tường. hai tay dang ra như đức Chúa Giêxu.

Một thiếu nữ thét bác đánh xe: Cẩn thận đấy!

Nhưng tôi biết cô ta! – Chính là cô gái Ănglê!

Cô đã trông thấy tôi!

Con người mộng tưởng của cô kia, đứng sát tường, một tay cầm xúc-xích lợn, tay kia cầm chiếc bánh con...

Thật là hay cho tôi!

Người ta làm một bài tình ca về nỗi bất hạnh của tôi tại một thi đàn nợ: Chúa *Giêxu cầm xúc-xích*: bốn đoạn và một điệp khúc.

Tôi quyết định rút về ở lì trong hang, chỉ ló mặt ra những khu phố giàu sang để bán phân từ và luyện bút pháp.

Nhưng tôi là một đứa vụng về!

Công việc làm ăn sút kém. Bulima gặp tôi nói:

“Anh hãy ló mặt ra chứ! Đi thăm các nhà! Giong ngựa đi dạo! Anh trở thành gấu rồi. Ở những chỗ anh nhồi trẻ, người ta không thích gấu đâu.”

Tôi thì lại không muốn mất buổi tối để tới những nhà tư sản mà Bulima khuyên tôi nên quan tâm; sau ngày dạy học – tôi muốn được tự do, - tự do làm việc cho tôi.

Tôi không được tự do.

Người ta không *kiếm nhiều ít tùy ý*. Khi người ta có khách hàng như đám khách của tôi thì người ta không làm chủ được cái thứ vải gọi là thời gian, người ta không được chọn giờ giấc, chọn lối sống của mình.

Bulima nhắc tôi:

“Với cái vẻ lợn lòi của anh, anh phải ăn vận như sư tử.”

Muốn ăn vận như kiểu sư tử, tôi phải tiếp tục sống trong cái hang chuột nơi bà quý phái nọ đã bắt gặp tôi, và phải ăn thêm nhiều xúc-xích hai xu mà cô Ănglê đã trông thấy một mẫu hàng trong bàn tay tháo găng của tôi dưới cái cổng to. Tôi phải hy sinh tất cả để may mặc, như một cô gái!

Tôi *hóa trang* để đi dạy học.

Tôi buồn nôn vì chuyện đó!

XXV

MAZAX

Một buổi tối, lão chủ trọ gọi tôi ra một chỗ.

Lão báo cho tôi biết có một ông “thâm thấp, béo lùn, tóc nâu” tới tìm tôi với vẻ bí mật. Khoảng trưa mai ông ta sẽ trở lại.

Trưa hôm sau, Rốc đứng trước mặt tôi.

- Trông mày không còn vẻ một người cộng hòa nữa, anh vừa nói vừa ngắm bộ quần áo hợp thời trang của tôi.

- Lên trên kia, tôi nói, mày sẽ thấy tao có vẫn nghèo hay không.

Anh leo lên.

Chúng tôi nói chuyện thì thềm một tiếng đồng hồ trong cái hang của tôi.

Tôi vẫn giữ trong đáy lòng mối thù cay đắng, khôn nguôi của ngày mùng 2 tháng Chạp.

Dù là tham vọng hay nổi loạn, tôi cũng đã đau khổ - đến chết được! – vì cuộc sống âm thầm và hèn hạ dưới thời Đế chế; và trong đám sương mù làm ngạt thở một kẻ tối tăm như tôi, cũng như nó làm nghẹt thở những người nổi tiếng, tôi vẫn không ngừng nghiền ngẫm mưu đồ chống Bônapactơ.

(Sau khi từ Năng-tơ trở lại Pari, do tác động của sự kinh tởm, tôi đã nén đau đớn trong lòng, tôi đã cố tìm nó vào ý nghĩ viết một quyển sách, nó sẽ đợi năm năm, mười năm để thò mõm ra ánh sáng như hòng một khẩu đại bác. Chà! thế đấy! tôi đã vấp phải những cái dấn độn của món học tú tài, nó ních đầy đầu óc tôi những tiếng hy-lạp, mà bụng thì hầu như lúc nào cũng rỗng trước một xã hội nó cười vào mũi tôi. Trước khi viết một quyển sách như người ta nạp đạn một khẩu đại bác, phải quăng đi cái mớ hành lý công kênh, còn chiếc que thông nòng súng của tôi thì nhầy nhầy những mỡ trường

trung học, phải có một dụng cụ khác cho người điều chỉnh súng. Quyển sách nằm trong tim tôi mà chẳng phải trên giấy. Có ích gì! Ai sẽ xuất bản của nó lấy một chương, một trang, một dòng? Tôi không biết có bãi lau nào để có thể thét lên những niềm uất hận của mình^[74]! Nếu trên con đường tôi đi có một âm mưu lương thiện, tôi sẽ gia nhập và tiến lên!)

Rốc tới để báo cho tôi biết mọi cái đã sẵn sàng.

- Những liên hệ với phong lưu liệu có ngăn trở cậu không, anh vừa nói vừa mỉm cười. Liệu cậu có can đảm từ bỏ những hạnh phúc đang đến với cậu vì những nguy hiểm mà mình đem đến cho cậu không.

- Nguy hiểm, thì mình vốn đã ưa, mình sẽ có mặt.

Bây giờ đi vào chi tiết ...

“Người ta đã sẵn sàng” Rốc nói với tôi.

Người ta là ai?

Rốc có thể cho tôi biết tên một trong số những người mưu sự, đó là một chàng trai đã sát cánh với chúng tôi ở vị trí chiến đấu hồi tháng Chạp.

“Được lắm”

Rốc ra chỉ thị cho tôi và giới thiệu tôi tiếp xúc với một người nghiêm nghị. Ông ta chải tóc phẳng và đeo kính; trông có vẻ một thầy tu, nếu ông không để râu quai nón như một bác làm vườn và để ria như một lính đánh trống.

Đó là một giáo sư triết học đã không chịu tuyên thệ; ông cử chỉ ngập ngừng, nói giọng mũi, nhưng lời lẽ chua chát và con mắt nghiêm - thêm vào đó là cái mũi hơi đỏ; không phải vì rượu mà vì máu nóng.

Tôi đã tưởng người ta có thể cười – nhất là trước ngày chết – thậm chí tôi đã nghĩ cần phải cười vì khôn ngoan, là vì người ta không để ý nghi ngờ những người đeo lên tai kẻ mưu sự cái băng kẻ vô tâm. Tôi đã thốt không biết lời mĩa mai gì khi bước vào.

Ông đeo mực kính đã nhìn tôi với con mắt giá lạnh và làm một dấu hiệu khinh bỉ. Thậm chí ông nói với tôi một lời nghiêm khắc nữa, thì phải.

Được rồi! Tôn trọng kỷ luật! Tôi sẽ nghiêm trang và cứng nhắc, nếu có thể, như Rôbexpie^[75].

Có cuộc triệu tập bí mật vào tối hôm nay.

Chúng tôi tới một căn buồng ở trong cùng một cái sân cũ, tới đó thì hay tin ngày mai sẽ khởi sự.

Chà! chẳng còn mấy thời gian để sống nữa. Vậy là chuyện nghiêm chỉnh, nhất định rồi ư?

Sau bữa ăn tối, chúng tôi sẽ phải gặp nhau ở tiệm cà-phê quảng trường Xanh-Misen. Quả nhiên buổi tối hôm ấy, chúng tôi nhận ra nhau, trước những cốc bia nhìn nổi bọt và uống cạn với cái vẻ dày dạn.

“Người của anh sẵn sàng rồi chứ?” một người trong hội kín khê hỏi tôi.

Tôi hơi ngượng, đỏ mặt lên một chút. “*Người của tôi!*” thật là long trọng! Tôi kính sợ cái long trọng.

Họ gồm bốn năm sinh viên trẻ, hồng hào và béo tốt mà tôi không quen biết.

Hình như tôi cầm đầu nhóm họ, nhưng tôi chẳng biết gì hơn họ. Người ta đã chọn tôi là quá bông lơn, hoặc giả Rốc nhớ lại những cuộc tranh cãi gay gắt giữa chúng tôi hồi tháng Chạp, và anh không muốn tôi văng những lời nói kháy vong mạng chọc tổ chức âm mưu này. Anh sợ những điều thô bạo hoặc tính nóng nảy của tôi.

Tôi không để ý tới chuyện đó và không khỏi lời thôi gì cả. Tôi vui vẻ nhận vai trò người ta trao cho tôi – thật tình không tin tưởng là tấn bi kịch sẽ được trình diễn trước công chúng. Tôi biết việc suy tính giết người là thế nào. Hồi xưa tôi đã từng có ý ấy, và tôi còn nhớ những xúc động thắt trái tim và làm giá lạnh da đầu tôi khi tôi mừng tượng giây phút tôi rút súng... ngấm... và bắn...

Với lại tôi đã đọc sách, đã suy nghĩ, và tôi không còn tin tưởng mạnh mẽ như xưa vào hiệu quả của việc giết vua.

Chính tệ lậu xã hội là cái cần phải giết chết.

Không mất thì giờ để đào sâu vấn đề, tôi đã nhận phần nguy hiểm của mình trong công cuộc chung, nhưng tôi không tin tưởng. Chính vì ưa thích mạo hiểm, vì không muốn bị coi là lừng chừng hoặc đào ngũ trước mắt những người bạn hồi 51 mà tôi tham gia vào cuộc mưu sự này.

Tôi không thể giấu Rốc về việc mình không tin tưởng. Rốc hỏi tôi rằng rồi đây nếu lòng không tin tưởng của tôi bị thực tế đâm máu xác minh là sai, thì tôi có sẵn sàng hô hào cầm vũ khí trong khu phố của tôi không.

Tất nhiên. – Nếu có xôn xao trong không khí, nếu cần một tiếng nói để phát lệnh, nếu cần leo lên các bậc thềm rạp Ôđêông là nơi tôi đã lượm nhiều năm thất bại và xấu hổ, và đứng trên những bậc đá ấy để vừa kêu lên: “Cộng hòa muôn năm!” vừa giương một lá cờ xung quanh đó người ta chiến đấu điên cuồng – nếu vấn đề chỉ có thể: tiến lên!

Đấy sẽ là một ánh chớp trong bầu trời đen tối của tôi.

Tôi đã báo cho Lơgrăng biết tin về dự định tấn công.

Lơgrăng thích sự nguy hiểm, anh mê những khung cảnh bi tráng.

“Mình xin tham gia”, anh nói.

Tóm lại, chúng tôi đúng là có bảy người để khởi sự, và sẽ chịu trách nhiệm chiến đấu ở khu vực này của Pari.

Bảy người!

HÔM NAY KHỞI SỰ

Người ta báo cho tôi biết sẽ được phát súng lục và đạn khi nào sắp hết giờ.

Súng lục với đạn được, quả là đã được trao cho tôi vào giờ đã định.

Thôi, số mệnh đã định!

Tới phút cuối cùng, tôi còn báo tin thêm cho một anh bạn cũ ở Năngtơ, tên là Côlinê, hiện là sinh viên trường thuốc, bố là một triệu phú. Anh nhận sẽ mang một nửa số vũ khí. Hoan hô!

Người ta sẽ không bao giờ ngờ được anh con trai nhà giàu ấy lại giỡn với tự do và tính mạng của mình trong một mưu đồ của bọn nổi loạn!

Anh quả quyết làm việc đó, vì tình bạn đối với tôi, và cũng vì nhiệt tình cộng hòa. – Anh nhét súng lục và đạn dược vào các túi áo rơđanhgốt và badờxuy, tiến lên trước và ung dung tới ngồi bên một chiếc bàn ở tiệm cà-phê mà những người thám báo sẽ tới, *khi đã khởi sự*.

Mưu toan là bắn vào hoàng đế tôi nay đi xem ở Hải kịch Viện. Người ta sẽ đợi ông ta ngoài cửa rạp! *Nổ súng! Nền cộng hòa muôn năm!*

Tôi, Vành trax, chịu trách nhiệm hô hào nổi dậy bên tả ngạn!

Người ta hứa với tôi sẽ có những phân đội công nhân chạy đến khi nghe tiếng tôi.

Có chắc như vậy không? Tôi chẳng tin là có những phân đội ấy, Rốc cũng vậy: tôi tin thế! Nhưng như vậy để làm vững tâm mọi người, nếu không phải là tôi. Dù có những phân đội hay không, tôi đảm bảo là nếu người ta nổ súng lục ở *bên kia* thì ở *bên này* đạn của bọn tôi sẽ lên tiếng.

Bảy giờ tối, - Họ đã lên đường!

Bọn tôi chờ.

Phải chăng là ngờ vực, là vô tâm? Phải chăng là tác động của cân não hay của sự nóng ruột. Bọn tôi đều nở nụ cười trên môi.

Cái nhà ông thuần túy không có mặt ở đây, và chúng tôi tìm cách bông đùa về những điệu bộ “kẻ mưu sự” của mình, là vì súng lục và dao găm cộm lên dưới quần áo làm chúng tôi có vẻ đã ăn cắp xúc-xích hoặc đang ủ những con cu ly.

Chúng tôi nốc từng cốc bia.

Chúng tôi đã lập một quỹ do sự đóng góp tùy sức mỗi người, và chúng tôi sống vào đó – cho tới lúc đại sự, nếu đói hay khát, người ta sẽ nhân danh nền Cộng hòa trưng thu, trong khu phố đang cháy.

Tám giờ rưỡi.

Tám giờ rưỡi rồi. – Chẳng có tin tức gì, không có đông bão trong không khí, không có đảng viên chạy tới!

Mười giờ. – Không có ai hết.

Nửa đêm.

Nửa đêm!...- Vẫn không thấy gì cả!

Nhưng cứ để chúng tôi không tin tức gì thế này thực là kinh khủng! Họ đã có đủ thì giờ trở lại đây! – Đáng lẽ họ phải ở đây để nói cho chúng tôi biết người ta đã do dự, người ta đã sợ, rằng những người cầm đầu và mọi người đã lùi bước, rằng chúng tôi được tự do quay về nhà, và hoãn đến một lần khác – hoãn vô thời hạn!

Phải quyết định một bề.

“Các cậu giải tán, lượn quanh, tôi ở rạp Ôđêông với Côlinê.”

Anh chàng can đảm. Anh vẫn mang số vũ khí. Tôi mang đỡ một chút cho anh – hai chúng tôi là cả một kho vũ khí! Nếu chúng tôi bị cảnh sát bắt, tương lai sẽ ở Cayen^[76], hoặc xử bắn ngay tối nay cũng nên.

Có tiếng chân người!...

Cảnh sát chăng Hay một người đồng bọn?

Một đồng chí – nhưng anh không biết gì cả.

“Này Đuyriôn^[77]. Mày ở đâu ra đấy!

- Ở đâu ra à?

Anh ta làm ra vẻ lão đạo bước lại gần tôi rồi nói nhỏ vào tai tôi *mật lệnh* của âm mưu.

Sao! Đuyriôn cũng tham gia à?

Ai báo tin cho anh ta vậy?

Anh ta giải thích vắn tắt, - do Jube, một trong những người đi trước.

Anh cũng *tham gia*, xem nào, anh biết những gì!

“Lúc này cậu có ở Hải kịch Viện không?”

- Có.

- Thế nào?

- Thế nào! Họ đã không bắn lúc hoàng đế vào; họ chưa chuẩn bị xong, họ định bắn vào lúc tan hát. Nhưng trong lúc biểu diễn, một người mưu sự đã đánh rơi khẩu súng lục để trong túi; cảnh sát bắt người đó; hắn ta sợ, hắn khai và chỉ đồng bọn; người ta tóm từng người một trong hành lang, lặng lẽ...

- Chúng bắt những ai? Rốc có bị không?

- Không, hình như thế.”

Lại có tiếng chân người!... Lần này đúng là chiếc mũ một tên cảnh binh!

Chà! phải chuồn thôi!

Trong bóng tối, chúng tôi men theo các bờ tường.

Lúc ba giờ sáng, rút cục tôi nằm được vào giường, kiệt sức, mệt nhoài, như người vì bảy tiếng đồng hồ lo sợ chết người.

Những trận vật lộn của tôi với Đế chế lần nào cũng kết thúc bằng những cơn đau mình – những vết thương thâm hại làm chân tôi tứa máu. Thật là ngu xuẩn và nhục nhã như cơn mệt của con lừa.

Sáng hôm sau, tôi đến nhà Duyriôn.

Đó là một con người yếu đuối, một đầu óc nhu nhược; anh ta không có chính kiến, mà cũng không muốn có chính kiến. Làm thế nào anh ta lại biết được việc bí mật này?

Duyriôn kể lại với tôi câu chuyện đêm qua, với những chi tiết sai biệt kỳ quặc.

Anh ta hỏi lại tôi và muốn biết xem tôi biết những gì.

“Thôi đủ!”

Tôi không có gì để nói cả. Tôi không biết ai, và thậm chí tôi sẽ không gặp một ai nữa trong suốt một tháng, ngoài những người quen thường, - Công việc lỡ rồi, *ta hãy phân tán!*

Tình hình rất xấu.

Tôi hay tin là Rốc hiện bị giam. Đúng là hôm ấy anh có tới Hải kịch Viện.

Những ai không tới đó liệu có thoát không?

Lơgrăng, Côlinê, Duyriôn và tôi, chúng tôi là khách quen của một quán sữa ở phố hàng Thừng.

Từ khi có cuộc âm mưu, chúng tôi làm ra vẻ những tay ăn chơi ở quán đó, chúng tôi gọi thêm những *món ngoại lệ*.

“Mẹ Mari ơi, thêm một đồng tròn Môngpeliê nữa!”

Chúng tôi đặt cái tên quý tộc ấy cho một ly nhỏ rượu mạnh giá một xu, pha bằng hạt tiêu và cường toan; chúng tôi tợp rượu đó như những tay keng tợp rượu Sáctrơ ở tiệm *Càphê Ăng lê*.

Chúng tôi cố làm ra vẻ những kẻ chỉ sống để vui chơi ném tiền qua cửa sổ...

Nhân danh pháp luật.

Tám giờ tối.

Tôi vừa gọi một con *cừu con* – tên đặt cho nửa đĩa ragu.

Các bạn huých khuỷu tay tôi, lấy chân đạp tôi dưới bàn, trợn trừng mắt nhìn tôi...

Cừu ! Cũng như nói *mật thám*. Cái hình dung từ *con* ấy có vẻ xỏ lá! Hơn nữa lúc này không phải là lúc chơi với lửa.

Thì chính là từ hai hôm nay có một gã không ai quen biết, cứ muốn bắt chuyện với tất cả mọi người.

Tôi cố chữa lại câu nói lỡ lời:

“À không, mẹ Mari ạ, một cừu lớn!”

Tôi tốn thêm hai xu, cốt để xóa bỏ ấn tượng xấu. Một cừu lớn giá những sáu xu.

Một đám người tràn vào quán sữa!...

Một người đeo băng tam tài dẫn đầu sáu bảy gã vẻ mặt hung tợn ăn mặc như dân thường.

Hắn ra lệnh đóng cửa lại. – *Nhân danh pháp luật, không một ai được ra khỏi quán!*

Giữa cảnh im lặng nặng nề, tên đeo băng tam tài rút ra một tờ giấy và gọi tên.

“Lơgrăng?

- Anh ta không có đây.

- Voancanh?

- Không có đây.

- Côlinê?

- Đây.”

Côlinê, may không nhét súng lục trong người, hỏi người ta muốn gì anh.

“Lát nữa anh sẽ biết.

- Vanhtrax?

- Có!”

Tôi đã định trả lời: “Không có đây”. Nếu người ta gọi tôi trước Côlinê, chắc chắn là tôi sẽ đáp ứng như vậy; nhưng không cần trố trố nữa, tôi đáp đồng dục và có vẻ xác xược.

Tôi đã làm người chỉ huy một buổi tối: tôi không được tìm cách lẩn tránh khi những người khác tự nộp mình.

Tên dự thẩm định nạt nộ tôi.

Đồ ngu!

“Anh sẽ còn được ăn đậu biển ở đây lâu nếu anh muốn đóng vai anh hùng như vậy”, hắn nói với tôi, vẻ giễu cợt và hăm dọa.

Nhưng mà tôi không ghét món đậu biển! Vậy ra hắn không biết là tôi uống thỏa thích cốc vang nửa lít người ta cho tôi! Tôi chưa bao giờ uống loại rượu vang ngon đến thế.

Cái gì thế kia? Qua cửa xà lim giam tôi, tôi có thể vừa nhận ra một cái tàu thuốc, tàu thuốc của Lơgrăng.

Tôi đánh bạo hỏi một tên lính gác, hắn đáp:

“À! phải! cái thằng dở người ấy nó cứ hết bơ, bơ! lại hơ, hơ! khi người ta hỏi cung nó.”

Tôi thấy anh ta tiếp tục truyền thống cũ; anh làm như hồi ở trường trung học; anh đóng vai kẻ ngớ ngẩn.

Tôi cũng làm na ná như thế. Tôi làm ra vẻ như không hiểu gì cả. Những điều từ miệng tôi thốt ra, quyết định số phận từ tám đến mười người. Không được khai gì hết, không khai gì hết, và viên dự thẩm đành mất công làm cái vẻ nạt nộ.

Vũ khí và hành lý!

Chiến thuật của tôi đã thành công!

Người ta vừa gọi tôi: *Vũ khí và hành lý!*

Có nghĩa là: Anh được tự do. Hãy thu nhặt quần áo!

Tôi làm mọi thủ tục rồi bước qua hàng rào sắt. Cuối cùng, tôi ra khỏi nhà tù!

Tất cả các bạn cũng thế - trừ Rốc! Nhưng toàn thể số người trong nhóm tôi đều thoát! Bọn quan tòa thua!

Nhưng, than ôi! tên tôi đã bị nêu lên trong số những người bị bắt. Danh hiệu cộng hòa của tôi, quan hệ của tôi với những người cầm đầu cuộc âm mưu, toàn bộ dĩ vãng từ hồi 1851 của tôi đã bị đưa lên báo, và khi tôi đến để dạy học, các bộ mặt đều giá lạnh.

Bây giờ tôi thuộc vào *đám vô lại*.

Người ta thanh toán, người ta trả tiền tôi, và thế là hết.

Khách hàng của tôi đã chết.

Đến chỗ dạy tư hai phơ răng hay hai hào cũng không còn.

XXVI

LÀM BÁO

“Vanhtrax, tại sao mày không làm báo?”

Tôi đã thử.

Tôi đã đạt được cái tôi hằng ao ước bấy lâu, đó là chân *giữ bản thảo*.

Người ta thấy tôi quá già, quá khỏe đối với cái nghề trẻ con ấy.

(Người ta chỉ cần một chú bé để lấy bản thảo và đọc cho người chữa bài, treo bản in thử, soát xem mình có để sót gì không, và xem bản in có đúng từng câu, từng chữ với bản thảo không.

Tôi buộc lòng phải giấu tuổi và người ta nhìn tôi như một hiện tượng.)

“Thế hẳn không có nghề nào khác? Vậy chắc hẳn nghèo, nghèo lắm?”

Vâng, tôi rất nghèo; vâng tôi không có nghề nào khác. Tôi xin được việc này là nhờ một thầy giám thị cũ ở Năngtơ, ông là bạn từ hồi nhỏ của viên chủ bút. Thầy có phần tự hào tỏ cho tôi thấy mình có thể lực, và cũng sung sướng (ông là một người tốt bụng) vì giúp chúng tôi kiếm được vài xu.

Tôi được ba mươi phơrăng một tháng, đấy là trị số của tôi! Trong nghề làm báo hay nghề dạy học, tôi đáng giá ba mươi phơrăng không hơn một xu.

Mẹ tôi đã có lý mắng tôi là đứa vụng về. Tôi làm nghề của tôi rất vụng. Tôi lẫn lộn bài vở, tôi làm lộn xộn những trang.

Tôi đọc nhanh quá – đôi khi chậm quá.

Người chữa bài là người xấu xí, râu rĩ, một *quả khô*, coi tôi như anh tập việc kém cỏi.

Chẳng may tôi có giọng nói to, và thỉnh thoảng tôi lại buột ra những tiếng oang oang, như nện tôn, đột nhiên vang lên trong cái im lặng của nhà

in.

Người ta quay lại, người ta cười, người ta kêu lên: “Đừng đọc to thế, ông giữ bản thảo!”

Rồi tôi lại hay đăng trí, bỏ sót không đọc cả từng đoạn câu một; thế là phải đọc lại; làm người chữa bài phát cáu, và nhà văn, đã bị tôi gán cho những câu văn ngớ ngẩn, nổi cơn thịnh nộ, buổi tối đến gất ầm lên: “Nếu nó là thằng đàn thì tổng cổ nó đi!”

(Các biên tập viên thường qua lại, tôi muốn biết mặt, biết tên họ. Một người cao lớn, tóc đỏ hoe, trên má có vết, chân rất dài và mày tao với tất cả mọi người, đấy là Nada^[78], Và người này, cũng tóc đỏ hoe, nhưng béo tròn, thấp lùn, nước da như người Noocmăngđi, râu quai nón màu cát và mầu rượu vang xứ Angju xoắn với nhau như vỏ hành, đó là Ghêrun^[79], và nhiều người khác nữa!)

Cố nhiên là tôi không được việc.

Sau mười ba ngày người ta người ta đuổi tôi ra và thuê một thằng bé mười hai tuổi không có giọng kèn trômbon và không vắn sái cổ để nhìn trông trọc vào các tác giả.

Tôi đã rất lố bịch với tính nhút nhát, với những cơn đỏ mặt, với giọng nói oang oang, với trò vắn sất cổ ấy, đến nỗi trong hai tháng trời tôi không dám qua phố Cốc – Hê rộng. Bước đầu của tôi trong các nhà in hay như thế đó!

TẠI NHÀ 100.000 CHIẾC ÁO CHOÀNG

Tôi vừa gặp một chuyện may! Tôi có một quan thầy.

Đấy là viên quản lý nhà “100.000 chiếc áo choàng”: Cửa hàng may mặc lớn ở Năng tơ. Ông cắt áo cho một người bạn học cũ của tôi; người bạn này viết cho tôi:

“Cậu nên đến gặp ông Guya nhà “100.000 chiếc áo choàng”, ông hiện ở Pari để mua sắm, cậu sẽ gặp ông ta ở đường Hươu –to, ở cửa hiệu chính. Trước cửa có treo một chiếc áo choàng bằng sắt tây và những

áp-phích to. Ông có thể giúp ích cho cậu trong việc làm báo.”

Tôi tới đường Hươu-to.

Chiếc áo choàng sắt tây và những áp-phích to kia rồi.

Tôi lượn trước cửa hiệu, không dám bước vào.

Người ta xúm quanh tôi.

“Ông cần may áo... Có đủ loại thích hợp với mọi túi tiền...Cứ vào xem, chẳng mất gì...Ông cứ lấy quảng cáo của nhà hàng.”

Tôi quyết định nói mình tới hỏi ông Guya.

Ông Guya bước ra.

“Ông muốn gì?

- Anh bạn tôi là Lơoay, đã...

- A! được! Anh muốn viết, anh Lơoay đã bảo tôi thế!

- Duynăng!...”

Ông gọi một người to béo, chân đi guốc, đầu đội chiếc cát két trùm kín tai và gáy.

“Duy năng! Đây là một anh thanh niên muốn bôi đen lên giấy.

(“Để làm áp-phích à?

- Tôi không biết.

- Anh có thích viết áp-phích không? Anh có biết làm những cái như thế này không? Ông đưa tôi xem một tấm biển. Không. Tôi không biết làm những cái như thế. Thế tôi đã học hết các lớp để làm gì? Cái nhà ông kêu là Duynăng thấy rõ những cử chỉ lo lắng của tôi).

- À! có lẽ để viết ký sự cho tờ Pierô?)

Pierô là tờ báo của nhà “100.000 chiếc áo choàng”.

Báo bán ở cửa các rạp hát. Báo vừa đăng chương trình các cuộc vui vừa đăng giá cả của cửa hiệu: Đại khai trương quần len mỏng! Thành công

lớn của O. Mêlanhgo!^[80]. Mười chín phơ rằng một bộ com-lê! Tối mai, diễn lại vở *Gax pa đô, người dân chài!*^[81].

Có những bài tường thuật những buổi khai diễn, và những bài về sinh hoạt. Tất cả những bài về sinh hoạt ít nhất đều có một câu hỏi về hiệu *Mười hai vạn chiếc áo choàng*. Những bài tường thuật những *tối khai diễn* đều có những lời công kích ngầm đám thợ may- đo, họ đã mượn có lịch sự choàng trên lưng một số diễn viên những kiểu áo làm chướng mắt công chúng, làm ngang trở việc theo dõi vở kịch vì tiếng huýt sáo trước một kiểu áo kỳ quái hoặc một kiểu rơve áo quá quắt.

Người ta trao cho tôi viết một bài!

Tôi rất khó viết để bênh vực lỗi may sẵn ở cuối một cột! Nhưng rồi tôi cũng bênh vực nó, đồng thời tôi còn báo tin được một cuộc khai trương hàng. Trong bài ấy tôi phải phân tích một vở kịch của ông Anixê Buôc gioa.

Bài báo sẽ đăng vào hôm thứ năm.

Thứ năm, tôi dậy từ năm giờ sáng. Tôi tới ngồi trên một cái mố, từ đó có thể nhìn tới góc ngôi nhà in tờ *Pierô*.

5 giờ, - 6 giờ, - 7 giờ, - 8 giờ!...

Tôi phát sốt. Cái mố chắc phải nóng rực lên!

(- Thưa ông, tôi nói với một người có vẻ của nhà in, ông có biết người ta in tờ *Pierô* ở đâu không?

Ông ta không ở nhà in và ngỡ tôi gọi ông là *Pierô*. Hai bên suýt đánh nhau!)

Cuối cùng tờ *Pierô* đã ra. Tôi mua báo của người đầu tiên đem báo ra và tôi tìm.

- *Chương trình ...khai trương hàng, Quần, tiểu sử ông Hyaxanh, Quần áo vận ngày lễ thụ thánh thể đầu tiên! Kịch của ông Anixê Buôc gioa.*

Một cột rưỡi, và ở dưới ký cái tên tôi mới lấy – tên mẹ tôi! Tôi muốn đặt bước đầu vào nghề của tôi dưới sự bảo trợ của mẹ và tôi đã dùng cái tên con gái của mẹ^[82].

Nhưng người ta đã cắt xén tư tưởng của tôi, bài thiếu mất một câu!...

Câu thiếu ấy lại đúng là câu tôi thích nhất! Tôi viết bài báo chính vì câu đó – Đó là quả đấm ở cuối bài.

Tôi thuộc lòng câu đó; tôi đã gọt giữa nó công phu!

Tôi đã nằm xuống giường, trùm chăn lên mặt, nhắm mắt lại để nhìn thấy câu đó rõ hơn.

Tôi đã đưa ra bài học luân lý:

(Thường họ kết thúc như vậy, những kẻ đốt cháy con tàu của mình trước căn nhà bố mẹ để lao mình vào đại dương của cuộc đời bão táp! Tôi đã trông thấy bao nhiêu người vấp vì họ đã muốn chum chân nhảy vượt qua trên trái tim của họ!)

Phải chăng ở tòa báo họ đã biết tôi chưa bao giờ trông thấy ai nhảy vượt qua trên trái tim của mình? Hình ảnh những người đem con tàu của mình tới đốt trước cửa nhà, sau đó lại xuống tàu ra đi, phải chăng họ cho là táo bạo quá?

Họ là những nhà cổ điển chẳng?...

Tôi cứ lan man trong những giả định!...

Ta sẽ biết khi nào tới lĩnh tiền.

Người ta bảo tôi:

“Thứ bảy thì anh tới kết lĩnh tiền.”

Tôi có thể cho không bài báo. – Hầu hết những người mới vào nghề đều hy sinh trái quả đầu tiên của cảm hứng.

Tạp chí Hai thế giới không bao giờ trả tiền bài báo đầu tiên. Tờ *Pierô* thì lại trả. Nhưng có lẽ tôi là người đầu tiên được như thế từ ngày có tờ

Pierô. Chắc tôi đã gây chấn động!...

Người ta đã bỏ câu viết về những con tàu và chum chân. Đó không phải là lý do để họ không chú ý tới nó, và rất có thể họ định ràng buộc tôi với họ, nên họ mới hy sinh tiền nong như thế.

Tôi không thể từ chối số tiền đó! Và lại tôi sẽ dùng nó để trả tiền vá quần áo cho một hàng thợ may nhỏ.

Tuy nhiên tôi không muốn có vẻ vội vã tỏ ra bước vào nghề văn chương để làm giàu.

Thứ bảy – ngày đã định – tôi đi quanh một chút trước khi tới lĩnh tiền bài báo.

Cũng không nên để họ chờ mình lâu quá!

Tôi bước vào buồng giấy.

Buồng giấy là một cái hang nhỏ tối om, ở bên cạnh chỗ người ta để *những hàng cũ ế*.

Tôi hỏi ông chủ bút, người đi guốc và đội mũ trùm tai.

“Ông Duynăng Mútơ?”

- Ông ấy không có đây, một người trả lời tôi, nhưng ông ấy nhờ tôi đưa ông tiền bài báo.”

Người đó đưa ra cho tôi một gói có dây buộc.

Trả bằng giấy bạc à? – Thế thì nhiều quá! quả là nhiều quá, một gói to như thế cho một bài báo có hai cột. – Thôi được!

“Nhưng tôi quên, ông Duynăng Mútơ có để lại cho ông một bức thư!”

Ta hãy đọc bức thư:

Thưa ông,

Người thư ký tòa soạn sẽ đưa ông tiền nhuận bút về bài báo. Kèm theo đây là chiếc vét-tông ngắn. Tôi muốn làm hơn thế; nhưng điều kiện của

chúng tôi không cho phép. Người ta đã định chỉ tặng cho ông một chiếc áo gilê nhỏ. Tôi đã phải vất vả lắm để cho ông được chiếc vét-tông. Nhưng ông cứ làm việc đi, ông ạ, cứ làm việc! và chắc chắn chẳng bao lâu ông sẽ lên tới chiếc áo badờxuy mùa hè, thậm chí cả chiếc áo choàng mùa rét.

Xin chúc ông sớm có được một bộ comlê đẹp.

Đuynăng Mutxơ^[83].

Có nên từ chối không? Dù sao đi nữa, vận áo vét-tông vẫn còn hơn là vận sơ-mi trần. Tôi mang cái gói về, và chiếc áo ngắn này rất được việc cho tôi.

Tôi chưa lĩnh được một xu bằng tiền nào về các bài viết cả. Tôi đã lĩnh được một đôi giày của tờ *Báo của Nghề giày dép* về một bài báo viết về cái gì tôi không nhớ! – về đôi ủng của Batxompie^[84], thì phải. Người ta đã đưa cho tôi một đôi giày: gần như giày khiêu vũ mỏng dính.

“Vào nghề thế là khá đấy”, ông chủ bút nói với tôi, một ông to béo, cả ngang, khỏe và vui tính, vừa làm nghề thuộc da vừa làm thơ vừa buôn bán da vừa giao du với các Nàng tiên Nghệ thuật.

Đôi giày ấy quả đã được việc cho tôi trong ít lâu.

Rồi vì nó rách, tôi đến tòa soạn đưa bản thảo một *truyện ngắn* để xem họ có bằng lòng vá cho một miếng không.

“Không vá, ở đây không vá.”

Nếu tôi chịu thêm vào truyện ngắn một đoạn độ vài dòng, người ta sẽ cho tôi một đôi giày vá da! Người ta chỉ có thể làm đến thế thôi, và tôi cũng không đến nỗi mất công không.

Tôi nhận lời, và thật may cho tôi. Tôi đã đi chơi cả một mùa với đôi giày vá ấy.

Tôi đi từ Môngrugơ tới Grôcay; nơi tôi có một số bạn ở một quán sữa nhỏ. Tôi ăn vận xềnh xoàng, tôi có vẻ ở lại xó đó, và đứng chơi vớ vẩn trên bậc cửa như ở tỉnh lẻ.

(Tôi rất muốn ngày nào cũng viết được một bài nhỏ và một truyện ngắn để kiếm một đôi giày vải.

Mặt khác, giày vải cũng có cái phiền của nó! Tôi không còn dám to tiếng trong các cuộc bàn cãi, tôi không còn dám bén mảng tới những chỗ người ta đang cãi nhau, mặc dù xưa kia tôi rất thích những nơi đó, nay tôi trở thành tòi, tôi đâm ra hèn nhát... Là vì nếu tôi to tiếng, thì với đôi giày vải không thể đánh nhau được. Đá vào xương ống chân chẳng có ích gì vì tôi không đánh gãy được, mà cũng không thúc được vào bụng như hồi xưa tôi thúc bằng giày da. Chẳng có ích gì! Tôi đâm rí cả người và đi men theo dọc các nhà như con mèo tránh mưa. Tôi chưa bị đánh lần nào cả. Bây giờ nếu đánh nhau với những người đi giày tôi sẽ bị ăn đòn. Tôi lảng tránh những người đi giày, họ rất đông.

Một chiếc vét-tông ngắn và một đôi giày. Tôi quen thế rồi! Giá bây giờ tôi tìm được một người cắt áo sơ-mi và kiếm được mũ.

Vấn đề về nhà ở thì đừng hòng, phải là họa sĩ mới được. Buockgasa có thể thuê phòng chịu một thời gian ở tất cả các khách sạn vì theo anh nói anh đi vẽ ở các xó xỉnh hẻo lánh nhất, cái đó làm anh được mọi người biết, vì vậy người ta có thì giờ để nghĩ đến anh.

Chứ như văn chương! tôi không bao giờ có thể đổi bản thảo lấy một nửa tháng tiền thuê buồng.

Không nên thất vọng ở Trời!

Người ta giới thiệu tôi với một ông đã trông thấy tôi đi giày vải và trong lúc mọi người ngạc nhiên thì ông ta nói:

- Thôi tôi hiểu tại sao anh ta đi giày vải.
- À! chắc có duyên cớ gì đây! người ta xúm quanh.
- Vì anh ta không có giày da.

Ông ta thật cừ và quả nhiên người ta bảo ông là một trong những tay viết quảng cáo có triển vọng trên thị trường Pari.

- Anh túng đỏi lắm phải không?

Đâu có. Ô, xin lỗi! vừa đúng hôm này tôi đi giày da. Cẩn thận đấy, tôi không muốn người ta đụng đến cái nghèo khổ của tôi.

- Thưa ông, tôi sống bằng lao động của tôi!...

Ông ta không phải người xấu và xin lỗi tôi thẳng thắn về sự thô bạo của mình, mà vừa yêu cầu tôi cho ông biết tôi làm công việc gì ít tiền đến nỗi phải đi giày vải từ Môngrugior tới Groo-Cayu, và lê giày không đế trong cuộc sống như vậy.

- Trời mưa thì ông không ra phố được. Ông có muốn khi trời mưa cũng ra phố được không?

Tôi tưởng như tôi sẵn sàng trao cả một cuốn sách để được như thế!)

Khi trời ẩm ướt thì tôi không ra phố được! tôi chỉ biết cuộc đời vào lúc khô ráo. Từ hai tháng nay tôi không thể chạy theo một chiếc váy vén gọn, một chiếc tất trắng căng khít như trước đây vào những ngày đông bão! Cuộc sống tu sĩ giết tôi và tôi muốn đi giày có đế vì trái tim tội nghiệp của tôi.

(- Thế này! Tôi sẽ kiếm cho anh ủng, mũ, sơ-mi như ở hội chợ Bôke!

- Ông nói đi!

- Đây này! Tôi muốn ra một tờ báo loại tao nhã để đăng quảng cáo. Anh sẽ giữ mục tin tức giới thượng lưu.

Thế là tôi viết mục tin tức giới thượng lưu, lương hai mươi phờ-răng một tháng tiền mặt, đều đặn, làm tôi không nợ ai một xu, rồi thợ may cắt áo cho tôi, thợ giày đóng giày cho tôi, thợ may sơ-mi may sơ-mi cho tôi. Người tôi thơm nức nước hoa! Nhưng tôi chỉ ăn toàn đồ hộp!

Tờ báo chưa đủ sức mở cửa các hiệu ăn đón tôi. Các hiệu ăn không ưng quảng cáo trong *Tờ Báo của giới Thượng lưu*. Nếu có một vài hiệu nào đâm đầu vào đó thì là ông Chủ bút được hưởng. Nhưng cái chính là một lý

do nghiêm trọng khiến tôi không lui tới *Nhà Vàng*, hiệu *Brêbăng*, hoặc Đại phòng 16 của tiệm *Cà-phê Ănglê*.

Trong những bài ký sự của tôi, tôi thường vung tiền như rác, nốc rượu sâm banh như người Nga, rạch bằng kim cương cửa kính những phòng giấy hợp thời, và tôi bàn tán về con ngựa có nước kiệu hay của tôi, con vật quá quý, xin lỗi Ngài Bá tước, mà tôi không tài nào trị nổi.

Nếu tôi tới các hiệu ăn sang trọng, chủ hiệu sẽ trỏ tôi mà nói với bọn ăn chơi: “Kia là Tử tước X...”, thế là phải cầm trịch, kể chuyện giảng gió và ném hai mươi nhăm luy vào tay anh Kéo chị Cột, và cởi áo ra, mẹ kiếp quý tộc!

Tôi không thể cởi áo được vì chúng tôi chưa tóm được một tay bán dây đeo quần muốn quảng cáo, và tôi phải lấy dây gai để buộc quần. Đôi khi kể cũng bất tiện.

Tôi chỉ có mỗi nguồn thức ăn đóng hộp. Chúng tôi đăng quảng cáo cho một lão bán cá hộp, lão ta cũng không đến nổi tệ với tôi lắm miễn là tôi nói tới lão trong bài ký sự. Kể cũng khá gay, tôi bắt buộc phải bịa ra những chuyện dài dòng văn tự. Thông thường là một gã con nhà khá giả đã đăng lính, và về nghỉ phép. Một người bạn gặp anh ta trên đại lộ.

-Ồ, cai rồi đấy!

- Phải, bạn ạ, xácđin^[85]! Xácđin như bọn mình vẫn ăn khi lão cho vay nợ lãi tở! Xácđin thời nhiếp chính, xácđin của giới thượng lưu, xácđin của (chỗ này điền tên lão bán cá hộp vào). Bây giờ là xácđin của Buygiô^[86], anh ta vừa kết luận vừa cười phá lên...

Còn món cá tông đóng hộp thì sao?

- Bây giờ ai lên tông^[87]? Mười tháng nay mình không ra khỏi lâu đài!

- Ai lên à? Vẫn là mụ Clara. Còn ai bán, thì vẫn là ông này...

Tôi viết những trò ấy lên giấy với cảm giác sâu sắc về sự nghiệp thấp kém của mình, mặt đỏ lên, và tôi kéo rèm để khỏi ai nhìn thấy mình. Nhưng tôi sống vì những trò đó!

Ăn đồ hộp mãi, sốt ruột hết sức, không bao giờ có thịt tươi. May thay ngành nước hoa lại quảng cáo rất nhiều ở trang tư, và tôi có tất cả các loại nước để rửa chất muối. Tôi súc miệng như người ta rửa cá thu cho đỡ mặn!

Dù sao căn buồng tôi vẫn nồng mùi biển, và với đồng đồ hộp nó giống như cabin của người đầu bếp trên con tàu biển đi vòng quanh thế giới.)

Một buổi tối, tôi thấy một bức thư để ở bên cạnh cây đèn nến.

Tôi bóc thư ra.

Matutxanh, mà hàng thế kỷ nay tôi chưa gặp lại, hiện nay làm biên tập viên của tờ *Thủy tiên*. Anh viết thư để báo tin cho tôi biết – bức thư giản dị, không có gì nặng nề, không đụng chạm đến tình cảnh tối tăm của tôi.

Tôi tới văn phòng của tờ *Thủy tiên*; ở gần các đại lộ, *bên kia sông*. Sung sướng cho Matutxanh!

Anh đã qua cầu, thoát khỏi cõi tối tăm, đi tìm vinh quang, ở giữa dốc lên Capitôn^[87.2]!

Ngôi nhà trông vẻ thanh nhã – bên cạnh treo tấm biển đề những chữ:

THỦY TIÊN

TỜ BÁO CỦA NHỮNG NGƯỜI ĐI TẮM

Góc hai, cửa vào bên trái

Tôi trèo lên gác hai và thấy một tấm biển khác:

VĂN PHÒNG TOÀ SOẠN

Làm việc từ 11 giờ tới 4 giờ

Xin qua quả đấm.

Tôi quay quả đấm ở cửa và bước vào trong buồng.

Sao mà tối thế! Cửa sổ đóng, rèm kéo kín – chẳng có ma nào cả!

Tôi nghe thấy tiếng rơm sột soạt.

“Ai đấy?” có tiếng người nói từ buồng khác vọng sang, không nhận ra tiếng ai; không chắc có phải là tiếng Matutxanh...

Tôi giở mẹo, và mượn giọng một anh mù nghèo, tôi réo lên trong bóng tối:

“Tôi là khách mua báo dài hạn của tờ *Thủy tiên*...

- Ông mua dài hạn báo *Thủy tiên* à?”

Tiếng rờm sột soạt và những lời nói đứt đoạn lại nổi lên.

“Khách mua báo ... Khách mua báo... Quần của tôi đâu rồi?... Khách mua báo!...”

Matutxanh (đích là anh ta) hiện ra đang cài cúc quần.

“Ồ! Mày!... Mày không thể xưng tên ngay được à?... Mày làm tao ngờ ông khách mua báo! Tao cũng nghĩ thầm không phải giọng nó.

- Các khách mua báo của mày không cùng một giọng nói à?

- Các khách mua báo – không phải *các* – *một thôi*! Chúng tao có *độc một* khách mua báo, *một thôi*!... Nhưng sang buồng bên kia đã... Ngồi trên đồng báo ế ấy.”

Có những chồng báo để dưới đất. Tôi ngồi ngay lên hình vẽ; còn Matutxanh thì chạy tới bên tường và leo lên một tầng gác lửng xung quanh có để ngô, có mùi như lều của người da đỏ - và mùi nồng nữa.

Matutxanh ở đấy.

Gian nhà còn lại là của toà báo; góc ấy là chỗ ở của ông thư ký toà soạn. Anh ở trên gác lửng ấy như nhà của mình, anh có thể tiếp các bạn riêng ở đấy.

Matutxanh kể tôi nghe chuyện tờ *Thủy tiên*, báo của những người đi tắm.

Đây là một tờ báo rao vặt sống, hoặc nói đúng hơn phải sống bằng quảng cáo, như tờ *Pierô*, nhưng với một sáng kiến thần tình.

Sáng kiến đó là đem phát không cho các nhà tắm một tờ để người tắm sẽ đọc trong khi đợi nước nguội, đợi da bỏ để sát xà phòng, đợi cho những chỗ thành chai mềm ra và có thể lấy móng tay cào đi được.

Người ta có thể để góc báo nhúng vào nước được; đây là loại giấy vải không rách và không mủn thành bột.

“Mày có tin, Matutxanh vừa nói vừa đặt ngón tay lên trán như một mũi khoan, mày có tin là ở đây có một tư tưởng vĩ đại không!... Khốn thay thế kỷ này lại chuộng cái phàm tục, con người thiên tài trở thành cái lỗi thời, hơn nữa quyền lực đã làm hư hỏng quần chúng... Người ta không tắm rửa nữa, bọn giàu có sống trong trụ lạc, người nghèo không có tiền để tới nhà tắm Xamariten. Ôi chao! Để chế!...”

Vừa lúc ấy các biên tập viên tới. Họ nói chuyện với nhau, bỏ mặc tôi ngồi đấy. Nhưng cuối cùng! Một người có vẻ là chủ bút ghé tai hỏi Matutxanh tôi là ai.

Sau khi nghe Matutxanh nói, ông ta bảo:

“Ừ trông cậu ta có thể được đấy!...”

Họ đi khỏi, tôi vỗ lấy Matutxanh.

“Ông ta nói chuyện với cậu về mình phỏng?”

- Ừ, cậu có thể vào làm ở toà báo được, nếu cậu muốn.”

Được rồi kia à? Chỉ cần nhìn mặt tôi ư? Chắc hẳn tôi quyến rũ lắm.

“Thế này, Matutxanh nói tiếp. Toà báo cần một người đến các nhà tắm hỏi tờ *Thủy tiên*, nếu ở đấy không có, thì nổi giận và làm ầm lên: “Sao, ở đây không có tờ *Thủy tiên* à?”

Tất cả những nhà tắm nào tự trọng đều có tờ *Thủy tiên*” – Lúc đó cậu sẽ lấy tay đập nước bắn toé lên và giận dữ mặc quần áo vào.”

Tôi nghe không phấn khởi lắm. Matutxanh nhận thấy.

“Cậu cũng không thể một bước nhảy vào ngay Viện Hàn lâm được?”

- Ừ, đúng.

- Vào địa vị cậu, tớ sẽ nhận. Thế nào thì cũng phải bắt đầu bằng một việc gì chứ.”

Tôi nhận, tôi trở thành *người hỏi báo Thủy tiên*.

Quý toà báo trả tiền bánh mì cho tôi – với hai quả trứng lập là hoặc một chiếc xúc xích nhỏ - để tôi ăn khi ngồi trong bồn nước và có thì giờ nói chuyện với anh bồi.

Tôi ăn chiếc xúc-xích nhỏ hoặc chấm bánh vào trứng, và sau khi gột hết lòng đỏ trứng còn dính ở râu, tôi làm ra vẻ lơ đãng nói:

“Giờ đưa tờ *Thủy tiên*!”

Và nếu ở đây không có tờ *Thủy tiên* ít khi có lắm – tôi đập tay làm bắn toé nước và tôi cứ trần truồng đùng đùng ra khỏi bồn tắm – người ta đã dặn tôi đúng như thế!

Tôi làm cái gì có thể làm được. Tôi sống để mà cởi quần áo ra và mặc quần áo vào...

Tôi đã được hai nơi mua báo... nhưng như vậy không đủ cho tờ báo sống, và người ta thấy tôi không được việc gì cả, tôi không sạch nước để hoàn thành cái sứ mệnh của tôi. (Tuy nhiên tôi rất *sạch*! Nếu tắm luôn như vậy mà không sạch, tôi phải là một ca bệnh lý kỳ lạ!)

Tôi rời bỏ chiếc áo tắm của *người hỏi báo Thủy tiên*, đem theo mãi mãi trong người sự kinh sợ nước nóng, và thường khi giữa những cuộc trò chuyện hết sức đứng đắn, tôi chợt kêu lên vì thói quen: “*Bồi, lấy áo tắm!*”

Tôi trao đổi ý nghĩ kẻ làm nghề đi tắm về hưu của tôi với một ông già đã vào được văn phòng một vài tờ báo bằng con đường dịch thuật.

Ông ta bảo tôi rằng chuyện tôi cũng là chuyện của vô số người khác.

“Không phải ở chỗ nào người ta cũng ngửi hít mùi cá hoặc mùi xà phòng, nhưng người ta còn nhiều mùi buồn nôn nữa kia!”

Ông ta làm tôi gần như sợ hãi, cái ông già ấy!

Ông ta ở không xa nhà tôi. Một đôi khi tôi gặp ông, bao giờ cũng vào một thời gian như nhau.

Một tuần nay tôi không gặp ông... Ông ta làm sao rồi? – Tôi hỏi bà gác cổng.

- Anh không biết à? Cách đây tám hôm ông ta về, vẻ buồn bã: ông ôm hôn đức con nhỏ của tôi và hỏi tôi sẽ cho nó làm nghề gì. “Ít nhất bà cũng sẽ cho nó một nghề gì chứ?” ông ta có vẻ rất muốn biết điều đó... Ông leo lên gác rồi không thấy xuống nữa. Không thấy ông, chúng tôi lên gõ cửa buồng ông. Không có tiếng đáp! Chồng tôi phải bẻ khoá, và chúng tôi vào. Ông già đã nằm chết trên giường, với mấy chữ cầm trong bàn tay đã ngả màu sáp. “Tôi tự vẫn vì mệt mệ và chán nản.”

BÁO CỦA CÁC TIỂU THƯ

Bulimiê^[88], một trong số bạn cũ của chúng tôi ở khách sạn Lixbon, vào làm chân chữa bài ở nhà Fiếc-manh Đidô. Thỉnh thoảng anh lại nhét một bài thơ vào *Tạp chí Thời trang*. Anh rất muốn đưa đăng giúp tôi một *Truyện ngắn*.

Tôi quá nhiều râu để viết cho *Tờ báo của các Tiểu thư*.

Râu cứ loà xoà trên giấy khi tôi đặt câu cú.

Tôi sẽ lấy đề tài gì đây? Vốn học thức không giúp được cho tôi!

Trong các sách thời cổ đại không có các tiểu thư. Những cô gái đồng trinh thường dân đồ lễ và hát trong các ban hợp xướng, hoặc bị giết chết và làm nhục vì nền tự do của xứ sở.

Tôi đã mất nhiều thời gian để tìm đề tài.

“Anh nên viết chuyện một cô gái Hy-lạp dâng đồ tế!” một vị thạc sĩ bị mất việc vì rượu chè gợi ý tôi.

Nhưng tôi không còn biết một cô gái Hy-lạp dâng đồ tế là thế nào nữa.

“Hay anh viết về một cô hàng hoa? Cô Marya Ngổ, sành làm thơ, bảo tôi.

- Ý kiến hay đấy. Lại đây tôi hôn nào!”

Tôi báo trước cho Bulimiê.

Anh trả lời tôi từng bức thư:

“Cậu nghĩ gì vậy? Thế cậu định khuyến khích đám con gái các nữ độc giả của chúng tôi chạy theo khách qua đường ngoài phố để cài hoa cắm chướng vào khuyết áo họ chẳng! Bạn Vanhtrax thân mến ơi, đầu óc cậu để đâu vậy... Mong rằng không ai ở nhà Đidô biết là cậu có ý nghĩ ấy!... Người ta mà biết tôi giao du với cậu, tôi sẽ mất việc.”

Tôi trả lời là anh lầm, và tôi trình bày dàn chuyện của tôi.

Tôi định mô tả một cô bé mồ côi, còn lại một mình ở nghĩa trang sau khi những người đào huyệt chôn mẹ cô đã bỏ đi, cô hái hoa trên mồ người quá cố. Đêm đến, cô bán hoa để mua bánh mì.

Cô dòm khắp các nghĩa trang ở Pari, cố nhiên là rất buồn! Cô kiếm sống bằng cách đó. Cuối cùng, một tối kia, một ông già lấy làm lạ khi thấy một cô bán hoa giọng mời đầy nước mắt và một nhánh liễu cài trên tóc – cô bán hoa của tôi bao giờ cũng cài một nhánh liễu trên mái đầu mồ côi nhỏ bé – ông liền hỏi chuyện.

Cô vừa kể vừa nức nở. Ông ta liền nuôi cô làm con nuôi, cho học dương cầm, rồi gả chồng giàu có cho cô.

“Cậu thấy không, bạn Bulimiê thân mến, đây là một cô bán hoa mô tả theo một quan điểm cảm động, và có thể nói là mới mẻ nữa?”

Hôm sau tôi nhận được mấy dòng của Bulimiê:

“Tớ đã nghĩ oan cho cậu, xin lỗi cậu. Quả là có thể làm một cái gì với cái chủ đề cảm động về một cô gái mồ côi chuyên bán hoa nhặt ở nghĩa trang. Nhưng cậu đã nghĩ tới mùa đông chưa? Mùa đông thì cô ta bán gì?

Các bà mẹ sẽ tự hỏi nhân vật của cậu ngủ ở đâu. Ngủ ở quán trọ hay ở nhà riêng? Cậu biết đấy, không dễ gì người ta cho một cô gái mồ côi tám tuổi thuê buồng. Tớ không hiểu cậu sẽ giải quyết vấn đề chỗ ở ấy như thế

nào. Hay cậu lờ vấn đề ấy đi?Ồ! Anh bạn ơi!... Không nói cô bé *Nghĩa Trang* (tớ khen cậu chọn tên khéo đấy) làm gì khi các cửa hiệu đã đóng cửa!... Ông Đidô sẽ đuổi tớ, tớ cam đoan là như thế.”

Nhưng tôi không thể làm cho anh mất việc!

Thôi được! Tôi sẽ đơn giản kể một câu chuyện mà tôi đã chứng kiến vậy thôi.

Một bé gái ngồi ở nhà một mình trong lúc người ta chôn mẹ em chết vì đói!... – Người ta đã nhờ một cô hàng xóm trông em bé gái, nhưng cô hàng xóm lại đóng cửa hú hí với nhân tình; em bé gái trong lúc chơi đã ngã lăn xuống cầu thang và gãy một chân, người ta phải cưa chân em đi – bây giờ em đi bằng chân gỗ trong hàng ngũ của trại mồ côi.

Bulimiê không viết thư cho tôi, đích thân anh đến, - đầu tóc rối bù, vẻ mặt hết sức hốt hoảng! Thật là một chuyện to!...

“Vậy là cậu muốn hô hào cầm vũ khí, khích động người nghèo chống lại người giàu!... và cậu lấy tờ *Báo của các tiểu thư* làm diễn đàn chẳng?... Tại sao không kêu gọi thành lập hội kín ngay lập tức... hoặc bênh vực *Tự do kết hôn!*...”

Trông anh ta thật là khổ não!

Lúc lên xe hàng ra về, anh đã bình tĩnh hơn. Tôi nói với anh rằng tôi vẫn giữ những niềm tin của mình, tôi vẫn là người cộng hoà, nhưng tôi hứa sẽ không hô hào cầm vũ khí trên tờ *Báo của các tiểu thư*.

Anh đối với tôi tốt như một người anh, - anh đã tha thứ tất cả, anh lại còn tự tìm giúp tôi một đề tài.

Anh gửi cốt chuyện đó cho tôi.

ĐỀ TÀI BÁO VIẾT CHO TỜ BÁO CỦA CÁC TIỂU THƯ CÁI ĐẦU CỦA ETGA

Một gia đình đang xúm quanh một cái nôi

Người bố đến.

- Con gái à? Hay con trai? (Tả lướt qua thôi).

- Con trai.

- Em bé, đầu nó mới to chứ!

Người ta nhận thấy đứa bé quả là có cái đầu to thật...

Ông thầy thuốc được mời đến khám gọi ông bố sang buồng bên cạnh. Ông bố đi theo, ở trong buồng với ông ta một lúc rồi lại ra. Ông bố có vẻ ỉu rũ. Ông ra hiệu cho đám đầy tớ:

- Tất cả ra ngoài!

- Mari ạ, ông nói với vợ, thằng bé bị bệnh to đầu rồi!

Đấy là phần thứ nhất.

Trong phần thứ hai đứa bé đầu to lớn lên. Ông bố rất buồn, nhưng bà mẹ là một thiên thần tận tụy và âu yếm đối với đứa con đầu to bằng quả bóng.

- Càng phải yêu nó thêm lên, bà nói!

Mình mới chợt nghĩ được thế thôi, mình cho nó là hay còn việc sử dụng tùy cậu; cử chỉ của cánh tay ngăn quá không ôm hết được cả cái đầu có thể làm ướt nước mắt.

Cậu sẽ vạch ra sự tương phản giữa lòng hy sinh tận tụy của ông bố và bà mẹ, với vẻ lạnh lùng của một ông bác, ông này cho rằng đứa bé là một mối phiền lụy cho gia đình.

“Thà để cho nó trở lên châu trời... có thể đem bán nó cho thầy thuốc!...

- Bán con tôi à!...”

Cậu mừng tưởng cảnh đó.

Thình lình một cậu học sinh trung học nhảy vào buồng. Đấy là cậu cả của gia đình. Cậu ở ký túc xá được học bổng (cứ để là được “học bổng”,

thế tốt hơn) tại một trường trung học nhỏ ở miền Nam. Thường khi nghỉ hè cậu ta không về nhà, vì tốn kém.

Bây giờ cậu đã học xong các lớp – không ai ngờ cậu về cả - ba tháng nữa cậu mới thi tú tài, nhưng cậu đã chủ tâm muốn gây bất ngờ, và cậu ta đó!...

Cậu núp sau cửa, nghe hết mọi chuyện; và cậu tiến thẳng tới chỗ ông bác:

- Không bác ạ, gia đình cháu sẽ không bán em cháu đâu! Tên nó không phải là *Jôdép*^[89]!... (quay sang ông bố) Tên nó là gì?

Tôi nghĩ cử động này rất đắt, vì nó làm tăng giá trị của người anh cả đấy, anh ta sẽ hy sinh cho đứa em mà không biết đến cả tên em nữa. Người ta cho anh biết tên đứa bé là *Etga* và anh nói tiếp:

- Trước tôi muốn trở thành luật sư, tôi đã mơ ước vinh quang của nghề thầy cãi! (vẻ buồn buồn). Cái đầu của đứa em tôi buộc tôi phải có những bốn phen khác... Tôi sẽ trở thành thầy thuốc...

Nên chỉ ra rằng xưa nay anh ta vẫn kính sợ nghề đó... Y học, anh ta ghê tởm nó... nhưng anh đã nảy ra ý định trong đầu – kích thước trung bình – là sẽ chuyên tâm nghiên cứu những cái đầu to như đầu của đứa em trai mình.

“Biết đâu đấy! Có thể làm cho những cái đầu ấy bé lại được chẳng?... phải chẳng đấy chỉ là một trường hợp phù tạm thời?... có thể đấy chỉ là một cái nhọt!...”

Đấy chỉ là một cái nhọt!...

Người anh trai anh hùng đã miệt mài trên các trang sách đến xanh xao cả người. Kết quả anh nghiên cứu thấy là có những đứa trẻ trông tưởng như mắc bệnh đầu to nhưng kỳ thực không phải.

Đó chính là trường hợp của *Etga-Etga* mà cuối cùng ta được thấy có cái đầu bé.

Người anh cả thì lại sinh ra ham mê những công việc mà anh đã bắt tay vào với sự kính tởm chỉ vì lòng tận tụy với đứa em.

Hiện nay anh là một trong những thầy thuốc chuyên khoa xuất sắc nhất của ta.

Anh có nhiều khách thuộc giới quý tộc.

“Trên cốt chuyện ấy, Bulimiê viết ở cuối thư, mình nghĩ là có thể dễ dàng thêu dệt thành công một truyện ngắn trong đó mọi sở trường của cậu sẽ được thi thố, một truyện ngắn giản dị và cảm động, có thể khiến những người bị bệnh to đầu đặt mua báo.

Ông Didô biết nhận xét tài năng, và nếu thấy cậu có tài sẽ che chở cho cậu, và chính cậu, cậu cũng có thể trở thành một *anh to đầu* của toà báo.”

Tôi đã viết truyện ngắn đó theo hướng Bulimiê chỉ ra, và gửi đi.

Tám hôm sau tôi nhận được một bức thư.

“Thưa ông.

Chúng tôi xin gửi trả lại ông truyện: *Cái đầu Etga* mà ông đã trao cho ông Bulimiê. Bên cạnh những chi tiết hay hay thể hiện trong một khung cảnh rất đắt, chúng tôi nhận xét thấy có khuynh hướng thương cảm làm vinh dự lớn nhất cho ông. Nhưng chính cái chất thương cảm ấy là điều chúng tôi lo sợ cho các nữ độc giả yếu ớt và đa cảm của chúng tôi. Tất cả những trái tim nhỏ bé do đó sẽ *to đầu* lên mất... Nói vậy chắc ông cũng đã hiểu, tôi tin chắc thế, ông là người dưới một cái tên đàn ông che giấu cái duyên dáng của phụ nữ.

Nữ giám đốc

ECNEXTINA GARÔ

Cái duyên dáng của phụ nữ!...

Rất có thể vậy – mặc dù tôi thật có nhiều râu và một chiếc quần đã trải qua nhiều cảnh phong trần và dầy cộm lên một mảng.

CẮT TIM ĐI!

Tôi làm quen được với cụ Mariani trước kia là một ký giả của tờ *Họa báo*. Cụ ra một tờ tuần báo và nhờ Rorinn tìm một vài thanh niên có tài để thành lập ban biên tập.

(Cụ đã già nhưng rất mến thanh niên. Cụ già dễ thương tiếp đón tôi không kênh kiệu và hỏi tôi định làm gì. Cụ biết ngay là tôi chẳng có công việc làm gì cả và tôi là một lính mới, mặc dù những *Pierô*, *Báo của Nghề giày dép* và *Tạp chí Thượng lưu*.

Tôi nói thật với cụ.

- Thưa cụ, nói tình thật, tôi không thạo làm những cái người ta đòi hỏi ở tôi. Tôi nghĩ rằng tôi chỉ làm được tốt cái gì mà tôi có suy nghĩ! Tôi đã lắm khi nhảy vào nghề văn chương, nhưng đấy không hoàn toàn do chủ tâm. Mà là vì tôi không còn có nghề nào khác.

- Anh không có tài sản gì à? Trong giọng nói của ông cụ có quá nhiều thương hại làm tôi không dám nói thật. Tôi sợ là mình có vẻ cởi mở với cụ để đi tới một chuyện hèn nhát của kẻ nghèo.

- Không có tài sản, không, nhưng tôi cũng có đôi chút nguồn lợi, đủ để sống.

- May cho anh! Không thế thì đời sống còn gì, anh bạn ạ! Và cụ vừa giơ tay lên trời vừa lắc cái đầu lương thiện và bạc trắng của cụ.

Nếu cụ biết được tôi đã phải chịu đựng những gì! Nếu cụ nhìn thấy đáy túi tiền của tôi!

- Thế này, anh bạn a... cụ quay lại với lời thổ lộ của tôi! Anh chỉ biết làm cái gì anh có suy nghĩ! Như vậy là nhiều lắm đấy, anh biết không! Đây này, tôi để anh được toàn quyền tự do. Anh sẽ chọn đề tài nào anh thích và sẽ viết tùy theo ý anh. Anh nghĩ thế nào thì làm thế! Tôi đã định trả anh hai xu một dòng, nhưng anh sẽ được ba xu.

Ba xu một dòng, một trăm dòng mười lăm pho-răng! Vậy ông lão này phải có bạc triệu trong tay! Có Rotsin^[90] ở sau lưng cụ chẳng?

Bài của tôi sẽ không bị trả bằng áo vét-tông ngắn, hoặc giày, cũng không phải bằng sáp thơm hoặc đồ hộp nữa. Tôi sẽ được lĩnh tiền).

“Xem đề tài gì nào? – Cụ Mariani hỏi.

- Tôi cũng chưa rõ lắm...

- Anh đã nghiên cứu riêng một vấn đề nào chưa?

- Tôi chưa nghiên cứu riêng một vấn đề nào cả, - mà chung cũng chưa, phải nói thật như vậy. Trước tôi ở Khu La-tinh, - ở đấy người ta chẳng nghiên cứu gì cả!...

- Khu La-tinh à? Anh có muốn kể lại chuyện đó không? Đồng ý chứ? Một bài, hai bài, ba bài, tùy anh, nhan đề là: *Lớp thanh niên trường học*. Đầu đề anh thấy có được không?

Quả là đầu đề nghe kêu lắm.

Tôi quay về nhà hết sức cảm động.

Lúc đầu tôi vất vả vô cùng; lúc nào tôi cũng cứ muốn nói về những trường thời cổ đại, những thanh niên Hy-lạp, chiếc áo trắng viền tía của thanh niên quý tộc cổ la-mã, v.v... Ngòi bút tôi tuôn ra những cái đó không cưỡng lại được; nó ngăn không cho tôi đi vào bài báo chỉ với những kỷ niệm và ý nghĩ của tôi, của anh chàng Vanhtrax không tên tuổi, không xu, đã lấy quần áo cũ quần chân để khỏi bị lạnh khi làm việc.

Cuối cùng bài báo của tôi đó, y nguyên, với những chữ viết như gà bới. Tôi đã dứt ra, như những mảnh thịt, một số câu đau đớn và tàn bạo.

Tôi tới nhà cụ Mariani.

“Cụ không thể đọc được, tôi vừa nói vừa giở bản thảo ra.

- Thế thì anh đọc đi!”

Tôi đọc – mặt tái nhợt, thật vậy! Nhưng dần dà, khi tôi thấy lại được đáy lòng mình qua những giập xóa đó và trong những lời thét lên đó, thì máu lại chảy trong huyết quản và giọng tôi vang lên to, rõ ràng.

Cụ chủ bút nghe tôi đọc, mắt căng ra và lát lát lại nói khẽ:

“Hay, hay lắm...”

Tôi đã đọc xong, tôi đợi xem số phận của mình ra sao.

“Anh bạn ạ, anh đã viết được một bài báo mà không nên đánh mất. Anh hãy nhét nó vào túi và cài áo ngoài cho cẩn thận. – Đừng để cho bọn mật thám trông thấy. Trong ba trăm dòng của anh có ba năm tù đấy. Anh hiểu rằng tôi không thể lấy của anh một bài báo có bao nhiêu điều từ trong lòng nói ra. Tôi sẽ trả tiền anh – hết sức vui lòng – nhưng tôi sẽ không cho in bài đó!

- Như vậy thì không phải trả tiền tôi.

- Không nên khách khí – không nên làm việc mà chẳng được gì cả, và chẳng anh đã làm tôi xúc động, xứng đáng với số tiền tôi sẽ trả anh, tôi nói thật như vậy! Trong bài có chất hăng say và có sức mạnh, anh có biết không?”

Tôi không biết: tôi chỉ biết rằng đây là đáy lòng của tôi.

Tôi đã mô tả những nỗi ghê tởm và đau đớn của một người sinh viên xưa kia bị chôn vùi trong cảnh vô nghĩa ngày nay. Tôi đã nói về chính trị và bần cùng!

“Phải đợi *một chế độ mới*. Tôi không tin rằng ngay một tờ báo cộng hòa, chính trị, lại dám nhận bài báo nông nổi này. Tuy nhiên tôi sẽ viết vài chữ cho ông X...”

Tôi đem mấy chữ đó đi. Tôi thoáng trông thấy X..., giữa hai cánh cửa.

“À! Cụ ấy giới thiệu anh đến à? Anh để bản thảo lại đây cho tôi.”

Tám hôm sau tôi được trả lời rằng mặc dù rất *đảm bảo* và rất cộng hòa, người ta cũng không thể liều đăng bài của tôi được. Tôi sẽ làm cho tờ báo bị kết án.

Thế ra nền Đế chế sợ bốn trang mà tôi đã viết trong căn phòng mười phơrăng của tôi!

Tôi lấy lại bản thảo. Tôi thất vọng quay về nhà. Cái gì tôi làm theo ý riêng thì nguy hiểm, cái gì tôi làm theo sự chỉ dẫn của người khác thì ngu xuẩn!...

Để khỏi mang ơn tòa báo, để khỏi nhận tiền một bài báo không đăng, tôi đề nghị với cụ Mariani sẽ đưa cụ những bài khác mà số dòng cỡ ngang với bài đó trong chứng mục *có thể được*.

“Cũng được, cụ nói, để đỡ cho tôi đối với người xuất vốn.”

Tôi viết vội bác vài ba bài báo mà tôi không có can đảm đọc lại khi thấy chúng được in!

Tôi sẽ xấu hổ nếu người ta nói về những bài báo ấy, và tôi giấu chúng như giấu cốt.

Hôm trả tiền, người ta trả tôi bằng những đồng trăm xu to, như người thường trả ở thôn quê – những đồng tiền đó nhóp đén trong bàn tay nóng hằm hập của tôi.

Một dịp may!

Một anh ngồi bên cạnh tôi ở Xoocbon trong kỳ thi lớn, một học sinh trường *Sactomanhơ*, tên là Mônanh nhận ra tôi và giữ tôi lại. Anh ta *cảm động*.

“Có phải chính cậu đã hâm rượu mạnh pha đường trên một bếp cồn nhỏ hôm thi thơ la-tinh phải không?...

- Chính tôi.

- Ông Êsanen hôm ấy coi thi đã nói:” Mở cửa sổ ra! Cái mùi hiện đại ấy ở đâu ra vậy?” – Rượu mạnh của cậu hôm ấy ngon thật!... Cậu biết không, hiện giờ mình là giám đốc tờ *Tạp chí thanh niên*... Cậu muốn viết thời sự không?... – Đúng cậu đã hâm rượu mạnh pha đường đấy chứ!...

- Đúng, đúng... Chuyện cậu đề nghị viết thời sự có đứng đắn không thế?

- Nếu cậu muốn viết thì sẽ đăng vào ngày 15. Cậu nên đến sớm hơn một chút.”

Tôi đến hôm 12 với bản thảo của tôi.

Mônanh vừa đọc vừa giật mình, cuối cùng ném bản thảo lên bàn.

“Tôi không in cái này được! Cậu đã kích Niza! Ông ta là người che chở tôi ở nhà trường và tôi đang trông cậy ông ta để đỗ kỳ thi thạc sĩ...”

(Thế mà họ là thanh niên đấy. Phải, những thanh niên đang cần đến những cụ già! Những thanh niên không có quyền cũng như can đảm, ý muốn thét lên những điều họ suy nghĩ!)

Tại sao tôi lại bước vào cái nghề này! Thầy ơi! Tại sao thầy lại ác không cho con làm thợ!...

Thầy lấy quyền gì mà trói buộc con vào cái nghề của bọn hèn nhát này?...

“Mày hãy gác cái chính trị phải gió của mày sang một bên, và hãy viết để kiếm tiền.”

Được rồi! Tôi sẽ làm việc vì tiền.

Tôi sẽ tuôn ra thứ văn nó chỉ như một vệt mực, nhưng xin miễn, tôi sẽ không ký tên.

(Không, tôi sẽ không ký tên. Tôi đã ký tên vào cuối bài báo chống Niza, bây giờ tôi đeo một chiếc mặt nạ bằng bìa cứng. Tôi đã chẳng đợi chờ, chịu khổ cực, vật lộn để đi tới ký tên vào những trò ngu xuẩn!

Người ta đồng ý cho tôi được đeo chiếc mặt nạ bằng bìa cứng. Núp sau ba chữ cái ký tên, tôi làm việc vô trách nhiệm^[91]. Tôi trao bài vì số tiền người ta trả. Tôi không đọc lại bản thảo đem đi. Nếu tình cờ mà hay thì càng tốt, nếu dở thì mặc kệ. Hình như một đôi lần tôi đã viết được hay như cái lần tôi nói về một người chết nổi tiếng mà tôi đã được biết cảnh sống bên cùng. Vì rằng người ấy đã chết, có thể khen hoặc đập họ mà không sợ

gì. Tôi đã để cho lòng mình nói lên và người ta đã không bắt nó phải im đi^[92].)

Tuy nhiên một tuần lễ kia – tuần lễ người ta chôn cất một tên phản động khét tiếng hồi 48^[93] – tôi đã rời bỏ cái tình trạng thờ ơ và chán chường, và tôi yêu cầu được rộng tay – lần này tôi sẽ ký tên nếu người ta muốn!

- Được, cứ viết đi!

À, thế thì được! Tôi lại đưa vào bài những chữ làm Mônanh giấy nẩy lên.

“Tôi không ngờ cậu tha thiết với đề tài này đến thế! Người ta sẽ giết chết tờ báo nếu nó in lời hô hào nổi loạn của cậu.”

Người ta sẽ giết chết tờ báo ư? Đây, báo của mày rồi sẽ chết! Nó sẽ chết vì vô nghĩa và hèn nhát. Chẳng thà cho nó nổ tan tành như một con tàu không chịu hạ cờ!

“*Phải đợi một chính thể mới*”- đây là tương lai của tôi!...

“Anh thoái chí rồi, anh định bỏ cuộc à? Thế không phải là can trường! Một người có tâm huyết nói với tôi. Định để khuyên ngăn tôi và an ủi tôi.

... - Cố lên một lần nữa, người đó nói. – Để tôi đi gặp P... đã bị đi đây với tôi hồi tháng Chạp, tôi sẽ nói với ông ta lấy cậu vào tờ báo mà ông có cổ phần.”

Ông ta đã hỏi và đã được chấp nhận!

Tôi được trao viết một loạt bài về các giáo sư của nền Đế chế: giống như bài tôi đã viết về Niza. – Nếu các bài ấy *viết hăng* thì người ta sẽ đăng. *Viết hăng* đến thế nào mặc sức.

Tôi đang làm việc thì có tiếng gõ cửa.

Đây là một giáo sư ở Năngtơ, một người khá tốt, có phần mến tôi và không nhạo mẹ tôi quá.

“Tôi đi qua Pari và nghĩ bụng tạt vào thăm người học trò cũ của mình.

- Cám ơn thầy.

- Công việc ra sao? tôi trông cũng biết là anh không được sung sướng!

- Không sướng cũng không khổ.”

Ông ta đã động tới cảnh nghèo của tôi để làm gì? Ông đến để bố thí cho tôi chăng?

“Bây giờ anh làm gì? Có phải vẫn viết lặt vặt như những cái trong tạp chí của Môngnanh không?

- Vậy thầy biết là tôi viết à?

- Một anh bạn của Môngnanh tới đây lớp ba ở Năngtơ đã nói chuyện cho chúng tôi biết, nhưng, nói riêng với nhau, tôi không lấy làm hài lòng về chuyện đó lắm! Anh, một người cộng hòa, anh viết lờ mờ quá.”

Tôi cũng chẳng buồn giải thích cho ông hiểu vì đâu ông thấy tôi lờ mờ đến thế.

Nhưng tôi đọc cho ông nghe bài báo *hăng* mà tôi đang viết dở.

“Thầy có thấy bài này tốt hơn không?

- Cố nhiên! Anh bạn ạ, tuyệt lắm!”

Vài hôm sau tôi ở tòa báo ra, nơi bản thảo của tôi đã được đọc và được hoan nghênh nữa. Xem cung cách đám đầy tớ và đám nhép chào tôi khi tôi đi ra, tôi thấy là mình đã đặt chân được vào nơi này.

Nhưng về nhà tôi nhận được một bức thư của thầy tôi:

“Ông Crêtông đã nói cho thầy mẹ biết là mày sắp viết báo chống lại các bậc đại học lớn... Vậy mày muốn làm tao bị cách chức à?... Bao giờ thì bài báo ra? Bao giờ mày dứt miếng bánh ra khỏi miệng chúng tao?... Liệu mày có tìm được cho chúng tao một cái giường ở nhà thương làm phúc sau khi đã ném chúng tao ra ngoài vỉa hè không? Bây giờ mày trả ơn chúng tao đã cho mày ăn học như vậy đấy!”

Công cho ăn học!..., xin miễn nói tới chuyện đó.

Con sẽ rút bài báo về. Con sẽ không dứt miếng bánh mì ra khỏi miệng thầy. – Thầy nói đúng! Thầy sẽ bị cách chức và con không thể tìm được cho thầy mẹ một chỗ ở nhà thương làm phúc...

PHẢI GIAO DU RỘNG

LƠCAPÊ

(Ở dưới mái rạp Ôđêông có treo một tờ báo nhỏ, tờ *Phong trào văn nghệ*. Nó chỉ còn lủng lẳng một bên chân thôi, gió đã làm tuột một trong hai chiếc cặp gỗ cặp nó vào sợi dây.

Nó sắp rớt xuống và bị cuốn đi theo cơn gió bắc thổi hút vào các hành lang. Tôi tới cứu nó. Lão Bratxơ cảm ơn tôi và nhân tiện tôi nhìn lướt qua tờ báo trước khi người ta lại cặp nó vào sợi dây.

Chắc là một nhóm thanh niên đứng đắn viết tờ *Phong trào văn nghệ* này. Một bài báo kết thúc như sau: “Chúng ta chạy theo tư tưởng chứ không chạy theo những con bướm”. Câu đó chỉ rõ đây là các nhà tư tưởng... Tôi nảy ra ý muốn xem đám thanh niên ấy chạy theo tư tưởng.

Họ ở phía trong cùng của một mảnh sân! Rất ẩm thấp! Tôi bị chảy nước mũi thấm cả một chiếc mùi-soa. Tôi đẩy cửa. Họ không chạy ra! Buồng nhỏ quá khó mà chạy được – họ không chạy, trái lại họ đang ngồi.

Họ có ba người, ông chủ bút nói lắp, ông giám đốc nói ngọng và một người thứ ba có vẻ như đang chịu lể. Người này nom giống một chú bé trong ban hát lể có tóc hoa râm và da mặt nhăn nheo, hoặc giống một cô gái vẽ râu vẽ ria bằng nút chai đốt cháy. Người ta gọi ông là ông Lơcapê.

Ông ta gầy như cây củ hạ và trông điệu thật giống một cây củ hạ nhỏ vừa nhổ ở đồng lên, hãy còn dính đầy đất, với một sợi tơ nhỏ đóm đáng ở rể. Lơcapê cũng có một sợi chỉ từ lần lót áo rơđanggốt thò ra. Tại sao ông ta lại thắt ca-vát ở phía sau thế? Tại sao ông không cài cúc áo sơ-mi mở phanh trước ngực, tôi trông thấy bộ ngực lép của ông. Khi ông cười khoe mắt nhắm làm nhăn hết cả bộ mặt choắt của ông. Hồi tôi còn nhỏ, trong những năm tháng đẹp đẽ của tuổi thơ ấy, mẹ tôi thường cho tôi ăn những

chân gà vịt chết, mẹ tôi nhin để nhường tôi, và tôi rút một sợi gân làm các móng co quắp cả lại. Thật là ngây thơ và bổ ích. – Ít nhất mày cũng học được một cái gì: mày biết được hệ thần kinh của gà. Bộ mặt ông Lơcapê khi cười giống hệt một chiếc chân gà bị rút gân. Chỉ còn thấy mỗi con mắt ông như mắt tôm lấp lánh bên trên cái mũi nhọn và xanh xao, một tí đầu lưỡi thò ra giữa hai hàm răng, trông thật trẻ con và chẳng khó chịu chút nào.

Ông cầm trong bàn tay mảnh dẻ, gầy, xám, một đôi găng tay đen mà ông rung lên: đôi găng đã sây sạt vì cuộc sống, cũng nhăn nheo như cái cổ gà tây của ông.

Ông đang đọc thơ:

Không bao giờ chiếc áo choàng nặng của kẻ gian hoặc của tên bè phái
Làm sây sạt đôi cánh tay trần của tôi bằng nếp áo lượn bay.

Ông vừa đọc vừa rung đôi găng như rung chuông làm lễ dâng thánh thể, và cái đầu lưỡi thò ra một cách tôn nghiêm – như đợi người ta đặt lên miếng bánh thánh! Nhưng về đôi cánh tay trần thì ông định nói gì? Có phải ông định đi dạo với đôi cánh tay trần không? Chắc cánh tay ông phải như que diêm, trông thật đáng thương! Ông nên mặc áo nịt dài tay thì hơn.

Phải, vâng trán tôi trang sức bằng duyên dáng và e lệ

Nhưng trán ông trông lại rất nhỏ nhem!

Bao giờ họ mới chạy theo tư tưởng?

À! Họ đề cập tới một vấn đề văn chương.

Cho tới lúc này họ không hề để ý đến tôi. Lúc tôi bước vào và người ta hỏi tôi muốn gì, tôi đã giải thích rằng dưới mái rạp Ôđêông... – tờ báo – những bài báo nghiêm trang của nó – nghĩa là, tôi nảy ra ý tới làm thân với những người bạn ở nền Cộng hòa văn chương. Họ đã không tiếp đón tôi như một người anh em. Họ chẳng đáp lại bao nhiêu. Tôi cứ tưởng họ phải có vẻ thú vị hơn thế. Cũng còn do tôi ăn vận quá tồi! Tuy nhiên họ cũng ra hiệu cho tôi ngồi xuống một trong hai chiếc ghế của tòa báo. Rồi họ lại

quay ra nghe Lơcapê. Tôi cũng đành chỉ ghé một bên đít, như mọi người, lên mép một cái gì đó. Như vậy một lát sau tôi thấy đau. Tôi đã chọn một chỗ rất bất tiện. Hay ra ghế ngồi cho nó lại người? Tôi không dám. Ngồi vào chiếc ghế ở giữa buồng ấy tôi sẽ có vẻ một người ngồi chờ cạo râu.

Người ta bỏ lơ tôi, bỏ lơ tôi quá. Tuy vậy khi Lơcapê đọc tới áo choàng của kẻ gian, tới đôi cánh tay trần, tới vầng trán trang sức bằng duyên dáng và e lệ thì tôi đã cựa quậy một chút: gỗ đã kêu răng rắc! Họ bực bội quay về phía tôi, như thể họ chỉ bằng lòng cho tôi ngồi đây với điều kiện không gây nên một tiếng động. Như vậy tiếng gỗ thở dài nghe như một lời than ghen ngào! Trong đầu óc cử tọa xảy ra một mối ngờ...

Lơcapê đọc xong, rút đầu lưỡi vào, hạ mí mắt xuống, lắc lư cái đầu nhỏ và lấy chiếc găng tàng đập vào đầu gối nhọn hoắt. Mọi người im lặng một lúc. Mọi con mắt quay về phía tôi. Tôi đâm ngượng.

Họ chưa hỏi gì tôi cả, nhưng tôi trở thành đối tượng của sự tò mò chung đến nỗi tôi cảm thấy là phải nói hoặc là phải tự tử.

- Thừa các ông, những tình cảm vừa biểu hiện ra đó hoàn toàn là tình cảm của tôi – hoàn toàn hoàn toàn – tôi đem hết nhiệt tình vào lời nói và tôi nhắc lại chữ hoàn toàn với một vẻ ngang tàng, hầu như khiêu khích! Họ không trả lời gì cả. Nếu có một con bướm bay vào, ví bằng ở nhà này người ta chịu đựng được loài bướm, người ta sẽ nghe thấy tiếng cánh bướm!

Họ có vẻ sửng sốt.

Ý nghĩ về con bướm bay qua làm tôi bình tâm lại. – Chính một câu của các ông viết đã khiến tôi đến đây, một câu như một chủ nghĩa, một ngọn cờ! “Chúng tôi không chạy theo tư tưởng mà chỉ chạy theo những con bướm!”

Sau này tôi đã biết là mình lầm; ngược lại kia.

- Chúng tôi không nói thế, ông chủ bút nói lấp.

Hay tôi nhầm nhà? Tôi hỏi như thế mới đến:

“Đây có phải là tòa báo *Phong trào Văn nghệ* không?”

- Thưa ông, vâng.” Một chữ “vâng” rất kiên quyết và rất dứt khoát.

Họ không phủ nhận căn nhà của họ, họ không xấu hổ vì tầng nhà dưới của họ. Có lẽ họ sẽ viết *chính*, ở đây, lên cửa, bằng chữ to, nếu họ không sợ một sự nhầm lẫn đáng tiếc.

- Thế nào! Chẳng phải các ông đã có vinh dự viết là các ông không chạy theo – cái này, cái nọ hay sao?

Tôi nói líu ríu tất cả; nào bươm bướm, nào tư tưởng nào bướm – tư tưởng; b-ướm; b-ướm – xin lỗi!

Mắt ông chủ bút tóe lửa. Họ ngỡ tôi nhại tặc nói lấp để giễu ông. Tiếp đó là xảy ra chuyện cãi nhau, một cuộc đấu giữa những anh nói lấp muốn nổ ra, một người nói lấp thật và một người nói lấp giả.

Tình thế đáng buồn! Hiếu lắm đáng tiếc!

- Thế thì, ông đến đây làm gì?

Người ta tiến lại phía tôi.

- Để kết nghĩa anh em.

- Kết – kết – kết?

Ông nói lấp không nói được hết câu.

- Thưa ông, cha tôi là sĩ quan Vệ binh Cộng hòa, ông nói ngọn lên tiếng, và trong gia đình tôi có lẽ phải sửa những kẻ láo xược hoặc tổng ra cửa những tên ngu ngốc. Vậy ông là gì, một thằng mất dạy hay là một thằng ngu?

Tôi không muốn tỏ ra thù hằn hoặc kiêu căng mà chỉ là thật thà.

- Thưa ông, tôi là một thằng ngu.

Tôi nói vậy như xưng nghề nghiệp của mình, không xấu hổ! Việc gì phải xấu hổ? Không có nghề ngu, chỉ có những người ngu!

Một khi đã ngả quân bài, tôi cảm thấy thoải mái hơn! Bây giờ mọi người đã biết tôi là ai tuy có điều đáng tiếc là tôi không cho biết địa chỉ.

Tôi nghĩ người ta có thể tin lời tôi được, vả lại tôi có lý do gì để lạm dụng lòng tin của mọi người?

Vậy là tôi không phản ai cả và vững ở lòng ngay thật của mình, tôi bình tâm trở lại.

- Nếu cụ thân sinh ra ông là sĩ quan Vệ binh Cộng hòa, thì chắc ông cụ là người cộng hòa...

Không nhất thiết. Nhưng tôi dựa vào đó để nói rằng tôi cũng là người cộng hòa – trước kia tôi thuộc một nhóm mà người ta đã nói đến ở Lớp giảng của Mitsolê, ở các cuộc biểu tình và ngày mồng 2 tháng Chạp.

- Ông biết ông C,...

- Tên ông là gì?

- Jack Vanhtrax.

- Thì phải nói ra ngay chứ! Chính ông đã gọi bọn Thánh –Vanhxăng lại để đá đít chúng chứ gì.

Tôi thấy then, lương tâm tôi vẫn bị cản dứt về điểm này. Cái đá đít ấy hiện còn đè nặng trên tim tôi.

- Chính ông đã định bắt cóc Hoàng đế phải không?... Và họ kể thêm nhiều chuyện khác nữa. Họ biết rõ cuộc đời bạo động của tôi hơn cả tôi. Họ biết những người bạn của các bạn tôi. Bulimiê đã đem thơ đến cho họ!

- Thưa ông, Lơcapê nói sau một lát trầm mặc, giọng rất dịu dàng và mắt nhìn xuống. Khi ông yêu cầu tên thanh niên trưởng Thánh-Vanhxăng phải đứng theo một tư thế thích hợp với những khái niệm của trí tuệ ông lúc ông không cảm thấy những cái gì là lý tưởng ở trong ông xáo động...

- Tôi không cảm thấy gì cả. Có lẽ một chút tê dại.

- Trong các năng tính của linh hồn ông ư?

- Không, ở đầu bàn chân đá ấy. Có lẽ tôi đã đá vào xương. Đó là một cái xương đặc biệt nên đá chệch. Nếu đá chệch, dễ bị thương lắm.

Lơcapê cảm ơn tôi, một vẻ cao đạo và dường như lăm bẫm nói một mình.

Tôi hay gặp lại Lơcapê.

Mỗi lần gặp lại thấy ông ta thiếu một sợi dây giày, thiếu cúc ở áo, có vết nhỏ ở trán, tóc dài như một cái đuôi nhỏ ở đằng sau và ca-vát thắt lệch sang một bên. Người ta thường trông thấy cái ngực lép của ông. Lúc nào ông cũng cầm một cái ô gãy gọng, và cặp một quyển sách to dưới cánh tay phải, trong đó ông ghi trạng thái tâm hồn của mình.

Tối nào Lơcapê cũng ghi linh hồn ông đã làm gì trong ngày hôm đó. Khi nào quên thì ông ghi những dẫn chú. Chắc thỉnh thoảng ông cũng nhầm lẫn, ông ghi trạng thái tâm hồn của một người khác vì vô ý hoặc ghi trạng thái cái gì khác không phải tâm hồn, ghi sai, không thì giải thích thế nào được những giập xóa trong bản thảo của ông?

Linh hồn ông làm chuyện này, chuyện nọ, điều đó khỏi... phải bàn – và không thể lăm. Có lẽ đó là lỗi của tờ giấy thấm. Hình như tờ giấy thấm đó đã chơi ông nhiều vô kể. Nó đã làm mực nhòe nhoẹt ở một số chỗ khi định làm khô những tư tưởng quá tươi, ở chỗ khác nó làm các chữ lẫn lộn, Lơcapê không còn nhận ra được. Trong trường hợp ấy ông ghi chú: “Tôi không chịu trách nhiệm về cái ở dưới vết rây mực” – “Tôi không thể đảm bảo được tính thuần khiết của tư duy ở những chỗ có vết cà phê hoặc có chút lòng đỏ trứng rớt xuống vì vô ý trong một buổi mơ màng.”

Trong một thời gian dài linh hồn ông toát mùi rau cải đắng trộn xà lách. Chúng tôi đã lấy quyển sách linh hồn trong túi áo ông và chúng tôi đem sát tỏi vào.

Vài hôm sau ông đến với chúng tôi, vẻ mặt mơ màng.

- Có một mối quan hệ bí mật, ông nói, giữa những hiện tượng tinh thần và hiện tượng vật chất. Tôi đã nghĩ suốt một ngày tới việc tôn thờ thảo vật của người Ai-cập vốn rất yêu quý rau cỏ và nghĩ tới những con gà giò mà đám pháp sư cổ La-mã cắt tiết. Thì hôm ấy, trong tư duy và trong quyển sách của tôi, lưu lại một mùi gà sống thối và hình như cả một hương vị

hành thờ. (Gục đầu vào bàn tay.) Điều này chứng tỏ rõ ràng tôi có một linh hồn...)

XXVII

ĂN CHỰC

Những người làm việc cho một cuốn tự điển lớn đang xuất bản đã trở thành bạn thư viện của tôi.

Họ là cả một bầy người sống vào quyền tự điển ấy, sống như những người đắm tàu trên một cái bè – tranh nhau rượu vang và bánh quy – con mắt dữ tợn, nổi đói khát điên cuồng ở trong lòng. Cảnh tượng ấy thật là kinh khủng!

Một tay đốc công mặt mũi đê tiện phụ trách phân phối việc làm. – Đa số đối với hắn ta có thái độ của những kẻ man rợ trước ngẫu tượng và liếm giày đã thay đế của hắn.

Có vài ba phen mừng hụt. Người ta ngỡ trông thấy – không phải một cánh buồm ở chân trời – mà là cái chết tới ăn thịt một trong số những người làm việc ấy.

Bớt được một người! Có nghĩa là sau khi đã mai táng, những người khác sẽ được thêm một số tử - phần tư của *một chữ cái* mà những người sống sót đem chia nhau – một suất làm tăng thêm bữa ăn của mỗi người, một giọt máu, để uống, một miếng thịt để nhai... – Hy vọng hảo huyền!... Phải trải qua nhiều gian nan lận đận mới hạ mình xuống cuốn Tự điển và khi đã tới nước ấy, tức là người ta không muốn chết. Kẻ mà người ta tưởng sẽ đưa ra nghĩa trang lại thoát chết. Mọi người đâm ngấm ngầm oán giận anh ta.

Tôi đã hỏi xem có còn một vài mẫu nào cho tôi không; những chữ khó, những chữ hóc búa...

Khốn khổ! – Tôi có vẽ một thẳng ăn cắp, gần như một tên phản bội.

Tôi phải vội khẳng định rằng *nói chơi* đấy thôi – nhưng họ chẳng tin lắm, và mỗi lần tôi bước vào phòng giấy là có những con mắt gườm gườm

và những lời thì thào ghê gớm.

Uống công nghệ đến những chuyện kiếm lấy một xu ở đấy. – Chiếc bè đầy ắp rồi, cơ hồ họ sắp rút thăm xem ai là người đầu tiên sẽ bị ăn thịt.

Nhưng tôi nhớ ra cái nguồn sinh sống ấy một hôm nghe thấy người ta nói trước mặt tôi tên một nhà ngữ pháp trứ danh, hiện đang làm một cuốn Tự điển khác mệnh danh là Cạnh tranh.

Một người bạn cùng khu phố, quen anh con trai nhà ngữ pháp, đã xin việc cho tôi. Lời xin đã được chấp nhận.

Người ta mời tôi lại.

Số tôi khá may mắn, tôi hay gặp những người tốt bụng.

Tôi tiếp xúc với một người rất tốt, hết sức lễ phép, không úp mở, bảo tôi:

“Vừa hay tôi đang cần một người, nhưng tôi không giàu. Tôi sẽ trả anh ít thôi, có khi không trả nữa. Tôi sẽ kiếm cho anh một chỗ ăn chịu và một căn buồng. Tôi quen một người chủ quán và một người cho thuê buồng. – Đánh đổi lấy khoản vay nợ mà tôi chịu trách nhiệm ấy, anh sẽ đến từ chín giờ sáng tới sáu giờ tối thì về - nghỉ một giờ ăn bữa trưa. Con trai tôi chỉ công việc của anh. Tôi nghiền ngẫm tất cả từ mười lăm năm nay. Tuy nhiên vốn học thức của anh có thể giúp đỡ tôi, và anh sẽ sống được... Anh không có nguồn lợi nào khác à?

- Tôi có bốn trăm bốn mươi phơrăng một năm.

Thế là cũng đáng kể... nhiều đấy! Tôi thì tôi không có được bốn trăm bốn mươi phơrăng một năm! – mà tôi đã năm mươi năm tuổi. Với sự can đảm anh có thể khá lên được... Anh sẽ không chết ở nhà thương làm phúc... Nếu anh muốn, anh có thể ngồi vào ghế trong buồng ngay từ hôm nay.”

Việc đó kéo dài được một thời gian – nhưng một hôm có chuyện xích mích giữa nhà ngữ pháp và chủ nhà xuất bản – nhà ngữ pháp khốn khổ bị thua, đành phải xén bớt các khoản chi tiêu và cho tôi thôi việc.

Khi tôi còn làm việc với ông, tôi được ăn chịu trong một quán ăn nhỏ, bữa sáng hết mười xu, bữa tối một phở hai mươi lăm – và được một buồng mười hai phở – ôi chao! Rất xấu! Rất buồn! (*hình như ông Năđă trọ ở khách sạn này! Tôi thương hại ông Năđă!*)

Nhưng tôi đã đặt được chân lên bàn đạp.

Giữa các nhóm làm tự vưng, mọi người đều biết nhau. Có nhóm *Betsorelidăng*, nhóm *Boaxtơ*, nhóm *Poatovina*.

Một nhà xuất bản ở phố Êpơrông, cần những nhà nhữ pháp rẻ tiền, có đề nghị với tôi.

Người ta trả tôi một xăngtim một dòng – hai xu mười dòng – một phở một trăm dòng – lại còn phải trích dẫn một số câu của các nhà nổi tiếng. Mỗi nghĩa riêng đều phải có ví dụ dẫn chứng.

Làm việc và sưu tầm các nhà văn nổi tiếng không thể nào kiếm được quá hai phở rưỡi một ngày!

- Tìm những ví dụ trong các sách mất nhiều thì giờ!...

Tôi đã tìm được cách để làm nhanh hơn.

Thật là bất lương, tôi làm dòng xuôi văn chương vẫn đục!... tôi biến đổi tinh thần của ngôn ngữ... có thể di hại trong một thế kỷ... nhưng có ai biết và có ai thấy gì đâu?

Tôi làm như thế này.

Khi nào cần thêm ví dụ tôi chỉ việc bịa ra và tôi đặt trong dấu ngoặc (*Flêsiê*), (*Bôtxuyê*), (*Matxiông*) hoặc một nhà thuyết giáo lớn nào khác của bất cứ địa phương nào: *Cămbre*, *Mô* hoặc *Pôngtoadờ*.

Tôi giả mạo con đại bàng xứ Mô^[94] khá nhất và nhiều lần nhất.

Nhưng nếu ngòi bút tôi không tìm ra một cái gì thật kêu, thật rỗng tuếch, thật long trọng, thật tròn trịa, tôi đi ngược lên một thế kỷ, tôi đặt những trích dẫn của tôi lên lưng các người thời Phục hưng hoặc thời Trung cổ.

Do đó tôi kiếm thêm được mười lăm xu một ngày.

Mười lăm xu! – Được một bữa ăn tối.

Một hôm, ở tiệm cà-phê Vonte, nơi lui tới của các bác đại học mà một đôi khi tôi cũng tới, đã xảy ra một cuộc tranh cãi dữ dội nhân những trích dẫn ấy.

Một giáo sư cầm trong tay tập mới nhất của cuốn *Tự vưng*, nơi tôi làm việc, và chúi mũi vào một từ do tôi *soạn*.

Ông đọc một câu của Sarông và xoa tay, đưa lưỡi liếm môi.

“Ôi! Những con người thời ấy!”

Đến lượt một bạn đồng nghiệp của ông cũng khoái trá, nhưng lại hiểu câu trích dẫn theo một nghĩa khác.

“Ông Vetxônô ạ, không bao giờ trong tư tưởng của Sarông lại có nghĩa ấy...”

- Ngược lại, đấy đúng là tinh thần Sarông. Toàn bộ Sarông nằm ở trong câu này!

- Ông không đọc Sarông bằng tôi, ông Pierăng thân mến ạ...”

Tôi thản nhiên uống cà-phê.

Cuộc tranh cãi kết thúc bằng một lời châm chích chua chát cũng mượn của tập *tự vưng* đó.

“Ồ! Người ta rất có thể gán cho ông cái câu khác của Sămfo, đây này, câu được trích dẫn ở cuối trang ấy!...”

Câu ấy cũng của tôi. Nửa tháng mới rồi tôi rất túng, rất cần tiền, và tôi nhét rất nhiều Sarông và Sămfo vào trong tập sách.

(Tôi nổi tiếng đặc biệt ở nhà xuất bản ấy, nơi có không ít giáo sư già lui tới nói đến tôi... Cái gì chính của anh ta thì không đặc sắc nhưng anh ta đọc rất nhiều tác giả cổ điển và biết chọn những trích dẫn thật tài tình. Anh ta thạo nhất là thời Trung cổ!)

Tôi chặt vật kiếm được khoảng bảy mươi phorăng một tháng.

Tháng đầu tôi được lĩnh *đúng hạn*. Còn thiếu vài đồng nữa mới tới được con số tròn, tôi đã làm được ngót bảy xu với Macmôngten.

Ông già này cũng chưa đến nỗi tồi lắm!

Tới tháng thứ hai, tôi đợi tiền hoài.

Tôi dọa sẽ đi kiện... làm ầm lên... rêu rao...

Người ta trả tôi một nửa tiền – và đuổi tôi. Tôi cầm nửa tiền và bỏ đi, không khỏi càu nhàu – làm bọn chủ đầm cáu. Họ đi nói khắp nơi rằng tôi là một kẻ khó chơi.

“Đáng tiếc: Một anh chàng nắm vững các tác giả cổ điển đến thế!”

NHÀ THƠ TRÀO PHÚNG

“Anh là nhà thơ phải không?”

Đó là bà Gô, bán sách, một buổi sáng kia đã hỏi tôi vậy.

Tôi là *nghệ nhân hát rong* thì đúng hơn. Tôi ca hát tổ quốc, tôi ca hát những cái gì mà đám nghệ nhân hát rong thường ca hát – cứ việc xem tự điển khắc thấy. Dù sao cũng cứ cho là nhà thơ đi! Và tôi trả lời bà Gô theo cách để bà hiểu rằng tôi biết sử dụng cây đàn lia – biết búng dây đàn “luyt”^[95].

“Thế thì tôi đã tìm được việc làm cho anh!”

Tôi vội vàng làm điệu kẻ đang có hứng cảm!

“Thế này, bà nói. – Có một ông thù một lão mõ tòa ở cùng nhà, ông ta muốn trả thù lão mõ tòa bằng một bài vè. Anh có biết làm cái đó không?”

Người ta đòi hỏi tôi cái món Acsilôơ^[96]. Phải nắm lấy ngọn roi trào phúng!...

“Tôi sẽ nắm lấy nó! Tôi bảo bà Gô; lúc đầu bà không hiểu, tôi phải nhắc lại và giải thích.

- Được – Anh hãy tới nhà thương Duyboa. Anh hỏi ông Poariê và nói rằng tôi giới thiệu anh đến để *nhổ vào mặt lão mõ tòa*. Chính ông ta đã nói thế. “Tôi tìm một người để *nhổ vào mặt lão mõ tòa*.”

Tôi tới nhà thương.

“Ông Poariê?

- Ông hỏi gì ông ta?”

Tôi không dám nói tại sao mình đến. Tôi giảng giải: người ta không mở cửa. Cuối cùng tôi đành xin một mẫu giấy.

“Bác đưa họ mảnh giấy này cho ông ấy được không? Tôi nói với bác gác cổng.

- Được.”

Tôi viết vài chữ.

Thưa ông.

Tôi là người do bà Gô giới thiệu đến để nh.v.m lão mõ tòa...

“Bác có phong bì không?

- Không, bác gác cổng nhà thương đáp.”

Tôi gấp mảnh giấy làm tư, đưa cho bác ta.

Qua cửa kính, tôi thấy bác gác cổng mở lá thư nhỏ và đọc. Liệu bác ta nghĩ gì?

Nh, v, m, lão mõ tòa!

Giá tôi cứ viết nguyên cả chữ thì hơn. Như vậy ngay thẳng hơn. Sẽ khỏi gây ra những ước đoán này nọ.

Bác gác cổng quay ra và nhìn tôi một cách kỳ cục.

“Ông Poariê đợi ông ở buồng số 12, hành lang số 3.”

Tôi đi vào hành lang thứ ba, - tôi tới buồng số 12.

Tôi gõ cửa.

“Cứ vào!”

Ông Poariê có vẻ mặt ủ ê – ông ngồi trong ghế bành, nước da vàng, người gầy, nhưng vẫn còn vui tính.

“A! Bà Gô giới thiệu anh đến đây! Anh để để *căn* hả?...”

Tôi ngắt lời ông ta.

Tôi đến để *nhổ*!... Hay là tôi nhầm nhà?

Tôi giải thích điều đó và ông Poariê đáp:

“Nhổ! Căn! Không hề gì, miễn là anh chửi lão Muxty cho lão tức lên mà chết!... Phải, anh, phải cho lão tức lên mà chết!... Nếu anh không phải người có thể làm được một bài về... cho lão Muxty tức đến chết thì anh đừng xen vào chuyện này!...”

Tôi không dám quả quyết lắm.

Ông Poariê có vẻ lo lắng và gãi cằm:

“Trông anh có vẻ ngây thơ quá!”

Việc đặt hàng đến tong mất! Nếu tôi có vẻ ngây thơ quá thì hỏng! – Tôi liền làm vẻ mặt sa sầm, một nụ cười cay độc, mắt vàng ệch...

Ông Poariê có vẻ vững tâm hơn và mời tôi ngồi xuống:

“Ta cứ thử, ông nói, xem anh viết lách thế nào! Để tôi kể lại câu chuyện. Anh nghe cho kỹ nhé! Ngày xưa có hai vợ chồng lão mõ tòa là loại đều cáng nhất vùng; chồng thì cao bằng chiếc ủng – vợ thì người vắn vẹo như cái mở nút chai; vợ chồng lão nuôi một con chó đuôi như cái kèn trompet. – Đây là cốt chuyện của anh đấy! – Vợ chồng lão ta tên là... Muxty – anh làm đi! – Phải làm cho chúng tức đến chết... cả thằng chồng, mẹ vợ, lẫn con chó.”

Vậy vấn đề là làm cho chúng phải chết!...

Thoạt đầu tôi ra thư viện tra cứu những nhà thơ trào phúng để gây hứng. Tôi chỉ thấy nhức đầu. Cuối cùng cả đêm tôi đẻ ra năm đoạn thơ khốn khổ. Liệu ông Poariê sẽ nghĩ thế nào?

Tôi viết thư cho ông.

Ông trả lời:

“Vừa hay lúc này tôi khỏe hơn. Mai tôi sẽ rời khỏi nhà thương Duyboa. Tôi đã mời đám anh em họ ở Nivecne tới nghe bài của anh. – Trưa mai anh hãy đến hiệu Foayô; lúc ăn tráng miệng anh sẽ hát bài về của anh.”

Hôm sau, ăn bữa trưa kiểu Gacgăngchuya^[97]. Patê gan mỡ, gà giò, thịt quay, rượu Buôcgônho, rượu ngọt, đồ tráng miệng, xì gà!

Và bây giờ nhường lời cho nhà làm về.

Tôi đứng dậy, tôi ho, mặt tái nhợt, rồi lại ho nữa.

“Anh hãy uống một cốc vang!”

Tôi uống hai cốc! Và mặt đỏ, hơi bốc, tôi bắt đầu. Tiến lên!

Thành công!

“Ông Vanhtrax! CHÚNG NÓ SẼ CHẾT!”

Cùng lúc ấy, vui đến ngạt thở, quặn người vì hoan hỉ, ông Poariê kéo tôi vào một góc, lục tìm trong túi và giúp cho tôi *bốn đồng luy*!

“Tôi sẽ giúp ông kiếm được nhiều nữa, ông nói. Ông có biết phá quấy bọn quản lý văn khế không? Tôi còn muốn làm chết một lão quản lý văn khế!”

Đó là một nguồn cảm hứng. Tôi có nơi tiêu thụ tại các tỉnh miền Trung. Đơn đặt hàng ùn về. Từ các tỉnh lẻ người ta viết thư cho tôi! Tôi làm theo đơn đặt – tôi châm biếm theo ảnh.

Tôi gieo rắc thơ đả kích và mối bất hòa trong các gia đình. Kiếm được lắm tiền.

Nhưng gì thì cũng phải mòn! Được hai tháng thì tôi cạn sạch.

Vai trò thi sĩ trào phúng của tôi chấm hết! Tôi chết như con ong bị gậy ngòi trong vết đốt, tôi chết trên một bài ca được trả mười phorăng! Tôi đã

tối nước phải châm chọc, nhổ và cắn theo giá mười phơrăng. Bài cuối cùng chỉ còn được bảy phơrăng rưỡi.

Đây là tiếng hót thiên nga của tôi! Tôi sẽ không kiếm thêm được một xu với thể văn đó nữa. Tôi không còn muối, ngay để bỏ vào một đĩa xúp.

ĐIÔGIECNO

Thình thoảng tôi tới một quán bán cơm bữa ở phố Bămbutô, vào lúc hai giờ kém năm. Tôi đến vào lúc ấy vì đến hai giờ thì hết bữa sáng và bắt đầu sang bữa chiều.

Bữa sáng giá nửa phơrăng.

Với nửa phơrăng người ta được một đĩa thịt, bánh mì, một thức tráng miệng. Vào giờ ấy trong ngày, bữa ăn bắc cầu giữa sáng và chiều nên rất có lợi.

Tôi có quyền lưu lại đến lúc nào tùy thích, tôi đọc báo và suy nghĩ.

Quán ăn ở góc một. Phải qua một lối đi tối om để vào, nhưng buồng ăn rộng rãi, sáng sủa, có những tấm gương khung bọc sa trắng.

Bao giờ cũng có mùi bầu dục sao, người không mất tiền.

Từ cửa sổ, có thể nhòm được xuống phố, trông thấy tương *Người không lồ ở Rôđơ*, và đông đảo thợ thuyền qua lại.

Tôi cảm thấy vui thú khi nhìn đám đông bình dân; họ có cái vẻ giản dị, thoải mái, những cử chỉ ngay thật, những trận vui đùa thẳng thắn. Không cau có và căng thẳng như cái giới trong đó tôi đang kéo dài cuộc sống vô dụng.

Hễ có dịp là tôi xuống chỗ chợ búa ồn ào đó và vào cơn lốc bình dân đó.

Muốn thế tôi phải có nửa phơrăng trả bữa ăn trưa, cộng thêm hai xu cho bồi; cũng phải ăn vận không lố lằng quá và đừng có vẻ xơ xác quá. Có thể vận chiếc áo bludơ bẩn – vì lao động mà giầy bẩn – nhưng một bộ áo

đen nhàu nát ở những khu phố xuềnh xoàng này sẽ bị mọi người chú ý. Người ta tưởng bộ áo bị uế tạp vì trụy lạc.

Tôi ăn tráng miệng xong, đang chúi mũi vào tờ báo.

Chủ quán bước vào với một người mà tôi nhận ra được.

Người này đã hát *Rượu vang bốn xu*, vào thời *Khách sạn Lixbon*, khi bọn tôi tới Mông ru giơ – dưới gian nhà trống rộng lớn – nơi người ta ngồi trên ghế dài gỗ uống rượu bằng cốc to.

Chủ quán với người kia là bạn, và họ tới *nốc* một chai rượu Boócđô lạnh, xa lò lửa nóng.

Họ chạm cốc, lại chạm cốc, chuyện trò và bàn cãi về vấn đề bài hát.

Tới một lúc, họ cần tìm người để hỏi ý kiến.

Chủ quán nói:

“Ta hỏi ông kia xem.”

Ấy là lão nói tôi, và lão quay về phía tôi.

“Mời ông uống với chúng tôi một cốc vang? Và ông sẽ bảo cho giữa hai chúng tôi ai là người lầm.”

Lời mời thành tâm nên tôi nhận.

“Câu chuyện thế này: tôi bảo ông Rôgiê đây là không được nói *Điôgienơ* mà phải nói *Điôgiecnơ* – không phải *Gienơ*: *Giecnơ*!^[98]. Giờ tôi nhờ đến ông, lão chủ quán vừa nói vừa ấn cái mũ trắng nhà bếp trên đầu; ông là người có học. Ông hãy phân xử hộ.”

Gay thật!

Nếu tôi xử lão ta thua, liệu sau này lão còn để cho tôi đến ăn bữa trưa vào lúc hai giờ kém năm không, mà tờ yết thị dán trên tường đã nói từ hai giờ trở đi, các bữa ăn đều mười sáu xu?

Tôi lưỡng lự.

Lão chủ quán vừa nhắc lại, vừa vỗ lên mặt bàn:

- Tôi cho rằng điệp khúc bài hát là thế này:

Lão hát:

Đây là chiếc đèn lồng

Của ĐiôgieCnơ

Người kia nhìn tôi. Tôi tuyên bố:

“Phải, người ta nói là Điôgienơ!”

Những ai không biết *bữa ăn bắc cầu* ấy cứ nhặt đá mà ném tôi! Còn những ai biết thì hãy tha thứ cho tôi!

Tôi đã không thể khăng khăng theo con đường giả dối ấy được! Lão chủ quán vừa đi khỏi, tôi tới bên ông Rôgiê, xin lỗi ông bằng cả ánh mắt lẫn giọng nói, đầu cúi xuống:

“Ông ạ, vừa rồi tôi đã nói dối. Người ta nói Điôgienơ!”

- Không có chữ C?

- Không có C.

Tôi buông thông hai tay và đứng trước người xét xử tôi như một pho tượng gãy.

- Nhưng tại sao thế?...”

Tôi mở cả lòng và dạ tôi nói với ông. Tôi giải thích cái *bữa ăn bắc cầu*.

Ông ta mỉm cười – gọi một chai rượu nữa.

“Ông uống thêm với tôi một chén nữa nhé?”

- Thôi, cảm ơn ông!

- Ông sợ không mời trả lại được chứ gì?

- Lạy chúa, có thể!...”

Ông Rôgiê ngồi im một lát.

“Ông làm gì để sống? Ông biết *bắt vằn* không?”

Tôi kể ông nghe câu chuyện Muxxy, loạt bài thơ đả kích bọn quản lý văn khế...

- Nhưng tình ca! Ông có biết làm tình ca không?

- Tôi chưa thử làm bao giờ.

- Ông không biết đặt lời cho một đám mây, một con ngựa, một mỹ nhân à?

- Tôi không biết nữa...

- Hay thể loại nhẹ ông làm tốt hơn? – loại *chú thỏ con của vợ tôi* ấy? Ca hát cái bình hoa – hay cái bình đi tiểu đêm – ông thích cái nào hơn?

- Bình hoa! – mà không khinh cái bình đi tiểu đêm, tôi vội vàng nói thêm, vì không biết khẩu vị của ông ta và khôn ngoan *bắc cầu* giữa hai cái.

Nhưng tôi đã thất bại ở cả hai thể loại!

“Ông không có cái chất dí dỏm”. Ông Rôgiê nói với tôi, một buổi sáng.

Vì lòng tốt, ông đã đưa tôi làm bài tập về lối chơi chữ.

“Ông không cần phải tự mình sáng tạo, ông sẽ không bao giờ làm được đâu, ông bạn trẻ tội nghiệp ạ; cứ giở sách ra mà tìm, không sao cả!”

Tôi ra thư viện cóp ở những *tập danh ngôn* cũ.

(Người ta đã bắt chợt thấy tôi làm việc ấy, thật là tai họa, và tôi phải mất nhiều năm mới gỡ được tiếng.

Mỗi lần tôi nói một lời bông đùa, người ta lại bảo: “Sáng nay mày mới đọc được ở thư viện chứ gì”.

Người ta ngỡ tôi tới thư viện tìm những điều sẽ nói vào buổi tối để ra vẻ mình láu lỉnh và bông lơn. Cái trò ấy có thể đã kéo dài từ lâu rồi, người ta nói vậy.

- Vậy mà chúng mình tin cứ cười mãi!

Về mặt khác, những người đứng đắn trước để ý đến tôi nay lại không tin tôi nữa và cho tôi là một thằng súc sinh ghê tởm đi mò những sách phóng đảng làm thức ăn hàng ngày và thỏa mãn trí tưởng tượng của thằng múa rối và gã trụy lạc.)

Và như thế được năm phơrăng – không thêm một đồng kẽm hào! – *một xu một trăm câu chơi chữ - xin mời!*

Chẳng thà tôi vận quần áo anh hề, rao hàng như vậy ở các quán vui. Tôi còn kiếm được nhiều tiền hơn.

XXVIII

LẤY VỢ

Tôi nhận được đều đặn bốn mươi phở hàng tháng. – Đều đặn ư? Chao ôi! Không. Thỉnh thoảng chậm mất một hai ngày, thế là tôi rợn cả người vì bà chủ trọ chờ đợi. Dạ dày tôi cũng chờ đợi – thật là gay. Tôi nhiều phen bụng rỗng suốt hai mươi bốn tiếng đồng hồ, gọi là còn sức để nói khi nào phải dậy học. Không phải lỗi tự ai cả! Thầy tôi chưa bao giờ sai lời đối với tôi; nhưng tôi đã hoài công viết thư nói với thầy tôi rằng một sự chậm trễ vài giờ cũng làm tôi bị nhục nhã ê chề ở quán trọ mà kỳ hạn trả nửa tháng tiền nhà là những ngày nhất định, và đẩy dọa tôi vào những cơn đói quẫn quại. Thầy tôi không tin. Các bậc cha mẹ ở xa Pari không hình dung được chuyện đó. ở tiệm cà-phê, họ hỏi xem tờ *Sarivari*, đọc những chuyện hoang đường của Gavacni nói về những củ cà-rốt do sinh viên nhổ. Có một lần tôi suýt nhổ trộm một củ tại cánh đồng Môngrugière để nhai nguyên cả củ vừa bần vừa sống, nghiêng ngả vì bụng đang kêu ùng ục! Lúc ấy tôi vừa lỡ mất hẹn của một người bạn có thể ăn chịu tại một quán lúp xúp ở ngoại thành.

Vừa lúc tôi cúi xuống thì một người đi qua: tôi bỏ đi như một thằng ăn cắp. Giá bị bắt chột sớm hơn một chút, có lẽ tôi đã bị cáo là ăn trộm.

Chả! Mặc kệ, túng thì phải làm càn thôi!

Chính cuộc sống ở nhà trọ làm tôi khổ sở nhất. Tôi thường ở lẫn với bọn vô lại và bọn trộm cắp.

Sáng hôm nọ, cảnh sát ăn vận thường dân đã nhân danh luật pháp xông vào căn nhà ổ chuột của tôi, vây tôi trên chiếc giường nát như thủ phạm một tội ác gì không rõ.

Họ đã vào lầm buồng. Chính tay ở buồng bên cạnh đã ăn cắp hoặc hiếp dâm gì đó. Hẳn có mặt ở nhà, đang hát nghêu ngao.

Người ta nhận ra giọng hần, thành thử tôi được thừa nhận là vô tội! Nhưng giả sử tên vô lại nghe thấy tiếng cảnh sát lên, rồi hần lẻ xuống cầu thang đi mất, thì tha hồ cho tôi giãy giụa, người ta cứ kéo tôi đi!

Tôi viết thư kể lại câu chuyện cho thầy tôi biết, và tôi xin thầy tôi bố thí:

“Thầy ứng trước cho con số tiền đủ sắm ít đồ đạc kê trong một xó buồng như một xà lim, ở đó con khỏi bị những chuyện tình cờ như thế. Con đã tìm được một buồng tám mươi phơăng ở phố Côngtrexcacpơ. Người ta đòi phải trả tiền trước; con cũng xin thầy cả món này nữa. Con xin thầy chút tổn phí đó để tránh cho con bao nhiêu đau đớn và nguy hiểm!”

Trong bức thư, tôi – rụt rè – nói thêm rằng trong cuộc sống ở những căn nhà cũ kỹ và nghèo khổ, có ít của cải nào thì luôn luôn bị mất vì những vụ trục xuất, khám xét, vây ráp... và tôi đã để thất lạc mất một số *tác phẩm*...

Đúng như thế! ở các buồng trọ tôi đã để rơi mất, hoặc bị ném vào đồng rác, hoặc bị lấp đàng sau một chiếc hòm, hoặc bị chủ trọ giữ lấy, những trang viết có lẽ mang cái hùng hồn đàng cay của chúng.

Thầy tôi không trả lời.

Ồi chao! Tôi cảm thấy cơn hờn giận thừa nhỏ đối với thầy tôi lại dâng lên trong tôi không sao ghìm được!

“Thế ra anh không biết, một người bạn đồng sự cũ ở Năngtơ của thầy tôi nói với tôi – tôi bất chợt gặp ông ở một góc phố: một con người tốt bạn thân của gia đình tôi, tôi đã bày tỏ với ông cảnh sống của tôi, buổi tối thật buồn, mưa rơi u ám, căn buồng của tôi dạo ấy lạnh lẽo quá! – Anh không biết là thầy anh không còn ở Năngtơ nữa à?”

Ông đã kể tôi nghe một câu chuyện đau lòng.

Thầy tôi đã gặp trên đường đời của mình một bà Brinhhônlanh khác, vợ góa của một viên tổng giám thị; bà ta đã yêu thầy tôi hoặc làm ra vẻ yêu. Thầy tôi trở thành nhân tình của bà, bị mang tiếng, đi đến làm công khai;

mẹ tôi phát điên lên vì ghen và vì buồn phiền, mất bình tĩnh, đã tới cổng trường đánh ghen với bà kia; câu chuyện gây tệ hai và có báo cáo ghê gớm lên bộ. Người ta chỉ bắt thầy tôi chuyển, và bây giờ thầy tôi đang ở một thành phố ở miền Bắc.

Thế mà tôi chẳng hay biết gì hết! Cả thầy tôi lẫn mẹ tôi đều không nói cho tôi biết!

“Đó là vì, anh biết không, ông già đáp, tiếp sau là chan hòa nước mắt! Thầy anh lên đường một mình... Mẹ anh quay về quê, nơi cách đây ba tuần tôi có gặp bà, trông người khác hẳn, anh bạn ạ!... Bà cụ sống ở quê như một bà góa, giữa bức chân dung của thầy anh và của anh... Tôi đã dự cảnh chia tay... Thôi thì giành nhau người nợ xin lỗi người kia.

- Chính tôi là kẻ có lỗi! Mẹ anh vừa kêu lên vừa quì xuống.

- Không, chính tôi, cuộc đời giáo sư đã làm tôi trở nên dờ dại và xấu xa...

- Chúng ta còn có thể sung sướng được, mẹ anh đáp. Phải không? Mẹ anh nhắc lại, và quay sang phía tôi, hỏi tôi bằng cặp mắt đỏ hoe.

Tôi phải nói để anh biết là tôi đã cúi đầu xuống và trả lời không! Tôi trả lời không; vì thầy anh say mê người đàn bà đã gây nên chuyện ầm ĩ kia. Rồi thầy anh sẽ lại bám lấy bà ta; quả nhiên thầy anh đã lại bám lấy bà ta thật... Con người lương thiện có vẻ như phạm một tội ác... Nhưng ông cụ nhà vốn tính thất thường, sự tình cờ đã đưa ông vào một nghề khổ sai, lại khiến ông lấy một người vợ quá quê mùa đối với một tâm hồn kiêu hãnh và đau đớn. Tôi rất hiểu chuyện đó, tôi là người đã từng đau khổ, đã từng yêu... mà không ai biết... Thế đấy, vì tôi đã trải qua chuyện đó, tôi lại biết rõ đầu đuôi câu chuyện, nên tôi khuyên hai bên nên xa nhau! Giả dụ mẹ anh không làm ầm lên mà cứ chết dần mòn vì đau khổ, thì trường Đại học vẫn có mặt thám của nó, và sớm muộn thầy anh cũng sẽ bị bãi chức chứ không phải chỉ bị chuyển. Chính mẹ anh là người đầu tiên chịu hy sinh. “Phải, ta nên xa nhau thì hơn!” mẹ anh khóc nức nở và ôm hôn thầy

anh như tôi đã trông thấy người ta ôm hôn người chết trước khi bỏ vào áo quan.

Tôi ngỡ anh đã biết chuyện này. Chắc hẳn thầy mẹ anh chưa dám nói cho anh biết!”

Ngay buổi tối hôm ấy – ngày 31 – ông bố của Côlinê đến chơi tôi và đem đến bốn mươi phorăng.

- Từ nay, cứ đầu tháng, anh tới nhà tôi lấy tiền.

Ông không nói gì thêm mà tôi cũng không hỏi. Nhưng tôi viết thư cho mẹ tôi.

Ngòi bút của tôi lưỡng lự rất lâu; vì tôi giập xóa nhiều dòng, tôi còn làm nhòe một chữ vì nước mắt rơi không cầm nổi. Tôi không biết cách nào để gượng nhẹ với nỗi lòng của mẹ tôi.

Mẹ tôi đã viết thư trả lời.

“Phải, con ạ, thầy với mẹ đã xa nhau rồi, xa nhau tựa như cái chết đã xảy ra. Thậm chí mẹ muốn van con đừng nhắc đến tên thầy con trong thư nữa; vì mẹ đau khổ, con hãy tha cho mẹ điều đó.”

Do ông giáo sư già tới chơi, tôi biết là mẹ tôi đã hay chuyện bà Brinhhônlanh^[99] đã lại tới chiếm chỗ trong giường thầy tôi, và đối với một số bà con, bà còn được coi là vợ chính thức nữa. Thế là hết, thế là vĩnh viễn góa bụa; tôi biết tính mẹ tôi. Tên thầy tôi không được chúng tôi dả động đến nữa nhưng vẫn còn ghi lại như bằng mũi dao nhọn trong tim người đàn bà tội nghiệp.

Tôi có nên viết thư cho thầy tôi không? Nói gì với ông? Có thể một ngày kia tôi sẽ tìm được lời nói hoặc tiếng kêu làm cho người bố xích lại gần đứa con, còn bây giờ thì hoặc phải tha thứ hoặc phải kết tội thầy tôi! Nhưng theo con mắt tôi, mẹ tôi đau khổ mà thầy tôi chẳng phải là có tội. Tôi đành phải nín lặng giữa hai nạn nhân đó.

Ông giáo sư già đã trở về quê cũ, có hứa với tôi là nếu như trong nhà người đàn bà bị bỏ rơi ấy xảy ra bệnh tật hay tai họa, ông sẽ báo tin cho tôi

biết.

Chính mẹ tôi viết thư gọi tôi về.

“Mẹ van con, về với mẹ vì đã sắp đến kỳ nghỉ lễ Phục sinh và con có thì giờ rồi rồi... hơn nữa mẹ đang ốm, và mẹ thường nghĩ bụng nếu chẳng may mẹ chết trước khi được ôm hôn con một lần nữa, thì giờ hấp hối của mẹ sẽ buồn biết mấy!... Con cố về, con ạ, con sẽ làm cho mẹ rất sung sướng.”

Tôi hơi run khi cầm tờ giấy do bàn tay thật thà của người đàn bà tội nghiệp viết từ nơi quê xa ấy!... những người ở quán bia sẽ cười tôi đến thế nào nếu họ trông thấy tôi!

Tôi có thể đi như mẹ tôi nói. Tình cờ tôi lại có một chiếc rơđanhgốt mới tinh và một chiếc mũ vừa sắm.

Về thăm quê cũ!...

Suốt buổi tối, tôi đi chơi một mình dưới những cây ở vườn Luycdambua, suy nghĩ về việc đó. Tôi đã không đặt chân tới quán bia, sợ làm mờ mất niềm xúc động của tôi.

Thế là tôi lên đường! Tàu hỏa đã cách xa Pari một trăm năm mươi dặm!...

Cuộc sống làng mạc vụt qua trước mắt làm sống lại dĩ vãng thơ ấu của tôi!

Những ngôi nhà nhỏ có dây trường xuân leo quanh và mái ngói đỏ; những sân nuôi gà vịt bừa bãi những thân cây và lưỡi cày rỉ; những mảnh vườn con trồng hoa mặt trời bụng to vàng và rốn đen; những ngưỡng cửa lung lay, những cửa sổ, những con đường đầy nước phân và nứt nẻ; những rào chắn đường với những em bé tựa mũi lem luốc và trán dô vào để nhìn tàu hỏa chạy qua, vẻ giản dị ấy, chất thô kệch ấy, sự im lặng ấy gợi lên cảnh đồng quê, nơi hồi nhỏ tôi đã say sưa với tự do và gió lộng.

Trông những bà đang khom người rầy cỏ, tôi ngỡ nhận ra các bà cô, bà dì nông dân của tôi; và tôi bất giác đứng lên khi trông thấy mặt gương

của một cái ao hoặc một cái hồ; tôi cúi xuống, tưởng như có thể thấy lại chú bé Vanhtrax hồi xưa trong mặt gương xanh lục ấy. Tôi nhìn nước suối chảy và trông theo đàn quạ đen bay trong bầu trời xanh biếc.

Trong khoảng không gian này, với chân trời sâu thẳm và cảnh xa xăm mơ hồ kia, ý niệm về Pari nhòa đi và tiêu tan.

Tất cả đều nói lên với ký ức của tôi, bức tường kia xây bằng đá xếp bừa bãi lên nhau, để hồng những lỗ ánh sáng to như những lỗ châu mai của một chiến lũy bỏ hoang; chiếc thang hái nho kia làm những kỷ niệm về mùa hái nho lấp lánh trong óc tôi như bọt rượu vang mới cất – và cánh rừng tối tăm kia gợi cho tôi nhớ lại cánh rừng thông âm đạm hồi xưa tôi thích đi sâu vào để được sợ hãi!

Tàu đã tới Lyông.

Tôi không còn ngắm trông những cây dương liễu, những suối, bầu trời! Tôi ngỡ chỉ còn thấy ở trên cao kia, trong mây, một hòn máu đỏ; ở phía dưới, tôi như nghe thấy tiếng bay phàn phật của một mảnh tã rách để tang.

Tôi bỏ mũ ra theo bản năng – để chào *lá cờ đen...* lá cờ đen, lá cờ của công nhân dệt, lá cờ của ngoại ô Croa-Rutxơ.

Chính vào năm 1832^[100] trên đỉnh đồi Croa-Rutxơ vĩ trang này, những người vận áo bludơ xanh, lần đầu tiên đã mang trên những ngọn súng chéo nhau chiếc nôi của chiến tranh xã hội!

May sao tàu chạy qua đó nhanh và không đỗ lại... Không thì tôi sẽ mất niềm vui của trầm mặc êm đềm và sâu lắng trong những cuộc viếng thăm những nơi người ta đã từng thét lên: *Sống trong lao động, chết trong chiến đấu!*

Tới Xanh-Êchiên, tôi đáp con tàu chạy dọc theo sông Loa.

Xưa nay tôi vẫn ưa thích những dòng sông!

Trong các kỷ niệm hồi xưa, tôi nhớ nhất là con sông Loa xanh biếc! Tôi nhìn ánh mặt trời vỡ tan trong dòng nước; bọt sủi ngầu quanh những

vật tựa đá ngằm trắng tựa đặng-ten run rẩy trước gió. Con sông này xưa kia là vật sang trọng của tôi, và tôi đã đi tìm vỏ ốc trong cát mịn bên bờ với mỗi xúc động của người đi tìm vàng.

Con sông đu đưa trái tim tôi trong làn sóng trong của nó.

Thình lình bờ sông loe ra như một vết thương.

Đó là vì người ta đã phải dùng cuộc và mìn để phá các mỏm đá chắn đường tàu hỏa.

Ở hai bên bờ sông, tưởng chừng như đã có chiến sự diễn ra. Đất thó đồ cạch, những cây cối chưa bị phá hủy trông buồn bã, cây cỏ tựa hồ như đã bị đại bác bắn.

Chất thơ ảm đạm ấy cũng biết làm tôi nao nao và xúc động. Tôi nhớ lại là tất cả những cuộc đi chơi thuở nhỏ qua đồng ruộng và qua rừng, đều kết thúc bằng những cảnh tượng có màu sắc dữ dội như thế. Muốn được trọn vẹn và sâu sắc, niềm xúc động của tôi cần phải gặp lại những vết sẹo ấy của thiên nhiên.

Cuộc đời tôi đã bị đau khổ cày xới và chà sát như rêu đất bị cào xé đâm máu này.

Chà! ta cảm thấy ta quả là một phần của người, một mảnh núi đá của người, hơi xứ nghèo khổ tỏa ra mùi hoa và mùi thuốc súng, hơi đất của ruộng nho và núi lửa!

Những nông dân nam nữ qua lại kia, đấy là những anh em vận áo len, những chị em đeo tạp-dề đỏ của tôi... họ được nhào nặn bằng cùng một loại đất sét, trong máu họ có cùng một chất sắt!

Vài tiếng thổ ngữ thình lình phá vỡ cái im lặng của một nhà ga nhỏ ở heo hút gần một cánh rừng thông suýt làm tôi bị ngất.

Tàu sắp đến nơi rồi!

Mặt tôi tái nhợt như tờ giấy, tôi soi thấy qua cửa kính, trông tôi như người chết.

Lơ Puy! Lơ Puy!...

Tôi nhận ra những biển hàng, một cái mũ bằng gỗ đỏ, chiếc ủng có quả tua vàng, hiệu *Ngựa trắng*, *Khách sạn Vivare*.

Ở cửa sổ nhà tôi, tôi bỗng thấy xuất hiện một khuôn mặt xanh xao với đôi mắt đen to, khỏe mắt, và tôi nghe thấy một tiếng kêu...

- Jắc!

Đó là mẹ tôi gọi và giơ hai tay về phía tôi. Mẹ xuống cầu thang đón tôi và vừa ôm hôn tôi vừa khóc.

- Con có vẻ vô tình làm sao! một lát sau mẹ tôi nói.

Quả là tôi đã cảm thấy như có một mũi dao lạnh nhói vào tim, khi mẹ tôi kéo tôi vào căn phòng như có mùi nhà thờ.

Chỗ nào cũng thấy những di vật tàn tạ: khung tranh cũ, tranh khắc ngà vàng vì thời gian... - Đó là những thứ còn lại của hồi thầy mẹ tôi chưa xa nhau.

Kia là bức chân dung thầy tôi, tóc để thành bờm theo kiểu hồi thầy tôi còn trẻ. Mặt gần như tươi cười và đầy đặn. Nhưng bên cạnh là một bức họa vẽ thầy tôi đã gầy đi và mắt buồn bã. Bức họa này vẽ vào hồi cuộc sống đã làm nét mặt thầy tôi tàn úa và hốc hác.

Đây là chiếc cặp da cũ màu xanh lục của thầy tôi, ở đó thầy tôi đã viết những bài ca thành hình chai lọ và bầu rượu, và trong một ngăn thầy tôi đã ép một bông hoa do mẹ tôi tặng... Bông hoa ấy, mẹ tôi vừa mới lấy ở cặp ra và đem áp vào môi, mẹ lại muốn tôi cùng áp môi vào. Tôi làm việc đó như cái máy và ngượng ngùng...

Tất cả những thứ ấy, hộp đồng hồ mua cách đây ba chục năm, mũ chùm đầu hy-lạp với những bông hồng bạc phếch và bụi bặm, bó hoa với những cánh hoa khô đối với mẹ tôi nó tỏa hương kỷ niệm một ngày hạnh phúc, giữa mọi thứ đó xen lẫn vào những nhánh cây của tuần lễ Phục sinh và cả những hình thánh, và người đàn bà tội nghiệp vừa chấp tay và ngược mắt lên trời vừa khuấy lên những mảnh vụn của quá khứ.

Mẹ tôi đã im lặng trong đau khổ từ ngày chồng bỏ đi.

Cố nhiên tôi đã cảm thấy màng nước mắt khi khuôn mặt xanh xao và nghiêm nghị của mẹ tôi áp vào mặt tôi, khi mẹ tôi ôm tôi vào bộ ngực gầy gò và run rẩy; con người yếu đuối chỉ còn mỗi tôi để nương tựa, để yêu thương. Nhưng khi thấy mớ di vật kia dựng lên giữa ba người, mẹ tôi, tôi và người bố vắng mặt, thì tôi bỗng nổi giận, và nỗi buồn xâm chiếm tôi nhường chỗ cho một cảm giác khinh bỉ mà nét mặt tôi đã để lộ ra.

Tôi ra khỏi nhà để đi vợ vãn trong thành phố.

“Con có tới thăm trường trung học không? Mẹ tôi hỏi khi tôi trở về.

- Không ạ.”

Mẹ tôi không hiểu những nỗi buồn bao la đã xâu xé tâm hồn học sinh của tôi trong những ngôi trường tường ẩm đạm. Suýt nữa tôi đâm sảng với sự âu yếm của mẹ tôi bằng những cử chỉ hằn thù man rợ và bằng những tiếng la giận dữ... Tôi đã phải cố nín!

Trường trung học ư? - Tôi đã cố đi tới cổng trường; mà tim tôi đã đập tưởng vỡ! Khi tôi bước vào cái phố nhỏ dẫn đến trường, tôi loạng choạng như người say rượu.

Nhưng tới trước cổng sắt, tôi đã phải tựa người vào một cái cột để khỏi ngã.

Chính nơi đây thầy tôi đã làm giám thị vào hồi hai mươi hai tuổi, đã có vợ, và đã là bố của Jắc Vanhtrax.

Chính ở đây thầy tôi đã bị sỉ nhục trong bao nhiêu năm trời, chính ở đây tôi đã trông thấy thầy tôi lén chùi những giọt nước mắt tủi nhục, khi viên hiệu trưởng nói với thầy tôi như với con chó; chính ở đây tôi đã cảm thấy gánh nặng nỗi đau khổ lớn của thầy tôi đè trĩu lên đôi vai nhỏ bé của tôi.

Không, tôi không dám bước qua cánh cổng ấy để nhìn lại chỗ góc sân có lần một đứa học sinh lớn đã nhảy xổ vào thầy tôi để tát.

Có vào không? - Tôi tưởng như tôi sẽ phải nhỏ máu trên mặt sàn buồng học của học sinh lớn, ở đó kê chiếc bàn học của tôi – bên cạnh bàn giảng là nơi mà người sinh ra tôi ngự toạ như tên cai ngục ngồi trên bục buồng ăn ở nhà tù.

“Con có nhớ là hồi học lớp chín, con đã giật được tất cả các phần thưởng không? Hôm phát phần thưởng, con được ba vòng hoa, vòng nọ xếp chồng lên vòng kia...”

Có, tôi nhớ những vòng hoa ấy: tôi rất muốn khóc dưới mớ hoa đó! Đây là trò lố bịch đầu tiên đã làm sây sất trái tim tôi!

Nhưng bây giờ không nên làm mẹ tôi đến lượt phải khóc; tôi âu yếm tới gần mẹ tôi.

“Mẹ có điều gì cần nói với con...”

Mẹ tôi ho húng hắng, sửa chiếc mũ trắng ngay ngắn trên đầu, nhìn tôi bằng con mắt dịu dàng và sâu thẳm, rồi nhích ghế tới gần cầm lấy tay tôi:

“Con cứ sống một mình mãi mà không thấy buồn ư? Con không bao giờ nghĩ đến chuyện lấy một người đàn bà thương yêu con sao?”

Yêu?

Nhìn cuộc đời chỉ là một cuộc chiến đấu; bản thân là một thằng đào ngũ mà đến bạn bè cũng lưỡng lự không muốn bắt tay, vì tôi có những lý thuyết đến là hung dữ, chửi bới và làm rày họ; không tìm thấy ở đâu một chỗ trú ẩn chống lại những thành kiến và tập tục đang bao vây và đuổi bắt tôi như bọn cảnh sát, tôi thì chỉ có cô nào cũng có tính nổi loạn như tôi mới yêu được thôi. Nhưng tôi đã nhận thấy rằng chất nổi loạn thường giết chết cái duyên dáng! Thế mà tôi thì lại muốn người mà tôi kết nghĩa trăm năm phải có vẻ đàn bà đến tận đầu móng tay, phải đẹp và thanh lịch, và đi đứng như một bà quý phái! Thật là kinh khủng, những sở thích quý tộc ấy gắn với những tư tưởng bình dân của tôi!

“Nhỡ ra con ốm khi ở xa mẹ, hoặc khi mẹ chết rồi!”

Ồm, thôi đi.

Phải giết tôi thì tôi mới chết được; và chắc chắn là người ta sẽ giết tôi trước khi tôi ngẫu nhiên bị bệnh. Tôi chạy theo khởi nghĩa và nổi loạn nhiều quá; chẳng mấy lúc không tránh khỏi ngã xuống trong chiến đấu.

Tinh thần nghỉ ngơi và thèm muốn cuộc sống yên tĩnh dưới vòm cây hoặc bên lò sưởi không đến với tôi! – Mẹ kiếp, không!

Trước hết tôi còn phải phá vỡ cái vòng vây bất lực trong đó tôi đang quay cuồng thất vọng!

Tôi tìm cách trở thành trong phạm vi sức lực của mình người phát ngôn và kẻ cầm cờ của những người bất phục tùng. Ý nghĩ ấy thao thức ở đầu giường tôi từ những giờ phút tự do đầu tiên của thời thanh niên. Buổi tối, khi tôi trở về cái hang của mình, nó ở đó nhìn tôi từ bao nhiêu năm, như một con chó đợi một dấu hiệu để sủa và cắn.

Vả chẳng ma nào muốn lấy tôi, một kẻ không nghề, không tiền, không tên tuổi?

Hình như cái thị hiếu đó lại ẩn náu dưới một mái tóc nâu, thật tình trông cũng diễm lệ và sáng ngời cặp mắt tuyệt đẹp!

Do đâu mà người ta biết tôi?

Chính cô ta, cô gái có đôi mắt đẹp, trả lời:

“Do đâu mà biết anh à? Anh có nhớ hồi anh làm ở một toà báo và anh đã phải đấu gươm không? Anh đã đi tìm một học sinh trường Xanh-xia cũng người xứ Ôvecnơ như anh, để làm nhân chứng. Người ấy chính là anh trai của đứa con gái hèn này; lạ Chúa, đúng thế. Người ấy cùng tên họ với kẻ đang nói chuyện với anh đây và đang phui bụi trí nhớ cho anh... Anh không nhớ ư?

- Bây giờ thì... nhớ rồi!

- Anh nhớ anh em phải không? Còn em?... Không rồi, nhận đi!... Hồi ấy đối với anh em còn nhỏ quá... Tuy nhiên, xem nào, chắc anh phải nhớ là sau cuộc đấu gươm hụt anh đã đến nhà chú em... ở phố Vôgira... Anh đã ăn ở đấy vài bận... Thậm chí xem ra anh có vẻ đói lắm!... Tưởng như đã

hai hôm anh chưa ăn gì cả. Mặc dù vậy, anh vẫn rất xược với con bé con này, nó rất giận anh. Anh tuyên bố khắp xó là anh không thích âm nhạc và anh lạnh như không khi em gõ dương cầm. Anh ửng sang phòng khách hơn để nói chuyện về... tương lai nhân loại với những ông hói trán. Anh đừng chối... Em đã nghe trộm ở cửa.

“Một ngày kia, anh em đã phoir mất với ngù vai thiếu úy. Mỗi lần nghỉ phép về Pari, anh em đều gặp anh. Nhưng anh chẳng xuất hiện trước con bé gõ dương cầm nữa. Câu chuyện như thế. Không, chưa hết... Em sắp đỏ mặt một tí.. đừng nhìn em... Anh đã làm em chú ý vì cái vẽ kỳ quặc của anh... Cái ý nghĩ đầu gườm vì chuyện không đâu, vì danh dự... vì thích nguy hiểm, điều đó làm em quên là anh không ưa âm nhạc của em... dạo ấy em hơi lẳng mạn, anh như mang chút oan nghiệt trong người. Rồi anh em từ xa vẫn theo dõi anh trong cuộc sống, chúng em thường nói tới anh, - luôn luôn... Anh em đã kể với em là anh đã rất can đảm và vui vẻ chịu đựng một cuộc sống nào đó mà anh đã vui lòng nhận – để được tự do, - có khi phải ăn bữa tối bằng bánh ngọt chiêu đãi ở những nhà thuộc giới thượng lưu, cũng như hôm anh tới nhà chú em.

Một đôi khi em trút cho anh cả phần của em đấy... anh ạ, mà cả anh lẫn mọi người đều không biết... dù là bánh moka của hiệu Juyliêng mà em rất thích, nhưng em đã hy sinh để nhường anh... Tóm lại, em vẫn có tin tức về anh luôn; mà anh em trong thư từ thường xin bớt chuyện của em để nói về anh; em tưởng còn được đọc những lời đùa giỡn với em, ai ngờ giờ sang trang thì lại là chuyện của ông Vanhtrax... Chà! Anh em yêu anh lắm... em đã ghen với anh đấy... nhưng để rồi anh ấy kể lại với anh vì anh ấy sẵn về đây chủ tâm để gặp anh, vì biết anh đang ở đây, vì có một âm mưu, vì anh ấy đã nhét những ý nghĩ gì đó vào đầu óc thầy mẹ em và cả bà cụ anh nữa!...”

Cô ta nghỉ một lát rồi lại nói tiếp, vừa lắc lắc cái đầu như con chim oanh vàng, với cái vẻ hờn dỗi và giấu cợt tí chút:

“Ồ! Không... không đâu!...”

Nói rồi cô bỏ chạy, nhưng cô gửi về phía tôi một nụ cười có cái duyên của một lời thú nhận, và cô nhìn tôi đắm đuối và âu yếm đến mức tôi thấy lạnh ở lưng và ấm trong lòng.

Tối đến, tôi hỏi mẹ tôi về chuyện đó. – Mọi việc đã đi xa hơn là tôi nghĩ. Theo lời mẹ tôi thì tất cả đều xong xuôi nếu tôi bằng lòng; với điều kiện là tôi phải ở lại Lơ Puy và không trở lại Pari trong khoảng một năm, có khi hai năm. - Chà! điều này làm hỏng hết.

“Sao, Jắc, con do dự sau khi mẹ đã phải chạy vạy, cô ấy lại ngoan ngoãn và vừa ý con, mà việc này sẽ giúp con thoát khỏi cảnh bần cùng?”

“Việc này sẽ giúp con thoát khỏi cảnh bần cùng!”

Nhưng nếu tôi muốn không khổ thì tôi đã không bao giờ phải khổ, vì sau những thành công ở trường trung học, tôi chỉ việc nhận đóng vai vĩ nhân tỉnh lẻ. Ngay ở Pari nữa, tôi vẫn có thể tìm được một cần câu cơm, một tấm ván nhảy; tôi vẫn có thể kiếm được quan thầy bằng mũi gươm, nhờ bản chất đa ngôn và sung huyết của tôi, nhờ vào tài bẻm mép và lối ăn nói táo bạo của tôi. Tôi có thể nhờ các giáo sư cũ của tôi ở trường Bônápactơ hoặc ở tỉnh lẻ để giành một địa vị nó sẽ đưa tôi tới mọi thứ. Người ta đã năm mươi phen khuyên tôi như vậy. Nếu tôi nghèo, thì chính là vì tôi đã muốn thế; tôi chỉ cần bán cho những kẻ quyền thế tuổi trẻ và sức lực của tôi.

Tôi có thể vớ được từ lâu rồi một cô thiếu nữ cần gã chồng, cô ta sẽ đem lại cho tôi hoặc những đồng êquy hoặc những quan thầy.

Quan thầy hay đồng êquy đều có mùi máu của cuộc Đảo chính; thế mà tôi cứ nằm trong bóng tối để ăn những khúc đuôi cá của lão Tuyêckê.

Nhưng, giàu có, con có thể bênh vực những tư tưởng của con và đem những tư tưởng ấy viết vào sách, như vậy con sẽ giúp đỡ người nghèo được nhiều hơn là cứ ngập ngựa trong cái cảnh nghèo đói nó bó tay con lại, và (mẹ xin lỗi đã nói với con như thế) nó có thể làm cho lòng con trở nên chua chát.

Những lời lẽ ấy cũng có phần đúng.

Thấy tôi lung lay, mẹ tôi nói tiếp:

“Con ạ, con làm gì thì cũng là tốt thôi, mẹ sẽ không trách con đã không nghe lời mẹ... Bây giờ con lớn rồi... Mẹ đã phải tự trách mình nhiều vì đã không hiểu con khi con còn nhỏ... Nhưng mẹ xin con, con chớ nên hấp tấp!”

Được rồi, tôi sẽ không phá vỡ cái gì hết: tôi sẽ chờ đợi; nhưng tôi còn phải xem người muốn lấy tôi có muốn làm người bạn đường và người đồng bọn của tôi không...

Ngay ở nhà thầy tôi nữa, đời sống của tôi cũng được đảm bảo; dù có vẻ hết sức nghiêm ngặt, ông giáo sư tội nghiệp ấy vẫn yêu tôi.

Tuy nhiên tôi ghê tởm cuộc sống đó! Tôi đã trốn nó, để bước vào những ngày không bánh mì, - vì toàn bộ khuynh hướng của tôi xung khắc với khuynh hướng của thầy tôi, vì toàn bộ tư tưởng của thầy tôi chống lại tư tưởng của tôi, vì trái tim hai cha con không đập cùng một nhịp và ánh mắt hai cha con, sau những cuộc cãi lộn cay đắng, đã, ngoài ý muốn, chứa chất đau khổ và oán thù...

Số tiền – một trăm nghìn phơrăng! Năm nghìn phơrăng thực lợi, hai mươi nghìn sau khi bố mẹ mất. – Thật là tuyệt! Có thể in được biết bao lời hô hào cầm vũ khí với số tiền ấy.

Nhưng nếu cô ta không nghĩ như tôi!...

Cô ta sẽ bảo là tôi ăn cắp hoặc phản bội cô ta, khi những mối giận dữ cộng hoà của tôi nổ vào cái xã hội thành phần của cô ta.

Từ buổi sáng hôm nọ tôi biết rõ sự tình rồi. Thế là chấm dứt vĩnh viễn!

Hai chúng tôi tới một khu ngoại ô ở đó, một giáo sư đồng nghiệp cũ của thầy tôi đã tổ chức một thứ cơ quan cứu tế.

Lúc trở về cô ta bảo tôi:

“Khi nào chúng mình lấy nhau rồi, anh đừng dẫn em tới những khu phố buồn bã nữa. – Em trước hết, cô nói tiếp với vẻ mặt vô cùng kính trọng, em không ưa những kẻ nghèo...”

Chà! Cô gái đành hanh! Người mà tôi có thể cùng gắn bó cuộc đời! Cô gái nhà giàu đã vô tình khinh bỉ chính người mà cô định lấy làm chồng! Vì hãnh, hãnh vốn nghèo! Cô sẽ khinh hãnh biết mấy nếu cô biết hãnh đã dối!

Cô ta cảm thấy rõ là mình đã gây ra một vết thương.

Cô liền nắm lấy cánh tay tôi, đặt con mắt âu yếm của cô vào con mắt nghiêm nghị của tôi:

“Anh không hiểu em.” Cô khẽ nói, lo lắng muốn xoá nếp nhăn hãnh trên trán tôi.

Xin lỗi cô tư sản! Lời nói mà cô buột miệng thốt ra đúng là tiếng kêu của trái tim cô và mọi cố gắng của cô để sửa chữa tai hoạ chỉ làm cho vết thương càng thêm nhiễm độc.

Còn tôi thì ức máu, ứa nước mắt vì chuyện đó! Là vì tôi yêu thương cô gái ăn vận đẹp và rất thơm tho ấy!

Nhưng đừng sợ, hỡi các bạn chiến đấu và các bạn cùng khổ, tôi sẽ không bỏ các bạn!

“Anh giận em, có thể nói là anh căm ghét em từ hôm nọ. Anh hãy nói thật đi, nào, cô vừa nói vừa đứng sững trước mặt tôi.

- Phải đấy, tôi giận cô – vì cô đã dội một tia nắng vào bóng tối tuổi thanh xuân của tôi, và vì tôi khao khát yêu đương và hạnh phúc. Nhưng tôi còn khao khát công lý hơn nhiều... một tiếng làm cô buồn cười... có phải không?

Nhưng sự thực là như thế đấy... người ta chỉ kể lại cho cô nghe cái mặt ngộ nghĩnh trong cuộc đời giang hồ của tôi... nhưng cuộc đời ấy đã để lại cho tôi những cảm giác nhức nhối, lòng căm thù sâu sắc những tư tưởng và những con người đè nén những kẻ tăm tối và những người bị tước khí giới. Đao to búa lớn!... Biết làm sao được? Những lời ấy diễn tả đúng thực

trạng tim óc tôi! Ở đây vẫn còn chỗ cho vẻ kiêu diễm của cô và những thú vui êm đềm mà cái duyên dáng của cô có thể đem lại cho tôi, nhưng cùng với cái sức khoẻ dồi dào của trinh nữ, cô còn cần phải mang một chút cái bệnh kẻ vốn dĩ nghèo của tôi...”

Và tôi đã để đứng sững đấy cô gái đã là vị hôn thê của tôi! Tôi chạy trốn, đầu rụt vào cổ áo rơđanhgốt như một con đà điểu, để mẹ tôi đau khổ ở lại. Tôi chuồn với chuyến tàu đầu tiên, tuyệt vọng.

Tôi sợ cái môi trường mà tôi sắp trở lại, tôi đã thấy nó ảm đạm khi tôi chưa vượt qua biên giới của nó, nhưng bây giờ như càng thấy nó âm u hơn sau khi đã trông thấy những dòng sông trong trẻo, những cánh rừng sâu; nhất là sau khi đã trông thấy một ngôi nhà sung sướng chan hoà ánh nắng, xa hoa và hạnh phúc; ở đó một nhân vật thanh lịch và tế nhị đã lượn quanh tôi với những điệu bộ tình tứ; ở đó tôi được người ta nhìn với con mắt đầy âu yếm và đầy ước mong.

Một lời nói, chỉ một lời nói đủ để bôi đen cái nền trong sáng ấy, để phết một vết ghẻ lở lên chân trời. Có những lúc, tôi thấy mình ngốc quá!... Tôi hồi hiếc hành động can đảm của mình.

Ở một chỗ tàu đỗ, tôi đã mất năm phút do dự, sẵn sàng bỏ con tàu đưa tôi về Pari để đợi con tàu đưa tôi trở lại Lơ Puy...

Thôi! Tàu đã đến.

Lúc ấy ba giờ sáng.

Tôi để lại hòm ở phòng hành lý, vì không biết rằng ở nhà trọ, vào giờ này, sau khi đi vắng lâu, căn buồng của tôi có còn hay không, và tôi đi lang thang qua các phố cho đến sáng.

Lại thêm một việc can đảm mà tôi không thể làm liền hai đêm được: đi lang thang trên các vỉa hè, nhìn trăng lặn và mặt trời mọc!

Khi bình minh đến, đặc biệt có một lúc bầu trời giống như một rặng đông bần thiêu hoặc như một vệt sữa xanh lam nhạt; lúc ấy trong các tấm gương bên ngoài các hiệu bán đồ trang sức và các hiệu thợ cạo, người ta

thình lình nhận ra mình: một bộ mặt nhợt nhạt trên một chân trời khắc khổ và buồn bã như sân một nhà tù.

Cái im lặng thật kinh khủng và hơi lạnh thấm vào anh: người ta cảm thấy da căng lên và thái dương thắt lại. Cảnh bình minh có những ngón tay hồng mà các thi sĩ thường nói đến ấy chụp lên mặt anh một chiếc mặt nạ bẩn thỉu, và rớt cuộc hai bản chân vấy cả bùn lẫn máu... Anh có dáng điệu một kẻ ăn mày và một người què cụt.

Tôi gặp những người không nhà không cửa, đang cúi đầu lê bước; tôi tìm ra những kẻ nằm dài như ruồi chết trên các bậc thềm trắng như đá mộ.

Trong số đó một người đã nói chuyện với tôi; anh ta gầy gò và lom khom, mặc dù tuổi không quá ba mươi; nước da anh hầu như xanh ngắt và hai tai vểnh ra như tai người lao phổi.

- Thưa ông, anh ta nói với tôi, tôi đồ tú tài. Tôi đã bắt đầu học luật. Bố mẹ tôi chết, không để lại cho tôi gì cả. Tôi đã làm giám thị nhưng rồi bị đuổi vì tôi khạc ra máu. Tôi không có chỗ ở và chưa ăn uống gì từ hai hôm nay.

Tôi cảm thấy kinh sợ như một đêm, ở thôn quê, lúc rẽ vào một con đường ngập ánh trăng rằm, tôi bắt gặp một mụ ăn mày đầu đội một chiếc mũ trắng to, mặt tròn và tái mét, con mắt nhìn chòng chọc, mình vận chiếc áo dài đen.

Thình lình chiếc áo vén lên bằng một cử chỉ vụng về, qua làn áo động đây, tôi nhận ra đó là một người đàn ông mặc giả đàn bà! Tại sao vậy? Hẳn là một thằng điên hay một kẻ sát nhân? Một kẻ trốn khỏi nhà thương điên, một gã xổng tù mội mội vì chạy trốn đang dừng lại một phút giữa nhà tù và máy chém?

Qua môi hắn chỉ lọt ra mấy tiếng như sau:

- Anh đừng sợ, cứ đi! Anh hãy thương tôi.

Trước con người của Pari ấy với đôi tai vểnh, và đang thều thào: “Tôi đồ tú tài, tôi khạc ra máu, tôi chết đói”, trước sự hiện hình đó, cũng như

trước người đàn ông mặc giả đàn bà, tôi đã cảm thấy kinh hoàng!

Anh ta cũng đồ tú tài như tôi... và anh đi ăn mày; và anh không còn sống nổi một tuần lễ nữa... có thể anh sắp thốt ra tiếng kêu cuối cùng rồi tắt thở!

Trong cái yên tĩnh bao la của ban đêm, giữa đường phố vắng vẻ, thật là buồn!

Tôi đã bỏ đi; bỏ đi không ngoảnh đầu lại...

Vì anh là người ngang hàng với tôi về học thức và y phục! Vì anh cũng hiểu biết như tôi – có khi hơn tôi nữa!

Anh ta bước đi, bụng rỗng, mắt ngơ ngác... Anh bước đi và cái chết chưa ban ơn cho anh, nó chưa vịn cổ anh!...

Tim anh vẫn đập, óc mệt mỏi của anh vẫn suy nghĩ – và tim ấy, óc ấy không tìm được cách gì giúp anh khỏi chết như con chó – không; không tìm được cách gì hơn là hành khất, hành khất đắm lệ!

Đáng lẽ tôi phải nói chuyện với anh, đưa tay cho anh vịn, đỡ anh đứng trên vỉa hè! Tôi đã sợ bị lây bệnh sốt của anh, bệnh của người lao phổi và những kẻ ăn mày...

Buổi tối, tôi kể chuyện lại cho các bạn nghe.

Họ không rùng mình như tôi đã rùng mình, họ lại còn bông lơn tính đa cảm và nổi khiếp sợ của tôi.

Một anh trong đám cử toạ, sống với nghìn phởn thực lợi và được mệnh danh là Nhà hùng biện, vì một đôi khi anh có những cử chỉ và những cơn hùng hồn, đã chua chát mỉm cười:

“Các cậu sẽ nói gì về một người thuỷ thủ suốt đời chỉ phản nản cho những kẻ bị đắm tàu và có vẻ van xin đại dương đừng gây ra cảnh hấp hối của biết bao nạn nhân!”

“Buồng của anh vẫn để không đấy”, ở khách sạn cũ người ta trả lời tôi khi tôi trở về vào buổi sáng.

Nhưng mấy lá thư, đã cũ từ tám ngày, báo cho tôi biết là hai chỗ dạy học, hai chỗ tốt nhất đã bực mình vì tôi và đã rầy tôi. Chỉ còn lại chỗ xoàng xĩnh. Thế là nhào! Tôi lại ở tình trạng y như lúc mới bắt đầu.

Phải bắt đầu lại tất cả sau bao nhiêu do dự, bao nhiêu cố gắng, đau khổ! Thì tại sao tôi lại bò về cái xó tỉnh lẻ ấy? Làm gì có thì giờ để giờ chuyện tình cảm và nghỉ ngơi khi đã phải buộc mình để bán tiếng la-tinh và hy-lạp vào giờ nhất định và khi đã có những thời kỳ bất khả xâm phạm để làm chuyện đó?

Tôi đã mơ ước thăm lại quê hương như *Cô gái quay đàn* trong kịch bi lụy hoặc như *Chú bé miền Xavoaya*! Bộ ba ngốc!

Tôi lại chạy tới những chỗ dạy học đã mất, tôi đã có can đảm tỏ ra hèn nhát và xin lỗi người ta.

Nhưng những chỗ ấy có người cả rồi và người ta không thể hoặc không muốn đuổi những người đã thế chân tôi.

Nếu phải đợi một tháng nữa mới kiếm được ít tiền thì tôi sẽ không còn có tư cách để lộ mặt ở đâu nữa. Tôi hiện chỉ còn mỗi một bộ quần áo sạch sẽ, áo rơ-đanhgốt, quần và gilê toàn đen – còn hơi đen, tuy có chỗ đã trơ cả sợi.

Tôi có đủ tiền để ăn và trả một buồng trọ tồi tệ với số tiền hai mươi sáu xu và ba xăngtim mỗi ngày của tôi, nhưng quần áo đối với tôi là công cụ. Tôi cần có quần áo sạch sẽ và thơm tất.

Tôi quen thuộc Xixêrông, Viêcgin, Hôme, tất cả các đại tác gia cũ nhưng tôi không quen một hiệu thợ may nhỏ tồi tàn để vá hoặc may quần áo cho tôi.

Đã lâu lắm rồi tôi không dám đi qua cửa hiệu Cô-mông, vì tôi không trả được giấy đòi tiền cuối cùng của họ. Tôi đã tìm một chỗ dạy học rất tốt ở gần đấy. Nhưng tôi không dám nhận, sợ gặp ông thợ may và nhớ ra ông ta gây chuyện âm ỉ.

XXIX

THƯA ÔNG, ÔNG BÔNÁCĐEN

Làm gì?

Chép sổ sách chẳng? Nhưng liệu tôi có làm được không? Chữ viết của tôi như trẻ con, rối rắm và khó đọc. Trong các lớp văn chương người ta thường nói: “Chỉ có bọn ngu mới viết đẹp thôi”; người ta hứa tặng giải thưởng tập viết cho anh nào ngu nhất. Và tôi, phụ họa với ông giáo của tôi, con người ngu ngốc ấy! Với thầy tôi, con người mù quáng ấy! Tôi đã gần như tự hào vì viết chữ rất xấu. Người ta thấy chuyện đó ở một anh học giỏi là độc đáo và có điệu.

Nếu hồi xưa không làm diễn văn la-tinh, mà tập viết, - không nghiên cứu Xixêrông mà nghiên cứu Favacgiê^[101] – thì nay tôi có thể chép sổ sách ban ngày và được rỗi mỗi buổi tối, hoặc chép ban đêm để ban ngày học tùy ý; chỉ cần có thể để tôi được tự do.

Dù sao tôi vẫn đi tìm những nơi mượn người sao chép ở những bảng căng lưới thép ở Toà Án, trên các cột báo của tờ *Quảng cáo nhỏ*, trên những biển treo ở nơi đi tiểu, và tôi tới các địa chỉ được ghi.

Người ta cười vào mũi tôi khi tôi đưa ra những mẫu chữ của mình; người ta dẫn tôi đến trước mặt những người trông như hạ sĩ quan hoặc quản lý văn khế, họ viết không khác gì thợ khắc – cứ như *in* ấy!

Tôi chỉ chuốc lấy một phen xấu hổ mà thôi; tôi không thể kiếm ăn bằng cách ấy được.

“Dù anh có hoa tay đi nữa cũng vẫn khó khăn lắm! Làm việc này không sống được đâu; anh sẽ mờ mắt vẫn không kiếm đủ ăn”, một trong số những tay bút thiếp đồ bảo tôi.

Cần phải quen những cửa hiệu nổi tiếng, - muốn vậy phải có thời gian và có quan thầy mạnh!...

Ông ta có vẻ quả quyết với tôi rằng việc ấy cũng khó được bổ tình trưởng hoặc lãnh sự.

Có lẽ như thế thật! Mà cũng không chắc gì hơn!

Chữ viết của tôi nó giết tôi. Tất cả những mưu toan của tôi chui vào bất cứ đâu đều rớm máu và chết ngòm dưới đầu ngòi bút vụng về của tôi.

Hay tôi có thể làm thủ quỹ, làm thư ký giữ sổ sách?

Tôi sẽ làm việc đó!

Tôi tưởng với ý chí con nhà nông dân, tôi sẽ có thể tự nhồi vào sọ những khái niệm khô khan cần phải có ở xứ sở của đá và sắt, tôi sẽ rèn được đồ nghề để làm nhân viên công xưởng hoặc nhà máy. Tôi sẽ học các con số, tôi sẽ bám chặt vào toán học như Quadimôđô^[102] bám vào quả chuông, dù có bị rách màng nhĩ, ê chề đầu óc, gãy cánh tưởng tượng.

Ôi chao! Thật là kinh khủng nếu tôi trở thành một tay tính toán, không ước mơ, không hi vọng nữa, một kẻ mà tư tưởng nổi loạn hay văn thơ đã tiêu tan! Nhưng tôi hình dung rằng người có tài năng sẽ chống lại được – và tôi sẽ chống lại!

Nào! Tôi sẽ tới gặp các thương gia, và tôi sẽ kêu bảo họ: - Đây, ba năm của tuổi thanh niên của tôi đây. Tôi sẽ bán, sẽ đong, sẽ hô tới quý; tôi sẽ đóng gói hoặc sẽ bán kim chỉ!...

Liệu ít ra, sau ba năm, tôi có chiếm nổi một chức vụ để được tự do không?... để còn thì giờ mà tự vấn và chuẩn bị việc bênh vực hoặc cuộc nổi loạn của người khác?

Một người bạn quê ở Len, sau khi nghe tôi nói chuyện đó, lắc đầu và bảo tôi:

“Sau ba năm, mày vẫn sẽ là nô lệ như ngày đầu tiên! Mày vẫn sẽ vụng về như bây giờ! Cứ cho là mày quen được công việc, mày không bị đuổi hết nhà này đến nhà khác – điều đó là nghiệp dĩ của con buôn – còn như được tự do! Mày điên à? Được tự do sau ba năm!... Đến sau năm năm, mười năm cũng đừng hòng!... Cuộc sống ấy chỉ có thể sống nổi đối với kẻ

nào ưa nó, và chỉ tốt đối với kẻ nào có thể; một ngày kia nhờ tiền của ông bố hoặc của cô vợ chưa cưới, mua một cửa hàng, - rồi từ đó, hành hạ nhân viên, *lừa bịp* khách hàng để trở thành giàu có mà không bị vỡ nợ - hoặc phá sản!... Mày có ưa cái đó không? Mày có vốn liếng như thế không?... Mày có lòng can đảm ấy, sự hèn nhát ấy không? Vanhtrax ơi, tao là con một nhà buôn phát lên, và tao biết rõ chuyện ấy lắm!... Mày vào làm ở cửa hiệu bố tao ngày mai thì chỉ mười lăm hôm nữa, mày sẽ tát tai và chửi vào mặt ông ấy! – dù cho bố tao là người tốt đến thế nào, dù mày là chàng trai ngoan đến thế nào! Mày đừng nghĩ tới chuyện đó nữa! Tốt hơn là mày đem những cái bạt tai và cái tham vọng của mày đặt vào chỗ khác.”

Tôi bật cười. Anh ta nhận xét rằng chỉ tiếng cười đó cũng là một trở ngại rồi.

“Cứ như sấm ấy! Mày là một gã bán hàng tồi, với tiếng cười ấy!... Thì ra tất cả mọi cái đều chống lại mày, khốn khổ! Đôi mắt đen của mày, tiếng nói oang oang của mày, cái vẻ nổi loạn, đấm đá của mày!... Không cần những cái đó để bán băng, bán dạ, để rao hàng, để *bán trôi hàng ế*! Mày hãy gạch bỏ nghề buôn bán trên giấy tờ của mày – trừ phi mày đăng lính, rồi một sớm mai nào đó mày bị đạn xuyên một cách vinh quang vì tổ quốc, và được huân chương! Khi ấy với chiếc ca-lô có quả tua và một bộ đồ đen, mày sẽ có thể, như nhân vật của *Nhà Tiên tri* đứng trước các cửa hiệu để mở cửa, để cầm ô cho khách hàng, làm biển hàng cho cửa hiệu bằng cách trưng ra mảnh cuống huy chương trên khuyết áo, to bằng cái mẹt.”

Tuy nhiên tôi vẫn phải biết thật đích xác việc này!

Tôi sẽ nhờ tất cả những ai có vẻ yêu mến tôi đôi chút và xin họ viết thư giới thiệu tôi với bất cứ ai và bất cứ nơi nào.

Tôi đã viết thư cho tất cả các giáo sư cũ của tôi – không, không phải cho tất cả! Tôi không có tiền mua tem và cũng không còn giấy nữa.

Tôi đợi thư trả lời.

Bốn ngày, tám ngày, mười lăm ngày! Chẳng thấy gì cả!

Có nên viết nữa hay không? Nhưng tem đâu?...

Hãy cố gắng một lần cuối cùng nữa, xem nào!

Hãy siết chặt thắt lưng, ăn toàn bánh mì đen – không ăn cái gì khác trong hai ngày và mua tem dán hai bức thư nữa.

Tôi đã bị khốn khổ về chuyện phong bì! Tôi chỉ còn mỗi một chiếc phong bì sạch sẽ - chiếc kia đã cũ rồi. Tôi tiêu mất một xu ruột bánh mìn để tẩy sạch nó. Chiếc phong bì khốn khổ, nó ăn mất một góc bữa sáng của tôi.

Cuối cùng tôi nhận được một bức thư của cụ Xivan.

“Tôi đã lục lọi trong ký ức, và nhớ ra rằng người bố một học sinh cũ của tôi, ông Bônácđen, hiện là một nhà sản xuất lớn ở Pari...”

Có thể là ông ta sẽ mượn anh vào việc thư từ giao dịch bằng tiếng Ănglê. Anh chẳng đã được phần thưởng về tiếng Ănglê đó sao?

Kèm theo đây là bức thư viết cho ông Bônácđen.”

Ông Bônácđen ở mạn Quần ngựa, trong một ngôi nhà lớn, nó làm tôi phát sợ vì vẻ im lặng của nó... Đây là nhà riêng của ông.

Tôi hỏi bác gác cổng:

“Ông Bônácđen có nhà không?”

- Không, không có nhà.”

Một câu “*không có nhà*” hỗn xược như một cái đá.

Thế là đành bó tay với bộ áo lót trắng cổ ý phô ra, với bộ đồ mặc ngoài khó nhọc lắm mới thành, và lại phải xuôi về Pari để ngày mai quay lại đây, nếu tôi có can đảm.

Chà! Tôi ưng đấu gươm, vượt qua lửa đạn của một đại đội – tôi sẽ đi thẳng người, tôi tin vậy – chứ như trở lại đây ngày mai, vụng về và run sợ!

“Ông Bônácđen?”

Cũng vẫn câu trả lời như hôm qua.

“Tôi có việc rất cần phải nói với ông ấy”

Lão gác cổng nghe tôi nói, hỏi tên tôi...

“Ông Vanhtrax.

- Ông nói sao?”

Lão bảo tôi nhắc lại; tôi trả lời rụt rè – lão nghe ra là Vanhtrax – tôi đã không dám nhấn mạnh chữ x, tôi ăn bớt chữ x là một chữ răn, không âm.

“Ông có danh thiếp đây không?

- Tôi quên mất.”

Không đúng, tôi không có danh thiếp – tôi có để làm gì? – và sáng nay, tôi không tìm ra một mảnh bìa cứng để làm một chiếc danh thiếp...

Lão gác cổng không bị lừa và vừa nhìn khắp người tôi một cách khinh bỉ, vừa leo lên chiếc cầu thang lớn chắc hẳn dẫn đến buồng ông Bônácđen.

Tôi có chờ đợi quyết định của toà án cũng không hồi hộp bằng. Tôi nghe tiếng bước chân lộp cộp, cánh cửa rít lên, tiếng dội lại buồn bã.

Hai người nói... lão gác cổng quay xuống...

“Ông Bônácđen nói là không quen ông. Ông cần viết thư nói tại sao ông muốn gặp ông chủ.”

Tôi tới nhà một người bạn có giấy và phong bì để viết thư; nhưng rồi sau này anh ta không cho tôi viết thư ở nhà anh nữa.

Tôi dùng mất ba quyển vở, sáu ngòi bút – nháp đi nháp lại, hết giập lại xoá!

Về chữ đề đầu bức thư, tôi phải viết đi viết lại mất ba lần.

Phải đề như thế nào?

Thưa ông.

Thưa ông Bônácđen

Hay đề:

Thưa ông Bônácđen

Đơn giản – trên một dòng thôi?

Trong giao dịch người ta làm thế nào?

Tôi viết hú hoạ hai lần *thưa ông*! Thà rằng thừa một *thưa ông* còn hơn thiếu một *thưa ông*.

Tôi đính bức thư của giáo sư già kèm vào bức thư của tôi.

Thư trả lời tôi.

“Ông Bônácđen sẽ tiếp ông ngày mai, thứ sáu, vào lúc tám giờ sáng.”

Tôi dậy từ năm giờ - phòng xa – trời lạnh. Tôi bắt buộc phải tụt giày ra và lấy tay ủ hai bàn chân cho tới sáu giờ sáng.

Trời mưa.

Cố nhiên tôi không có tiền để đi xe. Tôi phải vừa đi vừa nhảy để tránh những vũng nước; tôi đã phải nhảy suốt từ Khu phố La-tinh tới Quần ngựa. Chiếc quần đen nhúng bùn. Tôi phải lấy mùi-soa để chùi.

Ủng của tôi cũng bẩn; tôi gột ủng bằng các thứ giấy mà có trong túi. Trong đó có những bức thư tôi rất quý, nhưng tôi không thể lem luốc thế này mà tới được!

Ôi những bức thư nào tình, nào nghĩa, tuổi thanh xuân!

Cuối cùng, tôi buộc phải rửa hai bàn tay ở cống. Tôi cảm thấy trong găng tay vẫn còn đá sỏi, nhưng tôi không còn một vết bùn. Khốn thay nó lại mờ đi! Đôi ủng mà tôi đã lau bằng mùi-soa cũng bị mờ; người ta có thể cho là tôi đã đánh ủng bằng mỡ lợn.

Để đến đúng giờ đã định trong thư, tôi đã mười lần tới nhìn qua cửa lùa của một hiệu bán rượu vang ở góc phố; tôi bước rón rén trên đầu ngón chân tới đó để khỏi bị lấm bùn lần nữa. Tôi như một ông thầy dạy múa.

Cuối cùng, đã tám giờ kém năm. Tôi cần năm phút ấy để đi tới.

Tôi tới nơi.

Ông Bônácđen đã *dặn trước*.

Tôi vừa ló mặt, lão gác cổng đã bảo tôi:

“Ông theo tôi.”

Lão dẫn tôi leo cầu thang lớn tới một cánh cửa rồi để tôi đứng sững đấy. Cuối cùng lão quay ra và làm hiệu bảo tôi vào.

Tôi vào.

Ông Bônácđen chỉ chỗ cho tôi ngồi.

Tôi đợi.

Không thấy gì cả!

Ông nhìn vào đồng giấy tờ - và có vẻ không để tâm tới tôi nữa. Nếu tôi muốn, tôi có thể gấp giấy tết chim để chơi.

Tôi khẽ hắng giọng - ông ta cũng mặc; tôi có thể đằng hắng, tôi có thể hừm một tiếng và đưa bàn tay đeo găng đen lên che miệng, ông ta vẫn viết!

Cái im lặng đó, thật là kinh khủng!...

Hay tôi đành vỡ một cái gì?...

Tôi bỏ rơi mũ; cái mũ lăn tới cuối buồng, lượn một vòng lớn trước khi dừng lại, như một con cù trước khi đổ...

Cái mũ của tôi nhện thật!..

Tôi chạy theo cái mũ; cũng phải mất một lúc. Tôi nhặt mũ lên; tôi có đủ thì giờ để nhặt mũ, để quay về chiếc ghế. Ông Bônácđen vẫn để tôi tự do, yên ổn. Tôi không làm phiền gì ông.

Chà! mặc kệ. Tôi phải phá vỡ tảng băng!

- Thưa ông. THƯA ÔNG BÔNÁCĐEN.

Tôi quyết định nói, nhưng vì đã viết hai chữ thưa ông lên đầu bức thư hôm nọ, cái đó còn lưu lại trong đầu tôi nên tôi nói *thưa ông, thưa ông Bônácđen* như thể đọc phong bì lá thư của tôi.

Ông ta không nhúc nhích. Hẳn ông cho là tôi đang viết thư cho ông, ông chờ tôi đưa bức thư ấy.

Tôi nói lại một lần nữa, vừa xác định thêm cho rõ: “Thưa ông Bônácđen, phố Côlydê, số nhà 28 ...”

Tôi hy vọng ở đây không có điều gì lầm lẫn và tôi đề phòng khá chu đáo!

Vẫn là nhớ lại chiếc phong bì!

Ông Bônácđen có bị ngạc nhiên về việc tôi quá cẩn thận như thế không? Ông có nhận thấy ở đây những tập quán thương mại thực sự đứng đắn và bao giờ cũng có ích hay không?- Có lẽ thế thật, vì, quay sang phía tôi:

“Ông Vanhtrax... ông nói với điệu bộ của một con thỏ bằng thạch cao.

- Số 13, phố Xanh-Jắc!”

Ông Bônácđen nghiêng mình.

Chúng tôi đích thị là hai con người sở cầu. Không có gì bất ngờ hết.

Và bây giờ tôi muốn gì nào? Con mắt ông Bônácđen, ở phố Côlydê, số nhà 28, hỏi ông Vanhtrax, ở số nhà 13 phố Xanh-Jắc, xem có chuyện gì.

Cố nhiên tôi đến đây không phải để lăn mủ xuống đất và để đọc phong bì cho ông nghe.

Tôi phải trình bày.

“Thưa ông, tôi còn trẻ...”

Tôi nói câu ấy rất to, tưởng như tôi thú nhận một điều gì rất khó nói: tưởng như, về mặt khác, tôi đã quyết định một bề hăn hoi.

“Tôi còn trẻ...”

Ông Bônácđen có vẻ không lấy thế làm buồn mà cùng không lấy thế làm vui. Chuyện ấy chẳng động chạm gì đến ông cả!

Tôi gạt tuổi của tôi đi và nói tiếp luôn một mạch:

“Thưa ông, với sự giới thiệu của cụ Xivan, giáo sư cũ của tôi, tôi mong rằng ông sẽ chiếu cố đến tôi và giúp tôi có được một chỗ làm, mà tôi

khó lòng tìm được nếu không có chỗ quen biết và nơi nhờ cậy”

Ông Bônácđen ra hiệu bảo tôi dừng lại - và chậm rãi nói:

“Ông biết làm gì?”

TÔI - BIẾT- LÀM - GÌ?

Ông hỏi tôi câu đó thật đột ngột, sát sà sạt!...

TÔI - BIẾT- LÀM - GÌ?

Nhưng tôi lại không chuẩn bị trước! tôi đã không có thì giờ để nghĩ tới chuyện đó.

TÔI - BIẾT- LÀM - GÌ?

Tôi có bằng tú tài.

Ông Bônácđen hỏi lại to hơn: chắc ông tưởng tôi điếc. “Ông - biết - làm - gì?”

Tôi vịn chiếc mũ, tôi tìm...

Ông Bônácđen chờ một lát, cho tôi hai phút.

Hai phút trôi qua, ông giơ tay về phía dây chuông và kéo.

“Đưa ông khách ra.”

Ông lại cúi mũi vào giấy tờ. Tôi theo gót người đầy tớ và đi ra, hoang mang.

TÔI - BIẾT- LÀM - GÌ?

Tôi còn tìm mãi suốt đêm, tôi chẳng thấy gì cả.

.....

Tôi làm quen với con một ông chủ nhà máy, một chàng trai tốt bụng, tôi trình bày thẳng thắn cho anh biết tình hình tài chính, tư tưởng và tham vọng của tôi; tôi thổ lộ cho anh biết những nỗi gian truân và những sự vụng về của mình.

Anh vui vẻ trả lời tôi:

“Tôi có một ông bác cũng là sản xuất, nhưng ông bác tôi sẽ không tiếp anh như ông Bônácđen đâu. Tôi sẽ nói chuyện anh với bác tôi: thứ ba anh hãy tới gặp ông ấy, và chúc anh may mắn!”

Thứ ba đã tới.

Tôi thổ lộ với ông ta, ông ân cần lắng nghe tôi.

Khi tôi nói xong:

“Thế này! Tôi không muốn người ta nói một thanh niên có chí, muốn có việc làm, lại không tìm được việc ở nhà tôi. Anh sẽ vào nhà máy để làm việc thư từ. Anh biết thảo một bức thư, hiểu người ta nói gì trong thư của người khác chứ? “

Tôi đáp: “Vâng”.

Tôi ắt phải biết viết một bức thư, vì tôi đã mười năm ăn học!

“Ngày kia anh tới đây.”

Đến ngày hẹn, tôi tới.

Người ta nhìn tôi nhiều lắm.

Những áo bludờ xanh, áo ngoài ngắn, áo nịt, tạp-dề, những sơ-mi màu, những người thợ và lao công chăm chăm nhìn chiếc áo rơđanhgốt đen của tôi với vẻ thương hại.

Thế mà, áo rơđanhgốt của tôi sạch sẽ: cài cúc tử tế, để che chiếc áo gilê nhàu nát, nhưng không có vết bẩn cũng như lỗ thủng, và cổ áo sơ mi trắng tinh bẻ xuống chiếc ca-vát xatanh đen. Giày tôi bóng nổi lên.

Rồi đây tôi cũng có “nổi” không?

“Đi đằng này, ông Vanhtrax...”

ông Maya dẫn tôi đi theo một hành lang dài ngổn ngang những mảnh sắt rỉ, tới một buồng che kính trong có một chiếc ghế cao, một bàn gỗ cũng rất cao, có giấy xanh, bút lông ngỗng và đồng thư từ đến buổi sáng.

- Đây là bàn giấy của ông.

Tôi làm vẻ mặt thỏa nguyện; tôi nhếch một nụ cười biết ơn.

“Bây giờ, ông Maya nói thêm, ông sẽ xem chỗ thư từ này; một tiếng nữa tôi sẽ quay lại, và ông sẽ cho tôi xem cách *sắp loại*, cách *ghi chú* của ông... Tôi đã bảo người làm việc này trước ông là khoảng trưa hãy đến, để xem ông tự xoay xở ra sao. “

Tôi rùng mình khi nghĩ phải ngồi một mình trong buồng giấy lấp kính này.

Ông Maya vừa bóc một phong thư trong đồng, chỉ cho tôi xem, vừa nói tiếp:

“Về *mặt hàng* này ông có thể thảo luận một thông báo. Ông hãy trả lời là nhà máy rất tiếc không đáp ứng được những yêu cầu ấy... ông hãy trả lời bằng những lời lẽ không làm phật ý khách hàng. “

Ông đi ra.

Sắp loại, ghi chú...?

Tôi xếp tất cả những bức thư thuộc về cùng một *mặt hàng* vào một chỗ; khốn thay, có hàng đồng chuyện trong thư, có rất nhiều mặt hàng!

Tôi không còn chỗ nào trên bàn nữa, tôi buộc phải đứng lên và xếp thư lên ghế của tôi.

Tôi không còn biết ngồi đâu để viết thông báo nữa - tờ thông báo bắt buộc phải lễ phép và không làm phật ý khách hàng.

Tôi bắt đầu:

“Thưa ngài,

Đáng tiếc vô cùng mà chúng tôi buộc lòng (Trisle Ministerium)^[103] ...

Tôi xóa “Trisie ministerium” và viết tiếp:

“Đáng tiếc vô cùng mà chúng tôi buộc lòng phải báo để ngài biết rằng yêu cầu của ngài thuộc về loại những yêu cầu mà chúng tôi không thể... albo notare canillo^[104], đánh dấu bằng một viên sỏi trắng.”

Có nên để albo notare canillo không? Ông Maya sẽ thấy là tôi không nói dối, tôi thật sự có học thức và tôi chưa quên các tác giả của mình.

Không, trong thương mại như thế không được. Nên xóa đi!

Một vết mực rây!... Tôi lấy ngón tay thấm vết mực và chùi lên tóc.

Nhưng tôi lại đánh rớt mực ở chỗ này nữa! Lần này tôi dùng lưỡi.

Hãy viết tiếp:

“Thuộc về loại những yêu cầu mà chúng tôi chỉ có thể đáp ứng được theo những điều kiện mà ngài không thể chấp nhận được, mà vì lý do đó, chúng tôi thấy không cần đề xuất với ngài”.

Sao mà lắm MÀ thế!

Tôi nóng ran cả người! Tôi đứng để viết, lưỡi thè ra, giữa đồng thư từ mà tôi rất sợ làm xáo lộn và hơi thở của tôi làm chúng bay lên. Tôi cố tìm cách chúi mũi vào ngực, để cho đảm giấy má khỏi bay.

“Chúng tôi đề xuất với ngài...”

Chà!tôi ưng viết bằng chữ la-tinh hơn! - Hay tôi hãy viết bức thư bằng chữ la-tinh trước đã? Tôi suy nghĩ bằng chữ la-tinh hay hơn nhiều. Sau đó tôi sẽ dịch lại.

Cách ấy được đấy. Nhưng ông Maya tới!

Hai sự kiện làm ông chú ý ngay, là những bức thư được xếp đặt như kiểu *bói bài*, và màu lưỡi của tôi thè lè ra ở một bên mép.

“Ông có hay mắc chứng sung huyết, không? ông hỏi tôi.

- Thưa ông, không.

- Là vì lưỡi ông tím bầm!... Nếu quả bị sung huyết thì phải chích máu tai ngay tức khắc...

- Thưa ông, vâng.

- Tại sao ông lại rải thư từ ra thế này?

- Để sắp loại, ghi chú...

Ông không cho tôi có thì giờ bác bỏ ý nghĩ rằng tôi đã có thể làm ô uế thư từ khi ngồi lên như thế, và tôi chưa sắp xếp lại xong thì ông đã hỏi tôi bức thư mà ông bảo tôi thảo.

“Ông đọc đi.”

Ông để tôi đọc lúng búng, và khi tôi đọc được ba dòng:

“Ông Vanhtrax, ông nói, ông không có giọng văn thương mại. Tôi thấy có chữ la-tinh trên bản nháp của ông. Dùng chữ la-tinh làm quý gì trong thư nhà máy kia chứ!...Ông đừng thất vọng vì những lời nhận xét của tôi. Ít lâu nữa có thể ông sẽ vượt cả người thầy dạy ông. Khi nào ông đảm đương được công việc, dù chỉ mới vờ vờ, tôi sẽ trả ông một trăm phơrăng một tháng. Trong khi chờ đợi, ông hãy xếp thư từ lại như cũ... để ông Trupa khỏi bỡ ngỡ... Được rồi... Bây giờ ông ra sân hút một điếu xì gà và rửa lưỡi ở chỗ vòi nước đi.”

Đây là một mệnh lệnh, một câu bông đùa, hay một lời khuyên? Tốt nhất là đừng để bị quở trách.

Tôi ra rửa lưỡi ở chỗ vòi nước.

Rửa xong, tôi đi dạo quanh. Tôi cố làm ra vẻ tự nhiên.

Những người thợ nhìn tôi soi mói qua các ô kính vỡ của nhà máy.

Tới một lúc, tôi gặp một ông to béo, không râu, vẻ nghiêm trang, da nhều. Ông đưa mắt nhìn tôi, một cái nhìn lạnh lùng, chán ngán, lảng nhục.

Đây là ông Trupa.

Ông Maya ra hiệu cho tôi quay vào.

Người ta giới thiệu và thỏa thuận là tôi sẽ học việc con người to béo da nhều ấy một tháng.

Ông Trupa miễn cưỡng làm nghề huấn luyện, hoặc giả trong các nhà máy vốn thế? Tôi không biết, nhưng mỗi sáng ngủ dậy, cứ nghĩ mình sẽ ở bên cạnh ông ta tôi lại run lên, vì ông ta có vẻ thầy tu và giá lạnh quá! còn tôi thì đầu óc dần dần độn quá!

Mặc kệ, tôi sẽ cứ ở lại! cho tới khi tôi thạo việc và biết thảo thư từ theo thể thức: *“Phúc đáp quý thư trong tháng — Mong ngài vui lòng tiếp nhận!”*.

“Mong ngài vui lòng tiếp nhận! “

Lần đầu tiên ông Trupa nói câu ấy, tôi ngỡ ông tươi tỉnh ra và mở đầu một bản tình ca.

“Mong ngài vui lòng tiếp nhận tờ hồi phiếu!” Ông nói tiếp, giọng người hát lễ!

Tôi là một thằng ngốc.

Hết tháng, ông Maya cho gọi tôi đến.

“Ông Vanhtrax, quả tình tôi không thể giữ ông lại được! Như thế là làm mất thì giờ của ông - cái đó không lương thiện và cũng không bổ ích gì cho tôi cả.

Chính tôi có lỗi vì đã có thể nghĩ rằng một thanh niên có học thức và trí tưởng tượng sẽ thông thạo phương pháp và ngôn ngữ thương mại. Ông sẽ không bao giờ có được điều cần thiết. Ông có cái khác, nhưng ông ở lại dày thì thật là điên rồ. Ông đừng nghĩ tới thương mại nữa, hãy tin tôi, và hãy tìm một con đường thích hợp với trí thông minh và học thức của ông.”

Tôi đã đi qua sân giữa hai dãy bàn mộc kê sát vào cửa kính chạy dọc theo xưởng thợ.

Một anh thợ học việc nghe lỏm được câu chuyện đã truyền đi tin thất bại của tôi.

Thật là buồn khi phải đi qua lưới lửa của lòng thương hại đó.

Trí thông minh - học thức của tôi! Người ta làm thế nào để trở thành ngu xuẩn? Người ta làm thế nào để quên được những điều mình đã học? Có ai hãy mau bảo tôi! Hãy kêu lên cho tôi biết, hỡi các anh, không đi học và vẫn kiếm được miếng ăn hàng ngày!

XXX

DƯỚI MÁI RẠP ÔĐÊÔNG

Tôi không gặp một người bạn cũ nào từ khi tôi chạy kiếm việc ở nghề buôn. Họ không thể giúp được gì tôi hết.

Hơn nữa họ sẽ chế giễu tôi!

“Vanhtrax” đi làm thầy ký hiệu buôn!

Tôi tới tìm Lơgrăng...

“Chúng mình sống riêng rẽ thật là buồn. Cậu có muốn chúng mình ở với nhau không? “

Lơgrăng vồ ngay lấy ý kiến đó.

Thế là thỏa thuận, chúng tôi sẽ chỉ có một mái nhà, một ngọn lửa và một cây nến. Như vậy sẽ đỡ tốn kém, hơn nữa chúng tôi sẽ sát cánh nhau chống nạn đói. Thế là chúng tôi thuê một buồng sẵn đồ đạc có hai giường ở phố Trường-thuốc.

Thật là tối tăm, thật là buồn rầu, đằng trước trông ra một bức tường đầy vết rạn nứt, đen vì bồ hóng, cũ kỹ, hư nát. Căn buồng ở trên một mảnh sân sâu, chó sói rớt xuống cũng chết!

Chúng tôi sống như những người anh hùng, chúng tôi sống một cuộc đời chay tịnh; sáu tháng trời chúng tôi không ra tiệm cà-phê tới ba lần, nhưng chúng tôi cũng không nhích thêm được một bước, không đặt được một dòng chữ, cả hai người không kiếm được lấy mười xu! chúng tôi đã đọc vài quyển sách thuê ở một phòng đọc ba pho-răng một tháng. Người ta không bắt chúng tôi ký quỹ, vì người ta đã nhả mặt chúng tôi ở khu phố này từ đời kiếp nào rồi.

“Tôi rất biết anh ở dưới mái rạp Ôđêông”, cô Budanh nói, cô trông coi phòng đọc ở phố Cadimia Đơlavinhor.

Người ta có thể quen biết chúng tôi! Ôđêông, đấy là câu lạc bộ và nơi trú của chúng tôi! Khi tới tìm sách đọc ở đây, chúng tôi có vẻ con nhà văn mà đồng thời lại tránh được mưa. Chúng tôi tới đấy khi chúng tôi chán cái im lặng hoặc cái hơi hường của căn nhà tồi tàn của mình!

Tôi đã đi dạo trong những hành lang bằng đá ấy một thời gian bằng bốn năm tròn; nếu đếm những bước đi đi lại lại, thì tôi ắt đã đi vòng quanh thế giới tới ba lần. Vả chăng, có thể cộng lại khác thấy.

Sáng nào cũng vậy, sau bữa ăn sáng, một cuộc đi dạo; tối nào cũng vậy, sau bữa ăn tối, một cuộc khác, kinh khủng, vô tận!

Chúng tôi hầu như là những người độc nhất cầm cự được lâu như thế; hai chúng tôi, và một vài nhân vật kỳ quặc, mà người quan trọng nhất mặc một bộ đồ đen, đeo kính cặp mũi, đi giày thủng và không bút-tất. Tên ông là Kêra, thì phải; ông thuộc phái bảo hoàng chính thống^[105], vợ ông làm nghề thợ giặt.

Ông đảng viên chính thống này có một nhóm nhỏ những anh bút-tất thủng cũng như ông - cũng đảng viên chính thống - họ tới tìm ông ở đấy, và họ đóng vai bọn lập dị, họ vừa nói tới Nhà Vua vừa xoay người trên những chiếc ủng không đế - trên gót chân tím đỏ vì lạnh, vào mùa đông - đen nhem vào mùa hạ.

Cứ nghĩ rằng họ là bảo hoàng với quá ít giày dép và mặc áo buộc dây thay khuy, chúng tôi thấy gần như cảm phục; nhưng dáng điệu của họ thường rất láo xược. Họ có vẻ nói “bọn dân đen ấy!” và chăm chăm nhìn chúng tôi. Dù sao thì chính kiến khác nhau dứt khoát.

Rạp Ôđêông thuộc về hai phái cực đoan: bọn thuộc phái vua Hăngri đệ ngũ do tay đeo kính cặp mũi có vợ làm thợ giặt chỉ huy, - đám cộng hòa cấp tiến mà tôi có vẻ là thủ lĩnh, vì bộ râu xồm và dáng điệu giáo đồ của tôi - bao giờ tôi cũng để đầu trần.

Hiện tôi để đầu trần; điều đó có lý do của nó.

Từ lâu lắm rồi, tôi có một chiếc mũ quá rộng do một anh bạn nhượng lại.

Trước đây, tôi có một chiếc mũ quá chật. Tôi buộc phải cầm mũ trong tay, quàng sau lưng.

Bộ điệu ấy làm cho những đầu óc hẹp hòi, những kẻ có mũ vừa kích thước nhận xét xấu về tôi. Người ta gọi tôi là “chàng điệu”! Tôi muốn làm ra vẻ một nhà tư tưởng, muốn phô vầng trán, vì trán rộng! - “Đó là một thằng tự phụ!”

Tự phụ? - chính tôi, tôi cũng rất muốn đội mũ lên đầu!

(Nhưng chiếc mũ, khi rộng quá nó trùm lên tôi như quả chuông của thợ lặn, và khi hẹp quá thì nó buộc tôi phải đi đứng như anh leo dây. Tôi bị lạnh luôn, vì gió bắc và thật là nhục nhã khi thấy mình có vẻ một người làm kiểu mẫu để vẽ những bức tranh thánh - các bậc thánh bao giờ cũng để đầu trần - hoặc có vẻ một thầy tu dòng thánh Frăngxo đã phá giới và cố ăn vận theo lối dân thường! Tôi không thể đội mũ lên đầu được. Muốn thế, phải có một biến cố lớn, một trường hợp bất ngờ, phải nổ ra một cuộc cách mạng, phải lập một hội nghị dưới mái rạp Ôđêông, rồi tôi được bầu làm chủ tịch, người ta làm ồn ào và tôi tuyên bố bế mạc hội nghị. Tôi sẽ không bỏ lỡ dịp đó để nghỉ ngơi một chút! Nhưng tôi cho rằng còn lâu lắm mới có được sự ngẫu hợp của từng ấy sự kiện và tôi tiếp tục đi đầu trần - như các bậc thánh, các bậc thánh không bao giờ đội mũ - hoặc như một vị chủ tịch vĩnh viễn ngồi họp. Phiên họp của tôi đã kéo dài bốn năm. Tôi đã chủ tọa nó dưới mái rạp Ôđêông, trong các phố, ở khắp Pari! Để nghỉ ngơi ở bên rìa thành phố, tôi chỉ có mỗi quảng trường Macxơ, tôi đến đó để đội mũ lên đầu một lát. Trong khoảng bao la ấy, tôi có thể đội mũ mà không sợ người ta nhầm mình là thợ mò ngọc trai dưới cái chuông máy lặn...

Một đôi lần tôi đã cứu được hạt lúa của người nghèo, lúc tôi xuất hiện bên bờ ruộng, đầu đội mũ và râu phất phơ trước gió... Tôi làm chim chóc sợ, và tôi có ích cho nghề nông. Nhiệm vụ thiêng liêng!

Ôđêông không những chỉ là nơi trú ngụ của chúng tôi để chống lại những cơn trái gió trở trời - đấy còn là phòng đọc sách của chúng tôi nữa. - ba ông chủ hiệu sách ở đấy đều quen biết chúng tôi, thường chuyện trò với chúng tôi.

Thậm chí người ta còn ngờ rằng họ đã trả chúng tôi một số tiền nhỏ để chúng tôi để mắt trông coi quầy sách họ.

- Chúng chẳng phải vì thích thú riêng mà ở đây suốt ngày, suốt ngày, ông tính! Chúng là do sở cảnh sát phái đến và nhận tiền của nhà hàng để trông xem có kẻ nào ăn cắp sách.

Chúng tôi đã ngăn được bọn ăn cắp xoáy các quầy hàng - vì chúng tôi luôn luôn ở đấy, luôn luôn - và vì chúng tôi đi lại không đều đặn, một đôi khi thành lình quay trở lại như tập kiêu đâm lê, để quay lưng tránh gió tránh mưa, hoặc vì chúng tôi chóng mặt vì quay mãi một chiều. Nếu chúng tôi để phòng chu đáo, theo quy luật của sự quay vòng, thì bao giờ cũng là không công. Làm bù nhìn đuổi chim, làm người trông coi quầy hàng, cuộc đời tôi như vậy cũng không đến nỗi vô ích dưới vòm trời! Tôi đã đền đáp những người đồng thời ít ra cũng bằng họ cho tôi, bởi lẽ họ chẳng cho tôi gì hết).

Chúng tôi được quyền giở sách ở các cửa hàng bán sách, họ luôn luôn trông thấy chúng tôi.

Người ta để chúng tôi ghé mắt xem những cuốn sách mới. Chúng tôi có thể liếc qua mà đánh giá toàn bộ nền văn học đương thời. Phải liếc mới lọt được con mắt vào giữa những trang sách chưa rọc.

Tôi nói rằng chúng tôi biết toàn bộ nền văn học đương thời, thật ra chúng tôi chỉ biết cái chỗ đã được rọc rồi, chúng tôi chỉ biết được một nửa ngót ngét. Còn rõ một nửa chưa rọc.

Tôi thì tôi phải vất vả - hơn người khác - mới theo dõi được những sách mới, nguyên do vì cái mũ của tôi.

Lúc đầu, tôi đặt mũ xuống đất, nhưng người ta lại tưởng là tôi sắp hát, và khi thấy tôi không hát họ bất mãn bỏ đi - tôi có vẻ như đã hứa rồi lại

không giữ lời.

Tôi đành phải thôi không đặt mũ xuống đất nữa.

Các bạn thấy đấy, tôi không thể theo dõi được những bước tiến bộ của tinh thần mới như những người có thể cầm sách bằng cả hai tay mà đọc, cho nên, nếu ai có ý trách tôi dốt nát, thì xin họ hãy suy nghĩ trước khi lên án tôi! Tôi sẽ học tập được, tôi cũng thế, và tôi sẽ hiểu biết được nhiều hơn, nếu như tôi có thể đội mũ lên đầu trong khi đọc, nếu tôi không bị bó tay!...

Bị bó tay!... Cái đó làm tê liệt con người trong chính trị, trong kinh doanh hoặc ở dưới mái rạp Ôđêông!

Thậm chí có lúc tôi không tài nào học được cái gì, không được tí gì hết! Học vấn hiện đại của tôi bị chặn đứng! -vành mũ của tôi đã quá thời rồi... nó rách ở đường kẻ và thật là điên rồ nếu cứ tiếp tục cầm mũ ở vành. Chẳng khác gì cầm cái chén bằng quai dán lại bằng nước bọt.

Nếu không sờ đến nó, vành mũ có thể không rời ra nhưng muốn vậy phải cầm mũ như kiểu mạng bít tất, luồn nắm tay vào trong, hoặc đặt đáy mũ lên bàn tay - như vậy là cả một bên tay trở thành vô dụng!

Đặc biệt, chúng tôi được sự trọng đãi của bà Gô, là bà bán sách tóc hoa râm, cửa hàng ở trước tiệm *Cà phê Brútxen*.

“Chắc chân các anh phải xây da, một đôi khi bà bảo chúng tôi.

- Không.

- Vậy thì cóng!

- Vâng.

- Các anh hãy đặt chân lên cái lồng ấp của tôi .”

Bà lấy chiếc chìa khóa cời than, và chúng tôi thay phiên nhau để sưởi.

Bà mẹ Gô tốt bụng!

Tôi không biết bà đã giàu chưa...

Bà nói hơi nhiều - hơi đáo đẽ và kể xấu người khác, nhưng bà tốt bụng.

Bà tốt bụng! Tôi nhớ một hôm bà bảo chúng tôi:

“Tôi sáng chế ra một loại cà-phê sữa - chỉ có tôi là biết cách pha, nhưng tôi không muốn chỉ một mình tôi uống - và bà rót cho chúng tôi hai bát để phần dưới các tờ báo.

Hắn bà trông thấy chúng tôi xanh xao vì đói! Chúng tôi sống bằng cùi bánh từ hai hôm nay, và bà đã tìm ra cách tế nhị ấy để cứu giúp chúng tôi!

Nếu chúng tôi từ chối, bà sẽ phiền lòng.

Phải bưng bát uống cạn hết để tỏ ra chúng tôi thấy ngon - mà cũng vì nó nóng mà tôi thì lạnh cóng, vì nó lại sức mà tôi thì yếu, vì nó ngon bổ mà tôi thì đói...

May cho chúng tôi đã có thể trả nợ bát sữa và tấm lòng tốt của bà khi Lơgrăng nhận được tiền của mẹ gửi, khi đến kỳ lĩnh tiền hàng tháng của tôi...

Chúng tôi mua biếu bà những bó hoa làm thơm nước quầy sách của bà mẹ suốt cả một tuần.

Bó hoa đã héo từ lâu và hương đã bay nhưng tôi vẫn nhớ bát sữa nóng bà thết chúng tôi một buổi sáng mùa đông...

Không một sự biến! Cảnh đi lượn tẻ nhạt, cuộc đời trống rỗng, rỗng ơi là rỗng!

Tuy vậy một buổi sáng, tôi đã bị xúc động.

Có người đập vào vai tôi.

“Anh không nhận ra tôi à?”

Chắc chắn, là tôi đã từng nhìn thấy bộ mặt này, nhưng tôi không thể tìm ra tên của cái mặt bóng nhẫy vì mờ và vì tự phụ ấy.

“Anh cứ nghĩ xem... Một giáo sư cũ của anh...

- Ở Xanh-Êchiên à?... hay ở Năngtơ?

- Ở Xanh-Êchiên..”

Tôi tìm ra rồi - tôi ngỡ là đã tìm ra!...

Ông ấy có vẻ hỉ hả vì đã làm cho trí nhớ của tôi tươi lại, những kỷ niệm của tôi rõ ra.

“Bây giờ anh nhận ra tôi rồi chứ?... “

Phải, tôi nhận ra rồi, nhưng gắng lắm tôi mới có đủ sức để trả lời, mặt tôi chắc là trắng nhợt ra như tờ giấy, và tôi cảm thấy hai chân run lẩy bẩy.

Con người đứng trước mặt tôi mà bàn tay vừa đặt vào tay áo tôi là một giáo sư cũ của tôi, một buổi sáng kia đã tát tôi - một buổi sáng thứ ba; tôi không quên ngày, tôi quên giờ; tôi nhớ lúc ấy, ánh nắng rực rỡ bao nhiêu và đau đớn bao nhiêu trong lòng, nước mắt bao nhiêu trên mặt!

“Anh là con trai một bạn đồng nghiệp cũ của tôi, Ông Vànhtrax?...

- Đúng, ông đã nhận ra tôi - Tôi cũng nhận ra ông - Tên ông là Tuyêcfanh, và ông là tên đao phủ của tôi ở trường học...”

Giọng tôi rít lên, bàn tay tôi run run.

“Ông đã lạm dụng chức vụ của ông, ông lạm dụng sức lực của ông, ông lạm dụng sự yếu đuối và cảnh nghèo của tôi... Ông là thầy, tôi là trò... thầy tôi là giáo sư,. - Nếu tôi đã cho ông: một nhát dao như tôi hằng ao ước, người ta sẽ bỏ tù tôi. Tôi cóc cần, nhưng người ta sẽ cách chức thầy tôi... Bây giờ thì tôi tự do và tôi tóm được ông!...”.

Tôi nắm lấy cổ tay hắn.

“Tôi tóm được ông, và tôi sẽ giữ ông đủ thời giờ nói cho ông biết rằng ông là một thằng hèn nhát; đủ thì giờ để tát vào mặt và đá vào đít ông nếu ông không hèn nhát cho đến cùng, nếu ông không chịu nghe tôi chửi như tôi muốn và cần phải chửi vì ông đã rơi vào tay tôi...”

Hắn cố sức gỡ ra. - Ồ! không. - Tôi vặn cổ tay! - Học sinh Tuyêcfanh, không được cựa quậy!...

Hắn cố sức.

“Chà! cẩn thận đấy, không tôi bộp tai ông lập tức! Đồ hèn nhát đê tiện! người đã cả gan tới bắt tay ta vì to lớn, lực lưỡng... vì ta là người lớn rồi... - Hồi ta còn nhỏ, mi đánh ta như mi thường đánh tất cả những người nghèo khổ.

Ta không phải kẻ độc nhất bị mi hành hạ - ta còn nhớ đứa bé bị què và đứa con trai của người đàn bà có nhân tình bao. Mi đã khiến người ta cười nhạo tạt nguyên của đứa bé què - mi đã làm đứa kia phải đỏ mặt vì mi bô bô nói đến nghề của mẹ nó ngay giữa lớp học!... Đồ khốn nạn!...”

Tuyêcfanh vùng vẫy; mọi người xúm lại.

“Chuyện gì thế?

- Chuyện gì à?”

May thay! lúc đó có một toán học sinh đi qua, tôi liền dẫn Tuyêcfanh đến.

“Câu chuyện là thế này!... Chẳng là ông này là một trong số những tên là mặt mô phạm vẫn hành hạ trẻ con yếu đuối ở trường học.

Chẳng là khi ta gặp lại ở đời một trong số những quý vị ấy, thì ta phải bắt hắn đền bù những bất công và độc ác hồi xưa - Các em nghĩ thế nào?

- Đúng! đúng!

- Quỳ xuống! đội mũ tai lừa! một vài đứa bé kêu lên.”

Hắn cố để thanh minh, hắn lắp bắp. Hắn muốn thoát khỏi vòng vây. Vòng vây giam hãm hắn và đấm đá hắn túi bụi.

“Quỳ xuống! đội mũ tai lừa!...”

Đám học sinh đã gấp một tờ báo làm mũ tai lừa và xông lại hắn. Tôi bỗng cảm thấy thương hại, - tôi nói dối, không phải thương hại, mà là khó chịu vì tiếng ồn ào, là sợ xảy ra chuyện lôi thôi. Câu chuyện đã xé ra to quá. Người ta sẽ đánh chết hắn mất - tôi sẽ phải chịu trách nhiệm... Tôi cố hết sức gạt đám đông ra và vừa thả Tuyêcfanh vừa nói!

- Thế là đủ rồi... Tao tha cho mày... rút đi... Đừng để tao gặp lại mày trên đường đi của tao nữa, trừ phi là mày muốn đánh nhau với tao...

Tôi ngoáy tên và địa chỉ của tôi lên một mẫu giấy và đập vào mặt hắn! rồi tôi đề nghị mọi người để cho hắn đi.

Hắn chạy trốn, bị những tiếng la ó đuổi theo.

“Cậu tàn nhẫn quá, một anh bạn bước ra khỏi đám đông bảo tôi.

- Tôi nhát gan thì có. Đáng lý tôi phải nhổ vào mặt hắn mười lần. Đáng lý tôi phải làm hắn khóc như hắn đã làm tôi khóc hồi tôi còn đi học.”

Tôi vội đi tìm hai người bạn thân - họ đã túc trực suốt hai ngày liền để phòng trường hợp Tuyếcfanh cử nhân chứng đến.

Ồ! tôi có cái gì sẽ bỏ ra cả - tám ngày bánh ăn của tôi - để mặt đối mặt với hắn, vũ khí trong tay, và tôi sẽ sẵn lòng nhận một vết thương với điều kiện là cũng làm cho hắn bị thương.

Tôi nhớ lại buổi sáng thứ ba ấy, hôm hắn tát tôi - dạo ấy tôi mười ba tuổi... Từ ngày hôm đó, chỗ mà bị tát trắng bệch ra, mỗi lần tôi nghĩ tới chuyện cũ!...

Vẫn những giờ, những giờ, vẫn những giờ đi đi lại lại - vẫn cái trò liếc mắt xem sách chưa rọc...

Vào những ngày khai diễn, chúng tôi thấy những nghệ sĩ đi qua - đôi khi cả lác giả nữa.

Lão Côngxtăng, gác cổng nhà hát, lần nào gặp chúng tôi cũng chào.

Điều đó có thể có ích cho chúng tôi một ngày nào đó để được nhà hát chấp nhận một vở kịch. Nếu công việc chạy cũng như chúng tôi đi lại hàng ngày^[106], chúng tôi sẽ thu lại được tiền hao mòn giày.

TÔI SOẠN KỊCH

(Lơgrăng muốn soạn kịch. Với sở thích của anh lẽ tất nhiên! Anh muốn trở nên bất tử bằng sân khấu.

Còn tôi thì sao! Tôi không đi lại kể chuyện đó ở khắp các nơi. Đây không phải là một thiên hướng không cưỡng lại được như ở Lơgrăng! Và tôi không cần phô trương chuyện đó. Nhưng tôi cũng đã ngấm ngấm thử sức trong thể loại ấy!

- Tại sao anh không soạn kịch, một ông bán rượu vang hỏi tôi, vì đôi lần ông trông thấy tôi vừa bóp trán vừa viết lên những mẫu giấy, và tôi đã từng thổ lộ với ông rằng tôi làm văn học và muốn đạt tới vinh quang.

Ông có một người cháu diễn viên phụ thường sắm các vai công khanh ở cửa Xanh-Mactanh và các vai khách khứa ở rạp Ôđêông. Anh có thể giúp tôi được nếu tôi có cái gì đã hoàn thành - anh đã đưa cho tôi giấy viết - anh làm nghề trang trí ở chỗ ông Fécđinăng Duyghê là tác giả của vở Cảnh bần cùng. Liên minh giữa cùi bánh mì và khoai tây!...

Tôi sẽ soạn kịch. Thể loại gì? Có cần nói ra không?

Tôi vốn lẳng mạn, tôi không thích thời cổ đại. Tôi ưa những thầy tu, những lãnh chúa, bọn hề của nhà vua, những tên đao phủ đeo mặt nạ.

Thời kỳ của những món cổ giả đã qua rồi; bây giờ ta cần phải có cái sôi nổi và sinh động. - “Paxxămbio”^[107], thưa quý tôn ông! Khi nào gác chuông Xanhlơ-Guyđuylơ điểm giờ thứ mười... Tribulê, Xaltabadil^[108]”.

Tôi đã thử và đã vất vả về chuyện màu sắc địa phương!

Mở đầu vở kịch của tôi là một cô thiếu nữ đi gánh nước ở vòi nước ngoài bãi chợ, vừa lúc đó một chàng trai vận áo màu hạt dẻ, nai nịt da như thể anh chàng bị bệnh ruột lòi, đứng nấp sau chiếc cột của gian hàng dạ ở góc chợ và nói:

- Jêhan, Jêhan... ôi cô gái thanh tân yêu kiều và trinh bạch... ta thề trước đức thánh bà Guyđuylơ hoặc trước Chúa, em sẽ thành vợ ta!...

Hay thật. Tôi thú vị đọc lại đoạn mở đầu, trong trắng và rất trung cổ ấy. Nhưng phải mất biết bao cố gắng để tiếp tục đứng lại ở thế kỷ mười sáu ấy! Dù tôi đã quen gọi bàn tay và chiếc quần của tôi bằng những danh từ Trung cổ cũng hoài công. Tôi lại muốn chơi trường kiếm và tôi tuốt gươm

ở ngoài phố. Sáu tên tiện dân chọi với một trang quý tộc thì thừa hẳn năm người, thế là tôi sử dụng chiếc gậy, thành thử tôi phải đương đầu với những cuộc tranh cãi. Tôi rút đầu rút cổ lại, tôi cố làm cho mình một cái bướu, tôi giấu chiều dài của cánh tay, tôi rút cổ tay vào trong tay áo để mọi người ngỡ tôi cũng bất thành nhân dạng như Tribulê và Quadimôđô. Khốn thay tôi lại thô thiển quá! không phải là tàn tật. Người tôi thẳng đơ, thẳng đơ như một nhân vật kịch cổ - chứ không vẹo vọ như một nhân vật kịch mới. Tôi cố gờ lại bằng cách thét lên: “Địa ngục và đày đoạ!” Tôi kêu: “than ôi! than ôi!” và tôi vừa bước đi vừa sùi bọt mép, dừng lại để nói với cái lỗ lò sười ở tường như thế đấy là chân dung các tổ tiên tôi - chỗ nào tôi cũng thêm những chữ! và z, như aieulx^[109]. Thật là mệt! và khi người ta hỏi tôi mấy giờ, tôi không trả lời mười hai giờ năm phút. Y như trong Huygô:

Một, hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy, tám, chín, mười, mười một, Mười hai giờ vừa điểm trên chiếc đồng hồ đồng đen.

Không bao giờ tôi nói phút cả. Tôi không thể nói được phút. Buổi tối đến, tôi nói như những người đi tuần đêm. Mười một giờ rồi! Hỡi dân cư thành Pari, hãy ngủ đi!... Tôi đã sống như vậy mấy tuần lễ, làm người đi tuần, làm kẻ tiện dân, làm anh học trò. Nhưng cuối cùng tôi không chịu nổi. Tôi đâm ra đi cà nhắc thật, chân khập khiễng, và tôi hỏi con gái tôi ở đâu. Mọi người trong nhà ngỡ tôi đã có con. Tôi gọi: Exmêrandô^[110]! bà gác cổng chạy lên. Tôi đóng vai quý tộc kém, vì tôi ưỡn người lên quá, tôi cứ đập đầu vào tường. Tôi quay về với những vai cổ quái. Phải chăng đấy là khuynh hướng thuộc bản chất tôi, đồng thanh đồng khí, hay vì làm thẳng hễ của nhà vua và làm người kéo chuông thì đỡ bị cụng đầu hơn, dù sao thì tôi ưng sắm vai cổ quái hơn vai quý tộc.

Vở kịch của tôi, nếu viết xong, sẽ thuộc trường phái những kẻ xuyên tạc Huygô. Tôi dừng lại, mình mẩy ê ẩm ở cảnh một trang kỵ sĩ hỏi xem người ta có trông thấy qua đây ba chàng công tử trong đó một chàng cầm chiếc lông trắng ở mũ hoặc đính một chiếc nơ xanh ở vai. - Một chiếc nơ xanh, thì đích chàng ta rồi! - Buồng tôi ở bé quá và sát mái quá không thể làm những vở kịch trung cổ được. Muốn vậy phải bắt họ ngồi, như thế tôi

cho là không lương thiện! Ai lại mô tả trung cổ ngời! “Hãy lên ngựa, lên ngựa, các ngài! Chà! con ngựa trạm này đi chậm quá... Liệu tôi đến có kịp không, hỡi đức thánh bà Guyđuylơ, vị hộ mệnh của tôi, hãy cho tôi biết!”

Tôi đã chọn thánh Guyđuylơ và tôi lạm dụng bà thánh đó!

Vậy là tôi bỏ thời trung cổ, tôi không thể đụng tới khung cảnh đồ sộ ấy - nhốt bản hùng ca ấy, nhét tất cả các tướng sĩ ấy, cổng lâu đài, ngục tối, hầm ngầm, đoạn đầu đài và kẻ đao phủ bịt mặt vào trong một gian buồng mười phoăng được! Ít nhất, hỡi đức thánh bà Guyđuylơ, ít nhất tôi phải được ra chỗ khoang gác nhưng người ta lại không muốn thế! Tôi làm ồn quá. Một lần tôi cần ra khoang gác để bắt chước cảnh tiệt dân nổi loạn và đã gây ầm ĩ kinh khủng!

Duyboa⁽¹¹¹⁾ là dân Pari chính cống, anh đi xem kịch từ năm lên mười tuổi. Khi học thợ, anh đã giành được thì giờ đóng vai phụ trong các vở kịch thần tiên lớn; anh đóng vai quần chúng đông đảo như nhiều người khác. Khi làm thợ, anh quen biết những tay trùm võ tay thuê và được vào xem không mất tiền ở các rạp hát đường phố - thành thử khi anh gặp nhà thơ, khi nghe họ nói chuyện văn chương với bạn bè thì anh thấy rằng anh, Duyboa, người thợ thuộc da, anh cũng biết bằng họ, hơn họ nữa hàng đoạn thơ dài, tất cả những cảnh chủ chốt; anh lại còn làm được điệu bộ - mà những người khác không làm nổi hoặc làm vụng! Anh tự nhủ thầm: “Mình cũng có một cái gì ở đây! “Và Duyboa quảng thuốc thuộc da đi và Duyboa không muốn làm thợ thuộc da nữa dù cho anh tất cả vàng thế gian. Anh tự cho mình là nhà văn. Anh để những người khác viết Những bài thơ cổ, Biểu tượng và hiện thực hoặc Rôfaelô. Anh đã viết, anh viết Pie người bắn súng hỏa mai. Anh đã đọc, chắc hẳn anh đã đọc Pie người bắn súng hỏa mai cho Lơgrăng nghe; với tôi, anh chỉ vền vện kể lại sườn vở kịch - mà cũng chỉ là để khỏi có vẻ bất lịch sự với tôi, nhưng trong thâm tâm, Duyboa rất coi thường những ý đồ văn chương của tôi.

Anh đã nghe tôi than phiền về thời Trung cổ, anh đã trông thấy tôi bức tức xoa bóp trên đầu! Thế ra chỉ vì một vài lần bị đau, vì gian buồng hẹp

quá, mà tôi bỏ cả một thời kỳ lịch sử? Tôi sẽ thay thời Trong cổ bằng cái gì? Tôi có một ý mới mẻ nào không? Xem nào, đã khá lâu tôi chỉ phê bình mà không nói xem tôi sẽ lấy cái gì thay vào đó. Ý kiến của tôi ra sao! Cậu hãy trình bày xem nào, - và anh ngả người vào ghế bành (bao giờ anh cũng chiếm lấy cái ghế bành, như thế cũng khá khó chịu rồi) - những quan niệm của cậu về kịch! Thôi, tôi nghe đây!

Anh bỏ một dúm than vào lửa, lấy đầu chiếc cặp vun than lại để chỉ cho tôi thấy rằng anh sẽ chú ý lắng nghe. Đó, lửa bén rồi. Bây giờ đến quan niệm của tôi về kịch!

- Thế nào, ý kiến cậu thế nào. Cậu hiểu kịch ra sao? Cậu thích loại kịch gì?

- Loại kịch trong đó người ta được ngồi thoải mái, có mùi cam và có buồng tốt. Đây, loại kịch mà tôi thích, nhưng đây không phải là một lý thuyết cũng không phải là một ý kiến.

Tôi không vội trả lời, tôi vờ đánh rơi một cái gì, hoặc xếp lại một vật gì đó trên lò sưởi - tôi nhắc lại câu hỏi để lấy lại bình tĩnh: “Anh muốn biết ý kiến của tôi về kịch, và tôi thích loại kịch nào à?”

- Phải, chính là điều Duyboa hỏi cậu đấy” Lơgrăng nói với tôi, vẻ mặt cố làm ra thân thiện; tôi thấy rõ trong thâm tâm anh muốn thấy tôi bí.

Tôi chưa tìm thấy gì cả, lưỡi tôi lú lút, Tôi xếp lại quá nhiều vật trên lò sưởi. Tôi cầm lấy cái cặp than ở tay Duyboa chứ không trình bày lý thuyết của mình, và tôi đập lên ngọn lửa tưởng như tôi bỗng nhận thấy nó có chỗ làm không đúng cách, như thế cũng không ổn! Duyboa thường vẫn tự phụ về cách nhóm lửa của anh. Thậm chí anh lại có bí quyết riêng để nhào một thứ bột bằng tro nhão với bụi than nó đông vó cứng lại. Tôi đập vó vó cứng đó mà không nói ý kiến của mình về kịch. Tôi lúng túng.- Chà! tôi bí. Lơgrăng có thể xoa tay.

Lời cuối cùng của Duyboa làm tôi điếng người.

- Anh bạn thân mến ạ, khi người ta không biết hơn anh thì nên đi làm thợ thuộc da chứ đừng làm nhà văn.

Buổi tối ghê gớm! đã hạ tôi xuống địa vị thấp kém trong nhà. Không cần để nài ép tôi tự ý chạy những công việc vặt. Chính tôi tự động đi lấy nước cho Duyboa nhào bột than, chính tôi đi mua rượu khi nào có tiền mua rượu. Tôi đi đổ tro, không cần ai phải nhắc nhở.

Cái đêm xảy ra cảnh thảm hại ấy, tôi nằm trên giường suy nghĩ rất nhiều về những điều đáng lẽ mình phải nói, những điều mình cần đáp lại.

Đôi khi, ra khỏi một cuộc trò chuyện trong đó tôi bị hớ, tôi mới tìm ra những điều đáng lý phải đáp ngay lúc ấy. Tôi chỉ việc quay trở vào. Nếu có ai giúp tôi, nhắc tôi một câu (mà chúng tôi đã giao hẹn trước với nhau), tôi sẽ đập lại được lập tức bằng một lời ý vị. Những trường hợp ấy, tôi tự đâm ngực vì đã không tìm ra được ngay tại chỗ. Nhưng lần này là sự suy sụp, suy sụp đơn thuần. Dù cho tôi một năm nữa, tôi cũng không tìm ra được điều gì hơn. Tôi đành bỏ cuộc! Tôi không tìm được gì khác ngoài những điều tôi đã nói, trong khi chọc vỡ vỏ than cứng và xê dịch những vật bày trên lò sưởi.

Về phương diện kịch, tôi thích những vở làm tôi thú vị và tôi không ham những vở không làm tôi thú. Đó là ý kiến của tôi, không có gì hơn.

Duyboa bản tính không độc ác. Anh không phải hạ người làm người khác đau khổ để mà thích thú. Anh không thuộc những kẻ lợi dụng một sự ưu thế dễ dãi để đè bẹp những người kém mình và thiếu thông minh. Về phía Lơgrăng thì anh không thể biểu lộ niềm vui thầm kín khi thấy tôi???. Và chính ra tôi được mọi người ân cần hơn là bị ruồng rẫy! Nếu tôi bảo người ta hành hạ tôi là tôi nói dối. Tôi không bị hành hạ. Thậm chí hai ba lần họ đã giật lấy chiếc thùng trong tay tôi khi tôi đi lấy nước hoặc đi đổ tro. Họ cảm thấy rõ rằng nếu tôi không có lý luận về kịch, thì không phải lỗi tự tôi, và họ không muốn hạ tôi xuống vai trò đày tớ. Tôi còn cảm thấy bây giờ họ có phần quan tâm làm những việc mà trước kia họ không muốn mà, họ tỏ ra tế nhị. Họ đã cư xử rất tốt trong trường hợp này, không thể nói

ngược lại được. Nhưng Duyboa thắng thế. Người ta chỉ còn chú mục lời anh; sân khấu thuộc về anh, dứt khoát từ cuộc đại bại của tôi. Lơgrăng dỏng tai lắng nghe anh kể về những tối biểu diễn lớn ở đường phố, về Frêdêric Lơmêtrơ, Mêlanhơ... Nhưng Mêlanhơ thì mới quá. Fêdêric (họ chỉ gọi Fêdêric trống không) thì bị gãy trong vở Đenơry. Theo tác giả Pie người bắn sung hỏa mai, có một diễn viên diễn vở kịch ấy giỏi hơn bất cứ ai [khác]. Nếu mà đã thấy Lôckroay trong vở đó!

Lôckroay^[*], mọi người chỉ nói đến Lôckroay, Lôckroay chỗ này, Lôckroay chỗ kia. “Ông ta đi ủng mềm làm sao!”

Tôi thì tôi đi giày rất cứng. Người ta sẽ bảo là tôi muốn vây vo – không phải, xung quanh tôi nhiều người đi những đôi giày làm họ đau chân và không ai, chẳng ai đi ủng mềm hết.

Đôi khi Duyboa thay đổi lối nói! “Ông ta trông như đứng trong cái phễu!” – cái phễu của đôi ủng!

Kịch trung cổ ư? – Tôi suy nghĩ thế nào đã nói như thế! – Duyboa, cậu nghe đây! Tôi không thích kịch trung cổ! Hôm nọ tôi đã không trình bày được, - hôm nay tôi cũng chưa trình bày được, thật đấy, nhưng Duyboa ạ, nếu cậu muốn biết hết! thì đây, tôi đã chán ngấy những lãnh chúa, những tướng sĩ, những kẻ mang cổ áo xếp màu trắng (- tôi ưa những quả dâu đỏ tẩm đường và rượu hơn -) mang tay áo bông (- tôi ưa món xúp^[2*] hơn -) đeo gươm ngang lưng (- tôi chán đến chết nếu phải đeo gươm ngang lưng -) khoác những chiếc áo choàng rộng màu vàng (- tôi cũng đã có một chiếc áo choàng màu ấy, tôi đã chán nó lắm rồi!) Họ tới đánh nhau dưới những cột đèn, họ bắt cóc phụ nữ! họ đã đánh ngã gục kẻ khác! Làm như là bây giờ người ta còn có thể đánh ngã gục kẻ khác và bắt cóc phụ nữ! Bây giờ thì có mà đánh cái cóc khô, mọi sự đã đổi khác rồi! Chúng ta đã thoái hóa rồi! Nhưng sự thế nó như thế đấy!

Tôi lại thấy hình như bây giờ người ta không còn vận nhiều loại vải màu mận, màu cặn rượu vang, màu lá nho thường dùng để cắt áo chên của đám tiện dân, cũng không còn vận loại lụa xanh nhạt, tím nhạt, màu lơ nhạt

thường dùng để cắt áo cho bọn đại lãnh chúa. – Không còn những bọn công tử tột nữa! Tôi không thấy ở đâu có bọn công tử bột ấy. Sự thật thì tôi cũng ít ra khỏi khu phố của tôi. Bây giờ là các bà ăn vận những loại lụa đỏ và đeo nơ hồng ở cổ. Tôi đã trông thấy ở tầng dưới rạp Variê-tê một ông nhỏ bé đeo một chiếc nơ hồng – nhưng ông ta bị mọi người rất coi khinh – người ta xì xào, phụ nữ làm những dấu hiệu kinh tởm và một vị trí thức có mặt ở đây đã nói: Một gã sủng thần của vua Hăngri III.

Về mũ thì hiện nay chỉ còn bọn hề và các nhà nhiếp ảnh mới đội mũ nhọn có dải băng màu quấn xung quanh – và những người thổi kèn binu^[3*] nữa. Tôi quên mất những người thổi kèn binu.

Còn về da? Bây giờ người ta không còn mang nhiều da như trước nữa! găng da, bấp chân bằng da, ve áo bằng da màu bánh mì, rất không hợp với màu mơ mà thời Trung cổ dùng nhiều. Tôi không quên màu quả mơ. Về quả thì tôi thích đào hơn, về màu thì tôi thích màu đen hơn.

Lơgrăng bàng hoàng nhìn tôi.

- Nhưng Victo Huygô đã đặt toàn bộ các vở kịch của ông vào thời Trung cổ, chỉ vào thời Trung cổ thôi! – Nhưng tôi đã ngán cái cảnh bị cộc đầu khi muốn làm Tribulê, làm Xêza đờ Bazăng! – mà không có giấy chứng nhận gì cả!

Tôi chỉ còn kịch hiện đại, loại kịch sống, tức là có tất cả những dự vọng, những cái lớn lao và những tệ lậu của thời đại chúng ta... những cái xảy ra trong phòng khách... ngoài phố. Ngoài phố thì thuận tiện, nhưng trong phòng khách! Tôi sẽ phải đi vào xã hội thượng lưu để mô tả phong tục giai cấp quý tộc. Tôi không có đủ quần áo. Tôi chỉ có những thức đang vận trên người – và một chiếc quần thay đổi.

Tôi vẫn có thể có những dự vọng, những cái lớn lao và những tệ lậu của thời đại tôi...

Tôi định đưa lên sân khấu nỗi lo lắng của một cô gái sắp sa ngã, nhưng tôi không biết gì về chuyện đó cả. Alêcdăngđrin lại không có lo

lãng... Hay ít ra là tôi không bắt chợt thấy cô ta lo lắng bao giờ... Cô ta chỉ đơn giản nói: Có chiếc rèm che như thế này, anh thấy không, ai ở bên kia sẽ không nhìn thấy chúng mình, cửa kính như thế này sẽ rất thuận tiện.

Tôi có nên nói về những cửa kính ấy không! Tôi có nên nói về những người thợ mộc, nói rằng có mùi dầu thông, rằng trái tim tôi kêu lên bảo tôi: miễn sao công việc trang trí cứ kéo dài vào! Tôi có nên đặt người đàn ông đang yêu ở đằng sau vách, giữa những lọ cồn và những cuộn giấy in hoa hay không?... Tôi chỉ còn nhớ có vậy thôi. Đó là tất cả những gì tôi nhớ được về giờ phút tối hậu ấy. Phải chăng tôi sinh ra để viết những vở kịch sống hay để sống trong những gian phòng người ta quét sơn? Phải chăng tôi có thiên tài trang trí chứ không phải thiên tài sân khấu?...

Tôi muốn mình già, rất già để đã được nhìn thấy và có thể mô tả những cái khác. Trong khi chờ đợi, tôi chỉ có thể đưa lên sân khấu mẹ tôi, thầy tôi, và tôi... Tôi, với những chiếc quần xẻ đũng – hoặc với bộ quần áo học sinh trung học quá rộng, - tôi mà người ta đánh đòn. Liệu có diễn viên bé nhỏ không? Và muốn mặc quần xẻ đũng không? Quần xẻ đũng có được chấp nhận ở sân khấu không? Người đó cũng có muốn để người ta quất roi mình không? – kiểm duyệt có cho phép chuyện đó không?...

Hay tôi viết năm hồi kịch với một tội gốc^[4*]. Tất cả có – có bao nhiêu tội nhỉ? ... Một, hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy.

- Tính kiêu căng! Nhưng Matutxanh đã nhận đề tài đó rồi.

Anh đã bắt tôi thề không được nói ra, anh nhận tính kiêu ngạo về phần mình rồi. Tôi không thể đụng đến vấn đề ấy mà không phạm một điều khiếm nhã. Anh mô tả tính kiêu căng. Anh còn nói cho tôi biết cả nhan đề vở kịch và phô với tôi tờ áp-phích của anh nữa.

TÔI

DO TÁC GIẢ THỬ VAI CHÍNH

Anh đã lường lự một thời gian giữa vở đó với một vở khác về các bậc cha mẹ. Anh không muốn đề cập đến các bậc cha mẹ theo kiểu của tôi.

Nhân vật chính không mặc quần xẻ đũng và lúc mở màn khán giả không trông thấy móng đít của hắn. Nhân vật chính là anh, lại vẫn là anh, nhưng có bộ ria con kiến.

Anh ngồi trên một chiếc ghế, có vẻ suy nghĩ rất lung, cuối cùng anh đứng dậy và từ từ bước ra phía trước sân khấu, anh kêu lên với một niềm tin tưởng hoàn toàn.

- Cha tôi mới đề tiện làm sao!

Anh nói đề tiện chứ không nói ăn cướp giết người. Đề tiện là dụng ý. Đề tiện... Đã đến lúc cần gọi con mèo là con mèo và Rôlê là một tên vô lại. Cha tôi mới đề tiện làm sao!

Câu đó nói lên không phải là không có vẻ buồn rầu; người diễn viên phải có vẻ như hối tiếc. Anh ta lại phải tỏ ra là mình, khốn khổ, lại tin như thế. Cha anh ta là như thế, có vậy thôi! Anh rất muốn có thể nói: cha tôi mới phước hậu làm sao! Như thế không đúng, và sau khi đã cân nhắc, anh ta tin rằng cha anh quyết nhiên là một kẻ đề tiện bỉ ổi.

Matutxanh vốn được bố yêu và anh cũng rất yêu bố. Matutxanh là một thanh niên rất tốt và một người con tốt, nhưng anh cho rằng có thể viết được những vở kịch theo kinh nghiệm sống của người khác...

Do đó, anh tuyên bố sẽ thắng thường mở đầu vở kịch bằng lời tuyên bố ấy của người con trai, nhưng anh này lại phải làm cho khán giả tin cậy – ngay từ đầu phải tô điểm cho anh ta, bằng cách gán cho anh ta nhiều lương tri và những đức tính quý báu. Nhưng cuối cùng Matutxanh quyết định viết vở Tôi do tác giả tự sắm vai chính, và anh giữ lấy tính kiêu căng về phần anh.

Tính tham ăn: nhưng nhìn một người suốt buổi tối cứ ăn mút mãi thì thật là chán – nếu tôi muốn làm như thực.

Tính lười biếng – nếu vở kịch phải do kinh nghiệm sống thì sẽ không thể có vở nào viết về tính lười biếng được – đã lười nhác thì còn viết làm sao được.

Tính đồ kỵ? Tôi không hiểu nó là thế nào^[5*]. Tôi thêm món phở bê non băm viên, tôi lại thêm có hoa cầm trong buồng, và không có rệp ở giường của tôi... Tôi muốn không ngu si như kẻ này, không khiếm nhục như kẻ nọ! Tôi muốn chết đi được là khi buồn ngủ được ngủ, đến năm giờ thì được ăn. Tôi không tin người ta có thể viết được một vở hay ho với các chuyện đó!

Tính giận giữ! – Tôi muốn viết năm hồi. Một người không thể giận dữ suốt cả năm hồi kịch – giậm chân, bứt tóc và nghiêng răng! Như vậy sẽ làm tôi mệt quá!

Tính keo kiệt! Molière đã viết Người keo kiệt! Lại có vở Misen Peranhe nữa^[6*]. Tôi đã thấy Buffé đóng vở ấy! Và chẳng tôi không phải là thằng keo kiệt. Vậy tìm điển hình ở đâu được?...

Tôi muốn già.

Hãy nhường chỗ cho đám trẻ! Bài báo nào họ cũng viết. Tất cả những tờ báo nhỏ treo ở dưới mái rạp Ôđêông đều viết thế và tất cả những kẻ tóc dài đều nói vậy – một vài kẻ không có tóc dài cũng nói vậy. Đường như Đenơry^[7*] *chặn hết mọi lối đi!*

Nếu Đenơry chết, nền văn học sân khấu có lẽ sẽ thay đổi bộ mặt. Nhưng Đenơry còn đây và nền nghệ thuật lớn bị héo hon, và những tài năng trẻ bị mòn mỏi, mục nát, mốc meo và cuối cùng phải quay về quê họ, vào một công sở! Họ giữ một chân nhỏ, lương một ngàn tám trăm phơrăng ở một buồng giấy, đáng lý họ có thể có địa vị lớn dưới ánh mặt trời sân khấu!

Trên sân khấu không có ánh mặt trời, chỉ có đèn dầu.

Hãy nhường chỗ cho bọn trẻ! Nhưng tôi, tôi tuy trẻ mà lại chẳng thành công!...

^[1*] Diễn viên, sau trở thành tác giả, viết nhiều hài kịch và ca kịch hài hước (1803-1891).

[2*] Chơi chữ không dịch được: *fraise* vừa có nghĩa là cổ áo xếp, vừa có nghĩa là quả dâu; *bonillon* vừa có nghĩa là tay áo bông, vừa có nghĩa là xúp.

[3*] Một thứ kèn vàng Bơtanhơ - Pháp.

[4*] Kiêu căng, đố kị, keo kiệt, dâm dăng, tham ăn, nóng nảy, lười biếng, theo đạo gia-tô, là nguồn gốc của mọi tội lỗi khác.

[5*] Chơi chữ: *Envie* vừa có nghĩa là đố kỵ vừa có nghĩa là thèm muốn.

[6*] Của Mơlexvin và Sacơ Đuvâyriê; vai chính do Buffê sắm thật.

[7*] Tác gia kịch được ưa chuộng thời ấy (1811-1899).

XXXI

ĐẤU SÚNG

Kịch bản ư? – Thôi đi!

Lơgrăng vờ tôi, hai đứa đã rủ nhau cùng viết chung một vở kịch.

Tám ngày sau hai đứa nhất trí bỏ cuộc.

Chúng tôi, mỗi đứa mỗi đảng, chỉ sống bằng những điều mình đã đọc được thôi, mà nền giáo dục của hai đứa lại đối chọi nhau, muốn xung đột với nhau. Người ta ít nói với tôi về Chúa lòng lành – Còn Lơgrăng lại chịu sự giáo dục của một người mẹ theo đạo gia-tô và máu anh có pha nước thánh.

Anh đã tìm được một câu để biểu thị chân tướng khuynh hướng của cái mà anh gọi là tâm hồn chúng tôi!

“Tớ tin ở Đấng trên kia, cậu tin ở những kẻ dưới này”.

Đúng thế, và hai niềm tin tưởng của chúng tôi lúc nào cũng va chạm và hăm dọa nhau.

Tình hình đó trở nên kinh khủng! Trong căn buồng kê hai giường này nổ ra những trận bão táp thực sự.

Căn buồng chật chội quá cho ba chúng tôi, Lơgrăng Vanhtrax và Bần cùng. – Con mụ khốn kiếp! Nó làm chúng tôi từng phút xô xát nhau, xúc phạm lẫn nhau trước những chiếc giường tồi tàn, lò sưởi, cái bàn khập khiễng.

Chúng tôi đã đi tới chỗ hầu như thù ghét nhau. Nó chưa lộ ra trên miệng nhưng nó đã nằm trong con mắt. – Chúng tôi chửi nhau bằng mắt vì một cánh cửa ra vào để ngỏ, một cửa sổ đóng, một cây nến thấp quá khuya; chúng tôi hoài công giấu nhau hoặc giấu bản thân mình nỗi chán ngấy và bức bối cảnh chung đụng đấy.

Cứ như một cuộc hôn nhân trong nhà tù, giữa những phạm nhân ghen tuông!

Chúng tôi không được có nhân tình và bắt buộc phải sống chay tịnh.

Nếu có một người đàn bà tới thì đứa kia phải đi... Ngoài đường trời lạnh; và có khi chuyện đó xảy ra đúng mình đang có đà viết: chưa bao giờ có cảm hứng như thế, - thật là tội vạ!

Đến cả lòng ham muốn làm việc của chúng tôi cũng bị tiêu tan vì cuộc xung đột ngấm ngầm ấy.

Với tính nết như chúng tôi, có những lúc chúng tôi có thể bắn nhau được nếu có một khẩu súng lục trong tay.

Người ta đã kiếm ra súng lục!

Một người nằm kia lăn dưới đất trong một vũng máu đỏ. Chính tôi là người đã bắn.

Một buổi tối, Lơgrăng đã tát tôi – không hiểu vì chuyện gì! Tôi đã không bao giờ hỏi anh; tôi sẽ không bao giờ hỏi anh về việc đó!

Có thể vì một người phụ nữ.

Vì có gì thì cũng mặc!

Chính nó là giọt sữa đã làm bình sữa trào ra; có lẽ tôi phải nói là giọt lệ cay đắng, vẫn đọng ở lông mi chúng tôi trong những năm sống cạnh nhau.

Nếu chúng tôi đã có cuộc xô xát ấy, nếu ngày hôm sau chúng tôi lại tiếp tục với vũ khí trong tay, thì là vì hai đứa đem đối chọi nhau tất cả nỗi đắng cay của nhà tù, ở đó hai đứa cùng kéo lê một chiếc xích.

Mỗi chúng tôi đều có đạo đức theo kiểu của mình vì có tham vọng theo cách của mình – và những kiểu cách đó đều ứ máu qua từng cử chỉ mỗi người trong bóng tối kinh khủng của cuộc sống chúng tôi!

- Trong một cuộc chung sống phải có một con cái và con được, một người mà chúng tôi hỏi ý kiến về câu chuyện xích mích đã nói như vậy.

Đây không có con cái. À có! Có một con cái: cái Đói; và các cậu sẽ giết nhau vì kinh hãi nó cũng như những con đực giết nhau vì yêu một con cái.

Đúng thế! Và đây là lý do tại sao tôi đã đòi Lơgrăng phải xin lỗi về hình thức, và tại sao Lơgrăng không chịu xin lỗi. Căn buồng chật chội quá đối với hai ý chí của chúng tôi, một ý chí dân Brotanhơ, một ý chí dân Ôvécnhơ^[1*]... nhất là chúng tôi lại không được xả hơi trong những cuộc cãi lộn nhỏ ở những kẻ yếu đuối. Hai ý chí đó đã nín lặng hoặc gần như thế, nhưng dù sao vẫn hăm dọa nhau trong sự im lặng ấy; bây giờ chúng sắp lên tiếng bằng họng súng lục hoặc bằng lưỡi kiếm nhọn.

Nhưng chỉ một nhát đâm thôi chẳng đủ. Lưỡi kiếm không đủ; nó chỉ làm xước tấm gương lớn ảm đạm như từ dưới đất nhô lên do cử chỉ của Lơgrăng, sừng sững trước mặt tôi – để tôi nhìn vào đó thấy hình ảnh tuổi thanh xuân phủ màu đen của chúng tôi!

Phải bắn vào đấy, bắn bằng đạn, bắn cho tới lúc nghe tiếng vỡ loảng xoảng.

“Anh hãy nói với những người làm chứng của ông Lơgrăng rằng chúng tôi sẽ đấu súng, nếu Lơgrăng muốn cho tới khi một trong hai đứa ngã gục.

- Anh hãy nói với ông Vànhtrax rằng tôi nhận lời”.

Hôm ấy là ngày thứ bảy, vào tám giờ tối. Chúng tôi có đủ thì giờ để thu xếp tất cả mọi việc cho ngày mai.

Thỏa thuận về điều kiện thì được! Nhưng tìm vũ khí thì không. Chúng tôi không có tiền.

Phải có tiền để thuê súng lục và ra đấu ở vùng nông thôn.

Phải chờ đến thứ hai. Thứ hai, thì có thể đi cầm đồ; nhưng không đâu nhận cầm đồ vào ngày chủ nhật.

Côlinê, anh bạn đồng học của chúng tôi ở Năngtơ, anh sinh viên trường thuốc sẽ chứng kiến trận đấu với tư cách là thầy thuốc, có một chiếc

dây và một chiếc đồng hồ vàng. Đem cầm có thể được tám mươi phơrăng. Cộng với số tiền tôi có thì như thế cũng đủ về phần tôi.

Lơgrăng cũng cần hai mươi bốn tiếng đồng hồ để kiểm số tiền cần thiết.

Mấy giờ hiệu cầm đồ mở cửa?

“Chín giờ.

- Hẹn gặp nhau mười giờ ở tiệm cà-phê Variêrê cho gần nhà Carông cho thuê súng.

- Đồng ý.”

Ngày chủ nhật tràn ngập ánh mặt trời. Tôi nhớ là nó làm óng vàng những cốc rượu áp-xanh trên bàn tiệm cà-phê ngoài trời, nơi chúng tôi ngồi; thỉnh thoảng gió hây hây thổi làm run rẩy và lấp lánh như lụa xanh lá cây trên đại lộ Mông-pac-naxơ, trước quán của mụ Bô-sơ; cuộc sống thật là thú vị.

Một cô gái, chưa bao giờ cời cóóc-xê trước mặt tôi, tới ngồi bên cạnh tôi và hôn tôi lút miệng.

“Nghe nói anh sắp đấu súng. Nếu anh chết anh cũng đã được chiếc hôn này rồi; và nếu anh muốn, đêm nay em sẽ ngủ với anh.”

Cô có bông hoa cài ở tai. Cô lấy bông hoa cho tôi.

“Đây, nếu anh chết, người ta sẽ chôn anh với bông hoa này.”

Và cô cười!

Vào lúc tiết trời ấm áp, trong quán cà-phê vui vẻ dưới bầu trời mây trắng xốp, cô không tin, không ai tin vào một trận đấu súng ác liệt. Điều đó làm tôi bức mình và cáu kỉnh! Vậy ra họ cho tôi thuộc hàng người phải nhân chứng đi để đùa chơi. Vậy ra họ không đoán được tôi là người thế nào và tôi muốn gì; vậy ra họ không cảm thấy ở tôi một con người mù quáng lao theo mục đích của mình, và để đạt tới hân sung sướng hơn là bất bình được sắm vai chính trong một bi kịch đẫm máu!

Họ đã bàn nhau dẫn tôi đi tập bắn. Để làm gì? Tôi cần gì biết mình bắn giỏi hay không? Tôi chẳng hề bận tâm về chuyện đó. Tôi cũng không hề tự hỏi xem tôi sẽ bắn người ta bị thương hay tôi sẽ bị thương, tôi sẽ chết hay tôi sẽ bắn chết người ta.

Đã từ lâu, tôi ghi trong đầu tôi, như bằng một mũi đinh nhọn, rằng tôi phải dũng cảm, dũng cảm hơn đám đông, rằng lòng dũng cảm đó là sự trả thù của kẻ xấu số, là vũ khí của kẻ cô độc.

Tôi đã báo trước cho nhân chứng của tôi biết rằng hai bên sẽ không bắn theo sự chỉ huy, mà sẽ xông vào nhau theo ý muốn.

Theo cách đó, dù trúng đạn rồi, tôi vẫn có thể tới khá gần Lơgrăng để hạ anh.

Anh em nài ép đã khiến tôi không từ chối được việc đến nơi tập bắn.

Lơgrăng và bạn bè của anh ở đấy ra; hai bên chào nhau như những người xa lạ.

Một bù nhìn bằng tôn mà áo sắt lỗ chỗ những vết trắng, đứng áp vào tường.

Tôi đếm những vết trên áo.

- Mười một?

- Phải, người nấp đạn vào súng đáp. Ông Lơgrăng bắn giỏi. Ông ta chỉ trượt có một phát.

Ông ta lau chùi cho con người bằng tôn và đưa súng cho tôi, tôi bắn hết mười hai viên đạn.

Chỉ trúng có một viên.

Các ông bầu của tôi có vẻ sững sờ, gần như họ bấu môi. Họ muốn gà của họ giỏi hơn thế.

Chúng tôi chia tay nhau lúc mười giờ tối.

“Anh nên đi ngủ sớm, một người có vẻ am hiểu vấn đề bảo tôi. Như vậy khí huyết trong người sẽ bình tĩnh hơn, khi bắn chắc tay hơn.

Tôi đi nằm và ngủ say mê mệt.

Tuy nhiên tôi dậy từ sáng sớm, và tôi thoáng nghĩ đến khả năng có thể bị bắn què hoặc hấp hối kéo dài trước khi chết. Thôi được! Đến thế là hết. Nếu tôi chết, người ta sẽ bảo tôi can đảm; nếu tôi bị què, phụ nữ sẽ biết vì đâu và vẫn yêu tôi. Và lại không phải chỉ có thế! Tôi cần san phẳng địa bàn, lấy chỗ để tiến bước; tôi cần bằng một đòn tỏ rõ bản lĩnh của tôi, và giành lấy sự kính trọng của bọn hèn nhát trong mười năm.

Từ cửa sổ tôi nhìn thấy vườn Luycdămbua. Nói thật tình, khi nhìn khu vườn lớn ngổ ngân ấy lần cuối cùng; khi thấy những lão cuồng si đầu bạc sáng nào cũng tới nơi mát mẻ này lê giầy vải mềm và lấy mũi can làm bắn làn sương trên cỏ; thật tình, tôi tự nhủ rằng chẳng làm nạn nhân của cỏ cây rầu rĩ. Lơgrăng với tôi, chúng tôi sắp sửa trong một lúc làm chủ cả một khoảnh thiên nhiên; chúng tôi sắp gây một tiếng động như sấm trong một thung lũng im lặng, chúng tôi sắp dùng đạn chì quất vào không khí nặng nề đang đè trĩu trên đầu chúng tôi.

Đây là buổi sáng kiêu hãnh đầu tiên trong cuộc đời tôi, luôn luôn bị sỉ nhục và đau khổ. Có đáng kéo lê cuộc sống như thế, - để đi tới cái ngu xuẩn của đám cuồng si đầu bạc kia không?... Chẳng thà biến ngay tức khắc với một cái chết hiên ngang.

Nào hãy vận chiếc sơ mi đẹp nhất, để tôi có vẻ đường hoàng trong bộ áo quần nếu tôi là người ngã xuống.

Tôi tìm dáng điệu cần phải có, súng lục cầm tay, và tôi ngắm trong gương xem khi ngắm bắn tôi có cái vẻ oai phong.

“Đừng để lộ cái gì trắng ra”, người ta đã bảo tôi.

Tôi cài cúc áo lại không để một ánh sơ-mi lọt ra ngoài.

Các nhân chứng của tôi bước vào buồng.

“Anh đã suy nghĩ kỹ chưa? Việc có thể dàn xếp được không?...”

Nghe mà muốn tát vào mặt họ.

“Ít ra thì các anh cũng chỉ bắn một phát đạn thôi chứ?”

Và họ vỗ vào lưng tôi, nói với tôi như với một thằng nhóc con: “Nào! Đừng nên làm mặt giận dữ như thế!”

Chính vì họ, vì muốn tỏ ra can đảm trước mặt họ, chính vì một công chúng gồm những kẻ ngu xuẩn như thế mà tôi sắp phải nhờ đến sự rủi may của súng đạn!

Thêm vào đó, họ bắt đầu làm tổn kém cho tôi.

Không phải là tôi hà tiện, nhưng tôi cảm uất khi thấy họ gọi hàng, chạm cốc, uống mà quên phắt cá nhân tôi và hết sức vô tình với cảnh nghèo của chúng tôi.

Hơn nữa họ lại buông những lời mà tôi không ưa.

“Chúng ta uống như trong một đám ma vậy”, một người trong số đó nói.

Dù anh can đảm đến mấy, lời đó cũng làm cho anh khẽ rợn mình.

Thôi! Chín giờ rồi, hiệu cầm đồ đã mở cửa. Côlinê đi xe tới đón tôi với đám nhân chứng. Lơgrăng ngồi trong một chiếc xe ngựa khác với người của anh ta.

Chúng tôi vào tiệm Cà-phê Variêtê. Các nhân chứng chỉ ngồi đủ thời giờ uống một cốc sô-cô-la, xong họ cũng tới hiệu cầm đồ để từ đó tới nhà hàng vũ khí.

Chỉ còn hai đứa ở lại, Lơgrăng với tôi: Lơgrăng ngồi bên trái hiên, tôi ngồi bên phải, Chúng tôi chờ.

Nhưng sao mà họ lâu thế!

Hai chúng tôi lần lượt bước ra ngoài vỉa hè ngó nhìn suốt dọc đại lộ.

Lão chủ theo dõi chúng tôi.

Trong tiệm cà-phê, những người khách mới đến được bọn bồi bàn cho biết, chỉ trở chúng tôi và đánh cuộc với nhau.

“Tôi bảo đấy là hai thằng nhát! – Không, hai thằng bịp.”

Ôi! Cái lỗ bịch và xấu hổ này!... Thà tôi ngã vật ra trên chiếc ghế dài này, sườn gầy hoặc trán thủng, còn hơn làm bia cho những con mắt nhìn và những lời chế nhạo kia...

Cuối cùng, đám nhân chứng trở về!

“Có chuyện gì thế?”

Người ta hỏi những đồ đem cầm nhưng Côlinê lại quên không mang đi. Anh phải quay về nhà lấy.

“Các cậu có tiền chứ?”

- Có.

- Trả tiền sô-cô-la đi!” và tôi thở phào khoan khoái.

Tôi thấy Lơgrăng cũng làm thế.

Thật là vừa may: chúng tôi đang sắp sửa tạm thời dàn hòa với nhau để một trong hai đứa chạy đi kiếm lấy một trăm xu.

Thậm chí tôi còn có đề nghị với Lơgrăng một cuộc đấu ghê gớm và ngay tức khắc. Hai đứa sẽ rút thăm xem đứa nào phải tới quầy và nói thẳng: “Tiền sô-cô-la để tôi chịu!”

Nhưng nếu tôi có đủ can đảm để đấu súng theo kiểu Mỹ thì nếu rút thăm trúng vào tôi, tôi sẽ không có đủ can đảm để tới quầy mà nói: “Tiền sô-cô-la để tôi chịu!”

Lên đường ra ga đi Xô!

Một nhân chứng biết ở mạn đó có một chỗ tốt.

Nhưng tới ga thì tàu đã chạy mất rồi.

“Hay ta đi xe ngựa?”

- Tùy ý!”.

Nhờ hiệu cầm đồ, chúng tôi đâm ra giàu!

Tôi bảo xe ngựa dừng lại ở hiệu thuốc đầu tiên, và tôi mua một điều xì gà gộc, rất gộc.

Qua cửa xe ngựa, người ta mời tôi mua hoa.

Tôi chỉ mua bó hoa một xu thôi. Hồi bé, tôi chỉ ngắt trộm một ít hoa cẩm chướng hay hoa tim trong vườn người ta: về sau, tôi không thể xén tiền bánh mì của tôi để làm giàu các cô hàng hoa, và tôi vẫn còn yêu thích những bó hoa kín đáo người ta ôm sát ngực hoặc trong tay; tôi nắm những bông hoa trong những ngón tay ấm áp, và cả một thế giới hình ảnh tươi mát nhảy múa trong đầu tôi, như những chiếc lá xanh gió vừa dứt khỏi cành.

Các bạn không nói gì cả. Càng tiến lên vẻ buồn bã của địa phương, cảnh hoang vắng của đồng ruộng, cái im lặng rầu rĩ, và có lẽ cả mối linh cảm về một tai họa sắp tới, càng làm cho lời nói nghẹn lại trong cổ họng mọi người; và tôi nhớ lại, tưởng chừng như vẫn còn đang sống trong cảnh đó, có một người trong số họ đã làm tôi phát sợ vì bộ mặt tái mét và con mắt chìm đắm!

Chà! Trận đấu súng này phải dọn đường cho cuộc đời tôi, nếu tôi không bỏ xác lại ở đây. Cho nên, khi tới đó, tôi phải tổ chức cuộc đấu sao cho xứng đáng với tôi, xứng đáng với tư tưởng và ngọn cờ của tôi.

Tôi là một kẻ nổi loạn... Đời tôi sẽ là một cuộc đời chiến đấu. Tôi đã muốn thế. Lần đầu tiên, nguy hiểm hiện ra trước mặt, tôi muốn nhìn xem mặt mũi nó thế nào khi ta chọc nó, mà mặt mũi tôi thế nào khi đối diện với nó.

Chúng tôi đã tới Rôbanhông, tôi không biết sau bao nhiêu mơ mộng triền miên và bao nhiêu đường đất.

Chúng tôi thấy một cái cây như nở đầy hoa với các cô gái tóc trần huyết sáo như đàn chim sáo hoặc đang gù gù như đàn chim cu.

Đó là ngày hội!

Những chiếc đu bay vút lên không, với những cô gái bị ngợp và cổ kẹp váy vào chân mà vẫn hờ dể người ta trông thấy...

Tôi nhớ lại những ngày hội chùa ở quê tôi với những cô thôn nữ xinh đẹp ngực tròn mà đầu có tò mò học sinh của tôi đã lượn lờ xung quanh. Xác thịt tôi bấy giờ đã bùng dậy, khê thì thầm; hôm nay, khi đang chờ đợi vết thương, nó cũng lên tiếng.

“Cậu nghĩ gì vậy? Côlinê hỏi tôi.

- Không nghĩ gì cả, không!...”

Và chúng tôi đi qua đám hội chợ.

Trên một vũ đài các tay lực sĩ đang điều võ dương oai. Họ giang thẳng cánh gò chiếc cồng bằng đồng lõm đốm, căng ngực thét vào chiếc loa??? sủa và rống lên.

Xung quanh một bãi bắn, người ta đang đặt súng lên vai. Những tiếng nổ đó xé tan một cơn mơ màng đang nhen trong đầu óc sáng sủa của tôi, và đưa đám nhân chứng về với nhiệm vụ.

Trong một góc xa tiếng ồn ào, trước một chiếc bàn có cành lá vây kín mít, mọi người thảo luận về những ước lệ cuối cùng.

“Anh có bao nhiêu thuốc? Bao nhiêu đạn?

- Sáu viên.

- Tôi rất vụng nên số đạn đó có thể là ít quá. Nếu chúng tôi bắn mấy phát đầu tiên không trúng hoặc không đưa nào bị què cụt đến nỗi không bắn được nữa thì chúng tôi sẽ tiến lại gần nhau cách năm bước.

Tôi là người bị xúc phạm, tôi có quyền đòi rửa nhục theo ý riêng của tôi, thế nào cho tôi được thỏa mãn hoặc thích thú.

- Nếu vậy, các nhân chứng đồng thanh nói, chúng tôi sẽ là những kẻ chứng kiến và đồng lõa với một vụ giết người!”

Một vụ giết người trong đó hai bên đều bị nguy hiểm ngang nhau. Đây là chuyện may rủi của chiến tranh.

Tôi đã phải nói đến những câu như thế với họ!

Họ bắt đầu sợ khi thấy gần tới giờ rồi và lưỡng lự trước những hậu quả việc quyết định của tôi.

Tôi hoàn toàn bình tĩnh và cái mà họ gọi là sự nhần tâm của tôi chỉ là cử chỉ và tiếng kêu của một ý chí không chịu lùi bước.

Chúng tôi lên đường.

“Mặt cậu tái đi! Côlinê bảo tôi.

- Mình chắc thế! – ngày mồng 2 tháng chạp mình cũng tái mặt đi.”

Tôi đã có một lúc yếu đuối.

Một mù nghèo khổ đi qua: phải lúc khác, tôi sẽ chỉ cho mù hai xu. Lúc này tôi cho mù hai mươi xu, để mù chúc tôi: “Ông sẽ gặp điều may mắn”.

Tại Rôbanxông khuất sau cây cối, các quán hội chợ vẫn có tiếng ồn ào, nhưng vì cách xa nên nó như bị xé ra và chỉ vọng đến chỗ chúng tôi từng mẫu nhạc man rợ.

Chúng tôi im lặng bước đi, Lơgrăng đi với các bạn anh và tôi đi với các bạn tôi.

Côlinê thỉnh thoảng lại mở túi thuốc ra với bàn tay bút rút như để xem có quên gì không, xem có đủ mọi thứ cần thiết cho lát nữa không...

“Cậu nhớ cầm súng che đầu cho cẩn thận... như thế này này, cầm nghiêng, thành lưỡi dao! Một nhân chứng nhắc lại với tôi.

- Cậu cứ để Lơgrăng bắn trước” một anh khác khuyên tôi.

Tôi hầu như không để tai nghe và tôi phác ra những cử chỉ khinh thị in bóng lên con đường ngập ánh nắng. Bóng tôi in rõ nét như người bằng tôn trên bức tường trắng ở chỗ bắn hôm qua; suýt nữa thì tôi tìm kiếm những vết trắng trên quần áo tôi, những vết đạn trên người thẳng bù nhìn...

Tôi chưa bao giờ là tôi cả dưới vòm trời này. Lúc nào tôi cũng bị ngạt thở trong những bộ quần áo quá chật và may cho người khác, hoặc trong những tập quán làm tôi bất bình, hoặc đè nén tôi. Vào hồi Đảo chính, tôi đã nuốt nhiều bùn hơn là nhai thuốc súng. Ở trường học, ở Khu phố La-tinh,

trong các quán sữa, tiệm rượu hoặc nhà trọ, ở đâu đâu, tôi cũng bị tất cả mọi người chống lại tôi; thế nhưng tôi đã cố ghìm cử chỉ, chặn tiếng nói hèn giận...

Nhưng lúc này chỉ còn có hai chúng tôi thôi!... Có thêm ít người nữa. Viên đạn của tôi, nếu trúng, sẽ nẩy bật sang cả cái giống người đã, công nhiên hoặc giả mạo, giúp tay cho việc giết người lạng lẽ, cho cái máy chém không dính máu, bằng cách đẩy những kẻ phiến loạn và những kẻ sống ngoài vòng vào cảnh bần cùng và thất nghiệp...

Dù đổi lấy một tài sản, tôi cũng không bỏ cơ hội này, nó có thể gây cho tôi trong chớp mắt, với hai đồng kẽm can đảm, một danh tiếng, nó là vinh quang đầu tiên của tôi – cái này thì tôi cóc cần! – nhưng điều cốt yếu, nó là công cụ cứng rắn và uy hiếp đầu tiên mà tôi có thể tạo ra từ chiếc bàn thợ của kẻ nổi loạn.

Đứng vào chỗ - bắn!

Tôi không thét những lời nào vào tai ai cả, nhưng tôi lăm bắm một mình như một kết luận: đây là tổng số con tính của tôi.

Chúng tôi đi qua trước một cái trại. Các nhân chứng hỏi xem có gì uống không. Tôi uống một cốc nước lã. Lợgrăng cũng vậy; phải thật tỉnh táo để bắn nhau. Cả hai chúng tôi đều cùng một ý nghĩ; cũng như tôi, anh cảm thấy giờ phút này rất cần thiết cho chúng tôi, và anh cũng cảm thấy rằng một làn máu, dù từ đâu vọt ra đi nữa, sẽ rửa bùn nhơ và nỗi buồn của tôi thanh niên chúng tôi.

“Thưa các vị, một nhân chứng nói, giọng hơi run run, tôi vừa đi xem trước, và theo tôi đã tìm được một chỗ.”

Người ta chỉ nghe thấy tiếng cành cây khô gãy dưới gót giày, những tiếng ho cụt lùn phát ra từ những bộ ngực nghen ngào; người ta nghe thấy tiếng một con thằn lằn chạy, một con chim cất cánh... một tiếng trống của đám xiếc ở xa xa.

Bây giờ thì người ta nghe thấy cái khác. Đây là tiếng nạp đạn vào súng lục, rồi một tiếng hô: “Tiến lên!”

Hai tiếng nổ vang khắp vùng quê. Cả hai chúng tôi vẫn đứng nguyên. Tôi đã bước lên không biết mấy bước, nhả đạn. Trượt. Lơgrăng, rất bình tĩnh, nhắm tôi rất lâu. Viên đạn của anh sượt qua tai tôi cách nửa phân, làm cháy xoăn cả tóc tôi. Đáng lẽ tôi phải cắt tóc đi. Tóc tôi bù xù, dễ nhắm bắn.

“Các anh có thể dừng lại được rồi! Côlinê nói. Cách nhau mười bước! Như thế là một vụ giết người! Chết cả hai thôi!

- Nạp đạn vào!”

Giọng nói hình như khẩn thiết, vì các nhân chứng đều rằm rắp nghe theo.

Lơgrăng và tôi, mỗi người đi dạo ở phía mình, im lặng, rất giản dị, tay chấp sau lưng, và có vẻ như suy nghĩ.

Một con chó không biết ở đâu đến, quần vào chân tôi, và nhìn tôi bằng con mắt hiền lành, cầu xin một chút vuốt ve. Nó làm tôi nhớ tới con Miêcza, con chó cái của nhà tôi hồi tôi còn bé, nó thường đến liếm tay tôi và có vẻ như chảy nước mắt khi tôi khóc và bị đánh đòn. Khi ấy tôi đành để kệ nó, tôi chỉ có thể kể lại niềm đau khổ của tôi với con vật tội nghiệp ấy...

Người ta có quyền làm tôi đau đớn, và nếu tôi phàn nàn, người ta bảo tôi là đứa con hư và một phần tử xấu. Cuối cùng tôi lại phải xin lỗi.

Hôm nay, có năm người ở đây, tình cờ vì một cuộc xung đột, phó thác cho lòng can đảm của tôi, kẻ gây chuyện, nhân chứng và thầy thuốc!

Tự nhiên một nụ cười và cả một mẫu bài hát đến trên môi tôi. Tôi khẽ hát mặc dầu không muốn, như người ta xoa tay khi vui vẻ.

“Cậu im đi!” Côlinê nói khẽ.

Côlinê nói đúng. Tôi làm giảm cái tàn bạo hay ho của trận quyết đấu.

Các nhân chứng gọi chúng tôi.

“Đứng vào chỗ!”

Chúng tôi phải tiến lên một bước để chỉ rõ chúng tôi đã sẵn sàng. Bước xong, chúng tôi có quyền đứng im hoặc bước đi và chờ đợi.

Tôi muốn bắn trúng Lơgrăng. Cuối cùng anh đã làm tôi phát cáu vì đã từ chối không xin lỗi. Thật tình, dù bị bắn ngã, tôi cũng cóc cần.

Lần này lại vẫn tôi bắn trước.

Lơgrăng vẫn đứng, tiến lên, tiến nữa.

Lâu quá. Anh bắn. Tôi ngờ mình bị thương.

Viên đạn để lại một vết trắng – như những viên đạn hôm qua anh bắn vào thẳng người bằng tôn.

Viên đạn đã hút mất mặt dạ bóng và làm sờn ống tay áo tôi.

Lại một cuộc vận động của các bạn để ngừng cuộc đấu.

Không!

Tôi thấy Lơgrăng bắn quá giỏi, còn tôi thì quá tồi. Tôi thấy sau khi đã mất nhiều thì giờ ở ngoài đồng, mà bỏ đi không có kết quả gì, thì thật nực cười. Tôi thấy là mục đích không đạt, cơ hội bỏ lỡ, và có lẽ không bao giờ nó trở lại đẹp dễ như thế nữa.

Còn một ý nghĩ khác dày vò đầu óc tôi. Lại vẫn ý nghĩ về cảnh nghèo khổ.

VẪN CÁI BÓNG MA ẤY!

Bởi lẽ tôi đã làm bao nhiêu rồi, bởi lẽ đã có hai hồi kịch diễn rồi, thì ta hãy diễn nốt hồi thứ ba, và diễn nó như một anh nhà nghèo có thể hiến máu mình, chứ tiền thì không; chẳng thà nhận một viên đạn hôm nay còn hơn là nhận những điều sỉ nhục trong tương lai mà anh ta có lẽ không có đồng xu nào để trả thù.

Các nhân chứng cố nài để dừng lại ở đây.

“Được, nếu người ta bằng lòng xin lỗi tôi ở đây, tại chỗ, - và đầy đủ.”

Giọng tôi gay gắt và tôi làm ra vẻ như ban ơn.

Lơgrăng cũng đáp bằng giọng đó và ra hiệu như muốn nói: “Ta hãy tiếp tục!”

“Trời xanh, mặt trời rực rỡ! Ôi! Thật quả là tôi đã có một phút đẹp đẽ trước khi chết! Tôi uống bằng lỗ mũi và bằng mắt tất cả mọi cái ở trong thiên nhiên này! Uống đầy tràn người! Tôi tưởng như mình cọ nó vào da thịt. Nào! Mau lên, và nếu cần phải lìa bỏ cuộc đời, thì tôi hãy lìa nó, tắm mình trong hương thơm và trong ánh sáng này!

“Thưa các ngài, lúc nào thì tùy ý các ngài! – một nhân chứng nói, giọng hầu như lạc đi.

Lần này, cách nhau năm bước.

Tôi xông vào Lơgrăng.

Tôi bóp cò. Lơgrăng đứng trơ trơ: hình như anh cười.

Tôi lại đứng vào vị trí, vũ khí ngang tai!

Viên đạn sẽ trúng tôi vào đâu đây? Cảm giá đau đớn xâm chiếm lấy người tôi: nó chạy khắp người tôi, có những chỗ tôi cảm thấy nóng hơn. Chính ở một chỗ đó sẽ có một lỗ chọc ngón tay vào được, và từ đó cuộc sống của tôi sẽ phối mất.

Nhưng Lơgrăng đã lão đảo, nụ cười mà tôi ngỡ là vì vui mừng thoát chết và nắm mạng tôi trong tay, vẫn nở trên môi anh.

Nụ cười đó là một nét nhăn nhó vì đau đớn.

Tôi nhìn thấy máu vọt ra mạnh!

Anh vẫn lão đảo, cố nhấc cánh tay lên nhưng nó lại thông xuống.

“Tôi bị thương.”

Mọi người chạy xô đến: viên đạn đã gây nên ba lỗ thủng, nó xuyên qua cánh tay và lọt vào nằm trong ngực.

Côlinê chạy tới, cắt áo và sau vài phút xem xét, nói nhỏ với chúng tôi:

“Vết thương nặng đấy, không khéo chết mất.”

Tôi không tin; - cũng như không tin rằng tôi có thể chết vì một ít chì lọt vào trong xương. Chúng tôi đang sung sức. Không thể trong một giây đồng hồ mà bị tiêu hủy như vậy được, vả chăng Lơgrăng vẫn còn sắc mặt, mắt vẫn sáng.

Anh giơ tay ra cho tôi nắm lấy.

“Mình không giận gì cậu; nhưng trong một cuộc đấu súng giữa chúng mình, thì phải đi tới đó.”

Tôi đáp “ừ” bằng một cử chỉ và một cái chào.

“Bỏ giày ra cho tôi; hình như tôi sẽ đỡ đau hơn.”

Côlinê cầm con dao con để cắt da giày.

“Không, không, Lơgrăng nói... Tôi chỉ có mỗi đôi giày này thôi.”

Anh cũng thế, anh cũng thế! Anh cũng như tôi có mỗi bận tâm của những kẻ không xu. Trong lúc người ta nạp đạn; trong lúc các nhân chứng tìm lời nói để chúng tôi đồng ý đứng xa cái chết ra hơn; trong lúc chúng tôi tiến lên để bắn nhau trên bãi cỏ đầy hoa này, trong suốt cái ngày hung hăng man rợ này, bóng ma của bạn cùng vẫn hiện lên trước mắt anh cũng như trước mắt tôi! BÓNG MA, vẫn cái BÓNG MA ấy!

Xương bị gãy vụn trong cánh tay và bông băng thấm máu. Một vài giọt máu đọng như những hạt ngọc đỏ trên cỏ! Con chó con tới đánh hơi và liếm.

Côlinê bảo đi gọi bác sĩ.

Một nhân chứng đi với tôi để tìm bác sĩ.

Uống công trong vùng nông thôn nóng bức và hoang vắng này!

Chúng tôi quay về chỗ Lơgrăng, anh được đặt lưng tựa vào một gốc cây, cánh tay buông thõng.

“Cánh tay sao mà nặng thế!” anh nói về mặt đau đớn.

Làm gì với thân to lớn bị hủy hoại kia?

Những nhân chứng chọn địa điểm đã chọn một chỗ cách xa nhà cửa, và ở tí chân trời cũng không nhìn thấy một cái trại nào. Chỉ trông thấy con đường cái trắng toát và những thảm cỏ xanh.

Tại hại hơn nữa là khi vào đây chúng tôi đã không để ý thấy mình đã phải vượt qua những hố và hàng rào, bị sây sát vì các hàng rào, phải xô đẩy những vật chướng ngại. Nhưng lúc này, chúng tôi thấy rằng muốn đi ra thì phải bẻ cành cây, nhẩy qua một con suối, vượt qua một bụi rậm...

Dù sao cũng đã xoay sở được. Chúng tôi đã tìm được một chỗ để luồn đuôi xe bò kéo tay vào, và đặt Lơgrăng lên xe; rồi, dồn anh như một cái bị, để anh dựa lưng vào một góc xe.

Chúng tôi lên đường.

Đã tới gần Rôbanxông. Một toán con trai vui nhộn và con gái xinh đẹp giễu đám rước của chúng tôi, theo cách họ nói, đoàn chúng tôi cảm lạnh và buồn bã. Một chiếc xe chở khách chạm bánh xe bò và bác đánh xe giơ roi lên làm vẻ chộc tức Lơgrăng mà bác ngỡ là anh chàng say rượu.

“Kìa máu nhỏ ra ở kẽ kia”. Thành linh một cô sinh viên vừa kêu lên vừa lấy đầu chiếc dù chỉ vào chỗ đó.

Cuối cùng người ta đoán được chuyện xảy ra, và những người khách đi dạo, cả trai lẫn gái, xì xào bàn tán. Một số hỏi xem ai đã bắn vào người bị thương.

“Trông mặt mũi anh ta cũng không dữ, những người này nói.

- Hừm!” Những người khác thốt lên.

Ở Rôbanxông cũng không có thầy thuốc, điều đó làm thất vọng lão chủ cái quán nơi xe bò vào đỗ, lão chỉ muốn tống cái bọc đẫm máu kia đi.

Người ta sẽ tống nó đi.

Lơgrăng nói:

“Tôi không muốn chết ở đây. Hãy đưa tôi về Pa-ri”

Côlinê từ chối, Lơgrăng nài:

“Tô van cậu... tôi yêu cầu thế!”

Tìm đâu được một chiếc xe để đặt anh nằm.

“Hay lên chiếc xe chở khách kia?”

Chúng tôi mặc cả thuê chiếc xe chở khách, một chiếc xe to cửa kín chở khách Pa-ri đến xem hội và chờ đến tối đón họ về. Có những bông hoa rơi trên ghế dài. Có một lá cờ trên nóc xe và những quả bóng đỏ đeo ở đầu ngựa.

Lão chủ quán đưa cho một ổ rơm. Một người địa phương, nháy mắt nói ông biết thế nào là đấu súng, đem lại cho một chiếc nệm; một bà khóa với cái chất thơ của câu chuyện cho mượn một chiếc chăn trắng phủ kín cả người Lơgrăng.

Chúng tôi cảm ơn và lên đường.

Tôi ngồi bên cạnh những người khác, Lơgrăng cũng muốn thế, người ta bảo tôi, và tôi tự xét có bốn phận phải đi theo anh và ngồi trước mặt anh. Nếu anh bắn trúng tôi, tôi sẽ thấy đơn giản và tự nhiên là anh cũng sẽ làm như thế.

Tình cảm của tôi không phải trò đùa. Tôi tin rằng làm như thế sẽ không xứng đáng với sự thanh thản của người bị thương. Tôi ngồi im lặng và suy nghĩ! Một lần nữa tôi lại nghĩ về cái cảnh chung sống bất đắc dĩ trong cô đơn, bóng tối và phiền muộn.

Lúc này Lơgrăng đang đau đớn quằn quại.

Nhưng tôi đánh cuộc rằng nỗi đau đớn ấy, có lẽ là báo hiệu giờ chết, không làm anh sợ hãi bằng sự giày vò của cuộc sống chung xưa kia mà chúng tôi đã không có can đảm hoặc không có phương tiện để thoát ra.

Nếu Lơgrăng qua khỏi được, phát súng đó chọc thủng bức tường thành những kỷ niệm ác nghiệp, sẽ giải thoát tương lai chúng tôi. Có thể một chút không khí mát mẻ sẽ qua lỗ thủng đó mà đến với chúng tôi!

Anh đề nghị chờ anh tới nhà một người bạn.

Chiếc xe chở khách dừng lại trước cửa một ngôi nhà nhỏ ở phố Tây, trắng và sạch, đằng sau có một mảnh vườn con, ở đây là những người sống bình thản.

Lúc hai người bạn tôi dìu anh lên gác, thì chiếc chăn của bà chúa lâu dài ở Rôbanhông cho mượn đã như một chiếc áo choàng đỏ thắm.

Mất máu nhiều như thế mà chưa chết, thì chắc là không thể chết được.

Tôi đã bắt bàn tay trái của Lơgrăng, tôi chào mọi người rồi về.

Sở dĩ tôi nói kỹ về những cảm giác và những chi tiết đó là vì những cử chỉ và lời nói trong ngày hôm ấy đã được cảnh thôn quê sung sướng chứng kiến vì mặt trời trút ánh sáng và niềm vui lên những ngọn cây và lên trán chúng tôi; vì những giờ phút đầu tiên không cảm thấy sự túng bấn và nỗi sỉ nhục, niềm lo lắng về ngày mai.

Tôi hết sức lúng túng vì những lời khen của một vài người đã nói về thái độ bình tĩnh của tôi ở chỗ này, về thái độ bình tĩnh của tôi ở chỗ nọ... Nhưng ở đây tôi chẳng xứng đáng gì cho lắm! Họ không biết rằng quyết tâm của tôi kiên trì làm một kẻ bất phục tùng và kẻ sống ngoài vòng, không chịu nhượng bộ Đế chế, cũng không chịu nhượng bộ những truyền thống cộng hòa mà tôi coi là những hủ tục hoặc là mặt trái của tôn giáo, họ không biết rằng cuộc đời cô độc ấy đã đòi hỏi ở tôi biết bao cố gắng và can đảm, đã dút ra ở tôi biết bao tiếng thở dài hoặc gào thét thầm kín! Họ không biết điều đó!...

Chính là trong những năm miệt mài học tập không hy vọng và không chân trời tôi đã can đảm; gọi tôi là anh hùng vì chuyện đó, tôi sẽ không từ chối! Nhưng ngạc nhiên vì thấy tôi đã hiên ngang trong một ngày, ngạc nhiên về việc Lơgrăng với tôi đã ngẩng cao đầu trước nguy hiểm, như vậy là không biết rằng cần phải cúi đầu xuống đến thế nào để trèo lên cầu thang những nhà trọ bi thảm.

Sau trận đấu súng này thì cùng lắm là một chỗ nằm dưới ba tấc đất, đầu giữa những rễ hoa cỏ, rễ cây, thay cho giấc ngủ trong những chăn nệm nhơ nhớp của nhà trọ.

Nhưng tối sẽ còn đấu súng nữa, với các điều kiện y như thế, để có vẻ ngang tàng và hăm dọa đối với đám nhân chứng rất đỗi ngạc nhiên thấy những kẻ bị chà đạp vươn mình lên như thế! Niềm vui cao cả phải trả bằng ba phút đấu súng. Có là bao.

Bốn nhà giải phẫu, họp lại để hội chẩn, đã tuyên bố là phải cưa cánh tay; nếu không họ sẽ không chịu trách nhiệm gì cả. Lợgrăng nghe thấy, và ngoài ý muốn, con mắt anh như thét bảo tôi: “Chính mày làm tao chết!” Trong cơn sốt mê sảng của anh, tôi xuất hiện không phải như một đối thủ, mà như một kẻ sát nhân.

Tôi vừa đặt chân lần cuối cùng vào ngôi nhà ấy.

Người ta đã treo một sợi dây trên đỉnh giường ngủ; ở đầu sợi dây treo một cái túi đựng một cục nước đá đang chảy. Bên dưới là cánh tay bị giập đặt ruồi ra như một vật chết, và cục nước đá nhỏ những giọt lệ lạnh lùng trên vết đạn bắn thủng; lỗ thủng xanh biếc đó trông như con mắt đã nổ con người.

Thật là thâm hiểm. Giọt lệ nước đá đó đã rơi vào trái tim tôi, dập tắt tất cả niềm kiêu hãnh và tất cả ánh mặt trời ngày hôm ấy^[2*].

[1*] Dân hai miền này có tiếng là ương bướng.

[2*] Cuộc đấu súng này có thực trong năm 1856 nhưng không có ai chết; các chi tiết và trường hợp kể trong biên bản đều đúng như trong chương này. Và chẳng, hai người về sau, trong thực tế, đã lại làm lành với nhau.

XXXII

HẤP HỐI

Năm tháng theo nhau tàn lụi; tôi đã thấy những mùa hè và mùa đông trở lại với cái đơn điệu vô tình của thiên nhiên – Rạp Ôđêông giá lạnh vào tháng chạp, mát mẻ vào tháng tư; đây là tất cả những kỷ niệm chất đầy tim óc tôi tự đời thuở nào.

Phải chăng tôi chỉ ghi vào lịch sử cuộc đời tôi một tổng số nghìn ngày hay hai nghìn ngày không cảm xúc? Tôi cũng không biết nói thế nào nữa.

Thật là kinh khủng khi không thể hồi tưởng lại được một hình ảnh, một cảnh tượng, một khuôn mặt, dù không màu sắc hay đậm máu, để cắm mốc trên con đường đã đi qua, để nhớ lại những giờ phút vui mừng hay đau đớn!

Thế đấy, con đường mà tôi đã lê gót đi trải ra như một lối đi hiu quạnh và mất hút trong màu trắng của tuyết hoặc màu đen của cống rãnh, không còn lại lấy một búp cây hoặc một sợi rễ, để trí nhớ tôi có thể bám vào đấy và cứu lấy một biến cố khỏi sự chìm đắm! Tôi không có gì để nhớ và cũng chẳng có gì để quên, không có gì hết.

Thời gian đã bị gặm nhấm lặng lẽ làm sao! Năm tháng dường như ngắn ngủi vì chúng trống rỗng và hoang vắng, ngày thì, dài ơ là dài, vì mỗi ngày có câu chuyện đói khát của nó và hàng đống những điều sỉ nhục vụn vặt!

Tôi hầu như không còn biết đến ngày tháng! Trong ký ức, tôi chỉ thấy đọng lại vài ngày đầu năm không quà mở hàng, không có cam. Tôi có thể tay không đi chúc tết Rơnun, vợ anh và Matutxanh! Nhưng hai cảnh nghèo ôm hôn nhau, cái đó chẳng vui gì!

Tôi đã sống và đang sống như một con chó sói.

Vả chẳng cuộc đấu súng với Lợgrăng đã gây cho tôi cái tiếng là một thằng nguy hiểm, làm cho mọi người đều xa lánh tôi hoặc gần như thế. Họ vu oan đến cả lòng can đảm của tôi.

Tôi qua ngày tháng ở Thư viện; tôi thường đến đó, dạ dày cồn cào, vì số tiền mười bốn xu một ngày chẳng đi đến đâu, nhiều khi chỉ còn mười hai, thậm chí mười xu, vì tôi phải mượn ở lỗ hổng của dạ dày để bịt nhiều lỗ hổng khác.

Có thể một ngày kia, họ sẽ nghe thấy một người lăn khỏi ghế và ngã ngất trên sàn thư viện. Người ấy sẽ là tôi đang bị đói; hôm thứ hai vừa rồi đã suýt xảy ra chuyện đó thật. Nhưng tôi sẽ nói với những người vực tôi dậy: “Vì trời nóng” hoặc “Hôm qua tôi chè chén quá độ”. Tôi sẽ đổ tội cho thời tiết hoặc cho thói hư của tôi. Người ta sẽ không biết rằng đây là do cảnh bần cùng – nếu có ai đoán ra thì, tốt cuộc, cũng chẳng có gì phải xấu hổ: tôi đã ngã xuống mà không kêu cứu.

Mùa hè, trời nắng dữ làm tôi mệt. Nó làm tôi mệt, nó giết tôi! Tôi toát mồ hôi vì yếu và tư tưởng tiêu tan trong bộ óc mỗi mệt!

Mùa đông tôi khá hơn. Tôi chạy. Tuy nhiên, trời u ám, đá nứt khô, gió chướng, băng hiểm!... Chà! Những cái đó làm tôi tràn ngập u sầu những khi ra khỏi nhà, và tôi thấy cuộc sống thật là kinh khủng.

Buổi tối đi đâu?

May thay, vào lúc sáu giờ, một thư viện khác, thư viện Xanh-tơ Giơnvievr, mở cửa.

Phải đi sớm để chắc chắn có chỗ. Lò sưởi đã đốt: mọi người quây xung quanh, bàn tay áp lên mặt sứ lò sưởi. Tôi muối trò chuyện với những người sưởi bên cạnh tôi! Những kẻ tội nghiệp!

Trong lúc tôi nhỏ máu vì những nỗi đau khổ của họ hơn vì những nỗi đau khổ của tôi – vì ít ra tôi cũng đã nhai một mẩu bánh trước khi vào đây – trong lúc tôi mong đợi từ miệng họ đang ngáp đói thốt ra một tiếng kêu

giận dữ hoặc một tiếng rên đau đớn, thì họ lại kể cho tôi nghe những chuyện ba lơ, nói với tôi về lý tưởng về Chúa lòng lành...

Những Pruyđom^[1*], những kẻ khố rách đầu bạc ấy! Những Pruyđom tới đây để đọc những quyển sách hay những nhãi ranh sáu mươi tuổi chân kẻ miệng lỗ mà vẫn còn sắc mùi nhà trường; những kẻ ích kỷ bẩn thỉu vì hèn nhát nên không nghĩ tới những người không hèn và thoải mái trong cảnh bần cùng, đợi chết với hy vọng ở kiếp sau. Nếu có đánh nhau ở điện Păngtông, họ sẽ đứng về phe những kẻ đã làm cho họ đói, để chống lại những người muốn thủ tiêu nạn đói!

Trong cả đám ấy, không có lấy một đầu óc nổi loạn, không có lấy một vầng trán suy nghĩ, không có lấy một cử chỉ chống hủ lậu, không có lấy một tiếng thép chống thói cũ!

Một đôi khi tôi xuống dưới nhà, vào một phòng có mùi kho đồ thánh.

Không khí mát mẻ, im lặng!... những sách có minh họa để ở đây. Tôi đọc tờ Nghệ sĩ và lịch sử của phố cụt Doayenê, nơi Góchiê, Hutzay và Giêra đơ Necvan đã họp thi phái của họ.

Lúc đầu tôi đọc các truyện đó với một sự tò mò đầy khát vọng, rồi sau tôi rùng mình vì hoài nghi.

Họ kêu lên rằng tuổi thanh xuân của họ chói chang ánh mặt trời, - nhưng mặt trời nào? Do một cậu quen với viên thư ký của một người trong nhóm, tôi đã được biết một chuyện làm tôi run cả người.

Cái ông Gôchiê đấy, cái ông Giêrađơ Necvan ấy, họ đang phải lao vào cuộc săn bánh mì! Gôchiê thì lượm trong phòng khách của Matinđơ^[2*], Giêra kiếm cái bánh mì quăng trong các đồng rác. Người ta nói ông ta đã định tự vẫn vào một buổi tối không nhà cửa.

Vậy là họ nói dối khi họ ca hát niềm vui của cuộc đời lang thang, và của những đêm ngủ ngoài trời! Nhà văn, giáo sư, thi sĩ trào lộng, thi sĩ bi tráng, tất cả đều nói dối!

Chà! Tôi ghen ngào và đầy lòng ghê tởm!

Tôi đã bao lâu suy nghĩ, viết lách – vì niềm vui khắc khổ của người viết lách và suy nghĩ. Tôi đã can đảm kéo chiếc xe bò của mình; tôi không nghĩ đến chuyện phi nước đại, để vượt đường như nhiều thanh niên... tôi đề phòng sự thiếu kinh nghiệm và tính kiêu ngạo của tôi; tôi tự nhủ: “Đến tuổi ấy, mày đã phải có địa vị rồi”, thế mà địa vị của tôi chưa có.

Đã từ lâu, từ rất lâu, tôi ngã lòng!

Thế là hết: tôi tự hủy hoại tim gan mình trong cảnh cô đơn của gian buồng, trước những tác phẩm từ đầu óc tôi lặng lẽ nảy nở, mà không nghe thấy chúng sống hay chết.

Một người mẹ tốt cuộc sẽ nhổ vào con cái và vào bạn thân, nếu các con đều chết ngay từ lúc lọt lòng!

Tôi ăn vận tồi tàn quá không thể qua sông được - ở bên ấy tôi sẽ gặp những kẻ thành đạt họ có thể sẽ thương tôi nghèo khổ hoặc sẽ thết đãi tôi – Tôi không muốn ai thết đãi vì tôi không thể thết đãi lại được.

Và tôi đi vắn vơ trong vài ba phố của Khu phố La-tinh, vẫn những phố ấy, tìm chỗ râm mát!

Chà! Tôi cần không khí, không khí trong trẻo và một chút rượu vang nguyên chất!

Nếu tôi có tiền để may mặc và đi đường, tôi sẽ về quê, tới nhà ông bác mục sư, trên đỉnh Sôđâyron.

Ở đây có rượu vang, có gió lộng! Dọc đường tôi sẽ tạt về thăm mẹ tôi.

Tôi cũng sẽ tới thăm các cô em họ, các cô đã lồng bức vẽ một ngày hè màu vàng vào cái khung rỉ tuổi thơ ấu của tôi.

Dạo tôi về đây nhằm lấy cô gái khinh người nghèo kia, tôi đã định sẽ hít căng phồng những hương vị quê hương, uống đến say lịm ở những nguồn nước ngầm dưới cỏ, tôi đã định sẽ kiếm lá để nhai, ôm hôn những cây sồi, phơi xám da dưới ánh mặt trời!

Nhưng tôi đã bỏ đi mà chưa được nắm tay của Macgơrit, cô em họ xinh đẹp, chưa được đá vỡ một tảng đất bằng mũi giày Pari của tôi!

Và từ đó tôi sống trong những thư viện, những nhà trọ, những xó xỉnh bẩn thỉu.

Chưa bao giờ tôi có tiền để qua một ngày sung sướng ở nơi đồng ruộng, với tuổi trẻ của tôi ca hát trong đầu hoặc với tuổi trẻ của một cô gái nhảy tung tăng bên cánh tay tôi! Mà tôi chỉ có biết bao hương thơm trong kỷ niệm, và nghe máu chảy dạt dào trong huyết quản!

Tôi cần làm tươi thắm lại cuộc đời tôi.

Tôi phải có ba trăm phờrăng để về Puy!

“Tôi ứng trước cho anh, một chàng trai nói với tôi, nếu anh hứa, khi trở lại, sẽ làm hộ tôi bài dịch văn trong kỳ thi tú tài.”

Nhưng như thế là giả mạo! Tôi mà bị bắt là ngồi tù:

“Anh có bằng lòng hay không?”

- Tôi không nói không... anh để đến mai tôi sẽ trả lời.”

Cố nhiên là tôi sắp nhượng bộ, nhượng bộ vì khí trời thoáng đãng và rượu vang nguyên chất, vì cái hôn trên trán người mẹ, vì những cô em họ được hôn lút môi!

Tôi sẽ liêu với ba năm tù, để có được mười lăm ngày hạnh phúc, lang thang trong vườn cây và trong rừng!

Nhưng cái chết đã đến, nó chặn ngang con đường đi Clevô của tôi.

[1*] Nhân vật một vở kịch của Monniê, tượng trưng cho kẻ vô tài, tầm thường, trịnh trọng mà rỗng tuếch

[2*] *Matinđơ Bônapactơ*, tục gọi Công chúa *Matinđơ* có khiếu nghệ thuật, vẽ và khắc, tham dự nhiều triển lãm, và mở một phòng khách thỉnh văn chương, nơi nhiều nghệ sĩ và nhà văn lui tới

XXXIII

TÔI ĐẦU HÀNG

Một bức thư đang đợi tôi ở nhà trọ.

Đấy là thư của ông giáo sư già hồi trước đã báo cho tôi biết tin thầy mẹ tôi bỏ nhau.

Hôm nay tôi hay tin rằng cuộc bỏ nhau đó là vĩnh viễn!

Thầy tôi đã chết, - chết vì đau tim.

Thầy tôi chết trong tay một người phụ nữ xa lạ, người mà thầy tôi đã mang đi theo. Bức thư nói rằng bà ta đã ở bên cạnh thầy tôi cho tới phút cuối cùng; nhưng lúc sợ có tai họa xảy đến, cảm thấy hối hận hoặc vì sợ hãi xác chết, bà ta liền nhờ báo tin nguy cấp cho người mà bà đã cướp mất chỗ, vì tình. Mẹ tôi đã đến kịp để chôn cất con người mà mẹ tôi từ lâu đã khóc ngay khi còn sống.

Tôi cũng phải lên đường ngay lập tức, nội trong một tiếng nữa, nếu tôi muốn đến trước khi chôn cất thầy tôi.

Ở ga, lúc xuống tàu, tôi gặp một bà tuy không vận đồ tang nhưng có đeo băng tang. Mọi người chỉ chỏ bà ta. Tôi đã đoán được bà ấy là ai!

Chính tôi lại đi thương hại bà ta trong khi những người khác lên án bà. – Lên án bà ta ư? Tại sao? Xét cho cùng, có lẽ nhờ bà mà thầy tôi mới được hưởng những giờ phút hạnh phúc – bà ta hiểu thầy tôi. Nhưng giờ đây cuộc đời bà, của riêng bà, thế là hết!

Chuông rung... tàu chuyển bánh.

Bà ta đi đâu vậy?

Tôi đang ngồi trong ngôi nhà có tang, trên chiếc ghế kê cạnh giường đặt thi hài người chết.

Mẹ tôi ở buồng bên cạnh, người trắng bệch như sáp...

Tôi đóng cửa buồng, tôi muốn ngồi một mình.

Tôi không muốn có ai chứng kiến cơn mơ mà hoặc nước mắt của tôi ngoài người nằm dưới tấm khăn liệm trắng kia.

Đây là lần đầu tiên hai bố con tôi ngồi bên cạnh nhau, bình tĩnh, hay trong một bầu im lặng, không giận dữ. Hai bố con tôi từ lâu đã trở thành hai kẻ thù. Chúng tôi đã làm lành với nhau, cuộc hòa giải mất một buổi tối: cuộc xung đột đã kéo dài mười năm – sở dĩ như vậy là vì chúng tôi đã rời bỏ đất, mảnh đất cày bừa tốt đẹp nơi chúng tôi đã ra đời!

Trong cái yên tĩnh của đêm nay, qua cửa sổ hé mở, tôi trông thấy ở đằng kia những gốc cây già, một đồng cỏ khô; vầng trăng rải bạc trên đồng cỏ. Chà! Tôi sinh ra để lớn lên giữa những đồng cỏ khô kia, những cây kia! Đáng lẽ tôi đã là một nông dân đẹp đẽ! Ba người trong gia đình tôi đã yêu mến nhau: bố, mẹ và đứa con trai!

Đúng là dòng máu nông thôn chảy dưới da thịt tôi, nó thêm khát không khí thoáng đãng và hương vị thiên nhiên. Thế nhưng chính thầy mẹ tôi đã muốn tôi trở nên một ông và một thằng tù.

Thế đấy! Tôi nhớ lại là năm mười hai tuổi tôi đã muốn tự vẫn vì nhà trường, đối với tôi, buồn quá và độc ác quá. Phải, thầy ôi, thầy năm kia với vầng trán nhợt nhạt và giá lạnh như cẩm thạch, thầy hãy biết rằng khi là học trò, con đã khổ đến nỗi muốn trở thành pho tượng giá lạnh và cứng đờ như thầy hôm nay!

Thầy không ngờ tới nỗi khổ nhục của con!

Thầy tưởng rằng đấy chỉ là những trò nhăn nhó trẻ con, và thầy bắt con phải chịu đựng sự tàn bạo của thầy giáo, phải ở trong nhà ngục ấy – vì yêu con, vì lợi ích của con, bởi lẽ thầy cho rằng con trai thầy ở đấy ra sẽ trở thành một nhà bác học và một con người. Con chỉ trở thành bác học trong đau khổ, và nếu con trở thành một con người, thì chính là vì ngay từ hồi nhỏ con đã nổi loạn - chống lại cả thầy nữa.

Bố con tôi đã không được gặp lại nhau để siết chặt bàn tay và ôm hôn nhau.

Ít nhất thầy có nghĩ tới con không, khi thầy cảm thấy sức sống rời bỏ mình? Thầy có tìm hình ảnh con trong không gian không?

Người ta kể lại rằng trong cơn mê sáng, thầy đã hỏi xem Pari ở hướng nào, và thầy muốn người ta kê về phía đó, đầu thầy đã gục xuống và nhìn mãi về phía con.

Khuôn mặt này đầy đức hạnh và đau khổ.

Biết bao đau khổ giấu kín dưới cặp mắt đã vĩnh viễn nhắm lại kia, trong hõm khoe mắt không bao giờ còn khóc kia! Con cảm thấy ngón tay xía xói của bọn đao phủ vận áo giáo sư đang sỉ nhục và nạt nộ người ta. Giáo sư khốn khổ! Một viên hiệu trưởng hoặc một viên giám đốc trường nằm trong bàn tay học giả của hân miếng bánh mì, hầu như cả danh dự của gia đình.

Tôi hiểu rằng thầy tôi đã có những cơn giận dữ, rồi trút nó lên đầu tôi... Tôi phàn nàn là mình đã đau khổ! Không, chính thầy tôi mới là nạn nhân và là vật hy sinh!

Con người năm kia, năm nay vừa bốn mươi tám tuổi! Ông không bị một phát đạn vào sọ, không bị xe cam nhông chẹt phải. Vào năm bốn mươi tám tuổi, ông tắt thở, thật ra chẳng phải vì cái chết quật ngã, mà vì bị cuộc sống làm mòn mỏi. Ông chết vì trái tim bị nghiền nát giữa những trang sách giáo khoa; ông chết vì đã tin ở những cái ngu xuẩn của thế giới bên kia.

Nếu ông đã giữ mình làm một con người tự do, chắc ông vẫn còn đứng dưới ánh mặt trời, ông sẽ có vẻ người anh lớn của tôi! Hai bố con tôi sẽ có thể làm bạn với nhau lắm chứ!

Có tiếng gõ cửa: một người bước vào và nói với tôi.

“Ông đưa bà cụ đi chỗ khác, chúng tôi đem áo quan tới.”

Tôi trao người đàn bà tội nghiệp cho một bà lão hàng xóm, bà kiếm có đưa mẹ tôi đi.

“Con sẽ đến với mẹ”, tôi nói – và tôi ở lại chờ những người vận áo đen, họ uể oải bắt tay vào việc.

Vậy thế là hết! Thầy tôi sắp bị đóng đinh nhốt vào kia. Tấm ván kia là cánh cửa của nhà tù vĩnh viễn.

Thầy ơi, vĩnh biệt! Và trước khi chia ta, một lần nữa con xin thầy tha thứ cho con!

Đồng hồ điểm mười giờ! Thời gian trôi nhanh làm sao trong cuộc hội kiến tay đôi trịnh trọng ấy!

Tôi không nhận thấy đêm đã qua và mặt trời đã mọc. Tôi chỉ nhìn vào trong lòng tôi. Tôi không nghe cũng không nhìn thấy giờ phút hiện tại, vì tôi mê mải chiêm ngưỡng dĩ vãng và suy nghĩ về tương lai. Tôi tưởng như người chết cũng đang suy nghĩ, và bầu bạn với tôi trong cơn mơ màng khắc khổ ấy.

Chà! Không phải đau đớn mà là uất giận đến với tâm hồn tôi! Tôi tưởng như người ta đem đi một kẻ bị ám sát!

Tôi, tôi sợ bị chôn đi như vậy! Tôi muốn là đã chiến đấu, đã xứng đáng với những vết thương, đã thách thức nguy hiểm và bọn đồ tù phải rửa tay sau công việc, vì người tôi chỗ nào cũng chảy máu... Nếu cuộc đời của những người nhần nhục không dài hơn cuộc đời của những kẻ phiến loạn, thì chẳng thà làm một kẻ phiến loạn nhân danh một tư tưởng và một ngọn cờ!

- Thừa các ngài, khi nào các ngài muốn.

Nửa đêm

Thầy tôi được chôn cất ở giữa những đám cỏ... Chim chóc đã hót chào lúc thầy tôi đến; bên miệng huyết đầy những hoa... Gió êm dịu làm khô nước mắt trên mi mắt tôi, và đem lại cho tôi những hương vị mùa

xuân... Một cây phong ở cách năm mờ không xa, cũng như một cây ở trước căn nhà tồi tàn nơi thầy tôi ra đời.

Tôi muốn ngồi lại đây để mơ mộng, nhưng tôi phải đưa mẹ tôi về. Tôi lại xin mẹ tôi, như một đặc ân đau đớn, để tôi được ngồi một mình đối diện với bản thân mình trong căn buồng trống rỗng.

Trên giờ, tất cả kỷ niệm về thi hài người quá cố chỉ còn một nếp nhăn trên khăn giải giường và một vết lõm trên gối.

Tôi vùi đầu nóng bỏng vào vết lõm đó như vào một cái khuôn cho tư tưởng của tôi...

Bây giờ tôi thế nào?

Tình hình tôi ra sao?

Thế này – vì thầy tôi chết chưa già lắm, vì chúng đã giết thầy tôi còn trẻ quá, nên mẹ tôi không có tiền tử tuất mà chỉ có một khoản trợ cấp: bốn trăm phơrăng hàng năm, mà cũng có thể mất lúc nào đó; nhưng thêm vào đó số vốn của món tiền thực lợi bốn mươi phơrăng hàng tháng cho tôi, với khoảng mười lăm ngàn phơrăng giấu trong một xó, hình như thế, mẹ tôi sẽ có quần áo, một chỗ ở và bánh ăn.

Còn tôi, tôi sẽ không còn gì nữa.

Với bốn mươi phơrăng, tôi đã chỉ vừa đủ để khỏi chết đói.

Thế mà tôi đã xoay xở đủ mọi cách đấy!

Chà! Tôi không có gì để tự trách mình cả!

Như con lợn lòi bị dồn vào chỗ bùn lầy, tôi đã lấy mõm sục tất cả mọi chỗ, tôi đã va gậy nanh vào mọi tảng đá!

Tôi đã dạy BA BƠ BI BÔ BU ở nhà người này, tôi đã ăn mút nho ở nhà kẻ nọ. Tôi đã hỉ mũi, đã nhét sơ-mi vào quần cho trẻ con: khéo thượng hạng là tôi!

Tôi đã làm công cho nhà Bônacđen và nhà Maya.

Tôi đã làm thi sĩ trào phúng, làm vè và đấu sĩ võ đá. Tôi đã làm đủ mọi thứ có thể làm được khi người ta không có nghề nghiệp – và lại là người cộng hòa!

Tôi còn làm hơn thế nữa!

Tôi cảm thấy một niềm vui cay đắng khi nhớ lại chuyện cũ, khi nhào cái mớ bột đau khổ ngu xuẩn ấy, vào lúc tổng kết đau đớn này.

Tại góc một quán sữa, tôi đã làm quen với một nhân viên của Sở dọn nhà Bayi. Hai người đã ngồi ăn cạnh nhau; ông ta ăn những đĩa tám xu; tôi ăn nửa xuất.

Một hôm, tôi tới tìm ông.

“Tôi có thể làm phụ việc dọn nhà ở Sở của ông kiếm ba phơrăng không?”

- Anh ấy à?”

Con người tốt bụng đó hết sức xấu hổ hộ tôi và không muốn tin rằng tôi sẽ ghé vai khiêng những hàng nặng.

“Tôi sẽ ghé vai, và tôi còn khiêng được những thứ khá nặng, tôi tin như thế”

Thế là tôi đã làm phu dọn nhà! Người ta cho tôi mượn một chiếc bludơ, một mũ cát-két, và sai tôi tới Vilét.

Tôi mười lần suýt bị què – điều đó không sao; nhưng tôi suýt làm què đồ đạc.

“Mong rằng ngày mai sẽ khá hơn”, ông ta nói khi trả tiền tôi vào buổi tối.

Ngày hôm sau, tôi đến chỗ làm, người ê ẩm; dưới áo sơmi, vai tôi thâm tím, nhưng tôi nhìn thấy sau những vết tím ấy mấy đồng xu.

Cái số tôi là làm nghề này, tôi sẽ còn bị đứt tay, mà đứt vì một con dao bắn thiu!

Tại một nhà nợ, nơi bọn tôi làm việc, một lúc người ta ngỡ bị mất cắp một đồ nữ trang, và chính tôi, tên phu khuân vác tay không chai sọ, đã bị nghi ngờ và sắp bị khám xét.

May thay, người ta lại tìm thấy món nữ trang.

Nhưng tôi bỏ đi kinh hoàng.

Điều đó không đúng: một cậu tú không thể làm bất cứ việc gì để kiếm miếng ăn! Điều đó không đúng!

Nếu có kẻ nào tới nói như vậy trước mặt tôi, tôi sẽ đáp: MÀY NÓI DỐI! Và tôi sẽ đem những kỷ niệm của tôi ra đập vào mặt hắn. Hoặc tôi sẽ tát hắn thực sự, vì nếu một kẻ vừa thoát khỏi trường trung học nghe tiếng tát tai ấy, có lẽ hắn sẽ được cứu thoát cái ảo tưởng cho rằng với lòng can đảm người ta sẽ kiếm sống được. Ngay cả làm gã thợ nề tập sự cũng chẳng được!

Tôi đã định thử xem sao. Tôi tới Grevô, một buổi sáng, để xem liệu một anh chàng trí thức, có lòng dũng cảm, có thể rời khỏi tầng cao căn buồng của anh ta, đi với đám thợ nề xin việc làm được không.

Thôi đi! Người ta ngỡ tôi là một tên bịp bợm, muốn ẩn nấp dưới vôi vữa.

Người ta không kiếm sống được bằng cách bán thì giờ của mình, bán một tháng, một ngày hoặc một giờ, bằng cách ra bán cái mẹt nhọc của mình, vừa gò lưng, vừa nói: “Ít nhất hãy trả công cho cái cử chỉ súc vật của tôi, cái mồ hôi máu của tôi!”

Điều đó, tôi muốn viết nó bằng chữ lớn và thét to lên.

Gã khốn khổ kia, mà người ta gọi là cậu tú, mày đã nghe rõ chưa? Nếu cha mẹ mày không làm lụng hay ăn cắp đủ để có thể nuôi mày cho đến năm ba mươi tuổi như một con lợn vỗ béo, nếu mày không có đủ cám trong máng để ăn trong hai mươi năm, mày sẽ phải chịu một cuộc đời cùng khổ và nhục nhã!

Ít nhất trên con đường khổ ải của mày, dọc theo cống rãnh, mày có thể nói lại với những ai mà người ta muốn lôi cổ xuống đó sau mày!

Mày hãy giơ cái đầu bị tàn phá, phanh bộ ngực lép, phơi trái tim ruồng hoặc chảy máu của mày ra trước lớp trẻ qua đường!

Hãy làm cho chúng sợ hãi như Đấng tởm khi ở địa ngục về!

Hãy la bảo chúng phải tự vệ và phải lấy răng và móng bám chặt và kêu cứu, khi người bố ngu ngốc định kéo và đưa chúng tới chỗ người ta học những môn cổ điển.

Tôi, thật ra, tôi không phải là yếu đuối.

Anh có thể nói cho tôi biết ngày mai tôi sẽ ra sao không?

Đối với tôi cũng như đối với những người khác, đó sẽ là nhà thương, là Nhà xác, là Sarăngtông^[1*]... tôi không đến nỗi hèn nhát như một số người và tôi rất có thể phải vào tù.

Một buổi tối đau đớn và giận dữ nào đó, tôi là người có thể ở giữa phố chặn một tên lính hoặc một tên mật thám đánh cho nó đổ máu, để có thể ra giữa Tòa đại hình khắc nhố sự khinh bỉ của tôi vào mặt xã hội...

“Jac!”

Mẹ tôi gọi.

Mẹ tôi bảo tôi ngồi xuống bên cạnh.

“Con nghe đây: ở ngoài nghĩa địa, ông hiệu trưởng đã tới gần mẹ trong lúc con đang nhìn cây cối và bút hoa... con có nhớ không?... trông con như một thằng điên!”

Tôi có nhớ. Trong lúc đất đổ xuống quan tài, tôi nghĩ tới cuộc đời đồng áng... bị ruồng bỏ để đổi lấy nhà tù đại học!

Mẹ tôi nói với tôi những điều mẹ tôi muốn nói.

Tôi kêu lên một tiếng và có một cử chỉ xúc phạm và làm mẹ tôi đau đớn.

Mẹ tôi òa lên khóc. Tôi quỳ xuống chân mẹ tôi. Tôi kéo đầu mẹ tôi lại và uống những giọt nước mắt đổ trên đôi má trắng bệch của mẹ.

Mẹ tôi muốn nhận lỗi về phần mình.

“Lỗi tự mẹ, con ạ, lỗi tự mẹ... Nhưng, con thấy đấy, một đôi khi con đã gửi từ Pari về cho mẹ những lá thư làm mẹ đau lòng biết mấy! Khi con hỏi xin thầy con đặt một khoản mua chịu ở hiệu bánh mì, hoặc ứng trước cho con ít tiền để con chắc chắn có một chỗ ngủ đêm... Ông hiệu trưởng bảo rằng con chỉ cần ở lại đủ thời gian để thi đỗ cử nhân, rồi con sẽ học thi tiến sĩ, khi ấy con sẽ được tự do – và mẹ sẽ yên tâm là con sẽ không khổ nữa...”

Tôi để mẹ tôi nói.

Đêm đã khuya lắm khi tôi đưa mẹ tôi về buồng, ở đó tôi trông thấy ngọn đèn còn cháy trước những lá thư vàng khè mà mẹ tôi đọc lại.

Tôi, tôi đứng tựa cửa sổ, và tôi suy nghĩ, đầu quay về phía nghĩa trang.

2 giờ sáng

Tôi đã quyết định: TÔI ĐẦU HÀNG.

Có lẽ rồi tôi sẽ chẳng ra gì.

Tôi nhớ lại một buổi tối sau hồi tôi đã uống công thử làm việc tại các nhà tư sản. Một người láng giềng ở nhà trọ, một cựu sĩ quan bị thải hồi, đã để quên một khẩu súng lục ở buồng tôi. Nòng súng lấp lánh dưới ánh trăng, mặt tôi không sao rời được khỏi khẩu súng. Tôi nhìn thấy bóng ma của tự sát! Và tôi phải nắm chặt lấy cuộc sống bằng cả hai tay: nhảy tới khẩu súng, quay mặt đi mà vồ lấy nó, chạy vụt sang ông hàng xóm!

“Mở cửa! Mở cửa!”

Ông mở hé cửa, và tôi quăng khẩu súng trên tấm thảm trong buồng...

“Ông cất nó đi, kéo tôi tự sát mất...”

Tôi muốn sống, - Như gã mô phạm kia đã nói, có học vị tôi sẽ đạt: tú tài thì chết đói – tiến sĩ thì có thể có suất ăn ở cửa hàng xúp.

Tôi sẽ phản lại tất cả những lời tuyên thệ bất phục tùng của tôi! Mặc! Tôi cần cái công cụ làm ra miếng bánh.

Nhưng rồi mày sẽ phải trả nợ cho chúng tao, cái xã hội chó má! Mày đã làm những người có học và những người can đảm bị đói khi họ không muốn làm tôi tớ cho mày! Được! Không mất gì, mày cứ chờ đấy!

Tao sẽ rèn rũa công cụ, nhưng tao cũng sẽ mài sắc cái vũ khí một ngày kia sẽ làm cho mày đổ máu! Tao sẽ ăn ở gà-mèn của mày để lấy sức, tao sẽ tập luyện để giết mày – rồi tao sẽ xông thẳng vào mày như đã xông thẳng vào Lơgrăng, và tao sẽ làm cho mày què cẳng như anh ta!

Đàng sau tao, có lẽ sẽ có một lá cờ, với hàng vạn kẻ nổi loạn, và nếu ông thợ già còn sống, ông sẽ hài lòng! Tao sẽ trở thành cái mà ông đã mong ước: người chỉ huy những kẻ mặc áo rơđanhgốt xếp thành đội ngũ chiến đấu bên cạnh những kẻ mặc áo bludơ...

Dưới mái rạp Ôđêông

Những gã gót giày đen và những người cộng hòa xen lẫn với nhau.

Người ta chen nhau xung quanh một lão sống lang thang vừa nhận được một tin.

“Các bạn còn nhớ Vanhtrax không, cái thằng toàn nói chuyện nện giáo sư và muốn đốt trường học ấy?...”

- Có...

- Thế đấy! Nó đi làm giám thị rồi.

- Quân hèn mạt!

Hết

[1*] Nhà thương điên

Chú thích:

- [1] Ở đây có 1 trò chơi chữ không dịch nổi, trong tiếng Pháp *mở đá* và *sự nghiệp* cùng một từ; *carrière* (N.D.)
- [2] Cảnh đổ nát (của trần gian) đập vào mắt ông mà không làm ông cảm động, nói cách khác: những thảm họa ghê gớm nhất cũng không làm ông lay chuyển (thơ Horaxơ).
- [3] Việc giao thông vào hồi 1851 thường làm như thế.
- [4] Tên thật là *Sác-Luy Sat xanh*; sau này là một sử gia tiến bộ.
- [5] Tức hoàng hậu *Mari Ăngtoanet*, vợ vua Pháp Luy XVI bị Cách mạng Pháp xử tử năm 1793.
- [6] Năm 1825, vở kịch *Jôckô* hay là con khỉ Brêdin của Rôsofo và Gabrien được khán giả nhiệt liệt hoan nghênh đến mức khi ấy nảy ra các thứ áo, quạt mang tên *Jôckô*, màu *Jôckô* và cả bánh mì *Jôckô*.
- [7] Loại con buôn đều cáng, nhân vật chính trong vở hài kịch của Banzăc Meccadê.
- [8] Những nhân vật trong quyển *Cảnh đời lang thang* của Hăngri Muiênggiê.
- [9] *Ginbe*, thi sĩ trong cảnh cùng khổ, tác giả cuốn *Thơ trào phúng*. Maguy, thợ dệt, là một thi sĩ-thơ mà tiếng tăm vang dậy cả trong giới văn học: nữ sĩ Georgiơ Xăng rất chú ý tới ông.
- [10] Tên phản bội trong truyện cổ.
- [11] Nhà cách mạng Pháp (1758 – 1794) lãnh đạo thời kỳ Ủy ban cứu quốc và Quốc ước, rồi bị xử tử.
- [12] Tức là Jăng-Jắc Ruixô, (1712 -1778), nhà văn hào Pháp có tư tưởng tiến bộ, ảnh hưởng đến cuộc cách mạng Pháp 1780.
- [13] “Như một xác chết”, thành ngữ để chỉ mức độ phục tùng của tu sĩ dòng Jêđuyt đối với bề trên.
- [14] Ông thầy, nhà tiên tri (tiếng la-tinh).
- [15] Tùu thần.

[16] Sử gia Pháp (1798 – 1874), có tư tưởng tự do, tiến bộ.

[17] Nhà phê bình ghen tị với Hôme, nổi tiếng một cách khôi hài vì những lời phê bình bất công và cay độc.

[18] Camille Desmoulins (1760 – 1794), nhà Cách mạng Pháp, tham gia Đại hội Quốc ước, sau chết trên đoạn đầu đài.

[19] Chơi chữ: trempés vừa có nghĩa là được tôi luyện, quyết tâm, vừa có nghĩa là ướt sũng nước.

[20] Luật sư có nhiều hành động tiến bộ, luôn luôn bênh vực các báo chí đối lập. cãi cho đám bị cáo hồi tháng tư, có chân trong Chính phủ lâm thời năm 1848, v.v...

[21] Luật sư tiến bộ, can đảm chống lại chính phủ của Luy Bônapactơ, bị đi đày sau cuộc đảo chính 2-12-1851.

[22] *Baptiser*, là làm lễ rửa tội đặt tên ở nhà thờ công giáo (tác giả chơi chữ).

[23] Chỗ này bỏ một câu không thể dịch được sang tiếng Việt. Đại ý nói: Matutxanh khéo dùng chữ để đánh lạc hướng bọn mật thám.

[24] Một hộ dân quan thời cổ La-mã.

[25] Những hội kín cách mạng hồi 1830, 36, 48...

[26] *Lazarơ*: nhân vật trong kinh thánh, người được Jêxu làm sống lại.

[27] *Mara*: nhà cách mạng Pháp thời Cách mạng 1789.

[28] Chơi chữ không dịch được: *Au hasard de la fourchette* nói chệch đi thành *Au Lazare de la fourchette*

[29] *Beranger*: nhà sáng tác ca khúc tiến bộ Pháp (1780-1857).

[30] *Danton* (1759-1791); nhà hùng biện Pháp tài năng thời Cách mạng 1789.

[31] *Phrygi* một nước ở miền Cận đông. Mũ đỏ của người Phrygi được người Pháp đội dưới nền Cộng hòa đệ nhất như biểu tượng của tự do.

[32] Nhân vật trong vở *Người lái buôn thành Vơniđơ* của Sêchxpia, một lão cho vay nặng lãi, keo kiệt, tàn nhẫn.

[33] Hãy để họ yên nghỉ! (Tiếng La-tinh)

[34] Ủy ban Cứu quốc do Hội nghị Quốc ước thành lập năm 1793 để trấn áp bọn phản cách mạng và tổ chức chống ngoại xâm.

[35] Phái Montagne (Núi) gồm nhóm Nghị sĩ Quốc ước (1792-1795) ngồi ở ghế cao nhất và có tư tưởng cực tả.

[36] Đây nói cuộc Cách mạng tháng Hai 1848.

[37] Làng ở Guyan (Nam Mỹ), thuộc địa Pháp, nơi đi đày.

[38] Đây là Luy Napôlêông sau này làm cuộc đảo chính 2-12-1851 và xưng là Hoàng đế Napôlêông thứ III.

[39] Chính J. Valex đã bị như thế, Valex bị giam 60 ngày tại Nhà thương điên Thánh Jắc. Ở đây Valex, vì tiết tháo, đã nói trịch sang một người khác.

[40] *Burnouf* (1775-1844): nhà ngôn ngữ học và giáo sư, tác giả của hai cuốn *Phương pháp học tiếng hy-lạp* và *Phương pháp học tiếng la-tinh* rất được hoan nghênh.

[41] *Conciones latinae* (Những bài hịch la-tinh): cuốn sách nổi tiếng dùng cho các học sinh tu-từ-học, tuyển văn của những sử gia La-mã chủ yếu như: Titơ-Livơ, Xaluyxtơ, Taxitơ và Canhtrơ Quyêcxơ.

[42] Thủ tục xử tội sơ sài ở Mỹ; đám đông bắt kẻ có tội rồi xử luôn và hành hình ngay tại chỗ.

[43] Hoàng đế cuối cùng của dân Aztecơ đã anh dũng chống bọn xâm lược Tây-ban-nha, bị bắt năm 1522, bị tra tấn bằng lửa, rồi cuối cùng bị treo cổ. *Người Anhca hoặc cuộc Tàn phá đế quốc Pêru*, thơ bằng văn xuôi của Macmôngten, nói về việc Pizarơ xâm chiếm vương quốc Quyzô.

[44] Tên thực là Pupa-Đavin. Về sau viết kịch và làm chủ nhà in.

[45] Lớp học toán cao cấp để thi vào trường đại học lớn.

[46] Nguyên văn chữ *consolation* có thể hiểu theo hai nghĩa: niềm an ủi hay rượu mạnh.

[47] Luật ngày 20-6-1838 đã cho phép Luy Valex bắt giam con trai sau cuộc Đảo chính mùng 2 tháng Chạp.

[48] Một nhân vật chính trong tiểu thuyết *Vỡ mộng* và tiểu thuyết *Vinh và nhục của gái giang hồ* của Banzăc.

[49] Bức tượng bằng đá hoa đặt tại công viên Tuy-lơ-ri. Phi-lô-pô-men (253-183 trước công nguyên) là một anh hùng Hy Lạp chống lại sự xâm lăng của La Mã.

[50] Hăngri Đơ Macxay, một kẻ hãnh tiến điển hình, xuất hiện trong nhiều tiểu thuyết của Banzăc.

[51] Hội đồng bí mật gồm 10 người, công cụ của giới quý tộc kiểm soát nước Cộng hòa Vơ-ni-dơ thời xưa, từ thế kỷ 14 đến thế kỷ 18.

[52] Tờ báo bảo hoàng, phái chính thống.

[53] Một lâu đài thời cổ ở Pa-ri, nổi tiếng vì có nhiều chuyện ly kỳ bí mật xảy ra ở đó.

[54] Là thời mà Lơgrăng cùng Vanhtrax dự định viết kịch chung với nhau. Valex đã bỏ đi nhiều đoạn nói về chuyện ấy, tuy nhiên dưới đây, chương: Tôi sắp làm kịch cũng đã động tới vấn đề này.

[55] Lơgrăng “Ý hóa” tên của Vanhtrax, gọi lên tên Maxaniellô, người anh hùng nhân dân Ý đã làm cho Naplơ nổi dậy chống lại ách đô hộ Tây Ban Nha.

[56] Trích dẫn thơ của Bêrănggiê.

[57] Nguyên văn là đặt một cái “còi” con rối vào miệng. (Người biểu diễn con rối ngậm một dụng cụ bằng thiếc gọi là “còi” để bắt chước tiếng nói the thé).

[58] Dân xứ Xy-ba-rix (Ý) nổi tiếng vì lối sống mềm yếu và khoái lạc: theo truyền thuyết một người dân Xy-ba-rix đã than phiền suốt đêm không ngủ được, vì trên giường rắc hoa, có lẫn một cánh hoa bị gấp lại làm đôi, đâm cộm lưng khó ngủ!...

[59] Chơi chữ: labatière vừa có nghĩa là cửa kính nhỏ treo ở mái nhà, vừa có nghĩa là hộp đựng thuốc lá. Rôbe Make là nhân vật một vở kịch, một gã đầu trộm đuôi cướp, xảo quyệt, trắng trợn, liều lĩnh.

[60] Người chịu trách nhiệm trông nom một thanh niên ở xa gia đình.

[61] Nhiều người tin rằng những bướu ở sọ là dấu hiệu những khả năng mặt này mặt khác của người có bướu.

[62] Com-lê (Complet) là một bộ quần áo đủ cả quần, áo âu và gi-lê may cùng một thứ vải.

[63] Một liv-rơ bằng gần nửa ki-lô.

[64] Bị buộc tội đã giết chết người đánh xe thư ở Ly-ông và bị xử tử nhưng sau xét ra thì Lơ-xuy-êc-kơ vô tội (1763 – 1796).

[65] Tướng Pháp ủng hộ Napôlêông trong cuộc đảo chính 2 - 12 - 1851.

[66] Tiếng Pháp, có a, u, dài và ngắn; không dịch được vì tiếng Việt Nam không có - ND

[67] Cô thầy bói nổi danh (1772-1843). Đa số các nhân vật lớn của thời Đệ nhất Đế chế đã nhờ cô bói.

[68] *Icaro*: theo thần thoại Hy Lạp, người đã dùng lông chim gắn xi làm cánh để bay lên không, tới gần mặt trời, xi chảy, rơi xuống chết ở biển Egiê. *Maxaniêlô* (1920 - 1947), người đánh cá ở Naplô (Ý), cầm đầu cuộc khởi nghĩa chống lại ách đô hộ Tây Ban Nha thắng lợi, nhưng rồi bỗng phát điên, và bị giết chết. Ý tác giả muốn nói tham vọng của mình quá lớn, rồi sẽ thành nạn nhân của tham vọng ấy.

[69] Áo dài đến trên đầu gối.

[70] Chó làm xiếc trừ danh, biểu diễn ở Pari năm 1818 biết chơi domino, chơi bài, trả lời những câu hỏi đặt ra bằng nhiều thứ tiếng...

[71] Người giết vua Pháp Hăngri IV (1610) bị tội phanh thây ở Pari.

[72] Ngạn ngữ Pháp, ý nói bớt hung hăng, dịu đi.

[73] Toàn bộ những bài diễn văn của nhà hùng biện thời La Mã cổ Xixêrông chống lại chấp chính quan Verét.

[74] Ám chỉ đến chuyện vua Midax trong thần thoại Hy – Lạp: vua Midax, bị thần Apôlông trừng phạt, mắc hai tai lừa. Nhà vua giấu kín tật này. Người thợ cạo của nhà vua biết chuyện đó, không giữ nổi bí mật, phải đào một cái lỗ và khẽ nói vào cái lỗ rằng “Vua Midax có tai lừa” rồi lấp lỗ lại. Nhưng lập tức tại chỗ đó, lau sậy mọc lên, cứ mỗi lần gió thổi lại rì rào nhắc với người qua đường: “Vua Midax có tai lừa”.

[75] Một lãnh tụ trong Cách mạng Pháp 1789 nổi tiếng nghiêm khắc, cứng rắn.

[76] Thủ phủ của Guyan, thuộc địa Pháp ở Nam Mỹ, nơi đầy những tù chính trị, những kẻ phạm trọng tội.

[77] Tên thật là Duyrio (Duriot).

[78] Nhà văn, nhiếp ảnh, họa sĩ và nhà hàng không. Cộng tác với nhiều tờ báo. Năm 1863 ông cho làm một quả khí cầu lớn có lắp cánh quạt, đặt tên *Khống lỗ* và thực hiện nhiều cuộc bay trên cao.

[79] Nhà văn và nhà chính trị, hồi trẻ theo phái Xanh – Ximông, sau ngả theo Đế chế.

[80] Diễn viên và nhà điêu khắc.

[81] Kịch của Jôdep Busacdy.

[82] Paxcan: Valex đã sống ẩn danh dưới tên ây tại Luân - đôn.

[83] *Đuynăng Mutxơ* không phải là nhân vật hư cấu. Ông ta bán quần áo cũ, kiêm viết văn, làm báo (những tờ Pie rô, Loa, Bất lịch sự v.v...). Viết văn kém nhưng là nhân vật kỳ quặc, chuyên viết những quảng cáo ầm ĩ, bất ngờ, để câu khách.

[84] Thống chế Pháp (1579 – 1646).

[85] Chơi chữ không dịch được: tiếng Pháp, xácđin là cá chích, mà trong tiếng lóng của lính lại có nghĩa là lon cai.

[86] Tướng Pháp, chỉ huy quân đội Pháp thời ấy.

[87] Chơi chữ: *ton* là (giọng) và *thon* là (cá thu) trùng âm tông.

[87.2] Đền thờ thi thần Apôlông ở Cổ La-mã. Ý nói lên đài danh vọng

[88] *Jôdep Bulimiê*, thi sĩ và bác học, thường bị Valex chế giễu vì các trò lố bịch của ông ta.

[89] Theo kinh thánh, tên một tộc trủng Hêbrơ, lúc nhỏ bị anh em đem bán sang Ai-cập

[90] Đại tài phiệt, chủ những nhà băng lớn ở châu Âu.

[91] Năm 1857 Valex viết cho báo *Thời nay* dưới biệt hiệu *Max*.

[92] Bài báo viết về Guyxtavơ Plăngơ.

[93] Tướng Cavainhắc đã đàn áp cuộc cách mạng 1848.

[94] Tức Bôtxuê.

[95] Lia, luyt: những cây đàn cổ mà các thi sĩ hát rong xưa kia thường dùng để đệm khi hát, và được coi là biểu tượng của thơ ca.

[96] Thi sĩ trào phúng cổ Hy-lạp, người phát minh ra thể thơ trường đoản cách, là vũ khí ghê gớm của ông trong thơ trào lộng.

[97] Nhân vật ăn khỏ trong *Gacgăngchuya* của văn hào Pháp Rabôle.

[98] Điôgienơ: triết gia Hy-lạp cổ, đã có lần cầm đèn đi giữa ban ngày “để tìm một con người”.

[99] Về bà Brinhhôlanh cũ, xem tập: *Chú bé*, chương XVI.

[100] Đúng hơn, ngày 21 tháng 11 năm 1831.

[101] Giáo sư bút thiệp đã xuất bản cuốn: “25 bài tập viết”.

[102] Nhân vật trong tiểu thuyết *Nhà thờ Đức Mẹ Pari* của văn hào Pháp Victo Huygô.

[103] Tiếng la-tinh: Một công việc đáng buồn.

[104] Thành ngữ la-tinh, tỏ ý vui mừng: đánh dấu bằng một viên sỏi trắng (màu trắng đối với người La-tinh là màu hạnh phúc, màu đen là màu tai họa).

[105] Phái ủng bộ chi trưởng của dòng họ Buôcbông bị truất năm 1830 và bị chi họ Ooclăng thay thế làm vua ở Pháp.

[106] Chơi chữ: *Marcher* có nghĩa là công việc chạy, trôi chảy vừa có nghĩa là đi bộ.

[107] Một câu rửa thường thấy trong các hài kịch cổ, nói trịnh *Par le sang de Dieu* (máu chúa).

[108] Nhân vật vở *Nhà vua vui đùa*, của Victo Huygô, diễn lần đầu tiên vào năm 1832.!

[109] Chẳng hạn *aieux* (tổ tiên) viết theo lối chữ Pháp cổ là *aiealx*.

[110] Nhân vật trong *Nhà thờ Đức mẹ Pari* của Victo Huygô

[111] Bạn của Lơgrăng.

Mục lục

I LÊN ĐƯỜNG

II MATUTXANH

III KHÁCH SẠN LIXBON

IV TƯƠNG LAI

V CHIẾC ÁO XANH LÁ CÂY

VI CHÍNH TRỊ

VII CÁC TRƯỜNG HỌC

VIII TRẢ ĐŨA

IX GIA ĐÌNH RƠNUN

X NHỮNG MỐI CẢM GIẬN CỦA TÔI

XI ỦY BAN THANH NIÊN

XII MỒNG 2 THÁNG CHẠP

XIII SAU CUỘC THẤT BẠI

XIV THẤT VỌNG

XV LỜ GRĂNG

XVI PARI

XVII BẠN BÈ

XVIII BUỒNG TRỌ

XIX KÝ TÚC XÁ ẶNG-TÊ-TA

XX BA BƠ BI BÔ BU

XXI DẠY TƯ VỎ ĐÁ

XXII CHIẾC ĐANH GHIM

XXIII ĐỜI SỐNG PHONG LƯU

XXIV CHÚA JÊXU CẦM XÚC-XÍCH

XXV MAZAX

XXVI LÀM BÁO

XXVII ĂN CHỪC

XXVIII LẤY VỢ

XXIX THỪA ÔNG, ÔNG BÔNGÁCĐEN

XXX DỪOI MÁI RÁP ÔĐÊÔNG

XXXI ĐẤU SÚNG

XXXII HẤP HỐI

XXXIII TÔI ĐẦU HÀNG

Chú thích